



VIỆT NAM
Thi nhân
tiên chiến

Quyển Thượng

**NGUYỄN TẤN LONG
NGUYỄN HỮU TRỌNG**

•

VIỆT - NAM

THI-NHÂN TIỀN-CHIẾN

Quyển Thượng

Thi nhân là kẻ
hòa lòng mình vào
cảnh vật. Tiếng nói
của họ là tiếng nói
của sinh hoạt thiên
nhiên. Đọc lại thơ
của họ là đọc lại
hình ảnh của tâm
linh và nghệ thuật.

quá trình sự trưởng thành của nền thơ mới

TRÊN lịch sử văn học Việt-nam, phải nói năm 1932 đã xảy ra một sự kiện quan trọng. Có thể coi đó là một biến cố lịch sử, làm đảo lộn cả khuynh hướng tư tưởng, thành hình một hướng đi mới, và mọi ý thức mới về văn nghệ.

Nếu bảo thế hệ văn học 1932 là thời kỳ thoát thai, thì chính sự thụ thai của nó là thời kỳ 1922-1926. Vào lúc đó, chúng ta thấy những thất bại quân sự làm tắt lịm mọi niềm tin, gieo mầm chán nản vào lớp sĩ phu khiến họ không còn nghĩ đến chiến đấu. Những bậc túc nho đi tìm quên lãng trong việc khảo cứu, dịch sách, viết báo ; lớp người trẻ thì say sưa đi tìm những cảm giác thể lương, ốm yếu đề rồi tự hủy mình trong tuyệt vọng trước một viễn ảnh tương lai đen tối.

Tình trạng bi quan quá độ đó đã tạo một phản ứng nổi dậy từ cuộc sống bế tắc. Vào đêm mùng 9 tháng 2 năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Việt-nam Quốc-dân Đảng, cách mạng bùng nổ ở Yên-bái, báo hiệu sự vùng dậy của toàn dân Việt-nam chống thực dân Pháp.

Tuy thiếu tổ chức, đảng cách mạng thất bại, song cũng gây được ảnh hưởng lớn lao về tinh thần tự cường dân tộc. Cũng trong năm 1930, nhiều đảng phái mới ra đời chứng tỏ một thực trạng bị dồn nén đã đến lúc nổ tung.

Nhận thấy tinh thần quật khởi đang bùng bật khó lòng dập tắt, nên người Pháp bắt đầu năm 1930 tỏ ra sợ hãi người Việt-nam, tung ra nhiều hứa hẹn. Đặc biệt vào năm 1932, họ lợi dụng cơ hội vua Bảo-Đại hồi hương gây thành một phong trào cời mờ giả tạo, cốt làm cho các phần tử có tinh thần quốc gia tin vào vai trò khai hóa của người Pháp sẽ đưa Việt-nam đến một tương lai rực rỡ.

Thật vậy, không những người Pháp tỏ ra hoan hỉ, không những người dân đơn sơ tỏ ra vui mừng vì có được một vị vua đầu tiên văn minh tân tiến, mà cả dư luận báo chí toàn quốc đều hưởng ứng. Các nhật báo, tuần báo, nguyệt báo đều có những bài xã thuyết bàn về việc Bảo-Đại hồi loan coi như một biến cố chính trị quan trọng, hứa hẹn nhiều với quốc dân.

Chủ trương của vua Bảo-Đại cũng như người Pháp lúc ấy là hô hào canh tân, xây dựng một nước Việt - nam mới. Trong bài chỉ dụ canh tân nội các, cũng như bài diễn văn đọc tại điện Cấn-chính, vua Bảo-Đại nhấn mạnh đến tính cách đổi mới chế độ:

« Chỉ tôi muốn từ bỏ những cách chính trị quá cũ, không thích hợp với thời đại này. Tôi muốn nước Việt-nam tiến bộ theo thời, không kém các nước khác trong thiên hạ nữa. Làm thế không phải là bạo dưng bách biến, mà là tuân tự canh tân. Nước không đổi mới là nước hỏng. Tôi muốn nước này được hoạt động nên đem hết quyền lực giúp cho tiến hóa, văn minh. »

Tách rời vấn đề chính trị và xã hội, văn học Việt-nam lúc bấy giờ là thế hệ lãnh đạo của Nam-phong tạp chí. Nhiều người nói:

« Muốn hiểu xã hội Việt-nam chỉ cần nhìn vào triều đình Huế. Muốn hiểu văn học Việt-nam thời ấy, chỉ cần nhìn vào tạp chí Nam phong. Nam phong là linh hồn văn học thế hệ 1913-1932. »

Câu nói trên tưởng không phải quá đáng. Bởi vì từ năm 1932 trở về trước, các nhà văn chúng ta chưa có ý

nghe viết sách, xuất bản sách, mà chỉ có thói quen viết văn trên báo. Vậy *Nam phong* hầu như cơ quan ngôn luận duy nhất. Nếu đem đốt hết *Nam phong* đi thì văn học Việt-nam thế hệ 1913-1932 sẽ rỗng tuếch, không có gì để nói nữa.

Thật vậy, trong suốt mười chín năm, tạp chí *Nam phong* hầu như giữ vai trò một viên hàn lâm, uy tín *Nam phong* rất to tát. Người ta coi *Nam phong* như bậc thầy.

Thế mà năm 1932, những gì trước kia được trọng vọng, được tôn sùng, bỗng chốc long lay tận gốc rễ qua cơn bão văn học.

Nếu trên chính trường những Nguyễn hữu Bài, Võ Liêm, Tôn thất Đản, Phạm Liệu đã phải về hưu, nhường cho những Ngô đình Diệm, Phạm Quỳnh, Bùi bằng Đoàn...thì trên văn đàn những Phạm Quỳnh, Đông-Hồ, Hoàng ngọc Phách, Trương-Phổ...cũng rút lui vào bóng tối để nhường trường sở cho những Nhất-Linh, Khái-Hưng, Lưu trọng Lư, Thế-Lữ.

Điều đáng chú ý là cũng trong thời gian này, nhiều báo chí mới ra đời. Tuy nhiên, không giống các báo khác, năm 1932, có thể nói tuần báo *Phong hóa* là tờ báo dẫn đầu cho thế hệ trẻ. Trong lúc các báo chỉ hoan nghênh khi tiếp nhận những thay đổi mới lạ về chính trị, về xã hội...thì báo *Phong hóa* tiến sâu vào địa hạt văn học, đàn thành mặt trận đánh thẳng vào *Nam phong*, đánh thẳng vào người lãnh đạo *Nam phong*, đánh ngay đờng lối chủ trương về tư tưởng, nghệ thuật, tức là phá vỡ cái cơ cấu văn học do *Nam phong* đã kiến tạo và được quốc dân sùng mộ trong mười chín năm qua.

Phong hóa là luồng gió mới thổi tung lớp bụi phủ trên lâu đài văn hóa cũ kỹ, mở đầu những hiện tượng văn học dồn dập xảy đến, báo hiệu sự thành hình một khuynh hướng mới, đánh dấu một chuyển hướng sâu xa của nền văn học Việt-nam.

Nhận thấy văn học Việt-nam thế hệ 1932 là một biến cố lịch sử, thì nên thi ca Việt-nam, một bộ môn của văn học, không thể đứng yên.

Lãnh vực thi ca là nơi ký thác tâm hồn, gởi gắm tình cảm, tất nhiên phải chịu một xáo trộn to lớn.

Nếu những văn nhân thế hệ 1932 ra sức phá những gì cũ kỹ, phong tục lễ giáo Khổng Mạnh ràng buộc, lập thành mặt trận tấn tiến chống đối cựu học, thì ở lãnh vực thi ca, các thi nhân thế hệ trẻ cũng không ngừng đập đổ những khuôn sáo cũ kỹ của thời xưa, đưa thi ca đến một hình thức mới, hòa hợp với tư tưởng mới, tình cảm mới, nếp sống mới trong thế hệ mới.

Chính vì vậy mà nền thi ca Việt-nam vươn mình đến một cuộc cách mạng, để lại trên lịch sử thi ca những chứng tích giữa cuộc bút chiến thơ cũ và thơ mới.

Đứng về quan điểm văn học nhận xét thì nền thi ca thế hệ 1932 đã thụ thai từ năm 1917 chứ không phải diễn biến một cách đột ngột.

Trên tờ *Nam phong tạp chí* số 5 tháng 11-1917 nơi bài *Bàn về thơ nôm*, chính Phạm-Quỳnh cũng đã bày ra ý thức cho thơ cũ là phiền phức, luật lệ ràng buộc, khắc nghiệt không khác luật hình.

Ông viết :

«Người nào thuộc luật thì bằng trắc tất không lộn, vần tất đợp, luật tất niêm, điệu tất xưng, đối tất chỉnh, sành những khoe thối xao, giỏi những cảnh xuất sáo, mà gây nên những bức âm thanh tuyệt diệu. Người nào không thuộc luật thì phạm phải tội ghê gớm, đọc đến mà rùng mình ; nào là tội thất niêm, tội thất luật, tội khỗ độc, tội cưỡng áp, tội trùng ý, trùng chữ, điệp điệu...

...Người ta thường nói thơ là tiếng kêu tự nhiên của con tâm. Người Tàu định luật nghiêm cho nghề làm thơ thật là muốn chữa lại, sửa lại cái tiếng kêu ấy cho nó hợp hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên nhiên đi vậy.»

Ý thức của Phạm-Quỳnh là kết quả của sự cảm thông cái huyền diệu của thơ Pháp, không gò bó, nhưng ông chủ trương «dung hợp», chỉ muốn nói rộng phạm vi niêm luật của thơ nhà để thu thập một ít sắc thái của thơ nước ngoài thôi.

Nếu năm 1917, Phạm-Quỳnh đã có ý thức, nhưng chưa

dám mạnh dạn chê bai thơ cũ, thì năm 1928, trên *Đồng Pháp thời báo*, Phan Khôi đã lớn tiếng đả kích một cách táo bạo, cho luật lệ thơ cũ là trói buộc, hãm đả, thô tục. Ông viết ở *Chương đàm thi thoại*, trang 46 :

«...Tir ngày đem thắt ngón luật vào khoa cử rồi thì thề ấy trở nên : buộc quá mà mất cả sinh thú... Ấy chỉ là luật riêng, dạy về lối làm thi trong khoa cử mà thôi, nào có phải cái phép tắc chính truyền của nghề thi như vậy ? Nhưng mà ngày nay người ta cũng tuân theo, không biết cời mình ra khỏi trói. Thấy có một vài cuốn sách quốc ngữ tự xưng dạy phép làm thi mà cũng dạy theo lối thi khoa cử ấy, thì thật tức quá. Thi quá nhỏ nhẽ, mà đã tục tài thì dạy ai ?»

Năm 1929, liên tiếp một loạt bài của ông Trịnh đình Rur bình luận về văn thơ trên *Phụ nữ tân văn*, ông cho rằng thơ là sản phẩm của chế độ xã hội. Mỗi chế độ xã hội có mỗi tính cảm khuynh hướng khác nhau ; cái hay thời xưa không còn là cái hay bây giờ. Và mỗi thời phải có sự đổi mới. Như Phạm Quỳnh và Phan Khôi trước đây, Trịnh đình Rur cũng cảm thấy lối thơ Đường luật gò bó, nên lên tiếng đả kích ở báo *Phụ nữ tân văn* số 29, ngày 21-11-1929 :

«Lối thơ Đường luật bó buộc người làm thơ phải theo khuôn phép tỉ mỉ, mất cả hứng thú tự do, ý tưởng dỗi dằn. Nếu ngày nay, ta cứ sùng thượng lối thơ ấy mãi thì làng văn nôm ta không có ngày đổi mới được...»

Tuy nhiên, dù bất mãn với lối thơ cũ, khuyên mọi người nên cải tiến, ông Trịnh đình Rur cũng không đề ra được một lối thơ nào mới, mà chỉ đề nghị nên lấy hai lối thơ lục bát và song thất lục bát ; theo ông, hai thể thơ này dễ làm, không bó buộc, lại có tinh chất Việt-nam.

Ông Trịnh đình Rur cũng tán thưởng thơ song thất lục bát, cho thể thơ này có tính chất Việt-nam, chẳng những hay hơn thơ Đường luật mà còn hay hơn thơ lục bát nữa vì nó uyển chuyển, tự do hơn.

Ý thức canh tân về thi ca của ông Trịnh đình Rur rất mạnh, nhưng có lẽ ông không tìm ra lối thơ mới nào để thay thế thơ cũ nên phải nghĩ đến thơ lục bát.

Lấy hai thể thơ này làm thơ độc tôn cho Việt-nam,

đó là một sự lúng túng của ông Trịnh đình Rư trên địa hạt canh tân. Vì ông thấy ngoài mảnh đất ấy ra không còn biết bám víu nào đâu nữa.

Xem thế, chúng ta thấy trước năm 1932 là một thời kỳ bế tắc về thi ca. Bế tắc ở chỗ cái cũ không còn thích hợp nữa, cái mới chưa tìm ra, tình cảm con người bị cô đọng mà không có lối thoát.

Phải đợi mãi đến ngày 10 tháng 3 năm 1932, *Phụ nữ tân văn* mới cho nổ trái bom cách mạng vào thành trì thơ cũ, làm cho nền móng thơ cũ sụp đổ tan tành, mà người chỉ huy cuộc tấn công này là Phan Khôi. Nếu từ năm 1917 là thời kỳ thai nghén thì năm 1932 là thời kỳ thoát thai của thơ mới. Tiếng khóc chào đời đầu tiên là tiếng khóc « *Tình già* » của đứa con Phan Khôi. Đứa con « *Tình già* » ấy phải được coi là tên linh xung phong vào thành trì thơ cũ. Trong bài *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* viết ở *Phụ nữ tân văn* số 122 (10-3-1932) đề phân trần, Phan Khôi đã cho việc khai sinh đứa con « *Tình già* » của ông là một hành động mạo hiểm. Ông viết:

« *Mời đây tôi có gặp ông Phạm Quỳnh... Ông Phạm bảo tôi nên lấy lại cái thái độ ngâm thơ hồi trước. Trong đó tỏ rằng bấy lâu tôi đã bỏ mất hay đã đổi cái thái độ ấy đi, nghĩa là bấy lâu nay tôi không ngâm thơ. Mà quả thế, gần mười năm tôi không có bài thơ nào hết, thơ bằng chữ gì cũng không có.*

Trước kia tôi đâu không có tên tuổi trong làng thơ như ông Nguyễn khắc Hiếu, ông Trần Tuấn Khải, song ít ra trong một năm tôi cũng có được năm bảy bài hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ nôm. Mà năm bảy bài của tôi không phải là nói phách, đều là năm bảy bài nghe được. Vậy mà gần mười năm nay, một năm chỉ được một vài bài mà thôi, thì kể như là không có.

Xin thú thật với mấy ông thợ thơ. Không có không phải là tại tôi không muốn làm, hay không thèm làm, nhưng tại tôi làm không được.

Vậy thì hiện nay đừng nói tôi không chịu nhận lời khuyên của ông Phạm, dầu tôi có nhận lời đi nữa, mà tôi không còn làm thơ được, thì ông mới xử trí cho tôi ra làm sao. Đó, chính là cái vấn đề ở chỗ đó rồi.

Lầu nay, nổi khi có hứng, tôi toan giở ra ngâm vịnh tui cái hồn thơ của tôi bị lúng túng. Thơ chữ Hán ư? Thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông Tô choán trong đầu tôi rồi. Thơ nôm ư? Thì cụ Tiên-Điền, bà Huyện Thanh-quan dè ngang ngực làm cho tôi thờ không ra. Cái ý nào mình muốn nói lại không nói ra được nữa, thì đọc đi đọc lại nghe như họ đã nói rồi. Cái ý nào chưa nói, mình muốn nói ra thì lại bị những niêm luật bó buộc mà nói không được. Té ra mình cứ loay quanh lẩn quẩn trong lòng bàn tay của họ hoài, thật là dễ tức.

Duy tân đi! Cái lương đi!»

Nếu chỉ dả kích và bắt mẩn lối thơ cũ thì việc đó trước đây Phạm Quỳnh và Trịnh đình Rur đã làm, không có gì đáng nói. Nhưng Phan Khôi sau khi công kích, liền trình làng đưa con Tinh già của ông (xin xem bài thơ Tinh già ở phần Phan Khôi).

Một bài thơ mới đầu tiên, mới cả về cách gieo vần lẫn điệu, cách dùng tiếng. Câu thơ dài lướt thướt, ngắn nhất cũng trên mười chữ, dài nhất cũng tới mười sáu, mười bảy chữ, luật bằng trắc bị phá vỡ hoàn toàn.

Ông Khan Khôi viết:

«Đó là bài thơ tôi làm trước đây mấy tháng mà tôi kêu là một lối thơ mới đó. Chẳng phải vì tôi hiểu sự, nhưng vì tôi hết chỗ ở trong vòng lãnh đạo của thơ cũ; tôi phải đi kiếm miếng đất mới, mà miếng đất tôi kiếm được đó chẳng biết có được không, nên mới ra mà trình chánh giữa làng thơ. Chẳng phải tôi là người thứ nhất làm ra việc này. Hơn mười năm trước ở Hà-nội cũng có một vị thanh niên làm việc ấy mà bị thất bại. Tôi lại dại gì lại đi theo cái dấu xe đã úp? Nhưng tôi tin rằng cái lối thơ cũ của ta đã hết chỗ hay rồi, chẳng khác một dè đồ mà vượng khi đã tiêu trầm, ta phải kiếm nơi khác mà đóng đô. Tôi cảm chắc việc đề xướng của tôi sẽ thất bại lần nữa, nhưng tôi tin rằng sau này có người làm như tôi mà thành công.»

Quả đúng như lời phân trần, việc làm của ông không vì danh vì hiểu sự, mà chính vì tình cảnh thúc bách, ý hướng duy tân, tìm một mảnh đất mới cho thế hệ trẻ.

Chính Phan Khôi đã đau lòng khi xác nhận điều này: «Thay đổi một chế độ xã hội còn dễ hơn thay đổi một khuy nh

hương trong con người». Vậy thì thái độ và tình cảm lưu luyến trong bài *Tình già* chính ông Phan Khôi đã bộc lộ sự khó khăn ấy. Tuy nhiên, cuối cùng ông mạnh dạn đoạn tuyệt tình xưa.

Lời tiên tri thứ nhất của Phan Khôi rất đúng. Bài thơ « hỗn loạn » của ông đưa ra liền bị ngay nhiều người chỉ trích. Họ cho là cái quái thai thời đại, một điều sỉ nhục cho văn học. Họ nhìn đũa con đầu lòng của thế hệ thơ trẻ với đôi mắt khác nghiệt, đầy đe dọa, muốn bóp chết nó ngay khi cất đôi tiếng chào đời.

Nhưng nếu lời tiên tri thứ nhất của ông đúng thì lời tiên tri thứ hai cũng không sai.

Chính Lưu Trọng Lư đã theo chân ông mà thành công.

Vào tháng 6 năm 1932, trên *Phụ nữ tân văn* số 153 có đăng một bức thư của Lưu Trọng Lư gửi cho Phan Khôi tỏ ý hưởng ứng, trách Phan Khôi đánh trống bỏ dùi, không tiếp tục sứ mệnh khai phá mảnh đất thơ mới.

Bức thư Lưu Trọng Lư là lời hưởng ứng đầu tiên, là tiếng nói thiết tha trên thi đàn. Tuy mang tính chất cá nhân, nhưng đại diện cho ước vọng tập thể của thế hệ.

Cái gì có xướng họa tất phải gây phong trào, thì bức thư của Lưu Trọng Lư là mồi lửa đầu tiên châm vào làm nòngòi tranh luận giữa hai phái thơ cũ, thơ mới.

Người công kích đầu tiên và mạnh mẽ nhất có lẽ là ông Văn - Bàng. Trên *An-nam tạp chí* ra ngày 30-4-1932 số 39, Văn-Bàng viết bài *Tôi thất vọng vì Phan Khôi* lấy cớ Phan Khôi thất lễ với Nguyễn tiến Lãng, chê trách Phan Khôi là con người lập dị, việc gì cũng muốn làm khác người.

Nếu bất mãn vì việc khai sinh một lối thơ mới mà đã kích Phan Khôi, đem ý thức tranh luận thì chẳng nói làm chi. Cái « độc địa » của Văn-Bàng là thấy phong trào thơ mới được số đông hưởng ứng, nên muốn « hạ » ngay người đề xướng bằng cách bôi lọ, phá uy tín Phan Khôi.

Thế là nòngòi thuốc súng bùng nổ !

Luồng gió mới thổi đến âm âm. Báo *Phong hóa* số 14 ngày 22-9-1932 lên tiếng kịch liệt đả kích thơ cũ, hô hào bênh vực thơ mới. *Phong hóa* viết :

«...Phong hóa đã bàn về những chỗ không hay, không hay vì bị bó buộc vào trong khuôn sáo của lối thơ Đường luật.

...Bỏ luật, niêm, đối, bỏ điển tích, sáo ngữ, nghĩa là tóm tắt, đừng bắt buộc cổ nhân một cách nô lệ. Thơ ta phải mới, mới văn thề, mới ý tưởng.»

Nếu trong lãnh vực văn chương trước đây có cuộc tranh luận giữa hai khuynh hướng cũ mới, chỉ dùng báo chí làm chiến trường, dùng bút mực làm vũ khí thì nay trong lãnh vực thi ca, người ta dùng cả hai mặt: khẩu chiến và bút chiến.

Theo lời tường thuật của Hoài-Thanh — Hoài-Chân, bài Một thời đại thi ca trong quyển Thi nhân Việt-nam viết:

«... Ngày 26 tháng 7 năm 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn thị Kiêm, đã lên diễn đàn Hội Khuyến-học Sài-gòn để sức tán dương thơ mới. Hội Khuyến-học Sài-gòn thành lập để bảy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe nhận thề.

Nổi gót cô Nguyễn thị Kiêm còn nhiều diễn giả cũng theo một mục đích, giành lấy phần thắng lợi cho thơ mới.

Juin 1934: Ông Lưu trọng Lư diễn thuyết tại nhà Học-hội Qui-nhon.

Janvier 1935: Ông Đỗ đình Vượng diễn thuyết tại Hội Trí-tri Hà-nội.

Janvier 1935: Cô Nguyễn thị Kiêm lại diễn thuyết tại Hội Khuyến-học Sài-gòn để tranh luận với ông Nguyễn văn Hanh.

Novembre 1935: Ông Vũ đình Liên diễn thuyết tại Hội Trí-tri Nam-dinh.

Février 1936: Ông Trương-Từu diễn thuyết về thơ Bạch Ngã tại Hội Khai-trí Tiến-dức Hà-nội.»

Về phái bên vực thơ cũ cũng có các cuộc diễn thuyết, Hoài-Thanh viết:

« Août 1933: Một tuần sau cuộc diễn thuyết thứ nhất của cô Nguyễn thị Kiêm, ông Tân-Việt bình bút báo Công luận (1) bên vực thơ cũ tại diễn đàn Hội Khuyến-học Sài-gòn.

1. Không phải ông Tân-Việt báo Phong-hóa.

9 Janvier 1935 : Ông Nguyễn văn Hanh diễn thuyết tại Hội Khuyến-học Sài-gòn.

9 Janvier 1935 : Ông Nguyễn văn Hanh lại diễn thuyết tại Hội Khuyến-học Sài-gòn cùng một hôm với cô Nguyễn thị Kiêm (diễn thuyết tranh luận).

AOÛT 1937 : Ông Nguyễn văn Hanh diễn thuyết tại Hội Quảng-trị Huế. » (Hoài-Thanh—Hoài-Chân, Thi nhân Việt-nam)

Về mặt bút chiến lại càng sôi nổi hơn.

Phái bênh vực thơ cũ :

« Octobre 1933 : Văn học tạp chí Hà-nội chê các nhà thơ mới không biết cân nhắc chữ dùng.

Novembre — Décembre 1934 : Tấn-Đà nói chuyện thơ mới thơ cũ trên Tiểu thuyết thứ bảy.

Décembre 1934 : Trên Văn học tạp chí, ông Hoàng duy Từ phản đối bài diễn thuyết của ông Lưu trọng Lư tại nhà Học-hội Qui-nhon.

Avril 1935 : Hai ông Tường-Vân và Phi-Vân xuất bản tập thơ cũ « Những bông hoa trái mùa » ở Vinh.

Juin 1935 : Ông Tùng-Lâm Lê cương Phụng công kích thơ mới trên Văn học tuần san Sài-gòn.

Avril 1936 : Ông Thái-Phi công kích thơ mới trên báo Tin văn Hà-nội.

Juin 1941 : Ông Huỳnh thúc Kháng, sau nhiều lần chỉ trích và mạt sát, đã quyết rằng thơ mới đã đến ngày mất vận. » (Hoài-Thanh — Hoài-Chân, Thi nhân Việt-nam)

Phái bênh vực thơ mới :

« Tháng 6-1933 : Lưu trọng Lư xuất bản « Ngờnì sơn nhĩ : » kịch liệt đã phá thơ cũ và thiết tha với thơ mới.

Tháng 12-1934 : Lưu trọng Lư gửi hai bức thư lên Khê-thượng nói chuyện thơ mới với Tấn-Đà đang ở Tiểu thuyết thứ bảy số 29 và số 34.

Tháng 1-1935 : Ông Lê tràng Kiêu viết tám bài đăng ở Văn học tạp chí và Hà nội báo (1936) đề trả lời ông Tùng-Lâm và Thái-Phi, nội dung ca tụng các nhà thơ mới.

Tháng 12-1932 : Phòng hóa số 25 bài bác Tấn-Đà nơi bị Họa nguyên văn. »

Ngoài ra những đề tài lật vật có tính cách bình vực thơ mới rất nhiều.

Nếu ở mặt trận tân học và cựu học chống đối nhau, tân học đưa hai nhân vật điển hình của cựu học là Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh ra đề chế điều, thì ở mặt trận thơ cũ và thơ mới, *Phong hóa* đã lấy Tản-Đà làm điển hình cho thành trì thơ cũ đề châm biếm.

Ngược lại, phái thơ cũ cũng không vừa, trên mặt trận khẩu chiến họ chia mũi dùi vào cô Nguyễn thị Kiêm bài xích thật độc địa.

Nếu về nữ giới, cô Nguyễn thị Kiêm đã khuấy động mặt trận khẩu chiến, thì bên nam giới, Lưu trọng Lư cũng được mọi người chú ý. Bài diễn thuyết của Lưu trọng Lư có một nội dung hàm súc ý tưởng thiết tha, mới lạ, một cảm quan dị biệt mà thời ấy ít người quan niệm nổi. Tuy không gây được sức phản ứng trực tiếp sôi nổi như cô Nguyễn thị Kiêm, Lưu trọng Lư vẫn được kể vào hàng chiến sĩ trong mặt trận khẩu chiến.

Ở mặt trận bút chiến chúng ta có nhiều tài liệu hơn, tuy nhiên, cũng không thể gộp nhặt đầy đủ những tài liệu bút chiến này lựa bị thất lạc.

Nhìn chung, cuộc bút chiến giữa thơ cũ và thơ mới không phải với tính cách cá nhân hay địa phương, trái lại nó đã tạo thành phong trào đối lập từ Nam chí Bắc, chống đối kịch liệt. Các cơ quan ngôn luận hầu hết dùng làm chiến trường cho cuộc bút chiến này.

Về phía thơ cũ có những tờ báo như: *An-nam tạp chí, Văn học tạp chí, Công luận, Tiếng dân, Văn học tuần san, Tin văn*. Những chiến sĩ nòng cốt của phong trào như: Văn-Bằng, Dương tự Quán, Thương-Sơn, Động-Đình, Tùng-Lâm, Thiết-Điện, Đầu-Tiếp, Tản-Đà, Thái-Phi v.v...

Về phía bình vực thơ mới có các báo như: *Phong hóa, Phụ nữ tân văn, Tiểu thuyết thứ bảy, Hà-nội báo, Loa, Ngày nay*. Những chiến sĩ nòng cốt của phong trào như Lưu trọng Lư, Lê-Ta, Lê trằng Kiêu, Hoài-Thanh, Phan Khôi, Việt-Sinh, v.v...

Ngoài ra, bên nào cũng có một số người không tham gia phong trào, chỉ đứng ở ngoài ủng hộ.

Duyệt qua mặt trận này, chúng ta ngược lại thời gian từ 1932 trở đi; trong lúc khắp mặt trận khẩu chiến bùng nổ thì cùng một lúc, cuộc bút chiến trên các báo cũng nổi dậy ứng chiến mãnh liệt.

Mở đầu chiến dịch, báo *Phong hóa* đã kích thơ cũ bằng việc mặt sát Tản-Đà trong bài *Họa nguyên vận* (số 28, ngày 30-12-1932) đề trả đũa bài *Từ nhập thi xuất* của Tản Đà nhân như báo *Phong hóa*; *Phong hóa* viết:

« Anh lên giọng rêu khuyên Phong-hóa
Sặc sụa hơi men khó ngủi quá
Đã dạy bao lần, tai chẳng nghe,
Hắn còn nhiều phen mồm bị khóa.
Thân mềm chưa chắc đứng ngay đầu,
Lưỡi ngắn thì nên co lại nhé.
Phong-hóa mà không hóa nổi anh,
Tuý nhân quả thật là nan hóa. »

Sự thật không phải *Phong hóa* vô tình đưa Tản-Đà ra đã kích, mà họ nhằm vào chủ trương chung tìm mục tiêu đề tấn công vào thành trì thơ cũ, vì lúc bấy giờ trên thi đàn, Tản-Đà được coi như tiêu biểu cho khuynh hướng thơ cũ.

Cũng bắt đầu từ đây, ngoài việc viết bài chửi thơ cũ, bênh vực thơ mới, *Phong hóa* còn chú trọng nhất về việc đăng tải thơ mới của các bạn thi nhân gởi đến nữa.

Người tham gia phong trào chống thơ cũ hăng say nhất lúc ban đầu chính là Lưu trọng Lư. Lưu trọng Lư đã đứng cả về hai mặt khẩu chiến và bút chiến.

Sau khi diễn thuyết ở Học-hội Qui-nhơn, gởi bài đăng ở *Phụ nữ tân văn*, ở *Phong hóa*, Lưu trọng Lư vẫn chưa lấy làm thỏa mãn, nên tháng 5 năm 1933, khi xuất bản tập tiểu thuyết đầu tiên *Người sơn nhân*, ông còn đính kèm ở phần hai một bài đã kích thơ cũ, ca ngợi thơ mới. Đó là bài *Một cuộc cải cách về thi ca*, nội dung ông ghi nhận là trên thi đàn, khuynh hướng thơ mới đã nảy chồi.

Tiếp đến ngày 20-7-1933, Thạch-Lam đứng trong hàng ngũ mặt trận thơ mới, đưa một vị thanh niên thi sĩ Hồ văn

Hào lên báo *Phụ nữ tân văn* giới thiệu với độc giả bài *Con nhà thất nghiệp*.

Không cần lý thuyết dài dòng, đưa tác phẩm thi ca lên mặt báo phân tích cái hay, cũng là một lối tranh luận rất có hiệu quả.

Ngày 3-8-1933, *Phụ nữ tân văn* số 210 lại giới thiệu thêm bài *Tình thâm* của Hồ văn Hào, kèm một bài của ông T. L. thuộc phái thơ mới, ông đưa ra lý luận chống lại quan niệm phái thơ cũ đề nghị giữ lại hình thức cũ, chỉ phát huy tư tưởng mới mà thôi.

Bài của T. L. tuy ngắn nhưng biện bạch rất rõ ràng về điểm hình thức và nội dung không thể tách rời.

Thực ra, không thể mặc áo cò y mà bán sừng. Mỗi thế hệ có một hình thức, một bộ mặt khác nhau. Các cụ thời xưa cũng không thể không thừa nhận như vậy. Tuy nhiên, họ vẫn chống lại quan niệm thơ mới. Đó là vấn đề tâm lý.

Một người cha già nua, đã sống với thế hệ cũ, không muốn đưa con vì đổi mới mà xa lìa mình, hoặc ít ra tạo thành một bức tường ngăn cách giữa tâm hồn già và trẻ. Một dân tộc cũng thế, lớp người lớn không muốn con em mình dựng lên một bức tường chia đôi tư tưởng, từ chối sự trưởng thành trong tình thương của họ.

Khi đã đặt vấn đề cũ, mới tức là đã tạo ý thức chia rẽ giữa hai lớp tuổi tác. Mặt khác lớp người lớn lại thấy con đường giải phóng của thế hệ trẻ chưa có định hướng, chưa có mục tiêu, mà chỉ phá vỡ, đập đổ một ngôi nhà đang sống, mặc dù xấu xa chật hẹp, để lao mình đến một nơi vô định, chưa biết nguy hiểm hay hạnh phúc ra sao !

Bản chất nghi ngờ và thủ cựu là bản chất của lớp người tuổi tác ; ngược lại tuổi trẻ thì chỉ biết dấn thân vào bánh xe xã hội, nhảy tung vào đà tiến hóa của nhân loại một cách vô tư. Nhân loại bảo họ tiến, luật vũ trụ bảo họ phải nầy nờ đề thay thế lớp người sắp tàn. Họ có quyền sống, họ phải được sống, mà họ sống cho họ chứ không phải sống cho những người sắp chết, tại sao buộc họ phải làm một kẻ già nua, cằn cỗi trong lúc nguồn sinh lực của họ nầy nờ dồi dào.

Suốt nửa năm 1933 và 1934, trong lúc cuộc khâu chiến và bút chiến giữa hai phái thơ cũ nói tranh luận nhau, Tân-Đà hình như tự đặt mình ngoài vòng, mặc dù đã bị báo *Phong hóa* thỉnh thoảng lôi ông ra chế biếm. Tuy nhiên, ngày 30-11-1934, Tân-Đà có viết một loạt bài đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy* nhan đề *Phong trào thơ mới*, ông trình bày với mọi người những bài thơ ông làm cách đây 20 năm ; những bài thơ không theo lối cũ, mà không tự gọi là thơ mới, Tân-Đà dùng lời lẽ ôn hòa cảnh tỉnh lớp người mới, cái mà lớp người trẻ gọi mới, chính Tân-Đà đã trải qua, hay ít nữa đã nếm thử nó. Chỉ có khác ở nội dung, thơ Tân-Đà ý tứ không thiên về lãng mạn như những thơ mới của phái thi nhân trẻ.

Thế thì cái mới của phái trẻ, theo Tân-Đà, chỉ là cái ồ ạt của tâm hồn họ, họ chỉ thấy nội giới tâm hồn mà không thấy ngoại giới vũ trụ. Chỉ trích như vậy, Tân-Đà muốn nói lớp người trẻ chỉ là một động lực hăng say, bùng bột và lăm lăm. Vì phần chủ quan quá mạnh, họ có thể tự đánh lừa họ.

Loạt bài của Tân-Đà càng đi sâu vào tinh chất tranh luận với những lý lẽ vững chắc và cảm thông.

Sau đây Lưu trọng Lư liền gửi lên Khê-thượng cho Tân-Đà hai bức thư và được đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy* số 27 (1-12-34) và số 29 (15-12-34). Điều đáng chú ý là khác với thái độ hăng say đã kích lúc ban đầu, lúc này Lưu trọng Lư nói chuyện với các nhà thơ cũ bằng một tâm hồn cởi mở, một tâm hồn muốn mở ra để đón lấy một tâm hồn.

Phải chăng cuộc bút chiến trong thời gian qua đã gieo vào tâm hồn Lưu trọng Lư một cái gì đau khổ. Đau khổ vì thấy bức tường tư tưởng ngăn cách giữa hai thế hệ, đau khổ vì thấy lớp người sắp bị luật đào thải khỏi xã hội phải ngậm ngùi nhìn con em họ, trước khi họ trở thành người thiên cổ, bàn giao cuộc sống cho thế hệ mai sau.

Cảm thông được lẽ ấy, Lưu trọng Lư đã làm được hai trọng trách trước lịch sử văn học. Thứ nhất, vượt khó khăn, vươn mình tới, dẫn đầu thế hệ trẻ tìm một luồng sinh lực mới cho tâm hồn ; thứ hai là phá hẳn mọi thành kiến, lấy

tình cảm làm môi trường hàn gắn những vết thương đã rạn nứt trong cuộc « xung đột » tư tưởng mới cũ.

Rồi vào cuối năm 1934, Hoài-Thanh viết một bài báo đại ý cho rằng không có thơ mới mà cũng không có thơ cũ. Chỉ có thơ mà thôi. Tức là thơ ngày xưa và thơ ngày nay. Theo Hoài-Thanh chỉ có tuyệt tác của thời gian, chứ không có vấn đề cũ mới. Tuy nhiên, Hoài-Thanh nhận rằng có « cái mới »; ý kiến ấy, phải chăng ông cho rằng không có thơ mới, chỉ có con người mới làm thơ.

Nhận xét của Hoài-Thanh là kết quả sau loạt bài của Tàn-Đà. Tàn-Đà đưa ra mấy bài thơ theo thể mới mà ông làm từ trước, chính Lưu Trọng Lư cũng nhận là mới, nên Hoài-Thanh theo đó phủ nhận sự mới cũ của thơ chẳng.

Hoài-Thanh còn đem ví thi cảm như một dòng sông. Dòng sông bị nước tràn chảy ra ngoài để tạo thêm những dòng sông khác. Tuy ta thấy có nhiều dòng sông, nhưng nước sông chỉ là một; cũng như ta thấy bề ngoài hình như có thơ cũ và thơ mới, song kỳ thực thơ cũ và thơ mới cũng chỉ là một, chẳng khác những dòng nước chảy thông thương với nhau.

Đầu năm 1935, trên báo *Phong hóa* số 134 (30-1-1935), Tứ-Lý tổng kết phong trào đấu tranh thơ mới trong mục *Thơ mới và quần áo mới*. Dem so sánh thơ mới và quần áo mới, Tứ-Lý đã phản ánh được tâm hồn người Việt-nam lúc bấy giờ. Thơ mới và quần áo mới tuy là hai lãnh vực, nhưng vẫn là một. Nó phát xuất từ ở mỹ cảm, ở khuynh hướng mà ra. Cho nên, khi một tình cảm mới, một tâm hồn mới xâm nhập vào dĩ nhiên hình thức phải đổi khác.

Một chế độ xã hội thay đổi làm cho tâm hồn con người thay đổi, hoặc ngược lại. Vạn vật đều tương quan và sự thay đổi ấy cũng là luật tất nhiên của vũ trụ.

Cuộc bút chiến về thơ mới là một cuộc tranh đấu về ý thức, nó liên hệ đến mỹ cảm, đời sống con người. Cho nên, khi phong trào quần áo tân thời mỗi ngày một thịnh, chúng ta thấy rõ ý thức chuộng mới thắng cuộc, và đó cũng là nguyên nhân đưa phong trào thơ mới đến thắng lợi chung cuộc.

Tuy nhiên, những sự dằng co về ý thức rất phức tạp. Nhất là về mặt tình cảm và phong tục khi đã tiêm nhiễm vào đầu óc con người, thì nhất dân không thể cởi bỏ dứt khoát. Phong trào đổi mới càng mạnh bao nhiêu thì sức phản ứng tăng gia bấy nhiêu. Những bài chỉ trích thơ mới không vì thế mà buông lơi nhịp công kích đều đều của nó.

Ngoài Bắc thì có ông Chất-Hằng dùng tờ *Văn học tạp chí* làm cơ quan bài bác thơ mới. Trong Nam, ông Tùng-Lâm Lê Cương Phụng dùng tờ *Văn học tuần san* chửi thơ mới quyết liệt.

Theo ông Tùng-Lâm thì lịch sử văn chương từ chỗ phôi thai tiến đến chỗ chặt chẽ, cũng như xã hội loài người, từ chỗ phôi thai tiến đến chỗ có tổ chức trật tự, tạo thành một nếp sống chung. Xã hội loài người từ chỗ rời rạc đi đến chỗ kết đoàn, tổ chức xã hội, đặt ra pháp luật, bảo vệ luật pháp và điều hành cuộc sống.

Còn văn chương từ chỗ phôi thai tiến dần đến chỗ có quy tắc, có luật lệ mỗi ngày một phong phú và chặt chẽ hơn. Như vậy luật lệ trong văn chương là yếu tố minh định sự tiến bộ lọc lựa trải qua thời gian, vượt từng thế hệ. Luật lệ không phải là ràng buộc mà chính là « vật dụng » lọc lựa, đào thải những cái xấu, cái dở, đưa văn chương dần dần đến chỗ tinh vi. Ông còn xác định vị trí thi ca trong lãnh vực nghệ thuật, sánh với điệu đàn, bức họa. Đã là nghệ thuật, dĩ nhiên phải là một công trình đòi hỏi ở công phu, thế thì cái công phu để gọt, tô điểm là việc làm cần thiết của một nghệ sĩ, không thể gọi là gò bó được. Mĩa mai nhất, là ông khinh thường lớp người mới, ông liệt họ vào hạng phạm phu tục tử mà đòi thưởng thức thú tiêu dao. Ông còn chê « bọn thơ mới » là dốt, không hiểu ý vị thơ cũ. Ông đòi « căng nọc » ra đánh như các cụ đồ nho đánh học trò.

Trong cuộc tranh luận, các nhà văn trẻ ranh mãnh, hiểm hóc, thì ông Tùng-Lâm hẳn học một cách đạo mạo của người đàn anh.

Đề dương đầu với ông Tùng-Lâm, tờ *Phong hóa* số 148 (10-5-1935) đưa tập thơ *Những bông hoa trái mùa* của hai thi nhân phái cũ lên bàn mổ, Lê-Ta đóng vai bác sĩ mổ xẻ

tập thơ này với dụng ý bài xích thơ cũ sáo ngữ. Đây là một « đòn trả » khi ông Tùng-Lâm lên vai ông đồ đòi căng nọc lớp người trẻ ra giảng dạy, chê lớp tân thi nhân là dốt, thì nay Lê-Ta chê lớp người cũ là « nhai lại », chỉ giới nghề « xào nấu ».

Đáp lại bài phê bình của Lê-Ta, ông Thiệt-Diện lên tiếng bày tỏ thái độ ác cảm trong bài *Quan niệm của tôi đối với thơ mới* ở báo *Văn học tuần san* số 8 (15-8-1935). Thiệt-Diện cực lực chê trách thơ mới, coi nó chỉ là thứ đồ rác rưởi, trò múa may quay cuồng của bọn người ngu dốt, có khác nào bọn du đảng ăn mặc rằn ri, bọn lẳng lơ đi giày cao gót. Theo ông, đã gọi là thơ mới thì phải đổi mới như thơ của Hồ - Thích bên Tàu, chứ chỉ đổi mới bằng cách đem tâm hồn ủy mị, tính chất bạc nhược, tinh thần thua trận, lo cho cá nhân, xa rời đại chúng thì sự đổi mới ấy chẳng ích gì.

Trong lúc phất thơ mới cho thơ cũ là sáo, là « nhai lại », là bắt chước diên tích xưa, thì ông Thiệt-Diện « tổ » ngược lại thơ mới. Trước kia chê rằng thơ cũ mang tính chất thương mây khóc gió, khép mình trong cái bi ai sâu nặng, xem thơ cũ như là chỗ chứa nước mắt, chứa buồn thảm, thì nay, đối với Thiệt-Diện, thơ mới vẫn với giọng điệu ấy, mặc dù không bắt chước tiếng khóc cũ, nhưng lại cũng rên rỉ cho duyên phận, cho ái tình, cho biệt ly, cho đau khổ. Chê người ta than thở, buồn bực, rồi mình lại khóc lóc thảm sầu, theo ông Thiệt-Diện, không có gì mới cả.

Đầu năm 1936, cuộc điện còn trong vòng tranh luận sôi nổi; với một ngón đòn chiến tranh cân não, ông Lê trảng Kiều kiểm điểm thành tích thơ mới trường thành trong phong ba bão táp. Ông ví ba năm va chạm thi ca trong giai đoạn 1932-1936 dài như một thế kỷ. Trên *Học-nó: báo* số 14 (8-4-1936), ông viết bài chúc mừng chiến thắng của thơ mới, ông bảo: « Từ bao giờ đến bây giờ, người ta đã có mấy lần một tâm hồn hùng tráng như Huy-Thông, dồi dào như Thê-Lữ, huyền diệu như Thái-Can, âm thầm như Đông-Hồ, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, mơ màng như Leiba, buồn não như Nguyễn-Vỹ, và, một tâm hồn đầy nhạc, đầy mộng ảnh như Lưu Trọng Lư. »

Rồi ông Lê trảng Kiều trưng ra một loạt thi nhân mới

với những sáng tác của họ như những « chiến lợi phẩm ».

Thực ra, ý kiến của Lê trảng Kiêu không có gì mới mẻ, cái di dóm chỉ ở chỗ ông « dàn trận » theo một phương pháp khác biệt mà thôi.

Theo sau loạt bài của Lê trảng Kiêu, phái thơ cũ đưa ra ông Đầu - Tiếp ứng chiến bằng một loạt bài như muốn kết thúc.

Sau loạt bài của Lê trảng Kiêu bênh vực phái thơ mới và Đầu-Tiếp bênh vực phái thơ cũ, hình như hai bên bắt đầu thu dọn chiến trường. Cuộc bút chiến dần dần.

•

Xưa nay không cuộc chiến tranh nào không có kết thúc. Nhưng, mọi kết thúc không nhất thiết phải giống nhau. Có những cuộc chiến tranh khi chấm dứt hai bên còn nuôi hận. Có những cuộc chiến tranh tàn phai trong bề bâng, im lặng. Có những cuộc chiến tranh chấm dứt bằng tang tóc đau thương.

Cuộc bút chiến giữa hai nền thơ cũ, mới ở Việt-nam thoát ra ngoài công lệ ấy. Nó kết thúc bằng tình tha thiết của dân tộc, bằng tình thương của lớp người giữa hai thế hệ, bằng nguồn thông cảm của những đứa con cùng chung bầu sữa mẹ.

Hỡi bà Mẹ Việt-nam ! Máu huyết của Mẹ đang chuyển vào động mạch, chảy rần rạt trong cơ thể đàn con. Bầu sữa Mẹ đã trút ra rất nhiều, vun quén mầm non đất nước. Dòng máu ấy, giọt sữa ấy là nguồn sinh lực, là động cơ thúc đẩy từng thế hệ đứng lên, chịu trách nhiệm trước lịch sử, vun bồi cho danh dự của non sông, cho uy linh của dân tộc.

Nếu có gì bất bình thoáng qua, chính là cử chỉ vươn lên của lớp người trẻ từ chối nuông chiều, gạt bỏ tình quyến luyến của lớp người già nua dề dể đi tìm nghĩa vụ.

Mọi cuộc phân ly không cuộc phân ly nào khỏi gieo sầu. Nhưng rồi ai cũng phải hài lòng với trách nhiệm. Và khi đã xa cách nhau rồi, tình thương càng nhiều, nhớ mong càng nặng.

Cuộc bút chiến về thơ cũ, thơ mới, chính lớp người trẻ đã thắng cuộc hoàn toàn. Cái lâu đài cò kính mấy ngàn năm kia lần lần coi như một ngôi cò mộ, chôn chặt những

công trình kiến trúc xa xưa, mà lớp người trẻ nhìn lại với con mắt kính yêu, nhưng không muốn trở về ở đó nữa.

Cái lâu đài cổ kính ấy là nền thi ca cũ vậy.

Nhưng khi đã đi tìm được một mảnh đất mới, dựng một ngôi nhà mới rồi, tự nhiên lớp người trẻ như thấy có cái gì ân hận, nhớ thương. Họ không còn muốn có sự ngăn cách nữa. Họ không muốn nói đến danh từ thơ mới, thơ cũ nữa, mà chỉ có « thơ » mà thôi.

Nếu từ năm 1933 đến năm 1936 là những năm tranh đấu quyết liệt giữa hai ý thức thơ cũ, thơ mới, thì qua năm 1937 chúng ta không còn thấy một bài tranh luận nào trên báo chí nữa, mà thay vào đó bằng những bài hàn gán tình thương.

Trước tiên, ta đi vào tâm trạng phái cựu học.

Phái cựu học bây giờ đã thấy được đà tiến của bánh xe xã hội, không còn có thể giữ lại được nữa. Nho học phải nhường lại cho Tây-học. Hay nói cách khác, thế hệ già nua phải bàn giao sự nghiệp tinh thần cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, nỗi lòng của phái cựu học băn khoăn không ít. Chính họ thấy trong ngôi nhà cổ kính sắp sụp đổ kia có nhiều ngọc quý, nhiều báu vật, nếu bỏ đi rất uổng. Họ sợ lớp người sau, con em của họ, của thế hệ trẻ, không sao biết đến. Thừa hưởng một gia tài văn học ngàn năm, lúc chết đi có lẽ không có một tờ di chúc ?

Ước vọng của họ là làm sao gài gắm vào lớp người trẻ tiếng nói cuối cùng của họ, chỉ cho lớp người trẻ biết trong ngôi nhà sắp sụp đổ mà họ đã sống qua có cái gì quý, cái gì xấu, cái gì nên, cái gì hư. Như vậy họ mới tron trách nhiệm đối với tiên nhân.

Trong số người thiết tha với sự nghiệp Nho học, chúng ta có thể kể như : Phan kể Bình, Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn đồn Phục, Huỳnh thúc Kháng, Trần trọng Kim... Nhưng người đã có tiếng nói làm ta cảm động nhất là Trần trọng Kim. Ông đã ký thác lời cuối cùng vào quyển *Nho giáo*. Nó là một « bản di chúc », là một « của tin », là những gì của lớp cựu học muốn gởi lại.

Lời của ông Trần trọng Kim thật thiết tha và đầy tâm huyết ! Tiếng nói cuối cùng của phái cựu học chẳng những

chứa đựng một tình thương nồng nàn đối với lớp người trẻ, mà còn tỏ ra những lo lắng cho tiền đồ văn học.

Cái gì sắp mất thì tình thần lưu luyến càng tăng. Có xa nhau mới thấy cái buồn ly biệt.

Có lẽ sự ưu ái của lớp người cựu học đã gieo vào lớp tân học một vết thương lòng, mà bốn phận họ phải hàn gắn vết thương ấy.

Phải ! Không có gì thiêng liêng bằng tình dân tộc. Xóa bỏ mọi khuôn phép ràng buộc của gia đình, không có nghĩa là bỏ tình ruột thịt. Từ chối một nền văn minh lỗi thời không có nghĩa là tách rời tình dân tộc.

Và lớp người trẻ đã tự nhận trách nhiệm mình như thế.

Việc làm của họ là trở lại tình cảm lúc đầu. Trước kia, phái thơ mới đưa Tản-Đà ra làm tiêu biểu cho phái thơ cũ, đồ xô vào mặt sát, châm biếm, thì từ năm 1938 trở đi, Tản-Đà được coi như vị thánh sống của làng thơ. Họ chia nhau viết về Tản-Đà, ca tụng thơ của Tản-Đà.

Nhóm *Tự lực văn đoàn* :

— Văn-Bình viết : *Thi sĩ Tản-Đà* (Ngày nay số 147, ngày 29-1-1939)

— Xuân-Diệu viết : *Công của thi sĩ Tản-Đà* (Ngày nay, số 166 ngày 17-6-1939)

— Khái-Hưng viết : *Một tháng với Tản-Đà* (Ngày nay số 171 ngày 22-7-1939) và *Cái duyên của Tản-Đà* (Ngày nay số 166 ngày 17-6-1939).

Báo *Tao đàn* số đặc biệt ra mặt Tản-Đà (số 9 ngày 1-7-1939) gồm có các bài :

— Lưu trọng Lư viết : *Bây giờ đây, khi nắp quan tài đã dậy lại.*

— Trương-Tửu viết : *Sự thái nghi một thiên tài.*

— Nguyễn-Tuân viết : *Chén rượu vĩnh biệt.*

— Nguyễn triệu Luật viết : *Ảnh hưởng Tản-Đà đối với nhà văn lớp sau.*

— Trúc-Khê viết : *Tản-Đà triết học.*

— Xuân Diệu viết : *Một vài kỷ niệm về yếu thơ Tản-Đà.*

- Nguyễn Xuân Huy viết : *Tân-Đà aịch văn.*
- Nguyễn-Tuân viết : *Tân-Đà một kiếm khách.*
- Nguyễn công Hoan viết : *Ông Tân-Đà đi làm việc dè dặt bản An-nam tạp chí.*
- Ngô tất Tố viết : *Tân-Đà ở Nam-kỳ.*
- Nguyễn Nhất-Lang viết : *Tân-Đà tửu điểm.*
- Nguyễn công Hoan viết : *Ông soát vé xe lửa với chỉ sĩ Tân-Đà.*
- Lê-Thanh viết : *Mộng và Mộng.*

Sau cơn bùng bột của lớp người trẻ, họ đã dùng mọi biện pháp phũ phàng, cố thực hiện khát vọng của thế hệ đang nảy mầm, của lòng giục giã đòi mới. Họ đã chà đạp lên tình thương, đập đổ gia sản phụ âm đề tranh đoạt chiến thắng ý thức cho kỳ được. Và ngày nay họ đã thắng. Nhìn lại dấu vết đồ nát hoang tàn của thế hệ cũ đã thảm bại, lòng họ bùi ngùi, hối hận ; cái phần thiêng liêng của con người được khơi động. Nó sống sót một cách đáng thương, nó khuyển nhủ, vô vể. Tiếng nói của nó thiết tha, êm đềm, đủ khả năng làm dịu lòng người, chiếm được tình cảm, xóa tan mọi hờn giận oán ghét, hàn gắn cách ngăn, gây lại tình thương yêu dân tộc.

— Nó là gì ?

— Là cái lương tâm thức tỉnh của lớp người trẻ vậy ! (1)



1) Muốn hiểu rõ chi tiết sự diễn biến tài ca, xin các bạn hãy đọc quyển *Kau, nh hương thi ca trên chiến*


~~~~~  
**T ẢN - Đ À**  
**NGUYỄN KHẮC HIẾU**  
**1888 — 1939**  
~~~~~

T ẢN - Đ À là biệt hiệu (tên ghép của núi Tản và sông Đà), tên thật là Nguyễn khắc Hiếu, sinh năm 1888 tại làng Khê-thượng, huyện Bất-bạt, tỉnh Sơn-tây (Bắc-phần). Thân phụ là cụ Nguyễn danh Kế, thân mẫu là một à đào hát hay, thơ giỏi, thường gọi Phủ Ba.

Tản-Đà là con dòng thứ. Ông có hai người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn tài Tích và Nguyễn Cồn ; ngoài ra, còn người anh cùng mẹ là Nguyễn Mạn.

Thuở nhỏ ông theo học Hán văn, sau nhờ người anh cả là Phó-bàng Nguyễn tài Tích làm Đốc-học, hết lòng chỉ dẫn nên ông nổi tiếng văn hay chữ tốt. Ngay lúc còn học ở trường Quy-thức ông nổi danh với bài Âu Á nhị châu hiện thế, được các báo Trung-hoa ở Hương-cảng đăng trong mục xã thuyết.

Năm 1909, ông bị hỏng ở khoa thi Hương (Kỳ-dậu).

Năm 1912, ông yêu cô gái bán sách họ Đỗ ở phố Hàng Bờ. Tản - Đà chiều theo ý muốn của nàng đã phải dùng bằng

Ấm-sinh đề thi Hậu-bồ, nhưng bị rớt vấn đáp Mùa thu năm ấy, ông thi Hương lại hỏng luôn. Mỗi tình vì đó mà tại vô ; nàng đi lấy chồng ; Tân-Đà đành ôm khối tình tuyệt vọng từ đây.

Sau khi ông anh cả Nguyễn tài Tích mất, Tân-Đà ra làm báo. Vừa viết cho Đông-dương tạp chí của ông Nguyễn văn Vĩnh (1913), vừa viết cho Nam phong thì bị ông Phạm Quỳnh vì muốn tranh thời danh mà thắng tay mặt sai cạy tên Giác mộng con nên không hợp tác được. Ra làm chủ bút tạp chí Hữu thanh (1921); nhưng vốn là nhà thơ, không quen nghề làm báo nên không bao lâu Hữu thanh đình bản. Ông lập Tân-Đà thư cục, rồi cho ra An-nam tạp chí (1926); nhưng cũng đình bản. Tân-Đà vào Gia-định (Nam-phân) ở tại Xóm Gà viết cho báo Thần chung và Đông Pháp thời báo của ông Diệp văn Kỳ. Nhưng rồi ông lại ra Bắc tái bản An-nam tạp chí. Từ báo này lại chết làm tan vỡ cái mộng « bồi lại bức dư đồ » của Tân-Đà. Ông đành quay về dịch thơ Đường cho báo Ngày nay, chủ thích truyện Kiều, Lịch Liêu trai chí dị cho nhà xuất bản Tân Dân.

Tác phẩm của ông suốt 25 năm trong nghề văn, nghề báo gồm có :

Tiểu thuyết : Thề non nước, Tiễn ai tri kỷ (truyện ngắn, 1932). Giác mộng lớn, Giác mộng con 1 (1916), Giác mộng con 11 (1932).

Luyện thuyết : Tân-Đà từng văn (bản chính, bản phụ), Tân-Đà văn tập (hai quyển gồm những bài viết ở Đông phương tạp chí in thành sách 1932), Tân-Đà xuân sắc (1934), Khối tình (1918).

Giới khoa : Lên sáu, Lên tám, Đài gương truyện, Quốc sử huấn mộng, Đàn bà Tàu (trích dịch liệt nữ truyện).

Dịch thuật : Đại học, Đường thi, Liêu trai chí dị (40 truyện).

Tuồng chèo : Tây-Thi. Tỳ-bà hành, Lưu Nguyễn nhập Thiên-thai.

Đến năm 1939, Tàn-Đà qua đò tại số 71 Ngã tư Sở, ngày 20 tháng 4 năm Kỷ-mão Âm-lịch, nhằm ngày 7 tháng 5 năm 1939 tại Hà-nội.



ĐEM đặt Tàn-Đà lên hàng đầu chiếc chiếu thi đàn Việt-nam ở giai đoạn tiền chiến mở màn cho kỷ nguyên thi ca mới, có lẽ các bạn sẽ gợn lên một thoáng ngạc nhiên ; nhưng rồi sự cảm xúc ấy sẽ lắng dịu ngay khi chúng ta hiểu rằng Tàn-Đà là một hồn thơ cũ đã sớm cảm thông hồn thơ mới của lớp người trẻ ; thi nhân đã đóng vai trò của nhịp cầu nối liền hai thế hệ tân và cựu.

Sau khi thực dân chiếm xong giải đất này, đặt ngay guồng máy cai trị, nhốt chặt muôn triệu linh hồn Việt-nam, tuy chậm tiến trước sức mạnh vũ bão của cơ giới văn minh, nhưng vẫn là những tâm hồn khao khát cái cao rộng của trời xanh. Tỉ Đà tuy không phải là chiến sĩ tích cực giải phá lao lung, nhưng cũng phát lộ được ý chí «bồi lại bức dư đồ», giải tỏa nỗi niềm ưu ái đối với quốc gia, dân tộc.

Tiếp đấy là một cuộc tấn công mới của thực dân trên địa hạt văn hóa ; họ đem cái học thuật Tây-phương gieo rắc sự hiểu biết cần thiết của một trách vụ phục dịch đề củng cố thể đứng vững chắc trên thực dân địa ; tuy nhiên nó cũng có khả năng tiêu hủy căn bản văn hóa cổ truyền của một dân tộc nhỏ bé. Đó là hồi chuông gióng lên báo hiệu sự bắt đầu suy tàn của nền học cũ. Hồn thơ của Tàn-Đà đã hấp thụ thâm đậm nền Nho - học Đông - phương, những mong đem sự hiểu biết của mình đề thi thố với đời. Nào ngờ, ngọn gió văn minh Tây-phương thổi đùa cái căn bản tri thức của Tàn-Đà tan như khói tỏa, cho nên Tàn-Đà đã buồn đau khi phải chứng kiến sự thoái vị của nền cựu học.

Như đề cứu vãng một thân bị lỡ làng, Tân-Đà đã không bắt chước các cụ thời xưa thường hay rút về an hưởng cảnh nhàn khi chán ngán một thực tế đắng cay, hoặc lấy tay bưng bít việc đời mặc kệ sự giả dối, lật lọng, phản trắc cứ tiếp diễn ; Tân-Đà khác hơn, đã thả hồn mình trong « giấc mộng con », « giấc mộng lớn », làm một cuộc viễn du vòng quanh thế giới như cố tìm hiểu tận cội rễ cái mới mẻ của nền tân học. Sau đấy, ta thấy Tân-Đà như làm cuộc cách mạng trong tâm hồn, tư tưởng liên biến đổi, thu được khoảng cách trước bước tiến của lớp trẻ ; tiếng lòng của thi nhân được diễn đạt thành tiếng tơ réo rất giữa cái tân kỳ của lớp người mới mà ta không cảm thấy bị lỗi nhịp hoặc sượng sùng ; vì lúc bấy giờ Tân-Đà đã trang bị cho mình những gì cần thiết trong cuộc hòa nhạc. Cũng có cái lãng mạn của J. Leiba hay Hồ Dzếnh sau khi bị « tiếng sét ái tình » của người con gái họ Đỗ ; cũng có cái mộng mơ hư thực của Lưu Trọng Lư, Thế-Lữ ; cũng có nỗi niềm tha thiết với quê hương trong mấy vần thơ của Thâm-Tâm, Trần huyền Trân ; lại có cả cái say sưa của Vũ hoàng Chương ; Tân-Đà còn vượt bậc hơn thi nhân trẻ ở cái ngông. Một cái ngông mà Trời còn chạy mặt ; nó đã trở thành một bản án của vị trích tiên Tân-Đà còn ghi rành rành trong quyền sỏ Thiên-tào :

Bầm quả có tên « Nguyễn khắc Hiếu »

Đay xuống hạ giới về tội ngông.

(Hầu Trời)

Bây giờ ta thử lược qua khái quát những dòng tư tưởng của Tân-Đà.

Trước nhất, hãy nói đến khuynh hướng lãng mạn. Sau khi bị tan vỡ mộng tình cùng nàng Đỗ thị, Tân-Đà đã dành cho tình yêu chiếm một chỗ quan trọng trong thi ca. Từ thuở ban sơ khi tình tình bắt đầu rung động, thi nhân tự hỏi :

Quái lạ vì sao cứ nhớ nhau ?

Như nhau đắng đắng suốt đêm đầu.

Bốn phương mây nước người đôi ngả,

Hai gánh tương tư một gánh sầu.

Nhịp lòng dậy lên niềm thồn thức khi thần thờ cô độc đứng dưới ánh trăng suông, thảng thốt thi nhân kêu lên như than thở :

Mình ơi có nhớ ta chăng ?

Nhớ mình đứng tựa ánh trăng ta sầu.

Nhớ thì vẫn nhớ đấy, nhưng từ lúc chàng trượt kỳ thi Hậu-bồ, rồi lại thi Hương lần nhì hỏng nốt, con chim hồng của thi nhân vội tung cánh tuyết mù, để lại một tâm hồn sâu tui lở dở bước đường mây, tan rã giấc mộng tình. Ta hãy nghe thi nhân kêu đau trong những vần thơ nhẹ nhàng, gọi cảm :

Duyên hồ thắm bỗng rụng phai lạt,

Mối tơ vương đứt nát tan tành,

Tấm riêng, riêng những thẹn mình,

Giữa đường buông đứt gánh tình như không !

*

Ái ân thôi có ngần này,

Thề nguyện non nước đợi ngày tái sinh...

Thực tế quá đắng cay, chua chát ! Thi nhân xoay đường tình vào cõi mộng. Một « giấc mộng con » cũng đã làm thỏa mãn yêu đương còn hơn mười năm nuôi dưỡng ái tình cùng người đẹp. Tàn-Đà đã đem thực tế và cõi mộng ra so sánh :

N h ớ m ộ n g

Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi,

Tỉnh rồi lại muốn mộng mà chơi.

Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng,

Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời.

*Những lúc canh gà ba cốc rượu,
Vài khi canh điệp bốn phương trời.
Tìm đâu cho thấy người trong mộng,
Mộng cũ mê đường biết hỏi ai ?*

(Giấc mộng con)

Thất bại đường tình ở hiện thực, chỉ nhân xây giấc mộng tình cùng người con gái ở tận trời Tây, nàng Châu Kiều-Oanh, - phải chăng là hình ảnh nàng Đỗ thị ? — Ở *Giấc mộng con*, chúng ta còn thấy bóng dáng người con gái mến yêu ; đến bài *Tông biệt*, tình ái của thi nhân lơ mơ trong sương phủ. Hãy đọc :

Tông biệt

*Lá đào rơi rắc lối Thiên-thai,
Suối tiên oanh đưa những ngậm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần ai.
Ước cũ duyên thừa, có thể thôi !
Đá mòn, rêu nhạt,
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời !
Trời đất từ nay xa cách mái.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thư thảo bóng trắng chơi.*

*

Bàn đến tình thần ái quốc, chúng ta thấy bộc lộ sự bất mãn (1) ngay từ khi Tản-Đà va chạm phải cái thói nạt của đám quan lại ở chốn trường thi ; chỉ vì tin ở tài bộ

1) Sau khi bị thi trượt, Tản - Đà nhận định chua chát : « Các sự bàn trong đời không có cái gì bàn bằng văn, sách hỏi mọ. »

có thừa mà không chịu uốn mình theo khuôn phép nên bị đánh hồng. Đã đau lòng trước cảnh nước nhà gặp bước suy vong lụn bại trong vòng kiềm tỏa, cương thường đạo nghĩa nghìn xưa đảo lộn, lại thêm bọn sâu dân một nước tiếp tay với thực dân đục khoét mảnh giang san ra tơi tả, đau thương, thì nhân đã bày tỏ ý gì trong bài :

Vịnh bức dư đồ rách

*Nợ bức dư đồ thử đứng coi,
Sông sông núi núi khéo bìa cười.
Biết bao lúc mới công vờn vẻ,
Sao đến bây giờ rách tả tơi ?
Ay trước ông cha mua dề lại,
Hừ sau con cháu lấy làm chơi !
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi dề rồi ta sẽ liệu bồi !*

Tình yêu nước của Tàn-Đà nhẹ nhàng, loáng thoáng. Sau khi người anh cả chết, ông nhất quyết ra làm báo vì nghĩ rằng đây là phương tiện dề ông dùng ngòi bút — khi giới muôn đời của kẻ sĩ — đóng góp với non sông. Tàn-Đà đã lập chí như thế nào ? Ta hãy nghe :

*Phận nam nhi tang bồng là chí,
Chữ trượng phu ý khí như rồng ai.
Non sông thề với hai vai,
Quyết đem bút sắt mà mài lòng son.*

Giá lúc bấy giờ lòng ông đen tối, ham chạy theo bả lợi danh, chỉ cần đồng ý với thực dân Vayrac, ra làm quan thì thoát ngay cảnh nghèo dề như bần. Nhưng không, lòng ông đã nặng thề cùng non nước :

Thề non nước

*Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời « nguyện nước thề non »,
Nước đi chưa lại non còn đứng không.*

Non cao những ngóng cùng trông,
 Tuổi khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.
 Xương mai một nắm hao gầy,
 Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
 Trời Tây ngả bóng tà dương,
 Càng phơi vẻ ngọc, nét vàng phai pha.
 Non cao tuổi vẫn chưa già,
 Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
 Dù cho sông cạn đá mòn,
 Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.
 Non xanh đã biết hay chưa ?
 Nước đi ra bề lại mưa về nguồn.
 Nước non hội ngộ còn luôn,
 Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
 Nước kia dù hãy còn đi,
 Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
 Nghìn năm giao ước kết đôi,
 Non non, nước nước không người lời thề.

•

Say và Ngóng của Tàn-Đà phải đi đôi. Nó là trạng thái tất nhiên của một tâm hồn kết tụ bởi buồn, chán và bức tức. Buồn cho ái tình dở lỡ, bề bàng ; chán cho tình đời đen bạc, thêm nghĩ mình sinh bất phùng thời, mang một kiếp tài hoa mà chẳng có đất thi thố đề cho phường vô tài thiếu đức múa rối trên sân kịch xã hội. Tàn-Đà mới mượn câu thơ chung rượu khỏa lấp sầu tư để quên sự đời, quên cái thân hình phù du của con người. Tàn-Đà vẫn biết « say sưa là hư đời », nhưng trong cái đau như của thề xác thi nhân đã tìm được đôi khắc sung sướng ở tâm hồn. Nhiệt độ của men rượu quả có năng hiệu đốt cháy mọi phiền não của tâm cơ, nâng đầy hình hài thoát khỏi thực tại chua chát, hồn phách bỗng trở nhẹ lâng lâng. Ta hãy đọc những vần dưới đây để biết tại sao Tàn-Đà cần phải say :

Lại say

Say sưa nghĩ cũng hư đời,
 Hư thì hư vậy, say thì cứ say.
 Đốt say đốt cũng lẩn quay,
 Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười ?
 Say chẳng biết phen này là mấy,
 Nhìn non xanh chẳng thấy lại là say.
 Quái ! Say sao ? Say mãi thế này ?
 Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh,
 Thê ngôn túy tửu chân vô ích.
 Ngã dục tiêu sầu thả tự do.
 Việc trần ai, ai tỉnh, ai lo,
 Say lúy túy nhỏ to đều bất kê.
 Trời đấy nhì ! Cái say là sướng thế !
 Vợ khuyên chồng, ai dễ đã chữa ngay,
 Muốn say lại cứ mà say.

Từ say đến ngồng chỉ là một bước lân cận. Nếu tình yêu đã choán nhiều chỗ trong tác phẩm của ông, thì tánh ngồng cũng không chịu kém. Có người viết về cái ngồng của Tản-Đà như sau :

« Nếu đọc thơ Tản-Đà trên mọi khía cạnh mà không đọc những bài thơ cũng như những đoạn văn về ngồng của ông thì thật là một lỗi lầm rất lớn và có thể cho rằng như vậy chính là chưa đọc hết thơ của Tản-Đà ! »

Nếu ở mười tám năm trước đây, một Trần tế Xương suốt đời phải lận đận lao đao vì khoa cử công danh mà nay ra tư tưởng chán đời đến độ bất cần sự đời, đâm ra lêu lổng ăn chơi, nổi tiếng là :

« Vĩ-xuyên có bác Tú Xương,
 Quanh năm ăn quýt, chơi lường mà thôi. »

hay :

« Một ngọn đèn xanh, một quyền vàng,
 Bốn con làm lính, bốn làm quan.

Quạt nước chưa xong còn nhẩy ngược;

Trống châu chưa dứt, bỏ leo thang. »

Thật là ngông không ai hơn.

Thế rồi chẳng bao lâu, nhà thơ Tân-Đà lại tiếp tục sự nghiệp ngông ấy. Cái ngông trong thơ Tân-Đà gần như là một vấn đề phải có đối với ông, vì nó đã phản ảnh được cá tính cũng như cuộc sống lúc bấy giờ của tác giả.

Như mọi người đều biết, Tân-Đà làm văn-nghệ nhưng suốt đời vẫn sống trong cảnh túng thiếu, nghèo nàn không thua gì ông tú làng Vị-xuyên, nghèo đến nước :

« Ôi trời ! ôi đất ! ôi là tét !

Tháng cận năm cùng, gạo cũng hết. »

(Thơ tét)

hay :

« Tết đến năm nay nghĩ cũng buồn,

Tiền thì không có, nợ đòi luôn. ~

(Tết thơ các nhà)

Với cảnh nhà cùng quẩn, tiền bạc không có, vay trước trả sau, Tân-Đà quá chán chường cuộc sống, nảy sinh tư tưởng bất cần đời, vì ông tin rằng « bốn ba chẳng qua thời vận » rồi ông đâm ra liêu linh, ăn chơi cho thỏa thích, mặc đến đâu thì đến. Làm văn chương chẳng cần mực thước, vui thì làm, buồn thì nghỉ. Những điều vừa nói, ta thấy tâm trạng của thi nhân qua bài *Còn chơi*, tiêu biểu khuynh-hướng ngông của tác giả :

Còn chơi

Ai đã hay đâu tớ chán đời,

Đời chưa chán tớ, tớ còn chơi.

Chơi cho thật chán, cho đời chán,

Đời chán nhau rồi, tớ sẽ thôi.

Nói thề, can gì tứ đã thôi,
Đời dương có tứ, tứ còn chơi.
Người ta chơi đã già đời cả,
Như tứ năm nay mới nửa đời.

Nửa đời chính độ tứ dương chơi,
Chơi muốn như sao thật sướng đời.
Người đời ai có chơi như tứ,
Chơi cứ bằng vậy mãi chưa thôi.

Chơi văn sướng đến thề thì thôi,
Một mảnh trăng non chiếu cõi đời.
Văn vận nước nhà đương buổi mới,
Như trăng mới mọc, tứ còn chơi.

Làng văn chi thiếu khách đua chơi,
Đan diu, ai như tứ với đời.
Tứ đã với đời đan diu mãi,
Muốn thôi, đời cũng chưa cho thôi.

Đời đương đan diu, chưa cho thôi,
Tứ đám xa xôi dè phụ đời.
Vắng tứ bấy lâu, đời nhớ tứ,
Nhớ đời, nên tứ vội ra chơi.

Tứ hãy chơi cho quá nửa đời,
Đời chưa quá nửa, tứ chưa thôi.
Tứ thôi, tứ nghĩ buồn cho tứ,
Buồn cả cho đời vắng bạn chơi.

Nào những ai đâu, bạn của đời ?
Sao mà bỏ vắng, ít ra chơi ?
Chớ ai chờ mãi, ai đâu tứ ?
Hay ngán cho đời chẳng muốn chơi ?

Nếu tớ như ai : cũng ngán đời,
 Đời thêm vắng bạn, lấy ai chơi ?
 Cuộc đời tớ nghĩ chưa nên ngán,
 Nếu ngán thời xưa tớ đã thôi.

Tớ nhớ năm xưa nửa ngán đời,
 Nghĩ đi, nghĩ lại, lại ra chơi.
 Mê chơi cho tới thành đàn đũa,
 Dời dẫu cho thôi, tớ chẳng thôi.

Nghĩ tớ bao nhiêu, lại nghĩ đời,
 Nghĩ đời như thế, dám nào thôi.
 Còn đời, còn tớ, còn chơi mãi,
 Chơi mãi cho đời có bạn chơi.

Tớ muốn chơi cho thật mãn đời,
 Đời chưa thật mãn; tớ chưa thôi.
 Chẳng hay đời tớ lâu hay chóng !
 Dù chóng hay lâu, tớ hãy chơi.

Trăm năm, tớ độ thế mà thôi,
 Ước, triệu, nghìn năm chưa hết đời.
 Chắc có một phen đời khóc tớ.
 Đời chưa khóc tớ, tớ còn chơi.

Trăm năm còn độ bấy nhiêu thôi,
 Ngoài cuộc trăm năm, tớ dặn đời.
 Ước, triệu, nghìn năm đời nhớ tớ.
 Tớ thôi, tớ cũng hãy cùng chơi.

Bút đã thôi rồi, lại chữa thôi,
 Viết thêm câu nữa, hỏi đời chơi :
 « Lộng hoàn » này điếu từ đâu trước ?
 Họa được hay không ? Tớ đổ đời.

Bất mãn với thời thế, Tản-Đà cũng như bao nhiêu người khác, những lúc quá ẽ chề chán nản cho cuộc sống hăm hiu, người ta thường sống trong cõi mộng, nuôi một hy vọng ở tương lai sẽ sáng sủa, thắm tươi hơn, vì tin rằng « hết cơn bi cực đến hồi thái lai » nên thi nhân tự hỏi : « có lẽ ta đâu mãi thế này », bởi thế cho nên Tản-Đà mơ mộng thật nhiều, mơ mộng cuộc sống sẽ huy hoàng, tên tuổi sẽ sáng chói, những tác phẩm sẽ bán thật nhiều để điếm tô cho cuộc đời thêm khởi sắc, đây ta hãy nghe thi nhân kể lại giấc mơ đó trong bài :

Hầu Trời

*Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoàng hốt, không mơ màng.
Thật hồn, thật phách, thật thân thề,
Thật được lên tiên sướng lạ lùng !*

*Nguyên lúc canh ba nằm một mình,
Vất chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
Năm buồn ngồi dậy đun nước uống,
Uống xong ấm nước nằm ngâm vắn.*

*Chơi vắn ngâm chán, lại chơi trăng,
Ra sân cùng bóng di tung tăng.
Trên trời bỗng thấy hai cô xuống,
Miệng cười mủm mỉm cùng nói rằng :*

*« Trời nghe hạ giới ai ngâm nga,
« Tiếng ngâm vang cả sông Ngân-hà.
« Làm Trời mất ngủ, Trời đương mắng
« Có hay lên đọc, Trời nghe qua. »*

*Ước mãi bây giờ mới gặp Tiên !
Người Tiên nghe tiếng lại như quen
Vấn chương nào có hay cho lắm,
Trời đã sai gọi thời phải lên.*

Theo hai cô Tiên lên đường mây,
 Vù vù không cánh mà như bay.
 Cửa son đỏ chói oai rực rỡ !
 Thiên môn Đế-khuyết như là đây ?

Vào trông thấy Trời, sụp xuống lạy,
 Trời sai Tiên-nữ dắt lôi dậy,
 Ghế bành như tuyết, vân như mây,
 Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đây.

Tiên đồng pha nước, uống vừa xong,
 Bỗng thấy chư Tiên đến thật đông,
 Chung quanh bày ghế ngồi la liệt,
 Tiên bà, Tiên cô, cùng Tiên ông.

Chư Tiên ngồi quanh đã tỉnh tức,
 Trời sai pha nước đề nhấp giọng.
 Truyền cho văn sĩ đọc văn nghe,
 « Dạ, bẩm lạy Trời, con xin đọc. »

Đọc hết văn vắn, sang văn xuôi,
 Hết văn thuyết-lý, lại văn chơi.
 Dương cơ đặc ý đọc đã thích,
 Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi !

Văn dài, hơi tốt ran cung mây,
 Trời nghe Trời cũng lấy làm hay.
 Tâm như nở dạ, Cơ lẽ lười.
 Hằng-Nga, Chức-nữ chau đôi mày.

Song-Thành Tiều-Ngọc lắng tai đứng
 Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.
 « Bẩm con không dám man cửa Trời,
 « Những các văn, con in cả rồi :

« Hai quyền « Khố tình » văn thuyết-lý ;
 « Hai « Khố tình con » là văn chơi ;
 « Thần tiên », « Giác mộng », văn tiêu thuyết ;
 « Dài gương », « Lên Sáu » văn vạ đời ;

« Quyền « Đàn bà Tàu » lối văn dịch ;
 « Đến quyền « Lên Tám » nay là mười,
 « Nhờ Trời văn con mà bán được,
 « Chưa biết con in ra mấy mươi ! »

Văn đã giàu thay, lại lắm lối,
 Trời nghe Trời cũng bật buồn cười.
 Chữ tiên ao ước, tranh nhau đặt,
 « Anh gánh lên đây bán chợ trời. »

Trời lại phê cho : « Văn thật tuyệt !
 « Văn trần được thể chắc có ít ?
 « Lời văn chuốt đẹp như sao băng !
 « Khí văn hùng mạnh như mây chuyền !

« Êm như gió thoảng, tinh như sương !
 « Dầm như mưa sa, lạnh như tuyết !
 « Chẳng hay văn sĩ tên họ gì ?
 « Người ở phương nào ? Ta chưa biết ! »

— « Dạ, bẩm lạy Trời, con xin thưa :
 « Con tên « Khắc Hiếu » họ là « Nguyễn »
 « Quê ở Á-châu về Địa-cầu.
 « Sông Đà, núi Tản, nước Nam-Việt. »

Nghe xong, Trời ngợ một lúc lâu,
 Sai bảo Thiên-Tào lấy sổ xét.
 Thiên-Tào tra sổ xét vừa xong,
 Đệ sổ lên trình Thượng đế trông :

« Bầm quả có tên « Nguyễn khắc Hiếu »
 « Đày xuống hạ giới về tội ngông ».
 Trời rằng : « Không phải là trời đày,
 « Trời định sai con một việc này :
 « Là việc « thiên lương của nhân loại »
 « Cho con xuống thuật cùng đời hay. »

— « Bầm trời, cảnh con thật nghèo khó,
 « Trần gian thước đất cũng không có.
 « Nhờ trời năm xưa học ít nhiều,
 « Vốn liếng còn một bụng văn đó.
 « Giấy người, mực người, thuê người in,
 « Mướn cửa hàng người bán phở phường phố.
 « Văn chương hạ giới rẻ như bèo !
 « Kiếm được đồng lãi thật rất khó !.
 « Kiếm được có ít, tiêu phải nhiều,
 « Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
 « Lo ăn, lo mặc suốt ngày tháng,
 « Học ngày một kém, tuổi ngày cao !
 « Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,
 « Một cây che chống bốn năm chiều.
 « Trời lại sai con việc nặng quá,
 « Biết làm có nổi, mà dám theo ? »

— Rần 1 : « Con không nói, Trời đã biết,
 « Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết.
 « Cho con cứ về mà làm ăn,
 « Lòng thông chó ngại chi sương tuyết.
 « Cố xong công việc của Trời sai,
 « Trời sẽ cho con về Đẽ-khuyết. »

Vâng lời Trời dạy, lại xin ra,
 Trời sai Khiên-Ngư dón xe tiễn.
 Xe trời đã chực ngoài Thiên-môn,
 Chư tiên theo ra cùng tiễn biệt.

Hai hàng lụy biệt giọt sương rơi,
 Trông xuống trần gian vạn dặm khơi.
 Thiên tiên ở lại, Trích-tiên xuống,
 Theo đường không khí về trần ai.

Đêm khuya khí thanh, sao thưa vắng,
 Trăng tà đưa lối về non Đoài.
 Non Đoài đã tới quê trần giới,
 Trông lên chư tiên không còn ai!

Tiếng gà xao xác, tiếng người dậy,
 Giữa sân còn đứng riêng ngậm ngùi.
 Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
 Sao được đêm đêm lên hầu Trời.

Đọc qua ta thấy cái ngông của Tàn-Đà nhẹ nhàng, ý nhị, không quá trắng trợn như cái ngông của ông Tú Vĩ-xuyên Trần tế Xương :

Vĩ-xuyên có bác Tú-Xương,
 Quanh năm ăn quýt chơi lường mà thôi.

hay là :

Ông trông lên bảng thấy tên ông,
 Ông tớp rượu vào, ông nói ngông,
 Cụ Sứ có cô con gái đẹp,
 Lăm le xui bố cưới làm chồng.

Trình bày cái ngông của mình, trước mặt Trời thì nhân kè lẽ tâm sự của một khách văn-chương như ông, vẫn rất hay nhưng khổ nỗi « văn chương hạ giới rẻ như bèo », bởi thế cho nên :

Kiểm được đồng lai thật rất khó !
 nhưng :

Kiểm được có ít, tiêu phải nhiều.
 Chính vì thế mà :

Làm mả: quanh năm chẳng đủ tiêu.
Lo ăn, lo mặc, suốt ngày tháng.

Trong khi đó thì :

Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,
Một cây che chống bốn năm chiều.

Chính vì những ý nghĩ đó mà Tản-Đà ngông và muốn :

« Tớ muốn chơi cho thật mãn đời,
Đời chưa thật mãn, tớ chưa thôi.
Chẳng hay đời tớ lâu hay chóng ?
Dù chóng hay lâu tớ hăy chơi. »

Tình và ý thơ của Tản-Đà còn bàng bạc trong các tác phẩm. Một phần nhỏ mọn của quyển sách này không làm sao luận cặn. Từ cái hướng nhằm của hai tác phẩm *Lên sáu* và *Lên tám*, tác giả đã lấy sự giáo dục làm lợi khí trong việc đào tạo tinh thần đoàn kết và lòng thương nước thương nòi của trẻ con ; qua *Đài gương truyện* và *Đàn bà Tàn* đã nói nhiều về trách vụ người phụ nữ ; đến lòng ái quốc của tiên sinh được bộc lộ rải rác trong những văn thi phẩm mà chúng tôi đã luận qua khái quát ở phần trên.

Riêng phương diện tình ái, ta thấy tình yêu của Tản-Đà tuy nhẹ nhàng nhưng không kém đậm đà, tha thiết. Ngọn lửa yêu đương đã thành hình và bốc cháy trong tâm can cũng như đã trải ra trên trang thơ nét chữ là thứ tình yêu mang màu sắc của người phương Đông ; mặc dù yêu nhau nặng, tình cảm đã trào dâng nhưng không dấu thô lộ quá cởi mở như người phương Tây.

Nói đến cái ngông. Từ khi Tản-Tà đã lỡ bước đường mây, thua thiệt trong tình ái, lại thấy trên sân khấu đời

nhờn nhờ phường bắt tài bắt trí, rồi nghĩ lại mình, thương cho một thân chứa đựng tài hoa mà đành khoanh tay chịu cảnh nghèo, nhìn mọi diễn biến chán ghét trong vớ bi hài kịch xã hội; ngẫm ấy bất mãn đã nung sôi lòng bức tức, ông đâm ra ngông nghênh, nói theo danh từ thời đại nó là cái bốc đồng nhất thời vậy. Ngông là cái thói khinh đời, ngạo thế. Nó là trạng thái khi cái trí thức bị rượt đuổi đến bước đường cùng. Bị uất ần mà không làm sao giải tỏa; ước định lo cho đời mà đời chẳng cho lo; những tâm hồn bị đè nén đâm ra tư tưởng cóc cần đời. Vì thế, Tàn-Đà quyết định : vậy thì cứ ăn chơi cho thỏa thích, chơi đến đời chán mới thôi ; nhưng như vậy là đã thiên về vật chất; cái tình vị tha vị xã trước kia nay bị co rút vào tháp ngà của cuộc sống hiện hữu được gói ghém kỹ trong một cá thể.

Nói chung, cái ngông này, Tàn-Đà quyết định mang đến kỳ cùng hơi thở. Nó là một hình thức chống đối thời thế đã không chiều lòng người, mà còn hất hủi xô đẩy Tàn-Đà trở thành một con người bất đắc chí vì chưa thỏa mãn được sứ mạng thi hành cái « thiên lương (1) » mà Trời đã giao phó.



(1) *Thiên lương* gồm ba chất :

- 1) *Lương trí* là cái trí thức người ta vốn biết, không cần phải suy nghĩ và học tập.
- 2) *Lương tâm* là cái thiện tâm của người ta sẵn có.
- 3) *Lương năng* là cái tài năng người ta không học mà có.

Thiên lương nằm trong học thuyết Vương dương Minh.

Tàn-Đà chủ trương : muốn cho nước tiến bộ phải cải thiện xã hội ; muốn cải thiện xã hội phải cải thiện con người ; muốn cải thiện con người phải phát triển thiên lương.

Đây là một khía cạnh yêu nước của nhà thơ họ Nguyễn.

Chi tuyến

Hủ nhò lo việc đời

*Đáng nực cười cho bác Hủ-nhò !
Việc đời ai khiến gánh mà lo,
Lo to, lo nhỏ, lo nào xiết.
Lo thế mà ai có biết cho.*

*Lo vì công việc báo « An-nam »,
Đã trót đã mang cứ phải làm.
Bốn bề phen này không trắng nợ,
Tuyệt sương âu hãn bạc đầu thêm.*

*Lo vì tin nước đã lưng sông,
Đâu đó dễ điều có vừng không ?
Con cháu Rồng Tiên đương đói đói,
Không hay Hà-bá có thương cùng ?*

*Lo vì xã hội thiếu tiền tiêu,
Một kẻ phong lưu chín kẻ nghèo.
Cái nổi sinh nhai mà khốn khó,
Con đường tiến hóa cổ mà theo.*

*Lo vì phong hóa mỗi ngày suy,
Thánh giáo không ai kẻ hộ trì.
Hàng sản cũng không, tâm cũng mất,
Sĩ còn chưa trách, trách dân chi !*

*Lo vì thế cục nát như tương,
Cái ruột tâm ai rồi vẫn vương.
Nhộn chẳng ỉn ai, ngòi bút sắt,
Cùng ai lo tính lúc đêm trường.*

Đáng nực cười cho cái sự lo,
 Lo quanh, lo quần chẳng ra trò.
 Việc đời ai có lo chẳng tá ?
 Ai có lo cùng bác hủ nho ?

*

Lo vắn ề

Như tớ xưa nay vốn vắn nghèo,
 Bán vắn buôn chữ kiếm tiền tiêu.
 Quanh năm luống vắn lo vắn ề,
 Thân thể xem thua chú hát chèo.
 Hát chèo lắm lúc nghĩ mà ngoan,
 Về mặt pha trò với thể gian.
 Vợ cưới đêm nay, mai lại cưới,
 Đêm đêm cưới vợ lại làm quan.
 Làm quan vì có dễ như chèo,
 Tớ đến năm nay đã chẳng nghèo.
 Bởi bước công danh trèo cũng khó,
 Trèo leo chẳng được phải nằm meo !
 Nằm meo cho tớ nghĩ ra vắn,
 In bán ra đời cách kiếm ăn.
 Vô sự ăn xong nằm lại nghĩ,
 Con tằm rút ruột lá dâu xanh.
 Dâu xanh rút giả sợi tơ vàng,
 Thân thể con tằm nhưng vắn vương.
 Tớ nghĩ thân tằm như tớ nhĩ,
 Tơ tằm đòi đoạn mỗi vắn chương.

Vấn chương nào dám nói hơn ai,
Nghề nghiệp làm ăn phải thế thôi.
In hết quyền này ra quyền khác,
Có vấn có ích, có vấn chơi.

Vấn chơi in bán đề chơi chung,
Dầu được lời riêng có mấy đồng.
Buôn chữ gặp ngay hồi giấy đắt,
Người mua ai có biết cho không ?

Cho không ai biết đây là đâu,
« Bán nói » khi đâu dám đặt điều.
Tốn kém vì vấn chưa tính đến,
Nhưng tiền giấy mực những bao nhiêu.

Bao nhiêu cùi nước mới thành vấn.
Được bán vấn ra chết mấy lần.
Ông chủ nhà in, in đã đắt !
Lại ông hàng sách mấy mươi phân !!

Mười phân gửi bán lấy tiền sau,
Bán hết thu tiền nghĩ cũng lâu.
Lắm lúc túng tiền mang bán rẻ.
Trừ đầu, trừ cuối, nghĩ càng đau.

Càng đau mà vẫn phải càng theo,
Theo mãi cho nên cứ vẫn nghèo.
Nghèo chỉ có vấn, vấn lại ế !
Ế vấn cho tới hết tiền tiêu.

Tiền tiêu không có những bản khoán,
Vay ngược vay xuôi thực khó khăn.
Công nợ nhà in còn chất đống,
Còn đâu gan ruột nghĩ ra vấn.

*Ra văn mà bán chẳng ra tiền,
Cái nghiệp văn chương nghĩ thật phiền.
Văn ế bao giờ cho bán hết ?
Phen này có nhẽ gánh lên tiên.*

*

Ngày xuân nhớ xuân

*Bính-tý sang, mà Ất-hợi qua,
Đổi thay cũ mới khắp gần xa.
Vui xuân thiên hạ bao nhiêu kẻ,
Ngồi nhớ xuân xưa họa có ta.*

*Xuân xưa nhớ lúc ta lên năm,
Vờ lòng đi học, phố thành Nam.
Học sách ba chữ, thơ năm chữ,
Đến sách Dương-Tiết vừa hết năm.*

*Xuân xưa đến lúc ta lên sáu,
Học sách Luận-ngữ đọc lâu sáu.
Ở nhà Hà-nội, phố hàng Bông,
Bốn tám, đến nay còn nhớ số.*

*Cuối năm lên sáu, ta về Khê,
Dã-giang, Tấn-lĩnh, nước non quê.
Sách nho học Truyện, lại học Sử,
Quốc-ngữ cũng mới lâu A, B.*

*Xuân xưa bảy, tám, chín, mười tuổi,
Văn chương ta mới làm câu đối.
Đến xuân mười một, học làm thơ,
Xuân mười bốn tuổi, văn đủ lối.*

Đà-giang nước chảy, Tản mây bay,
 Mười bốn xuân qua trải thắm ngày.
 Hết xuân mười bốn từ Khê-thượng,
 Về học phủ Quảng, gần Sơn-tây.
 Quảng-oai vừa trải bốn xuân dư,
 Xuân, mỗi ngày cao, học cũng như.
 Cuối xuân mười chín, ra Hà-nội,
 Học trường Quy-thức, đường Gia-ngư.

Hà-thành qua trải một đôi xuân,
 Học chẳng cao thêm cũng rộng dần.
 Mới học Pháp văn từ lúc ấy,
 Ấy năm Thành-Thái sang Duy-Tân.

Xuân xưa đến tuổi ta hai mươi,
 Phủ Vĩnh cầm thư quây gánh chơi.
 Hán học, Pháp văn, kiêm giảng tụng,
 Ba gian nhà cỏ bóng trắng soi.

Sang xuân hăm mốt học đi thi
 Thi tại trường Nam, lọt một kỳ.
 Kỳ luận hồng vì vua Hạ-võ !
 Hồng thi càng học đề đi thi !

Xuân hăm bốn tuổi thi Ấm-sinh,
 Tên đỗ thứ ba đăng nhật trình,
 Hậu-bồ thi luôn, hồng vẫn đáp,
 Chờ Pháp thất bại trường công danh.

Xuân qua thu lại, lại đi thi,
 Nam-dịnh bay luôn đệ nhất kỳ.
 Càng học đề thi, càng cứ hồng,
 Thi tàn, học cũng tàn theo thi !

Ngày xuân thắm thoát nghĩ như thoi,
Cái học năm xưa đã cũ rồi.
Học cũ đi mà xuân lại mới,
Thơ xuân nhớ lại viết mà chơi.

*

Thăm mả cũ bên đường

Chơi lâu, nhớ quê về thăm nhà,
Đường xa, người vắng, bóng chiều tà.
Một dãy lau cao làn gió chạy,
Mấy cây thưa lá sắc vàng pha.

Ngoài xe trơ một đồng đất đỏ,
Hang hốc đùn trên đám cỏ gà
Người nằm dưới mả ai ai đó,
Biết có quê đây hay vùng xa ?

Hay là thuở trước kẻ cung đao,
Hám đạn, liều tên, quyết mũi dao ?
Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,
Da ngựa gói bỏ lâu ngày cao.

Hay là thuở trước kẻ văn chương.
Chen hội công danh, nhờ lạc đường.
Tài cao, phận thấp, chí khí uất,
Giang-hồ mê chơi quên quê hương ?

Hay là thuở trước khách hồng nhan,
Sắc xảo khôn ngoan trời đất ghen
Phong trần xui gặp bước lưu lạc,
Đầu xanh theo một chuyện xuân tàn ?

Hay là thuở trước khách phong lưu.
 Vợ con, đàn hạc dễ huê theo.
 Quan san xa lạ đường lối khó,
 Ma thiêng, nước độc phong sương nhiều ?
 Hay là thuở trước bậc tài danh,
 Đôi đôi, lứa lứa cùng linh tinh.
 Giận duyên, tui phận, hờn ân ái,
 Đất khách nhờ chôn một khối tình ?
 Tuổi vàng sâu thẳm biết là ai ?
 Mả cũ không ai kẻ đoái hoài.
 Trải bao ngày tháng trơ trơ đó,
 Mưa dầu, nắng dải, trắng mờ soi !
 Ấy thực quê hương con người ta,
 Dặn bảo trên đường những khách qua.
 Có tiếng khóc oe thời có thể,
 Trăm năm ai lại biết ai mà !

*

G ặ p x u â n

mườ : Gặp xuân ta giữ xuân chơi,
 Câu thơ chén rượu là nơi đi về.
 Hết xuân cạn chén xuân về.
 Nghìn thu nét mực thơ đề vẫn xuân !
 nôi : Xuân ơi, xuân hời !
 Vắng xuân lâu, ta vẫn đợi, chờ, mong.
 Trải bao nhiêu ngày, tháng, hạ, thu, đông,
 Ròng rã nỗi nhớ nhung, xuân có biết ?
 Khử thế xuân quy, sầu cửu biệt.
 Kim niên xuân đáo, khách tương phùng.

Gặp ta nay, xuân chớ lạ lòng,
 Tóc có khác, trong lòng ta chẳng khác:
 Kể từ thuở biết xuân bốn chín năm về trước.
 Vẫn rượu thơ non nước thú làm vui.
 Đến xuân này ta tuổi đã năm mươi;
 Tính trăm tuổi đời người, ta có nửa,
 Còn sau nữa, lại bao nhiêu xuân nữa,
 Mặc trời cho, ta chưa hỏi làm chi.
 Sẵn rượu đào, xuân uống với ta đi,
 Chỗ quen biết, kể gì ai chủ, khách.
 Thiên cổ vị văn song Lý Bạch,
 Nhất niên hà đắc lưỡng Đông Quân.
 Dầu trăm năm gặp gỡ đủ trăm lần,
 Thơ với rượu cùng xuân ta cứ thế.
 Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế,
 Xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm !
 Cùng nhau nay hãy uống thêm.

*

Khuyên người giúp dân lụt

Nay những ai, nay những ai,
 Ai có nghe rằng việc thủy tai :
 Tỉnh Bắc, tỉnh Đông, cùng tỉnh Thái,
 Ruộng ngập nhà chìm, thân chết trôi.
 Thân chết trôi, trôi thời trôi,
 Ai người tìm vớt lúc thiên tai !
 Nhưng mạng chết ai đành đã thế,
 Người còn sống sót nghĩ thương ôi !

Nghĩ thương ôi ! Ai những người,
 Trời làm tai vạ biết kêu ai.
 Dói thời chịu đói, rét chịu rét,
 Đầy vơi mặt nước, lệ đầy vơi.
 Lệ đầy vơi, tình chia phôi,
 Bồng bề con thơ bán khắp nơi.
 Năm hào một đứa trẻ lên sáu,
 Cha còn sống đó, con bỏ cô.
 Con bỏ cô, tình thương ôi !
 Trời làm tai vạ phải chia phôi.
 Sinh con ai nỡ đang lòng hán,
 Thương con nào biết lấy gì nuôi.
 Lấy gì nuôi, lúc thiên tai,
 Chẳng có ngô mà chẳng có khoai,
 Miếng ăn chẳng có, con nhìn bố,
 Nồng nổi như kia, đáng ngậm ngùi !
 Đáng ngậm ngùi, ai hơi ai !
 Ăn sung mặc sướng ngồi thanh thoi.
 Nghĩ kẻ cơ hàn nơi nước lụt,
 Như ai khi cũng dạ đầy vơi.
 Dạ đầy vơi, thương cùng ai,
 Thương người khổ hại lúc thiên tai.
 Hai chữ « đồng bào » ân nghĩa nặng,
 Đùm nhau lành rách, hơi ai ơi !
 Hơi ai ơi ! là những người,
 Ông trên mạn ngược, bà vùng xuôi,
 Có nhiều cho nhiều, ít cho ít,
 Cứu kẻ bần dân lúc thủy tai.

Lúc thủy tai, nầy ai ơi !
 Quý tiếc yêu thương lấy giống nòi.
 Con cháu Rừng, Tiên khi đã bĩ,
 Đừng nên rẽ rúng bỏ nhau hoài !

*

Say

MƯỜU : Đêm xuân một trận nô cưỡi,
 Dưới đèn chẳng biết rằng người hay hoa.
 Khi vui quên cả cái già,
 Khi say chẳng rốc giang hà cũng say.

NÓI : Kim tịch thị hà tịch ?
 Mảng gương nga đã tếch lối non đoài.
 Đó kìa ai ba bốn, bốn năm người.
 Người dâu tá còn chơi trong mộng thế ?
 Nhấn ngoại trần ai không nhất thế,
 Hung trung khối lũy thuộc tiền sinh.
 Kiếp say sưa đã chắm sồ thiên đình.
 Càng đắm sắc mê thình càng mãi miết.
 Say lắm về : say mệt, say mê, say như, say út ;
 Trong làng say ai biết nhất ai say ?
 Mảnh hình hài quen giả trá xưa nay,
 Chúng sinh tướng lúc này coi mới hiện.
 Thôi xếp cả nguyệt hoa, hoa nguyệt,
 Cảnh bỗng lai trái biết gọi làm duyên.
 Tựu trung ưng thị thần tiên.

*

Thơ để thay bài tựa
(Đài-gương truyện 1919)

*Phàm dân trong một nước,
Một nửa là đàn bà.
Kề từ con gái bé,
Cho đến bà cụ già.
Đều là người của nước,
Mà lo việc trong nhà.
Nhà nào đàn bà hay,
Thịnh vượng và vui hòa;
Nhà nào đàn bà hư,
Lụn bại và xấu xa!
Đây là truyện nước Tàu.
Dịch ra chữ nước ta.
Trên từ vợ vua quan,
Dưới đến nhà dân gia.
Mẹ hiền dạy con cái,
Con hiếu với mẹ cha.
Vợ càng hay lắm vẻ,
Đạo tam tông hòa ba.
Ngoài ba đạo chính ấy,
Nhiều truyện còn thiết tha.
Tư tính sao cao minh,
Thật tự trời sinh ra.
Hãy xem cách ăn ở,
Vàng vạc như gương nga.
Lại những lời ăn nói,
Nhu gừng càng thêm hoa.
Ấy các vị thánh hiền,
Cùng trong làng quần thoa.*

Đất nước dầu Nam, Bắc,
Đạo lý không quan hà.
Phòng vãn lúc nhàn rồi,
Lời quê diễn nôm ra,
Mong nhờ cơn gió thanh,
Hương thơm đưa gần xa.

*

Trần ai tri kỷ

Luân thường đồ nát, phong hóa suy,
Tiết nghĩa rẻ rúng, ân tình lỵ.
Vợ chồng kết tóc chưa khăng khít,
Nhân tình, nhân nghĩa còn kè chi.
Trần ai tri kỷ ai với ai ?
Chẳng là bác Cả với chị Hai.
Nào ai khuê tú, ai tài tử,
Lầu xanh gặp gỡ người làng chơi.
Nửa gian nhà cỏ ngọn đèn xanh,
Mấy dịp câu ao, một gánh tình.
Bè khô đã qua cơn sóng gió,
Giàu sang mây chó kiếp phù sinh.
Cái nợ phong lưu trả đã thừa,
Qua trải hồng nhan mấy nắng mưa.
Hương phai, phấn nhạt, duyên càng thắm,
Lòng chàng khi cuối, thiếp khi xưa.
Tri kỷ xưa nay dễ mấy người ?
Trần ai nào đã ai với ai ?
Nhấn khách giai nhân với tài tử :
Ngồi buồn xem « Truyện thế gian » chơi.

*

Hài đàm « Thơ mới »

Từ khi Lý-Bạch chết, thiên hạ không chuộng thơ, mà thơ kém hay. Bởi thế mới có Phan tiên sinh ra đời.

Từ khi Bá-Nha chết, thiên hạ không chuộng đờn, mà đờn kém hay. Bởi thế mới có Quách tiên sinh ra đời.

Phan tiên sinh cải lương về nghề thơ, ở đời chưa gặp ai tri kỷ.

Quách tiên sinh cải lương về nghề đờn, ở đời chưa gặp ai tri âm.

Một hôm, kỳ ngộ duyên may, hai tiên sinh gặp gỡ.

Trong một nhà ở phố Khâm-thiên, Phan đương nằm hút ở trên gác, bỗng nghe ở dưới gác có tiếng đờn này, nhận lâu rất thấy khác thường : tiếng đờn thực hay mà như không có cung bậc. Do bụng hoài nghi, Phan tiên sinh bước xuống bậc thang ngó thử coi, thấy người này đờn đó chừng cũng là một du tử, mà coi ra có vẻ cao nhân ; nhân bước luôn xuống thang, làm quen nói chuyện chơi. Người đó là ai ? Tức là Quách vậy. Rồi đó Quách tiên sinh nói truyện đờn ; Phan tiên sinh nói truyện thơ

Koi Quách đờn một chấp, Phan thơ một hồi.

Rồi Quách lại đờn, Phan lại thơ.

Rồi Phan. Quách lại truyện thơ, truyện đờn.

Cái thú gặp tri kỷ, khó bút mực nào vẽ cho hết. Chỉ chủ đó nguyên là một tay tài tình, văn thơ âm nhạc, đều có hiểu qua ; nhân bàn quarn một cuộc cầm thi, cũng cầm tác một bài « Thơ mới » :

Đờn là đờn,

Thơ là thơ ;

Thơ thời có chữ, đờn có tơ.

Nếu không phá cách vứt điệu luật,

Khó cho thiên hạ đến bao giờ !

Bá-Nha xa,

Lý-Bạch khuất,

Thơ có họ Phan, đờn họ Quách.

Thơ có chữ,
 Đờn có tơ ?
 Đờn thời ngơ ngẩn, thơ vẫn vơ,
 Tài tử vẫn nhân nhường rứa rứa.
 Bút huê ngao ngán bận đề thơ.

Số Mùa Xuân
 Phụ nữ tân văn tháng 2 năm 1934.

*

Phong thi

Suối tuôn róc rách ngang dèo,
 Gió thu bay lá, bóng chiều về tây.
 Chung quanh những đá cùng cây,
 Biết người tri kỷ đâu đây mà tìm ?
 Hỏi thăm những cá cùng chim,
 Chim bay xa bóng, cá chìm mất tăm !
 Bây giờ vắng mặt tri âm,
 Lấy ai là kẻ đồng tâm với mình ?
 Nước non vắng khách hữu tình,
 Non xanh nước biếc cho mình chờ ai ?
 Anh xuôi, em tựa đầu cầu,
 Con sông vẫn đó, con tàu đã qua.
 Lạy trời gió bão phong ba.
 Cho tàu đồ ngược, cho ta thấy mình.
 Muốn cho đêm ngắn hơn ngày,
 Sớm vờ ruộng rậm, trưa cày ruộng chiêm.
 Muốn cho ngày ngắn hơn đêm,
 Đèn khuya chung bóng cho em dờ sầu.
 Mình ơi có nhớ ta chăng ?
 Nhớ mình đứng tựa bóng trăng ta sầu.

Trăng kia soi nửa vòng cầu,
 Mà ai tìm cái phong hầu thấy chưa ?
 Đường đi nhỏ nhỏ,
 Bờ cỏ xanh xanh,
 Không duyên không nợ, không tình,
 Đùng không quăng vắng, sao mình gặp ta ?
 Bây giờ trời nắng đường xa,
 Rủ nhau vào dưới gốc đa ta ngồi.
 Yêu nhau chẳng lọ thề bồi,
 Kẻ Nam, người Bắc, ngậm ngùi như thương.
 Tơ tằm ai vấn mà vương ?

Đêm qua mất cắp như chơi,
 Có chỗ mất vợ, có nơi mất chồng !
 Ông tơ nghĩ chẳng thẹn thùng,
 Còn đương chấp mối tơ hồng se ai !
 Một con sông, ba bảy con sông đào,
 Trăm công nghìn nợ trôi vào một em
 Bao giờ sạch nợ giàu thêm,
 Đề anh đi kéo gỗ lim làm nhà.
 Đói ta trăm tuổi cùng già,
 Con tằm khác kén, cùng là nhộng non.
 Chữ đồng tạc núi ghi sông.

Đêm thu gió đập cành cau,
 Chồng ai xa vắng ai sầu chẳng ai ?
 Đêm thu gió hút ngoài tai,
 Gió ơi có biết chẳng ai nơi nào ?
 Đêm thu gió lọt song đào,
 Chồng ai xa vắng, gió vào chi đây ?
 Đêm thu gió lạnh đôi mây,
 Gió ơi có biết nổi nẩy cho chẳng ?

Con sông chạy buột về Hà,
 Nhớ ai Hà-nội, trông mà ngùi thương,
 Nhớ người cổ quận tha hương,
 Nhớ ai thời nhớ, nhưng đường thời xa.
 Ai xuôi em lấy học trò,
 Thấy nghiêng, thấy bút những lo mà gầy !
 Người ta đi lấy ông Tây,
 Có tiền; có bạc cho thầy mẹ tiêu.
 Ai đi ! đợi với tôi cùng,
 Tôi đi kiếm rượu cho chồng tôi xơi.
 Chồng hư mang tiếng mang tai,
 Tiếng tai thiệp chịu, hơn ai không chồng.
 Cô kia đen thùi đen thùi,
 Phấn đồ vô hồi, cái má vẫn đen.
 Lắm vàng cho thắm nhân duyên,
 Cô kia trắng nõn, không tiền lấy ai.
 Trách ai đánh đá nung vôi.
 Trách ai ngà gỗ trên đời đốt than.
 Làm cho ... trắng than đen,
 Cho lòng đen bạc, thế gian lắm người !
 Bờ hồ những gió cùng trắng,
 Những trắng cùng gió lăng nhăng sự đời,
 Ai lên nhẩn trách ông Trời,
 Bày chi trắng gió, cho người gió trắng !

*

Thơ rượu

Người đời như giấc chiêm bao,
 Nghìn xưa đã mấy ai nào trăm năm ?
 Một đoàn lao lực lao tâm,
 Qui chi chữ « thọ » mà lắm sống nhiều ?

Có tiền chưa dễ mà tiêu,
 Ham danh lắm kẻ như điều đứt dây.
 Thương ai cho bận lòng đây ?
 Cho vơi hũ rượu, cho đầy túi thơ !
 Cảnh đời gió gió mưa mưa,
 Buồn trong, ta phải say sưa đỡ buồn.
 Rượu say ta lại khơi nguồn,
 Nên thơ, rượu cũng thêm ngon giọng tình.
 Rượu thơ mình lại với mình,
 Khi say quên cả cái hình phù du
 Trăm năm thơ túi rượu vò,
 Nghìn năm thi sĩ tửu đồ là ai ?

*

Gió thu

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
 Lá rơi hàng xóm lá bay sang.
 Vàng bay mấy lá năm già nữa,
 Hờ hững ai xuôi thiếp phụ chàng ?
 Trận gió thu phong rụng lá hồng,
 Lá bay tường bắc lá sang đông.
 Hồng bay mấy lá năm hồ hết,
 Thơ thần kì ai vẫn đứng không.

*

THƠ DỊCH :

Hoàng - hạc lâu

Tích nhân đi thừa hoàng hạc khứ !
 Thử địa không dư Hoàng-lạc lâu.
 Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
 Bạch vân thiên tải không du du.
 Tình xuyên lịch lịch Hán-dương thụ,
 Phướng thảo thê thê Anh-vũ châu.
 Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
 Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

(Nguyên tác của Thôi-Hiệu)

*

Gác Hoàng - hạc

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu ?
 Mà đây Hoàng-hạc riêng lâu còn trơ !
 Hạc vàng đi mất từ xưa,
 Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
 Hán-dương sông tạnh, cây bầy,
 Bãi xa Anh-vũ xanh đầy cỏ non.
 Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
 Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?

*

Tự thuật

Thế sự du du nại lão hà,
 Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
 Thời lai, đồ diếu thành công dị ;
 Sự khứ, anh hùng ảm hận đa.
 Tri chúa hữu hoài phù địa trực
 Tầy binh vô lộ văn thiên hà.
 Quốc thù vị phục, đầu tiên bạch,
 Kỳ độ long tuyền đới nguyệt ma.

(Nguyên tác của Đặng Dung)

*

Nói về mình

Việc đời man mác, tuổi già thôi !
 Đất rộng trời cao chén ngậm ngùi.
 Gặp gỡ thời cơ may những kẻ,
 Tan tành sự thế luống cay ai !
 Phò vua bụng những mong xoay dứt,
 Gột giáp sông kia khó vạch trời.
 Đầu bạc giang san thù chưa trả,
 Long-tuyền mấy độ bóng trắng soi.

*

Trì thượng

Tiều nhai sanh tiều dĩnh,
 Thâu thái bạch liên hồi.
 Bất giải tàng tung tích,
 Phù bình nhất đạo khai.

(Nguyên tác của Bạch Cư-Dị)

*

Trên ao

*Người xinh bơi chiếc thúng xinh,
Bông sen trắng nở trắng tinh hái về.
Hớ hênh dấu vết không che,
Trên ao đề một luồng chia mặt bèo...*

*

Dịch - thủy tòng biệt

*Thử đi biệt Yên-Dan,
Tráng sĩ phát xung quan.
Tích thời nhân đi một,
Kim nhật thủy do hàn...*

(Nguyên tác của Lạ- Tân Vương)

*

Sông Dịch tiễn biệt

*Đất này biệt chú Yên-Dan,
Tóc anh tráng sĩ tức gan dựng đầu.
Người xưa nay đã đi đâu !
Lạnh lòng sông nước cơn sầu chưa tan...*

*

Khuê oán

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương (-) Thúy-lâu.
Hốt kiến mạch đầu, dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.*

(Nguyên tác của Vương Xương Linh)

*

N h ó c h ó n g

*Trẻ trung nàng biết đâu sâu,
 Buồng xuân trang điểm, lên lầu ngắm gương.
 Nhắc trông về liễu bên đường,
 « Phong hầu » nghĩ đại, xui chàng kiếm chi !*

*

O á n t ì n h

*Mỹ nhân quyền châu liêm.
 Thâm tọa Tần nga my
 Đan kiến lệ ngân thấp,
 Bất tri tâm hận thù.*

(Nguyên tác của Lý Bạch)

*

Bu ó n v ì t ì n h

*Người xinh cuốn bức rèm châu,
 Ngồi im thăm thăm nhẩn chau đôi mày.
 Chỉ nhay giọt lệ đầy vơi,
 Đố ai biết được lòng này giận ai !*



TƯƠNG-PHỐ

NỮ SĨ

Nữ sĩ Tương-Phổ tên thật là Đỗ thị Đàm, quê quán ở Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên, sinh năm 1900 tại Thấu-kê, tỉnh Lạng-son, Thượng-du Bắc-phần.

Bà chính thức bước vào làng văn từ năm 1928 trên tạp chí Nam phong của nhóm Phạm Quỳnh. Giọng văn thơ thâm nảo của bà là hiện tượng tất nhiên của một cõi lòng tan nát khi duyên tình đứt đoạn. Bà có chồng, rồi chồng bà phải lên đường sang Pháp du học; nhưng chỉ mấy tháng sau, vì không chịu được thời tiết giá lạnh, bệnh phổi bạo phát nên thổ huyết, phải về nước rồi mất ở quê nhà (Huế). Tính từ ngày ly cách, chỉ trong thời gian ba năm, đôi vợ chồng trẻ đã làm một cuộc 1qm biệt (năm Tương-Phổ 18 tuổi), rồi vĩnh biệt nhau (21 tuổi).

Đau khổ với cảnh đời, bà đem nỗi niềm bi thương của mình trải trên những dòng thơ và tạo thành áng văn trác tuyệt về tình. Bà đã nổi tiếng một thời về loại thơ tình cảm. Bà làm thơ dễ khóc than, thương tiếc người yêu nay không còn nữa. Vì tình yêu chân thật, thơ của bà là những tiếng lòng thông

thiết chấn thành. Giọng thơ nghe thê thảm; nó là tiếng nấc nghẹn ngào, là những giọt lệ đầy vơi của người vợ khóc chồng, là tiếng kêu đau thương của kẻ ở người đi, một người đi vào cõi chết, là tiếng nói của một tâm hồn đau khổ vì tình yêu tan vỡ, tiếng lòng của một góa phụ khi phải vĩnh viễn xa chồng. Chính vì những lẽ đó mà người ta thích đọc thơ bà để hiểu thế nào là sự cùng tột của đau thương, thế nào là niềm xót xa của cõi lòng đang thối rữa. Hầu hết tác phẩm của bà chỉ nói đến tâm sự mình, và chính mình là vai chính trong câu chuyện.

Văn thơ, Trương-Phổ có những tác phẩm sau đây :

— Giọt lệ thu (khóc chồng vào mùa thu 1920; viết từ năm 1923 cho đến mùa thu 1928 mới đăng trên báo Nam-phong số 131 tháng 7 năm 1928 ; đến năm 1952 nhà Ngày nay Hà-nội xuất bản, và 1967 được Nam chi tùng thư tái bản tại Sài-gòn, chính tác phẩm này đã đưa tên nữ sĩ sáng chói trên văn, thi đàn.

— Mưa gió sông Tương do nhà Bốn phương xuất bản ở Sài-gòn năm 1960 gồm những thi bản từ năm 1915 đến 1949.

Theo ông Vũ ngọc Phan trong Nhà văn hiện đại, thơ của Trương-Phổ đáng kể là tuyệt xướng có hai bài :

— Tái tiểu sầu ngâm (Nam-phong số 147, tháng 2-1930).

— Khúc thu hận (Nam-phong số 164, tháng 7-1931).

Ngoài thơ, bà còn viết ký sự đăng trên báo Nam phong như : Một giấc mộng, Nỗi thương tâm người đàn bà, Tặng bạn chân đời, Bức thư rơi, v.v...

Hiện nay (1968), nữ sĩ Trương-phổ đang sống tại Nha-trang với cuộc đời bình dị. Bà là nhà thơ phái nữ kỳ cựu nhất trong những thi sĩ tiền chiến đang ở miền Nam này.



NỮ sĩ Tương-Phổ bước vào làng văn Việt-nam qua tác phẩm *Giọt lệ thu* bằng giọng văn thật âm đậm, ngậm ngùi, mang một tâm trạng đau khổ, chán chường, khóc thương cho người đã khuất, nhắc nhở lại bao kỷ niệm vui buồn của những ngày chung chăn gối. *Giọt lệ thu* là một bài văn xuôi, thỉnh thoảng có chen vào mấy câu thơ mang chung nỗi sầu thương man mác. Niềm thương nhớ là nỗi lòng được nhắc nhở suốt trong dòng văn thơ dăm lẽ. Tương-Phổ đã khóc, khóc cho chính bản thân, khóc cho cuộc đời ngang trái, khóc cho cảnh vợ chồng đang độ mặn nồng, hương tình ngát đượm bỗng tan rã lứa đôi. Bà đã đem tâm sự của mình ký thác vào những dòng huyết lệ mà chúng tôi sẽ trích sau đây.

Phê bình về Tương-Phổ, ông Bùi xuân Uyên đã viết trong lời tựa của *Mưa gió sông Tương* như sau :

« Chúng ta đều đã biết Tương-Phổ.

Giọt lệ thu năm nào đã thấm trong văn học sử. Cái tên của Tương-Phổ đã đóng dấu một nỗi buồn. Kê ra không lạ gì: truyện một trang thiếu phụ, những năm sen ngó đào tơ đã gặp người xứng lứa vừa đôi, yêu nhau lại lấy được người mình yêu. Nhưng thương thay, đoàn tụ dề chia lìa, tang chồng đã ám một người vợ trẻ tay bồng con thơ. Bận gãi trong hoàn cảnh này, ai thì cũng khóc.

« Tương-Phổ đã khóc với *Giọt lệ thu* vào một buổi thu về năm ấy :

*Trời thu âm đậm một màu,
Gió thu hiu hắt thêm đau lòng em;
Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tình thu ai dề duyên em bẽ bàng.*

Ông Bùi xuân Uyên viết tiếp :

« Nhưng nỗi buồn nào cũng có thời gian, chứ mỗi thương tâm của người quả phụ là một nỗi buồn âm thầm trọn kiếp. Nên chi, khổn tang rồi đoạn mà chẳng đoạn nỗi lòng. Đường đời mấy khi lại dề mình yên với cái tâm sự đã thôi đành chịu nỗi nề.

Ngày mà người quả thiếu phụ vì hoàn cảnh éo le phải cam lòng đổi áo thay khăn bước đi bước nữa, lại chỉ là thêm một ngày tang tóc, khiến giọt lệ xưa thành mưa thành gió. Gió mưa chẳng ngớt với tháng ngày. Than ôi, trên bến sông Tương hiu quạnh, người vợ trẻ mất chồng một buổi thu xưa, ngồi ngán đây tiếng khóc của mùa thu. Đứng cay chua chất tình đời, giờ đây dưới bóng dương tà, đã nghiêng, nghiêng nửa mái đầu hoa râm, mở cho ta xem trang sử lệ của sông Tương. Chính là Mưa gió sông Tương đấy.

Kẻ viết bài này, có cái may mắn và cái vinh dự là người thứ nhất và người độc nhất được đọc Mưa gió sông Tương từ khi còn bản thảo, cho nên trong cảm kích, đã nhất định xin với tác giả cho tác phẩm này ra đời, và cho mình cái vui đi tựa.

Tác giả đã từ chối. Việc có tác phẩm thực quá và cò quá.

Tác giả không muốn nhận rằng chính cái thực ấy đã tạo nên giá trị của Mưa gió sông Tương, và qua cái cò, tác giả đã đạt được sự sáng tác thuần túy.

Mưa gió sông Tương gồm những bài viết từ năm 1915 đến 1949. Đời một quả phụ từ năm xuân đến buổi bạc đầu, ghi ở đây. Nỗi buồn của một người con sông dưới mái gia đình thanh bạch, nỗi thương tâm của một người vợ trẻ tang chồng âm thầm với tháng ngày qua, nỗi lo âu của một người mẹ góa áo com đèn sách, bao niềm hy vọng trông chờ ở đứa con côi cút, tất cả ghi ở đây, và ở đây, đọng lại giọt máu thiêng liêng của một sự cố gắng, một sự hy sinh không bờ bến, giọt máu của kiếp người, và kiếp người phải nói là quận đau trong vòng sinh hóa.

Tương-Phổ đã không giấu diếm gì hết, bởi vì phải đau Tương-Phổ viết cho chúng ta. Dĩ nhiên những bài thơ hoàn toàn từ bốn mươi ba năm trước mà chưa hề đăng, chẳng là những bài thơ đề gởi đời.

Đọc lại lời Tựa trên đây của ông Bùi xuân Uyên, chúng ta nhận thấy rất đúng, bởi vì Tương-Phổ làm thơ không phải để thành thi sĩ, mà cũng không phải là một

thơ. Trái lại Tương-Phổ làm thơ để giải bày tâm sự đau thương hầu vơi đi được phần nào nỗi nhớ thương.

Trong bài *Giọt lệ thu* cũng như những bài thơ của bà đã sáng tác, đâu đây người đọc nghe dậy lên tiếng nấc nghẹn ngào của một cõi lòng tuyệt vọng.

Để dẫn chứng và cũng để quý vị hiểu phần nào khuynh hướng và tư tưởng của Tương-Phổ trong văn thi phẩm của bà, chúng tôi xin trích một đoạn trong bài văn *Giọt lệ thu*, một áng văn bất hủ của Tương-Phổ và cũng là một ánh đuốc sáng trên văn đàn Việt-nam từ năm 1928 đến 1932.

Đây là đoạn kết của bài *Giọt lệ thu* :

« Nghĩ mà chua xót thương con, nhà không nóc, mưa gió mai ngày, cuộc đời xoay sở biết toan sao ? Đoạn trường em lại biết bao nhiêu giáng mắc. — Con còn trẻ thơ lo ăn lo mặc, lo học lo hành, con khôn lớn lại phải lo sao cho thành danh phận, để chen vai nổi gót với đời. Nghĩ như thân em sức vóc liễu bèo, cánh vẫy không có, hai bàn tay trắng, đức tài cũng không. Một mình mẹ góa nuôi con, em biết lo liệu thế nào cho tròn phận ấy ?

Anh ơi ! Anh mất đi, anh để lại cho em biết bao nhiêu nỗi dờ dang ở đời ! Dầu em có nghĩ liệu : mặc đời của máy cày đào, nỗi dờ dang âu đành chẳng bận. Nhưng tình nhớ thương khuấy khuấy sao đây ? Ra vào vắng vẻ tháng ngày, khăn áo cũ còn hình dung bóng dáng Khoảng trời đất non buồn nước lạnh, người đi bần bật, kiếp này còn gặp nhau đâu nữa mà mong.

Trên mây kia Ngưu Chức chia phối cũng đoạn trường, nhưng khóc nhau còn lại có ngày thấy nhau. Em khóc anh mấy thu nay lệ đã đầm lòng, người đành không lại, mộng sao chẳng về ? Nghĩ đau duyên ấy lại hờn với Ngẫu :

Thu về đẹp lứa duyên Ngẫu,

Năm năm ô thước bắc cầu Ngân-giang ;

Đôi ta ân ái lỡ lòng,

Giữa đường sinh tử đoạn trường chia hai ;

Anh vui non nước Tuyên-dài,
 Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh lòng ;
 Nhân gian khuất nẻo non Bồng,
 Trăm năm nào thiệp tấm lòng bơ vơ !

« Anh ơi, chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu ! Nhưng lòng thu ai hẳn có như em, mà mây chiều vẩn dạ, gió mai lạnh lòng. Như em mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thấm, mỗi làn lá rụng là một mảnh tình sầu. Thu càng thấm, sầu càng nặng.

Anh ơi, em nghĩ đến về với anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang, thì em lại bồi hồi nhớ trước tường xưa, mà lòng thu một tấm cũng ngây ngất sầu !

Ôi, hờn duyên em lại khóc thu, mà thu kia như cũng vô tình, có đem châu lệ đền bù cho em đâu !

« Cùng buổi thu này, trăng trong gió mát, tao khách thi nhân say tình say cảnh, cùng nhau cất chén hoàng hoa, ngâm thơ Tống-Ngọc, lưng bầu phong nguyệt hẹn hò với thu.

Riêng em trong cảnh phòng không chiếc bóng, luống túi mình dẫu xanh lê bạn, giữa đường lạc duyên, cho nên trông trắng những nhớ trắng xưa, thấy thu lại tưởng thu này năm nao, mà rồi châu lệ dạt dào, tắc dạ cũng thê lương, lòng riêng không còn một cảnh vui nào để cho mình ước hẹn với thu. Người buồn lại gặp cảnh thu, sầu riêng trăm mối bao giờ gỡ xong !

« Anh ơi, giọt lệ khóc thu, em chỉ vì anh mà năm năm lại lảng... Than ôi, thu sang thu nào lòng người biết bao !

Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
 Vì lau xan xát, hơi may lạnh lòng ;
 Ngọn ngang trăm mối bên lòng,
 Ai đem thu cảnh họa cùng thu tâm...»

*

Giọng thơ văn của bà mang một tính chất bi thương vô cùng, điều này đã khiến cho người đọc cảm động, đau đớn, xót xa. Trước cái đêm chia ly để rồi vĩnh biệt, người thiếu phụ đã băn khoăn :

*Còn đêm nay nữa sao mà...
 Đêm chưa chợp mắt, canh gà đã ran.
 Giục người muôn dặm quan san,
 Giục người rẽ thủy chia loan nao nùng.*

Hình ảnh chia ly sắp báo hiệu. Lời thở than của người vợ trẻ muốn níu chân thời gian chậm lại để kéo dài thêm phút giây lưu luyến bên cạnh người yêu. Chỉ một đêm nay vợ chồng còn chung chăn gối, đề mai này phải xa cách nhau :

*Đường xa xa mấy muôn trùng,
 Kè di người ở tấm lòng ngồn ngang.
 Ngậm lời ngời ngân canh tàn,
 Nhìn nhau đôi mắt bốn hàng lệ sa.*

Khi giờ phút chia ly đã đến, chàng sắp sửa lên đường, từ giã vợ con mà lòng muốn đứt ra từng đoạn. Chúng ta hãy nghe Tương-Phố thuật lại cảnh thương tâm đó, ngày 26-5-1916, chàng đắp xe lửa tại Phan-thiết đề vào Sài-gòn chờ tàu thủy sang Pháp :

*Anh ngoảnh lại, hôn con, hôn vợ,
 Miệng mỉm cười, lệ ứa khôn ngăn.
 Em non nớt, đừng ăn bận nhé !
 Ủ cho con, chớ để lạnh lòng ;
 Thuốc men, mẹ muốn cần dùng.
 Ca-Đê (1) bác sĩ sẵn sàng giúp em ;
 Yêu nhau, hãy tạm quên ly biệt,
 Xuân còn dài, đã hết xuân đâu !
 Buông lời, siết chặt tay nhau,
 Hôn con, anh vội bước mau xuống thêm...*

Bạn hãy đọc lại đoạn thơ trên, tưởng tượng đến lúc bị rịn chia tay của đôi vợ chồng trẻ, bạn sẽ cảm thấy lòng bạn nát tan với những lời than bi thiết ấy.

(1) Bác sĩ Cadet, người Pháp, giám đốc Bệnh-viện Phan-thiết hồi 1916.

Tưởng đến người yêu nơi nghìn trùng xa cách, một sự trống lạnh xâm chiếm tâm hồn, hình ảnh ấm êm vụt sống lại mãnh liệt nơi lòng người vợ trẻ, một đêm trắng mơ :

Như xưa, anh cầm chị Hằng,
Đa tình đến nỗi thương trắng lạnh lòng ;
Rẽ mây nước tới Thiềm-cung,
Nguyện đem chấn gối hạn cùng Thường-ngà ;
Vợ găn, cảm bóng trắng xa,
Ghen trắng, vợ bán : « Hằng-ngà... Nga gì ! »

Và đây, kỷ niệm êm đềm nhất khi hai mái đầu còn đang đắm mình trong hạnh phúc ái ân :

Nửa đôi ta, đương vòng tuổi trẻ,
Ái ân còn mới mẻ say sưa ;
Cùng nhau hú hí sớm trưa,
Bữa ăn giấc ngủ, cùng chờ đợi nhau.
Lòng chẳng nở xo đầu nửa hờn,
Đương kiếp này, đã ước kiếp sau.
Chỉ vui, vui chẳng biết sầu,
Quanh mình hoa có riêng màu vui tươi.

Ở kỷ ức, mỗi tình chớm nở như vạn mùa hương ứ trong thuở ban đầu đã khắc sâu nơi tim lòng, nàng nhớ rõ :

Em mười-tám, anh hai-mươi lẻ,
Sóng gương đôi, lứa trẻ như măng !
Có đêm, ngồi mát dưới trăng,
Bảo nhau : yêu quá sợ Hằng-ngà ghen.
Yêu có phút, lặng nhìn chẳng chớp,
Trông nhau cùng muốn nuốt nhau đi !
Ngây thơ một tấm tình si,
Yêu nhau, yêu có nghĩ gì xa xôi.

*Vui, có lúc cùng ngồi đánh chắt,
 Đùa, có khi bịt mắt bắt dê ;
 Khi trước cửa, lúc sau hè,
 Sánh vai, ngắm khách đi về đông tây.
 Lòng sung sướng đùa mây rờn gió,
 Chuyện băng quơ chẳng có đầu đuôi ;
 Câu vui cùng phá lên cười,
 Vui tại, hàng xóm cũng cười góp sang.*

Khi quá thương nhau, người ta thường mơ ước. Ta hãy nghe niềm ước mơ của Tương-Phố :

Ước chi

*Ước chi em hóa kiếp chim,
 Trời Tây muôn dặm bay tìm gặp anh.
 Véo von nhảy, hót bên mình,
 Vì anh khuây khỏa mối tình gia hương.*

(Thất-khê, 1916)

Và càng mơ ước bao nhiêu lại càng thương mến bấy nhiêu ; ước mơ thì nhiều nhưng không mấy may thành tựu, vì vậy nữ-sĩ đành trở lại với kiếp chờ mong, càng mong chờ càng nôn nả, lòng nhớ nhung càng se thắt con tim, Tương-Phố nhớ lại lời ước hẹn khi xưa của người yêu lúc sắp ra đi trong bài...

Anh hẹn

*Anh ơi ! anh hẹn anh đi sáu tháng về, mà nay,
 cúc thu tàn tạ, đông về đã qua. Tin xuân diêm,
 đào hoa mai nọ, trạng phu còn lẫn lừa góc trời Âu.
 Anh ơi ! đã hay tang bồng là kiếp mây râu, chính
 phu muôn dặm sá đâu lạnh lòng. Nhưng ngày xanh
 kia chẳng đợi má hồng, nỡ để ai chỉ kim thoa mãi
 tấm lòng tương tư !*

(Thất-khê, 1917)

Niềm nhớ nhung đã chín như trong tâm tưởng của người thiếu phụ khiến bật lên thành tiếng kêu bi thương gọi cảm. Xuân đi, xuân lại, thiếu phụ chờ mong với nỗi lòng trống lạnh cô đơn :

Xuân lạnh

*Xuân lạnh anh ơi, em nhớ anh,
Đường xa bao nả bấy nhiêu tình ;
Tương tư trần trọc năm canh lệ,
Gối chiếc chăn đơn mộng chẳng thành.*

(Thất-khê, Xuân 1917)

Ngày tháng nặng nề trôi. Mùa sen đã tàn. Đổ quyền kêu lên những tiếng náo nùng của khúc nhạc buồn thương :

Mây độ sen tàn

*Mùa sen năm ấy anh đi,
Quyên ca, ca khúc biệt ly náo nùng ;
Sen tàn mấy độ diêm hồng,
Nào đâu người khách tang bồng năm xưa ?*

(Thất-khê, mùa sen năm 1918)

Những phút sốt ruột cháy lòng là những lúc chờ đợi. Nàng đã mong chàng từng ngày, trông đợi từng cánh thư trao :

Mong thư

*Trạm đưa thư, những thư ai,
Thư mình hoặc chậm, ngày mai đưa vào ;
Mai qua, nào thấy âm hao,
Ngày nào cũng bằng như ngày nào thôi !*

(Tại trường Nữ Sư-phạm Hà-nội, 1919)

Niềm hy vọng thật bao la, nhưng rồi, bỗng một ngày vụn vặt phủ màu thê lương, chàng lia bỏ cuộc đời, cách

xa trần thế (ngày 25-7-1920) đúng 30 tuổi. Nàng nghe tin chẳng lành như cả đất trời long lở, thế là bao nhiêu niềm ước mơ bỗng tan thành mây khói :

Từ đây

*Từ đây, non nước vắng anh,
Từ đây, muôn dặm một mình em đi.
Chợ đời hợp mặt vui gì,
Người đi đôi lứa em thì lẻ loi !*

(1921)

Nàng không bao giờ ngờ được phút đau thương này :

*Mất anh, là sự khủng ngờ,
Lòng em năm tháng vẫn chờ đợi anh !*

Mới năm nào mắt mẹ, khăn tang còn đó ; thời gian chưa hàn kín vết thương đau, ngọn trào lòng chưa kịp vơi theo ngày tháng. Đến thu này mái đầu xanh lại chít thêm một vành khăn trắng, vết thương xưa lại vỡ toang, thần và thể cũng muốn theo dòng máu mà tan chảy. Ta hãy lắng tai nghe nguồn lệ của người thiếu phụ âm thầm rơi giữa đêm khuya :

*Canh khuya, tỉnh giấc hai hàng lệ,
Vừa năm kia, mắt Mẹ chưa khuây ;
Áo khăn tang tóc còn đây,*

Chưa xong tang Mẹ, lại ngay tang chồng.

Niềm đón đau tràn ngập tâm tư như muốn chà đạp linh hồn mảnh yếu ; Tương-Phổ khóc thương, gào thét, kêu than oán trách cơ trời :

*Nỗi đau đón riêng lòng này biết,
Khóc lên cho thảm thiết vang trời ;
Trời làm chi hỡi, trời ơi !*

Nỡ đem sinh tử nào người thế gian.

Chết, âu cũng muôn vàn lẽ chết.

Nỡ lòng nào vội giết tuổi xanh ?

Thời, thế là hết, thế là tan, những ước vọng ngày nào nay chỉ còn là mộng ảo ; kẻ ở người đi, tình kia lai láng, những kỷ niệm ấm êm xưa thối từ đây chôn sâu vào lòng di vãng ; mọi ân tình, mọi chuyện yêu đương đành gác lại kiếp mai sau, vợ chồng từ đây vĩnh quyết ; một ra đi, người yêu ngàn năm không bao giờ còn gặp lại. Nàng khóc than bi thiết, nước mắt đa mây lướt đầy vơi mà tình kia không khuấy trong dạ, niềm thương nỗi nhớ càng thêm bởi đoạn xót xa. Tháng năm qua là chuỗi ngày ảm đạm thể lương giết chết lần mòn đời người cô phụ khi độ nửa chừng xuân.

Lời than khóc của Tương-Phổ tưởng chừng như không bao giờ ngớt, nàng đã khóc thật nhiều, khóc cho cảnh đời góa bụa, khóc cho mình phận bạc mong manh, và khóc cho con từ đây cam chịu cảnh đời cô cút, nàng trút sự đau thương trong những dòng bi thiết :

Con ơi, biết tìm cha đâu nữa,

Khoảng đất trời con ở, cha đi.

Từ đây thôi nói năng gì,

Non buồn, nước lạnh, người đi không về !

Như thế là cái gì trân trọng quý báu nhất trong đời tình ái của Tương-Phổ đành chôn vùi trong lòng đất. Giờ có gặp nhau chẳng chỉ còn trong giấc mộng hồn, hoặc những khi lấy hình ảnh ra, nhìn lại nét tình anh, tình từ dề sống lại những cảm giác yêu đương rộn nhói trong tim rồi theo dây thần kinh tán dần trong từng đường gân thớ thịt. Tương-Phổ đã tận hưởng phút giây say lạ ấy :

Nhìn ảnh

Nhớ anh, giờ ảnh ra nhìn,

Người trong bức ảnh, muôn nghìn tình anh.

Say sưa lạ, vẫn tình tứ thế.

Nét thông minh lộ vẻ cao siêu,

Lặng nhìn, càng ngắm, càng yêu.

Về xuân phơi phới riêng chiều phong lưu.

*Dương trẻ thế, ngờ đâu anh mất,
Anh ơi anh, sự thật không ngờ ;
Nhìn nhau lệ ứa, mắt mờ,
Mất người trong ảnh, bây giờ tìm đâu !*

*

Trong đời tôi từng làm chứng nhân trước cảnh não lòng của những người vợ tuổi còn mơn mớn xinh tươi đã vội trùm lên đầu xanh vành khăn trắng, vật mình giữa giữa trong tuyệt vọng đau thương trước cái chết của người chồng son trẻ mà thời chiến này đã gây ra bao cảnh bi đát đoạn trường. Đôi khi tôi thầm tự hỏi: Rồi đây đời thiếu phụ sẽ ra sao ? Giàu sang phú quý có đánh đổi được cái trống lạnh của tâm hồn ? Có xóa nổi vết thương tình vỡ toang vì sự gãy đổ lứa đôi mà trọn kiếp người chỉ qua được một lần — tôi muốn nói đến những chân tình. Đối với kẻ nghèo lại càng thâm não hơn, họ phải hứng chịu bội phần sự thống khổ. Tương-Phổ là điển hình cho sự khổ đau cùng tột ấy nên đã bật lên thành tiếng khóc bi thiết trong những dòng thơ như những dòng máu thấm vào tuôn từ con tim tan vỡ mộng ái ân.

Sự thống thiết còn tàn nhẫn chà đạp lên trái tim khô héo của cha già ; thương con thương cháu trong cảnh túng cùng của hoàn cảnh mới, ông đã không ngăn được những giọt nước mắt như chất ép từ đáy lòng già khi phải chia xẻ mỗi đau thương.

*Hồn duyên, em lại nhìn cha khóc,
Ứa lệ, cha em ngoảnh mặt đi.*

*

Ngày tháng trôi qua.
Thời gian quả là liều thuốc màu nhiệm.
Niềm đau đớn nào cũng có lúc phai nhạt, trong tình yêu cũng thế.

Rồi như muốn xoay lại cảnh đời, xuôi ám lại lòng đứa con đã chịu góa bụa bấy lâu ; với tấm lòng của một người cha thương con, không muốn con mình sống trong cảnh lữ làng khi thuyền yêu bị gãy đổ trong phong ba, ông muốn tìm chỗ cho con nổi lại duyên tơ để nương tựa lúc tuổi già (1). Ông đã có những lý luận như sau :

*Cha đâu đợi đá ở đời,
Thân con âu cũng liệu nơi nương nhờ ;
Trẻ trung được lúc bây giờ,
Cảnh chiều mưa gió, con nhờ cậy ai ?*
và :

*Ba đời nuôi cháu ngoại rồi
Chén trà trưa sớm, ông ngồi thờ than ;
Lóc râu phơ, giọt lệ tràn,
Tình con cảnh cháu, chẳng an bụng già.*

Sự kiện đã đưa dây người thiếu phụ Tương-Phổ vào một cuộc xung đột dữ dội ở nội tâm. Tình yêu và lẽ sống đang dang co, tri kéo, dãn vật tâm tư, hồn thê bấy như trong hai lẽ. Rốt cuộc nàng phải chọn giải pháp thực tiễn hơn, khi hiểu rằng : chết là hết. Nàng thuận để tình cảm bị lý trí lấn át vì phải sống cho những người còn đang sống. Tương-Phổ đã vén màn lên cho ta thấy sự phản ánh đảo ngược của nội tâm và ngoại diện :

*Từ đây thương cha, em nín khóc,
Cha em thường thấy mặt em vui.
Người đời cũng ngốt em sung sướng,
Em biết tim em đã nát rồi.
Em cười phong kín hai hàng lệ,
Lệ ứa thương em lỡ cuộc đời ;
Thồn thức canh dài em dầu khóc,
Nhưng mai, son phấn lại tươi rồi !*

1) Sau khi bà chấp nối với ông Tuần-phủ Phạm khác Thành, người, làng Kim-thanh, huyện Ý-yên, tỉnh Nam-dịnh, bà trút rồi lòng trong thi bản *Tái tiêu sầu ngâm* với lời thơ bi thiết.

*Vì đứa con cô, em phải sống,
Nuôi con giở lệ máu chan hòa,
Muôn ngàn hạnh phúc hy sinh hết,
Tìm nát, thời gian lặng lẽ qua !...*

Tuân lệnh cha già ra đi làm lại cuộc đời mà tâm tư tan nát, Tương-Phổ đã diễn tả hết sức cảm động, bằng những lời chân thành nhưng thâm não vô cùng :

« *Thôi thì, một liều ba bảy cũng liều. Đành vâng lời cha, em bước chân ra. Bước chân ra, cho yên bụng cha già. Bước chân ra, cho khỏi lụy gia đình. Nhưng anh ơi ! một vâng lời, chết mấy táng ruột gan* »

hoặc :

« *Anh ơi ! Ngóanh mắt về Nam, em xin từ đây bái biệt anh.* »

« *Thôi ! em vì cảnh ngộ, vạn bất đắc dĩ phải bước chân ra. Anh có linh thiêng xin biết cho nhau, và phù hộ cho đứa con cô vất vả của chúng ta. Cố giúp cho con nên người anh nhé !...* »

và nhất là những câu kết thúc bài thơ :

*Thắp nén hương này, khóc biệt anh
Thề duyên ước cũ tui ba sinh ;
Thuyền ai một bước, hai hàng lệ,
Ngóanh lại con cô dạ chẳng đành.*

đề rồi em xin dành vĩnh biệt anh :

*Chan hòa lệ rỏ, trước ban này,
Hương nển lu mờ, khói tỏa bay ;
Bốn lạy già từ, muôn kiếp hận,
Bước ra, một bước, một chầu mây !...*

*

Thật là những vần thơ đắm lệ, biểu hiện một tác lòng kính mến tình xưa khi phải tiếp nối duyên tơ. Giọng thơ của Tương-Phổ càng đọc càng cảm động, xót xa ; lời

thơ dạt dào tình cảm. Đọc Trương-Phổ, dù cho người khó tính thế mấy cũng không phàn nàn vào đâu được nữa. Từ lối dùng chữ đến cách gieo vần là cả nghệ thuật tinh vi. Không sáo, không kiêu cách, trái lại bà thường dùng những chữ thông thường nhưng không phải vì thế mà làm cho bài thơ kém hẳn ý tứ hay bị lặt lẽo, vô vị...

Bốn mươi năm trôi qua, kể từ khi Trương-Phổ góp tiếng lòng qua *Giọt lệ thu* đăng trên *Nam-phong*, tên tuổi của nữ sĩ họ Đỗ vẫn còn sống mãi với thời gian và tiếng thơ vẫn còn rung động mãi trong lòng người ái mộ.

Tóm lại, tiếng thơ của nữ sĩ Trương-Phổ là tiếng lòng của nữ sĩ ; nó cấu tạo bằng tim, máu và nước mắt do một tâm sự riêng của chính mình, không hề vay mượn của ai, nó không gò bó, gượng ép hay giả tạo như một số thi nhân khác đã thường sáng tạo thơ văn mình do óc tưởng tượng nhiều hơn thực tế.

Đó là nét độc đáo có một không hai mà Trương-Phổ đã thành công và chiếm được một chỗ ngồi vững chắc trên thi-đàn Việt-Nam.



Chi, văn tuyển

Giọt lệ thu

*Trời thu ảm đạm một màu,
Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em,
Trăng thu bóng ngả bên thềm
Tình thu ai đề duyên em bẽ bàng !*

Anh ơi, thu về như gọi mỗi thương tâm. Mỗi độ thu sang em lại vô lòng than khóc. Nghĩ năm có một lần thu, nhưng thu năm nay đi, năm sau còn trở lại. Hỏi ba

sinh hương lửa thời ái ân kia để mấy kiếp hẹn hò nhau ? Chẳng hay cơ trời dẫu bề vì đâu, xui nên chẵn gối vừa êm, lửa hương mới bén, sắt cầm diu đặt ngón đàn, bỗng ai xô lộn bình tan gương vỡ cho người dở duyên !

Than ôi, minh dương đôi ngả, gió mây hội ấy, anh đi đi mãi, năm tháng thường về, người không dấu vết. Em muốn tìm anh tìm chẳng thấy, hôm sớm băng khuâng buồn lại nhớ, thương nhau gầy gò khóc vì nhau.

Anh vui non nước bấy lâu, bụi hồng khuất nẻo dứt đường cá chim, trông bốn phương trời mây buồn vơ vẩn, em còn biết đâu là lối phượng bay mà tìm. Chốn phòng loan từ thuở vắng anh, lệch lán chẵn gối đượm sâu, giường xưa chiếu cũ nghiêng xiêu, thu đông đến chẳng cùng em ân ái nữa. Giấc cô miên trần trọc suốt canh dài mắt muốn nhắm đi, lòng nào có ngủ, đường kia nổi nọ, trăm năm tâm sự, khôn đem hồn mộng gởi chiêm bao !

Ngày tới đêm lui, hôm mai lẫn lửa, những ngậm ngùi than thở xót cho thân. Than ôi, lênh đênh sóng nước một con thuyền, phong ba cuộc thế mấy phen dập vùi. Nghĩ như cánh buồm bọc gió, bề hạn không bờ, con chèo tuyệt vọng khôn dò bến, em nay còn biết buông theo ngả nào ! Trên cầu đoạn trường, sâu đường bề, khắc như năm, vỡ gầy thảm thiết thương anh, trăm mối tơ lòng không tung mà rối.

Xuân qua hạ lại, cảnh tình đã chẳng khác chi đông ; thu sang tâm sự lại dạt dào, thương tâm gió bụi mây chiều, lòng em lại lảng biết bao sầu tình !

Anh ơi, phòng thu vô vô một mình, mỗi khi nhớ anh, em lại ngừng tay kim chỉ, cuốn bức châu lim xa trông non nước, và hồi tưởng những đường xưa lối trước đi về có nhau, thì muôn nghìn tâm sự bấy giờ lại như xô lùi em về cảnh đời di vãng, mà rồi ngọn trào trong dạ cũng đành mang con sóng lệ. Em nhiều khi cũng nghĩ thương nước mắt, muốn thôi đi không khóc nữa, nhưng hai hàng châu lệ vẫn cứ chan hòa như mưa !

*Nước non ngao ngán tình xưa,
Trăm năm bạn cũ bây giờ xa đâu ?
Đề riêng ai*

*Bức khăn hồng tằm tã giọt châu
Gối chần còn ngấn lệ sầu đến nay !*

Anh ơi, nước non còn đó mà anh vội đi đâu ? Ngày xanh sao chẳng ở cùng nhau, duyên thắm nở nào chia rẽ lú. Ngoài nội uyên kia cùng chấp cánh, trên nường én nọ chẳng lia đôi, tung mây kết bạn ngang trời, nghì chim riu rít tui người lẻ loi.

Ồi ! chim có đôi, người sao lẻ bạn, chần đơn gối chiếc em biết cùng ai than thở chuyện trăm năm. Đành đem phận mỏng cánh chuồn, tóc tơ ngấn ngủi cùng anh không có phúc nối duyên lâu dài. Nhưng gieo chanh rắc ớt, chua cay lòng trẻ, đề đến duyên này chềch mắc dở dang, cũng bởi tại khuôn xanh kia đã quá tay lửa lọc. Trời ơi, ba sinh hương lửa, đã cho duyên kiếp ái ân bạn đời, ví dầu chẳng đề trăm năm nữa, cũng cho xuân thu đắp đổi độ vài mươi năm, cho cam tằm lòng trẻ thơ khăn túi. Nở nào chắt chiu én mới một xuân qua, đã đem sinh ly tử biệt chia phối bước đường.

Con còn trong cũi chưa se rốn, vợ qua bề cạn chưa hoàn hôn, anh đã vội vàng vút áo ra đi. Ồi, ra đi nào phải đi gần, dặm đường Âu Mỹ ngàn trùng nước non. Buổi tiền đưa nhìn anh thôi lại nhìn con, giọt hồng lã chã, chén quan hà những uống lệ mà say !...

Anh sang Tây, em cũng tính ngày về Bắc, con vừa đầy tháng em đã bước lên đường.

Nghì vợ chồng lấy nhau mùa thu, biệt nhau chưa kịp qua thu, đất khách quê người, gánh tình xẻ nửa dặm sầu chia hai, mà nay em ra về, nước non như vẽ cảnh đoạn trường !

Thôi, từ đây cảnh trời Phan-thiết rẽ hai thâm tình ! Than ôi, cùng nhau đương hợp mà tan, nghì nguồn cơn ấy thì thà rằng đôi lứa như chim, lại không biết có cái thâm những ngày gió mưa chia rẽ.

*Gió mưa chim chẳng lìa đôi,
Giữa đường ân ái nào người lẻ duyên ;
Lại sinh nguyện chấp cánh yên,
Cao bay chẳng đề khuôn thiêng lọc lừa.*

Anh ơi, một năm hoa mấy thời xuân, bốn mùa trắng dễ mấy rằm trung thu. Trắng đẹp khi tà, hoa thơm khi úa, đời xuân xanh ai trẻ mãi ru mà. Người yêu hoa đem lòng luyến ái, khách say trắng chén rượu vui mời, những than ba vạn sáu ngàn ngày, sinh thú cõi trần ai không hơn gì mộng cánh. cho nên thương hoa xuân tạ, cảm trắng thu tàn. Đã mang tặc dạ yêu say, khách chung tình không nở đề vì mình mà trắng sầu hoa tủi. — Em nay vì anh đến nỗi chừng xuân tơ liễu còn xanh, mà nửa làn tâm sự đã sang thu rồi ! Than ôi, anh đi chẳng lại đã đành rằng duyên kia dang dở, nhưng ngày xanh quăng vắng em chờ đợi ai !

*Ngày xuân luống tiếc xuân dài,
Oanh đưa liễu đón duyên ai đi về.
Vui xuân đôi lứa dễ huê,
Sầu xuân say tỉnh tê mê một người.
Xuân xanh duyên đã phai rồi,
Đời xuân thôi cũng là đời bỏ đi !*

Anh ơi, hờn xuân em lại giận trời, trời đa đoan phụ phàng con trẻ, nỗi dở dang này em biết than thở với ai đây ? Theo duyên những ước duyên may, em có ngờ đâu giữa đường đứt gánh chung tình, anh đi để lại cho em những ngày mưa sầu gió thảm !

Con anh mắng sứa, em còn thơ ngây, cuộc đời trăm đắng nghìn cay, trông vào ai, cậy vào ai ? Đường gian nan chân chồn bước ngại, tới lui đã dở, nắng mưa dễ biết lánh vào đâu !

Đường mây vỗ cánh, lựa chiều bóng mát cây cao, chim kia còn hơn em có tờ hôm mai đi về.

Buông con mắt trông bốn phương trời, em chỉ ngậm ngùi rưng rưng nước mắt, mà không còn biết đâu là nơi hy vọng được những tháng ngày ấm no.

Trông vời đỉnh Di mây che khuất, bơ vơ thân gái cũ phong trần, dở duyên em đành lại phải ôm con thơ quanh về nương tựa gối cha già. Than ôi, Cha già nhà túng trông lên luống nãi tâm lòng thần hồn. Tóc da mười chín năm trời, kính ngọt dâng bụi, đèn ớn trả nghĩa chưa mây may nào. Nay tơ duyên đứt mối, giữa dong chiếc bách lênh dênh, mình chẳng yên được phận mình, lại còn đem tấm thân trôi nổi dạt vào lòng cha. Nhưng đề lụy đến cha già cũng là một điều vạn bất đắc dĩ, chứ lòng em có muốn thế nào. Nghĩ cha em nửa đời gà trong nuôi con, cảnh ngày đã xế về hôm, mà vẫn còn đeo lo đeo nghĩ chưa được yên bụng già, thì em lại ngậm ngùi tác dạ làm con, hai chữ thần hôn luống tủi lòng khuya sớm.

Thần hôn đã lỗi đạo thường,

Con cô mẹ góa lại nương cha già.

Muối dưa đắp dồi ngày qua,

Phơ phơ tóc bạc cùng sa giọt sầu !

Anh ơi, quán nước làng mây chia rẽ lối, anh đi năm ấy buổi thu sơ, tính đến thu này đã bao lần khóm cúc nảy chồi, giò sen rũ lá, lòng em vật vờ bấy lâu, đem thu mà ước cũng mấy tao đoạn trường ! Nhưng mưa Ngâu lắm đất khi còn tạnh, gió vàng rụng lá buổi còn im, mùa thu có hẹn, ngày thu có chừng. Đến như một mối thương tâm đòi đoạn lòng người, thì còn có năm có tháng có ngày nào đâu ! Tấm thân góa bụa, chợ trần ai vắng vẻ bạn thâm tình, em đâu ước đến nghìn vàng đánh đổi một ngày vui xưa, cũng không bao giờ còn có nữa.

Ngày vui xưa đã không trở lại, phong vũ đoạn trường lại cứ năm năm mưa gió cùng về với thu, khiến cho em mỗi trận gió vàng lại một phen vật vờ. Ôi, thu xưa lệ rỏ, thu này châu sa, mỗi độ thu về mất bao nhiêu nước mắt !... Nhưng sao em khóc đã nhiều mà hồ lệ bên lòng vẫn không vơi được cái âm sự đắng cay lại cứ càng ngày càng thêm cay đắng.

Thu thường lại, ngày vui chẳng lại, thu thường đi, lòng hận chẳng đi; thương không có hận, giận không có kỳ, người đi đi mãi, kẻ khóc khóc hoài. — Chao ôi, Anh có biết đâu một sớm anh chơi mây, để lại tháng ngày em lẻ bạn !

Thu có hận sâu dài, không hận,

Cảm thu sang, nhớ bạn lứa đôi.

Đoạn trường biết mấy tao noi,

Khóc rồi lại khóc, hờn thôi lại hờn.

Khúc uyên đạo dây đàn ai đứt,

Dao sầu kia cắt đứt lòng son.

Trăm năm lỡ cuộc vương tròn,

Hờn duyên tui phận lệ còn chứa chan !

Anh ơi, gái Thiên-tôn than thở khóc sinh ly, năm rằm còn được thấy Ngưu Lang trở lại, cầm sắc với dao cày, dây đàn kia lại cùng nhau so phẩm cũ. Em nay đau lòng từ biệt. Những ngậm ngùi kẻ khuất người còn, miền dị lộ nước mây thăm thăm cách, non Bồng nước Nhược, với trông anh bóng hạc biết về đâu ! Cõi trần ai quanh năm uống lệ lại nuôi sầu, đoạn trường ấy anh biết cho nhau chẳng nhẽ ?

Năm theo anh mười bảy thơ ngây, đào tơ sen ngó, ái ân thừa đó, đem ngày xanh hẹn buổi bạc đầu. Em những chày cùng nhau đôi lứa thiếu niên, Bắc Nam dù cách trở, hương lửa vẫn nồng nàn, thì nay dẫu xa xôi, mai rồi lại gặp gỡ, và nước non còn đó, dẫu hết cơ duyên. Nên chi con thơ mắng sửa em chăm chút, chẳng phiền cha mẹ, chẳng phiền anh, rắp mong để yên lòng khoa danh gặp hội anh đưa bước. Một mai nam nhi toại chí, dưới bóng tùng quần em cũng được nở nang mày mặt.

Than ôi, những cậy mình tuổi trẻ khinh ly biệt, em nào có học đến chữ ngờ, mà biết trước sinh ly từ biệt đoạn trường dồn nhau ! Sự duyên càng nói càng đau...

Nghĩ lại Âu du bước ấy có may gì ! Quê người đầu dãi tuyết sương, mấy năm trời lao tâm khổ tứ, thang mây thăng một bậc, tuổi thọ giáng bao nhiêu !

Ngót ba thu lần lửa đất Mạc-xây, nghĩ lưỡng thương anh yếu đau sấn sóc cho người, môn Biền-Thước thêm được bức văn bằng Thuộc-địa Y-khoa, lúc trở về đã hai lần phổi nát ! Thảm thiết thay, anh mang trọng bệnh lên đường vinh qui, trước khi bằng vàng ghi chép cái danh hảo huyền kia, hẳn cũng không ngờ đầu ba chữ tên mình sắp đến ngày mờ xóa trong sổ nhân loại thế gian !

Tin về đưa đến, Bắc Nam đôi ngả xa vời, chén tầy trần, em những ngậm ngùi ngoài thiên lý, cuộc trùng hoan nào được thấy nhau. Nhưng cũng tưởng đầu xanh tuổi trẻ, ái ân còn dài, thì rồi đây vui xum họp âu sẽ có ngày cùng nhau hàn huyên, kẻ lẻ giải sầu chia phôi. Nào hay đầu ông Tạo-hóa cơ cầu, xui nên vật đổi sao dời trong phút chốc. Đường đau xa nhau, bỗng lại khóc mất nhau !

Ôi, tin đầu xé ruột xé lòng !... Mảnh giấy xanh đưa đến tận nơi : ngày hai mươi nhăm tháng bảy năm Canh thân là ngày anh tạ đất tạ trời, cướp công cha mẹ, dứt tình vợ con, lia rẽ anh em, chia đường kim cò. Một gánh nợ đời trút cả cho người còn ở lại !

Chao ôi, lưng trời sét đánh, em thật đã chết cả đời người.

Thôi thế là thôi ! Một dải khăn ngang, năm thân gấu xỏ, trăm năm tâm sự còn nói năng gì !

Con anh nào đã biết mặt cha, thân côi cút trái đào ba tuổi, từ đây em dạy em nuôi, khoảng trời đất không mong gì còn có bố !

Nghĩ mà chua xót thương con, nhà không nóc, mưa gió mai ngày, cuộc đời xoay xở biết toan sao ? Đoạn trường em lại biết bao nhiêu giăng mắc. — Con còn trẻ thơ lo ăn lo mặc. lo học lo hành, con khôn lớn lại phải lo sao cho thành danh phận, đề chen vai nổi gót với đời. Nghĩ như thân em sức vóc liễu bồ, cánh vẫy không có, hai bàn tay

trắng, đức tài cũng không. Một mình mẹ góa nuôi con, em biết lo liệu thế nào cho tròn phận ấy ?

Anh ơi, anh mất đi, anh để lại cho em biết bao nhiêu nỗi dờ dang ở đời ! Dầu em có nghĩ liều : mặc đời cua máy cáy đào, nổi dờ dang âu đành chẳng bận. Nhưng tình nhớ thương khuấy khỏa sao đây ! Ra vào vắng vẻ tháng ngày, khăn áo cũ còn hình dung bóng dáng. Khoảng trời đất non buồn nước lạnh, người đi bần bật, kiếp này còn gặp nhau đâu nữa mà mong !

Trên mây kia Ngưu Chức chia phối cũng đoạn trường, nhưng khóc nhau còn lại có ngày thấy nhau. Em khóc anh mấy thu nay lệ đã đầm lòng, người đành không lại, mộng sao chẳng về ? Nghĩ đau duyên ấy lại hôn với Ngâu :

*Thu về đẹp lứa duyên Ngâu,
Năm năm ô thước bắc cầu Ngân-giang ;
Đôi ta ân ái lỡ làng,
Giữa đường sinh tử đoạn trường chia hai ;
Anh vui non nước Tuyền-dài,
Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh lùng ;
Nhân gian khuất nẻo non Bồng,
Trăm năm nào thiếp tấm lòng bơ vơ !*

Anh ơi, chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu. Nhưng lòng thu ai hẳn có như em, mà mây chiều vẫn dạ, gió mai lạnh lòng. Như em mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thấm, mỗi làn lá rụng là một mảnh tình sầu. Thu càng thâm, sâu càng nặng.

Anh ơi, em nghĩ đến về với anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang, thì em lại bồi hồi nhớ trước tường xưa, mà lòng thu một tấm cũng ngày ngất sầu !

Ôi, hôn duyên, em lại khóc thu, mà thu kia như cũng vô tình, có đem châu lệ đền bù cho em đâu !

Cùng buổi thu này, trăng trong gió mát, tao khách thi nhân say tình say cảnh, cùng nhau cất chén hoàng

hoa, ngâm thơ Tống-Ngọc, lưng bầu phong nguyệt hẹn hò với thu.

Riêng em trong cảnh phòng không chiếc bóng, luống tủi mình đầu xanh lẻ bạn, giữa đường lạc duyên, cho nên trông trắng nhưng nhớ trắng xưa, thấy thu lại tưởng thu này năm nao, mà rồi châu lệ dạt dào, tác dạ cũng thê lương, lòng riêng không còn một cảnh vui nào đề cho mình ước hẹn với thu. Người buồn lại gặp cảnh thu, sầu riêng trăm mối bao giờ gỡ xong.

Anh ơi, giọt lệ khóc thu. em chỉ vì anh mà năm năm lai láng... Than ôi, thu sang thu nào lòng người biết bao !

*Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vi lau xan xát, hơi may lạnh lòng ;
Ngồn ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu cảnh họa cùng thu tâm...*

Viết ở sông Thương mùa Thu
năm Quý-hợi 1923

*

Tự tình

*Canh khuya, tỉnh giấc hai hàng lệ,
Vừa năm kia, mắt Mẹ chưa khuây ;
Áo khăn tang tóc còn đây,
Chưa xong tang Mẹ, lại ngay tang chồng !*

*Nỗi đau đớn, riêng lòng này biết,
Khóc lên cho thảm thiết vang trời ;
Trời làm chi hỡi trời ơi !*

*Nỡ đem sinh tử nào người thế gian.
Chết, âu cũng muôn vàn lẽ chết,
Nỡ lòng nào vội giết tuổi xanh ?*

Ôi ! trang trẻ đẹp, thông minh,
 Chết con người một tấm tình chứa chan !
 Chết hơi chết ! sao tàn nhẫn thế ?
 Dở dang người vợ trẻ còn thơ ;
 Từ đây biết lại bao giờ
 Đốt lò hương ấy, so tơ phím này !
 Áo xanh (1) thăm ố dầy ngăn lệ,
 Mối sầu này ai đề cho nhau !
 Già nua kia, bạc mái đầu,
 Kẽ còn người khuất, cũng đau đớn lòng.
 Nửa đời ta, đương vòng tuổi trẻ,
 Ái ân còn mới mẻ say sưa ;
 Cùng nhau hú hí sớm trưa,
 Bữa ăn giấc ngủ, cũng chờ đợi nhau.
 Lòng chẳng nở xa đâu nửa bước,
 Đương kiếp này, đã ước kiếp sau.
 Chỉ vui, vui chẳng biết sầu,
 Quanh mình, hoa cỏ riêng màu vui tươi.

Em mười-tám, anh hai-mươi lẻ ;
 Sóng gương đôi, lứa trẻ như măng !
 Có đêm, ngồi mát dưới trăng,
 Bào nhau : yêu quá sợ Hằng-nga ghen.
 Yêu có phút, lặng nhìn chẳng chớp,
 Trông nhau cùng muốn nuốt nhau đi !
 Ngay thơ một tấm tình si.
 Yêu nhau, yêu có nghĩ gì xa xôi.
 Vui, có lúc cùng ngồi đánh chắt,
 Đùa, có khi bịt mắt bắt dê ;
 Khi trước cửa, lúc bên hè,
 Sánh vai, ngắm khách đi về đông tây.

(1) Áo xanh rêu màu đại tang, và cũng ngụ ý tấm áo trẻ trung của người đương tuổi thanh xuân rực rỡ.

Lòng sung sướng đùa mây rờn gió,
 Chuyện băng quơ chẳng có đầu đuôi ;
 Câu vui cùng phá lên cười,
 Vui tai, hàng xóm cũng cười góp sang.

Nhắc truyện cũ, lòng càng thêm nhớ...
 Ôi ! trăm năm, mấy thuở vui vầy :
 Phút rồi kẻ Bắc, người Tây,
 Sinh ly những ước lại ngày đoàn viên.
 Anh rong ruổi theo miền tên đạn, (1)
 Em trở về vui bạn bút nghiên
 Lòng son đề chớm lửa phiền,
 Giọt hồng lã chã đề hoen má hồng.
 Góc trời Âu, tấm lòng mong mỏi,
 Nay tin đi, mai hỏi tin về ;
 Xa xôi còn bóng trắng thề,
 Bao phen dưới bóng trắng khuya ngậm ngùi.
 Trông trăng, chạnh nhớ người chung bóng,
 Bóng bên Đông, nhớ bóng bên Tây.
 Rượu sầu chẳng nhấp mà say,
 Lòng sầu gượng gượng càng ngây ngất sầu !
 Ly hận nổi càng lâu càng khờ,
 Tương tư thêm mấy độ tương tư ;
 Nay mong thư, mai đợi thư,
 Ba thu đất khách bấy giờ là đây :
 Anh lâm bệnh, phương Tây về nước,
 Chứng nan y Biền-Thước cũng hàng !
 Nghe tin, thương xót muôn vàn,
 Lặng ngồi lặng nghĩ, hai hàng lệ tuôn...

1) Anh sang Pháp hồi Âu-châu đại chiến 1914-1918.

Bệnh hơi bệnh, sao buồn đến thế !
 Bệnh óái oàm, bệnh đề giết ai ?
 Ráp mong, ngày một, ngày hai,
 Thuốc tiên bệnh quỉ, có tài cũng qua.
 Riêng ngán nỗi, đường xa dặm thẳng,
 Ước đoàn viên, nguyện chẳng như nguyên.
 Trăm điều ngang ngửa vì duyên,
 Bắc Nam tuy vẫn nặng nguyên ước xưa.
 Êm đềm tay dắt con thơ,
 Bước trăm năm, vẫn đợi chờ gặp nhau.

•

Tin vụt đến, ngõ dâu sét đánh,
 Mảnh giấy xanh là mảnh báo tang !
 Tin dâu tin xé can tràng,
 Tin dâu tin đề hai hàng lệ sa !
 Khóc lại khóc chan hòa nước mắt,
 Thở than thôi lời thật không lời ;
 Anh còn trẻ quá, anh ơi !
 Mới ba-mươi, cũng một đời thông minh.
 Anh mất, cảnh gia đình thảm thiết,
 Cha mẹ già lòng biết bao khuây !
 Con thơ, vợ dại từ đây,
 Kiếp trần mưa gió, nào ngày vắng anh.
 Ai jễn nhau mỗi tình lơ dờ ?
 Duyên kiếp này, có dở đang không !
 Mười chanh, ôi, xót xa lòng !
 Ngày xanh, chỉ đề má hồng phơi pha:
 Con ơi, biết tìm cha đâu nữa !
 Khoảng đất trời con ở, cha đi ;
 Từ đây thôi nói năng gì,
 Non buồn nước lạnh, người đi không về,

Sự nhớ nhau, canh khuya lại khóc,
 Nghĩ thương con nay cóc man tường ; (1)
 Biết bao nhiêu nỗi đoạn trường,
 Niêm phong khôn gửi tuổi vàng cho nhau !
 Anh trẻ tuổi, về đâu với thế ?
 Cõi trần ai, nỡ đề riêng ai ;
 Dưới trăng, giọt lệ canh dài,
 Dò dang tâm sự, ngậm ngùi tuổi xanh.
 Duyên một năm tơ tình muôn kiếp,
 Ruột gan này nát liết vì nhau !
 Đêm khuya trắng dài bên lầu,
 Bóng trăng kia biết dạ sầu đêm nay !

(Một đêm về cuối thu ở trường Nữ
 Sư-phạm Hà-thành, năm 1920)

*

Em còn nhớ

Em còn nhớ buổi trưa hôm ấy
 Anh soạn rương, sắp giấy ra đi ;
 Chiếc rương với chiếc va-li,
 Hành trang sẵn cả, em thì bằng con.
 Anh ngoảnh lại, hôn con, hôn vợ,
 Miệng mỉm cười, lệ ứa khôn ngăn :
 Em non nớt, đừng ăn bậy nhé !
 Ủ cho con chớ để lạnh lòng ;
 Thuốc men, em muốn cần dùng,
 Ca-Đê bác sĩ sẵn lòng giúp em.

1) Phụng dao : Con có cha như nhà có nóc,
 Con không cha như cóc man tường.

Yêu nhau, hãy tạm quên ly biệt,
 Xuân còn dài đã hết xuân đâu !
 Buông lời, siết chặt tay nhau,
 Hôn con, anh vội bước mau xuống thềm.
 Em ngồi ngẩn, như điên như dại,
 Trông theo anh, trông mãi đến giờ !...
 Mất anh, là chuyện không ngờ,
 Lòng em năm tháng vẫn chờ đợi anh !
 (1922)

*

Bước chân ra

Mấy hàng lệ kỷ gửi bạn ba sinh chốn Dạ-đài.

Thay khăn đôi áo bước ra,
 Hai hàng nước mắt chan hòa như mưa !
 Đau lòng duyên mới, tình xưa,
 Yêu nhau chi đề bây giờ phụ nhau !
 Chấn ón gối chiếc bấy lâu,
 Giấc cô miên ấy đã hầu ăm êm.
 Tình xưa, xưa vẫn êm đêm,
 Duyên xưa, chưa dứt mối duyên những ngày.
 Anh ơi ! duyên xưa chưa dứt mối duyên những ngày,
 mà hôm nay đây, đôi áo thay khăn, gạt nước mắt bước
 chân ra, em đã cam phụ anh rồi ! Phụ cả đứa con thơ dại
 của đôi ta !

Con không cha, từ đây vắng mẹ,
 Nghĩ ai tình con trẻ biết bao !
 Bước ra nhưng muốn quanh vào,
 Trăm phần, nào có phần nào phần khuây.
 Thân này, đến dở dang này,
 Lòng này, ôi hết chưa cay rồi lòng !

Buồn quá anh ơi ! Giữa đường kẻ khuất người còn, em mất anh đã mấy thu qua, nay lại cam lòng rũ tình duyên cũ, ôm cầm thuyền ai, nghĩ đối với nhau còn gì đâu nữa. Đã mất nhau rồi, lại mất nhau, duyên kia dù nổi, dạ sâu bao khuây !

Tình cảnh này, tâm sự này, chốn Dạ-dài khôn gửi lệ châu, ai còn biết cho nhau nỗi lòng tan nát ấy !

Trước cảnh nhà thanh bạch, thương con đầu xanh góa sớm, cha em phơ phơ mái tóc, ngày đêm lo buồn, những mong thăm cho con có chốn yên thân.

*Cha đầu đội đá ở đời,
Thân con âu cũng liệu nơi nương nhờ ;
Trẻ trung được lúc bây giờ,
Cảnh chiều mưa gió, con nhờ cậy ai ?*

Như em, trẻ trung nào đã biết lo gì, không ngờ, trong khoảng tháng ngày vô tư lự ấy, em đã đề bận lòng cha già không biết bao nhiêu. Lo con trẻ dại, sợ con hư, thương con hiu quạnh sớm trưa một mình. Chẳng những thương con, lại còn dứa cháu mồ côi nữa.

*Ba đời nuôi cháu ngoại rồi !
Chén trà trưa sớm, Ông ngồi thờ than ;
Tóc râu phơ, giọt lệ tràn,
Tình con, cảnh cháu, chẳng an bụng già.*

Con góa trẻ, cháu mồ côi, cảnh nhà neo túng biết ai đỡ đỡ ? Cho nên, cha em lựa chọn mỗi duyên sau này, những ước cho em thành đôi lứa tốt.

Ơi ! Cha thương con vẫn là trung hậu, nhưng cha em đâu biết lòng em khổ.

Thương tâm đã lắm, em nay chỉ mong tìm gan lành lặn hơn lành áo khăn, mà còn tìm đâu thuốc chữa đoạn trường này đây !

*Tim đã nứt, bao giờ lành nữa !
Khóc vô duyên, than thờ ích gì ?
Người đời đau khổ thiếu chi,
Khô gan, héo ruột, riêng gì một ta.*

Biết khóc vô duyên, than thở chẳng ích gì, mà em vẫn tủi thân cứ khóc. Tưởng như muốn vằn cay đắng, họa chẳng chỉ còn giọt lệ âm thầm lại lắng cảm thương em.

Anh ơi ! vì đâu nên nỗi dở dang này ? Em nên bước đi ? Hay nên ở lại ?

Ở đã dở, bước đi càng dở, nỗi lòng kia ai ở trong lòng !

Dầu sao nữa, dừng chân đứng lại, đành lòng em, chẳng đành được cảnh nhà.

*Nơ nào đề lụy cha già,
Nơ nào đề một cảnh nhà dở dang ;
Con thuyền bất lái sang ngang,
Trông vời sông nước mà ngang ngửa lòng !*

Thôi thôi, một liều ba bảy cũng liều. Đành vâng lời cha, em bước chân ra. Bước chân ra, cho yên bụng cha già. Bước chân ra, cho khỏi lụy gia đình. Nhưng anh ơi ! một vâng lời, chết mấy tầng ruột gan.

Em đã mất anh, còn mong gì gây lại tương lai êm đềm, và còn tìm đâu hạnh phúc chốn nhân gian này ? Đi đâu cho thấy vui ? Làm gì cho quên nhau được ? Chẳng qua chỉ tại tấm lòng hiu quạnh năm càng quạnh hiu.

Ôi ! tình xưa đâu biết dở dang này, ngày xuân tơ liễu buông mảnh, con oanh còn học nói, mà tuổi xanh đã chau mày vì duyên. Anh ơi !

*Mất anh đề lòng em vắng vẻ,
Năm lại năm, sông tẻ buồn tênh !
Tìm đâu lạc thú gia đình ?
Tìm đâu thấy bạn thâm tình buổi xưa ?
Mất anh biết bao giờ khuây được,
Mộng lừa lòng, vẫn ước gặp anh ;
Kiếp này đã dở dang tình,
Thương nhau nguyện kiếp lại sinh lại tìm.*

Một bước chân ra, mấy lần gặt lệ. Làng mây quán nước, anh thấu chẳng tình. Từ đây mà đi, cuộc đời em sắp sửa đổi thay, tâm sự lại phân mang bao ngà. Mà rồi, chim xa tổ cũ, lá lìa rừng xưa, giang sơn một gánh nhà ai, kiếp trần mưa gió ai người thương em ? Anh ơi ! nghĩ nguồn cơn ấy, em luống lại đau lòng tiếc cảnh chăn đơn gối chiếc, tiếc con thuyền gỗ bách lênh đênh.

Thà rằng, ở lại khóc nhau, còn hơn bước ra đi, dề mất nhau thứ nữa.

*Đã mất nhau rồi, lại mất nhau,
Ngậm ngùi chi xiết nỗi thương đau !
Áo khăn thay đổi, lòng không đổi,
Ghi sò ba sinh, hẹn kiếp sau...*

Than ôi ! kiếp sau nào biết có hay không, nhưng kiếp sau cầm trước dề an ủi lòng.

Chẳng hay, những trang quả phụ ở đời này, có ai cùng chung số phận, cũng năm này, cũng tháng này, cũng ngày này, cùng đau đớn cảnh, cùng cảm nỗi buồn tái giá, như lòng này không ?

Anh ơi ! Ngoảnh mặt về Nam, em xin từ đây bái biệt anh.

Thôi ! em vì cảnh ngộ, vạn bất đắc dĩ phải bước chân ra. Anh có linh thiêng xin biết cho nhau, và phù hộ cho đứa con côi vất vả của chúng ta. Cố giúp cho con nên người anh nhé !

*Thắp nén hương này, khóc biệt anh,
Thề duyên ước cũ tui ba sinh ;
Thuyền ai một bước, hai hàng lệ,
Ngoảnh lại con côi, dạ chẳng đành.*

*Chẳng đành, đành cũng bước chân ra,
Tâm sự phân mang nỗi cửa nhà ;
Con dại, cha già, tình cảnh ấy,
Anh ơi, em nỡ, nỡ đâu mà...*

Nơ đâu đề mãi bận lòng thầy,
 Một dạ, vì em, thảng lại ngày ;
 Dang dở chữ tình, tròn chữ hiếu,
 Tình kia, hiếu nọ, dễ ai hay !

*

Ai hay duyên đẹp, lứa đôi ta,
 Một buổi thu về đề xót xa ;
 Kẻ khuất, người còn, tình lơ dờ,
 Áo khăn thay đổi lệ chan hòa.

*

Chan hòa lệ rỏ, trước ban này.
 Hương nển lu mờ, khói tỏa bay ;
 Bốn lạy già từ, muôn kiếp hận,
 Bước ra, một bước, một chau mày !...

(1925)

*

Tái tiều sấu ngâm

Đàn xưa, ai dứt dây đàn ?
 Dứt dây từ đấy, chứa chan mạch sầu !
 Ngày xanh chi dở dang nhau,
 Tuổi xanh nghĩ buổi bạc đầu mà thương ;
 Vóc mai gãy gỏ tuyết sương,
 Mấy thu chiếc bách cánh bướm bơ vơ ;
 E dề buổi gió chiều mưa,
 Con cô, mẹ góa, dễ nhờ nương đâu ?
 Bước đi, âu cũng thương nhau,
 Dừng chân đứng lại, cơ mầu dở dang ;
 Dây loan chấp nối đoạn trường,
 Ngâm câu tái tiều hai hàng lệ sa !

*

Để âu duyên mới du mà,
 Còn tình chẳng nữa, cùng là lụy thôi.
 Trăm năm danh tiết lỡ rồi,
 Dầu thân chung đỉnh cũng đời bỏ đi.
 Đào tơ sen ngó từ khi,
 Ngây thơ đôi lứa ngỡ chi nổi này ;
 Uyên ương chia rẽ bấy nay,
 Lạc bầy chấp cánh, thẹn ngày giao hoan ;
 Tình xưa lai láng khôn hàn,
 Bến xưa ngoảnh lại muôn vàn thương tâm !

Thuyền ai, nào khách ôm cầm,
 Dây tơ diu dặt, âm thầm tiếng tơ ;
 Khúc thành, lệ ứa như mưa,
 Cảm xoang điệu cũ bao giờ cho thôi.
 Thân này, đôi dấu đủ đôi,
 Lòng này, riêng vẫn lẻ loi tấm lòng !
 Theo duyên ân ái dèo bòng,
 Trăm năm vẫn một khúc lòng bi thương.

Trông về lối cũ Bình Hương, (1)
 Sông quanh chín khúc đoạn trường quận đau !
 Non cao, thăm ngắt non sâu,
 Cảnh xưa ai vẽ nên màu thê lương.
 Tình xưa càng nghĩ càng thương,
 Biết bao khoảng vắng đêm trường khóc nhau.
 Gối nghiêng thăm tã tuôn châu,
 Màn hoa chấn gấm giọt sầu chứa chan.
 Cửa hầu, gửi áng xuân tàn,
 Chén vinh hoa, nhấp muôn ngàn đắng cay.

(1) Sông Hương-giang và núi Ngự-bình.

Nỗi lòng chua xót ai hay,
 Tấm thân bỏ liễu võ gầy riêng thương.
 Vì chàng tâm sự dở dang,
 Vì con, thôi mấy đoạn trường cũng cam.

*

Nghĩ vui đuốc tuệ hoa đàm,
 Cha già, con dại, dễ làm sao đây ?
 Chàng từ cười hạc chơi mây,
 Bụi hồng, nào biết những ngày gió mưa:
 Đau lòng thiếp, nỗi sau xưa,
 Cửa nhà, non nước như tơ rối bời.
 Lòng nào lòng tưởng vui cười,
 Cũng thân nghiêng ngửa với trời đa đoan.
 Nỗi đời nếm hết tân toan,
 Khôn ngoan chỉ mấy mà oan trái nhiều !

*

Nước non duyên nợ nghĩ liễu,
 Cầm như con trẻ chơi diều đã xong.
 Nỗi riêng lệ ứa đôi dòng,
 Trăm năm đề một tấm lòng từ đây !
 (1925)

*

Khúc thu hận

Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,
 Thu năm về, nào thấy chàng về ;
 Chàng đi, đi chẳng trở về,
 Thu về, thiếp những tê mê dạ sầu.

*

Làng mây nước biết đâu nhẩn gửi,
 Khoảng đất trời đề mãi nhớ thương;
 Vì chàng, chín khúc đoạn trường,
 Vì chàng, trăm mối sầu vương tháng ngày.
 Thu xưa khốc, thu này lại khốc.
 Năm năm thu, mông khốc mà già ;
 Người xưa khuất, cảnh cũ qua,
 Non huân, nước lạnh, cỏ hoa tiêu điều.
 Nỗi ly hận mây chiều gió sớm,
 Tình tương tư khoảng vắng đêm trường;
 Gió mưa tâm sự thê lương,
 Chỉ kim ai vá đoạn trường nhau đây !
 Sầu ngầy ngất những ngày thu lại,
 Giọt ngâu tuôn lệ lại chan hòa...
 Ngàn xanh sắc úa vàng pha,
 Bông lau lả lướt là đà ngọn may.
 Non nước cỏ cây hiu hắt,
 Khói mây tuôn, mặt đất chân trời ;
 Vời trông muôn dặm đường đời,
 Bước trăm năm, luống ngậm ngùi cho thân.

•

Kề từ độ phong trần lạc bước,
 Mười lăm năm mặt nước cánh bèo ;
 Gieo lòng theo ngọn thủy triều,
 Lênh đênh thôi cùng mặc chiều nước sa !

•

Con măng sữa nay đã mười sáu,
 Chốn hầu môn nương náu đức thầy;
 Sách đèn cơm áo bấy nay,
 Vì con, nuốt hết chua cay nỗi đời !

*Phong lưu đề ngậm ngùi tắc dạ.
Chén vinh hoa, là chả giọt hồng !
Khóc than khôn xiết sự lòng,
Bèo xuôi sóng ngược cho lòng xót xa.*

*Khăn lệ cũ, chan hòa lệ mới,
Mối sầu xưa, chấp nối sầu nay ;
Tân sầu cựu hận bao khuây,
Nắng sương, một vốc mai gầy thảm thương.*

*Thu năm về, thê lương dạ cũ,
Nước dòng thu khôn rừ tâm sầu ;
Bi ca một khúc bên lầu,
Trăng thu dài bóng, gió thu lạnh lòng.*

Lầu Cao, Bệnh-viện Nam-thành
mùa Thu năm 1931

*

Bình Hương lỗi nguyện

*Non xanh biếc, nước trong xanh,
Bình Hương non nước hữu tình mấy mươi.
Non nước hỡi ! đâu người năm trước ?
Người cùng ta hẹn ước ba sinh ;
Nước non thề thốt bao tình,
Sông Hương còn đó, non Bình còn kia.
Trở lòng sông, cùng thề với nước,
Chỉ dầu non, cùng ước với trăng :
« Thề duyên bao nỗi bất hằng,
Cũng tình trong đẹp như trăng nước này.
Trăng nước có vơi đầy tròn khuyết,
Tình đôi ta chỉ biết thủy chung ! »
Ngàn: thông dưới bóng trăng lồng,
Thông reo, trăng rọi, tấm lòng Bắc Nam.*

Bỗng một phút bình tan, gương vỡ,
 Dề tình này đang dở, dở dang ;
 Thề duyên thôi đã phụ phàng,
 Non sông trắng nước bể bàng vì ai !
 Nay trở lại ngậm ngùi cảnh cũ ;
 Người xưa say giấc ngủ ngàn năm !
 Tử sinh xé giải đồng tâm,
 Trước mờ, là chã khôn cầm hàng châu.
 Khóc nhau, dễ gặp nhau đâu nữa,
 Tìm nhau đành tìm ở chốn này ;
 Tro vàng lẫn khói hương bay,
 Tro tàn, khói tỏa bao khuây hận tình !

(Huế, năm 1939)

(Sau một buổi chiều đi thăm mộ Anh)

*

Chia phối

Còn đêm nay nữa, sao mà...
 Đêm chưa chợp mắt, canh gà đã ran.
 Giục người muôn dặm quan san,
 Giục người rẽ thúy chia loan nào nùng.
 Đường xa, xa mấy muôn trùng,
 Kẻ đi, người ở, tấm lòng ngồn ngang.
 Ngậm lời, ngồi gần canh tàn,
 Nhìn nhau đôi mắt, bốn hàng lệ sa !

(1961)

*

Nụ cười dưới trăng

Nhớ xưa, anh cảm chị Hằng,
 Đa tình đến nỗi thương trăng lạnh lòng.
 Rẽ mây ước tới Thiềm-cung,
 Nguyễn đem chẵn gối bạn cùng Thường-Nga.
 Vợ gần, cảm bóng trăng xa,
 Ghen trăng, vợ bản : « Hằng-Nga... Nga gì ! »
 Phá cười, tiếng Cự hường Chi :
 — « Trời ơi, trời hời, ghen gì với trăng ! »

Nhân gian lắm nỗi bất bằng,
 Thà như cung Quảng ở Hằng, anh ơi !
 Yêu anh, em ước lên trời,
 Trên mây kết bạn muôn đời cùng trăng ;
 Đề mai đây, dưới cung Hằng,
 Yêu trăng, anh lại nhìn trăng mỉm cười...
 (1919)

*

Ngày giỗ nhớ

Hai năm tháng bảy, nhớ hôm nay,
 Thảm, khóc, thương đau rập một ngày.
 Hạc đón mây đưa, chàng rẽ lối.
 Trời nghiêng đất lở, thiếp chau mày.
 Hương xông khói tỏa, sầu man mác.
 Vàng hóa tro tàn, dạ ngằn ngầy ;
 Phảng phất còn ngờ trong giấc mộng
 Ra, vào, đi, đứng, tưởng đâu đây !

(1921)

*

Sương giá lòng em

Sương giá lòng em bao ấm nữa !
 Anh đi, đi đề lửa hương tàn.
 Trời đông lạnh lẽo muôn vàn,
 Lòng em, so tiết đông hàn, giá hơn !
 (Nghiêm-đông, năm 1923)

*

T i m e m

Tim em tan nát từ năm ấy
 Những vết thương đau, mãi chẳng lành,
 Tuổi trẻ dễ tin, em những chắc,
 Duyên sau chấp lại mối tơ lành.

.

Hạnh phúc đời em, ai cướp cả ?
 Em theo ân ái chẳng may gì,
 Hờn duyên, em lại nhìn cha khóc,
 Úa lệ, cha em ngoảnh mặt đi !

.

Từ đây thương cha, em nín khóc,
 Cha em thường thấy mặt em vui.
 Người đời cũng ngốt em sung sướng
 Em biết tim em đã nát rồi !

.

Em cười phong kín hai hàng lệ,
 Lệ ứa thương em lỡ cuộc đời ;
 Thôn thức canh dài em đau khóc,
 Nhưng mai, son phấn lại tươi rồi !

.

Vì đứa con cô, em phải sống,
Nuôi con rõ lệ máu tim hòa,
Muôn vàn hạnh phúc hy sinh hết,
Tìm nát, thời gian lặng lẽ qua !

(1933)

*

Thu tâm sự

Thu tâm sự đầy vơi nước mắt,
Dồn trăm năm này tập vắn này !
Thời gian qua, hận chẳng khuây,
Lứa đôi vẫn nhớ bạn ngày tuổi xanh.
Đời trống trải, huồn tênh mọi nỗi,
Năm lại năm, thôi nói năng chi ;
Cõi trần kẻ ở, người đi,
Thế gian phong vị còn gì là vui !
Tử sinh dễ ngậm ngùi một kiếp,
Nỗi quạnh hiu lòng biết với lòng ;
Cố đêm trước án đèn chong,
Mỗi câu, mỗi chữ, mỗi dòng châu sa.
Khoảng trời đất, bao la man mác,
Mỗi sầu riêng ký thác vắn chương ;
Mực hoa ghi sử đoạn trường,
Lệ Thu lai lảng, Sông Tương dạt dào.
Kiếp này biệt, kiếp nào gặp nữa ?
Nhưng âm thầm nghĩ nhớ thương nhau ;
Hoa râm chớm đằm mái đầu,
Lòng son khôn gột, dạ sầu khôn nguôi.
Đời hiu quạnh, năm trôi lặng lẽ,
Bóng tà dương ai vẽ cảnh chiều ;
Duyên xưa đang dở đã nhiều,
Tình xưa còn lệ bấy nhiêu là tình !

(1943)

*

Sau cơn mưa gió

Vũ sơ tình hề, phong khởi sầu.

*Ba sinh lữ dở mối duyên đầu,
Chiếc bách lênh đênh nước thấm sâu.
Yên trí sang ngang gây lại phúc ;
Đau lòng dẫn bước vương thêm sầu.
Má hồng phận mỏng cay son phấn ;
Nước loạn canh tàn khóc bề dâu
Mưa Gió Sông Tương thơ đắm lệ,
Đoạn trường ai cảm khách qua cầu ?*

Lưuơng-Phổ tự bạt



PHAN KHÔI

1887 — 1959

PHAN KHÔI sinh năm 1887, tại làng Bảo-an, huyện Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam (Trung-phần).

Cụ xuất thân từ một gia đình vọng tộc, thân sinh cụ là Phan Trần. Trước làm Tri-phủ Điện-bàn sau đó từ quan về quê dạy học. Thân mẫu cụ là con của Tổng-đốc Hà-nội Hoàng-Diệu. Cụ Hoàng Diệu là một anh hùng dân tộc, đã anh dũng tử tiết khi thành Hà-nội thất thủ vào tay Henri Rivière năm 1882.

Cụ Phan Khôi là một nhà nho học, giỏi Hán văn, lên 18 tuổi (1905) cụ đỗ tú tài Hán học, nhưng không lấy làm mãn ý vì nhận thấy không còn thích hợp với hoàn cảnh nữa, nên cụ bắt đầu học chữ quốc ngữ.

Trong khoảng thời gian này, đất nước đang ở trong tình trạng chống Pháp, cụ may mắn gặp được hai nhà cách mạng tiên phong nổi tiếng là Phan bội Châu và Phan chu Trinh, tiếp nhận được tinh thần ái quốc nên cụ bắt đầu có tư tưởng cách mạng từ đó.

Đến năm 1907, Phan Khôi chính thức tham gia phong trào Đông-kinh Nghĩa-thực tại Hà - nội, và viết cho tờ Đăng cò từng báo do phong trào này chủ trương và xuất bản. Nhưng càng hao lâu, phong trào Đông-kinh Nghĩa-thực bị khủng bố, tạp chí Đăng cò từng báo bị đóng cửa, tất cả nhân viên trong phong trào và cộng sự viên của báo này bị đàn áp thẳng tay. Phan Khôi phải về Nam định rồi Hải phòng để tránh tầm lưới truy nã gắt gao của bọn công an Pháp đang bủa vây. Ở Hải-phòng chỉ mấy tháng, cụ tìm về quê nội ở Quảng-nam. Về đây, cụ chính thức tham gia phong-trào Văn-thân Cứu quốc do nhà chí sĩ Huỳnh thúc Kháng khởi xướng.

Cuối năm 1907, trong vụ điều tra của Phong-trào Văn-thân Cứu-quốc chống đối chính quyền thực-dân Pháp, đòi giảm thuế cho dân chúng, cụ bị bắt và cầm tù tại nhà lao Quảng nam.

Đến năm 1914, thể chiến thứ nhất bùng nổ, quân Pháp và Đức đánh nhau dữ dội. Để lấy lòng dân chúng bản xứ, toàn quyền Poup tại Đông-dương lúc bấy giờ là Albert Sarraut ân xá một số thường phạm và chính trị phạm, trong đó có cả Phan Khôi.

Ra khỏi nhà tù, Phan Khôi viết cho tạp chí Nam phong của Phạm Quỳnh, nhưng không được bao lâu vì bất đồng ý kiến, cụ bỏ vào Sài-gòn viết cho tờ Lục tỉnh tân văn.

Năm 1920, Phan Khôi trở ra Hà - nội viết trên Thực nghiệp dân báo và tạp chí Hữu thanh. Trong khi cộng tác với hai báo này, cụ bút chiến với Hải-Triều, một nhà văn có khuynh hướng cộng sản về vấn đề duy tâm và duy vật. Cuộc bút chiến đã gây xôn xao dư luận trong nước. Sau đó, hai tạp chí này bị đình-bản, cụ lại vào Sài-gòn viết cho tờ Thần Chung và tạp chí Phụ nữ tân văn. Chính khoảng thời gian này (1920) cụ dịch quyển Kinh Thánh Tin Lành và tác phẩm đầu tiên của cụ chính thức chào đời mang tên Nam âm thi thoại.

Năm 1931, cụ lại cộng tác với Phụ nữ thời đàm tại Hà-nội.

Năm 1936, Phan Khôi viết cho báo Trường an và năm này chính cụ cho xuất-bản tờ báo Sông Hương và tái bản

quyền Nam âm thì thoại, lần này cụ đổi tên lại là Chương dân thi thoại. Vì Chương-Dân là bút hiệu của cụ.

Năm 1937, tờ báo Sông Hương bị đình bản, cụ lại vào Sài-gòn viết báo và trong năm này cụ cho ra đời quyển tiểu-thuyết phong tục Trờ vò lửa ra.

Giữa năm 1945, khi Sài-gòn đang ở trong tình trạng chiến tranh, Nhật đảo chính Pháp và sau những lần bị oanh tạc tàn khốc, cụ trở về quê nhà lánh nạn, rồi đến ngày chính quyền lọt vào tay Việt-minh.

Đến năm 1954, sau hiệp định Genève ký kết phân chia lãnh thổ, cụ sống với chế độ miền Bắc và tỏ ra luôn luôn chống đối.

Năm 1956, trong phong trào chống đối của các văn thi sĩ miền Bắc, cụ chính thức tham gia và gây thành vụ án Nhân văn giai phẩm. Cụ đã kích dử đội, lên án gắt gao chính quyền miền Bắc bằng cách cho đăng nhiều bài báo mà diễn hình là truyện ngắn Ông Năm Chuột, Ông Bình Vôi (chúng tôi trích ở sau) đăng trong báo Văn số 36, ngày 10 tháng 1 năm 1958, chính vì những bài báo này cụ bị thanh trừng và báo Văn bị đóng cửa.

Cụ mất vào ngày 16 tháng 1 năm 1959, hưởng thọ 72 tuổi.



CÁC bạn vừa đọc qua phần tiểu sử của Phan Khôi, chúng tôi thiết nghĩ cũng không phải thừa thãi khi ghi lại đôi nét về cá tính độc đáo của con người đã tạo bạo làm một cuộc cách mạng thi ca. Dưới đây là tài liệu của Ông X X (Thiếu-Sơn) đăng trên nhật báo *Thần chung* số 316, ngày 23, 24-7-1967 dưới tựa đề :

Bài học Phan Khôi

« Ông Phan Khôi với bút hiệu *Chương - Dân* và nhiều bút hiệu khác nữa có một địa vị đặc biệt trong làng báo và làng văn hồi tiền chiến.

« Trong *Thi tù tùng thoại* cụ Huỳnh thúc Kháng đã phải hạ bút khen ông khi ông còn thanh niên cùng ở tù chung với các cụ tại đề lao Faifo. Hồi đó, vào năm 1908, các cụ bị tập trung ở khám Faifo đề rồi sẽ bị phân tán đi các nơi khác. Hôm sau có một số người bị đày ra Côn-đào thì hôm trước các cụ tổ chức một bữa tiệc trong tù đề cùng nhau xướng họa với đề tài kẻ ở, người đi. Cụ Huỳnh đã viết: « Trong khi các bạn tiền, có mấy bài từ tuyệt của ông Tú Phan Khôi là xuất sắc hơn cả. »

« Xướng họa với những ông cử, ông nghè bằng chữ Hán mà được chính nhật ông nghè khen là xuất sắc hơn cả đủ thấy cái giá trị của Tú Khôi ngay từ ngày ông chưa có chỗ ngồi ở làng văn, làng báo.

« Ông đã viết cho những tờ *Đảng cổ tùng báo*, *Nam phong*, *Hữu thanh*, *Thực nghiệp dân báo*, *Lục tỉnh tân văn*, v.v... Ông đã làm thư ký cho công ty Bạch Thái Bưởi, dịch Thánh-kinh cho đạo Tin Lành. Nhưng người ta chỉ bắt đầu biết tới ông khi ông viết cho *Đông Pháp thời báo*, *Thần chung* và nhất là *Phụ nữ tân văn*.

« Ông Diệp văn Kỳ là con người sành điệu đã đề ý tới ông, mời ông hợp tác, nhưng lúc đó nhiều ngôi sao sáng đã gặp nhau ở một chỗ nên Phan Khôi chưa nổi bật.

« Ông chỉ nổi bật khi ông được mời viết cho *Phụ nữ tân văn* của ông bà Nguyễn đức Nhuận. Hồi đó, vào khoảng 1930, một bà văn được trả 5 đồng tiền nhuận bút là hậu làm rồi.

« Vậy mà *Phụ nữ tân văn* dám trả 25 đồng một bài cho ông Phan. Một tháng bốn bài 100 đồng tức là hơn lương công chức ngạch cao cấp cỡ Huyện, Phủ. Như vậy t... đầu phai văn chương hạ giới rẻ như bèo. Phải nói là mắc như vàng mới đúng. Nhưng cũng phải nói thêm là chỉ văn chương của Phan Khôi mới được giá đến thế và chỉ có ông bà Nguyễn đức Nhuận mới dám trả tới giá đó mà thôi. Trả như vậy mà tôi còn cho rằng chưa tới mức vì hầu hết độc giả bỏ 15 xu ra mua *Phụ nữ tân văn* đều chỉ muốn được coi bài của Phan Khôi hay Chương-Dân, những bài

gãy gọn, sáng sủa, đánh thép với những đề tài mới mẻ, những lý luận thần tình làm cho người đọc say mê mà thông khoái. Cái đặc biệt ở Phan Khôi là chống công thức (non conformiste).

« Những cái gì người ta cho là phải, là đúng thì ông đưa ra những lý luận, trưng ra những bằng chứng để đi tới kết luận là trái là sai. Võ-hậu là một con dân phụ chuyên quyền, ông Phan Khôi dẫn chứng ở sách vở ra để chứng minh rằng bà ta là một người đàn bà vượt khuôn khổ, một bộ óc thông minh tuyệt vời, một phụ nữ phi thường

« Cố nhiên là nhiều khi ông ngụy biện nhưng ngụy biện một cách rất tài tình và ngay trong khi ngụy biện ông cũng dẫn chứng được phần nào những ưu điểm của một nhân vật mà thành kiến chỉ cho thấy khuyết điểm mà thôi.

« Đạo Nho người ta cho là khuôn vàng, thước ngọc, là xương tủy của đạo lý dân tộc. Ông Phan Khôi, một nhà Nho chánh thống lại viết cả loạt bài đề đả phá đạo Nho cho là một đạo bảo thủ phản tiến hóa.

« Thú vị nhất là khi ông đóng vai tuồng ngự sử trên văn đàn đề bắt «phốt» (faute) những nhà văn có tên tuổi vào hạng tiền bối hay đàn anh. Cả tới cái tên của người ta ông cũng không tha. Ông bắt lỗi cụ Nguyễn chánh Sắt sao lại viết Sắt, phải viết Sắc mới đúng theo chánh tả, một nhà Nho không có thể có tên Sắt (sắt thép) mà phải có tên Sắc (hương sắc, sắc không), và lại theo chữ Nho thì đích thị là chữ Sắc. Ông bắt lỗi cụ Đặng thục Liêng sao lại đề dư một chữ g ? Liên là hoa sen mới đúng. Còn Liêng là vô nghĩa.

« Ông bút chiến toàn những « tay tò » với ông Phạm Quỳnh, ông gia cho chữ học phiệt.

« Với ông Trần trọng Kim, ông phê bình gắt gao bộ *Nho giáo* với những kiến thức sâu rộng và những lý luận đánh thép của ông. Nhưng ông cũng có những sơ hở để đối phương đập lại ông. Ông mời ông Trần về với Mr. Logique.

« Ông Trần nhắc chừng cho ông nhớ *Logique* thuộc về giống cái thì phải gọi là Cò chứ sao gọi là Me-sù.»

« Những giai thoại về Phan Khôi nhiều lắm, nói không hết. Nhưng có điều nên biết là ông có ý chơi ngông đề được tiếng là ngông.

« Ông muốn làm hề để chọc cười thiên hạ. Ông thật tình muốn phục vụ chân lý và lẽ phải, thấy bậy thì nói, thấy sai thì sửa.

« Đã có lần ông sửa cả văn chương chữ Hán của những bậc đại nho. Ông nói : Không phải tôi chê các cụ đã viết sai, nhưng tôi chê các cụ chưa viết đúng theo lẽ lối và tinh thần của người Tàu. Nên nhớ chữ Nho là chữ Tàu. Cũng như chữ Tây viết đúng mọ luật mà chưa đúng theo lẽ lối của Tây thì *Pas français*, chữ Hán cũng vậy, viết theo lẽ lối Việt-nam thì cũng *Pas chinois*.

« Phải nhìn nhận rằng ông Phan Khôi là một người thông minh, học rộng, biết nhiều, chịu khó suy nghĩ, có óc nhận xét tinh tế, cốt cách tảnh tĩnh, tác phong đều đặn hoàng nghiêm cần, nhưng cố tình vươn mình đề tiện xa hơn những nhà nho khác mà ông cho là cố chấp, bảo thủ, lạc hậu. Ông tự học đề đọc được sách Pháp. Ông dịch Thánh kinh cho đạo Tin Lành chính là đề đọc thêm chữ Pháp.

« Ông sở đắc khá nhiều về học thuật, tư tưởng của Pháp. Nhưng ông cũng có tật là được mới nói cũ. Cái học cũ là cái học căn bản của ông.

« Nhờ cái học mới mà ông thấy được những nhược điểm và khuyết điểm của cái học cũ. Nhưng người như ông làm sao thoát ly khỏi cái học căn bản nó đã đi sâu vào máu huyết của ông, xây dựng nên con người của ông.

« Do đó mà ông không thể đi xa được trên con đường tân học. Ông có cái hăng say của kẻ nhập môn nên chưa có cái chính chắn của người thuần thực.

« Ông Phan văn Hùm đã chê ông chỉ mới hiểu được cái luận lý hình thức (*logique formelle*) nên nhiều khi có

phiến diện. Ông cũng Pas français nhưng thật ra ta có cần gì Français hay Pas français.

« Ta chỉ cần đi xa hơn cái học tư sản mà người ta thường lấy nó làm khí giới và đồ trang sức để phát triển những khả năng tiêu xảo của mình.

« Có như thế ta mới đi tới cái học nhân bản hiểu mình, hiểu người, hiểu đời, để tổng hợp thành cái vốn tinh thần cho ta thấy những liên quan mật thiết với dân tộc, với nhân loại.

« Có như thế ta mới từ bỏ được lối chơi cá nhân để hòa mình vào tập thể. Ông Phan Khôi mới có lối chơi cá nhân và chưa có lối chơi tập thể.

*

« Như trên, tôi đã nói nhờ căn bản nho học và những gì ông đã sở đắc về học thuật Tây-phương, ông Phan Khôi đã có lối chơi cá nhân rất vững vàng và ngoạn mục tạo cho ông một địa vị đặc biệt trong làng văn.

« Ông không a dua theo thời thượng, chống công thức gài gao, không để một thế lực nào chi phối nên nhất thiết những gì ông nói ra, viết ra đều do ông suy nghĩ theo đầu óc của ông. Mà đầu óc ông như ta đã biết là một thứ đầu óc thông minh, phong phú, chịu suy nghĩ, độc lập, bướng bỉnh nên nói khác với mọi người. Hồi đó dường như ông đã dịch chữ original là «cò quái» nhưng có lẽ nên dịch là «độc đáo».

« Tôi muốn gọi ông là độc đáo chứ không nỡ cho ông là cò quái. Đã có lần ông bút chiến với cụ Huỳnh thúc Kháng. Cụ Huỳnh nói tới tuổi tác của cụ, ông trả lời là đừng nêu vấn đề tuổi tác ra, cãi nhau là để làm sáng tỏ chân lý, ai đuối lý là thua, không cần biết người đó lớn hay nhỏ, trẻ hay già. Ở trên mặt báo thì ngáo ngơ như thế, nhưng kỳ thật trong thâm tâm ông vẫn kính phục cụ Huỳnh cũng như ông vẫn có cảm tình với tất cả những người sạch sẽ, lương thiện, có tư cách và tiết tháo. Còn những kẻ thiếu căn bản, thiếu giáo dục, dễ hèn, bần tiện, ông khinh ra mặt và chẳng muốn làm quen.

« Ông Bùi thế Mỹ đã nói đúng khi ông nói: Ông Phan «bất cận nhân tình» nhưng thực ra ông chỉ bất cận với những kẻ mà ông không muốn gần chứ khi ông thấy có diềm nào chơi được thì ông cũng «chịu chơi».

« Có điều là chính ông mới là con người khó chơi vì ông thẳng thắn, phân minh, trực ngôn và không hay nhân nhượng.

« Ông không bao giờ lợi dụng ai, nhưng ông không để cho ai lợi dụng mình.

« Một tờ báo nào mời ông viết thì trước hết ông hỏi giá cả đăng hoàng, làm giao kèo kỹ lưỡng, phải nghiêm chỉnh tôn trọng giao kèo. Phần ông không bao giờ ông bội ước với ai nhưng ông không bằng lòng cho người ta bội ước với ông. Nhưng ở đời đâu phải chỉ có những con đường thẳng, tới những khúc quanh co thì ông không đi được. Do đó mà có chuyện. Có rất lắm chuyện về ông.

« Tú Mỡ » làm thơ chọc ông, ông phản công lại và ký bằng bút hiệu « Tú Sơn », Sơn ngày không phải là núi. Sơn này là *Seul*. « Tú Sơn » tức là *Tout seul* nghĩa là « chỉ có một mình ». Độc lập cũng được, có độc cũng được.

« Nhưng miễn là ông không lệ thuộc ai, không ai chi phối ông được. Ông hoàn toàn tự chủ, triệt để tự do. Ông tài cao, học rộng nên có lối chơi cá nhân rất đẹp. Nhưng thời cuộc biến chuyển bắt buộc mọi người phải hòa mình vào tập thể. Người ta làm được mà ông không làm được. »

X X

*

Dưới đây là một trong những nét bút sắc bén điển hình cho lối châm biếm, chế riễu bọn quan lại dốt nát chỉ vì hiểu sai sách vở đã gây oan ức cho dân lành vô tội. Cũng tôi thuật lại theo trí nhớ ý nghĩa một bài báo của Phan Khôi đã đăng trên *Phụ nữ tân văn* vào khoảng năm 1930.

Độc lịch... giết lắm !

Thừa đêm mưa gió, một tên đạo chích lên trộm chiếc chuông của chùa làng và bị bắt được. Nội vụ giải đến Huyện-quan. Ai ai cũng tưởng tên trộm sẽ bị tù. Nào ngờ quan Huyện tha ngay hân về.

Không bao lâu, làng lại bắt được một tên ăn trộm chiếu và cũng giải nạp lên huyện đường. Nhưng lạ thay, quan Huyện dạy đem chém đầu tên trộm chiếu.

Hội đồng làng chẳng hiểu ra sao cả, trộm chuông là trọng tội mà được tha, con trộm chiếu coi như cắp vật mà bị giết. Thế là cả hội đồng làng kéo nhau lên tận huyện đường để nhờ quan trên chỉ dạy.

Huyện quan tỏ ra là bậc « dân chỉ phụ mẫu », dạy rằng :

« Các người làm sao hiểu thấu cách thức chần dân trị nước của bậc Thánh hiền. Ta đây xét xử mọi việc đều theo sách vở nghìn xưa để lại ; bởi câu : *Phu tử chi đạo kỳ chung thứ giả*, nghĩa là *Phu tử dạy, trộm chuông thì hãy tha*. Lại có câu : *Triều vấn đạo tịch tử khả hĩ*, nghĩa là *Triều đình truy vấn, ăn trộm chiếu thì phải tội chết*. Bởi lẽ các người còn toi sách vở Trách hiền thì làm sao thấu đáo nghĩa lý. »

Hội đồng làng đầu gật gù, tỏ vẻ khâm phục, xá dài nói :

« Bẩm quan Ngài, Ngài quả là người thông đạt thiên kinh vạn sử, lữ chúng con sao sánh bằng. »

Vì bị chết oan, hồn tên trộm vất vưởng xuống Diêm-đình đầu cáo. Diêm-vương cho quỷ sứ lên bắt hồn quan Huyện xuống đối chất.

Diêm-vương hỏi Huyện-quan :

« Nhà ngươi xét xử thế nào mà tên này xuống đây kêu oan ? »

Huyện-quan thưa :

« Bẩm Diêm-chúa, chúng con đứng ra chần dân, cầm cân nảy mực lẽ nào không thông hiểu lời Thanh miên dạy.

Sách có câu : *Phu tử chi đạo kỳ chung thứ giả và Triều vấn đạo tịch tử khà hỉ*. Con đã theo đúng sách vở mà tua cho tên trộm chuông và giết tên trộm chiếu để răn dạy kẻ khác. »

Nghe xong, Diêm-vương vỗ án :

« Thôi rồi ! Nhà ngươi làm đến chức Huyện-quan mà hiểu sai bét cả sách vở Thánh nhân thì làm sao không giết oan uổng mạng người. Câu : *Phu tử chi đạo kỳ chung thứ giả*, nghĩa là *Đạo của Phu tử là đạo chung thứ*. Chữ *chung* là *trung dung*, tức cái đạo đức không thiên về mặt nào mà mi đọc lệch *chung* là cái chuông. Còn câu kia : *Triều* (không phải *triều*, là chữ đồng tự dị âm) *vấn đạo tịch tử khà hỉ*, nguyên là câu của ông Nhan-Hồi, học trò đức Khổng Tử viết đề tỏ nhiệt tình với đạo của Thầy, có nghĩa : *Sáng mà nghe được mùi đạo chung thứ, chiều chết cũng cam*. « *Triều* » mà mi đọc lệch *triều* là « *triều đình* », còn *tịch* là « *buổi chiều* » mà mi hiểu là « *chiếu* » đề rồi giết oan một mạng người, lẽ ra tội nó chỉ phạt tù hay phạt vạ thôi. Cái dốt của nhà ngươi sẽ còn gây thêm nhiều oan khổ cho dân gian. Vậy ta bắt nhà ngươi đầu thai làm chó để đền bù tội lỗi. »

Quan Huyện sợ hãi khúm núm van xin :

« Thưa Ngài, Ngài có cho con đầu thai làm chó xin Ngài thương tình cho con làm chó nái. »

Diêm-vương ngạc nhiên trước lời cầu xin lạ lùng của Huyện-quan, Ngài trừng mắt hỏi :

« Chó thì dục hay cái cũng đều là kiếp chó. Tại sao nhà ngươi xin đầu thai làm chó nái ? »

« Bẩm Ngài. Sách có chữ : *Lâm tài mẫu cầu đắc, lâm nạn mẫu cầu miễn*, con muốn đầu thai làm chó nái để : *Gặp nạn thì chó mẹ được hưởng, gặp nạn thì chó mẹ được miễn*. Xin Diêm-chúa Ngài cho con làm chó nái. »

Diêm-vương lắc đầu, chán nản :

« Thôi ! Lại là một cái dốt đặc cán mai của nhà ngươi nữa. *Lâm tài mẫu cầu đắc, lâm nạn mẫu cầu miễn* nghĩa là :

Gặp tiên tài không nên lấy đũa bĩa, gặp tai nạn không nên: 〰 qua. Thế mà nhà người lại hiểu ra. Chớ nói dễ được tiên và tránh được tai nạn. Thôi, ta không cho nhà người dầu tnai làm chó mà phải chôn sống nhà người tại âm phủ. »

Huyện-quan khóc lóc, kêu thương :

« Con dập đầu trần lay nghìn lay Ngải, nếu Ngải chôn sống con xin Ngải rộng lượng cho chôn từ cô trở xuống.»

« — Chừa đầu cho mi... thờ à ? »

« — Thưa, sách có câu : *Thiên niên mai cốt bất mai tu* (1). Dạ Ngàn năm chôn xác (xương) chẳng chôn rầu. Con khàn câu Diêm-chúa Ngải ban ân huệ cuối cùng cho con. Tội nghiệp con.»



THÁNG 3 năm 1932, khi mà các thi sĩ trên giải đất này vẫn còn làm thơ theo những vần điệu xưa cũ. Bỗng một sự kiện đột khởi trên thi đàn Việt-nam, một nhà văn đứng lên hô hào cho lối thơ phá thề, nói phá thề nghĩa là làm thơ ngoài lề lối xưa, thoát khỏi cái vỏ cũ kỹ nghìn đời, người đo là ông Tú Phan Khôi.

Phan Khôi đã đem đến làng thơ Việt-nam bầu không khí khác lạ, một thề thơ mới hoàn toàn từ hình thức đến nội dung. Nó đã phá vỡ cái cổ lệ đề chính thức cho chào đời một lối thơ mới, mở màn cuộc thay đổi quan trọng của nền thi ca dân tộc.

Cuối xuân năm 1932 (năm *Nhâm-thân*), trên tạp chí *Phụ nữ tân văn* số 122 ngày 10-3-1932 xuất bản tại Sài-gòn, có đăng một bài thơ mới nhan đề : *Tình già*, tác giả là ông Phan Khôi. Bài thơ được tung ra với lời giới thiệu : « *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* » đã làm kinh ngạc mọi người và tạo thành luồng dư luận xôn xao không ít. Có người lạc quan cho đó là sự thành hình của nền học

1) Thề xác ngàn năm còn chôn được, chó không bao giờ lấp được tiếng xấu xa.

thuật mới. Kẻ khác lại cho rằng sự xuất hiện của bài thơ *Tinh già* là một cơn sốt văn-học, là cái quái thai của một thời đại thi-ca. Cả hai luồng dư luận khắp ba miền Nam, Trung, Bắc đều bàn tán dữ dội. Một số người đã kịch liệt ngã, quả quyết nền thơ mới không thể tồn tại được và nếu nó sống còn thì đó là một điều sỉ nhục cho học thuật nước nhà, bởi thế họ chủ trương cần phải tiêu trừ nó ngay với bất cứ phương pháp nào. Ngược lại số người trẻ cho rằng bài thơ *Tinh già* của Phan Khôi chào đời trong lúc này (1932) là một sự cần thiết, vì chính nó sẽ thay thế nền thi ca cổ xưa mà hiện tại không còn giá trị thực tiễn nữa. Cuối cùng giới này kết luận là ủng hộ lập trường thơ mới và nền văn quên cho nền thi ca mới được sống mạnh.

Lúc đầu công cuộc chống đối giữa hai phái cũ và mới còn ít, sau gây thành những vụ tranh luận sôi nổi. Lực lượng chống đối và ủng hộ của hai phái đều mạnh. Sau đó ít lâu, phái cũ tỏ vẻ yếu dần và bắt đầu nhường bước cho phái trẻ, tức phái ủng hộ thơ mới. Hòa nhịp phong trào này, từ Lưu Trọng Lư, Thế Lữ đến Xuân-Diệu, Huy-Cận, Huy-Thông, Vũ hoàng Chương, Chế Lan-Viên, Thái-Can, Đông-Hồ, Nguyễn Vỹ, Tế-Hanh, Thanh-Tĩnh, v.v... đã lần lượt góp tiếng lòng của mình bằng những sáng tác vững chắc, và cũng từ đó thi ca Việt-nam chính thức khai sinh thêm một môn phái mới, và tìm được đất sống mạnh trong nền văn học nước nhà.

Bây giờ chúng ta thử tìm hiểu người tiên phong của nền thơ mới và những nét độc đáo của bài thơ đầu tiên, một bài thơ đã đào lộn một thể hệ thi ca đất nước, một bài thơ đã thay đổi cuộc diện hiện hữu trên thi đàn Việt-nam.

Phan Khôi, người cha đẻ bài thơ mới đầu tiên *Tinh già* là một nhà văn kiêm nhà báo được kể là lão luyện và xuất sắc trong phái nho học.

Trên phương diện thi ca, Phan Khôi không làm thơ nhiều, chỉ thỉnh thoảng người yêu thơ mới bắt gặp một

vài bài thơ của ông, còn lại hầu hết là những chuyện ngắn và ký sự. Đã thế, trong thi phẩm của Phan Khôi, thơ dịch lại chiếm phần lớn. Ông thường dịch thơ Tàu ra thơ Việt nhiều hơn là loại thơ trước tác. Tiếng thơ Phan Khôi vì thế không được nhiều người biết đến.

Vũ ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại*, khi phê bình về Phan Khôi cũng phải nhận :

« Phan Khôi là một trong những nhà văn xuất sắc nhất trong phái nho học. Ở một nhà cựu học như ông, người ta đã thấy nhiều cái rất mới, nhiều cái mà nhiều nhà tân học cũng cho là « mới quá ». Đó thật là một bất ngờ.

« Văn phẩm của ông phần nhiều là những bài luận-thuyết hoặc phê bình, hoặc khảo cứu đăng trong các tạp chí, các báo như *Lục tỉnh tân văn*, *Đồng Pháp thời báo*, *Thần chung*, *Phụ nữ tân văn*, *Trung lập* (xuất bản tại Sài - gòn), *Thực nghiệp dân báo*, *Nam phong*, *Phụ nữ thời đàm* (xuất bản ở Hà-nội), *Tràng an*, *Sông Hương* (xuất bản ở Huế).

« *Quyền sách đầu tiên của ông là quyển Chương dân thi thoại* (xuất bản năm 1936 và in tại nhà *Đắc Lập*, Huế) quyển này thuộc loại biên khảo có xen phần phê bình.

« Tôi đã nghiệm những khi nói chuyện về thơ trong các báo, cái lỗi văn của Phan Khôi có một sức cảm dỗ lạ thường. Ông không cần nói nhiều. Trích một bài thơ, ông chỉ dùng vài ba câu phê bình là người đọc thấy hết những chỗ hay của nó. Nói kiểu một họa sĩ, cái lỗi ấy có thể là lỗi « chấm phá ».

« Trong khi phê bình thơ, Phan Khôi thường hay nói bạo, nhưng chính cái chỗ thường hay nói bạo lại là những chỗ có duyên nhất. Thường thường ngoài những cái hay mà ta đã thấy trong một bài thơ, nhờ một tia sáng của ông, người ta lại thấy mấy cái hay khác nữa.

« Hãy xem cái lối phê bình ích lợi của Phan Khôi về bài *Tống biệt của một thi sĩ ở Bình-thuận* :

Trái mù u trên núi
Chày xuống cửa Phan-rang.
Ông đi về ngoài nớ
Trong lòng tôi chẳng an.

*Bao giờ ông trở vô,
Gặp tôi ở giữa đàng,
Nắm tay nói chuyện chơi,
Uống rượu cười nghênh ngang !*

« Ông phê bình như sau này : « Hai câu đầu là thề hừng mà cái ý hừng rất kỳ, câu thứ sáu trông lại gặp nhau mà ba chữ « ở giữa đàng » thì lại có cái « biệt thú ». Toàn bài nhất khí quán hạ, thật cũng cái cảnh tượng « trái mù u trên núi cháy xuống cửa Phan-rang ! »

« Về hai câu vịnh Hòn Vay Hòn Trỏ :

*Hẹn hò ngày tháng chim nấn nỉ,
Tờ khế năm mùa lá đổi thay.*

« Ông phê bình : « Hai câu thơ đó đáng gọi là « công thiếp » nghĩa là dùng lời khéo léo mà ý sát với đề, nhưng dù vậy cũng không thoát khuôn sáo cũ từ. »

« Về phép làm thơ Phan Khôi nói rất phân minh, nào từ pháp, nào cú pháp, nào chương pháp, nào thiên pháp. Sau khi đã nói vắn tắt mà rõ ràng về tự pháp, cú pháp và chương pháp, ông viết về thiên pháp như sau đây :

« Nói về thiên pháp, tôi không có sẵn ở đây đề đem ra làm ví dụ. Song tôi còn nhớ đại lược mười bài liên hoàn của bà phi vợ đức Thành-Thái, mẹ đức Duy Tân, mười bài ấy kê cú pháp và chương pháp đều được cả nhưng thiên pháp thì chưa được vì còn hơi lộn xộn và trùng điệp, trùng điệp cả chữ lẫn ý. Như một bài trước đã có câu :

Mộng điệp khéo vì ai lẽo đẽo ?

« Trong khi một bài sau có câu :

Chiêm bao lẽo đẽo theo hồn bướm.

thì thật là khó nghe !

« Thật quả như thế, mười bài thơ ấy hay thì hay thực, nhưng ý và chữ trùng điệp quá. Cách đây mười năm tôi đã có lần dịch dịch ra tiếng Pháp và đăng trong Revue Franco-Annamite xuất bản ở Hà-nội nhưng chỉ dịch dùng được ba bài

đều theo từng chữ, từng câu, còn bảy bài sau đành phải tóm tắt lại, loại bớt những ý điệp đi vì tiếng Pháp là một thứ tiếng rất sáng suốt không bao giờ chịu dùng được những ý điệp như thế. »

« Rồi Phan Khôi kết luận theo lối Tân-Đà :

« Thì cũng như đồ nhấm rượu, người ta quý cái ngon không ai quý cái nhiều. Gặp một đầu đề nào mà mình có ý dỗi dằn lắm mới nên làm hai bài trở lên còn không thì thôi, không nên rán sức làm cho nhiều mà chỉ. »

Và cuối cùng Vũ ngọc Phan kết luận về Phan Khôi như sau :

« Phan Khôi không phải là tay thợ thơ, chỉ có lúc hứng ông mới làm, nên thơ ông không nhiều, nhưng làm bài nào tư tưởng đều thành thật, ý tứ dỗi dằn, dễ cảm người ta. Về thơ cũ, mấy bài chứng tỏ cho ông là một thi sĩ có tài năng vững chãi, ngày nay đã tỏ ra rất hiếm trong làng ngâm vịnh. Còn về thơ mới lại chính ông là người khởi xướng trước nhất. »

Đọc lại những lời phê bình trên, chúng ta thấy Vũ ngọc Phan đã nói đúng phần nào về Phan Khôi : Phan Khôi không phải là một thi sĩ chuyên làm thơ, mà chỉ làm thơ khi hứng mà thôi.

Trong thơ của Phan Khôi, ông thường dùng lời nói bạo dè diễn tả những cái cần nói, mà không cần gìn giữ, e ngại, hay nói một cách vu vơ nửa đùa nửa thực. Phan Khôi muốn nói toạc lên tất cả sự thật dù cho sự thật đó có thể quá phũ phàng cũng vậy. Đó là khía cạnh độc đáo của nhà thơ làng Bảo-an.

Bài *Tình già* là một bằng chứng cụ thể, nó đã nói lên được phần nào tính khí con người họ Phan. Đọc hết bài thơ người ta thấy Phan Khôi không dùng sáo ngữ, cũng không dùng những danh từ huê mỹ, xa vời mà ông chỉ nói thẳng.

Nội dung của bài *Tình già* là câu chuyện tình của đôi trai gái đã trót yêu nhau nhưng tình không trọn vẹn vì tôn giáo và khuôn phép gia đình. Cuộc đời tưởng đâu dừng

lại ở đó. Thời gian qua nhanh, thấm thoát cả hai đều già. Tình cờ gặp nhau, mỗi tình xa xưa ấy bỗng sống trở lại trong tiềm thức. (xin xem phần thi văn tuyển, bài của VT-TK).

Bài thơ chỉ có thể, nhưng đã gây xôn xao dư luận chỉ vì Phan Khôi làm thơ theo một lối mới, không cần giới hạn số câu, số chữ và ý tứ quá lãng mạn.

Đây, ta hãy nghe Phan Khôi kể :

*Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa
mưa.*

*Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái
đầu xanh kề nhau than thở :*

*— Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà
lấy nhau hẳn là khôngặng ;*

*Đề đến nỗi, tình trước phụ sau, chỉ cho bằng sớm
liệu mà buông nhau.*

Một mối tình của hai kẻ yêu nhau « thì vẫn nặng » nhưng « lấy nhau hẳn là khôngặng », và như thế, theo chàng thì chẳng có cách nào hay hơn là « chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau ».

Nhưng nàng lại đưa ra ý kiến :

Buông nhau làm sao cho nỡ ?

Thương được chừng nào hay chừng nấy.

bởi vì :

Đôi ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng.

Thế thì cần gì :

Mà tính việc thủy chung ?

Chỉ mới có mấy câu mà chúng ta thấy Phan Khôi đã dám nói tất cả nỗi lòng thầm kín uẩn khúc của đôi tình nhân; cả hai không ai còn sợ tai tiếng gì nữa cả, bởi vì « ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy chung ». Tư tưởng đó thật bất kể dư luận, chỉ có Phan

Khôi mới dần ni trắng trợn như thế. Thời gian qua, hai mươi bốn năm sau, họ gặp lại nhau. cả hai thay đổi khá nhiều, nhưng :

Nếu chẳng quen lung đố có nhìn ra được.

Rồi tình cũ nghĩa xưa bỗng sống lại trong tim của hai người :

*Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi, con
mắt còn có đôi.*

Thật là lãng mạn và tình tứ vô cùng, so với thời Phan Khôi đang sống (1932), những tư tưởng như thế thật là mới và táo bạo. Chính vì vậy, Phan Khôi bị đá kích nặng nề ; có người cho đó là điều ỏ nhục của thời đại văn học đất nước.

Đó là ở lĩnh vực thi ca, về văn phẩm, Phan Khôi có cái tính khí mà ít người có, điển hình sau này là truyện *Ông Năm Chuột*, *Ông Bình Voi*, đã đưa Phan Khôi tới chỗ « chống chế độ ».

.

Đề kết luận, có thể nói rằng chúng ta lấy làm hãnh diện có một Phan Khôi, một con người chứa đựng nhiều tư tưởng mới lạ và táo bạo. Chính ông là người đầu tiên đã dám làm cuộc cách mạng lớn lao trong thi ca để khai sinh một môn phái mới, mở đường cho nền thi ca huy hoàng của dân tộc.

(Ấn bản kỷ niệm, 3-1968)



Chi, văn tuyển

LNS: Luận về câu chuyện tình trong bài *Tình già* của Phan Khôi, hai tác giả VT-TK viết trong *Hà-nội báo* số 14 ngày 8-4-1936 như sau:

Trên dòng sông Nhuệ Tình già

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa
mưa,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái
đầu xanh kề nhau than thở;

— « Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà
lấy nhau hẳn đã không động :
Đề đến nỗi tình trước phụ sau, chỉ cho bằng sớm
liệu mà buông nhau ! »

— « Hay nói mới bạc làm sao chứ ! Buông nhau
làm sao cho nỡ ?
Thương được chừng nào hay chừng ấy, chẳng qua
Ông Trời bắt đôi ta phải vậy !
Ta là nhân ngái, đâu phải vợ chồng mà tính việc
thủy chung ! »

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau .
Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung, đổ có
nhìn ra được ?
Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi, con
mắt còn có đôi.

Phan Khôi

Hai mươi bốn năm xưa ! Trên dòng sông Nhuệ, một con thuyền lơ lửng trôi đi, làn gió thổi đám mây bay, chị Hằng khi mờ khi tỏ, lẳng lơ soi mình xuống mặt nước trong ! Chừ xa xa vài tiếng chó sủa trắng, và mấy hồi chuông chùa vẳng lên khoảng không vô hạn, bốn bề đều im lặng như tờ . . .

Trên dòng sông Nhuệ, con thuyền vẫn lơ lửng trôi đi ! Bên mạn thuyền, một đôi trai gái tựa mình, ngồi ngắm dòng nước bạc. Thiếu nữ ngồi nhìn bóng mà ngẩn ngơ, tiếc cho tấm thân liễu yếu đào tơ, mắc vào vòng tình lụy, biết bao giờ gỡ thoát được ra ? Đời là đời, mà tình là tình, cái sự thật nó vẫn khác xa, nó vẫn đau đớn hơn vòng mộng ảo !

Thiếu niên nhìn bóng mình rồi lại nhìn bóng bạn, chốc chốc lại thở dài, giờ tay lên vuốt ngực như trong lòng có uất ức điều gì ! Thiếu nữ cau mày, hai hàng lụy ứa ; giọt lệ từ từ chảy qua gò má phấn rồi rơi xuống nước, hợp với bóng giọt lệ dưới sông làm một.

Thiếu niên, bỗng ngừng lên, vỗ vào vai thiếu nữ :

— Thôi, khóc làm gì em ? Vô ích ! khi chúng ta mới yêu nhau, cũng đã biết ngay rằng sẽ khổ ! Nhưng anh cũng như em ; chúng ta nào có chủ được quả tim, nên biết mà vẫn đem lòng dấn diu . . . Có người bảo : « hãy làm việc đi để giúp ích cho người ; giúp ích cho người để người yêu mến, được người yêu mến, thế là hưởng hạnh phúc ở đời » (1). Chúng ta yêu nhau, thế mà sao phải khổ, hạnh phúc ở đời này thực chẳng có sao ? Thôi, chúng mình đã phải thế thì thôi đành chịu thế !

— Nói thì dễ lắm anh ạ ! Anh làm sao không biết, chớ em thì khó biết được chữ « quên ». Ai cũng nói : *Muốn khỏi khổ hãy cứ quên đi* , nhưng muốn quên đi, phải làm thế nào, em không thấy ai dạy đến ! Có nhẽ em là đàn bà, ý chí yếu ớt nên thế, còn Anh . . .

1) Travaillez vous pour rendre utile,
Rendez vous utile pour être aimé.
Soyez aimé pour être heureux.

— Còn anh, anh cũng vậy thôi, em ạ ! Đứng trước thần tình, hỏi ai dám nói rằng còn có sức mạnh ? Nhưng mà vì tôn giáo, vì khuôn phép gia đình, chúng ta không thể lấy được nhau, thì việc gì mà cứ ôm lấy khổ ? « *Hãy chịu và nhận* », chúng ta chỉ có thể thế được thôi ! Và lại, em dù bây giờ lấy người khác...

— Lạy anh, anh đừng nói đến việc ấy nữa. Em đã khổ lắm rồi !

— Dù không nói, cũng đã khổ rồi, chỉ bằng ta quay lại đối đầu ngay với sự khổ, mà suy tính việc sau... Anh nói nốt, dù em bây giờ lấy người khác, người ấy vẫn không có thể cảm lòng em vẫn yêu anh ! Mà có nhẽ như thế lại hơn. Nghĩ cho kỹ, ở đời này, chúng mình có mong cái gì hơn là « vẫn cứ yêu nhau » đâu ? Cuộc hôn nhân ép uổng kia không có thể đánh đổ được cái ái tình cao thượng của chúng mình nào ! Rồi đây đôi ta xa nhau, dù ở đâu nữa, cái lời thề trên giải Nhuệ giang này bao giờ trước cũng như sau !

— Thế anh rồi cũng lấy vợ chứ ?

— Cố nhiên ! anh đã nói rằng dù không ở liền bên nhau, ta cũng vẫn có thể yêu nhau mà ! Nếu cứ phải trông thấy nhau, nói với nhau luôn luôn mới yêu nhau được, thì cái tình chúng mình nó nhạt nhẽo đến thế ư ? Vậy cho nên, anh khuyên em cứ nghe lời thầy mẹ, yên việc hôn nhân, rồi chúng ta quên nhau được thì quên, không thì cứ mặc cho thời gian xóa dần việc trước, mà trong khi ấy ta tránh nhau mà vẫn cứ yêu nhau...

*

Hai mươi bốn năm sau

Hai mươi bốn năm sau ! Cũng trên dòng sông Nhuệ, bóng ả Hắng vẫn lẳng lơ trôi !... Tiếng ai đương hát ở đằng xa đưa lại, trước nhỏ sau to dần :

« Đêm thu trăng gió một trời,
 Một mình ngồi tưởng sự đời nghĩ quanh
 Nghĩ cho muôn vật hóa sinh,
 Ở trong vũ trụ cái hình ra chi !
 Trăng kia tròn được mấy khi,
 Hoa kia nở được mấy thì hơi hoa !
 Gái tơ quá lứa đã già.
 Con tằm rút ruột lại là rộng non !
 Khúc sông bồi lấp nên cồn.
 Dâu xanh, bãi bèo, đá mòn nước khe
 Đồng không con đóm lập lòe,
 Khách trần lối ấy đi về những ai ?
 Hình kia dúc tợ thợ trời,
 Tình kia họa mới ra ngoài khuôn xanh,
 Vương chi một mối tơ manh,
 Tình chung khối ấy dễ đành đã tan,
 Cho hay những khách trần hoàn,
 Nghìn thu ở lại thế gian mấy mà !
 Tưởng người lại ngẫm đến ta,
 Trăm năm rồi nữa biết là làm sao !
 Bây giờ hoa nở trắng cao,
 Trăng tàn hoa tạ, lúc nào biết đâu
 Một mình tính trước lo sau !... »

Một con thuyền con ở đằng xa trôi lại, đứng trên, một người vào trạc trung niên đương cất tiếng hát vang...

Bỗng hắt kim thuyền, lắng tai nghe như có ai đương gọi dò ở bên bờ sông nọ. Ấp thuyền vào bờ, một người sư nữ trạc độ tứ tuần bước xuống ! Ả Hằng vừa chui khỏi đám mây đen, chiếu ra muôn ánh hào quang, sáng mát ! Bà sư nữ và lão lái dò tò mặt nhau, bỗng cùng chung kêu lên một tiếng :

— Kia anh !

— Kìa em !

Rồi cả đôi ôm nhau mà nức nở !

— Sao ? Sao em lại gửi mình vào chốn am mây ? Việc hôn nhân ngày trước rồi ra sao ?

— Thôi, chuyện ấy kể chi, anh ! Nhưng, còn anh thì sao ? Chị ấy đâu ? Được mấy cháu rồi ?

— Khốn nạn, anh đã lấy ai đâu !

— Anh, anh cũng « ở vậy » ư ? Thế mà...

*

... Thế mà, hai mươi bốn năm xưa ! Trên dòng sông Nhuệ, một con thuyền lơ lửng trôi đi. Làn gió thổi, đám mây bay, chị Hằng khi mờ khi tỏ, lẳng lơ soi mình xuống mặt nước trong ! Chừ xa xa vài tiếng chó sủa trắng, và mấy hồi chuông chùa văng lên khoảng không vô hạn, bốn bề im lặng như tờ !...

Trên dòng sông Nhuệ, con thuyền vẫn lơ lửng trôi đi ! Bên mạn thuyền, một đôi trai gái tựa mình, ngồi ngắm dòng nước bạc. Thiếu nữ ngồi nhìn bóng mà ngẩn ngơ, tiếc cho tấm thân liễu yếu đào tơ mắc vào vòng tình lụy biết bao giờ gỡ thoát được ra ?

Đời là đời, mà tình là tình, cái sự thật nó vẫn khác xa, nó vẫn tục tần đau đớn hơn vòng mộng ảo !

VT — TK

*

Chơi thuyền sông Tân-bình (1)

Eo đất vắt rừng già ra nước

Thành con sông xanh biếc dài ghê !

Khi ho cò gáy tư bề

Ta đem thân đến chốn này làm chi !

Nhớ từ trẻ gian nguy từng trải

Bước giang hồ bước mãi chưa thôi

(1) Bài này sáng tác vào năm 1930, nhân buồn bực, Phan Khôi cùng người bạn bơi xuồng chơi trên sông Tân-bình thuộc vùng Cà-mau.

Mảnh thân còn chơi với đời
Hiềm nghèo là bạn, chơi với là nhà
Cảnh hiu quạnh, có ta có chủ
Bằng không ta chẳng phụ Hóa-công
Về ra cái cảnh lạ lòng,
Làm cho cộp biển, cá đồng hay sao ?
Xuống ba lá dâu nào chàng Thồ
Rượu để mang theo mỗ lưng bầu.
Mũi chàng trước, lái ta sau
Mái chèo khoan nhặt con trào ngược xuôi
Bóng chiều nhuộm lau mùi vàng úa,
Khói, nước, trắng, mây bủa lưng chừng.
Vạch lau rẽ khói tung tăng,
Trên trời, dưới nước bên rừng giữa ta.
Lô tụp lá xà xà trong ngút,
Chợt thuyền con vùn vụt ngang dòng
Nguồn dào có phải đây không ?
Vùng Lương-sơn phảng phất cùng là đây.
Vùng ác lặn chòm cây đen sậm
Vào càng sâu càng lắm vẻ u
Rặng dừa lướt gió vi vu
Chim về ò thốt, vượn ru con chuyền
Bỗng cái sạt, mái thuyền hùm vọt
Sáng lập loè ngọn đuốc ma trời
Ó vùng dậy, khi reo cười
Trăm yêu ngàn quái nhè người mà trôi.
Sạt dằng mũi, mái chèo toan đánh
Lái phất ngang, dường tránh cơn nản
Ủy kìa, rần hồ phùng mang
Vượt sông, rẽ sóng băng ngàn như tên
Vụt đầy nước trồng lên cây trụ

Hăng đây rồi cá sấu quých đuôi
 Trăm cái sợ, cướp cái vui
 Tới đành chẳng tiện muốn lùi chìn khôn
 Sồn tóc gáy, bõn chồn tắc dợ,
 Vưng tay chèo nấn ná hồi lâu
 Vòng trăng như hẹn hò nhau
 Trời lên mặt biển dọi vào găm hang
 Gợn mát bóng cá vàng giỡn nước
 Lá lật sương chim bạc đeo cành
 Xa trông rừng thắt khung xanh
 Sông phơi giải lụa trắng tinh một màu
 Rờ muôn tượng như chào lạy khách
 Lặng một chiều đường trách lầy nhau
 Cảnh sao biến đổi quá mau
 Rờ hai thế giới trước sau nửa giờ
 Cảnh đổi cảnh những ngờ mộng寐
 Hoặc là do tâm lý mà ra
 Tầm u bước đã quá xa
 Canh khuya trăng lặn liệu mà về đi
 Xoàng hơi cúc khi khi cười mãi

 Người như rõ biết ý ta.
 Thì nâng chén rượu mà ca khúc này.

*

Cảm để khi đọc bản dịch Thủy-hú
 của Á-Nam Trần tuần Khái

Đời loạn vua hèn quan giết dân,
 Ông thần pháp luật đứng bằng chân.
 Trời sinh theo sắt tuôn ra máu,
 Đổ lại trên đầu lũ bất nhân.

Trăm tám người linh, một vẻ hào.
 Nằm trên rượu thịt gỏi thương đao.
 Xưa nay nỗi việc phùng này cả,
 Tú-Sĩ Vương-Luân có kẻ nào ?
 Khăn áo hương hoa lạy Võ-Tòng.
 Giết người như bác mới anh hùng :
 Một đêm đi đứt mười lăm mạng,
 Hàng máu trên tường nhỏ giọt hồng !
 Võ nghệ tuy thường, lượng khác thường,
 Căn xa suy phục Hắc-Tam-Lang.
 Cho hay trong cuộc phong vân đó,
 Ai lượng hơn người, ấy chủ trương.
 Này vùng Lương-sơn nay ở đâu ?
 Xa trông che khuất mấy ngàn lau !
 Hát anh bài hát sau bìa sách,
 Cảm khái riêng ta với Á-đầu...

(Trích tập thơ Bút quan hoài của Á-Nam)

*

Thơ Phan Khôi

(Trong những ngày tan ở Bắc Việt)

Ngừng tim bật ốc lặng dòng tình
 Tai mắt như không phải của mình
 Thấy dưới ánh trắng muôn khúc nhạc
 Nghe trong tiếng ếch một màu xanh
 Suối tiên mát mẻ bao cho chán
 Giấc mộng vờn mơ vẫn chẳng thành
 Cái thú vui xưa nào thấy nữa
 Ngủ say thức tỉnh dậy buồn tênh.

*

Hớt tóc (1)

*Tuổi già thêm bệnh hoạn
Kháng chiến thấy thừa ta
Mới sâu như tóc bạc
Cứ cắt lại dài ra.*

(1952)

*

Hồng gai (2)

*Hồng nào hồng chẳng có gai
Miễn đừng là thứ hồng rầy không hoa
Là hồng thì phải có hoa
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi?
Ta yêu hồng lắm hồng ơi!
Có gai mà cũng có mùi hương thơm.*

(1951)

*

Nắng chiều (3)

*Nắng chiều đẹp có đẹp
Tiếc tài gần chạng vạng
Mặc dù gần chạng vạng
Nắng được thì cứ nắng.*

(1956)

*

Cái ác ý bởi nghề nghiệp

Nói «ác» với nói «ác ý» khác nhau. Người ta làm ra một điều ác có thể bởi vô ý. Nhưng đến nói «ác ý» thì cái

(1, 2, 3) Ba bài thơ ngắn trích trong *Giai phẩm mùa Thu* tập III của Phan Khôi.

ấy rõ ràng bởi người ta hữu ý mà làm hay thậm chí cố ý mà làm.

Trong các nghề nghiệp, nhất là nghề buôn, thường hay có sự ác ý.

Có câu chuyện một hiệu thuốc lá toan chuyện cạnh tranh với một bạn đồng nghiệp mình mà giở đến cái thủ đoạn tàn khốc, thật không ai nghĩ đến.

Sở là hiệu X, thuốc lá ngon có tiếng, vẫn bán chạy lâu nay. Ra đề tranh với hiệu X, hiệu Y bèn dùng một kế rất hiểm độc.

Hiệu Y bỏ vốn ra hàng vạn mua lấy thật nhiều thuốc lá của hiệu X rồi đem lại một vài năm mới bí mật đem ra bán. Trong lúc ấy, hiệu Y cố làm cho thuốc lá của mình ngon lên và quảng cáo thật riết. Tự nhiên công chúng thấy thuốc X quá dở — thuốc đề đến hàng năm tài gì chả dở? — rồi đổ xô nhau mua thuốc lá Y mà hút nên nó bán rất chạy. Hiệu X sau cũng biết mình bị thiệt hại vì hiệu Y, nhưng không kiện được, bởi không đủ tang chứng.

Lại chuyện hai hãng tàu thủy tranh nhau nữa. Hãng Giáp cố cướp quyền lợi của hãng Ất, bèn quyết kế dụng cho chìm tàu hãng Ất trong khi hai chiếc gặp nhau. Và tàu này dụng chìm tàu kia là một sự có tội trước pháp luật. Nhưng hãng Giáp không kể điều ấy, tính rằng dù có kiện nhau cho ra lẽ cũng phải mất một vài năm mới xong, bây giờ cứ hãng triệt nó đi để chuyển cái lợi chạy tàu con đường ấy về phần mình.

Quả nhiên sau đó vụ kiện cứ dây dưa hoài cho đến ba bốn năm mới xong. Hãng Giáp có bi bồi thường cho hãng Ất ít nhiều, nhưng nhờ sự độc quyền trong bấy nhiêu năm, nó vẫn còn lời chán.

Ấy là tôi cử ra một vài thí dụ để chỉ rõ cái ác ý bởi nghề nghiệp.

Đối với những cái ác ý ấy, pháp luật vẫn không bao giờ dung thứ. Nhưng tại lòng dạ con người quỉ quái đến điều thành thử pháp luật cũng phải có chỗ cùng.

Làm báo cũng là một nghề nghiệp. Một nửa nghề làm báo hàm có những cái tính chất văn học, xã hội, v.v. . . nhưng một nửa là buôn bán.

Có người lại nói rằng làm báo chỉ có độc một tính chất buôn bán cũng như các nghề nghiệp buôn bán khác. Bởi vì theo thương luật, hề việc gì đem tiền ra kinh doanh tức là việc buôn bán. Thế thì làm báo cũng kinh doanh bằng tiền nên nó cũng là việc buôn bán.

Người ta đã coi nghề làm báo là việc buôn bán thì tất nhiên người ta cũng dùng ác ý để đối phó với nhau, và cái ý ấy người ta cũng cho là cái ác ý bởi nghề nghiệp.

Ngày nay, sự giành nhau mà sống phải coi là sự nghiêm trọng giữa loài người. Đã thế thì những cái thuyết đạo đức vu vơ không còn là thế lực đe địch với những cái quan niệm về quyền lợi hiện tại. Biết vậy nên tôi cũng phải nhận cho làm báo là một nghề nghiệp buôn bán và trong đó ai không giữ sự thật thà mà dùng đến ác ý thì dùng.

Tuy vậy, theo lẽ thường việc gì cũng có giới hạn mới được.

Giữa làng báo Sài-gòn, có lần tôi đã thấy báo này dùng chước quén rủ, cướp chủ báo của báo kia. Lại có lần, hai báo cùng ra số Tết, mà báo này lập thế làm cho báo kia trực trặc để mình ra trước.

Những việc như thế kẻ cũng đều là ác ý cả. Nhưng lạ sao, khi nghe những câu chuyện ấy, ai nấy chẳng lấy làm đáng phi nghị cho lắm ; mà có kẻ lại cho là ngộ nghĩnh, buồn cười ?

Thì ra, nghề làm báo có cho dứt đi việc buôn bán nữa, cũng chỉ một phần về ty quản lý mà thôi. Những việc trên đó là việc thuộc về ty quản lý, nên dù nó đeo cái tính chất lém lỉnh xỏ xiên của nghề buôn bán, chúng ta cũng còn bỏ qua được. Trong tiếng Việt-nam chưa ai xóa bỏ được bốn chữ « thương nhân đa trá » thì con nhà buôn cứ trở ra các thứ mảnh khoe sau lưng pháp luật.

Tôi chỉ muốn nhắc người ta nhớ rằng trong nghề làm báo còn một phần nữa về tòa soạn, phần này thì quả không

dính đắp gì với việc buôn bán, cho nên nó chẳng dùng được cái ác ý nào cả.

Ai có ác ý trong việc biên tập như đặt điều nói xấu cho kẻ khác, thì có thể bị tòa án truy tố mà mắc vào tội phỉ báng. Còn ai không làm hại đến kẻ khác, chỉ lấy phải làm trái, lấy đen làm trắng, dù pháp luật không có quyền hỏi đến chỗ cũng bị dư luận khinh rẻ hay là hình phạt bởi lương tâm.

Như thế thì về việc biên tập, chúng ta nên không hề có ác ý mới phải. Có sao trên báo lại thấy có sự ấy hoài?

Việc rất nhỏ nhặt « hột đậu nhon » hay « chữa văn », cũng thường hay làm cho kẻ khác thấy cái ác ý của mình, là làm chi vậy?

Đại khái như một bài ở tờ báo này trước đây có câu « Bà ấy quên hết ít nhiều tiếng ta », vốn là câu chúng ta có thể nói được « hết ít hay hết nhiều » sao lại chẳng được? Thế mà cũng có người cãi, bảo rằng đã « hết » sao còn « ít nhiều » gì? Rõ thật là cãi bướng chỉ có cái ác ý muốn dim ếm nhau thì mới cãi như thế mà thôi.

Nay đến cuộc chữa văn cũng chỉ thấy cái ác ý người này muốn mạt sát người kia mà bày ra, chứ không có chút thực tình nào về văn cả.

Thế chẳng biết tại người ta tin sự dim ếm mạt sát ấy là có lợi cho mình nên mới làm như thế, hay là không tin, nhưng cứ nghĩ cho cái ác ý ấy là bởi nghề nghiệp, làm như thế không hại chi nên cứ làm.

Nếu nghĩ cho đó là cái ác ý bởi nghề nghiệp thì làm lắm, vì trong việc đó không còn phải là nghề nghiệp nữa.

Ít nào người ta cũng phải có một chút lòng tôn trọng chân lý thì mới đứng ra làm một cái nghề như nghề báo.

PHAN KHÔI

(Hà-nội báo, số 23, 10-6-1936)

« Văn học tiểu thuyết » là cái quái gì

Trong một số báo *Khuyến học* gần đây có bắt đầu đăng một cái tiểu thuyết mà nêu lên là « văn học tiểu thuyết ».

Tôi thấy mà lấy làm lạ, không biết sao người ta lại cá gan mà dám đặt ra cái danh từ bất thông như thế.

Hắn người đặt ra cái danh từ ấy đã thấy có những cái danh từ « triết học tiểu thuyết » và « khoa học tiểu thuyết » nên yên trí mà cho rằng « văn học tiểu thuyết » cũng có thể nói được đó chi. Nhưng khốn nỗi, « triết học tiểu thuyết » nói được, « khoa học tiểu thuyết » nói được mà « văn học tiểu thuyết » lại không nói được, cái chỗ bí hiểm ấy người kia không nghĩ đến.

Muốn rõ được sự phân biệt ấy trước hết phải hiểu thấu cái quan niệm về tiểu thuyết của học giới phương Tây.

Phương Đông ta từ xưa, người Tàu vậy mà người Nam ta cũng vậy, coi tiểu thuyết là thứ chuyện đầu đường xó chợ, không được sắp hàng vào văn học. Nhưng trái lại, người phương Tây lại không thế; trong văn học, chẳng những họ không khinh rẻ tiểu thuyết mà họ còn coi tiểu thuyết làm đầu.

Bởi cái quan niệm ấy, tiểu thuyết đối với văn học thành ra có quan hệ rất mật thiết, hầu như người ta thường nói, một mà hai, hai mà một. Nói thế, nghĩa là nói tiểu thuyết đối với người phương Tây có thể đại biểu cho văn học tuy chưa nói hẳn được rằng tiểu thuyết tức là văn học.

Bởi đó, tiểu thuyết nào cũng hầu hết hàm có cái tính chất văn học rồi sau mới tùy cái cốt chuyện của nó mà chia ra từng thứ.

Cái cốt chuyện thần bí thì gọi là thần bí tiểu thuyết, cái cốt chuyện ái tình thì gọi là ái tình tiểu thuyết, cái cốt chuyện xã hội thì gọi là xã hội tiểu thuyết, v.v... Có những tên khác nhau ấy là tùy theo cốt chuyện.

Cốt chuyện dù khác nhau mặc lòng, tiểu thuyết nào cũng hàm có tính chất văn học, cũng đại biểu cho văn học.

Như thế đã hơi thấy đã không thể nào nói « văn học tiểu thuyết » được rồi, vì một bản tiểu thuyết, có cái tính chất đã là văn học rồi thì không có lẽ còn có cái cốt chuyện gì là văn học nữa.

Không phân bì với « triết học tiểu thuyết » và « khoa học tiểu thuyết » được. Hai thứ tiểu thuyết này, cái cốt chuyện của nó đ. là triết học và khoa học thì cố nhiên là nó không chông lậ với văn học là cái tính chất của tiểu thuyết.

Gần nay tiểu thuyết đã thịnh hành giữa văn học giới của Tàu và cu ta. Thế là cái quan niệm về văn học của người phương Đông chúng ta cũng đã thay đổi mà theo phương Tây rồi. Đã theo họ mà trong đó còn bày ra một điều gì ngang ngạnh, trái với họ, thế là tự ta làm điều vô nghĩa

Trong văn học Pháp có triết học tiểu thuyết, có khoa học tiểu thuyết mà không hề có « văn học tiểu thuyết ». Không có, không phải là thiếu, không phải là người Pháp không đủ tri khôn mà đặt ra; nhưng là tại cái lẽ rất rõ ràng trên đó không cho đặt ra.

Ong định đặt ra cái danh từ mới là « văn học tiểu thuyết » như thế đề to rằng ta đây cũng có tri phát minh, có quyền sang tạo hay sao ? Không được ! Cái việc ông làm đó là cái việc lỗ lã. vô nghĩa ! « văn học tiểu thuyết » là cái quái gì ? Xin bảo *Khuyến học* xóa bỏ bốn chữ tiêu đề ấy đi. Đừng tưởng rằng sự lảm lỏi của một mình mà nó không lây đến kẻ khác.

Nói « văn học tiểu thuyết » thì cũng gần như nói « văn học văn học » chẳng có nghĩa gì hết. Tôi sợ người ta không tin tôi, nên tôi phải nói lên thêm câu ấy.

PHAN KHÔI

(Hà-nội báo, số 21, ngày 27-5-1936)



Ông Năm Chuột

Chính vì bài này mà tờ báo Văn bị đóng cửa ngay tức khắc. Cộng-sản đã tinh ý nhận ngay ra thâm ý của tác giả. Với một câu truyện vu vơ, cụ Phan muốn nói : Giai-cấp thống trị ở bất cứ thời đại nào cũng thối nát mà vẫn cứ cố che đậy. Mặc dù che đậy, trong dân gian vẫn có người thấy rõ. (H.V.C. Trăm hoa đua nở trên đất Bắc)

Hồi tôi mới mười bốn, mười lăm tuổi, thì đã nghe người làng nói nhiều về cái tên Năm Chuột. Về gốc gác của hần, chỉ thấy nói là người làng Kỳ-lam, cái làng ở phía bắc làng tôi cách một con sông, về sau có cái ga xe lửa gọi là ga Kỳ-lam, còn mọi sự khác không biết rõ. Hình như hần không có nhà cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng. Hần làm thợ bạc, quanh năm đi làm nghề ở các nơi, nhất là các nơi đồ hội, như Huế, Đà-nẵng, Hội-an.

Họ nói Năm Chuột làm thợ bạc khéo nhất đời, ở Huế có nhiều thợ bạc danh tiếng cũng phải chịu thua. Nhưng lại nói hần tờ làm đồ vàng giả, mỗi khi được gọi đến nhà làm đồ nữ trang cho người ta, nhà chủ ngồi cạnh một bên, hần cũng tráo bạc, tráo đồng vào lấy vàng ra, không làm sao biết được. Bởi vậy cả vùng quê chúng tôi, những nhà giàu có vốn biết Năm Chuột là thợ khéo, nhưng không ai dám thuê hần làm việc gì về cái nghề của hần cả. Nhiều người còn nói Năm Chuột đúc súng, đúc bạc giả được. Mỗi khi nói điều ấy, họ làm ra vẻ bí mật, hình như họ có ý ngờ cho Năm Chuột định làm một việc gì lớn, « làm giặc » chẳng hạn.

Nhưng không biết thế nào, người ta lại cho Năm Chuột là kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng « mười voi không được bát xáo » tức là mắng người nói láo nói phét rồi, có khi lại dùng một chữ : *chuột* quá tức là láo quá.

Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở những nơi cách xa làng, mỗi khi về làng lại thỉnh thoảng nghe người ta nói chuyện về Năm Chuột như thế, như thế tôi cũng chỉ nghe

vào tai mà thôi, không hề ý mảy. Mà hẳn-thế, cậu cả con quan phủ, học giỏi có tiếng, đang lo xôi kinh nấu sủ đề khoa tới đây đỗ thủ khoa, không thì cũng cử nhân năm tên trở lên, việc gì mà phải đề ý đến một anh thợ bạc.

Năm hai mươi tuổi, tôi thi đỗ tú tài — quái lạ, sao lại đỗ tú tài ? — về nhà cách mấy hôm thì tôi đi về làng Xuân-đài thăm bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn một bữa cơm trưa, đến xế chiều, tôi cáo về thì có một người đến. Người trạc dưới bốn mươi tuổi, mặt tẻ, nước da xanh xám, mắt sáng, miệng rộng, hai môi trề ra, hàm và cằm thấp lằm, đầu trọc, quấn cái khăn vải đen, áo cộc cúc giữa, quần đến đầu gối, chân mang dép da sống. Người ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ nón ra mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái dọc tàu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng như có khảm xà cừ và bịt bạc, bịt vàng gì đó. Cậu tôi như chào như không phải chào :

— Anh Năm phải ?

— Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù gặp một người khách mới vào hơi lạ như thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đường về mới một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc nãy. Anh ta tự giới thiệu :

— Tôi là Năm Chuột đây. Rồi đột ngột hỏi tôi :

— Nghe nói cậu đậu tú tài mà cậu khóc, có phải không ? Giả sử cậu được đậu thủ khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì ?

Một gáo nước lạnh xối vào xương sống ! Tôi bẽn lễn, ấp úng, cười hì hì không trả lời được. Bởi vì cái lẽ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhưng không đi thi thì thôi, đã đi thi thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm Chuột đi cùng đường với tôi, vừa đi vừa nói chuyện.

Anh ta đưa cái dọc tàu lên, nói với tôi :

— Ông cậu của cậu thật là keo quá, cái dọc tàu như thế này mà cầm trả có năm đồng bạc.

— Hoặc giả cậu tôi không có nhiều tiền chẳng.

Tôi nói cho có nói, chứ không có ý gì cả. Nhưng anh ta cãi phăng :

— Quan lớn hồi xưa, (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng-đốc Hà-nội vừa chi, mà không có tiền lợp nóc cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói ; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm Tri-phủ có ba năm về « chung dương », mua được những mười mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói không có nhiều tiền ?

Tôi thấy điều anh ta nói đó hình như đúng, tôi làm thinh. Bỗng dưng anh ta cất tiếng cười một cách xỏ lá, rồi nói tiếp :

— Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây !

Nghe câu này, tôi cảm động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói như vớt vát một ít :

— Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đỗi, nếu cậu tôi không làm như thế thì đến lụn bại mất.

Anh ta bĩu môi, cái môi đã trề rồi còn bĩu nữa, rất khó coi :

— Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn được nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu người không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp :

— Hèn chi quan lớn chết ở Hà-nội năm Ngọ, năm Dậu thất thủ kinh đô, Nghĩa-hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi, Tây kéo quân đóng đồn ở chùa Phi-phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang-tá trong cái đồn ấy. Đề làm gì ? Cậu có biết không ? Đề đàn áp Nghĩa-hội.

Những chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hồi còn nhỏ tôi biết cả, nhưng tăng lời nói :

— Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi đẻ tôi ra, tôi làm gì biết được những chuyện ấy ?

Anh ta lại cười, nhưng không xỏ lá, nhìn vào mặt tôi :

— Thấy người ta nói cậu thông minh, nói chuyện với cậu, tôi cũng thấy cậu thông minh thật.

Thình lình anh ta nhảy mũi đập hai ba cái, lấy khăn lau nước mũi cả nước mắt nữa, rồi nói thêm :

— Như tôi, (anh ta lấy tay phải ấn vào ngực) ghiền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà hút thì hết thầy những người nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.

— Sao vậy ?

— Quan lớn hồi xưa có cùng mấy ông em lập một bản « gia ước » trong đó có điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết con người của ông cậu của cậu là vậy đó : cái gì cũng làm nghịch lại với cha.

Cái « gia ước » mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại làm thình.

Đây đã đến chỗ con đường rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại, nói mấy lời từ biệt. Năm Chuột nắm tay tôi và nói :

— Tôi nói nãy giờ có làm méch lòng cậu không ? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, hà tất tôi gặp cậu lần đầu phải nói đề làm méch lòng cậu, nhưng tình cờ gặp câu chuyện đáng nói thì cứ nói.

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác.

Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ : « à ra Năm Chuột là con người như thế đấy ». Là một anh thợ bạc, sao lại nói được những điều như thế, tôi lấy làm lạ.

Tối hôm ấy tôi đem câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo :

— Cái thằng láo đến thế là cùng !

— Nhưng những điều hắn nói, con thấy như cũng có cái đúng. Tôi rón rén thưa lại.

— Đúng kia à ? Mặc dù đúng chẳng nữa cái hạng thằng Năm Chuột mà lại được nói thế à ?

Thấy thầy tôi hơi xằng, tôi làm thình. Một chập tôi mới dụi giọng hỏi :

— Cái «gia ước» ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không ?

— Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đồng-bàn (nhà quan thượng Phạm phú Thứ) thì có, còn nhà Xuân tài, tao không nghe.

Đến lúc tắt đèn đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình :

— Cái thằng lão quá !

Đó về sau hơn mười năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chừng vào khoảng 1920, một lần tôi ở Hà-nội về nhà thấy người ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia đình ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm giác như một vật gì tôi đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại.

Làng tôi có một chỗ gọi là Cồn Mũi Gươm, có một vạt đất gọi là đất Chó Ấa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làng làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái quá lứa của một nhà có môn bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hắn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm thấy trong nhà chỉ có một căn ván nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phen tre, ngoài ra là cái lò bễ bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần Tết, trời hơi lạnh, hắn ở trần, ngồi cạnh cái lò bễ đang hơ cả người trên lửa. Hắn xin lỗi tôi và nói: «Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghét, thì cũng chẳng khác tắm bằng nước». Hắn mời tôi ngồi trên, tôi không ngồi, ngồi trên cái đòn kê đặt ở chỗ gần lò bễ, chỗ sẵn cho bạn hàng ngồi xem hắn làm việc.

Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bễ, bắc ấm nước lên rồi gọi vợ súc cái bình tích trà hãm đi cho trà khế vào, pha nước mời tôi uống và sưởi lửa, cũng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng :

— Mười năm về trước tôi mong lại gặp ông mà không được gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.

— Ông mà thiếu gì chuyện, như chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đường từ Xuân-dải đến Bào-an.

Anh ta đưa tay lên khoát khoát, nói thật nhanh :

— Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện như thế nữa. Nói không có người nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia cư ở làng ông được.

Tôi nói :

— Đã thế thì đến phiên tôi. Trước kia ông không sợ méch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ méch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.

Anh ta cười một cách thẳng thắn.

— Được lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nói ông hay ăn cắp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vác lò bễ đến đây làm gì ?

Anh ta lại cười, nói dần từng tiếng :

Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khóa tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chỉ thỉnh thoảng mới có.

— Nhưng tôi muốn biết ông quả có ăn cắp vàng không ? Và ăn cắp như thế nào ?

Anh ta lại cười một cách xỏ lá :

— Thứ ăn cắp mà kẻ gì ? Có những kẻ ăn cướp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cắp vàng thật đấy, nhưng cũng tùy chỗ tùy người, ở làng Bảo-an đây thì tôi không thèm.

Rồi anh thuật lại một chuyện ăn cắp vàng cho tôi nghe :

— Năm Thành-Thái thập nhị, ông Nguyễn hữu Thắng làm Tổng-dốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hóa-mộc, tuy cô hầu mà oai quyền như bà lớn. Một hôm, tôi được trát đòi đến, lĩnh bầm bảo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm cho cô một đôi vòng chạm y như đôi cô có sẵn, và hỏi tôi có thể làm được không. Tôi nói « được », và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan trao cho tôi. Tôi có một vuông lụa trắng tinh khiết bó sẵn trong túi, bèn lấy lót trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên vuông lụa. Tôi đem ra nhổ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc xem thử đôi vòng nặng bao

nhieu, và cầm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đều ra đó, còn vặn chỗ cái cò ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi tôi trả đôi vòng lại và nói : « Bầm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cò vặn ra vặn vào của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không ? » Cô ta nói : « Tôi biết, nó là chữ « ngọc ». Tôi nói : « Con có thể làm đúng y như thế, nhưng hôm nay con có việc riêng, không ở lại được, mười ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn ». Cô ta đồng ý.

Nói đến đó, anh ta nài ngáp một ngoi đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp.

— Tôi về nhà, cày cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm đồng thì được lợi nhiều hơn nhưng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm, cho đến cái chữ ở trong, đều y hệt như đôi vòng của cô Hóa-mộc, đem mà đánh tráo, có thánh cũng không biết...

Tôi ngắt :

— Đánh rằng ông làm một cái rất giống. còn như đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng được ?

— Ấy thế mới là tài. Anh ta cười híp mắt mà không ra tiếng. Chính ăn người là ở chỗ đó. Bất kỳ thử kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khắc biết đồng cân của nó đúng không sai. Chẳng tin, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đưa đây xem.

Tôi tháo ngay cái dây chuyền để trước mặt anh ta. Kéo xong điếu thuốc, anh ta đẳng hắng một cái, ngồi dậy, cầm dây chuyền trên tay nhắc nhắc một cái, rồi đứng dậy đi lấy cái cân tiểu-ly đưa cho tôi, nói quả quyết :

— Ông biết mặt cân chứ ? Cân xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhưng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hơi yếu một chút, song đem vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên :

— Thế thì tài thật, xin chịu.

Anh ta lại nói :

— Còn một chỗ bí quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ kim khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chỉ cùng một thể tích thì trọng lượng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không to hơn, thế mới là khó. Nhưng cái đó có thực hành mới cất nghĩa được, nói miệng sơ ông cũng không hiểu.

Nghỉ một lát anh ta kê tiếp đến cuộc đánh tráo :

— Đúng mười ngày tôi lại đến. Hai bên thỏa thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng điệp ra đặt trên sạp, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh cô xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một lạng hai — tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lạng hai — cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chưa nhận, xin cho xem đôi vòng đã. Cô ta đứng dậy cầm bó vàng điệp cả chỗ một lạng hai cất vào tủ. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đẩy vuông lạng trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đưa đôi vòng cho tôi, tôi chia bàn tay có vuông lạng trắng ra nhận lấy cũng như lần trước. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sắp lưng đi về chỗ sạp. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lạng từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cô ta, và tôi gấp nhanh vuông lạng có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Cô ta hỏi : « Chứ chú thợ không giữ lấy để làm mẫu à ? » Tôi nói : « Bà n bà lớn, con xem hai lần như thế đủ rồi, xin đảm bảo làm thật đúng. » Cô ta khen : « Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng. » Bấy giờ chừng mười giờ sáng tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng điệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vinh-diện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mười chín hiệu của « bà lớn » gửi cho một người anh em « đồng

đạo ». Tôi không quên câu tục ngữ : « Có gian phải có ngoan ».

— Ông ăn cắp chỉ có thế, hay là lúc trở lại làm còn ăn cắp nữa ? Tôi hỏi.

— Không, tôi dại gì mà ăn cắp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế mà tôi không ăn cắp được, có điều tôi đã định bụng không ăn cắp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì ? Cô ta ngẫm nghĩ rồi bảo : « Tôi là người Hóa - mộc, khắc chữ « mộc » cho tôi ». Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau như hệt, có khắc chữ khác nhau để làm dấu thì mai sau đôi giả có xi ra, hẳn mới không có thể ngờ được là do đôi tay tôi làm. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân hận là, như thế, sẽ làm cho ông bạn đồng nghiệp nào của tôi, đã làm cho hân đôi vòng thật đó hóa ra là người thợ bắt lương thiện, nhưng ông tính, đã giết người ai còn góm chầy máu !

— Ông làm cái việc như thế có nhiều lần không ?

— Kề ra cũng không ít. Nhưng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cướp như Tổng-độc, Bô-chánh, Án-sát, Phủ. Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc nãy đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết, đi « mách miệng » cho kẻ khác. Những việc như thế tôi cũng chẳng giấu, cứ hay đem nói với người khác cũng như nói với ông đây, cho nên mang tiếng, chứ thuở nay đã có ai bắt được tôi ăn cắp đâu ?

Hỏi đến sự đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo :

— Tôi có nấu sắt được đâu mà đúc súng ? Nhưng chữa súng thì có. Hồi tôi ở Đà - nẵng, các thứ súng liệt máy của Tây thường đem thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhưng tính ra không có lợi gì mấy, về sau tôi không làm nữa.

Năm Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loà kim và phép hợp kim, như đồng và kẽm mỗi thứ bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì, nghe ra thông thạo như người có học chuyên môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi :

— Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là những điều mà các thợ bạc khác hầu như không biết ?

Anh ta vùng ngồi dậy, cười, ra chiều đắc ý, vỗ vào đùi tôi :

— Xưa nay mới có một người hỏi tôi câu ấy, là ông ! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ có đọc một cuốn sách là cuốn *Kim thạch chi biệt*.

Tôi sùng sốt, nghĩ bụng : té ra anh này còn biết chữ nữa kia. Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt. Một hôm khác, tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn Kim-thạch chi biệt không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu, tôi kiếm đường nói trớ chữ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến gần nay, đọc Lỗ Tấn toàn tập, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học thức, viết báo viết biểc, mà tỏ cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ẽ quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà-nội hoặc Sài-gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta. Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa.

•

Năm Chuột từng với nói tôi rằng từ rày anh ta không nói những chuyện như đã phê bình cậu tôi một cách không nề nang, nhưng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết.

Một lần, phê bình nhân vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói : « Tôi chỉ phục có hai người một là ông Biện Chín, một là ông Tám Thứ ».

Ông Tám Thứ, người Minh-hương, ở ngụ làng tôi, nghèo, chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện Chín, tên thật là Phan Định, chú ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bội.

Chú tôi là dân trắng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học được, nhưng đúng là người « cần kiệm liêm chính », lại khẳng khái nữa, chính tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi. Tôi không tham gia ý kiến gì, chứ ngấm ngấm chịu anh ta là biết người, phê bình đúng. Nhưng, trước mặt tôi mà nói như thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý là anh ta không phục thầy tôi. Thầy tôi đã đỗ đại khoa, làm quan, bỏ quan về ở làng, cầm cân nảy mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy vẻ khía cạnh nào đó. Từ đó tôi đâm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì như cậu mình, làm cho người ngoài phi nghị mà mình không biết chằng. Tôi có đem hỏi chú tôi và thuật lại lời Năm Chuột khen phục chú, thì chú tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chú tôi cũng có thành kiến đối với Năm Chuột như thầy tôi, như những người làng.

Lần khác, bỗng dưng anh ta hỏi tôi :

— Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa ? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không ?

Tôi lấy làm lạ sao hắn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời :

— Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ-hợi, mới có ba mươi tám tuổi. Sở dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.

Cho đến lúc tôi ngoài hai mươi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi như trẻ con, những việc như thế chưa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi thoáng qua dư luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải-phòng gặp Lê bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự tòa sứ Nha-trang, thầy tôi làm Tri-phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời như vậy. Nhưng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái oăm :

Ở làng này còn có hai ông nữa đều làm đến tri huyện, đều bỏ quan mà về trước tuổi hưu trí, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao ?

« Thằng cha khó chịu thật » tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hắn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non nớt quá :

— Việc hai ông ấy thì tôi không biết.

— Anh ta vẫn cười cái lối xỏ lá rất khả ố. Ngót cơn cười mới bình tĩnh nói :

— Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhưng tôi lại có một sở kiến khác, nói ra, ông đừng tưởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới nói.

— Thì ông cứ nói đi.

— Làng Bảo-an, người ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh nghiệm xưa nay rành rành như thế. Từ trước bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên từ Đồng-Khánh, Thành-Thái đến giờ ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông huyện kia cày cục mãi đến ngoài bốn năm mươi tuổi mới về, còn quan lớn nhà ta về sớm là vì mới ba mươi tám tuổi đã làm Tri-phủ.

Tôi làm như không để ý gật gật nhìn anh ta kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng là độc đáo. Làng tôi, tây giáp làng Đông-mỹ, đông giáp làng Xuân-dài, hai làng này đều có Tổng-dóc, mà làng tôi, thì đồ thì đông, đại khoa cũng có, nhưng không có quan to. Thuở Tự-Đức, ông Nguyễn duy Tự làm đến phủ doãn Thừa-thiên, ông nội tôi làm đến Án-sát Khánh-hòa, cũng đều bị cách. Tôi không tin phong thủy, nhưng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi, trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đến phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Năm Chuột rõ ràng mà đánh thép

lắm, tôi bấy lâu trau dồi cái đức tính ngay thực của người viết báo, tôi không thể cãi chày cãi cối được.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lỗi móc ruột móc gan người ta như thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét.

Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn ngồi trên đôn kê xem anh ta làm việc, liếc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem, thì là một cuốn *Thương-Sơn thi tập* không có bìa, đã xé mất nhiều trang. Tôi hỏi :

— Ông cũng có sách này à ? Nó là một bộ mười cuốn sao ở đây chỉ có một cuốn ?

— Tôi có mà tôi xé đề quán thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quế, quán thuốc tốt lắm.

— Ông có xem qua chứ ?

— Thơ của ông Hoàng minh xem thế nào được ? Tôi chỉ xem được một bài *Mại trúc điều*.

Tôi phát lạnh người. Tôi có đọc thơ *Thương-Sơn* rồi, tôi cũng không thích, nhưng cái bài *Mại trúc điều* là bài thế nào, tôi có biết đâu ? Chỉ vì giấu dốt, tôi lại cứ làm thinh, không hỏi anh ta.

Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ *Thương-Sơn* ra tìm, tìm được bài *Mại trúc điều*. Về sau, tôi dịch ra đăng báo *Phụ nữ tân văn* sau nữa, đem in trong *Chương-Dân thi thoại*. Lọc ra đây đề bạn đọc thưởng thức cái mực thường thức văn học của anh thợ bạc :

Bài hát bán tre

*Ngày dớn hai cây trúc,
Bán đi đề đàn bụng,
Trong cửa tre đầy kho.
Ngoài cửa tiền chẳng cho.
Không nói thì cũng khờ,*

Nói thì roi dài sẽ quật chú.

Rày vẽ sau dùng đòn tre nữa,

Đối nằm trong tre chết cũng đủ !

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ được rồi, tôi có lúc đem văn học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hồi chứ không tỏ ý kiến. Tôi có ý trách. Anh ta giải thích thế này : « *Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề thợ bạc cho tôi.* »

Anh làm thợ bạc, nhưng cũng kiêm thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng cụ của anh ta như cái kim, cái búa, cái kéo, anh ta đều đi đến lò bễ rèn ngồi tự đánh lấy. Cái đó thì ở làng tôi có nhiều người biết, cái kim của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà-nội, về nhà được mấy hôm thì thầy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Buồn quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái túp tranh không có nữa. Hỏi thì người ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi.

Một lần, trước mặt ông Tú già, anh Giáp, trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú đập bàn quát : « *Mày gọi thằng Năm Chuột bằng ông, thì gọi tao bằng gì ?* » Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là *Ông Năm Chuột*.

PHAN KHÔI

(Trích báo Văn, số 36 ra ngày 10-1-1958)



Ông bình vôi

Khắp nước Việt-nam có tục ăn trầu, cho nên ở đâu cũng có bình vôi.

Theo như tôi biết, ở vùng quê chúng tôi, có hai thứ bình vôi. Đầu bằng đất nung cả, mà một thứ giống như cái hũ nhỏ, duy cổ eo, miệng loa, cho nhà trung thường dùng; một thứ bình tròn mà dẹt bằng, trên có quai xách, miệng ở về một bên, toàn thân tô màu lục hoặc màu vàng, cho nhà sang dùng. Cả hai đều để đựng vôi trong lòng nó. Nhưng mỗi khi cho vôi vào, người ta lại cũng dùng vôi đập cái miệng nó cho cao lên.

Nhà tôi, hồi bà nội tôi còn sống; có cái bình vôi hạng sang ấy. Mỗi khi mua vôi ở chợ về, bà tôi ngồi tỉ mỉ lấy cái chia quẹt vôi nhét vào miệng nó, gọi là «cho Ông Bình ăn». Và lâu lâu lại tấp thêm cái miệng nó một lần, hóa nên cái miệng càng ngày càng chêu vều ra.

Thứ bình vôi thường, dùng chia bằng tre, những thứ bình vôi sang, bao giờ cũng dùng chia bằng sắt, ở thân cái chia đôi khi lại có đeo một lưỡi dao để rọc trầu.

Nhà khác thế nào tôi không biết, còn nhà tôi, tối lại, bà tôi cứ rút cái chia ra dề ra một nơi khác. Làm như thế, bà tôi cắt nghĩa rằng «Ông Bình» linh lắm, đêm hôm có kẻ trộm, kẻ đạo «Ông» sẽ mách cho mình, mà nếu để cái chia lấp cái miệng thì không mách được.

Tôi nói, «nhà tôi có một cái bình vôi» không đúng. Nói đúng là từ hồi nhỏ cho đến năm tôi hai mươi lăm tuổi, bà tôi chết, nhà tôi có ba bình vôi kể vại nhau. Bởi vì dùng lâu ngày, trong lòng nó đầy vôi khô cứng, miệng nó vì cứ đập nên tum hùm lại, không dùng được nữa, phải mua cái khác.

Lúc đó nhà tôi có một cái trang thờ Tam vị; ở giữa là Phúc đức chính thần, hai bên là Thờ công và Táo công. Hễ cái bình vôi nào bị thái ra thì bà tôi bảo đem đặt trên cái trang ấy, thờ nhân thần.

Sự thờ phượng như thế, không phải chỉ riêng một nhà

tôi đâu. Cả làng, nhà nào có bình vôi thả ra, cũng đều đem đặt trên các tường thành đình hoặc chùa ; như thế, người ta cho rằng thờ « Ông Bình » đó.

Cái bình vôi, tại sao lại gọi bằng « Ông » ? Đọc từ đầu đến đây, bạn đọc đã biết. Ở vùng quê chúng tôi, mà có lẽ cả nước Việt-nam cũng vậy, vật gì nó có thể làm hại mình được thì gọi bằng « ông », vật gì nó to hay sống lâu năm thì cũng gọi bằng « ông ».

Con cạp ăn thịt mình được, gọi bằng « Ông cạp », con khi phá hoa màu mình được, gọi bằng « Ông trường », con chuột, cắn quần áo của mình được, gọi bằng « Ông tí ». Cái đầu rau, dùng năm mười năm mới thay cái khác, gọi bằng « Ông núc », cái che, to, đường kính của nó có khi gần đến một mét, gọi bằng « Ông che ». Người Việt-nam về sau thế nào chưa biết, chứ về trước, hề vật gì làm hại được hoặc lớn hơn hoặc nhỏ, vật gì sống lâu và to xác thì gọi bằng « Ông » để tỏ lòng tôn kính, sùng bái.

Tôi có phạm một cái tội hồi mười tám tuổi, bây giờ tôi xin kiểm thảo và thú nhận.

Năm tôi mười tám tuổi, tôi không tin nữa. Một đêm mùa hè, gió Nam như bão, sáng trắng mờ mờ, tôi rủ mấy thằng bạn lứa tuổi với tôi đi chơi dọc đường cái làng, đi qua đình và chùa, bao nhiêu « Ông bình vôi » thờ trên tường thành chúng tôi đều hát một loạt xuống đất cả. Sao lại làm như thế ? Chúng tôi cứ làm như thế, không cần có lý luận. Nhưng, vài hôm sau, trở lại xem, không biết là do tay ai, thấy đều đặt lại tề chỉnh trên tường thành.

Tuy vậy, đó không phải cái tội riêng một mình tôi. Bảy giờ bọn thiếu niên chúng tôi hầu như đứa nào cũng có thể làm như thế được cả. Nếu ngày tôi phải tự kiểm thảo, thì lũ thiếu niên ấy, bạc đầu rồi, cũng phải tự kiểm thảo như tôi.

Tóm lại, cái bình vôi, vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bít lại, ngồi cú rữ trên trang hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng « Ông ».

Tôi viết cái bài khảo cứu nhó này cốt đề cắt nghĩa mấy câu thơ của Lê-Đạt :

*Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại.*

PHAN KHÔI

(Trích Giai phẩm mùa Thu, tập I)



LƯU TRỌNG LƯ

LƯU TRỌNG LƯ sinh năm 1912 tại làng Cao-lao hạ, huyện Bồ-trạch, thuộc tỉnh Quảng-bình (Trung-phần). Học trường Quốc-học Huế đến năm thứ ba, ra Hà-nội học tư rồi đi làm báo. Hiện còn sống ở Hà-nội.

Lưu trọng Lư là một nhà thơ thuộc phái mới và có nhiều tư tưởng lãng mạn trong làng thơ tiền chiến. Lưu trọng Lư chính thức bước vào làng thơ từ năm 1932 ; chủ trương Ngân sơn tùng thư, Huế (1933 - 1934). Mãi đến năm 1939 ông cho xuất bản tập thơ Tiếng thu do Nhà xuất bản Hà-nội ấn hành. Ngoài tập Tiếng thu, người ta không thấy tập thơ nào khác của Lưu nữa cả. Thơ của ông thường thấy đăng trong báo nhiều hơn là xuất bản thành sách. Ông đã viết giúp cho các báo : Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đàm, Tiến hóa, Hà-nội báo, Tân thiếu niên, Tao đàn, Phổ thông bán nguyệt san.

Ngoài thơ ra, Lưu trọng Lư, còn viết cả tiểu thuyết như :

— Con đười ươi (Phổ-thông bán nguyệt san xuất bản tại Hà-nội)

- Từ thiên đàng đến địa ngục (P. T. B. N. S. xuất bản)
- Nàng công chúa Huế (P. T. B. N. S. xuất bản)
- Cô Nguyệt (P. T. B. N. S. xuất bản)
- Một người đau khổ (P. T. B. N. S. xuất bản)
- Cô gái tân thời (P. T. B. N. S. xuất bản)
- Cô nhung (P. T. B. N. S. xuất bản)
- Người Sơn-nhân *truyện ngắn do Ngân-Sơn xuất bản tại Huế năm 1933*
- Huyền-không động *Hồi ký xuất bản tại Nam-định năm 1935*
- Chạy loạn *do Librairie Centrale Hà-nội xuất bản năm 1939*
- Một tháng với ma *do nhà Lê Cường xuất bản tại Hà-nội 1940*
- Chiếc cáng xanh *do nhà Tân Dân xuất bản tại Hà-nội 1941*

Năm 1945, trong giai đoạn chiến tranh, Lưu trọng Lư cũng như bao thanh niên khác gia nhập phong trào kháng chiến chống Pháp. Sau khi chiến tranh chấm dứt năm 1954, ông ở lại Hà-nội cùng chung số phận với một số văn, nghệ sĩ khác, sống trong vùng kiểm soát của chính quyền Bắc-Việt. Chính vì thế, nền thi ca Việt-nam đành coi như Lưu trọng Lư đã chết hẳn trong tâm tưởng mọi người yêu thơ mà lý do là hoàn cảnh hiện tại khiến Lưu trọng Lư không còn bản chất của một con người nghệ sĩ như ngày nào. Hình ảnh hiền lành của « con nai vàng » — danh hiệu mà những thi nhân thời ấy đã đặt cho Lư — đã phai dần trong lòng khách yêu thơ, và hiện nay có nhắc đến tên cũng chỉ là một Lưu trọng Lư trong những ngày tiền thế chiến.



SAU phát súng cách mạng của Phan Khôi mở màn kỷ nguyên mới nền thi ca đất nước, người hưởng ứng trước tiên là Lưu trọng Lư; hưởng ứng một cách cụ thể bằng hai sáng tác gởi đăng ngay trên báo Phụ nữ tân

vấn, bài thơ mới *Trên đường đời* ký Lưu trọng Lư và một bài nữa ký Thanh-Tâm nhan đề *Vắng khách thơ* (1). Chúng tôi sưu tầm đề cống hiến quý bạn đọc :

Trên đường đời

*Lăn bước tiếng gieo thăm, bóng ai kia lủi thủi ?
lặng lặng với sương gieo, im lìm cùng gió thổi,
Không tiếng, không tắm, không thừa, không hỏi
Không hát, không cười, không than, không tủi.
Lặn độn với năm canh, bóng ai kia lủi thủi,*

Lưu trọng Lư

Vắng khách thơ

*Năm vừa rồi
Chàng cùng tôi
Nơi vùng giáp Mộ
Trong gian nhà cỏ
Tôi ...ay thơ.
Chàng ngâm thơ.
Vườn sau oanh giục già,
Nhìn ra hoa dưa nở,
Dừng tay tôi kêu chàng :
«Này, này ! bạn ! xuân sang.»
Chàng nhìn xuân mặt hớn hờ
Tôi nhìn chàng lòng vồn vã...

Rồi ngày lại ngày
Sắc màu : phai
Lá cành : rụng
Ba gian : trống*

(1) Trong *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh Hoài-Chân có đăng bài *Vắng khách thơ* nhưng chưa lại nhan đề là *Xuân về*.

*Xuân đi
Chàng cũng đi.
Người xưa không thấy tới:*

Thanh-Tâm (tức Lưu trọng Lư — LNS)

Như thế cho phép ta xếp theo thứ tự sự xuất hiện đầu tiên của những bài thơ mới như sau : thứ nhất : *Tình già* ; thứ nhì : *Trên đường đời* ; thứ ba : *Vắng khách thơ*. Kế tiếp là những thi bản của Nguyễn thị Mạnh-Mạnh, Hồ văn Hảo và một dòng thi nhân đồng kiến tạo một thể vững chắc cho nền thơ mới vừa khai sinh.

Lưu trọng Lư là một chiến sĩ hăng say đã giành phần thắng và quyết tâm tìm một chỗ đứng cho thơ mới trên thi đàn Việt-nam. Ông đã viết nhiều bài báo bình vực, cổ vũ thơ mới, đăng đàn diễn thuyết tại nhà Học-hội Qui-nhon. Ông còn gởi hai bức thư lên Khê-thượng đòi thảo luận về thơ mới với Tản-Đà (1)

Chẳng những là một chiến sĩ tiền phong hăng say trong việc bảo vệ nền thơ mới, Lưu trọng Lư còn có một nhãn quang bén nhạy, cảm nhận trước tiên mọi trạng thái biến chuyển từng giai đoạn, trong lãnh vực thi ca ông luôn luôn hướng dẫn tư tưởng của thế hệ thanh niên lúc bấy giờ.

Đây, ta hãy nghe những vần thơ Lưu trọng Lư thách thức các cụ làng nho :

Thơ thách họa các cụ đồ

(Liên hệ với phong trào thơ mới)

*Đôi lời nhắn nhủ bạn làng Nho
Thơ thần thần thơ khéo thần thờ
Con cóc Nghè Huỳnh đuôi cộc lóc
Nàng thơ Ấm Hiếu mũi thò lò*

(1) Hai bức thư ấy đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy* số 29 ngày 15-12-1931 và số 34 ngày 19-1-1935.

*Chai to chai nhỏ con cầy béo
 Câu thánh câu thần đĩa mực khô
 Nắn nốt miến sao nên bốn vế
 Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ (1).*

Ý tưởng mới mẻ của Lưu Trọng Lư còn bộc lộ qua bài diễn thuyết tại Học-hội Qui-nhơn (16-2-1934) mà thời bấy giờ các thanh niên tân tiến vẫn chưa ai có đủ can đảm nhìn nhận trạng thái tâm hồn của thế hệ mình. Lưu Trọng Lư nói :

“... Các cụ chỉ thích cái bóng trắng vàng gội trên mặt nước, chúng ta lại chỉ thích cái ánh mặt trời buổi sáng lấp lánh, vui vẻ ở trên đầu ngọn tre xanh. Các cụ ưa màu đỏ choét, chúng ta lại ưa màu xanh nhạt. Một dòng máu chảy làm cho các cụ rùng mình, còn chúng ta, chỉ một chiếc quan tài phất giấy dò lững thững đi dưới bóng mặt trời ban trưa lại làm cho ta rợn ớn. Các cụ bàng khuâng vì tiếng trùng kêu đêm, chúng ta lại nao nao vì tiếng gà gáy đúng Ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn ngáy thơ, các cụ cho là điều tội lỗi, chúng ta cho là mát mẻ, như đứng trước một cánh đồng xanh ngắt... Đối với chúng ta thì tình cảm có thiên hình vạn trạng, cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình thân thiết, cái tình ảo mộng, cái tình ngáy thơ, cái tình già giận, cái tình trong giây phút, cái tình nghìn thu....”

Thay mặt lớp người trẻ, sẵn chứa trong người nguồn

(1) Lưu kỳ Linh thấy đôi câu khiếm lễ với hai vị Tiền-bối và vài vần chưa ổn đáng nên sửa đổi lại như sau :

*Thần thơ thơ thần mấy ông đồ
 Múa bút tao-dân khéo diêm tô
 Lộng nguyệt, say thừa men cụ Lý (a)
 Ngâm phong, nhai lại bã cô Hồ (b)
 Chai to chai nhỏ con cầy béo
 Câu thánh câu thần đĩa mực khô
 Nắn nốt sao cho thành bốn vế
 Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ.*

Lưu kỳ Linh

a) Lý Bạch — b) Hồ xuân Hương

sống đôi dào, Lưu trọng Lư dám nhìn thẳng vào thể hệ già nua, cần cỗi và hét lên : « ... *Chúng tôi là lớp người trẻ, là lớp người đang sống. Chúng tôi có quyền sống, và sống cho chúng tôi. Hỡi già nua, chết chóc, đừng bắt chúng tôi phải phụng sự cái thể giới ma quái của các người.* »

Nhưng ... tiếng thét gào ấy chưa tan luồng âm hưởng, Lưu trọng Lư đã nhận thức được ngay bộ mặt thực của vũ trụ. Cái gì cũng : có đề mà không, trẻ đề rồi già, thực đề rồi mộng..., và những gì mà lớp trẻ cho là quyền sống của họ chỉ là một khoảng không gian hư ảo ...

Thơ Lưu trọng Lư đi từ câu kết đến tan vỡ, từ thực đến mộng. Với một nhân sinh quan vừa vỡ lẽ, tiếng thơ của Lưu trọng Lư hàm súc tiếng thở dài, nổi nghẹn ngào, niềm đau thương. Trạng thái tâm hồn khắc khoải, băng khuâng ấy được cô đọng thành « *Tiếng thu* », trong đó hình ảnh con nai vàng ngơ ngác, giẫm lên những chiếc lá vàng kêu xào xạc... vẫn mãi mãi làm rung động cõi lòng người đọc như gọi một niềm luyến tiếc xa xôi.

Trong hồi chấp chững của nền thơ mới, ta không còn lý lẽ nào đề phủ nhận sự góp công quan trọng của Lưu trọng Lư bằng những vần thơ trong sáng, đượm buồn, bằng một nhạc điệu vấn vương, êm đềm.

Cho ra đời thi phẩm *Tiếng thu*, Lưu trọng Lư đã chiếm trọn vẹn cảm tình nồng nhiệt và lòng ngưỡng mộ của khách yêu thơ, và củng cố ngôi vị của mình trên thi đàn Việt-nam từ ngót 30 năm nay.

Từ đó về sau, tuy Lưu trọng Lư có lần lượt sáng tác nhiều bài thơ khác, nhưng không làm sao người ta quên được *Tiếng thu*.

Người ta đã không lầm khi nhận định tiếng thơ của Lưu trọng Lư là tiếng nói xa xôi, nửa hư nửa thực. Hồn thơ của Lư là những gì mờ ảo, huyền hoặc, xa xăm. Lưu trọng Lư có những cái nhìn mộng lung, những tiếng thơ dài không trọn vẹn ; tư tưởng của nhà thơ đất Quảng là những gì mờ ảo, lúc ẩn, lúc hiện, có rồi không, không rồi

có. Đôi khi đọc thơ của Lư ta thấy gần như thoát trần, qua những phút giây đó, Lưu trọng Lư đã đưa người xem vào thế giới xa lạ : thế giới của mộng, của mơ, của nhớ thương.

Tiếng thơ của Lưu trọng Lư gợi cảm là ở chỗ đó, và người yêu thơ cũng thích thơ của Lưu trọng Lư là ở đó.

Như đa số thi nhân khác, Lưu trọng Lư cũng chịu ảnh hưởng nhiều trong vấn đề tình ái, những bài thơ tình của họ Lưu sáng tác chiếm hầu hết tập thơ của thi nhân. Tiếng thơ của Lưu trọng Lư thật êm đềm, nhưng cũng có vẻ đau đớn, xót xa. Nổi tiếng nhất là những bài *Tiếng thu*, *Mộng Oanh Oanh* và *Một mùa đông*.

Đây ta hãy nghe Lưu trọng Lư tâm sự :

*Đêm qua nằm mộng thấy Oanh Oanh,
Bừng sáng trong gương bóng hiện người.
Bẽ bàng không biết quen hay lạ,
Bỗng rộn phòng tây một mái cười.*

Vào ngay phần đầu bài thơ, Lưu trọng Lư đã giới thiệu giấc mộng đẹp của mình, trong đêm, thi sĩ đã có điềm phúc được biết tên người con gái trong mộng là Oanh Oanh ; nhưng biết, chưa hẳn là đủ, thi nhân ngỡ ngàng không hiểu nàng đã gặp mình ở đâu và cũng không biết đó là người quen hay lạ, chỉ biết rằng trước mặt thi sĩ, nàng là một thiếu nữ duyên dáng, dịu dàng đã đến với mình trong một giấc mơ, tiếng cười còn vang động đầu đây, và người trong mộng thoáng hiện rồi ra đi, để lại cho thi nhân nỗi buồn thương tiếc nhớ. Hình ảnh thiếu nữ yêu kiều nào đó đã làm cho lòng thi nhân ngây ngất, đắm say, chừng khi tỉnh mộng thi nhân cảm thấy mình đã mất mát ít nhiều di sản của tình yêu :

*Cởi trần mừng tượng bóng tiên nga,
Không biết còn đây hay đã xa.
Dáng hiện trong gương rồi vụt biến,
Gối chẵn còn kẻ mộng đêm qua...*

Khi cuộc giao tình ngắn ngủi ấy đến với thi nhân, Lưu Trọng Lư không từ chối, không che giấu giấu diếm những sự thực của một khách tình si dù chỉ là trong mộng, thi nhân đã nhớ kỹ :

*Nàng đến cùng ta trong một hôm,
Cây đàn Quân Thụy gửi ta ôm,
Khi mơ không biết người thiên cổ,
Duyên chỉ cùng mình có một hôm.*

Mặc dù một đêm nhưng lại là một đêm mang nhiều kỷ niệm nhất trong đời, nên thi nhân không tiếc gì đã vung phí tất cả, chỉ vì tình yêu :

*Một đêm hoang phí biết bao nhiêu,
Mạn mác hương hoa ngọc cũng nhiều.
Nến đốt cũng tràn, trầm cũng ngát,
Phí bao tươi thắm, bao tình yêu...*

Rồi cứ đêm đêm, thi nhân vẫn ngồi chờ mong, thương tưởng đến hình bóng giai nhân, nhưng chờ mãi mà người yêu không đến, thi nhân ngạc nhiên tự hỏi :

*Chẳng có hôm nào như hôm nay,
Đến giờ hoa chẳng được hương bay.
Người ngàn năm cũ bao giờ nữa ?
Pháo rợp đầy nhà chẳng khứng say...*

Qua những đoạn thơ trên, chúng ta thấy Lưu Trọng Lư là người sống nhiều với nội tâm hơn ngoại giới.

Tình yêu trong thơ của Lưu Trọng Lư là một tình yêu thầm kín, mơ mộng, yêu thương nhưng không bao giờ dám thổ lộ đề rồi vì một lẽ này hay một lý do khác, người yêu xa vắng, thi nhân thở than, hối tiếc ngàn đời :

*Yêu hết một mùa đông,
Không một lần đã nói.
Nhìn nhau buồn với vợ,
Có nói cũng không cùng.*

Đề rồi tình yêu như con tàu tách bến :

*Em ngồi bên song cửa
Anh đứng tựa tường hoa,
Nhìn nhau mà lệ ứa
Một ngày một cách xa..*

Người yêu xa rồi, trong phút giây, bản năng bảo tồn tình ái bừng sống, thì nhân chợt thốt lên thành lời ước nguyện như cổ nữu đôi chút hy vọng mong manh :

*Em là giải Ngân-hà,
Anh là chim ô thước,
Sẽ bắc cầu nguyện ước,
Một năm một lần qua.*

Với những khổ đau tuyệt vọng, Lưu trọng Lưu tự ví mình là loài chim ô thước, nguyện bắc nhịp cầu yêu đương nối lại bến bờ ngăn cách như câu chuyện Ngưu-lang Chức-nữ trong huyền thoại Trung-hoa mà chính tác giả là chàng mục đồng xấu số. Và khi tình yêu không trọn vẹn, thì nhân chỉ còn mong người yêu là cô em gái đề an ủi cõi lòng :

*Em chỉ là người em gái mà thôi,
Người em sâu mộng của muôn đời.
Tình em như tuyết giăng đầu núi.
Văng vặc muôn thu nét tuyết vời.*

Tuy nói thế nhưng thì nhân vẫn âm thầm đau khổ với chính mình. nỗi buồn ở nội tâm dần vật, khi phải nhớ lại những kỷ niệm xưa :

*Ngày một, ngày hai cách biệt nhau,
Chẳng được cùng em kê gối sầu.
Khúc chuyện thế gian cười ngặt nghèo.
Cùng cười những chuyện thế gian đau.*

Nhớ hôm nào chia tay :

*Nhớ hôm tiễn biệt buồn say đắm
Em vẫn đùa nỏ uống rượu say.
Em có biết đâu trời vắng lạnh,
Lạnh buồn như ngọn gió heo may*

Nhớ đến ngày đi, nhớ đến chung rượu buồn khi tiễn biệt :

*Tuy môi em uống lòng anh say,
Lời em càng nói càng chua cay.
Anh muốn van em đừng nói nữa,
Lệ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay.*

và khi định mệnh đã cách ngăn, thì nhân không muốn thề thốt với nhau để làm gì, thôi thì đành phó mặc cho đời :

*Hãy xếp lại muôn vàn ân ái,
Đừng trách nhau, đừng ái ngại nhau,
Thuyền yêu không ghé bến sâu,
Như đêm thiếu phụ bên lầu không trăng.*

và tình yêu đã thế, thôi thì cứ buông trôi :

*Hãy như chiếc sao băng, băng mãi,
Đề lòng buồn buồn mãi không thôi.*

Những mảnh tình vu vơ, mơ hồ, mộng ảo, có rồi không, không rồi có, nó chập chờn như hình ảnh mỹ nhân trong chuyện Liễu-trai, vậy mà mỗi lần nó đến gõ cửa tim, thì nhân liền đáp ứng ngay không một đắn đo. Trường hợp điển hình như thế, tưởng không thiếu trong thơ của Lx, chúng tôi xin đơn cử vài thí dụ :

Suối mây

*Mời em lên ngựa với anh,
Nương theo bãi sậy qua ghềnh suối mây.
Em ăn hộp quả sim này,
Năm sau sim chín nhớ ngày lại lên.
Nói đi*

*Nói đi em mãi làm duyên,
Quê em ở Xá ? Tên em là gì !
Mời em xuống tắm suối mây,
Em phơi áo lụa trên cây sim này.*

Ủa ! sao má đỏ hây hây ?

Ái ân đã đến tự ngày nào em ?

Chỉ gặp một nàng con gái bên bờ suối, chưa biết tên tuổi là gì, quê quán ở đâu, thế mà Lư đã nói chuyện yêu thương và mời người đẹp đến với mình thì thật là thi sĩ họ Lưu nhiều tình cảm và nhiều mơ mộng :

Không biết tên nàng, biết tuổi nàng,

Mà sầu trong dạ cứ mang mang !

Mơ nhiều là đặc tánh của họ Lưu. Nhưng mơ ắt hẳn là không thực, mà thực là không phải mơ, nên đã khiến tâm hồn thi nhân buồn vui lẫn lộn. Ta hãy nghe Lư giải bày tâm sự :

Chuyện ân ái đành khi nhân rồi,

Cười cũng hay mà khóc cũng hay:

Không vui ta cũng cùng vui gượng,

Và không buồn ta, cũng bị buồn lây.

Chờn vờn mãi theo bóng dáng tình yêu đề rồi phải bị khước từ, khiến thi nhân đâm ra buồn đời, bất mãn với người, với hoàn cảnh ; đầu đầu Lưu trọng Lư cũng chỉ thấy toàn là một màu đen tối, đầy giả dối, nên không còn thiết nghĩ gì đến cuộc đời của chính mình với chuỗi ngày buồn lê thê, nên thi nhân mới mượn chung rượu mong nhờ cái vị đắng cay của men đề dỗi lấy những phút giây say sưa, chuyển choáng và cái tình trăng gió mung lung, hầu lãng quên và dứt khoát với dĩ vãng khổ đau. Ta hãy nghe Lưu trọng Lư than thở :

Mời anh cạn hết chén này,

Trắng vàng ở cuối non tây ngậm buồn.

Tiếng gà đã rộ trong thôn

Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay ;

Dề lòng với rượu cùng say,

Chừ đây lời nói chưa cay lạ thường.

hãy :

Ồ, sao rượu chẳng kể môi ?

Lời đâu kiêu diễm cho nguôi lòng chàng ?

Tay em nâng chén hoàng hoa,

Sá gì hớp rượu, vì ta bận lòng.

Đã say hơi men mà còn muốn say cả hương tình nữa :

Hãy gượng lắng nghe dòng sông chảy,

Gió đưa trăng trên bãi lạnh lùng.

Sá gì hớp rượu, bận lòng,

Dợi gì mới nhấp rượu nồng mới say ?

Hãy nhích lại đưa tay ta nắm,

Hãy buông ra đắm thắm nhìn nhau.

Rồi trong những phút giây lâu,

Mắt sầu gợn sóng, lòng đau rộn tình.

(Giang hồ)

Mãi miết tìm lãng quên trong chén rượu thâu đêm,
thi nhân đã không làm tròn bổn phận gia đình, và chính
Lưu trọng Lưu tự thú :

Tiếng gà đã gáy mau trong xóm,

Bình minh đã rạng khóm tre cồn.

Trông nàng môi nhạt màu son,

Giật mình ta nhớ vợ con ở nhà.

nên thi nhân tui thẹn và tỏ ra hối hận, Lưu thăm như
như lời tự nguyện :

Từ đây chẳng bao giờ phiêu lãng,

Niềm thê nhi ngày tháng quen dần.

Đòi phen nhớ cảnh phong trần,

Bóng người ăn hiện xa gần đâu đây.

Tưởng nghe tiếng gọi nơi hồ hải,

Mất lệ mờ ta mãi trông theo.

Trong buồng bỗng tiếng con reo,

Vội vàng khép cửa gió heo lạnh lùng.

Cứ mãi vẫn vương những bóng sắc hảo huyền mà không bao giờ được thỏa nguyện, thi nhân mới quay về thực tại, yên sống trong niềm vui gia đình để xóa nhòa đi văng đau thương, nhưng chính những lúc cố tìm quên lãng lại là những lúc thi nhân thương hay bắt gặp những hình ảnh của quá khứ chập chờn, ẩn hiện như cố tình trêu ghẹo. Đây ta hãy nghe Lưu trọng Lư nức nở :

Mưa... mưa mãi

*Mưa mãi, mưa hoài !
 Lòng biết thương ai !
 Trăng lạnh về non không trở lại...
 Mưa chi mưa mãi !
 Lòng nhớ nhung hoài !
 Nào biết nhớ nhung ai !
 Mưa chi mưa mãi !
 Buồn hết nửa đời xuân !
 Mộng vàng không kịp hái .
 Mưa mãi mưa hoài !
 Nào biết trách ai !
 Phi hoang thời trẻ dại.
 Mưa hoài mưa mãi !
 Lòng biết tìm ai !
 Cảnh, tường đầy nơi quan tát.*

Thi nhân than thở khi niềm thương nỗi nhớ đầy xéo tâm tư. Một chuỗi buồn gần như bất tận cứ ám ảnh mãi thi nhân trong những chiều mưa buồn rả rích.

*

Tóm lại, Lưu trọng Lư là thi nhân có một tâm hồn buồn thương man mác, những vần thơ của Lưu trọng Lư thường ghi dấu những nỗi khắc khoải của tâm tư, những

tiếng thở than cho tình duyên, cho cuộc đời ngang trái. Thơ của Lưu Trọng Lư là tiếng nói của những người sống nặng về nội tâm mà nhẹ về ngoại giới... Tiếng thơ có tác dụng mãnh liệt khiến người đọc bị lôi cuốn vào thế giới đầy mơ và mộng, gần như thoát tục.

Ngày nay cuộc đời của Lưu Trọng Lư đã rẽ sang lối khác. Tiếng tơ lòng của thi nhân không còn phản ánh được những gì thi nhân muốn nói, muốn mơ, muốn mộng. Ta còn đâu nghe tiếng lá rừng thu kêu xào xạc dưới bước chân con nai vàng, và thấy dáng điệu ngơ ngác khi nó dừng lại nhìn lên bầu trời cao rộng pha màu mờ nhạt của trăng thu.



Thi tuyển (1)

Thú đau thương

Tình đã len trong màu nắng mới,
Lòng anh buồn vời vợi, em ơi!
Niềm yêu rung động đôi môi,
Tình đầy khôn lựa được lời thắm tươi.
Đã héo lăm nụ cười trong mộng,
Đã mờ mờ lăm bóng thân yêu,
Đã làm tím cả cảnh chiều,
Trong hồn lặng đã hiu hiu mộng tàn.
Đề chẵn gối yên nằm chỗ cũ,
Hãy lịm người trong thú đau thương.
Giờ đây ta đốt nén hương,
Trên tay ta buộc giải tang cho tình.

*

Mộng Oanh Oanh

Đêm qua nằm mộng thấy Oanh Oanh,
Bừng sáng trong gương bóng hiện người.
Bẽ bàng không biết quen hay lạ,
Bỗng rộn phòng tây một mái cười.
Cởi trần mừng tượng bóng tiên nga,
Không biết còn đây hay đã xa.
Dáng hiện trong gương rồi vụt biến,
Gối chẵn còn đề mộng đêm qua.
Nàng đến cùng ta trong một hôm,
Cây đèn Quân Thụ gửi ta ôm.
Khi mơ không biết người thiên cổ,
Duyên chỉ cùng mình chỉ một hôm.

(1) Những thi bản sau đây trích trong tập *Liếng thu*.

*Một hôm hoang phí biết bao nhiêu,
 Man mác hương hoa ngọc cũng nhiều,
 Nền đốt cũng tràn, trầm cũng ngát,
 Phí bao tươi thắm bao tình yêu.*

*Khi mơ không có sầu ly biệt,
 Khi tỉnh không còn lúc biệt ly.
 Khi yêu không biết đây là mộng,
 Lúc tỉnh ra thì mộng đã đi.*

*Chẳng có hôm nào như hôm nay,
 Đến giờ hoa chẳng được hương bay.
 Người ngàn năm cũ bao giờ nữa ?
 Pháo rợp đầy nhà chẳng khứng say.*

*Dầu có trắng về ở trước sân,
 Giắc mộng người hoa chỉ một lần,
 Dầu mộng có mời người chẳng đến,
 Cung đàn thêm nặng tiếng tơ ngân.*

*

Năng mới

Tặng hương hồn Thầy Me

*Mỗi lần năng mới hát bên song,
 Xao xác gà trưa gáy náo nùng,
 Lòng rười buồn theo thời đi vắng,
 Chập chờn sống lại những ngày không.*

*Tôi nhớ Me tôi thuở thiếu thời,
 Lúc Người còn sống, tôi lên mười ;
 Mỗi lần năng mới reo ngoài nội,
 Áo dò Người đưa trước giậu phơi.*

Hình dáng Me tôi chữa xóa mờ,
 Hãy còn mừng tượng bóng vào ra :
 Nét cười đen nhánh sau tay áo,
 Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.

*

Thơ sầu rụng

Tặng Hoài-Thanh, người bạn đầu tiên đã
 đưa lại cho ta cái hương vị say nồng của
 cuộc đời và của văn chương.

Vầng trăng từ độ lên ngôi,
 Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ.
 Đề tóc vướng vầng thơ sầu rụng,
 Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo.
 Năm năm tiếng lựa xe đều...
 Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây.

Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay
 Mùi hương hàng xóm bay đầy mái đông.
 Nghiêng nghiêng mái tóc hương nồng,
 Thời gian lặng rớt một dòng buồn tênh.

*

Lại ường

Gửi P. H.

Anh đã dặn em đừng uống nữa
 Vì đâu anh đã lại say rồi !
 Hãy cho anh trái lời em dặn
 Một lần và lần nữa mà thôi.
 Nhưng từ xưa không hề nhấp rượu
 Hiên vui như gió lướt bên cầu,
 Anh chỉ say sưa màu tuyết diệu
 Thơ dầu ra, rượu chưa lúc vào.

Nhưng hôm nay em ạ ! hôm nay
 Anh thấy em buồn, buồn đắm say
 Không hỏi — có bao giờ anh hỏi
 Anh chỉ nhìn mà lòng ngất ngây.
 Ai chặt hộ mình những chốn song,
 Cho vai kề vai, lòng bên lòng,
 Cho lệ em rơi, khăn anh ướt
 Cho mắt đẹp nữa lúc mơ màng.
 Lơi thêm một nút, thắt một nút
 Một bước xa ra một bước gần
 Đã biết không mong còn mãi đợi
 Như người thiếu nữ bến sông Ngân.
 Chuyện ái ân dành khi nhàn rồi
 Cười cũng hay mà khúc cũng hay,
 Không vui ta cũng cùng vui gượng,
 Và không buồn, cũng bị buồn lây.
 Chỉ một lần và lần nữa thôi
 Và ly này, và ly nữa với.
 Cho anh trái nửa lời em dặn
 « Vì em chỉ là em gái thôi ».

*

Hôm qua

Hôm qua bạn ạ ! Ta chiêm bao :
 Cò ngựa bên sông, dưới gốc đào
 Sớm ấy, đông qua đào chín ửng
 Ta trèo vin hái trên cành cao.
 Đàng xa bỗng thấy dò em lại
 Sóng lặng em bơi nhẹ mái chèo,
 Lộng lẫy trong màu xiêm áo biếc
 Như nàng tiên nữ động Quỳnh-diêu.

Em ca theo điệu người sơn nữ
 Cất cổ hên đôi, giọng líu lo
 Vùn vụt gió lên, tà áo nhầy
 Sóng xô, vỗ nhẹ dưới khoang dò.

Thấy ta ngừng hát, em cười lả
 Ta thưởng vật em một quả đào
 Ta ngỏ nhờ em đưa qua bến
 Em cười, ta vội xuống cây mau.

Than ôi ! ngoảnh lại, biển dâu rồi !
 Còn vắng bên đồi giọng hát thôi
 Sao chẳng, em ôi ! chầm chậm lại
 Cho duyên tình ấy gửi đôi lời...

Giật mình ta thấy bờ hơi lạnh :
 Mộng đẹp bên chấn đã biến rồi !
 Muốn gọi tên nàng nhưng ái ngại
 Ngoài thềm lác đác bóng hoa rơi.

Nàng còn lưu lại chút hương xa
 Tại lòng ta tặng mấy vần thơ.
 Thơ ta cũng giống tình nàng vội
 Mộng, mộng mà thôi ! mộng hầu hờ.

-

Điệu huyền

Những điệu huyền bay, lạc khắp thôn
 Lừng nhà, dây đó hẹn nhau buồn,
 Có cô dâu mới nhìn sông nước
 Sức nhớ quê nhà giọt lệ tuôn.

*

Một chút tình

*Chưa biết tên nàng, biết tuổi nàng,
Mà sầu trong dạ đã mang mang.
Tình yêu như bóng trắng hiu quạnh,
Lạnh lẽo đêm trường, giải gió sương.*

*Ta chỉ xin em một chút tình,
Cho lòng thêm lại với ngày xanh.
Sao em quên cả khi chào đón,
Tình ái, chiều Xuân, đến trước màn?*

*Rộn rã cười vang một góc lầu,
Ngây thơ em đã biết gì đâu !
Đêm khuya trăng động trong cây lá,
Vò vò ta se mấy đoạn sầu.*

*Lác đác ngày xuân rụng trước thềm,
Lạnh lùng ta đổi bước chân em,
Âm thầm ấp mối xa xa... vọng,
Đường thế đâu tìm bóng áo xiêm ?*

*Đợi đến luân hồi sẽ gặp nhau,
Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau,
Chờ anh dưới gốc sim già nhé !
Em hái đưa anh đóa mộng đầu.*

*

G i ó

Le vent se lève, il faut tenter de vivre,

P. VALÉRY

*Gió lộng bốn phương
Giang hồ rêu ngấm*

*Xa vời bề thăm
 Một kiếp mệnh mông
 Ba mươi sáu bến bênh hồng !
 Thuyền ơi neo chưa buồn cắm
 Mang mang nỗi buồn nghìn dặm.*

*

Tiếng thu

Tặng bạn Văn

*Em không nghe mùa thu
 Dưới trăng mờ thồn thức ?
 Em không nghe rạo rục
 Hình ảnh kẻ chinh phu
 Trong lòng người cô phụ ?
 Em không nghe rừng thu,
 Lá thu kêu xào xạc,
 Con nai vàng ngơ ngác
 Đạp trên lá vàng khô ?*

*

Giang hồ

Tặng Nguyễn và Hoàng. hai vị
 anh hùng của một ngày mưa gió.

*Mời anh cạn hết chén này,
 Trăng vàng ở cuối non tây ngậm buồn.
 Tiếng gà đã rộn trong thôn
 Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay;
 Đề lòng với rượu cùng say,
 Chừ đây lời nói chua cay lạ thường !
 Chừ đây đêm hãy dậy sương,
 Con thuyền còn buộc, trăng buông lạnh lùng !*

Chừ đây trắng nước nào ngùn,
 Chừ đây hoa cò bên sông rũ buồn.
 Tiếng gà lại rộn trong thôn...
 Khoan đừng tơ tưởng vợ con chuyện nhà.
 Giờ đây còn của đôi ta,
 Giang hồ rượu ấy còn pha lệ người.
 Ồ sao rượu chẳng kể môi,
 Lời đau kiêu diễm cho nguôi lòng chàng ?

Tay em nâng chén hoàng hoa,
 Sá gì hớp rượu vì ta bận lòng.
 Hãy gượng lắng nghe dòng sông chảy,
 Gió đùa trắng trên bãi lạnh lùng.
 Sá gì hớp rượu bận lòng
 Đợi gì môi nhấp rượu nồng mới say ?
 Hãy nhích lại đưa tay ta nắm
 Hãy buông ra đắm thắm nhìn nhau.
 Rồi trong những phút giây lâu,
 Mất sầu gợn sóng, lòng đau rộn tình.
 Phút giây ấy, ta mình ngây ngất,
 Bồng con thuyền buộc chặt, rời cây.
 Cho ta khát chén rượu này,
 Vì ta em hãy lựa đây đoạn trường.
 Khoan đề đốt chút hương trầm đã !
 Đợi trầm bay rộn rã lời ca...
 Nghe xong ta ngắm trời xa,
 Dòng sông Ngân đã nhạt màu từ lâu.
 Tiếng gà đã gáy mau trong xóm,
 Bình minh đã rạng khóm tre cồn.
 Trông nàng môi nhạt màu son,
 Giật mình ta nhớ vợ con ở nhà,
 Từ đây chẳng bao giờ phiêu lãng.
 Niềm thê nhi ngày tháng quen dần

Đời phen nhớ cảnh phong trần :
Bóng nàng ần hiện xa gần đâu đây.
Tưởng nghe tiếng gọi nơi hồ hải,
Mất lệ mờ ta mãi trông theo,
Trong buồng bỗng tiếng con reo
Vội vàng khép cửa gió heo lạnh lòng.

Đêm ấy rượu nàng ta không uống,
Từ sau thề không uống rượu ai.
Đời phen ngồi ngóng chân trời
Chẳng bao giờ nghĩ đến đời phiêu lưu
Ngoan ngoan như con cừu non dại,
Cỏ quanh vườn cần mãi còn ngon.
Sau lưng nghe tiếng cười giòn,
Vội vàng ngoảnh lại... thằng con vẫn cười.
Nó đưa ta một chai rượu bé,
Bảo rằng : « Đây, rượu mẹ dâng cha »
Giật mình ta mới nhớ ra :
Là ngày Sinh-nhật vợ ta đó mà !
Ta uống chẳng hóa ra lỗi hẹn,
Mà từ nan đâu vẹn đạo chồng !
Than ôi ! trời giá đêm đông,
Máu du tử thực bên lòng hết sôi ?
Chén lại chén kẻ môi thù thì,
Càng vơi càng túy lúy càng đầy !
Lúc tỉnh rượu lặng ngồi bên án,
Trông vào gương, lẫn trán có vôi,
Vợ con khúc khích đứng cười,
Còn ta vô ý lệ rơi xuống bàn.
Hết say vẫn bàng hoàng trong mộng,
Xót xa thay cái giống giang hồ !
Ngón đàn thêm một đường tơ,
Mà người sương gió nghìn thu nhọc nhằn.

Thôi rồi ra chốn nước non,
 Lòng son lại dề sờ con chim trời.
 Thú hồ bẽ quuyến mời du tử.
 Niềm thê nhi khôn giữ được người,
 Biết sao trái ngược tính trời,
 Giang hồ cốt ấy, trọn đời phiêu linh...

.

Hôm nay ngồi rũ canh trường,
 Nơi thuyền trọ, rượu quỳnh tương ai mời
 Người dăng rượu xa nơi trần giới,
 Lạnh lòng thay gió thời đêm đông !
 Tuy người đã khuất non sông,
 Mặt hoa lảng dăng như lờng dưới trăng.
 Mường tượng thấy tung tăng cười nói,
 Như tường chừng người mới hôm qua !
 Nào hay nghìn cò cách xa.
 Tài tình đến thế mà ra hao huyền !
 Họa còn chút : trong thuyền dẫu cũ,
 Cây đàn tranh mốc ủ trên phen,
 Phím long, dây đã rỉ rên,
 Còn nguyên trên gỗ ghi tên họ người.
 Nàng xưa vốn một loài trăng gió
 Cũng vì vương víu nợ cầm ca.
 Một đi lìa cửa lìa nhà,
 Nắm xương tàn lạnh phương xa gửi nhờ.
 Đêm nay họa có mình ta,
 Đốt hương trầm cũ chờ ma dạo đàn.

Một mùa đông

I

Đôi mắt em lặng buồn,
Nhìn thôi mà chẳng nói
Tình đôi ta vời vợi
Có nói cũng không cùng.

Yêu hết một mùa đông
Không một lần đã nói
Nhìn nhau buồn vời vợi
Có nói cũng không cùng.

Trời hết một mùa đông
Gió bên thêm thổi mãi
Qua rồi mùa ân ái :
Đàn sếu đã sang sông.

Em ngồi trong song cửa
Anh đứng dựa tường hoa
Nhìn nhau mà lệ ứa
Một ngày một cách xa.

Đây là giải Ngân-hà
Anh là chim ô thước
Sẽ bắc cầu nguyện ước
Một đêm một lần qua.

Đề mặc anh đau khò
Ái ân giờ tận số
Khép chặt đôi cánh song !
Khép cả một tấm lòng

II

Tạ D. C.

Em là gái trong khung cửa
 Anh là mây bốn phương trời
 Anh theo cánh gió chơi vơi
 Em vẫn nằm trong nhung lụa.
 Em chỉ là người em gái thôi
 Người em sâu mộng của muôn đời
 Tình em như tuyết giăng đầu núi
 Vàng vặc muôn thu nét tuyết vời.
 Ai bảo em là giai nhân
 Cho đời anh đau khổ ?
 Ai bảo em ngồi bên cửa sổ
 Cho vương vút nợ thi nhân.
 Ai bảo em là giai nhân
 Cho lệ tràn đêm xuân ?
 Cho tình tràn trước ngõ,
 Cho mộng tràn gối chăn ?

III

Ngày một ngày hai cách biệt nhau
 Chẳng được cùng em kê gối sầu,
 Khóc chuyện thế gian cười ngặt nghèo,
 Cùng cười những chuyện thế gian đau.
 Ngày hôm tiền biệt buồn say đắm
 Em vẫn đùa nô uống rượu say.
 Em có biết đâu đời vắng lạnh,
 Lạnh buồn như ngọn gió heo may.
 Mối em dạm sặc mùi nho tươi
 Đôi má em hồng chứa nụ cười

Đôi mắt em say màu xán lạn,
 Trán em đề lông làn tóc rơi.
 Tuy môi em uống lòng anh say
 Lời em càng nói càng chua cay
 Anh muốn van em đừng nói nữa
 Lệ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay.

IV

Hãy xếp lại muôn vàn ân ái
 Đừng trách nhau, đừng ái ngại nhau,
 Thuyền yêu không ghé bến sầu
 Như đêm thiếu phụ bên lầu không trăng,
 Hãy như chiếc sao băng, băng mãi
 Đề lòng buồn, buồn mãi không thôi.

*

Tình điên

Tặng các bạn cũ và những ngày qua

Mười bảy xuân em chưa biết sầu
 Mối tình đưa lại tự đâu đâu...
 Em xinh, em đẹp, lòng anh trẻ
 Đan díu cùng nhau giấc mộng đầu.
 Tình trong như nước biển trong xanh,
 Huyền ảo như trăng lọt kẻ màn,
 Phơi phới như hoa dừa nắng sớm,
 Rạt rào như sóng vỗ đêm thanh...
 Hôm ấy trăng thu rụng dưới cầu,
 Em cười, em nói suốt canh thâu
 Yêu nhau những tưởng yêu nhau mãi
 Tình đến muôn năm chưa bạc đầu...

*Ngày tháng trôi xuôi với ái ân...
Bên cầu lá rụng đã bao lần !*

.
.

*Tình ái hay đau mộng cuối trời..
Nhầm nhau giây lát hận muôn đời.
Kẻ ra non nước, người thành thị
Đôi ngả tình đi, người mỗi nơi.*

*Hôm nay ngồi ngắm ở bên sông
Ta được tin ai mới lấy chồng
Cười chữa dứt câu, tình đã vội...
Nàng diên « trên gối mộng » người thương.*

*Ta mơ trong đời hay trong mộng ?
Vùng cúc bên ngoài, động dưới sương
Ta dí đôi tay vào miếng kính,
Giật mình quên hết nỗi đau thương...*

*Ta hát đắm câu vô nghĩa lý :
Lá vàng bay lả vào buồng ta.
Ta viết đắm câu vô nghĩa lý,
Người diên xem đến hiểu lòng ta.*

.

Sứ giả

Tặng một họa sĩ giang hồ

*Một đêm mưa gió rộn ràng,
Vô tình ta đã bên giường Quý-phi
Phi chợt tỉnh : « Đi từ đâu lại ?
Mới ở đây hoặc tới từ lâu ? »
Rằng đi từ độ vào thu,
Gió thu về chậm, cuộc du trẻ tràng*

Em : « sứ giả Minh-Hoàng người cũ,
 Chốn ngọc cung mái phủ sầu che,
 Tình đi : ngắn dề lựa the,
 Tình đi, đi mãi mộng về tình không. »
 Vqhe ta nói động lòng sùi sụt,
 Vừa vạt sầu che vội mặt hoa.
 Thẩn thờ Phi ngắm rừng xa
 Mà khi ngoảnh lại thì ta không còn.
 Là chim sứ giả,
 Em bay từ bề cả đến ngàn sâu,
 Bay cùng sáu đảo ba châu,
 Tìm hoa cho gió, đón sầu cho thơ.
 liếng cánh vỗ trong giờ ly biệt.
 Nghe vội vàng hi thiết bao nhiêu
 Lang thang núi bạc mây chiều...

Thuyền mộng

Tặng H.

Dưới chân không nghe chèo vỗ sóng
 Thuyền bơi trong cõi mơ lồng lộng
 Muốn ca, nàng chỉ lặng thầm ca,
 Ngại ngùng sợ gió chim xao động.
 Thuyền bơi trong quăng trời xanh ngắt,
 Thăm xa, xa thăm một màu lơ
 Nhìn cây thăm trời xa chóng mặt
 Van nàng cầm lại chiếc thuyền mơ.
 Ta hỏi nàng còn bơi chướng nữa ?
 Khẽ nghiêng đầu nàng rì tai ta :
 « Còn bơi, bơi nữa, bơi xa nữa
 Lúc khắp trời phủ ánh sao sa... »

*Bập bênh vẫn trôi trên mây bạc,
Thuyền trôi đã quá giải Ngân-hà,
Giật mình nàng nhìn ta ngỡ ngác :
Không biết còn trôi bến nào xa ?*

*Quanh ta vẫn màu xanh gợn sóng
Quanh ta thăm thăm một màu xanh
Buông chèo nàng cùng ta tha thiết
Nhìn lại nhìn nhau bờ ngỡ tình.*

*

Túp lều cũ

Tặng Thanh-Thủy

Từ buổi Thạch-Sùng sạch hết khổ
Thế gian còn ai khoe giàu có.
Hôm nay họa có vợ chồng tôi
Cùng bảo : ta giàu một túp cỏ.

*Buổi mai kia một cặp uyên ương
Nhắm bến Ngân-sơn ghé con thuyền
Ai cũng bảo là khách du ngoạn
Như con bướm bướm tiết đầu tiên,
Thấy non sông đẹp, dừng một phút
Xem môi mắt rồi lại đi liền.
Nào hay đã nặng tình với bến,
Ngày một ngày hai, thuyền đậu yên.*

*Lặn dận mấy thu mưa lẫn gió
Đã thấy đầu non một cảnh tiên
Nhà cỏ ba gian, vườn một khoảnh
Có hồng, có táo, có đào tiên
Lũn thúi tháng ngày hai chiếc hóng
Ra vào may có gió trắng que:n.
Cũng có lúc giờ chồng sách cũ*

Kề vai nhau hầu chuyện Thánh hiền
 Cũn.c có lúc xem tờ nhật báo
 Đọc chuyện năm châu cười ngả nghiêng.
 Một buổi trung thu chõng thử vạ :
 Đôi ta sớm nặng thú thiên nhiên,
 Hì/ đợi lúc rặng long đầu bạc
 Về đây ngồi ngắm bóng trăng lên
 Danh lợi chờ ta nơi thềm ngọc
 Cỏ cây hịn rịn ấy sao nên
 Một khoảng vườn con trao thú giữ,
 Ba gian nhà cỏ mặt rêu in ..
 Nghe chõng nói, vợ cười khanh khách :
 À anh còn lấm nợ trần duyên !
 Anh trẻ anh về nơi gió bụi
 Em già em ở lại non tiên,
 Tuổi em non mà lòng chẳng trẻ
 Sự đời như đã trải bao niên
 Về đi tuổi trẻ còn hăng hái :
 Có danh, có giá, có bạc tiền.
 Về đi tuổi trẻ còn hăng hái :
 Có chị phù dung, cuộc dò đen...
 Giữa nơi cát bụi anh lặn lộn,
 Ở non cao, em phóng mắt nhìn,
 Thôi ân ái đành khi tái ngộ !
 Tình em đã nguyện với chim quỳên.

*

Xin rước cô em

Xin rước cô em bước xuống thuyền !
 Thuyền tôi sắp trầy bến thần tiên.
 Cùng nhau ta phiêu dạt
 Nơi nghìn trùng man mác,

Theo gió theo mù
 Gửi kiếp phù du.
 Lặng soi mình trên bề thăm
 Ta tuôn dòng lệ thấm.
 Trên muôn dặm, dưới muôn trùng
 Lòng ta phiêu diêu mung lung
 Như hai làn mây biếc
 Cùng tan nơi mờ mịt.

*

Hoàng hôn

Bên thành con chim con
 Hót nỉ non
 Giục lòng em bồn chồn
 Buổi hoàng hôn
 Em trách gì con chim con
 Em oán gì con chim con ?
 Em chỉ hận :
 Sao em ngư ngẩn
 Dề tình lang em lận đận
 Chốn xa xôi
 Nơi tuyệt vời,
 Trong lúc con chim trời
 Bên em nó hát những lời ..
 ...nước non.

*

Chia ly

*Những ngày mưa lạnh gió lê thê
Ta muốn trần gian ngớt tiếng đi,
Ta muốn ngựa xe dừng rộ nữa
Âm thầm trong những buổi chia ly.*

*

Trăng lên

*Vầng trăng lên mái tóc mây,
Một hôm hồn lạnh, mơ say hương nồng:
Mất em là một dòng sông,
Thuyền ta bơi lặng trong vòng mắt em.*

*

Cảnh thiên đường

Tặng K.

*Nhờ em chỉ họ cảnh thiên đường
Ở tận miền âm hay cõi dương ?
Hay ở trong lòng người thiếu nữ,
Một chiều nhuộm đỏ ráng yêu đương ?*

*

Còn chi nữa

Tặng ba nhà thi sĩ trẻ tuổi...

*Giờ đây hoa hương đại
Bên sông, rụng rơi bờ
Đã qua rồi cơn mộng
Dừng vỗ nữa tình ôi !*

Lòng anh đã rời rụng
 Trên sông ngày tàn rơi.
 Tình anh đã xé bóng,
 Còn chi nữa em ơi ?
 Còn đâu ánh trăng vàng
 Mơ trên làn tóc rối ?
 Chân nung trên đường sỏi
 Sương lá đổ rợn rùng
 Tráng nội vẫn mơ màng
 Trên những vòng tóc rối ?
 Đêm ấy xuân vừa sang
 Em vừa hai mươi tuổi.
 Còn đâu những giờ nhung lụa :
 Mộng trùm trên bông
 Tình ấp trong gối
 Rượu tân hôn không uống cũng say nồng ?
 Còn đâu mùi cỏ lạ
 Ướp trong mớ tóc mây ?
 Một chút tình thơ ngây
 Không còn trên đôi má.

*

Trên bãi biển

Thừa lương khách đã vắng,
 Trời nước mênh mông,
 Duy còn bốn mặt nhìn nhau : lặng
 Trên cát vô tình vạch chữ « Vân »
 Tay vạch vừa xong sóng xóa dần.
 Mím cười Vân sẽ nói :
 « Người yêu Vân hỡi !
 « Sao người lại quá điên ?

« Thân này cũng diệt, nữa là tên ? »
 Tưởng được nhìn thu như bãi cát,
 Tan tác nào hay vì sóng bạc,
 Cuộc trăm năm đừng có đa mang :
 Tình nhân chung kiếp dạ trùng.

*

Bâng khuâng

Ta còn thấy bóng kẻ thơ ngây,
 Xe chồn gối mỏi trở về đây,
 Trên đường hiu quạnh khách đau khổ
 Chán nản hung hăng nện gót giày
 Ngàn liễu xanh xanh con cò trắng,
 Lạnh lẽo xa vời ủ rũ bay.

Ta còn thấy bóng kẻ thơ ngây,
 Bề lau rạch suối tới am mây
 Nắng trần chan chất, lòng trần héo
 Mịt mù dặm cát một chòm cây,
 Dừng lại đây bóng im cửa Phật.
 Dừng lại trong làn khói biếc hay
 Dừng lại đây là nơi hiu quạnh
 Là nơi nghe thấy tiếng cổ cây
 Là nơi quên những mùi trần sự
 Là nơi quên những nỗi chua cay,
 Nghe thấy tiếng ngọt ngào cõi Phật,
 Rũ bụi trần, chàng dừng lại ngay
 Trước Phật Đài. chàng lâm râm nguyện
 « Tình xưa theo gửi, nước, mây, trời ».

Một hôm thuyền định dưới gốc mai
 Cảm thấy lòng vui chúc lại đây,

*Thần thờ tay lẫn tràng chuỗi hạt
 Mà như lẫn những hạt chua cay..
 Chàng vừa nghe tiếng chuông chùa nện
 Lạnh lùng từng tiếng nổ bên tai,
 Lạnh lùng như người trong cung Quảng,
 Bằng khuôn chột nhớ cảnh trần ai.*

*

Khi thu lá rụng

*Em có bao giờ nói với anh
 Những câu tình tứ thuở ngày xanh,
 Khi thu lá rụng bên hè vắng,
 Tiếng sáo ngân nga vắng trước màn.*

*Em có bao giờ nghĩ tới anh,
 Khi tay vin rủ lá trên cành ?
 Cười chim cọt gió, nào đâu biết :
 Chứa chất lòng anh biết mấy tình ?*

*Lòng anh như nước hồ thu lạnh,
 Quạnh quẽ đêm soi bóng nguyệt tà...
 Ngày tháng anh mong chầm chậm lại,
 Hừng hờ em mặc tháng ngày qua. .*

*Mùa đông đến đón ở bên sông,
 Vội vã cô em đã lấy chồng,
 Em có nhớ chẳng ngày hạ thắm ;
 Tình anh lưu luyến một bên lòng ?*

*

Mộng chiều về

Tặng người bạn cũ họ Phùng

Một hôm ta đứng bên hồ Kiếm
Quanh ta rộn rịp biết bao người
Mà ta chỉ thấy người hôm ấy
In giữa không gian một nụ cười.

... Dàng tay ta đón nàng vào dạ
Giật mình ẩm phải cái không gian :
Dưới nước lâu dài tan tác vờ
Bên bờ trơ lại giấc mơ tàn.

Lòng hơi ! nàng không còn đấy nữa.
Dưới nước sâu cây chẳng thấy nàng.
Không biết còn mơ hay đã tỉnh :
Cảnh trời hôm ấy mờ mờ sương.

Nàng với ta chỉ thế thôi,
Theo dõi tơ duyên bốn góc trời...
Lúc mộng nhìn nhau cười ngất ngễo,
Mộng tàn trên gối lệ hoen rơi.

*

O tiếp tề (1)

Vừa học u tờ
O đi tiếp tề
Hai mươi xuân trẻ
Chẳng học chi sâu
Nhìn trước nhìn sau
O qua đồn địch

(1) Đây là bài thơ chuyển hướng của Lưu Trọng Lư vào khoảng bắt đầu cuộc chiến tranh Việt - Pháp.

O đi một mạch
Hỏi chị hỏi em
Tầm bước êm êm
Chui qua đường trống
Lách sang bên đông
O hát O ca
Đồn địch đã xa
O cười O nói
Đường qua mấy đội
O sẽ nghỉ chân
Chẳng quản xa gần
O đi đi nữa
Bóng chiều vừa ngã
O lội sang khe
Quần ướt đầm dề
Bỗng O dừng bước
Mặt soi xuống nước
Cúc áo vội cài
Nhém lại tóc mai
Rồi O chợt thấy
Xuân gầy ba bần
Da tuyết vàng khè
O sợ chông chênh
Nhưng O vẫn bước
Mình lo việc nước
Chông chênh « Mực » chông

1945

Lưu trọng Lưu



NGUYỄN THỊ MANH-MANH

N GUYỄN THỊ M A N H - M A N H là biệt hiệu, nữ sĩ thường ký tắt là Manh-Manh, tên thật là Nguyễn thị Kiêm, sinh năm 1914 tại tỉnh Gò-công (Nam-phân). Con của một công chức, tri huyện Nguyễn đình Trị, tục danh Huyện Trị ; ông cũng là một cây bút trong làng báo lúc bấy giờ.

Thuở nhỏ nữ sĩ Manh-Manh học ở trường Áo Tím, tức trường Gia-long ngày nay. Sau khi tốt nghiệp bằng Thành-chung, gặp ngay lúc những nhứt búa đầu tiên của ông Phụng Khôi khai sơn phá thạch cho nền thơ mới ; lúc bấy giờ nữ sĩ là phóng viên của một tờ báo ở Sài - gòn, một mặt cổ võ cho thơ mới và sáng tác thơ theo lối phá thê, một mặt gây phong trào Nữ-lưu và Văn-học, đánh thức giới phụ nữ, khơi động nguồn máu văn học của các bà Đoàn thị Diễm, bà Huyện Thanh Quan, v.v...

Hòa nhịp, ta phải kể thêm nữ chiến sĩ, bà Phan văn Gia, đứng lên đòi giải phóng phụ nữ, đòi nam nữ bình quyền. Lại

nữa, cô Bùi thị Út với thiện chí cải tạo con người phụ nữ từ bấy lâu quan niệm phải éo lá, mảnh mai, cô hồ hào phong trào Phụ-nữ Thè-dục.

Đây, ta có thể coi như một thời kỳ (từ 1932), những con người từ chốn buồng thè đứng ra làm một cuộc cách mạng toàn diện mà nữ sĩ Nguyễn thị Manh-Manh đã đóng góp không nhỏ vào văn học nước nhà.

Sau cuộc khởi nghĩa 1915, khoảng 1950 nữ sĩ sang Pháp rồi không nghe thấy tin tức gì cho đến ngày nay.



G IỮ A lúc đó thành Sài-gòn đang sống trong khung cảnh trầm lặng, đột nhiên xuất hiện trên tạp chí Phụ nữ tân văn số 122 ngày 10-3-1932, một bài thơ mới đầu tiên mang tên Tỉnh giả với lời giới thiệu của nhà « sáng tạo » Phan Khôi như sau : « Một lời thơ mới trịnh chánh giữa làng thơ ». Lúc bấy giờ là thời kỳ hưng thịnh của báo Phụ nữ tân văn nên sức truyền bá rất rộng rãi. Sau đấy, đọc giả khắp ba kỳ lại biết thêm bài thơ mới thứ hai Trên đường đời (ký Lưu trọng Lư) và thứ ba là Vàng khách thơ (ký Thanh-Tâm nhưng cũng là Lưu trọng Lư).

Sau ba bài thơ mới đầu tiên ra đời, kế tiếp là những thi bản của nữ sĩ Manh-Manh, thi sĩ Hồ văn Hào v.v...

Lược qua, ta thấy trong hồi dậy men của nền thơ mới, nữ sĩ Manh-Manh là người đàn bà đầu tiên đáp ứng tiếng gọi đàn của nhà tiên phong Phan Khôi. Nữ sĩ hết đăng thơ, viết bài, lại đăng đàn diễn thuyết hồ hào phong trào thơ mới. Sự cổ vũ nồng nhiệt của nữ sĩ Manh-Manh, Hoài-Thanh đã không ngần ngại viết :

« Từ hai tháng trước, hôm 26 juillet 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn thị Kiêm, đã lên diễn đàn Hội Khuyến-học Sài-gòn thành lập đến bấy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng là lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế ».

Trong cuộc diễn thuyết này Nguyễn thị Manh - Manh có trưng ra làm diễn hình bài thơ mới đầu tiên của cô như sau :

C a n h t à n

*Em ơi, nghe lóng nghe
Gió đêm thoáng qua cửa...
Lặn tàn một góc lửa,
Lạnh ngắt chốn buồn the.*

*Gió đêm thoáng qua cửa...
Nào dạ dễ tí te
Lạnh ngắt chốn buồn the...
Em ơi, khẽ chút lửa.*

*Nào dạ dễ tí te
Gió ru ! « ... thiết chi nữa... »
Em ơi, khẽ chút lửa
Rồi lại ngồi đây nghe.*

*Gió ru : « ...thiết chi nữa... »
Sụt sùi mấy cành tre
Em ngồi đây có nghe
Tơ lòng chị đứt nữa.*

(Trích trong bài diễn thuyết tại Hội
Khuyến-học Sài-gòn ngày 26-7-1933)

*

Nổi gót là những diễn giả trong nước, các ông Lưu trọng Lư, Đỗ đình Vượng, Vũ đình Liên, Trương-Tửu tổ chức những cuộc diễn thuyết với mục đích bênh vực lập trường thơ mới. Người chiến sĩ trẻ tuổi của chúng ta, cô Nguyễn thị Kiêm hay nữ sĩ Manh-Manh còn hăng say trong cuộc diễn thuyết tranh luận với ông Nguyễn văn Hanh (phái thơ cũ) tại Hội Khuyến-học Sài-gòn ngày 9-1-1935.

Thơ mới, chẳng những do cách phá thể đã làm long lở khuôn sáo xưa, mà còn gieo tư tưởng lãng mạn, bộc bạch quá lộ liễu nỗi lòng khao khát yêu đương mà bao thế kỷ nay người ta cố phong nhem trong thi ca. Vì thế, thơ mới vừa tượng hình liên va chạm ngay sức đề kháng mãnh liệt của phái thơ cũ.

Đã phải xôn xang như bị dính chàm chọc vào mắt khi đọc bài *Tình già* của Phan Khôi. Tại còn gặp *Viếng phòng vắng* của nữ sĩ Mạnh-Manh, dưới nham đề còn chưa thêm trong dấu ngoặc: « *Một lối thơ mới* » (nghĩa là còn hứa hẹn nhiều lối nữa) đã khiến phái thơ cũ lồng lộng diên tiết trước những dòng phá thể của một người con gái:

Gió lọt phòng không

Tạt hơi đông

Lạnh như đồng

Ngồi mơ tưởng

Ngày xưa phất phưởng

Dấy động tơ lòng . . .

.

Gió lọt phòng không

Tạt hơi đông

Lạnh như đồng

Ngồi tơ tưởng

Tình xưa phất phưởng

Ấm dịu cõi lòng . . . (1)

Cũng như bài *Tình già* của Phan Khôi, *Trên đường đời* của Lưu Trọng Lư, những thi bản « sơ sinh » của nữ sĩ Mạnh-Manh, ta có thể coi như những phát minh cơ khi hồi thế kỷ XIX. Nền thơ mới cũng đã trải qua bao cuộc chống đối cam go, chẳng khác nào chiếc xe hơi cỡ nhỏ đầu tiên đã bị xem như một quái vật kinh khủng khiến thiên hạ phải hốt hoảng chạy trốn hoặc như số phận chiếc tàu thủy đã bị những

(1) Các bạn lưu ý đến điệu thơ và cách trình bày.

chứ lái chào đón ganh tức vì quyền lợi bị chạm, nên đập phá tan tành một sáng kiến và công trình khoa học. Cái tác dụng của phát minh không phải ở sự hữu dụng cấp thời của nó, mà là sự đặt đề viên gạch đầu tiên cho một nền tảng.

Cứ thế, phong trào thơ mới bùng nổ nhanh chóng trong toàn quốc, và được các cơ quan ngôn luận nhiệt liệt ủng hộ. Những thi tài mới lại xuất hiện, cấu tạo những vần thơ theo thể điệu tân kỳ, lời thơ như từ ở một tư thế đang bị nén ép, bỗng vun vút bay tuyết mù lên trời bao la của những tâm hồn vừa giải thoát. Nó là một khúc quanh bùng chói nhất trong lịch sử văn học nước nhà.

Chúng ta ngày nay nhìn lại việc qua, giữa cái cũ kỹ tù nghin đời sống sống như cò thành kiến cố ; thế mà, bỗng chốc, một Phan Khôi táo bạo nổ phát súng cách mạng thi ca ; người nữ chiến sĩ tiên phong anh dũng và hăng say hoạt động để bảo vệ và củng cố nền tảng thơ mới bén rễ và sống mạnh, ta phải kể Nguyễn thị Manh-Manh, một tay đã góp công lao không nhỏ cho nền văn học đất nước. (1)

(Tháng 4-1968)



(1) Xin tham khảo thêm ở phần thi tuyển bài diễn văn của nữ sĩ Manh-Manh nói về vấn đề Nữ-lưu và Văn học.

Thi tuyển

Viềng phòng vắng

(Một lối thơ mới) (1)

*Gió lọt phòng không
Tạt hơi đông
Lạnh như đồng
Ngồi mơ tưởng
Ngày xưa phất phưởng
Đấy động tơ lòng...*

*Trải đã mấy trăng
Hơi nhện giăng
Vớ rêu lan
Tắm vách cũ
Từ khi người chủ
Một giấc lặng trang.*

*Tan nát vóc xưa
dưới mồ mưa
sương phủ dập !..
Đền hồn nàng
Thôi cũng bật dăng
Biết sao được gặp !...*

*Hò hẹn kiếp sau
lại tìm nhau.
Có đặng nào ?
Dầu có tin
nàng sẽ tái sinh
ở vũ trụ nào ?*

*

(1) Quý bạn lưu ý cách trình bày thi bản dưới đây.

*Thôi duyên có bấy
nhiều ngàn ấy !...
Hoa dề tàn
trong trướng sách
hơi lây lách
Như thắm từ hàng ;*

*Nàng tựa dóa hoa
mà người ta
là quyền sách
lật nửa chừng
từ mỗi tờ, bùng
hương lên bay tách...*

*

*Gió lọt phòng không
tạt hơi đông
lạnh như đồng
Ngồi tư tưởng
Tình xưa phất phưởng
Ấm dịu cõi lòng..*

(Phụ nữ tân văn, số mùa Xuân, 19-1-1933)

*

Hai cô thiếu nữ

*Hai cô thiếu nữ đi ra đồng
(Một cô ở chợ, một cô ở đồng)
Hai cô thiếu nữ đi ra đồng,
Một mảnh lụa hồng, một vốc vải đen.*

Hai cô rủ nhau đi xuống đầm
 (Cô đi chân không, cô đi dép đầm)
 Hai cô rủ nhau đi xuống đầm,
 Bóng lụa hồng tách bóng vải thâm.

Mỗi người, tay xách một giỏ mây,
 Bưng đi tha thướt dưới bóng nhành cây.
 Mỗi người tay xách một giỏ mây,
 Cô này bắt cá, cô này hái hoa...

Rồi lại rủ nhau đi về.
 Một cô nhẹ nhàng, một cô nặng nề.
 Rồi lại rủ nhau đi về.
 Giỏ cá cũng gần kề với giỏ bông.

Gặp bà lão khúc dựa bên đường,
 Hai cô mới ngừng đề hỏi tò tường.
 Gặp bà lão khúc dựa bên đường,
 Nghe tò tường cả hai động lòng thương.

Bà kia còn ba mụn cháu thơ,
 Mồ côi cha mẹ, cùng bà bơ vơ...
 Bà kia còn ba mụn cháu thơ,
 Nhà tranh hết gạo biết nhờ cậy ai ?

Cô ở đồng tay đưa giỏ cá :
 « Bà ơi, cá ni bán được giá cao. »
 Cô ở đồng tay đưa giỏ cá :
 « Bà lấy hết đi, bán được khá tiền. »

Lão bà nước mắt đồ chan òa
 Thốt ra mấy lời cảm ân thật thà.
 Lão bà nước mắt đồ chan òa
 Rằng : « Cô thật là tiên xuống cứu tôi. »

Cô ở chợ tay đưa giỏ bông :
 « Bà ơi, thứ này bán được tiền không ? »
 Cô ở chợ tay đưa giỏ bông :
 « Nếu bà muốn bán, cho bông cháu bà. »

Bà lão cười rồi lại nói vầy :
 « Ở đồng có ai mua chi thứ này ! »
 Bà lão cười rồi lại nói vầy :
 « Cháu nhà trông gạo, bông này quần chi. »

Xong mới từ hai cô mà đi...
 Cặp cùm giỏ mây, buổi cơm trễ nhí.
 Xong mới từ hai cô mà đi...
 Một cô thì lại nghĩ chi, thử dài...

Hai cô thiếu nữ đi khỏi đồng,
 Cô ở đồng bay nhẹ bông tấm lòng.
 Hai cô thiếu nữ đi khỏi đồng.
 Cô áo hồng mang nặng cái giỏ bông...

(Phụ nữ tân văn, 1933)

*

Bức thư gửi cho tất cả ai ưa hay là ghét lời thơ mới (1)

Phải, tôi đấy, Manh-Manh, mấy bạn à !
 Lâu quá không làm thơ, mấy bạn cũng « nột dạ »
 Phải, tôi đấy Manh-Manh, mấy ông à !
 Lâu quá không làm thơ, mấy ông lấy làm lạ ?

(1) Sau một thời gian hồ hởi cổ vũ thơ mới, Nguyễn thị Manh-Manh xoay qua hoạt động trong lãnh vực phụ nữ, tiếng thơ vì đó mà im hơi. Phải chống đối thơ mới cho đấy là Nguyễn thị Manh-Manh đã « xù ». Dưới đây là bài thơ « tái xuất giang hồ » của nữ sĩ để trả lời dư luận trên.

Bạn yêu tự hỏi nhỏ : « E . . . chỉ sợ ?
 Tội nghiệp chứ ! Người thì trẻ nên có hơi khờ... »
 Bạn ghét xúm hét to : « Á ! nó sợ ! »
 Đáng kiếp chữa ! Người thì dẹt mà muốn vắt c ờ.

Nghiêng mình thưa : « Hơi các bạn quý yêu,
 Gì mà sợ ? Nghe tôi nói nhỏ : « Mạnh chưa « xiu »
 Khoanh tay gọi : « Hơi các ông trố trêu,
 Khoan vình mặt, đứng ngay cho tôi tỏ mấy điều.

Thật, lâu nay tôi vắng đến « làng thơ »
 Các bạn ơi, không phải phụ ai mà hăng hờ.
 Ừ, lâu nay tôi không có làm thơ.
 Các ông ơi, không phải sợ ai mà lu mờ.

Bị lôi cuốn trong chiến trường hoạt động
 Há được ngồi không mà sắp « mấy sợi tơ lòng »
 Trước là hành công, thơ không mấy trọng
 Suốt đời rào dề nghe quả tim con pháp phồng.

Tuy vậy, giữa những lúc đi hăm hờ
 Đôi khi tôi giật mình nhớ đến khách làng thơ
 Ừ, mình nín thinh cho họ nhát dờ,
 Thôi, lấy « túi văn chương » vét một vài bài thơ.

Bấy lâu đành với tình cảm hăng hờ
 Bây giờ cần tới nó, hồn thơ không tới
 Nói chơi, chứ có gì đâu mà chờ,
 Đây một bức thơ, thơ mới ! thơ mới ! thơ mới !

...Rồi tôi thấy biết bao người rà tới.
 Vừa nghe hô thơ mới của Nguyễn thị Mạnh-Manh
 Người ưa với kẻ ghét lối thơ mới,
 Ưa đến nghe, ghét đến « bới » làm tôi tái xanh.

...Rồi tôi nghe tiếng cười rộ lớn thêm,
Vớ được chuyện, họ cầm bút viết thôi kịch liệt
Kẻ nghịch là : « Đả đảo ! chẳng đề êm ! »
Bạn thích gặt đầu nói : « Cái lối thơ hay thiệt. »

Kết luận chuyện mới gần thành chuyện cũ
Các bạn ơi, cãi nhau thét đã nhàm rồi
Làng thơ, thơ cũ, thơ mới, có đủ :
Thơ kia là đất cũ, thơ này tì đất bồi

Đất trước đề yên, đất sau lo xới
Đất mới thì ít khô khan hơn đất dụng rồi
Rủ nhau khai phá, cắt thêm sớ mới
Nêu thật tình trồng cây thơm mọc nhánh đâm chồi.

Bây giờ tôi thử khuyên khách làng thơ :
Đòi lại ai ưa thơ mới lo tìm chỗ đỡ
Ai ghét, rán tìm cái hay của thơ.
Vây, chê, khen, có giá trị hoa mới sẽ nở. »

(Phụ nữ tân văn số 228, ngày 14-12-1933)

*

Dưới tựa đề :

« Cô Nguyễn thị Kiêm nói về văn để
Nữ-lưu và Văn-học »

Báo Phụ nữ tân văn năm thứ tư số 131, ngày 26-5-1932
đăng bài diễn thuyết của nữ sĩ Manh-Manh (biệt hiệu của
Nguyễn thị Kiêm) như sau :

*

Thưa quý ông, quý bà,
Thưa các chị em.

Báo Phụ nữ tân văn số mùa Xuân có dự tính làm ba
việc :

- 1) Tổ chức công việc Hội Dục-anh.
- 2) Tổ chức một cuộc Hội-chợ Phụ-nữ.
- 3) Mở một Nữ-lưu Học-hội.

Trong ba điều dự tính đó, có hai điều dĩ thiết hành. Hội-chợ Phụ-nữ nay đã mở cửa. Tiền thu được giúp vào cho sự tiến hành của Hội Dục-anh. Và hồi hôm nay, về vấn đề dục anh cũng đã có chị em bạn gái ra diễn thuyết ở đây nữa.

Vậy còn Nữ-lưu Học-hội bao giờ mới ra đời ?

Việc đó cũng như việc trên, không phải riêng của Phụ nữ tân văn mà là chung của Nữ-lưu Nam-Việt, thì tưởng cũng nên nhân cơ hội này, đem ra nói chuyện với hết thầy chị em trong nước có mặt ở đây.

Câu chuyện đã khó mà nói ra lại khó hơn. Nói ra ở lúc nào, chỗ nào, còn dễ, mà nói ra ở lúc này, chỗ này, thiết là khó quá.

Tài sơ, trí thiếu và lời ăn nói vụng về như tôi, thiết lấy làm e lệ mà bước lên diễn đàn và cũng lấy làm áy náy, sẽ không khỏi đề phụ lòng quý ông, quý bà và hết thầy các chị em.

Nói chuyện về Nữ-lưu Học-hội tức là muốn nói chuyện phụ nữ với văn chương. Nếu cho Nữ-lưu Học-hội là cần ích thì cũng phải cho đàn bà là có mặt thiết quan hệ đến văn chương nước nhà.

Sự quan hệ đó, tôi muốn nói rõ ở bài này. Tôi lại còn muốn xét ra cái địa vị của đàn bà trong văn học cổ kim, nói về cái công dụng của Nữ-lưu đối với tinh thần trí thức của loài người, giả thuyết như được cùng chị em trong nước đương hội hiệp nhau ở nhà Nữ-lưu Học-hội mà chung vui câu chuyện văn chương.

Phàm văn học nước nào cũng đều có thể chia ra làm hai phần, phần khách quan và phần chủ quan (*littérature objective et littérature subjective*.)

Cái văn học khách quan thường thiên về triết lý với khoa học. Cái văn học chủ quan thường trọng về mỹ thuật

với thi ca. Một đằng nhờ cái tư tưởng nhơn sanh mà có, một đằng do ở cái tình cảm nhân loại mà ra.

Theo lẽ sinh lý, thì đàn bà thường nặng về phần hồn và nhẹ về phần trí, cảm tình thì sâu mà tư tưởng thì hẹp nên trong văn học thường sở trường về lối tả cảnh, đạo tình mà ít hay về lối khách quan triết lý.

Đem cặp mắt tinh thần mà thường thức đến những kỳ quan, thắng cảnh của thiên nhiên vũ trụ, đem khối tình thâm thiết mà hòa theo với những nỗi cay, đắng, bi, thương của nhân loại thế gian, đó ai nói được rằng đàn bà phải thua sút đàn ông về chỗ đó.

Đã sẵn có cặp mắt tinh thần ấy, dù có sẵn khối tình thâm thiết ấy, mà lại có văn tài đủ hình dung được những cảnh mình coi, đủ tả diễn được những tình mình cảm, thì khó gì mà chẳng thành nên được những công trình tuyệt xảo về mỹ thuật, văn chương.

Thử đọc bài thi *Vịnh Đèo Ngang* của bà Huyện Thanh-Quan :

*Qua đình Đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông rợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân ngảnh lại trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

thì ta phải công nhận là một bài thi tả cảnh thiết hay, phải có tinh thần mỹ thuật mới chụp được hết những cái cảnh sắc thiên nhiên, mà lại cũng phải có tâm hồn thi sĩ mới cảm thấy được những mối kỳ tình cao tú.

Lại thử đọc một đoạn văn sau này trong bài *Giọt lệ thu* của nữ sĩ Trương-Phổ đã thấy đăng trên tạp chí *Nam phong*.

*Thu về đẹp lúa duyên Ngâu,
 Năm năm ô thước bắc cầu Ngân-giang
 Đôi ta ân ái lờ làng,
 Cửa đường sinh tử đoạn trường chia hai.
 Anh vui non nước tuyền đài,
 Cõi trần hương lửa thương ai lạnh lùng.
 Nhân gian khuất nẻo non bông,
 Trăm năm nào kiếp tẩm lòng bơ vơ...*

thì ta sẽ thấy thiết là tình thâm, giọng thiết, phi ngọn bút dân bà không lấy đâu được lời văn thông thiết như thế, và nếu không phải là dân bà về hạng cao đẳng (femme supérieure) thì cũng không lấy đâu được cái tình cảm nặng nề như kia.

Hoặc có kẻ nói: bài văn tả cảnh chỉ là một cái đồ chơi tí ti của khách nhàn cư, mà lời thơ đạo tình nhằm cũng chẳng ích gì cho nhơn tâm thế đạo.

Nói vậy thì những bài thi tả cảnh của Lamartine sau có người dám đem mà so sánh với những bài văn triết lý của Descartes mà những giọt lệ nên thơ của Musset sao có người dám để trên những thiên hùng văn đại luận của Voltaire ?

Không. Nếu cái óc ta cần phải làm bạn với những cái tư tưởng cao siêu thì cái hồn ta cũng cần phải tiêu dao với những cái công trình mỹ thuật. Nếu cái phần trí thức ta cần phải trau giồi cho được sung túc phong phú, thì cái khối tình cảm ta cũng cần phải bồi dưỡng cho được thâm thiết trứ minh.

Và, một giọt nước mắt của kẻ đa tình, một tiếng thở dài của người mạng bạc, nếu ta biết nó từ đâu mà có, lại thật rõ trong cái tâm sự của kẻ đoạn trường thì đều có thể bồi ích được như mấy thiên khảo cứu của những nhà triết học vậy.

Nếu văn học khách quan có thể làm cho ta khôn người ra thì cái văn học chủ quan lại khiến ta được biết mình hơn.

Thấy người vui mà xét đến nỗi vui của ta, thấy người buồn mà xét đến nỗi buồn của ta, thấy người xót xa đau khổ mà xét đến những chỗ đau khổ xót xa của ta, thì chẳng những ta được vừa lòng rằng đã có người cùng một tâm sự với ta, mà lại còn thỏa chí vì ta đã nhơn đấy mà tự biết thêm được các bồn ngã của ta nữa.

Một nhà Tây nho có nói : « *Mỗi người ta đều có đem theo một cuốn sách nhơn loại* (livre de l'humanité).

Cuốn sách đó ở đàn ông thường vì cái khuynh hướng về khách quan, mà bị bỏ quên hoặc để mất. Song đàn bà vốn nặng về chủ quan, nên không hề chẳng nhận thấy cái kho tàng qui báu ấy của mình.

Những của cải tích trữ ở trong cái kho tàng đó, nếu có thể phân phát ra bằng ngọn bút đường văn, thì cái văn ấy là cái hình ảnh của nỗi lòng, khi thương, khi giận, lúc an, lúc nguy, tùy theo với sự kích thích của ngoại cảnh mà thăng trầm, mà theo với cái ca điệu của thiên nhiên mà họa vịnh.

Nhưng nếu không có văn tài đủ tả diễn nó ra thì cũng có thể gây lấy ảnh hưởng tới những văn nhơn tao si, mà hoặc truyền thọ cái nguồn thi ca của mình, hoặc phát sanh cái kho tình cảm cho người đề gián tiếp giúp vào cho văn học.

Cái công việc trực tiếp của đàn bà, đối với văn học thì từ xưa tới nay ta đã thấy nhiều, thấy bà Thị Diễm, thấy bà Thanh - Quan, thấy bà Sévigné, thấy bà Starl, v.v... mỗi bà đều có thêm chương, thêm tiết vào cho cuốn sách nhơn loại, càng ngày càng được hoàn toàn thêm lên, được phong phú thêm ra, cho cái tâm giới mình mong bát ngát của người đời đã phải theo vết chơn nhà thám hiểm mà lần lần cũng được khám phá như cái thế giới hữu hình của ta vậy.

Còn công việc gián tiếp đàn bà đối với văn học thì trong lịch sử cũng đã từng có nói: nói Pascal đã chịu ảnh hưởng của cô em Jacqueline mà làm ra tập *Tư tưởng* (Les Pensées); lại nói Chateaubriand đã chịu ảnh hưởng của bà

chị Lucile mà làm ra bộ *Tinh thần đạo Cơ-đốc* (Génie du Christianisme).

Còn xảo là nhà bác học Ernest Renan đã nhờ sự un đúc của bà chị Henriette mà làm ra cuốn sách *Đời Chúa Giê-su* (Vie de Jésus) là một công trình tuyệt xảo của tư tưởng loài người, cũng là nhà văn hào. Jean Jacques Rousseau đã nhơn sự cảm hóa của Warens phu nhơn mà khai đạo ra cái văn mạch lãng mạn của nước Pháp... kè sao cho xiết.

Ta vẫn thường có câu *Nhi nữ tạo anh hùng*, mà những văn nhơn tao sĩ tức cũng là những anh hùng ở trong tinh thần giới và tư tưởng giới của nhơn loại. Những bậc anh hùng này nguyên bản chất đã có chỗ khác người, mà chỉ vì trần ai vắng mặt trí lý nên thường khi không biết tự mình phát minh được những cái thiên tài của mình.

Ở nước Anh, về thế kỷ thứ 19, có một nhà bác học là Stuart Mill, thông minh sớm, học văn nhiều. Ba tuổi đã biết tiếng Hy-lạp. Tám tuổi đã thông chữ La-tinh. Mười hai tuổi đã khảo về triết học và kinh tế. Mười lăm tuổi đã lãnh hội được hết thầy những tri thức của nhơn loại cò kim.

Nhưng tới năm hai mươi tuổi thì điên. Sự điên này, người thì cho là bởi quá dùng sức của tinh thần mà kè lại nói bởi thiếu đồ ăn cho tinh cảm.

Sau ông gặp một nhà nữ sĩ là Taylor phu nhơn. Ông thương bà, rồi ông cưới bà. Từ đó ông hết điên và làm ra được nhiều sách rất có giá trị tới nay còn nhiều người nói đến.

Sau khi bà Taylor chết, trên bài tựa một cuốn sách của ông, ông có viết mấy hàng đề kính tặng cái hương hồn của bà, xin dịch ra sau đây :

« Quyền sách này là đề kính tặng cái hương hồn một người vừa dự phần cảm hóa lại vừa giữ việc trứ tác trong những chỗ đặc sắc nhứt ở các công trình văn nghiệp của tôi, tức là cái hương hồn của người vừa là nữ hữu (amie) vừa là hiền thê, mà tôi đã được thừa hưởng, biết bao nhiêu những lời khuyến khích phấn khởi, cùng những ý

kiến biểu tình mà tôi đã coi như những phần thưởng đích đáng vậy. Từ mấy năm nay những cái gì tôi đã viết ra, tức vừa là ở công tôi, vừa là ở công nàng.

« Nhưng quyền sách này mà tôi đã xuất bản ra đây, không được nàng coi lại như lòng tôi sở nguyện, thiết đã khiến cho nhiều chỗ quan trọng cần phải phủ chánh mà không được nàng ở lại để phủ chánh lại cho.

« Nếu tôi chỉ được lấy nửa phần những cái tư tưởng quảng bác, những cái tánh tình cao siêu mà nàng đã đem đi mất, thì thế giới sẽ được hưởng thọ gấp mấy mươi chữ cái tôi viết bây giờ, chỉ riêng một mình độc lực mà không có cái tài trí độc nhứt, vô song của nàng bỏ cứu vào cho ».

Coi như vậy thì cái địa vị của đàn bà ở trong văn học cũng không phải là thấp thỏi gì, theo như nhiều người đã tưởng. Và cái ảnh hưởng của đàn bà đối với những bậc văn nhân tao sĩ cũng rất là nặng nề thâm thối, nhờ đó mà văn học được phát đạt vô cùng.

Tuy nhiên, cái địa vị đó thường vẫn có nhiều người lấy làm bất mãn vì thấy nó cách biệt quá với cái địa vị của nam giới ở trên văn đàn. Và cái ảnh hưởng kia, lại có kẻ coi là không danh giá gì cho phụ nữ ở giữa đời văn minh khoa học.

Bởi vậy mà mới đây có sự cách mạng rất đáng chú ý ở làng văn nữ giới là sự *nam hóa* (la masculinisation) nghĩa là sự đàn bà muốn hóa theo đàn ông. Sự nam hóa này là kết quả dĩ nhiên của cái phong trào nữ quyền ở thế giới.

Quyền lợi trong xã hội đã muốn hưởng ngang nhau thì địa vị trong văn học cũng không được cách vị. Đàn ông chê đàn bà không sở trường về lối khách quan nghị luận, đàn bà phải tỏ ra là có.

Mà đã muốn tỏ ra có tư cách khoa học, có tư tưởng triết học, biết nghị luận khách quan thì cái bần ngã khác thế nào.

Có người cho sự *nam hóa* này là không có lợi cho

văn học, vì nếu đàn bà mà hóa theo đàn ông cả, thì trong tư tưởng giới (monde intellectuel) không biết có thêm được gì không, mà trong tinh thần giới (monde moral) ta đã thấy sự thiệt thòi, cái kho trí thức của nhân loại không biết có tăng lên được bao nhiêu, mà cái nguồn tình cảm của nhân loại ta đành thấy ngưng trệ.

Riêng tôi, thì tôi không hề có bi quan về sự ấy.

Đàn bà muốn nam hóa thì cứ việc nam hóa, mà đâu có nam hóa được hết, và đâu có thể bỏ hẳn được cái bản sắc của mình.

Nhà nữ khoa học sẽ làm cho khoa học nên thơ. Nhà nữ văn học sẽ làm cho tư tưởng thêm ngộ. Nhà nữ tác giả sẽ làm cho nghĩa lý thêm duyên. Mà rồi mỗi thể trong văn học (genre littéraire) sẽ đều có cái vẻ dịu dàng êm ái, cái vị phong phú, thanh tao của đàn bà có điểm chuyết vào cho.

Thử đọc qua văn học sử nước Pháp ngày nay, ta lại chẳng thấy những nhà nữ sĩ như Arvède Barine, Séverine, Made de Searcey, v.v... kể chuyên về sử học, người viết văn phê bình, kẻ đứng làm chủ báo... phần nhiều đều được hoàn toàn đặc thê cả ư ?

Và, bây giờ ta mới thấy ở văn học nữ lưu có phong trào nam hóa, mà từ trước đến nay, ở bên nam giới đã có biết bao nhiêu sự nữ hóa về văn chương ?

Ông Lamartine vì thương bạn gái mà làm nên được những bài thi tuyệt diệu, ông Alfred de Musset vì giận tri âm mà có được cái giọng điệu tiêu tao. Ở Hà-tiên có nhà văn sĩ Đông Hồ viết văn đã nhiều mà chỉ có bài văn khóc vợ là hay hơn hết cả. Ở Hà-nội có nhà thi sĩ Tân-Đà, thường phải giả thiết ra một người tình nhân không quen biết để lấy tứ làm thi.

Nay có cái phong trào nam hóa, không biết sự nữ hóa còn được ở trong văn học không. Hai việc đó xét ra không có gì là mâu thuẫn cả.

Đàn bà muốn học cái cứng cỏi của đàn ông cũng chưa

bớt cái uyên chuyên của đàn bà. Đàn bà muốn có cái khách quan của đàn ông, thì đàn ông cũng vẫn muốn được cái chủ quan của đàn bà chứ sao ?

Nay xét đến sự nam hóa đó ở trong văn học nước nhà thì ta cũng đã thấy có nhiều cái hiện tượng khả quan.

Thấy các bà chủ thơ quán hô hào việc dân, việc nước, các bà chủ tân văn cổ động bình đẳng, bình quyền, các cô nữ tác giả, nữ trợ bút, kẻ kẻ cứu học thuật, người nghị luận văn chương, kẻ giữ việc khôi hài trên báo chí, người chuyên bàn đạo lý giữa văn đàn... nhứt nhứt đều nhiệt thành nam hóa, công nhiên phản đối hẳn cái địa vị trước kia đàn bà ở văn học, mà tư tưởng, học thức, giáo dục, hành động đều muốn như bạn nam nhi đề mưu lấy quyền lợi bình đẳng ở xã hội.

Lấy riêng về phương diện văn học mà nói thì cái phong trào này chính là một cái triệu chứng về sự tấn hóa của nữ lưu ở trên đường văn học.

Sự tấn hóa đó ta chưa thấy được mạnh mẽ, vì trong xã hội, ngoài những trường học công, tư, theo chương trình của nhà nước, thì chưa có cái cơ quan văn học nào của nữ lưu.

Đó là một sự thiếu sót mà chúng ta đều lấy làm phàn nàn, và chính cũng là một lẽ khiến cho chúng ta trông đợi có một vài nữ lưu học hội mở ra trong xã hội Việt-nam này.

Đã đành, việc văn học không phải là việc chung của hết thầy mọi người, mà hễ có duyên nợ với văn chương thì cũng không cần phải có nữ lưu học hội mà mới phát triển được cái thiên tài thi cảm của mình.

Đối với những cái thiên tài xuất chúng, nữ lưu học hội có thể không là cần thiết ; đối với những kẻ dung tục chí ngu, nữ lưu học hội có thể cho là đồ thừa.

Nhưng đối với những người như chúng tôi đây, ngu mà muốn học cho khôn, dốt mà muốn học cho giỏi, không biết mỹ thuật mà biết yêu mến mỹ thuật, không biết văn

chương mà biết cảm mến văn chương, thì nữ lưu học hội thiệt là cần ích cho chúng tôi lắm.

Theo như lời tuyên ngôn trong số mùa Xuân của *Phụ nữ tân văn* thì học hội sẽ do một bọn phụ nữ lập ra và đứng chủ trương. Đại để dạy nhau bằng cách nói chuyện, ai cũng có tiền nghe mà hiểu được hết, ấy là học đó. Chỉ cần có căn phố rộng, bàn ghế cho nhiều, tuần lễ mấy lần, mời những tay thông thái đến giảng về những vấn đề cần yếu cho chị em nghe, bất luận sang hèn, ai muốn học đều có thể ghi tên vào mà nghe giăng.

« Ấy chẳng qua là một phương pháp cấp cứu cho nạn đói khó về sự học mà là một phương pháp đã kiến hiệu được ở nhiều nước ».

Ở các nước thì tôi không biết, chớ ở nước Pháp hiện có cái Université des Annales do bà Yvonne Sarcey chủ trương mỗi tuần đều có mời những nhà văn hào thi sĩ, hoặc những vị bác học hàn lâm tới diễn thuyết về văn chương, lịch sử, mỹ thuật, thi ca, hoặc nói chuyện về luân lý, giáo dục, xã hội, kinh tế.

Mỗi lần diễn thuyết, nữ thánh giá đến dự rất đông. Cô học sinh sau khi đã ra khỏi cửa trường, chị thơ ký sau khi đã rời biệt việc sở, bà nội trợ sau khi đã rảnh chuyện gia đình, khách khuê phòng sau khi đã xếp đồ may vá . . . ai cũng vui lòng đến nghe diễn thuyết để học thêm lấy một vài cái lạ, cái hay mà tu bổ vào cho trí thức cho mình, và để tiếp hưởng lấy một cái cảm giác về mỹ thuật, văn chương đang sống qua một vài chục phút cái đời tinh thần giữa thế tục.

Cái nữ lưu học hội ở nước ta mà *Phụ nữ tân văn* đang được dự tính đây, liệu sẽ có được cái kết quả đó không ?

Lẽ phải thì phải chờ cho nó ra đời, ta mới nên nói tới kết quả.

Nhưng nếu các chị em trong nước đã cùng tôi nhận thấy cái địa vị của mình ở trong văn học thì tất phải muốn

cho cái địa vị đó càng ngày càng cao, cái công dụng đó càng ngày càng lớn mà vui lòng trông cho nó có nữ lưu học hội ra đời.

Kinh Phật có câu « *Tự giác nhi giác tha* » nghĩa là tự sáng mình để sáng người

Người đàn bà cũng có cái tinh thần cần phải tự giác để chiếu sáng ra ở chung quanh mình, cho gia đình được êm đềm phong phú, cho xã hội được rực rỡ quang minh.

Cái tinh thần đó ta muốn có thì ta lại càng tha thiết mong cho nữ lưu học hội sớm ra đời.

Vậy, tới đây, xin cho chúng tôi được tạm biệt với hết thầy chị em đã hạ cố nghe tôi tự nẩy đến giờ, cùng nhau hẹn hò sẽ lại còn được gặp gỡ ở trên ghế nhà học hội.

(Phụ nữ tân văn số 131 ngày 26-5-1932)



THẾ LỮ

THẾ LỮ tên thật là Nguyễn thứ Lễ, bút hiệu Lê-Ta. Sinh vào tháng 10 năm Đinh-mùi 1907 tại Thái hà ấp, Hà-nội (theo tài liệu văn học của Hoài-Thanh — Hoài-Chân trong Thi-nhân Việt-nam). Nhưng theo Thế-Lữ thì lại cho rằng sinh tại Lạng-sơn, nơi ông đã ở từ tám bé đến 11 tuổi mới xuống Hải-phòng (tài liệu báo Phong hóa).

Ông học ban Thành-chung, chỉ được ba năm thì bỏ dở, sang học trường Mỹ-thuật, nhưng lại thôi học liền theo đó và bắt đầu bước vào làng văn.

Ông gia nhập Tự lực văn đoàn với nhóm Nhất-Linh, Khái-Hưng, Thạch-Lam, Hoàng-Đạo, Xuân-Diệu và Tú Mỡ Hồ trọng Hiếu.

Ông từng cộng tác với các báo :

- Phong hóa
- Ngày nay
- Tinh hoa

Về thơ, Thế-Lữ chỉ có thi phạm độc nhất Mấy vần thơ

xuất bản năm 1935, rồi do nhà Điri Nay Hà-nội tái bản dưới tên *Mấy vần thơ* tập mới năm 1941; năm 1962 lại được tái bản kỷ nhì tại Sài-gòn.

Ngoài thơ, ông còn là nhà văn chuyên viết tiểu thuyết đường rừng, trinh thám, quái đản, gồm những tác phẩm sau đây :

Vàng và máu (1934), Bên đường thiên lôi (1936), Mai Hương và Lê Phong (1937), Lê Phong phóng viên (1937), Gói thuốc lá (1940), Gió trăng ngàn (1941), Trại Bồ từng Linh (1941), Ba hồi kinh dị, Con quỷ truyền kiếp, Đòn hện.

Phê bình về Thế-Lữ, người ta thấy ông Vũ ngọc Phan viết như sau :

« Về thơ, người ta đã thấy rõ cái thi cốt, cái chân tài của Thế-Lữ. Về tiểu thuyết, tuy về loại trinh thám ông chưa thành công, nhưng về những chuyện ghê sợ ông đã tỏ ra một tiểu thuyết gia có biệt tài. »

Sau Hiệp-định Genève, cùng một số văn nghệ sĩ ở lại miền Bắc, ông giữ một vai trò khiêm nhượng trong hoạt động văn nghệ.



KÈ từ khi phong trào thơ mới bột khởi trên mảnh vườn hoa văn học Việt-nam, nhà văn đầu tiên đã khai sinh phong trào này là Phan Khôi với bài thơ phá thề mang tên *Tình già*.

Hưởng ứng trước tiên ta phải kể Lưu Trọng Lư (phái nam), Nguyễn thị Manh-Manh (phái nữ), rồi lần lượt nhiều nhà thơ ra đời, nhưng người đã gây cho nên thơ mới ở lúc giao thời những bước đi vững chắc, đầy tin tưởng bằng những sáng tác vượt bậc lại là Thế-Lữ.

Ở buổi sơ khởi của phong trào, sự ngưỡng mộ của khách yêu thơ mới hẳn là lác đác, bởi lẽ dễ hiểu, từ bao năm qua, những vần điệu, những ý thơ, những khuôn mơn sáo cũ của nền thi ca cổ xưa đã thâm nhiễm, đã khắc sâu

trong tâm tưởng mọi người. Nay đột nhiên có cái gì mới lạ, mới từ hình thức đến nội dung, một cái gì thoát sáo quá bạo dạn gần như liều lĩnh, khiến khách yêu thơ ngỡ ngàng, e ngại trong khi những hình ảnh xưa cũ chưa phai mờ trong tâm não mọi người. Cái khó của người đi tiên phong là ở chỗ đó, phải làm thế nào gây một ấn tượng tốt đẹp cho thơ mới để nó có cơ đứng vững và tồn tại.

— Thế Lữ ?

— Phải, Thế-Lữ đã đặt thơ mới một nền móng vững chãi, ông gây được niềm tin mãnh liệt trong lòng khách yêu thơ, những sáng tác của ông vừa xuất hiện là đã khuấy động tiếng vang sâu rộng ; tựa như tia lửa loé sáng lên trong màn đêm ; những hồn thơ còn đang mò mẫm, sợ sệt cái táo bạo của thơ mới, bỗng nhiên như bắt được mục tiêu tiến bước. Thi phẩm *Mấy vần thơ* là áng văn thật xuất sắc. Chính nó là nhịp cầu cho những người đi sau tin tưởng và mạnh dạn tiến bước về chân trời mới lạ đầy hăm hiu diệu cho lớp người trẻ.

Với điểm trên, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy các nhà biên khảo thi ca như Hoài-Thanh — Hoài-Chân, Vũ ngọc Phan, Phạm văn Diêu đã khen ngợi sự nghiệp của Thế-Lữ một cách nhiệt thành ; điều đó thật xứng đáng với công trình của kẻ khai sơn phá thạch.

Từ ngày phong trào thơ mới xuất hiện, thẩm thoát đã hơn ba mươi năm, vậy mà dư âm của những vần thơ Thế-Lữ vẫn còn đồng vọng trong giới yêu thơ, dù chứng tỏ, cho dù thời gian có trôi đi, công ơn của người đi trước vẫn còn khắc ghi và còn dành nhiều cảm tình tốt đẹp.

Sự kiện trên cho ta một nhận định, Thế-Lữ là thi nhân có chân tài, có những rung cảm thiết tha, những vần điệu êm đềm, lời thơ như mơ như mộng.

Ngày nay, Thế-Lữ cũng như họ Lưu sống bên kia phần đất mẹ, có khác chăng là Lưu trọng Lư còn hoạt động cho văn nghệ miền Bắc, còn Thế-Lữ, kể từ khi bỏ mình trong vai trò khiêm nhượng, tiếng lòng thồn thức

của ông không còn rung động nữa, tiếng thơ của họ Nguyễn vắng bật trên tao đàn.

•

Nói về khuynh hướng thi ca, chúng ta nhận thấy hồn thơ của Thế-Lữ là một tâm hồn phóng khoáng, chịu thích ứng với hoàn cảnh thiên nhiên, mau đời bình dị, độ sống đơn giản, không kham những ràng buộc phiền toái của cái ăn, cái mặc đua đòi theo vật chất xa hoa. Một bộ áo quần lếch thếch bạc màu, một đôi giày trắng mang từ Hạ sang Đông, một chiếc mũ bần đội bốn mùa mưa nắng đã đủ bảo vệ cho chiếc thân của con người nghệ sĩ xuôi ngược từ Bắc chí Nam.

Thi nhân chỉ muốn sống như nhà ẩn dật, không phải vì khinh nhân ngạo thế, mà vì muốn giữ lòng thủy chung tinh khiết với Nàng Thơ, một nguồn vui bất tận của thi nhân, một quyền lực có đủ khả năng trục xuất mọi ưu phiền trong tâm não, giữ được lòng lạnh trước quyến rũ của vật chất, mong đạt được độ tĩnh tâm. Trước cái tì h vui hay buồn, tim lòng thi nhân đều rung động theo một nhịp điệu công bằng.

Cái tâm hồn thanh thần tự nhiên của đất trời đang sống yên lành trong thế giới vô tư lự riêng biệt, ngờ đâu một hôm bị lời « đường mật » cám dỗ :

*« Anh dại chi mà lãng phí mất bao ngày ?
 Nghe chúng tôi cứ tới ở đây,
 Có tài trí thì cùng người thi thử,
 Chứ quạnh hiu đời còn đâu là thú ?
 Đến ở đây mà vùng vẫy đua ganh,
 Mua lấy cho mình đôi chút công danh ».*

Trước lý luận vững chắc đầy quyến rũ, con người của thiên nhiên đã phải đắn đo ; sau ba ngày nghĩ ngợi, chàng ta quyết định :

« Ô phải đấy ! » rồi ở ngay Hà-nội,
 Anh ta vừa hoạt động ; vừa mơ màng ;
 Lúng túng như anh Mán học làm sang
 Trong một bộ áo quần rất lịch sự.
 Học đo đạc, học dề, học giữ,
 Học chen vai thích cánh, — học ra đời !

Trước khi ra sống ở chỗ phồn hoa đô hội, chàng cũng
 đã khuyên dỗ Nàng Thơ cùng đi với chàng :

*Tôi khuyên Thơ tìm đến nơi thành thị,
 Khuyên chung sống trong cuộc đời mới mẻ.
 Nàng ngại ngùng, nhưng bởi đã quen chiều
 Bạn tình thơ, nên nàng cũng ưng theo.*

Nhưng tâm trạng Nàng Thơ lúc bấy giờ thật « đi không
 đành mà ở cũng không đành ». Ta hãy nghe nàng tâm sự :

*Rồi bỗng ngày kia em mới hay
 Tình quân em đã chán nơi đây.
 Chàng đi theo đời tư duyên khác.
 — Hỡi mẹ, lòng ơi ! Ôi bóng mây !*

*Này biết cùng ai ngỏ nỗi niềm ?
 Tình quân không dám ở cùng em,
 Yêu nhau, yêu cả trong gian khổ,
 Chàng hăm vinh hoa mãi miết tìm.*

*Như nàng Ngọc-nữ ở Thiên-thai,
 Tiếc mãi chàng Lưu vẫn luyện đời,
 Em đứng bên trường ân ái cũ,
 Rồi em than khóc bạn tình ơi !*

Sự buồn sầu héo hắt của Nàng Thơ còn lan dần ra
 cỏ, cây, mây, núi ; cả gió, trăng nữa :

*Rồi ánh trăng kia, với gió thổi,
 Với gương hồ lạnh, với ngàn lau,
 Với bao cảnh đẹp vui khi trước
 Ủ rũ vì em nặng khối sầu.*

Thế rồi họ đề huề ra thành thị, nhưng chẳng bao lâu Nàng Thơ của chàng tỏ ra chiều không hợp « thủy thồ » :

*Nhưng Nàng Thơ tôi là người cá thẹn,
Không quen tiếng còi ô-tô, chuông xe điện.
Không quen màu xán lạn đất vui chơi
Nên từng phen nàng thơ thần ngậm ngùi.*

Đây chỉ là Nàng thác có vậy thôi. Đã nói ra đây rồi thì cũng nên vạch toạc cho kẻ bàng quan biết luôn một thể cái cỉnh « lục đục, xào xáo » trong « gia đình » thi nhân đã là nguyên do khiến Nàng Thơ buồn :

*Nhưng nàng tiên ấy hay ghen lắm,
Chỉ muốn ta yêu có một mình
Mà tấm lòng ta thì phóng lộng ;
(Lạ gì cái tuổi của xuân xanh ?)*

Nhưng khi đã bị đắm mình theo sự quyến rũ của bóng sắc vật chất, chàng có đủ lý lẽ để biện bác cho sự sa ngã của chàng :

*Song le ta biết làm sao được ?
Vị ở trần gian về lệ kiêu
Của khách giai nhân thường vẫn bảo :
Yêu thơ đâu phải thực là « Yêu » ?*

Vì thế mới xảy ra chuyện hờn giận :

*Vì thế Nàng Thơ đã mấy phen
Trách ta mê đắm mãi trần duyên ;
Mấy phen ta thấy màu châu lệ
Thăm ón hờn ta dưới mắt đen.*

Âng mây sâu che phủ Nàng Thơ, cảnh đời đang xán lạn bỗng chìm ngập trong bóng tối. Không kham nổi sự khắc khoải giày xéo, một ngày kia Nàng Thơ bỏ ra đi, lìa xa cảnh phồn hoa, nơi đã ghi lại trong tâm tư Nàng dấu vết buồn đau của mối tình lạnh nhạt, hững hờ :

*Chẳng bao lâu, người tiên tử, bạn lòng tôi,
Bỏ tôi lại với cảnh đầy gió bụi !
Nàng xa tôi để lánh xa Hà-nội,
Đề tránh nơi tôi mãi miết đua ganh.*

Mặc dù bấy lâu nay chịu sự lãnh đạm của tỉnh quân, tuy nhiên sự ra đi của Nàng Thơ cũng gieo vào lòng thi nhân niềm trống trải, tiếc thương và hối hận. Càng thấm dần hơn khi người học trò chân ướt chân ráo trên bước đường vào gió bụi kinh thành, ngày càng va chạm phải thực tế chua chát, những ganh đua giành giật bì ôi theo vật chất. Đây ta hãy nghe thi nhân vạch trần mặt trái của xã hội :

*Nhưng trong khi phấn đấu đua tranh,
Lòng nhân thế gian ngoan mà lòng tôi ngờ vực.*

.

Là cứ tưởng trần gian ai cũng tốt.

Ở đời này quá thực thà là dốt !

Anh ta nào có biết đâu rằng

Có bao nhiêu đức tính cũng không bằng

Chỉ khôn khéo, gian ngoan là đạt tất !

Như cùng cảm thông nghĩa sống với Nàng Thơ, là cái xã hội « nhân tạo » này không phải là bến đỗ cho những tâm hồn yêu chuộng thiên nhiên. Rồi một ngày nọ, người ta thấy anh chàng nét mặt râu râu, cầm trên tay « cái vò » loè loẹt của xa hoa lộng lẫy :

Bỗng hôm nay, rầu rầu nét mặt,

Vắt trên tay « bộ quần áo văn minh ».

Người ta đã ngạc nhiên trước thái độ đột ngột của thi nhân. Có người lân la hỏi chuyện và được thi nhân thò lộ :

Anh đến bảo tôi rằng : « Cái bước công danh

Thực chẳng có chút nào thi vị cả !

Đừng đón hỏi, đừng dở dành tôi nữa,

Đề cho tôi yên sống đời riêng tôi.

*Cuộc đời lang thang giản dị, nhưng mà vui,
 Riêng cùng với Nàng Thơ làm bầu bạn.
 Cái sung sướng phồn hoa tôi đã chán »*

Và người thi nhân của chúng ta còn cho biết thêm nguyên động lực nào thúc đẩy chàng quay về với Nàng Thơ khi nhớ lại mối tình đầu cùng Nàng đắm đuối trong hạnh phúc thiên nhiên, ngày tháng qua đã yên vui cảnh nước mây sông núi. Thi nhân phơi trải tâm hồn mình như giải bày tâm sự :

*« Tôi là một kẻ mơ màng,
 Yêu sống trong đời giản dị bình thường.
 Cùng với Nàng Thơ tháng năm ca hát,
 Chúng tôi quên cảnh mịt mùng bất ngát
 Của non cao, rừng cả ; cảnh điều hiu
 Chốn đồng xa sương trắng chập chờn gieo,
 Hay cảnh rờ ràng, bướm tung, chim vui hót
 Tôi nâng đàn, nâng cao lời dịu ngọt,
 Trông nước non thanh khiết chốn sơn thôn,
 Gửi tiếng tơ lòng và gửi cả tâm hồn,
 Cho hoa cỏ, cho gió mây, cho ánh sáng,
 Kể vai nhau ở trong trường mộng tưởng,
 Cùng tạo nên riêng một cảnh thiên đường,
 Dầy hương hoa cùng tình ái du dương. »*

Chàng tiếp :

*« — Bỗng một hôm, từ phương ngoài xa cách
 Cơn gió phồn hoa thổi qua đời tịch mịch
 Dem tới cho lòng ham muốn tung hoành
 Giữa vinh hoa lộc lã của vãn minh. »*

Ồ ! Thì ra vì lẽ đó mà thi nhân khấn gói ra đi, xa lánh cảnh phồn hoa đô hội, trở lại với Nàng Thơ như một tâm hồn vụng dại quay về với lương tri :

Rồi bỏ quên bao nỗi giận, buồn qua,
 Anh ta buông bỏ lối chẳng nên thơ
 Và giữ lại chiếc mũ tàng, đôi giày trắng,
 Với chiếc áo đã lợt màu vì sương nắng,
 Anh ta đi, đi tìm chị Ly Tao
 Mà ít lâu không biết trốn nơi nào !

Nàng Ly Tao ! Phải, chỉ có nàng mới xoa dịu được
 tâm tư chán chường, cay đắng. Từ ngày chàng theo duyên
 mới, bỏ lại một thân nàng cô đơn ; nhớ hồi nào sống cùng
 nhau khăng khít yêu đương như đôi chim trời liền cánh,
 hoặc những khi êm đềm đứng ngắm hồ xanh núi biếc, tận
 hưởng cuộc sống thanh nhàn cùng tạo vật. Ôi vui sướng
 biết bao ! Nhưng than ôi ! Chỉ vì chàng một phút mãi mê
 bà công danh, mối phú quý, Nàng đã phải đau lòng xa
 cách.

Đây, ta hãy trông theo một hình bóng thất thểu của
 thi nhân đi kiếm tìm bạn cũ. Trong phút chốc, đau đớn
 ră lòng, thi nhân thẳng thốt kêu lên buồn thảm :

Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! — Ta buồn lắm
 Dem lại đây ánh hương hoa say đắm,
 Dem lại đây làn sương gió mơ màng,
 Dem lại đây, cùng với điệu du dương
 Những tiếng khóc than hay lời cảm khái
 Dề lòng ta thôi đừng khô héo mãi !
 Đờ cho ta khi ngắm nắng, trông hoa.
 Khi đứng bên hồ đón gió đưa qua,
 Ta được thấy ánh lòng ta rung động,
 Ta được thấy hồn thơ ta gợn sóng,
 Thấy miệng cười bạn tiên tử yêu kiều
 Và cùng ai chung giấc mộng cao siêu.

Những tiếng thở than, kêu gọi của thi nhân chỉ rớt
 vào khoảng không vắng lặng. Mây không buồn bay, gió
 không buồn thổi, gương hồ phơì mặt nước lạnh lùng như

hồn giỗi thi nhân mãi mê theo cảnh sắc mới lạ nên bỏ chúng bấy lâu. Trước sự thờ ơ lạnh nhạt của thiên nhiên, thi nhân cảm thấy mình lơ lảo, hững hờ ; càng thấm đậm thêm niềm tê tái, cô đơn :

*Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! — Ta buồn lắm !
 Nắng gay gắt trên khóm sen không thấm ;
 Gió thờ ơ không động bóng tàn cây :
 Dưới trời xanh, mây quá trắng không bay ;
 Hồ không sóng phơ mặt gương quá sáng ;
 Thời gian đứng ; sắc hình trở trở đặng,
 Lòng ta không âu yếm, không vui tươi,
 Không nhớ thương, không sôi nổi. — Than ôi !
 Cũng không cả nỗi đắng cay tê tái ;
 Nàng Thơ ơi, tâm hồn ta trống trải.
 Ta đứng đây, lơ lảo, hững hờ trông
 Cảnh vô duyên không gợn tiếng tơ lòng ;
 Ta đứng đây, thấy thờ mờ bóng bạn,
 Trông giờ khắc lặng mang niềm ngao ngán,
 Ly Tao ơi, nương tựa của lòng ta !*

Lê chân đi tìm kiếm khắp nơi ; một ngày kia thi nhân bắt gặp..., không phải Nàng Thơ, mà là một bóng hình thực tế hơn, một nàng thôn nữ đang buồn rầu đứng bên bờ hồ, thi nhân mới...

*Tôi ngập ngừng đang rón bước lại gần.
 Tôi thần thơ dừng gót đứng tần ngần,
 Và hỏi cô rằng : « Bóng chiều gần lặn
 Mà cứ sao cô em còn thơ thần.
 Nhớ thương ai hay đứng đợi chờ ai ?
 Dè cho sương gieo đắm ướt hai vai ? »*

Người thôn nữ đưa bàn tay nõn nà gạt những giọt lệ long lanh trên khoé hạnh với dáng điệu chan chứa cảm tình. và trong vẻ sầu bi, nàng gượng nở một nụ cười không kém màu tươi say đắm :

Cô ngảnh nhìn tôi, ngây thơ, yên lặng,
 Và thong thả đưa bàn tay mềm trắng
 Lên gạt hàng châu lệ long lanh.
 Tôi trông cô lòng chan chứa cội tình,
 Nhưng e ấp muốn nhắc lời sẵn hỏi.
 Nhưng mắt tôi thay tiếng lòng tôi nói.
 Cô âu sầu gương hé chút môi cười
 Mà nỗi chua cay chưa làm kém màu tươi.
 Rồi đưa mắt liếc qua khung cửa, rồi theo con đường trắng
 Dẫn về nẻo thị thành xa vắng.

Rồi như được khơi nguồn tâm sự, cô tiếp :

Cô đem nỗi lòng riêng ngỏ cho tôi nghe :
 Ở làng xa, cô là gái thôn quê,
 Một bữa qua đày gập chàng công tử
 Đón hỏi cô ra chiều niềm nở.
 Giữa cảnh êm đềm hồ nước mênh mang
 Nghe tiếng ai tha thiết diu dặt
 Như gió lướt cành hoa, lúc động niềm ái ái,
 Cô vui thấy trái tim cô tê tái
 Và ngây thơ đón lấy tấm tình yêu.

Như bị ngay tiếng sét ái tình, tâm hồn nàng liền quyện theo hình bóng tân kỳ của chàng công tử ; nàng bày tỏ :

Cô thường bảo với chàng : « Ngay từ khi gặp gỡ
 Em là gái thôn quê, chàng là người xa lạ,
 Đôi bên nào có quen nhau ?
 Song tấm lòng em, không biết bởi vì đâu,
 Nghe tiếng ai như mây theo gió quyện
 Đối với ai đã mặn tình lưu luyến. »

Cuộc yêu đương phôi phất ta tưởng đâu bền chặt như đất trời, nào ngờ dần dần, người tình quân...

Đứng bên cô, tuy chàng nói, chàng cười,
 Cô vẫn thấy đôi mắt chàng lơ đãng
 Không nhìn cô, chỉ mãi trông mây thoảng...
 Rồi một buổi chiều, cô đi mấy dặm đường
 Mang lòng vui tìm đến chỗ người thương
 Hẹn hò đây. — Nhưng đến khi nắng tắt
 Trên cành cao, tiếng một con chim khướu
 Đã bơ vơ nhận gọi ngày hôm sau,
 Là bóng tình quân cô tìm chẳng thấy đâu.

Rồi từ đây, người thôn nữ ôm lòng đau khi bị phụ
 tình ; nguồn đời như đứt đoạn, nàng tuyệt vọng với chuỗi
 ngày xanh. Cháu nản vậy phủ, u ám tâm hồn. Chiều hôm
 nay nàng đến bên bờ hồ, với ý định mượn dòng nước thấm
 kết liễu một thân bị lỡ làng để đánh dấu, chính nơi đây
 đã dậy lên mối tình đầu mà cũng là nơi chôn vùi đời hồng
 nhan khi tình chết ;

Rằng từ nay trên bờ hồ ân ái
 Không còn đâu cô gái quê chờ đợi.
 Rồi ôm lòng đau, em sẽ gieo mình
 Xuống nước sâu cùng với khối hận tình.

Đứng trước cảnh thương tâm, người thi nhân của ta
 khuyên nhủ :

Tôi sẽ nói : — « Cô em ơi, tuổi trẻ
 Của cô em là đóa hoa thơm diễm lệ
 Mím cười đón ánh xuân sang,
 Mà bạn tình kia chỉ là khách qua đường,
 Không biết quý, không biết yêu hương sắc,
 Chàng chỉ thoáng rồi vội tìm vui thú khác.
 Nhưng há vì ai hoa dễ kém màu tươi,
 Há vì ai hoa nở dễ hương phai ? »

Người thi nhân chúng ta thăm thảo chương trình rồi
 để nghị :

Tôi có một gian nhà nhỏ ở gần hồ.
 Một lớp thán trang giữa hoa lá bốn mùa.
 Nơi chim gió đua thắm, với Nàng Thơ yêu điệu
 Vẫn ngày thán đi về, duy còn thiếu
 Chút ánh thiêng liêng của sự yêu đương ;
 Nhà tranh tôi còn thiếu trái tim vàng.
 Lời bên rú cô về cùng tôi ở đó
 Và đem hết nỗi ái ân chan chứa
 Dâng cho cô, — đem hết nỗi chân thành
 Đề yêu cô — đề thav kẻ bạc tình.
 Nhưng cô vẫn âu sầu, khiến tôi e ngại.

Thì nhân e ngại, rồi lo sợ ; chẳng gạn hỏi mãi nguyên nhân, thì ra cô...

Muốn diên trang, muốn quần áo xa hoa.
 Đề cho người tình quân tể bạc, hững hờ
 Biết rằng cô không còn là thôn nữ,
 Không còn đứng quê mùa mà chê bỏ nữa.

Rồi cô lại muốn thi nhân gấu lên bộ cánh tân kỳ, và đưa ra ý định cùng chàng :

Cô lại muốn tôi ăn mặc âu trang,
 Muốn cùng cô sống trong cảnh rộn ràng.
 Trung gió bụi kêu sa nơi thành thị

nhưng hoàn cảnh sinh hoạt hiện tại không cho phép :

Song tôi chỉ là một chàng thi sĩ
 Ở lầu tranh, giàu được ít văn thơ.

Vì thế mà :

— Cô thờ ơ bên tấm lòng tôi say đắm.

hay :

“Ngồi thơ thần hồn thắm, lòng hát ngọt
 Cô vô tình đem điệu thơ tôi quen hát
 Đề ngụ lời than trách bạn tình xa.

Không thể chịu mãi cảnh tẻ nhạt ; một buổi thu sang, người thi nhân chúng ta đoạn lòng ra thành thị gạ bán giá sấu qui báu của tâm hồn để thực hiện lòng mong ước của thôn nữ. Chẳng dă chọn một quyết định trái với lòng mình, nhưng vì yêu mà phải dăy dụa tâm tư :

*Rồi một buổi thu kia, tạm vắng nhà tranh,
Tôi đành bán văn thơ cho khách thị thành
— Nhưng văn thơ mà bấy lâu tôi yêu quý.
Tôi đã rắp không bao giờ nỡ dẽ
Cho người đời mua chuộc ; vì anh ơi !
Văn thơ kia tức là tâm hồn tôi.—
Tôi bán đi dẽ mua các đồ tô điểm
Mua y phục tân trang của những trang kiều diễm
Chưa phồn hoa, về tặng người tôi yêu.
Mà tôi đây cũng sẽ bỏ cảnh nghèo
Với non nước nên thơ của Ly Tao Nương-tử.
Tôi đưa cô, sẽ cùng nhau sống giữa
Cảnh ngựa xe náo nức cô mơ màng.*

Trên đường về, chàng hí hứng vui mừng sẽ xây dựng hạnh phúc mới với người yêu ; nhưng khi đến nhà thì cả mộng tình liền tan vỡ :

*Nhưng thân ôi ! trong nhà tranh vắng ngắt ;
« Con chim xanh kia đã bay đâu mất ! »*

Đứng trước một thực tế nảo nề, lòng thi nhân sôi sục lên niềm chua xót. Dưới đây là những dòng kêu đau của một linh hồn sa ngã trong tình trường :

*Bạn ơi, ở đời này còn có vết thương đau
Nào ghê hơn, khát khê hơn nữa ?
— Tôi như người đã chết đi quá nửa.
— Anh tỉnh xem trong thế bính sinh,
Lần đầu tiên, tôi mới biết là tình
Lần đầu tiên đã mang nhiều thất vọng.*

Dừng chân bên hồ đau thương hiện tại, chàng ôn lại
thuở ban đầu người bạn tình trao yêu :

*Em ném cho lòng ta đón lấy,
Bông hoa phong kín ý yêu đương.
Hay đâu hoa giấu mầm gai sắc
Sốt cạnh lòng ta mấy vết thương.*

Nhớ đến lúc ái tình chớm dậy :

*Yêu em từ đó ta phơi phới.
Sống ở trong nguồn thú đắm say,
Nhưng cũng sống trong đau khổ nữa
Miệng cười trong lúc nhắm chưa cay.*

Rồi hồ như thất tình lục dục trong con người đồng
khởi động : hờn, giận, sầu, thương kéo đến giày vò tâm tư,
cào nát cõi lòng ; bao nguồn nghị lực đều tiêu ma ; máu,
lệ cũng nường theo sức tàn phá của cơ thể mà trào tuôn.
Dưới đây là hình ảnh đau thương ấy :

*Lòng ta hồ vờ tan tành,
Vì hờn, vì giận, vì tình, vì thương,
Vì cay đắng đủ trăm đường !
Thân ôi ! ly rượu mơ màng khi xưa,
À đem dốc cạn bao giờ ?
Chẳng cùng chi nữa, chẳng chờ hưởng chung.
Đề ta tỉnh mãi mà trông :
Giữa nơi cát bụi mịt mùng dẫn lan
Từ nơi vết nặng không hàn
Một dòng máu, lẫn bao hàng lệ châu.
Phải chăng đau khổ bấy lâu
Chứa chan nay lúc mạch sầu trào tuôn ?
Không, không Thuốc độc vẫn còn
Mà nguồn nghị lực đang cuộn cuộn ra
Tình nhân hỡi ! Bạn Mê-Hà !*

Chàng những tưởng bàn tay mềm dịu của ái tình sẽ xoa nhẹ tim lòng để mê như nhùng lọa, nào ngờ :

*Tưởng tay nương vuốt, không dè
Bóp thêm cho máu dầm để lại tu'n.*

Thế là từ đây người thi nhân của chúng ta đành mang nặng vết thương tình. Vì quá ê chề, đau đớn, chàng mới tìm đến quyền lực nàng Tiên... Nấu mong nhờ chất đắng của khói thuốc để làm tê dại giác quan cho vơi niềm sầu khổ :

*Khói huyền lên, khói huyền lên...
Mặt say đậu ở ngọn đèn dần lụi.
Tường bầu mây gió lư vô,
Tường vừng trắng lạnh mờ hồ dẫu đây.*

.

*Ưu tư rời bỏ cõi lòng
Hình hài thoát chốc bình bồng phiêu dao
Dật dờ trí thấp hồn cao
Thoáng qua ngàn cánh áo đào thiên tiên.*

Có riêng gì khói thuốc đã trợ giúp khuây sầu, thi nhân còn nghe theo những thú vui tương tợ cũng có hiệu năng mãnh liệt. Như một bệnh nhân mang chứng trầm kha được người mách thuốc, thi nhân không ngần ngại đến tìm Nàng...

Truy lạc

*Rượu ăn ai đắm ngập lòng chín nản.
Rót tràn đi, rót nữa, tình nhân ơi !
Ta lắng nghe gió thoảng ở bên tai
Có phải chẳng ? Vẫn réo lời thống khổ ?
Cứ rót nữa. — Bao giờ mê quá độ
Vơ tóc em lau cặp mắt dờ say*

Rồi trông ra lầu khói thuốc mù hay,
 Ta chỉ thấy những màu tươi sặc sỡ.
 Ô ! những tấm thân nồn nà nghiêng ngửa !
 Những trắng cười khoái lạc, giọng giòn tan !
 Những điệu lẳng lơ, khiêu khích, nồng nàn
 Những khúc hát là lời hay úy mị !
 — Hỡi gái giang hồ ! hạn tình ô uế !
 Biết chăng em ? đó là thú mê toi
 Để cho ta không thiết đến ngày mai
 Đời ta nữa. — Ngày mai, là lúc tỉnh.
 Cũng như em, tâm hồn ta đã lạnh
 Lạnh lâu rồi ! từ cái thuở xa xăm.
 M ánh sáng chim ca, mà bóng gió âm thầm,
 Hay rét hoa tươi hay màu lá rụng
 Cũng đủ khiến cho lòng ta rung động.
 — Ta ngây thơ như cô gái đương xuân ;
 Nhưng đến nay, cô ấy trái phong trần,
 Đa dày dặn, thấy đời thô sơ quá !
 Lòng đã tắt không còn tin tưởng nữa,
 Thì quên đi ! quên hết để say sưa,
 Để mê ly trong thú ái ân vờ,
 Để trốn tránh những ngày giờ trống trải ;
 Em ơi, ta không dám để lòng ta nhớ lại.
 Vì đôi phen qua những phút điên cuồng,
 Mảnh hồn thơ còn trôi thúp giữa đêm sông
 Bạt ta tiếc quãng đời trong trang mãi.

Nhưng cái tình kỷ nữ phải đâu là nơi ta giao phó tâm
 hồn. Thi nhân cũng biết những cánh hoa ấy đã bị nhiều
 con ong hút nhụy ; trong những phút bừng mộng chiếu
 chàn, người khách tình bỗng sặc ụa lên trong không khí bị
 đắm mùi tanh hôi nhục dục :

*Ta vừa đắm trong giấc mơ ghê tởm :
 Vừa buông tay ôm ấp gái giang hồ.
 Dầy xác thịt, dầy tâm hồn còn lợm
 Vội chán chường trần lẫn thú chưa cay.*

Lòng đã ê chề, chán ngán, nhưng nỗi buồn đau cứ đeo đẳng không tha. Ta hãy nghe lời kêu thương khẩn thiết :

*Ta ngồi đó ; mắt van lơn tha thiết
 Thăm kêu xin Buồn Nản tránh xa đi.*

Tuyệt vọng ! Thi nhân gia tăng thêm một độ thú vui thừa :

*Gọi khiêu khích, chúi vào trong mãi miết,
 Dê cho lòng tìm lại chút dê mê.*

Nhưng thực tế vẫn là thực tế. Cho dù thi nhân có thả hồn ngụp lặn cuồn mê trong vũng lầy sa ngã, vết thương hồn đâu thể rịt bằng thú vui nhất thời của nhục dục. Rốt cuộc, hồn thể mỗi như ; trong huyết quản, dòng máu uề oải chảy một cách tác trách đủ nuôi sống một thể xác rã rời :

*Nhưng đau đớn ! — Tâm hồn ngao ngán quá
 Thú vui tàn. — Mà giá ngất như băng,
 Trái tim mỏi, không buồn sôi nổi nữa
 — Ngoài đêm khuya mưa gió vẫn không ngừng :*

Có thể nói, cuộc đời thi nhân đến đây đã quá chán ngán náo nề. Bị vật chất phù hoa quyến rũ phải ly dị Nàng Thơ, rồi bị tình phụ, và bao trò dối trá, gian ngoan đầy dẫy trong xã hội đã đúc kết nên giọng oán hờn :

*Những vai Ganh Ghét, cùng Gian trá
 Diễn kịch Trần-gian mãi chẳng thôi*

Kết toán lại dòng đời, trải qua nhiều khổ đau, chua chát mà niềm say thương như dòng máu di truyền cuốn cuộn mãi không thôi :

Quá nửa đời đau dài nặng sương.

Các chén chua cay hồ dốc cạn,

Nhọc lòng ôm nặng nỗi bi thương.

Đề lấy cạm nghĩa, trong bài *Ác mộng*, thi nhân như cô động đường đời của mình qua quan niệm nhân sinh sau đây. Mời bạn đọc tìm hiểu thêm thi sĩ Thế-Lữ :

Ác mộng

Tặng Nguyễn Trọng Phấn

Tôi mơ thấy đang nằm trên vũng máu,

Chống tay lên nghe tiếng những hồn kêu.

Khắp bốn phương loè loẹt lửa trời chiều,

Muôn vật chìm trong một màu đỏ khé.

Tôi chợt hiểu : hình ảnh đời là thế ;

Có phải còn vui đẹp lắm đây chăng ?

Tôi muốn quên đi trong thú mơ màng,

Và quên cả tiếng cười che tiếng khóc.

Nhưng Số Mệnh vẫn chưa vừa lòng độc,

Nhất định dùng quyền lực hại tôi chơi.

Bắt tôi hết đau khổ lại ngược xuôi,

Trên hòn đất, than ôi ! Thân kiến muối.

Thật lại rồi buông, tha ra mà duỗi,

Không sớm cho tan nát hẳn thân hèn.

Tôi muốn lịm đi một giấc cầu yên,

Thì kéo dậy, lay hồn cho mở mắt !

Trên vực thẳm, một ngón tay khe khẽ.

Khiến tôi nhìn ra khắp cõi mênh mông,

Là chốn nhân gian đang uống máu nồng,

Nuốt một nửa, còn phun nhau một nửa.

Sự chôn chặt kiếp đời mình trong một xã hội đầy ganh tị, gian trá, chuộng cái áo khoác bên ngoài, lấy cái nhân tạo

thay thế thiên tạo một cách sống sượng, tâm hồn bị dọa dầy, thê xác triu nặng đang giãy giụa, lồng thét như cổ vẫy vùng khỏi ngục tù vật chất để trở về hòa hợp với thiên nhiên, Thê-Lữ đã ký thác tâm tư của mình trong bài *Nhớ rừng* (xin xem phần thi tuyển).

Một thời bị lạc lõng trên nuồn nẻo chợ đời, kịp khi tan vỡ mộng, thi nhân gạt bỏ quãng đời qua ; như đề cứu vãng một thân bị lỡ làng, thi nhân hướng về khoảng trời cao rộng để tìm Chân-lý của Lẽ-sống. Dưới đây là hình ảnh người bộ hành đơn độc ấy :

*Như một kẻ bộ hành ngơ ngác.
Lạc vào nơi đồng đất hoang vu,
Tôi mang theo một mối hoài u,
Tìm chẳng thấy nhẽ uyên thâm của tạo vật,
Ngừng bước nản tôi trông vời Bí-mật
Trông bầu xanh nét mặt nghiêm trầm.
Trông bốn phương trời nước mịt mù tăm.
Và tôi hỏi : Bie, tìm đâu, Chân-lý ?
Cao-thâm hỏi ! Ồi Vô-cùng Vô-dề !
Mây hằng bay, sóng hằng cuốn, gió không ngừng
Nghe thấy chẳng ? Hay ngờ biết cùng chẳng ?
Nỗi thao thức một tâm hồn nhỏ bé.*

Nhưng biết ở đâu là Chân-lý, là Vô-cùng, Vô-dề ; một lẽ quá thâm sâu mầu nhiệm đối với tâm hồn nhỏ bé của thi nhân. Song, cuối cùng, chàng cũng vạch được hướng đi thích hợp, đó là ý muốn cải thiện xã hội, dẹp mọi bất bình, đem lại đời sống Chân-thật, gần với thiên tính của con người. Đây là nguyên động lực đã thúc đẩy thi nhân bừng dậy chỉ phấn đấu :

*Dang độ nam nhi vui trẻ hoài ;
Sầu tư bi thiết, gác bên tai.
Trái tim chỉ rộn khi căm tức,
Ghét lũ vô nhân, giận nỗi đời.*

Và đây là hình ảnh một tâm hồn vừa tìm được Lễ Sống mới ; chàng không ngần ngại tự giới thiệu mình là một chiến sĩ đang tận tụy theo đuổi mục đích cao đẹp :

*Ta là một khách chinh phu,
Đấn bước trên chuyên khắp hải hồ.
Mũ lượt bốn bề sương nắng gội,
Phong trần quen biết mặt âu lo.
Vất vả bao từng, chi sá kè ?
Gian lao như lửa rèn tâm chí,
Bấy lâu non nước mãi xông pha,
Chưa phút dừng chân, chưa lúc nghỉ.*

Như ta đã thấy, hình ảnh người chinh phu Thế-Lữ là thoai thân của chàng thi sĩ đa tình, nhiều mộng mơ. Trong những giờ phút đầu, chàng hay quay về bản ngã. Đây :

*Trong khi lạt đật rẽo sông Mê,
Trận gió heo may đuổi nhận về.
Bụi cuốn đường xa, chinh khách mỏi.
Bỗng nghe tiếng hát vắng bên kia.*

Chẳng những nghe mà còn mê say đắm đuổi là khác :

*Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền,
Ấm như hơi gió thoảng cung tiên,
Cao như thông vút huồn như liễu ;
Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.*

Và còn mềm lòng tê tái nữa :

*Chinh phu trong dạ nường tê tái,
Quay gót ta buồn trông trở lại,
Đường còn dài, còn phải đi,
Sóng le tiếng hát bên sông gọi.*

Nhưng cuộc đời chàng từ đây đã gắn liền vào cái gì cao đẹp. Tiếng ái ân càng tha thiết gọi mời ; người chinh phu mấy phen đã rung động lòng tơ ; ngập ngừng, tri kéo, nhưng rồi cuộc nghĩa vụ chiến thắng tình yêu :

*Vì chúng ta cũng biết yêu đương,
Mà cuộc tình duyên gặp giữa đường,
Trong lúc non sông mờ cát bụi
Phải đâu là hội kết duyên lương ?*

Bởi vì :

Ta đi theo đuổi hươc tương lai.

Tất nhiên phải :

Đề lại bên sông kẻ ngậm ngùi.

Nhưng một lời đã nguyện với non sông :

Chỉ nặng bốn phượng trời nước rộng.

Thế là phải chịu vương thêm một áng mây buồn :

Từ nay thêm hận nỗi thương ai.

•

Đề kết luận, từ buổi sơ khai của nền thơ mới. Thế-Lữ không âm i, gào thét, mà chỉ lặng lẽ một cách thiết thực chứng minh triển vọng tươi sáng của thơ mới bang những sáng tác vượt bậc. Tiếng thơ Thế-Lữ là kết tinh của một tâm hồn phóng khoáng thích tìm vẻ thiên nhiên, một lòng say mê nghệ thuật đến chỗ siêu thoát, một tình lãng mạn chân thành dễ tin yêu nhưng cũng dễ bị phản trắc, một niềm chán lợm cảnh đua chen, gian trá, ganh tị trong xã hội đời ; nó đã cô đọng thành một khối uất hờn và nảy sinh một ít nhiệt lượng hùng khí như đề tìm cách giải thoát tâm tư.

(Ấn bản kỷ niệm, 4-1968)



Chi tuyến

Nhớ rừng

(Lời con Hồ ở vườn Bách-thú)

Gặm một khối cặm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lữ người kia ngạo mạn, ngằn ngoà,
Giương mắt hé riều oai linh rừng thẳm,
Nay sa cơ, bị nhực nhằn tù hãm,
Đề làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Vội cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thưở tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi hét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, đông đặc, đường hoàng.
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng.
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mất thần khi đã quất.
Là khiến cho mọi vật đều im hơi,
Ta biết ta chúa tể cả muôn loài
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,
Ta lặng ngắm giang san ta dòm mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng hừng ?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.
 Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
 Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?
 — Than ôi ! thời oanh liệt nay còn đâu ?

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,
 Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
 Những cảnh sửa sang, tắm thường, giả dối :
 Hoa chớm, cò xén, lối phẳng cây trồng ;
 Giải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
 Len dưới nách những mô gò thấp kém ;
 Dăm vùng lá hiến lành không bí hiểm,
 Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
 Của chốn ngàn năm cuo cá, âm u.

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ !
 Là nơi giếng hăm thiêng ta ngự trị,
 Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,
 Nơi ta không còn được thấy bao giờ
 Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
 Lo đang theo giấc mộng ngàn to lớn
 Để hồn ta phảng phất được gần ngươi,
 — Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !

(1936)

*

Cây đàn muôn điệu

(Gửi cha Tú-Lý)

Tôi là người bộ hành phiêu lãng
 Đường trần gian xuôi ngược dễ vui chơi
 Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
 Trong lúc gian lao, trong giờ sung sướng,

Khi phần đời cũng như hồi mơ tưởng.
 Tôi yêu đời cùng với cảnh lâm than,
 Cảnh thương tâm, ghé góm, hay dịu dàng.
 Cảnh rục rờ, ái ân hay dữ dội.

Anh dù bảo : tính tình tôi thay đổi,
 Không chuyên tâm, không chủ nghĩa : nhưng cần chi ?
 Tôi chỉ là một khách tình si
 Hăm vẽ Đẹp có muôn hình, muôn vẻ.
 Mượn lấy bút nàng Ly-Tao tôi vẽ,
 Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
 Vẽ đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngây thơ,
 Cũng như vẽ Đẹp cao siêu, hùng tráng
 Của non nước, của thi văn, tư tưởng.
 Đáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân ;
 Ánh tung bừng linh hoạt nắng trời xuân ;
 Vẽ sâu muợn âm thầm ngày mưa gió ;
 Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đờ ;
 Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay ;
 Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy ;
 Thú xán lạn mơ hồ trong ảo mộng ;
 Chi hăng hái đua ganh đời náo động :
 Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.
 Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bị,
 Và cảm khái bởi những lời hăng hái.
 Tôi ngời ca với tiếng lòng phần khởi,
 Tôi thở than cùng thiếu nữ băng khuâng,
 Tôi véo von theo tiếng sáo lưng chừng,
 Tôi yên ủi với tiếng chuông huyền diệu,

Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu ;
 Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu ;
 Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu :
 Lấy thanh sắc trần gian làm tài liệu.

*

Mây vẩn ngây thơ

(Tặng Nguyễn Văn Lương Ngạc)

TÔI

Suốt đêm thức để trông ai,
 Ở kia ánh lửa đỏ ngời phương đông.
 Nhỏn như cây núi nhuộm hồng,
 Đẹp như cô gái yêu chồng đêm nao ?

CÔ MÁN

Đêm qua trăng khúc trên trời,
 Để cho nước mắt nó rơi trên cành,
 Giọt châu trắng, lá cây xanh,
 Anh kia có biết tâm tình tôi chẳng ?

TÔI

Kìa cô con gái thần thơ,
 Đứng trên đỉnh núi trông chờ ai đây ?
 Cỏ bay cái váy cũng bay...
 Trên không con nhận đón mây chập chờn.

CÔ MÁN

Chập chờn con nhận đón mây,
 Cỏ cao đón gió, tôi đây trông chờ
 Lòng tôi anh biết cùng không ?
 Ngày tung bừng cũng lạnh lùng như đêm.

TÔI

*Đêm ngày cô nhường lạnh lòng,
Bởi chưng cô chưa có chồng, như ai.
Hỡi cô con gái lia ơi!
Thôi đừng khóc nữa, lẻo tôi thêm buồn.*

CÔ MÁN

*Tôi buồn tôi lại buồn thêm,
Tôi trông mây nước tôi thêm duyên tơ
Mắt tôi, nước mắt như mưa,
Tôi không muốn gạt, tôi chờ ai lau.*

TÔI

*Ai lau nước mắt cô mình?
Dưới đây duy có một mình ta thôi.
Cầm khăn lòng nhường bởi hời,
Lệ ta cũng chữa ai người lau cho.*

*Thân ta lưu lạc giang hồ,
Giận đời muốn khuất nhường trò đảo điên,
Đề lòng theo đám mây huyền,
Mây đưa ta bước tới miền gió trắng.*

*Ở đây mây núi, cây rừng,
Nước non thanh sạch cách' chừng phồn hoa.
Chim dèo nhẩn gió dèo ca,
Du hồn như một giấc mơ không cùng.*

*Giữa nơi bát ngát mịt mùng,
Tấm lòng thơ cũng nặng lòng ái ân.
Thân tuy muốn thoát duyên trần,
Nhưng còn vương mối nợ trần muôn năm.*

Đờn lòng ta sắt ta cầm,
 Lại dây hòa điệu, hòa âm; ta cùng.
 Du dương chung khúc mơ màng
 — Mây cao với núi chập trùng kia ơi !

*

Tiếng gọi bên sông

(Lời chính phụ)

Ta là một khách chinh phu,
 Dẫn bước truân chuyên khắp hải hồ.
 Mù lợt bốn bề sương nắng gọi.
 Phong trần quen biết mặt âu lo.

Vất vả bao từng, chi sá kè ?
 Gian lao như lửa rèn tâm chí,
 Bấy lâu non nước mãi xông pha.
 Chưa phút dừng chân, chưa lúc nghỉ.

Trong thuở sinh bình, đôi mắt ta
 Không hề cho đắm lệ hao giờ ;
 Cười phen thất bại, khinh nguy hiểm,
 Nặng gót vang đường, nhịp khúc ca.

Dạng độ nam nhi vui trẻ hoai :
 Sầu tư bi thiết, gác bên tai,
 Trái tim chỉ rộn khi cảm tức,
 Ghét lũ vô nhân, giận nỗi đời.

Trong khi lật đật rêu sông Mê,
 Trận gió heo may đuổi nhạn về.
 Bụi cuốn đường xa, chinh khách mới,
 Bỗng nghe tiếng hát vắng bên kia.

Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền,
Êm như hơi gió thoảng cung tiên,
Cao như thông vút, buồn như liễu :
Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.

Chinh phu trong dạ nhường tê tái,
Quay gót ta huồn trông trở lại,
Đường vẫn còn xa, còn phải đi,
Song le tiếng hát bên sông gọi :

« Đi đâu vội bấy hơi ai ơi !
Mà đề cho nhau luống ngậm ngùi ?
Em trẻ, em son, em lại đẹp.
Sang đây chung hát khúc ca vui !

« Hỡi khách ! Sang đây với bạn tình.
Vui đi ! Dời được mấy xuân xanh ?
Ưu tư chi đề sầu mây nước,
Kìa cánh hoa đua rờn trước cành. »

Tiếng ái ân kia réo rất hoài,
Mà lời mây nước giục bên tai.
Đau lòng rút mối tơ vương vẫn,
Nước mắt đầu tiên đã chã rơi.

Vì chung ta cũng biết yêu đương,
Mà cuộc tình duyên gặp giữa đường,
Trong lúc non sông mờ cát bụi
Phải đâu là hội kết uyên ương ?

Âm thầm từ giờ cô thôn nữ,
Cô đứng bên sông không hát nữa,
Lòng ta thồn thức còn đề mê
Nhịp với lòng ai nhường than thở ?

Âm thầm ta lại bảo cô rằng :
 « Mặt đất mệnh mang biết mấy chừng,
 Em có yêu ta thì gắng đợi,
 Dem lòng mà gửi lên cung trăng.

Ở chốn đường khơi ta nhớ em.
 Thì lòng ta sẽ hóa ra chim
 Bay lên lưu luyến bên cung nguyệt
 Sẽ ngỏ cho nhau thấu nỗi niềm. »

Ta đi theo đuổi bước tương lai,
 Dề lại bên sông kẻ ngậm ngùi.
 Chí nặng bốn phương trời nước rộng,
 Từ nay thêm bận nỗi thương ai.

*

Bên sông đưa khách

Tặng tác giả « Đồi Mưa Gió »

Lòng em như nước trường-qiăng ấy,
 Sớm tối đưa chàng tới Phúc-châu.

(Lời Kỳ-nữ)

Trời nặng mây mù mấy khóm cây,
 Đứng kia không biết tỉnh hay say,
 Đỗ bờ sông trắng con thuyền bé,
 Cạnh lớp lau già gió lác lay.

Tôi tiễn đưa anh đến tận thuyền
 Dề dài thêm hạn cuộc tình duyên ;
 Thuyền đi, tôi sẽ rời chân lại.
 Tôi nhớ tình ta, anh vội quên.

Thuyền khách đi rồi tôi vẫn cho
 Lòng tôi theo lái tới phương mô ?
 Bâng khuâng trong cõi sầu vô hạn.
 Không khóc, vì chừng mắt đã khô.

Đâu biết rằng anh cũng chỉ là
 Khách chơi giãv lát ghé chơi qua ;
 Rồi thôi nín áo không tình nữa,
 Dù mặc tình ai khổ, ước mơ.

Tôi chỉ là người mơ ước thôi,
 Là người mơ ước hao ! Than ôi !
 Bình minh chói lói đâu đâu ấy,
 Con chốn lòng riêng u ám hoài.

Mê biết vô duyên vẫn cứ mong,
 Trọn năm ôm mãi mối tình không,
 Trọn đời làm kẻ đưa thuyền khách :
 Thuyền chầy, trơ vơ đứng với sông.

(1937)

*

Tiếng trúc tuyệt vời

Tặng Trường-Bách

Tiếng địch thời đâu đây,
 Có sao mà réo rắt ?
 Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt,
 Mây bay... gió quyến mây bay...
 Tiếng vi vút như khuyển van, như đu dặt
 Như hát hlu cùng hơi gió heo may.

Ánh chiều thu
 Lướt mặt hồ thu,

Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biển,
 Rặng lau già xao xác tiếng reo khô.
 Như khua động nổi nhớ nhung, thương tiếc
 Trong lòng người đứng bên hồ.

Cô em buồn đứng bên hồ
 Nghiêng tựa mình cây, dáng thần thơ.
 Chừng cô tưởng đến ngày vui sẽ mất,
 Mà sắc đẹp rờ ràng rồi sẽ tắt
 Như bóng chiều dần khuất
 Dưới chân trời.

Cho nên cô nghe tiếng trúc tuyệt vời,
 — Thồn thức với lòng cô thồn thức,
 Man mác với lòng cô man mác —
 Cô đề tâm hồn tê tái, bàng hoàng.

Ta muốn nâng
 Tấm khăn hồng lau mắt lệ cho ai.
 Vì ta sợ má đào kia phai,
 Cũng như ta đã ca
 Khuyên ngày vui trở lại
 Cùng với ánh quang minh còn mãi.
 — Cho người vui cảnh quên già.

*

Giây phút chạnh lòng

(Tập tác giả Đoàn-Tiễn)

Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
 Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.
 Đã quyết không mong sum họp mãi.
 Bận lòng chi nữa lúc chia phôi ?

« Non nước đang chờ gót lãng du,
 Dâu dây vắng tiếng hát chinh phu,
 Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
 Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.

« Anh đi vui cảnh lạ, đường xa,
 Dem chí bình sinh dài nắng mưa,
 Thân đã hiến cho đời gió bụi,
 Dâu còn lưu luyến chút duyên tơ ?

« Rồi có khi nào ngắm bóng mây
 Chiều thu đưa lạnh gió heo may
 Dừng chân trên bến sông xa vắng,
 Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây ;

« Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
 Giam hãm thân trong cảnh nặng nề,
 Vẫn đề hồn theo người lặn lội ;
 Vẫn hằng trông đếm bước anh đi. »

Lấy câu khẳng khái tiễn đưa nhau,
 Em muốn cho ta chẳng thăm sầu.
 Nhưng chính lòng em còn thồn thức,
 Buồn kia em giầu được ta đâu ?

Em đứng nương mình dưới gốc mai,
 Vịn ngành sương đọng, lệ hoa rơi,
 Cười nàng tà áo đưa lên gió,
 Em bảo : hoa kia khóc hộ người.

Rồi bỗng ngừng vui cùng lãng lạng,
 Nhìn nhau bình thần lúc ra đi.
 Nhưng trong khoảnh khắc ơ thờ ấy,
 Thấy cả muôn đời hận biệt ly.

Năm năm theo tiếng gọi lên đường,
Tóc lộng tơ bời gió bốn phương.
Mấy lúc thần thờ trông trở lại,
Đề hồn mơ tới hạn quê hương.

Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Cát tình duyên cũ thảng đường trông.
Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.

Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan.
Trong lúc gần xa pháo nổ ran,
Rũ áo phong sương trên gác trọ.
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.

Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cưỡi,
Lộng lòng nhớ bạn xuân năm ấy.
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.

Lòng ta tha thiết dưng tình yêu,
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mất lệ đầm trông niên cách biệt,
Phút giây chùng mõi gối phiêu lưu...

Cát bụi tung trời — Đường vất vả
Còn dài — Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân ?



Lựa tiếng đàn

Gửi cho bạn Mỹ thuật ở Hà-nội

Trong nhà tranh, một mình tôi than thở,
 Với cây đàn, tập giãv. Các anh xa.
 Sáng hôm nay, sương biếc tỏa mờ mờ.
 Như hương khói được dầu cau, mái rạ :
 Ánh hồng tia rắc ngọc châu trên lá,
 Trời trong xanh chân trời đỏ hây hây.
 Tiếng chim xuân nhí nhảnh ở trong cây.
 Cảnh vui thế, sao tôi còn buồn nữa ?

Bởi vì gió ở đây trong trẻo quá :
 Tiếng đàn tằm réo rất này càng cao,
 Bởi vì đây duy có Nàng Ly-Tao.
 Với bao nỗi tiếc thương hồi quá vắng,
 Vẫn cùng tôi ở chung nhà bầu bạn.
 Tôi bùi ngùi âu yếm mới bi ai,
 Và đề sầu tư mơn trớn lòng tôi,
 Nên cảnh đẹp lại thêm chiều mai mĩa.
 Tôi muốn sống cuộc đời thi sĩ, đề
 Uống say nồng, nhưng chỉ thấy chua cay,
 Tìm mộng vàng trên cảnh lộng trời mây,
 Mây thường biến : trời như lòng, tẻ ngắt.
 Được lẫn lóc mãi trong đời Mỹ-thuật,
 Như các anh vui, sướng trẻ trung sao !
 Các anh đi len lỏi giữa xôn xao,
 Và cười cợt ở trong luồng gió bụi ;
 Đập vang gót trên bờ hè Hà-nội,
 Rửa nhau xem vẻ đẹp cửa lằm than,
 Thấy hình tiên ngay giữa đám trần gian.
 Và bôi đỏ lên những màu u ám.
 Hỡi ! Hãy đề giọng buồn thương ta thán,

Cho chúng tôi là một bọn nhạc công,
 Trăm ngàn năm này mãi sợi tơ lòng,
 Ca những khúc sầu vui, tình thiên hạ.
 Chán nản ư ? Các anh đừng than thở,
 Cứ im đi, rồi bảo cho tôi hay.
 Lựa giọng buồn, tôi sẽ vắn trầm đây,
 Và gọi gió, gọi thông, lên tiếng họa.
 Nỗi buồn sẽ theo mây mờ mịt iỏ,
 Bận hữu ơ ! Cất tiếng ta cười chung,
 — Đề cho tôi được chút vui cùng.

*

Ý thơ

Bình tĩnh lại, hao nỗi lòng huyền ảo !
 Vì giờ đây muôn vật lắng trong đêm ;
 Trong gió đứng, thanh âm trên khúc dạo,
 Trong sương khuya, ngưng đọng ánh hương chìm ;
 Hoặc lặng sống trong dài khoan độ nở,
 Cây âm thầm khép lá gợn vẩn xao ;
 Nương bóng tối muôn loài chìm rún thờ ;
 — Thời gian qua, nghỉ bước trên từng cao.
 Đây là phút bắn khoắn trong ngưng đợi,
 Phút anh linh, huyền diệu của tìm tư
 Ghi dấu vết giữa tháng năm thơ trôi
 Đề ngàn sau nối lại với ngàn xưa.
 Ấy là lúc ý thơ rung ánh ngọc,
 Cùng Thi-tiên say giấc khói hương ngà,
 Nhà thi sĩ nâng niu bầu cảm xúc
 Của trời mây đúc lại mấy lời hoa.

*

Lời than thở của nàng mỹ thuật

Em đứng em buồn cạnh khóm lau,
Khóm lau than trước gió đêm thâu,
Gió thâu khóc với trăng thâu lạnh.
Ai biết tình quân em ở đâu ?

Than ôi ! Mới được mấy thu nay,
Gặp gỡ tình quân giữa cảnh này
Là chốn em quen cười với gió.
Với trăng, với nước, với mây bay...

Họa sĩ qua chơi lúc bấy giờ,
Lòng em phơi phới trí ngây thơ ;
Em xinh, em đẹp mà không biết,
Không biết vì em ai ngàn ngơ.

Lân la, người khách lạ nên quen,
Rồi ngón tay tình chấp mối duyên.
Cái thừa ban đầu lưu luyến ấy
Ngàn năm chưa dễ đã ai quên.

Em thấy chàng yêu mới nhớ ra
Lên em là Đẹp, bạn em là
Bao nhiêu cảnh tượng, muôn hình sắc :
Ánh sáng, non sông, mây, cỏ, hoa...

Em càng trang điểm đề thêm xinh,
Và đề màu tươi của Ái-tình
Điêm khắp bầu trời thêm vẻ đẹp,
Hồ kia thêm biếc, núi thêm xanh,

Hay đâu cơn gió lạ đâu đâu
Thời lại cho em những mối sầu :
Bạn ngọc thừa vè, em khoắc khoải,
Cười, nhưng phảng phất vẫn lo âu.

Rồi bỗng ngày kia em mới hay
 Tình quân em đã chán nơi đây.
 Chàng đi theo đời tơ duyên khác.
 — Hỡi mộng lòng ơi ! Ồi bóng mây !

Nay biết cùng ai tỏ nỗi niềm ?
 Tình quân không dám ở cùng em,
 Yêu nhau, yêu cả trong gian khổ :
 Chàng hăm vinh hoa mãi miết tìm.

Như nàng Ngọc-nữ ở Thiên-thai,
 Tiếc mãi chàng Lưu vẫn luyến đời,
 Em đứng bên trường ân ái cũ,
 Rồi em than khóc bạn tình ơi !

Rồi ánh trăng kia, với gió thổi,
 Với gương hồ lạnh, với ngàn lau,
 Với bao cảnh đẹp vui khi trước
 Ủ rũ vì em nặng khối sầu.

*

Tự trào

Thế-Lữ là một chàng kỳ khôi :
 Sống hôm nay không biết có ngày mai,
 Cũng không thiết nhận cảnh đời trước mắt.
 Tính giản dị, lại ưa điều bí mật,
 Trưa mùa hè đi về cảnh đêm trăng,
 Ở Đỗ-sơn thuật chuyện trên rừng.
 Đến khi lên thượng du, có lẽ
 Anh lại nghĩ chuyện vắn vơ dưới bề.
 Người vụng về, yên lặng chẳng ai ưa,
 Có bao nhiêu nét xấu chẳng thêm chưa,

Ăn mặc thì lôi thôi, lổc thốc :
 Đến Hà-nội với chiếc quần cộc lố,
 Với đôi giày vải trắng mang từ hạ sang đông ;
 Chiếc mũ dạ vàng, dùm dỏ, bần vô song
 Đội mưa nắng suốt từ Nam ra Bắc.
 Đời dị nghị đến thế nào cũng mặc
 Đi giữa đường anh cứ ngược trông trời,
 Và dương dương vui vẻ như người
 Không bao giờ, không đời nào biết khổ.
 Các bạn hữu ái ngại dùm, thường dỗ :
 — « Anh đại chi mà lãng phí mất bao ngày ?
 « Nghe chúng tôi, cứ tới ở đây,
 « Có tài trí thì cùng người thi thố,
 « Chứ quạnh hiu đời còn đâu là thú ?
 « Đến ở đây mà vùng vẫy, đua ganh,
 « Mua lấy cho mình đôi chút công danh ».
 Thế-Lữ nghĩ ba hôm mới nói :
 « Ồ phải đấy ! » Rồi ở ngay Hà-nội,
 Anh ta vừa hoạt động vừa mơ màng ;
 Lúng túng nhu anh mán học lăm sang
 Trong một bộ áo quần rất lịch sự.
 Học du dân, học dè, học giữ,
 Học chen vai thích cánh, — học ra đời !
 Nhưng chẳng bao giờ tỏ được tính dờ hời :
 Là cứ tưởng trần gian, ai cũng tốt.
 Ở đời này quá thực thà là dốt !
 Anh ta nào có biết đâu rằng
 Có bao nhiêu đức tính cũng không bằng
 Chỉ khôn khéo, gian ngoan là đạt tất !
 Bỗng hôm nay, rầu rầu nét mặt,
 Vắt bên tay « hộp quần áo văn minh »
 Anh đến bảo tôi rằng : « Cái bước công danh

« Thực chẳng có chút nào thi vị cả !
 « Dừng đón hỏi, đừng dễ định tội nữa,
 « Dè cho tôi riêng sống dưới riêng tôi
 « Cuộc đời lang thang giản dị, nhưng mà vui,
 « Riêng cùng với Nàng-Thơ làm bầu bạn.
 « Cái sung sướng phần hoa tôi đã chán ! »
 Rồi bỏ quên bao nỗi giận, buồn qua,
 Anh ta buông bỏ lối chẳng nên thơ
 Và giữ lại chiếc mũ tàng, đôi giày trắng,
 Với chiếc áo đã lợt màu vì sương nắng,
 Anh ta đi, đi tìm chị Ly-Tao
 Mà ít lâu nay không biết trốn nơi nào !

*

Về đẹp thoáng qua

Hôm qua đi hái mấy vần thơ,
 Ở mãi vườn tiên gần Lạc-Hồ :
 Cảnh tĩnh trong hoa chim mách lẻo.
 — Gió đào mơn trớn liễu buông tơ.
 Nước mát hơi thu thấm sắc trời,
 Trời xanh, xanh ngắt đượm hồng phai.
 Ái ân, bờ cỏ ôm chân trúc,
 Sau trúc, ô kìa ! xiêm áo ai ?
 Rẽ lá, thi nhân bước lại bên
 Mấy vòng sóng gợn mặt hồ yên,
 Nhờn như vùng vẫy ba cô tắm
 Dưới khóm hoa quỳnh lá biếc xen.
 Hồ trong như ngọc tắm thân ngà,
 Lồ lộ da tiên thô sắc hoa,
 Mím miệng anh đào tan tác rụng,
 Tóc buông vờn mặt nước say sưa,

Say sưa, người khách lạ bỡ ngỡ lại,
Giận lữ chuồn kia khúc khích hoài.
Van khẽ gió đừng vi vút nữa.
— Nhưng mà chim, gió có nghe ai ?

Lờ oanh trên liễu, yển bên hồng,
Hạc ở trong không, phụng dưới tùng,
Bỗng chốc cùng nhau cao tiếng họa,
Đờn tiên rộn rã khắp tiên cung...

Hoa lá cùng bay bướm lượn qua,
Người tiên biến mất, — Khách không ra :
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận.
— Một áng hương tan, khói tỏa mờ.

*

Trả lời (1)

Không ! Thế-Lữ cũng chưa xa Hà-nội,
Vẫn ngược xuôi trên các đường gió bụi
Chốn phồn hoa náo nhiệt dưới ta đây,
Nhưng bởi vì đâu trong ít lâu nay,
Tôi thường thấy anh ta buồn chán lạ.
Bao nhiêu vẻ tươi cười, hớn hờ
Biến nơi nao, để hương khói ưu tư
Vẫn vương hoài trên nét mặt người thơ
Lang thang bước giữa những nơi đông đúc,
Anh quên hẳn bên mình người chen chúc
Đang vội vàng tranh kiếm kế sinh nhai.
Mất thờ ơ trông phố lại trông trời,
Trông nhà cửa tối tăm hay căn hàng rục rờ,
Trong cảnh kiêu xa cũng như đời lam lũ

(1) Thay Tú-Mỡ trả lời một bạn đọc.

Anh đứng đưng nhường chẳng biết chi chi
 Thấy lạ lòng tôi đã một đôi khi
 Tìm Thế-Lữ hết lời căn vặn hỏi.
 Anh chỉ thờ dài, mãi sau mới nói :
 « Tôi là một kẻ mơ màng,
 Yêu sống đời giản dị, bình thường,
 Cùng với Nàng Thơ thắm năm ca hát,
 Chúng tôi quen cảnh mịt mùng bát ngát
 Của non cao, rừng cả ; cảnh đìu hiu
 Chốn đồng xa sương trắng chập chờn gieo
 Hay cảnh rờ ràng, bướm tung bay, chim vui hót
 Tôi nâng đàn, nâng cao lời dịu ngọt,
 Trông nước non thanh khiết chốn sơn thôn
 Gửi tiếng tơ lòng và gửi cả tâm hồn,
 Cho hoa cỏ, cho gió mây, cho ánh sáng.

Kề vai nhau ở trong trường mộng tưởng,
 Cùng tạo nên riêng một cảnh thiên đường,
 Dầy hương hoa cùng tình ái du dương.
 — Bỗng một hôm, từ phương ngoài xa cách
 Cơn gió phồn hoa thổi qua đời tịch mịch
 Dem tới cho lòng ham muốn tung hoành
 Giữa vinh hoa lộng lẫy của văn minh.
 Tôi khuyên Thơ tìm đến nơi thành thị,
 Khuyên chung sống trong cuộc đời mới mẻ.
 Nàng ngại ngùng, nhưng bởi đã quen chiều
 Bạn tình thơ, nên nàng cũng ưng theo.

Rồi từ đó, trên các đường rộn rã
 Người ta thấy đôi thiếu niên bờ ngõ
 Dắt tay nhau len lỏi bước đưa chen
 Và hiến cho đời đôi khúc đàn tiên
 Đã ghi chép nơi gió sương tươi sáng.

Nàng sung sướng vì thấy tôi sung sướng
 Buổi đầu tiên chào đón tiếng hoan hô
 Của khách giàu sang trong chốn kinh đô.

— Nhưng Nàng Thơ tôi là người cả thẹn,
 Không quen tiếng còi ô tô, chuông xe điện,
 Không quen màu xán lạn đất vui chơi
 Nên từng phen nàng thơ thần ngậm ngùi
 Thương tiếc cảnh êm đềm non nước cũ,
 Gượng cười nói khi thấy tôi khuyên dỗ,
 Gượng vâng theo khi tôi giục hồn thơ
 So đây đàn chung họa mấy lời ca
 Dem nhau bước vào trường hoạt động
 Tôi hằng hái muốn cùng ai vui sống
 Mà vẫn đồn thơ mơ tưởng — Nhưng than ôi !
 Chẳng bao lâu, người tiên tử bạn lòng tôi,
 Bỏ tôi lại với cảnh đầy gió bụi !
 Nàng xa tôi dè lánh xa Hà-nội,
 Dè tránh nơi tôi mài miết đua ganh.
 Tiếng ồn ào nhộn nhịp Hà-thành
 Đã che át tiếng du dương êm dịu
 Của khúc tiên ca xa xăm trong trời.
 Cho nên tôi chán nản bấy lâu nay
 Chiếc đòn lòng hồ hững hờ trùng đây
 Và dề mặc tơ nhện sầu chẳng phôi.эм.
 Tôi muốn tránh cảnh phồn hoa đã chiếm
 Mất lòng tôi, tìm cho thấy bạn Ly-Tao
 Nhưng non nước muôn trùng, em than khóc ở
 nơi nao ?
 Ta biết hỏi ai ! Hỡi tình nhân kiều diễm ?

Giục hồn thơ

Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! — Ta buồn lắm !
 Nàng gay gắt trên khóm sen không thắm ;
 Gió thổi ơ không động bóng tàn cây ;
 Dưới trời xanh, mây quá trắng không bay ;
 Hồ không sóng phời mặt gương quá sáng ;
 Thời gian đứng : sắc hình trơ trên đá,
 Lòng ta không âu yếm, không vui tươi,
 Không nhớ thương, không sôi nổi. — Than ôi !
 Cũng không cả nỗi đắng cay tê tái :
 Nàng Thơ ơi, tâm hồn ta trống trải.
 Ta đứng đây, lơ lảo, hững hờ trông
 Cảnh vô duyên không gợn tiếng tơ lòng ;
 Ta đứng đây, thần thờ mơ bóng bạn,
 Trông giờ khắc lặng mang niềm ngao ngán,
 Ly-Tao ơi, nương tử của lòng ta !
 Nừ lòng du, sợ lãng mối tình thơ ?
 Tìm đâu thấy những phút giây êm ái.
 Những phút giây xón lạn ánh thiêng liêng
 Ta cùng ai để tâm hồn mê mãi
 Tung ngọc châu gieo những khúc thần tiên ?
 Đâu những buổi non sông cùng lặng lẽ
 Đợi tay ta dịu đất ngón tay ai.
 Tạo nên bức tranh tuyệt trần hoàn mỹ
 Lên không gian, thâu góp muôn màu tươi ?
 Vì bạn ơi ! những khúc dờn réo ngọc
 Với bức tranh châu chuốt nét thanh cao
 Là những bài thơ, nỗi tình cảm xúc
 Của lòng ta và của bạn Ly-Tao.
 Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! — Ta buồn lắm !
 Đem lại đây ánh hương hoa say đắm,

Dem lại đây làn sương gió mơn màng,
 Dem lại đây, cùng với điệu du dương,
 Những tiếng khóc than hay lời cảm khái
 Đề lòng ta thôi đừng khô héo mãi !
 Đề cho ta khi ngắm nắng, trông hoa.
 Khi đứng bên hồ đón gió đưa qua,
 Ta được thấy ánh lòng ta rung động.
 Ta được thấy hồn thơ ta gợn sóng,
 Thấy miệng cười bạn tiên tử yêu kiều
 Và cùng ai chung giấc mộng cao siêu.

*

Đêm mưa gió

Tặng Đỗ Đức Thu

Ta vừa đắm trong giấc mơ ghê tởm :
 Vừa buông tay ôm ấp gái giang hồ.
 Dầy xác thịt, dầy tâm hồn còn lợm
 Vội chán chường tràn lấn thú cạy chua.
 Mặc tấm thân lửa lờ say mệt ngủ,
 Ta ngồi, đắm nghe ngóng tiếng đêm sâu ;
 Trên mái ngói cả một trời mưa gió
 Vẫn sục sùi dai dẳng suốt canh đầu.
 Suốt canh đầu, đồng hồ treo bức vách
 Thông thả đưa, thông thả đếm từng giây,
 Rành rọt điềm trong lòng ta tịch mịch
 — Trong lòng ta u tối gió mưa bay.
 Ta ngồi đó ; mặt van lơn tha thiết
 Thăm kêu xin Buồn Nản tránh xa đi ;
 Gọi khiêu khích, chúi vào trong mãi mãi,
 Đề cho lòng tìm lại chút dè mê.

*Nhưng đau đớn ! — Tâm hồn ngao ngán quá
 Thú vui tàn. — Mà giá ngất như băng,
 Trái tim mới, không huồn sôi nổi nữa.
 — Ngoài đêm khuya mưa gió vẫn không ngừng...*

*

Ma túy

*Khói huyền lên, khói huyền lên...
 Mắt say đậu ở ngọn đèn dần lú.
 Tưởng bầu mây gió hư vô,
 Tưởng vừng trăng lạnh mờ hồ dâu dâu.
 Ở đâu ta ở chốn này
 Nằm trong Hờ hững gối tay Vô-tình.
 Nhỏ to hạn hữu quạnh mình
 Trông ra vẫn có một hình như không.
 Ưu tư rời bỏ cõi lòng
 Hình hài thoát chúc bình bồng phiêu dao
 Dật dờ trí thấp hồn cao
 Thoáng qua ngàn cánh áo đào thiên tiên.
 Khói huyền lên... khói huyền lên...
 Mộng pha hơi tía hơi huyền trong mây
 Bầu trời nồng ngát hương ngây
 Kia trông trong đám trong say muôn hình.
 Lung linh vàng dọi cung Quỳnh
 Nhịp nhàng biến hiện những hình Tiên nga
 Chập chờn gần tưởng như xa
 Ngọc reo muôn khúc đàn ca muôn lim.
 Hàng châu lặng lẽ rơi chìm
 Dưới hồ trong vắt. Bên thềm đắm đắm*

*Hai cô lá lướt nghiêng nằm
Hai cô đứng thấp hương trầm hai bên.*

*

*Khói huyền lên... khói huyền lên
Thuyền trôi lững thững : Đào-nguyên đâu rồi ?*

*

T r ư a

*Đường nắng. Trong dâu tiếng nói cười.
Bay ra, rộn rã ghẹo hên tai
Ngừng chân, rẽ lá tìm. Im phắc :
Vàng rọi lúa thừa, chẳng thấy người.*

Thế - Lữ



NGUYỄN NHƯỘC PHÁP

(1914 — 1938)

NGUỖYỄN NHƯỖC PHÁP sinh ngày 12-12-1914, tại Hà-nội (Bắc-phần). Ông là con trai của học giả tên tuổi : Nguyễn văn Vĩnh. người có công rất nhiều đối với nền văn học đất nước trong giai đoạn chuyển mình giữa cũ và mới, và là người chủ trương nhóm Đông-dương tạp chí.

Ông đã từng theo học tại trường Trung-học Pháp Albert Sarraut Hà-nội ở Ban Trung học, sau khi đỗ bằng Tú tài Pháp, Nguyễn nhược Pháp theo ban Luật khoa tại trường Cao đẳng Hà-nội.

Nguyễn nhược Pháp bước vào làng thơ tiền chiến từ năm 1932 với tác phẩm đầu tiên Ngày xưa, xuất bản năm 1935 tại Hà - nội. Ngoài ra ông còn viết truyện ngắn, phóng sự, khảo luận và sáng tác kịch nữa. Năm 1936, Nguyễn nhược Pháp có cho xuất bản vở kịch mang tên Người học vẽ.

Nhờ ảnh hưởng ở thân phụ, Nguyễn nhược Pháp sớm

tham gia làng báo nước nhà từ khoảng năm 1933 ; ông cộng tác với nhiều tờ báo cả Việt lẫn Pháp ngữ, như :

- Hà-nội báo
- Đông-dương tạp chí (bộ mới)
- Tinh hoa
- L'Annam nouveau.

Mặc dù Nguyễn nhược Pháp góp mặt vào làng thơ chỉ vồn vẹn một tác phẩm duy nhất Ngày xưa, nhưng tác phẩm ấy đã gây được tiếng vang tốt đẹp trong lãnh vực thi ca tiên chiến. Ngày xưa của Nguyễn nhược Pháp đã tạo một sắc thái riêng biệt và đánh dấu một đường hướng mới lạ trong thời đại thơ mới, mà tiêu biểu nhất là hai bài được khách yêu thơ mến chuộng : Sơn-tinh Thủy-tinh và Chùa Hương.

Hai bài thơ này, Nguyễn nhược Pháp đã cho mọi người thấy ở ông có một nét độc đáo, đó là cái nhìn sâu rộng, một sức tưởng tượng phong phú, và tài thi-vị-hóa của ông ; thêm vào đó, đọc thơ Nguyễn nhược Pháp người ta thấy lâu lâu có những nụ cười tế nhị, duyên dáng, di dõm, những hình dáng ngộ nghĩnh, những màu sắc vui tươi. Có thể nói trong các thi nhân tiên chiến, Nguyễn nhược Pháp là một nhà thơ có cái cười ý nhị và tao nhã nhất.

Nhờ hấp thụ nhiều ảnh hưởng tốt đẹp ở phụ thân, học giả Nguyễn văn Vĩnh, nên Nguyễn nhược Pháp tỏ ra vô cùng xuất sắc trong lãnh vực văn chương ; từ viết báo, viết truyện ngắn, đến làm thơ, viết kịch, nhưng thơ là bộ môn ông thích nhất và cũng chính ở môn này đã tạo cho Nguyễn nhược Pháp một ngôi vị đáng kể trong lịch sử văn học đất nước.

Ngày 19 tháng 11 năm 1938, Nguyễn nhược Pháp qua đời sau bao ngày đau yếu tại bệnh viện Lanessan ở Hà-nội. Ông mất, thi đàn Việt-nam đành mất một thi tài đang hồi phát triển, tựa hồ trong đêm tối trời, bỗng loé lên một mảnh sao băng mang thir ánh sáng đẹp đẽ, rực rỡ vẽ lên nền trời rồi vụt tắt.

Người ta tin tưởng nếu Nguyễn nhược Pháp không vắn số, với lứa tuổi trẻ đang lên, tài năng đang hồi nảy nở, chắc

chả : thi đàn đất nước còn đông tiếp thêm nhiều tác phẩm trác tuyệt và giá trị khác của ông.



MÙA xuân năm 1935, làng thơ tiền chiến tiếp nhận một thi phẩm mang tên *Ngày xưa*. Tác giả là một thi nhân trẻ có cái tên xa lạ : Nguyễn nhực Pháp.

Nguyễn nhực Pháp đến làng thơ hồi ấy như một làn gió mang hương vị vui tươi, cởi mở ; tạo một đường hướng riêng cho mình. Với những vần thơ nhẹ nhàng, dễ mến, ý vị khiến người đọc cảm thấy thoải mái, vui tươi. Nguyễn nhực Pháp luôn cho ta nụ cười dí dỏm, nhưng sâu sắc và tế nhị.

Trong *Thi nhân Việt nam*, Hoài-Thanh Hoài-Chân, khi nói về Nguyễn nhực Pháp hai nhà phê bình đã viết như sau : « *Đọc thơ Nguyễn nhực Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng một người đương khúc khích cười. Nhưng, cái cười của Nguyễn nhực Pháp khác xa những lối bông lơn khéo chụm của các ông Tú, từ Tú-Xuất, Tú-Xương, đến Tú-Mỡ. Nó hiền lành và thản nhiên. Nội chữ cười ấy có lẽ cũng đủ cho nó có một địa vị trên thi đàn. Nhưng còn một điều này nữa mới thật đáng quý : với Nguyễn nhực Pháp nụ cười trên miệng bạc giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng.* »

Trong thi phẩm *Ngày xưa* Nguyễn nhực Pháp còn cho in mấy bức họa của thi sĩ kiêm họa sĩ Nguyễn Giang — anh ruột của ông — đi đôi với hai bài thơ mà người ta cho là hay nhất, đó là bài : *Chùa Hương* và *Sơn-Tĩnh Thủy-Tĩnh*, một làm theo lối ngũ ngôn và một, thất ngôn.

Khởi đầu bài thơ, Nguyễn nhực Pháp giới thiệu cái không khí ngày xưa của đất nước thanh bình trong thời vua Hùng-Vương :

*Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng-vương thứ mười tám,
Mỵ-nương xinh như tiên trên trần.*

Chỉ bốn câu đầu, tác giả đã hội tụ đủ yếu tố thời gian, không gian và những nhân vật muốn nói trong thơ. Đó là một điểm rất hay, nó không làm rườm rà câu chuyện. Sau khi giới thiệu bối cảnh, Nguyễn nhược Pháp tả vẻ đẹp của Mỹ-nương như sau :

*Tóc vành viển má hây hây đỏ,
Mặt nàng bé thắm như san hô,
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ.*

Với vẻ đẹp như thế cho nên nhiều người rắp ranh bắt sê, nhà vua cũng vì yêu con quá nên mong sao có được một chàng trai văn võ song toàn để chọn ngôi phò-mã :

*Hùng-vương thường nhìn con yêu quá,
Chắp tay ngàng lên trời tạ ân ;
Rồi cười bảo xứng ngôi phò-mã,
Trừ có ai ngang vị thần nhân.*

đó chỉ là điều mơ ước, nhưng :

Hay đâu thần tiên đi lấy vợ !

Những thần ấy chính là Sơn-Tinh và Thủy Tinh. Hai vị thần này chỉ là những nhân vật tưởng tượng theo truyền thuyết có tính cách thần thoại, không ai biết hình dáng như thế nào cả, Nguyễn nhược Pháp cho ta thấy như sau :

*Sơn-Tinh có một mắt ở trán,
Thủy-Tinh râu ria quăn xanh rì.*

Thật nhà thơ có khác, ông đã mô tả hình dáng người hùng cách độc đáo, một người có một mắt ở trán và một thì râu ria quăn xanh rì, thật uy nghi, đường bệ, không ai kém ai. Nguyễn nhược Pháp đã khéo cấu tạo nhân vật và mô tả sống thực khiến người đọc có cảm giác như chính tác-giả đã thấy được Sơn-Tinh, Thủy-Tinh và tả lại làm cho câu chuyện trở nên có hồn và lý thú.

Hai thần nhân đã có dị tướng ắt phải có dị tài, nên

Hùng-vương phân vân không biết kén chọn ai ở ngôi phò mã, tác giả có những câu di dỏm như :

*Nhưng có một nàng mà hai rề,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !*

nhên khiến :

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước.

Đến phương cách di chuyển của hai vị thần cũng tỏ ra về oai vệ :

*Một thần phi bạch hồ trên cạn,
Một thần cười lưng rồng uy nghi.*

Đã đến một cách bề-vệ, oai nghi như thế, thì ít ra các thần cũng phải có một cái gì chớ, thì đây :

*Thủy-Tinh khoe thần có phép lạ,
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bất quyết hồ mây to nước cả,
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.
Ào ào mưa đổ xuống như thác.
Cây xiêu, cầu gãy, nước hồ reo.
Lặn, cuốn, găm, lay, tung sóng bạc,
Bò, lộn, và cột nhà trôi theo.*

Khi thần nhân đã yêu thì cũng biết khoe tài và làm đáng cốt đề lấy oai cùng người đẹp, khiến giai nhân phải :

Mỵ-nương ôm Hùng-vương kinh hãi.

nhưng :

Sơn-Tinh cười, xin nàng đừng lo.

rồi như đề trấn an người đẹp cùng đức vua cha, Sơn-Tinh vội :

*Vung tay niệm chú : Núi từng dất,
Nhà lớn, đời con lồm ngồm bò.*

Thật là khôi hài, trào phúng không sao nín cười được ; nhưng cũng đáng buồn phiền thay, chỉ vì một tí điệu võ

đương oai của các thần mà đến nỗi « bò, lợn, và cột nhà trôi theo ».

Tuy nhiên, bù lại được chứng kiến một đám cưới kỳ lạ chưa từng có trong 17 đời vua trước. Lễ vật quá trọng hậu, mà chàng rề thì...

*Sơn-Tinh ngồi bạch hồ đi đầu,
Mình phủ áo bào hồng ngọc dát,
Tay ghì cương hồ, tay cầm lau.
Theo sau năm chục con voi xám
Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều,
Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh,
Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*

và lại càng không thể không ngợp mắt trước anh chàng rề hột Thủy-Tinh dẫn cả một đoàn quân đi cưới vợ :

*Thủy-Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
Yên gấm tung dài bay đỏ choé.
Mình khoác bào xanh da trời quang,
Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai.
Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
Trước thành tấp tễnh đi hàng hai.*

Hình ảnh một đám cưới kỳ quái, Nguyễn nhược Pháp tạo ra cái cười lý thú.

Khi tả cuộc tranh hùng của hai đoàn quân, tác giả đã dàn trận phía « thủy quân » (Thủy-Tinh) :

*Sóng cả gầm reo lẫn như chớp,
Thủy-Tinh cười lưng rồng hung hăng.
Cá voi quất mõm to muốn dớp,
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng,
Càng cua lồm chồm giơ như mác;
Tôm kền chạy quắp đuôi xôn xao.*

và phía « lục quân » (Sơn-Tinh) cũng vội :

.

*Hoa tay thần vẩy hùm, voi, háo
 Đuôi quắp, nhẹ nanh, giờ vượt đồng,
 Dập long đất núi, gầm xông xáo,
 Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.
 Mây đen hăm hờ bay mù mịt,
 Sấm ran, sét động nồ loè xanh*

Trình bày hai thế trận trên, tác giả cho ta thấy ngay sự kém thế của Thủy-Tinh :

Tôm kễnh chạy quắp đuôi xông xáo.

chứng tỏ sự dao động tinh thần của binh tôm. Rồi đến khi tướng cá thấy « mây đen hăm hờ bay mù mịt ; sấm ran, sét động nồ loè xanh » khiến binh tướng đều kinh hãi :

*Tôm cá xưa nay im thin thít
 Mở quát mồm to kêu thất thanh.*

Tuy nhiên, phải kể đây là một mặt trận khó đánh, vì chiến địa đã tước đoạt hết những gì sở trường của binh tướng. Như ta đã thấy, thủy binh mà lên cạn thì nó vụng về làm sao :

Theo sau cua đỏ và tôm cá.

.

Khập khiễng hò lê trên đất lạ.

Trước thành tấp tênh di hàng hai.

rồi chúng ta nghĩ đến cái luộm thuộm của « bộ binh » hò, beo v.v... khi phải giáp trận thủy chiến.

Bởi thế, câu chuyện tình của hai vị thần nhân này cứ dần co mãi mà không giải quyết được, cho nên :

*Thủy-Tinh năm năm dâng nước bề,
 Đục núi hò reo đòi Mỵ nương,
 Trăn gian đâu có người dai thế,
 Cùng hời thần yêu nên khác thường.*

Ngoài những đoạn thơ mang nụ cười tinh nghịch, hóm

hình như vừa nêu, thỉnh thoảng tác giả đệm vào vài câu diễn tả tình cảm lâm ly của một Mỵ-nương còn bịn rịn với cha già trước cảnh chia ly :

Thương người, thương cảnh, xót lòng đau.

Nhìn quanh, khối tỏ buồn man mác,

Nàng kêu : « Phụ vương ôi ! Phong-châu ! »

Đúng là ba tuyệt cú, nó như ba viên ngọc tỏa ra một thứ ánh sáng huyền diệu đã khiến chúng tôi nhớ đến Lưu-trọng-Lưu, cũng một người con gái ra đi lấy chồng, xúc động khi nhìn sông bằng nhớ bến nước xưa :

Có cô dâu mới nhìn sông nước

Sực nhớ quê nhà giọt lệ tuôn.

(Diệu huyền — Thế-Lữ)

rồi đến cảnh cha thương con khi con đã đi rồi :

Hùng-vương mờ vịn tay bờ thành

Trông bụi hồng tuôn xa, xa lác,

Mất nhòa, lệ ngọc ngấn đầm quanh.

hoặc, như khi Sơn-Tinh đã rước Mỵ-nương, Thủy-Tinh uất hận :

Chân trời còn phẳng bóng người yêu,

Thủy-Tinh thúc rống đau kêu rú,

Vừa uất vì thương, vừa bời kiêu.

Cơ hết gân nghiến răng, thần quất :

— « Giết ! Giết Sơn-Tinh hả hồn ta ! »

Với bài thơ *Sơn-Tinh Thủy Tinh*, Nguyễn nhưộc Pháp đã thành công mỹ mãn trong lãnh vực thi ca thuộc khuynh hướng trào phúng, mà ý vị vô cùng.

Trong *Thi-nhân Việt-nam*, Hoài-Thanh đã xếp Nguyễn nhưộc Pháp vào khuynh hướng trào lộng, đồng thời cũng kể là nhà thơ trào phúng độc nhất trong tác phẩm phê bình văn học này. Điều đó không lạ và cũng không có gì quá đáng.

Ngoài nụ cười hóm hỉnh, Nguyễn nhực Pháp chứng tỏ là một nhà thơ tình cảm có chân tài, trong các bài như *Một buổi chiều xuân* và *Chùa Hương*.

Trong loại thơ tả tình, tả cảnh, Nguyễn nhực Pháp dùng chữ thật nhẹ, không rườm rà, tránh sáo ngữ, dễ hiểu nhưng không phải vì đó mà lời văn trở nên nhạt, ngược lại ở các bài thơ tả tình, tả cảnh, ông diễn tả một cách tự nhiên, đượm một tình cảm chân thành.

Đây, hãy nghe Nguyễn nhực Pháp tả một buổi chiều xuân :

*Hôm đó buổi chiều xuân,
Trông mây hồng bay vân,
Liền gập pho kinh sử,
Lững thững khỏi lầu văn.*

*Đường leo, nhà lom khom,
Mái xanh, tường rêu mòn.
Ta nhìn ngâm nga đọc,
Câu đối cửa màu son*

.

*Ó, vườn bao nhiêu hồng !
Hương nghi ngút đầu bông.
Lầu xa tô mái đỏ,
Uốn éo hai con rồng.*

và đây cảnh con đường mòn lên Chùa Hương :

*Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.*

cảnh một ngày hội Chùa :

*Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khỉ ngồi,
Tới núi con Voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.*

*Chùa lấp sau rừng cây,
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.*

rồi đến hình dáng một người con gái đang độ trưởng thành :

*Khăn nhỏ đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào.
Quần lĩnh áo the mới :
Tay cầm nón quai thao.*

với lứa tuổi đôi mươi, tình xuân phơi phới, người con gái bao giờ cũng nuôi nhiều giấc mơ :

*Mơ xa, lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm ?*

và rồi người mà nàng mơ ước đã đến :

*Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.*

*Người râu thanh lệ thường !
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương ?*

Người mộng đã đến đây rồi, lòng người con gái bắt đầu xao xuyến chuyện yêu thương ; rồi nàng cảm thấy thẹn thùng, làm dáng :

*Thuyền đi. Bến Dục qua
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói :
« Nam mô A-Di-Đà ! »*

và khi đã biết thẹn thùng, làm dáng, người con gái đâm ra lo sợ người trai trẻ ấy chê khen, nên mọi cử chỉ đều được kiểm điểm :

*Em đi, chàng theo sau,
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp.
Số gian nan không giàu.*

Nguyễn nhược Pháp tỏ ra rất sành tâm lý nên cấu tạo nhân vật chặt chẽ, từ những hành vi nhỏ nhất của người con gái cũng như chàng trai, ông đều khai thác đúng mức:

Từ giấc mơ của người con gái :

*Em mơ, em yêu đời,
Mơ nhiều... viết thể thôi,
Kéo mà ai xem thấy,
Nhìn em đến nực cười !*

đến nỗi vui mừng của nàng khi gặp người thích hợp :

*Em ư ? em không cầu
Đường vẫn thấy đi mau,
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu).*

rồi nàng lại lo sợ ngày vui sắp tàn :

*Me vui mừng hả hê :
« Tặc ! con đường mà ghê !
Thầy kêu : « Mau lên nhé !
Chiều hôm nay ta về. »*

*Em nghe bỗng rụng rời !
Nhìn ai luống ghen lời.
Giờ vui, đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi !*

nên vội vã nàng tìm một cái gì để lưu niệm :

*Em tìm hơi chàng thờ,
Chàng ơi ! chàng có hay ?*

và quyết gán bó :

*Yêu nhau, yêu nhau mãi !
Đi, ta đi, chàng ôi !*

*Ngun ngút khói hương vàng !
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Trời, Phật
Sao cho em lấy chàng.*

Đề kết luận, chúng tôi có thể nói, bây giờ nếu cho rằng Nguyễn nhưộc Pháp là một nhà thơ độc đáo nhất hay bất tử thì cũng có thể quá sớm. Nhưng thời gian sẽ chứng minh điều đó, bởi vì ngoài Nguyễn nhưộc Pháp, có lẽ thi đàn Việt-nam khó tìm gặp nụ cười duyên dáng, hiền lành và ngộ nghĩnh như thế.

(Ấn bản kỷ nhì 25-4-1968)



Chi tuyến

Sơn-Tinh Thủy-Tinh

Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng-vương thứ mười tám,
Mỵ-nương xinh như tiên trên trần...
Tóc xanh viền má hây hây đỏ ,
Miệng nàng hé thắm như san hô,
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ :
Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.
Hùng-vương thường nhìn con về quá,
Chấp tay nâng lên trời tạ ân ;
Rồi cười bảo xứng ngôi phò mã
Trừ có ai ngang vị thần nhân
Hay đầu thần tiên đi lấy vợ !
Sơn-Tinh, Thủy-Tinh lòng tơ vương,
Không quản rừng cao sông cách trở,
Cùng đến Phong-châu xin Mỵ-nương.
Sơn-Tinh có một mắt ở trán,
Thủy-Tinh râu ria quăn xanh rì.
Một thần phi bạch hồ trên cạn,
Một thần cười lưng rồng uy nghi.
Hai thần bên cửa thành thi lễ,
Hùng-vương âu yếm nhìn con yêu.
Nhưng có một nàng mà hai rề,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !
Thủy-Tinh khoe thần có phép lạ.
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,

Bất quyết hồ mây to nước cả,
 Dậm chân rung khắp làng gần quanh.
 Áo ào mưa đổ xuống như thác,
 Cây xiêu, cầu gãy, nước hồ reo,
 Lăn, cuốn, găm, lay, tung sóng bạc,
 Bò, lộn, và cột nhà trôi theo.
 Mỵ-nương ôm Hùng-vương kinh hãi,
 Sơn-Tinh cười, xin nàng đừng lo !
 Vung tay niệm chú : Núi từng dải,
 Nhà lớn, đôi con lồm ngồm bờ.
 Chạy mưa. Vua tùy con kén chọn.
 Mỵ-nương khép nép như cành hoa :
 « Con đây phận đào tơ bé mọn,
 Nhân duyên cúi đê quyền mẹ cha. »
 Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
 Rồi bảo mai lửa hồng nhuộm sương,
 Lễ vật thần nào mang đến trước,
 Vui lòng vua gả nàng Mỵ-nương.

•

Bình minh má ửng đào phơn phớt,
 Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.
 Ngọn liễu chim vàng ca thánh thót,
 Ngự giá Hùng-vương lên mặt thành.
 Mỵ-nương bên lầu son tựa cửa,
 Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng.
 Cánh nhạn long lanh vờn ánh lửa,
 Mê nàng, chim gần lưng trời đông,
 Rừng xanh thả mây đào man mác,
 Sơn-Tinh ngồi bạch hồ đi đầu.
 Minh phủ áo bào hồng ngọc dát,
 Tay ghì cương hồ, tay cầm lau.

Theo sau năm chục con voi xám
 Hực hắc, lưng cong phủ gấm điều,
 Tái bạc, kim cương, vàng lấp lánh,
 Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.
 Hùng-vương trên mặt thành liễu rủ,
 Hớn hờ thần trống, thoáng nụ cười,
 Thần suốt đêm sao dài không ngủ,
 Mây ngài, mắt phượng vẫn còn tươi.
 Sơn-Tinh đến lạy chào bên cửa,
 Vua thân ngự đón nàng Mỵ-nương.
 Lầu son nàng ngồi trông lẫn lửa,
 Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.
 Quỳ lạy cha già lên kiệu bạc,
 Thương người, thương cảnh xót lòng đau.
 Nhìn quanh, khối tòa buồn man mác,
 Nàng kêu : « Phụ-vương ôi ! Phong-châu ! »
 Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoăn thoắt,
 Hùng-vương mơ vịn tay bờ thành,
 Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắc,
 Mất nhòa lệ ngọc ngấn đầm quanh ..

Thoảng gió vù vù như gió bèo,
 Thủy-Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
 Yên gấm tung dài bay đỏ choé,
 Mình khoác bào xanh da trời quang.
 Theo sau cua đỏ và tôm cá,
 Chia đội năm mươi hòm ngọc trai.
 Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
 Trước thành tấp tênh di hàng hai.
 Hùng-vương mặt rồng chau ủ rũ,
 Chân trời còn phảng bóng người yêu,
 Thủy-Tinh thúc rồng đau kêu rú,

Vừa uất vì hương, vừa bời kiêu.
 Co hết gân nghiến răng, thần quát :
 — « Giết ! Giết Sơn-Tĩnh bỏ hồn ta ! »
 Tức thời nước sủi reo như thác,
 Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa.

Sơn-Tĩnh đang kèm theo sau kiệu,
 Áo bào phơ phất nụ cười bay
 (Vui chỉ mê ai xinh mới hiều)
 Thần trông kiệu nhỏ hồn thêm say.
 Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
 Bạch hồ dừng chân, lùi, vênh tai.
 Mỵ-nương tung bức rèm đỏ thắm,
 Sơn-Tĩnh trông thấy càng dương oai
 Sóng cả găm reo lẫn như chớp,
 Thủy-Tĩnh cười lưng rộng hung hăng,
 Cá voi quác mõm to muốn đớp,
 Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng,
 Càng cua lờm chờm giơ như mác,
 Lôm kềnh chạy quấp đuôi xôn xao.
 Sơn-Tĩnh hiểu thần ghen, tức khắc
 Niệm chú, đất này vù lên cao.
 Hoa tay thần vẩy hùm, voi, báo.
 !Đuôi quấp, nhe nanh, giơ vuốt đồng,
 Đạp long đất núi, găm xông xáo,
 Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.
 Mây đen hăm hờ bay mù mịt,
 Sấm ran, sét động nồ loè xanh.
 Tôm cá xưa nay im thin thít,
 Mở quác mõm to kêu thật thanh.
 Mỵ-nương kinh hãi ngồi trong kiệu,
 Bỗng chợt nàng kêu, mắt lệ nhòa.

(Giọng kiêu hay huân không ai hiểu,
Nhưng thật dễ thương.) : « Ôi ! vì ta ! »

Thủy-linh năm năm dâng nước bề,
Dục núi hò reo đòi Mỹ-nương.
Trần gian đâu có người dai thể,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường !

(4-1933, tập thơ Ngày xưa)

*

Chùa Hương

Tiên ký sự của một cô bé

Hôm nay đi Chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương.
Cùng thầy me em dậy,
Em vẫn đầu soi gương.

Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào ;
Quần lĩnh áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.

Me cười : « Thầy nó trông !
Chân đi đôi dép con,
Con tôi xinh xinh quá !
Bao giờ cô lấy chồng ? »

Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm,
Nhờ mới mai đưa tiếng,
Khen tươi như trắng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm !
(Ý đợi người tài trai).

Em đi cùng với mẹ.
Mẹ em ngồi cấy tre,
Thầy theo sau cười ngựa,
Thắt lưng dài dò hoe.

Thầy mẹ ra đi dò,
Thuyền mấp mênh bên bờ :
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh bướm lơ nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm ?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.

Người râu thanh lệ thường !
Tướng mạo trùng phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương ?

Chàng ngồi bên mẹ em,
Mẹ hỏi chuyện làm quen :
« Thừa thầy di chùa ă ?
Thuyền đông, trời ôi, chen ! »

Chàng thưa : « Vâng, thuyền đông ! »
Rồi ngắm trời mênh mông,
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn phớt ánh mây hồng.

Dòng sông nước đục lờ.
Ngâm nga chàng đọc thơ.
Thầy khen : « Hay ! Hay quá ! »
Em nghe rồi ngẩn ngơ.

Thuyền đi. Bến Đục qua,
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói :
« Nam vô A-Di-Đà » !

Kéo rât xuôi dĩa quanh.
Ven bờ, ngọn núi xanh.
Nhịp cầu xa nhỏ nhỏ.
Cảnh đẹp gần như tranh.

Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khí ngời.
Lối núi con Voi phục,
Có đủ cả dẫu dười.

Chùa lấp sau rừng cây,
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy,
Hơn một trăm ăn mây.

Em đi, chèo theo sau,
Em không dám đi mau,
Ngại chèo chèo hấp tấp,
Sợ gian nan không giàu.

Thầy me đến điện thờ,
Trầm hương khói tỏa mờ.
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lơ lơ.

Chen vào thật lấm còng.
 Thấy mẹ em lẻ xong,
 Quay về nhà ngang bảo :
 « Mai mới vào chùa trong. »

Chàng hai má đỏ hồng.
 Kêu với thằng tiều đồng
 Mang túi thơ bầu rượu :
 « Mai ta vào chùa trong ! »

Đêm hôm ấy em mừng.
 Mùi trầm hương bay lừng.
 Em nằm nghe tiếng mõ,
 Rồi chìm kêu trong rừng.

Em mơ, em yêu đời !
 Mơ nhiều... Viết thế thôi !
 Kẻo ai mà xem thấy,
 Nhìn em đến nực cười !

Em chưa tỉnh giấc nồng,
 Mây núi đã pha hồng.
 Thấy mẹ em sắp sửa
 Vàng hương vào chùa trong.

Đường mây đá cheo leo,
 Hoa đỏ, tím, vàng leo.
 Vì thương mẹ quá mệt,
 Sấn sức chàng đi theo.

Me bảo : « Đường còn lâu,
 Cứ vừa đi vừa cầu
 Quan-Thế-Âm Bồ-Iát
 Là tha hồ đi mau ! »

Em ư ? Em không cầu,
 Đường vẫn thấy đi mau.
 Chàng cũng cho như thế.
 (Ra ta hợp tâm đầu).

Khi qua chùa Giải oan,
 Trông thấy bức tường ngang,
 Chàng đưa tay lệ bút
 Thảo bài thơ liên hoàn.

Tấm tắc thầy khen : « Hay !
 Chữ đẹp như rồng bay. »
 (Bài thơ này em nhớ,
 Nên chắp chép vào đây)

Ồ ! Chùa trong đây rồi !
 Động thắm bóng xanh ngời.
 Gấm thêu trần thạch nhũ,
 Ngọc nhuộm hương trầm rơi.

Me vui mừng hả hê :
 « Tặc ! Con đường mà ghê ! »
 Thầy kêu : « Mau lên nhé !
 Chiều hôm nay ta về. »

Em nghe bỗng rụng rời
 Nhìn ai luống ghen lời !
 Giờ vui đời có vậy,
 Thoảng ngày vui qua rồi !

Làn gió thổi hây hây,
 Em nghe tà áo bay,
 Em tìm hơi chàng thở.
 Chàng ôi, chàng có hay ?

*Đường đây kia lên trời,
Ta bước tựa vai cười.
Yêu nhau, yêu nhau mãi !
Đi, ta đi, chàng ôi !*

*Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Trời, Phật
Sao cho em lấy chàng.*

(Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi
hai người lấy nhau, vì không lấy được
nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau
rồi là hết chuyện.)

(trích tập thơ *Ngày xưa*)

*

Một buổi chiều xuân

*Hôm đó buổi chiều xuân,
Trông mây hồng bay vân,
Liền gặp pho kinh sử,
Lững thững khỏi lâu văn.*

*Đường leo, nhà lom khom,
Mái xanh, tường rêu mòn.
Ta nhìn, ngâm nga đọc
Câu đối cửa màu son.*

*Phu khiêng kiệu ngằn ngơ
Thầy lại và thầy thơ
Ngồi xồm cười bên lọng
Trước cửa tòa dinh cơ.*

Cương da buộc thân cây,
 Vài con ngựa lác đầy,
 Nghênh đầu lên gập lá,
 Đạp chân nghiêng mình xoay.

Đi vui rồi vẫn vơ,
 Lầy dầy thức còn mơ.
 Lạc vào trong vườn rộng,
 Mồm vẫn còn ngậm thơ !

Ó ! Vườn bao nhiêu hững !
 Hương nghi ngút đầu bông.
 Lầu xa tô mái đỏ,
 Uốn éo hai con rồng.

Theo tiếng vàng thành tao,
 Bên giàn lý bờ ao,
 Một nàng xinh như liễu
 Ngồi ngắm bóng hoa đào.

Tay cầm bút đề thơ,
 Tì má hờn vẫn vơ,
 Nàng ngâm lời thạnh thót.
 Ai không người ngán ngơ !

Ta lặng nhìn hơi lâu
 — Nhưng thì giờ đi mau —
 Đứng ngay gần non bộ,
 Có ông lão ngồi câu.

Nàng chợt nghiêng thân ngã ;
 Thoáng bóng người xa xa,
 Reo kinh hoàng, e lệ,
 Đưa rơi cành bút hoa.

*Ta mơ chưa lại hồn,
Nàng lệ gút lầu son.
Vừa toan nhìn nét phượng,
Giấy thẹn bay thu tròn...*

Thiên ký sự của một thư sinh đời trước.
6-5-1933

Nguyễn nhữc Pháp

*

T a y n g à

*Đêm nay chờ trăng mọc,
Ngồi thần thơ trong vườn.
Quanh hoa lá róc rách,
Như đua bắt làn hương.*

*Ta ngồi bên tảng đá,
Mơ lều chiếu ngày xưa,
Mơ quan Nghè, quan Thám
Đi có cờ lọng đưa.*

*Rồi bao nàng yêu điệu
Ngáp ghé bay trên lầu,
Vừa leng keng tiếng ngựa,
Lệ gút tiên gieo cầu.*

*Tay vơ cầu ngũ sắc,
Má quan Nghè hây hây.
Quân hầu reo chuyền đất,
Tung cán lọng vừa quay.*

*Trên lầu mấy thị nữ
Cùng nhau khúc khích cười :
« Thưa cô đừng thẹn nữa,
Quan Nghè trông lên rồi ! »*

Cúi đầu nàng tha thướt,
 Yêu kiều như mây qua
 Mắt xanh nhìn man mác,
 Mím cười vẽ cảnh hoa.

Ta còn đang luyến mộng,
 Yêu bóng người vắn vơ ;
 Tay ngà ai phủ trán ?
 Hiu hắt ánh trăng mờ...

2-5-1934, tập thơ Ngày xưa

*

Giềng Trọng-Thủy

Đêm khuya, gió lốc, mây đen vẩn,
 Cỏ lứt gieo mình vực giếng thâm ;
 Trọng-Thủy nằm trên làn nước sủi.
 Tiếng mõ cầm canh xa âm thầm.

Phơ phớt hồn ma dóm lập loè.
 Cú rúc. Đàn dơi bay tứ bề.
 Răng rắc kêu như tiếng xương đập,
 Gió rền, quỷ khóc, lay cành tre.

Nhấp nhoáng xiên trời chớp toé xanh,
 Gầm ran sấm chuyền, mây bùng phanh.
 Mưa đập. Tù và rên vắng vắng,
 Hiệu lính tuần kêu trên mặt thành.

1-1935, tập thơ Ngày xưa

Mỵ - Châu

*Lấy thần chàng đổi móng
Lông ngỗng thiếp đưa đường.*

Nguyễn khắc Hiếu

I

*Đêm hôm gió khóc thồi ru cành :
Núi bạc âm thầm, bề uốn xanh.
Hiu hắt Mỵ-Châu nằm trắng phủ.
Ầm ầm sóng thăm vỗ vờn quanh.*

*Cát vàng le lối muôn hàng châu :
Long lanh trai tuyết nhìn canh thâu.
Thương ai sao biết thăm gieo lệ,
Sương mờ bay tỏa bạc ngàn lau.*

*Chân nàng hoa lả nhuộm màu sương
Vùng trắng lạnh lẽo, chim kêu buồn.
Thân gà tóc rủ vờn man mác,
Thiêm thiếp em chờ ai bên đường.*

II

*Bơ vơ Trọng-Thủy lạc rừng hoang,
Vời theo lông ngỗng rơi bên đàng ;
Đau lòng mắt nặng rừng đêm lạnh
Thoảng tiếng trắng thừa chen lá vàng.*

*Lấy thần trao móng, chàng đi xa.
Yêu nhau sao nỡ bạc nhau mà ?
Chàng đi — cho bao giờ gặp gỡ ! —
Phiên-ngung nước cũ lệ chan hòa.*

Nào lúc con thuyền sóng vỗ quanh,
 Hiu hiu mây thoảng đa trời xanh,
 Xiêm bay theo gió, hồn vợ vãn.
 Gương biếc nàng xưa êm tô hình.

Nào lúc chiều hôm vang lửa hồng,
 Chim bay tan tác, trời mênh mông.
 Lệ gót hài tiên nàng yêu điệu,
 Bên lầu tựa cửa cuốn rèm trông.

Nào lúc đêm thanh mờ bóng trắng,
 Nhìn mây nàng gọi tiếng dương cầm.
 Tóc liễu đua bay vờn múi ngọc,
 Lời ca thánh thót, chàng quên chẳng ?

Bơ vơ ngày cũ tường càng đau,
 Tìm trông phương nào, hỡi Mỵ-Châu ?
 Lòng ngổng cầm tay nhòa ánh lệ,
 Chàng đi man mác buồn, đêm thâu.

III

Thiêm thiếp ai bên đường, hỡi ôi !
 Chàng ôm khóc nghẹn chẳng ra lời,
 — Dầu nun mây bạc êm đêm phủ,
 Phơn phớt hồn em bay, ngậm cười...

1-1933, tập thơ *Ngày xưa*

Đi công

Lệ công thì phải chọn nho sĩ,
thầy thuốc, thầy bói, thầy toán
số và thợ thuyền mỗi hạng ba
người, cùng các đồ sản vật như
là sừng tê, ngà voi, đồi mồi,
châu bảo và các vật lạ.

Trần trọng Kim

*Núi cao, lửa hồng reo chói lọi,
Đỏ vàng cây cối um tùm xanh.
Khi loè nắng lóa, khi thâm tối,
Sườn non con đường mềm uốn quanh.*

*Hiu hắt cờ bay tua phơ phất,
Binh lính hò reo gầm吼 phương.
Núi đỏ, bao vàng, chân đậm đất,
Một toán đạp rừng um dẫn đường.*

*Mặc áo bào xanh, ngồi ngựa trắng,
Sứ nghe nhạc lác vang bên rừng.
Hai bên hai lọng vàng che nắng.
Trời, mây, trông non nước muôn trùng !*

*Mười xe bịt đồng, trâu mộp kéo,
Bành sắt khi kê lên sườn non,
Đá đỏ ăm ăm như sấm réo,
Gầm nháy xuống vực sâu kêu ròn.*

*Trên xe nào mâm vàng dát ngọc,
Châu báu, sừng tê và ngà voi ;
Hai pho tượng vàng đỏ dòng đục ;
Bào nạm kim cương, đai đồi mồi.*

Bình lính hò quanh hoa giáo mác
 — Vó tướng khua đao to lăm lăm —
 Hễ thấy đường chênh kề miệng thác,
 Bỏ giáo lên xe xoay bánh, vắn.

Thầy nho, thầy thuốc bên thềm bói,
 Thợ thêu, thợ chạm cùng thợ nề,
 Mỗi người đeo một cái khăn gói
 Đỏ, buồng cương ngựa theo gần xe.

Lúc ấy trời xanh không u ám,
 Dầu non không tờ mờ bóng sương,
 Làm sao họ âu sầu thăm dạm ?
 Buồn thay ! người cố quận tha lương.

Xe đi mỗi lúc một thêm khó.
 Hàng trâu hồ dớt rên vang lừng ;
 Những con trăn xám vắng như gió,
 Quật đuôi đề gãy bẹp cây rừng.

Sứ bỗng nhìn quanh buồn ủ rũ ;
 Xa xa ngọn cờ vàng phất phơ !
 Vợ con ở chân trời mây phủ,
 Hẳn đang nhìn bóng nhận mong chờ...

Hỡi ai đi thần thơ miền núi !
 Nhìn ngọn cây xanh gió thổi ào,
 Tưởng lại cờ xưa vàng chói lọi,
 Nên yêu người cũ hồn trên cao.

10-3-1933, tập thơ Ngày xưa

M ỹ - ê

*Buồm nhô rẽ sóng, Mỵ mơ màng,
Tay cuốn mền hoa, khóc gọi chàng.
Thân liễu gieo đưa chìm vực biếc,
Lời thương bay lãnh động rừng vang.
Hoa trôi. Thành cũ vườn mây lửa,
Lau gợn. Chùa cao giờ tiếng vàng
Ủ lệ, tay ngà ôm ngực huyết,
Mỵ vờn theo sóng dạt bờ hoang.*

5-1933, tập thơ Ngày xưa

*

Nguyễn thị Kim khóc Lê Chiêu-Thông

Triều Lê-quí có nàng tiết liệt

*Nhà tan, nước mất, chàng đi thôi.
Thiếp nén lòng đau khóc nghẹn lời,
Chậm bước đành nương mình bóng Phật ;
Màng tin trông ngóng nhận chân trời.
Chuông đồng cảnh vắng, hồn mơ sáng,
Trắng lạnh, đêm sâu, cú dồ hồi.
Iê thảm, chàng đi, về có vậy !
Thiếp chờ ơ nữa ? Hời chàng ôi !*

30 12-1932, tập thơ Ngày xưa

*

Mây

*Người xưa mơ, nhìn mây
Đen, đỏ, vàng đưa bay,
Khi thấy nhiều ma quỷ,
Lời than trời lung lay ;*

*Khi thấy hồn người thân,
— Nhìn mây lệ khôn cầm ! —
Trên bầu xe tứ mã,
Tiếng bánh lăn âm thầm ;*

*Khi thấy muôn nàng tiên
— Lồng lộng màu thanh thiên ! —
Véo von trâm tiếng địch,
Lửa hồng vờn áo xiêm.*

*Ngày nay ta nhìn mây,
Mây đen luống gió lay,
Hồn xưa tìm chẳng thấy
Tóc theo luống gió bay...*

25-1-1934, tập thơ Ngày xưa



NGUYỄN - BÌNH

1919 — 1966

N GUYỄN - BÌNH tên thật là Nguyễn bình Thuyết, sinh năm 1919 tại làng Thiện - vịnh, huyện Vụ-bán, tỉnh Nam-định (Bắc-phần).

Thuở nhỏ ông không học ở trường, chỉ học ở nhà với cha và cậu.

Ông bước chân vào thi đàn Việt-nam khoảng năm 1935-1936.

Năm 1937, Nguyễn-Bình được tặng Giải Khuyến khích về thơ của Tự lực văn đoàn.

Nguyễn-Bình làm thơ từ 13 tuổi ; đến năm 22 tuổi đã làm được trước sau gần một ngàn bài.

Các thi phẩm được xuất bản gồm có :

— Lỡ bước sang ngang (Lê Cường Hà-nội, 1940)

— Tâm hồn tôi (Lê Cường Hà-nội, 1940)

— Hương cổ nhân (Á-châu Hà-nội, 1941, tập thơ để ghi lại kỷ niệm giữa Nguyễn-Bình và cô Anh-Thơ tên thật là Hương)

— Bóng giai nhân (kịch thơ)

Ngoài ra, tác phẩm Một ngàn cửa sổ và Mây Tần chưa xuất bản.

Nguyễn-Bình còn một tập truyện dài bằng thơ lục bát, — ông cho rằng sẽ dài hơn Truyện Kiều — mang tên Thạch xương bồ, ông thích ba chữ đó vì khi thấy nữ sĩ Mộng-Tuyệt nấu nước lá thạch xương bồ để tắm gội vào tiết Đoan-ngọ, theo tục lệ ở Hà-tiên. Tác phẩm Thạch xương bồ khi viết được khoảng ba trăm trang, Nguyễn-Bình nổi khi giảng hồ, là bỏ Nam-phong tiêu các cửa thi sĩ Đông-Hồ ở Hà-tiên, tác phẩm vì thế mà dở dang.

Thời tiền chiến, Nguyễn-Bình được kể là một trong những nhà thơ lớn, chiếm ngôi vị vững chắc trong làng thơ mới.

Thơ Nguyễn-Bình cho ta thấy sắc thái mang nặng một nỗi buồn gần như bất tận. Hầu hết thi phẩm của Nguyễn-Bình đều có âm điệu trầm buồn, nhẹ nhàng, man mác, như thương tiếc xa xôi; những hình ảnh đau thương, hối tiếc, phân ly v.v... Tất cả tâm trạng của con người và mọi khía cạnh của cuộc đời đều được Nguyễn-Bình đề cập và thi vị hóa một cách tài tình. Có người coi thơ Nguyễn-Bình là « điển hình của một chàng trai quê mùa (thơ rất gần với ca dao), một gã sĩ tình lãng mạn, một tay phong đăng giang hồ, một chiến sĩ, một người bị vỡ mộng khi thấy lý tưởng mà mình theo đuổi trong nhiều năm bị phản bội phủ phàng. »

Thơ của ông rất hay, được đại chúng biết nhiều nhất, nhưng có lẽ tài bất thắng thời nên cuộc đời Nguyễn-Bình lặn dần, lao đao, trôi nổi rày đây mai đó trên kiếp giang hồ.

Nguyễn-Bình sinh trưởng ở miền Bắc, nhưng lại sống rất nhiều năm tại miền Nam; và miền Nam đã tạo cho Nguyễn-Bình những hình ảnh đẹp, những kỷ niệm khó phai. Ông đã từng sống ở Kiên giang (Rạch-gia cũ) với thi sĩ Kiên-giang Hà

huy Hà ; trong khoảng thời gian này đã tạo ra những « giai thoại thi ca ». (1)

Nguyễn-Bính là một nhà thơ yêu nước. Ông gia nhập phong trào chống Pháp vào khoảng năm 1946-1947. Ông khởi xướng việc thành lập Đoàn Văn hóa Cứu quốc tỉnh Rạch-giá, và cho ra mắt Tập thơ yêu nước sau khi vào chiến khu chĩnh vài tháng. Những bài thơ loại yêu nước chúng tôi trích ở phần sau đều ghi theo trí nhớ của nhà văn Sơn-Nam, bạn của Nguyễn-Bính. Tuy nhiên, loại thơ chiến đấu đối với Nguyễn-Bính dường như là món ăn không « hợp khẩu », nên sáng tác của ông không làm sao người ta quên những hồn thơ cùng loại, của Hoàng-Cầm, Hữu-Loan, Quang-Dũng... Nói chung Nguyễn-Bính không thành công ở khía cạnh này vì hoàn cảnh đã giết chết hồn thơ.

Thời kỳ kháng chiến, Nguyễn-Bính bị quân Pháp bắt giam cầm khá lâu. Đến khi ký kết Hiệp-dịnh đình chiến, với phong trào tập kết ra Bắc, Nguyễn-Bính cũng không tránh khỏi. Sau vụ án Nhân văn giai phẩm, ông bị loại ra khỏi thành phần văn nhân miền Bắc và bị xem như kẻ có tội.

Cuối cùng, Nguyễn-Bính sống lấy lắt trong niềm tủi nhục và qua đời vào ngày 20 tháng 1 năm 1966 sau cơn bạo bệnh.

Nguyễn-Bính mất vừa đúng 47 tuổi ; thế là từ đây trên thi đàn đất nước vĩnh viễn mất Bính — mất một nhà thơ lỗi lạc của đau thương, của thế giới u buồn.

Cuộc đời của Nguyễn-Bính đã di dung như thơ của ông :

Bao nhiêu đau khổ ngần này tuổi

Chết cũng không oan, yêu nỗi gì.



(1) Xin xem ở phần Cuộc đời của Nguyễn-Bính thi trong khối lời chiế: cính.

TRONG những năm từ 1934 đến 1937, thời kỳ cực thịnh của nền thi ca tiền chiến, nếu nói đến những nhà thơ xuất sắc của thế hệ này, người ta nghĩ ngay đến Nguyễn-Bính.

Thật vậy, Nguyễn-Bính đã tìm cho mình một hướng đi dị biệt, tạo cho mình một địa vị vững chắc, một chỗ đứng có hạng trên thi đàn. Ngôi sao của Nguyễn-Bính vừa mọc là sức sáng chói chang cả khung trời nghệ thuật.

Khác với Xuân-Diêu, Huy-Cận hay Hồ-Dzếnh bộc lộ tâm tình qua tự nhiên như người Tây-phương, ca tụng, mời mọc tình yêu, cổ vũ sự khao khát ái tình, đề cao yêu thương thêm muốn, lãng mạn đến một cao độ. Nguyễn-Bính cũng không giống một Lưu Trọng Lư mơ tình trong cõi mộng, huy hoàng, diễm ảo thì có, nhưng nó xa vắng, mông lung, tình yêu chấp chờn hư hư thực thực trong thơ. Ngược lại Nguyễn-Bính đã dành hết tâm tình mình cho những cõi lòng của các cô gái mộc mạc trong nếp sống cổ xưa, bối rối, băng khuâng trước tình yêu tha thiết mà không dám cương mệnh hoặc phá vỡ nề nếp cũ; rụt rè, e ngại trước bức tường đạo lý đề rỗi tình duyên lỡ nhịp, chỉ còn biết thở than, rên rỉ. Nguyễn-Bính cảm thông được nỗi niềm và đã ký thác vào dòng thơ của mình nỗi buồn thâm kín, vắng vặc, nó không da diết, không quá bị thương, nó là một thứ trầm buồn rười rượi như tiếng chày nện nhịp đều đều trong những đêm khuya.

Từ hình ảnh một cô gái đến tuổi trưởng thành ngày khoác chiếc áo hoa về nhà chồng, nàng đau khổ xót xa, lo lắng cảnh nhà mẹ yếu, cha già, đàn em thơ dại, bỏ lại lưng cái, cánh đồng mà nơi đó nàng đã ghi lại bao nhiêu kỷ niệm êm đềm...; qua những buổi chia ly trên sân ga nào đó, với cảnh vợ tiễn chồng ra miền quan tãi, mẹ già gặt nước mắt lia con; cho đến hai kẻ yêu nhau nhưng tình không trọn vẹn, cảnh trạng thương tâm của người thiếu phụ lỡ duyên, khóc dơi góa bụa. than cảnh lỡ làng, một người yêu không bao giờ dám nói đề rỗi cuối cùng người mình yêu vĩnh biệt

cõi đời, những mối tình tuyệt vọng, dở dang, v.v... là chất liệu của hồn thơ Nguyễn-Bình.

Các tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn-Bình là *Lỡ bước sang ngang*, *Hương cố nhân* và *Một ngàn cửa sổ*.

Thi phẩm *Lỡ bước sang ngang* có chừng 30 bài thơ và thi bản *Lỡ bước sang ngang* lại là tên của bài thơ dài và hay nhất của ông, mang tâm sự của người con gái 17 tuổi trước khi đi lấy chồng, dặn dò em gái ở lại trông nom nhà cửa, mẹ cha. Thế rồi mấy năm sau duyên tình gãy đổ, nàng đành sống cảnh góa bụa khi tuổi mới nửa chừng xuân. Cuộc đời tưởng đâu dừng ở đó, nhưng tình yêu lại đến, nàng tiến thêm bước nữa bên cạnh một chàng trai nghệ sĩ. Nàng đã sống qua những giờ phút thần tiên với người tình mới, nhưng định mệnh khắt khe, chàng cũng ra đi và nàng lại phải trở về khóc cho số phận mình.

Bây giờ chúng tôi xin mời các bạn thử đọc thi phẩm nổi tiếng nhất của Nguyễn-Bình :

Em ơi ! em ở lại nhà,

Vườn dâu em hái, mẹ già em thương.

Mẹ già một nắng hai sương,

Chị đi một bước trăm đường xót xa.

Cậy em, em ở lại nhà,

Vườn dâu em hái, mẹ già em thương,

Hôm nay xác pháo đầy đường,

Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng.

Chuyến này chị bước sang ngang,

Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây . . .

Thật là một tâm trạng buồn thương của người chị đi lấy chồng, cậy nhờ em ở lại trông nom cha mẹ, mọi việc trong ngoài, bởi vì :

Miếu thiêu vụng kén người thờ,

Nhà hương khói lạnh chị nhờ cậy em.

còn phần chị thì :

Một vai gánh vác giang san

Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương.

Bởi thế cho nên :

*Mắt quầng tóc rối tơ vương,
Em còn cho chị lược gương làm gì ?*

Thật là trác tuyệt, tác giả đã xử dụng kỹ thuật thơ lục bát đến chỗ tuyệt diệu gây xúc động mạnh khi ta thấy cảnh nước nở, nghẹn ngào. Người đọc đã phải buồn lây cho số phận của người con gái mang nặng chữ hiếu, với hoàn cảnh đau thương như sống lại đậm nét trong thi ca của Nguyễn-Bính.

Mặt khác, tác giả muốn trình bày tâm sự của bậc cha mẹ thương nhớ con mình sau khi đi làm dâu và càng đau đớn làm sao khi nàng gặp cảnh trái ngang suốt mười năm lận đận.

Đoạn này Nguyễn-Bính tỏ ra vô cùng xuất sắc khi diễn tả nỗi nhớ thương của cha mẹ, nỗi đau khổ của kẻ làm dâu :

*Lần đầu chị bước sang ngang,
Tuổi son, sông nước dò giang chưa từng.
Ở nhà em nhớ, mẹ thương,
Ba gian nhà trống mảnh vườn xác xơ.
Mẹ ngồi bên cửi xe tơ,
Thời thường nhắc : — « Chị mấy giờ ra sao ? »
Chị bây giờ.. nói thế nào...?
Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang.
Chị từ lờ bước sang ngang,
Trời đông bão, giữa trăng giăng lật thuyền.
Xuôi giong nước chảy liên miên,
Đưa thân thể chị tới miền đau thương.
Mười năm gối hận bên giường,
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh.
Mười năm đưa đón một mình,
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên.*

*Mười năm lòng lạnh như tiền,
 Tim đi hết máu! cái duyên không về...*

Với lối bố cục thật chặt chẽ, trình bày tỉ mỉ và trong sáng, dùng chữ thật nhẹ và nhất là cách gieo vần rất đặc sắc khiến người xem mang chung một tâm sự buồn và cảm thấy xót thương cho số phận hẩm hiu của người con gái trong thơ.

Thật là buồn làm sao, với những chữ « mười năm » được lặp đi lặp lại cho chúng ta thấy thời gian dài đằng đẳng, đầy gian nan cực khổ trong bao dòng tố phủ phàng.

Cuối cùng bao nhiêu cảnh đời thay, nàng cam chịu lỡ làng và gửi lời dặn dò em hãy thay chị phụng sự mẹ cha và cứ coi như mình đã chết :

*Em về thương lấy mẹ già,
 Đừng trông ngóng chị nữa mà uổng công,
 Chị giờ sống cũng như không,
 Xem như chị đã sang sông đắm dòng.*

Đọc hết bài thơ, người xem không tránh khỏi bài ngùi cảm thương cho kiếp hoi thôn dã chỉ biết cam lòng chịu đựng mà không có một phản ứng nào.

Không phải chỉ trong *Lữ bước sang ngang* Nguyễn-Bình mới có giọng thơ buồn thảm, ngược lại, như chúng tôi đã trình bày ở trên, hầu hết thơ của Nguyễn-Bình đều mang nặng sắc thái u buồn khác biệt.

Đây, các bạn hãy cùng chúng tôi đi tìm những nét buồn khác của tác giả *Lữ bước sang ngang*.

Trong *Những bóng người trên sân ga* sau đây, những cuộc chia ly đối với Nguyễn-Bình gần như nối tiếp không ngừng ; ngày vui qua mau, chỉ còn một chuỗi ngày thừa thãi và những cuộc từ giã cứ tiếp diễn mãi như cuộc chia tay giữa hai chị em dưới mắt Nguyễn-Bình :

*Có lần tôi thấy hai cô bé,
 Sát má vào nhau khóc sụt sùi.*

Hai bóng chung lưng thành một bóng,

Đường về nhà chị chắc xa xôi.

và đây hình ảnh già từ của hai người bạn khi bản đàn tri âm đến hồi chấm dứt :

Hai chàng tôi thấy tiễn đưa nhau,

Kẻ ở sân ga, kẻ cuối tàu.

Họ giục nhau về ba bốn bận,

Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu.

đến cuộc giã biệt của hai kẻ yêu nhau đang bịn rịn chia tay :

Có lần tôi thấy một người yêu,

Tiền một người yêu, một buổi chiều

Ở một ga nào xa vắng lắm,

Họ cầm tay họ, bóng xiêu xiêu.

Rồi hình ảnh chia lìa của một đôi vợ chồng càng buồn hơn. Với lòng nghĩ thương chồng ở lại trong cảnh thiếu hụt vì buổi phân ly bất kỳ, người vợ mở khăn trầu lấy một ít tiền dành dụm định gởi lại, nhưng bị chồng cản ngăn và thì thầm đôi câu nói tằm thương nhưng chứa đựng một tình thương chân thật mà ta chỉ bắt gặp ở những tâm hồn mộc mạc ấy. Hay đọc đề nhận thức cái bé mọn của vật chất trước cái giá trị của chân tình :

Có lần tôi thấy vợ chồng ai,

Thên thện đưa tay bóng chạy dài.

Chị mở khăn trầu anh thắt lại,

Mình về nuôi lấy mẹ mình đi.

Cảnh người mẹ già đưa con ra sân ga, trước phút tiễn con đi tận chốn xa xôi, có thể nói một miền quan tài, mẹ ở lại nhà với thân già đơn chiếc, thật thảm não vô cùng :

Có lần tôi thấy một bà già,

Đưa tiễn con đi tận chốn xa,

Tàu chạy lâu rồi, bà vẫn đứng,

Lưng còng đồ bóng xuống sân ga;

càng buồn hơn là cảnh một người đi không ai đưa đón :

*Có lần tôi thấy một người đi,
Chẳng biết về đâu, nghĩ ngợi gì,
Chân bước hững hờ theo bóng lẽ,
Một mình làm cả cuộc phân ly.*

Thật là thể thảm, đoạn trường với bao nhiêu hình ảnh chia ly dưới ngòi bút của thi sĩ Nguyễn-Bình, chúng ta thấy như hiện ra trước mắt và gợi hồn, gợi cảm làm sao.

Chẳng những Nguyễn-Bình buồn với bao cuộc chia lìa ngăn cách mà ông còn buồn nhiều khía cạnh nữa, buồn vì cuộc đời dẫu bề, buồn cho cảnh vật đổi thay. buồn với tâm sự của chính mình hay đúng ra thì nhân đã buồn, đã khổ đau với tám tình yêu.

Nhưng ái tình của Nguyễn-Bình, khác hẳn cái nóng nảy như Hồ-Dzếnh ; lạnh mạn, say đắm như Xuân-Diệu ; chứa chan và dễ dãi như Huy-Cận, hay trầm buồn như một Vũ hoàng Chương. Ngược lại, tình yêu trong thơ Nguyễn-Bình, là một thứ tình yêu nhẹ nhàng, cảm lặng, những nỗi tình mộng đẹp ; nó là thứ tình yêu của một Đỗ-Tồn trong *Hoa vông vang*. Yêu thì tha thiết, chân thành, nhưng tâm ý lại rụt rè, nhút nhát :

*Nàng đến thăm tôi một buổi chiều.
Nhưng mong chấp nỗi mộng thương vêu,
Nhưng tôi không dám, tôi không thể.
Chấp nỗi bao nhiêu khổ bấy nhiêu.*

Tuy nói thế nhưng mấy ai quên được kỷ niệm ban đầu, và chàng đau đớn than thở khi chẳng dám cùng ai dệt mộng yêu đương :

*Nàng ơi ! tôi không thể đối nàng,
Đối tôi, mà lại nói yêu thương.
Tôi giờ như một người lung túc,
Chẳng dám cùng ai dệt mộng vàng.*

Đau khổ cho hoàn cảnh trái ngang của mình, Nguyễn-Bính tạo nên những dòng thơ đắm lẹ :

Nàng hãy đi xây lại cuộc đời,

Rồi đây, ai nhắc đến tên tôi,

Và ai có hỏi : « Là ai nhỉ ? »

Nàng đáp lạnh lùng : « Chẳng biết ai ! »

Đọc thơ tình Nguyễn-Bính, mỗi bài có một nội dung khác nhau, song buồn khổ, chia ly vẫn là chủ đề chính.

Thí dụ như bài *Người hàng xóm* sau đây, tác giả cho ta thấy thi nhân yêu một người con gái cùng xóm, nhưng không bao giờ dám nói tiếng yêu để một ngày kia nàng vĩnh biệt cõi đời, Nguyễn-Bính đau khổ, tương tư :

Người hàng xóm

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,

Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn

Hai người sống giữa cô đơn,

Nàng như cũng có cái buồn giống tôi ;

Giá đừng có giậu mồng tơi,

Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng,

Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng,

Có con bướm trắng thường sang bên này.

Bướm ơi ! bướm hãy vào đây

Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi.

Chẳng bao giờ thấy nàng cười,

Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên ;

Mắt nàng say đắm trông lên

Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi.

Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi

Tôi buồn tự hỏi : — Hay tôi yêu nàng ?

Không, từ ân ái lỡ làng

Tình tôi than lạnh tro tàn làm sao !

Tơ hồng nàng chẳng cắt vào
 Con bướm bướm trắng đêm nào cũng sang.
 Mấy hôm nay chẳng thấy nàng,
 Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong.
 Cái gì như thề nhớ mong ?
 Nhớ nàng ! không ! quyết là không nhớ nàng.
 Vâng, từ ân ái lỡ làng,
 Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng năm xưa
 Lầm tằm trời cứ dồ mưa
 Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm
 Cô đơn buồn lại thấy buồn
 Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi
 Hôm nay mưa đã tạnh rồi.
 Tơ không hong nữa, bướm lười thôi sang !
 Bên liễn vẫn vắng bóng nàng,
 Rưng rưng tôi gục xuống bàn rưng rưng !
 Nhớ con bướm trắng lạ lùng,
 Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng.

Hỡi ôi ! bướm trắng tơ vàng !
 Mau về mà chịu tang nàng đi thôi,
 Đêm qua nàng đã chết rồi !
 Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng,
 Hồn trinh còn ở trần gian.
 Nhập vào bướm trắng mà sang bên này...

(Trích tập thơ *Tâm hồn tôi*)

Đọc hết bài thơ, mọi người thấy Nguyễn-Bính đem câu chuyện tình của mình đã yêu một người con gái, nhưng chỉ vì nhút nhát không bao giờ dám ngỏ. Ngày, tháng trôi qua, sự yêu thương càng nhen nhúm trong lòng. Lần nữa mãi rồi một ngày nọ, người con gái ấy chết đi, để lại trong

lòng người trai đã thầm thương trộm nhớ một nỗi buồn dằng dặc. Tác giả *Lữ bước sang ngang* tỏ ra thành thật khi trình bày câu chuyện tình đau thương của mình và đưa ra điểm tâm lý chung của những chàng trai khi tình yêu dậy nở nhưng không bao giờ đủ can đảm nhận rằng mình đã yêu mà cứ chối quanh co mãi. Thật sự thì tình yêu đã chìm muôi trong tâm tưởng. Hình ảnh người mình yêu cứ chập chờn mãi mà không bao giờ quên được. Rồi khi đã yêu, sẽ có sự nhớ nhung vu vơ, lo sợ mọi cách ; từ những hình ảnh thông thường đến những hành động dù nhỏ nhất của người mình yêu đều biến thành quan trọng, và đôi khi còn ghen tức vô lý như ganh ghét với hoa, với bướm, đó là tâm trạng chung của những lòng trai khi mới biết yêu, họ tự thú :

*Mắt nàng say đắm trông lên,
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi.
Bỗng đứng tôi thấy bồi hồi
Tôi buồn tự hỏi : — Hay tôi yêu nàng ?*

rồi cảm thấy tâm hồn mình xao xuyến khác thường khi nhận thấy có :

Cái gì như thề nhớ mong.

Lòng đã như thế mà mỗi khi có ai hỏi đến chàng lại chối phăng :

Nhớ nàng ! không ! quyết là không nhớ nàng.

Chối thì vẫn chối, nhưng lòng nhớ mong thì vẫn nhớ, nhất là khi vắng bóng người yêu :

*Bên hiên vắng vắng bóng nàng,
Rưng rưng, tôi gục xuống bàn rưng rưng
Nhớ con bướm trắng lạ lòng*

.

Không riêng gì bài *Người hàng xóm*, mà còn nhiều bài khác nữa, Nguyễn-Bính đã tỏ ra sành sỏi tâm lý trong quan niệm ái tình.

Trong tình yêu, thơ của Nguyễn-Bính tỏ ra xuất sắc, cái hay trong thơ tình Nguyễn-Bính là những dòng thơ vừa ngọt ngào vừa êm đềm, nhưng cũng không thiếu đau thương:

Nắng mưa là bệnh của trời ;

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

Một khi đã yêu, nhất định những kẻ yêu nhau thường lo sợ tình yêu tan vỡ, sợ kẻ khác cướp mất người yêu, Nguyễn-Bính cho ta thấy cái sợ, cái lo lắng ấy bằng sự lột trần tâm trạng thâm kín nhất của kẻ đã yêu:

G h e n

Cô nhân tình bé của tôi ơi !

Tôi muốn môi cô chỉ mỉm cười

Những lúc có tôi và mắt chỉ

Nhìn tôi những lúc tôi xa xôi.

Tôi muốn cô đừng nghĩ đến ai,

Dừng hôn, dù thấy đóa hoa tươi,

Dừng ôm gối chiếc đêm nay ngủ,

Dừng tắm chiều nay hề lấm người.

Tôi muốn mùi thơm của nước hoa,

Mà cô thường xức chẳng bay xa,

Chẳng làm ngây ngất người qua lại,

Dẫu chỉ qua đường khách lại qua.

Tôi muốn nhưng đêm đông giá lạnh

Chiêm bao đừng lẫn khuất bên cô.

Bằng không tôi muốn cô đừng gặp,

Một trẻ trai nào trong giấc mơ.

*Tôi muốn làn hơi cô thở nhẹ,
 Đừng làm ẩm áo khách chưa quen,
 Chân cô in vết trên đường bụi
 Chẳng bước chân nào được dẫm lên.*

*Nghĩa là ghen quá dấy mà thôi,
 Thế nghĩa là yêu quá mất rồi ;
 Và nghĩa là cô là tất cả,
 Cô là tất cả của riêng tôi.*

(Lờ bước sang ngang)

Đây, ghen là như thế. Có lẽ đây là một bài thơ khéo nhất của Nguyễn-Bình cũng nên. Phân tích toàn diện bài thơ từ cách gieo vần, âm điệu đến quy tắc hành văn, văn phạm, cú pháp ta thấy Nguyễn-Bình có tài trong khi diễn tả tâm trạng con người.

Có điểm đặc biệt nhất của Nguyễn-Bình mà ít ai nghĩ đến, hoặc có nhưng không chú ý, đó là văn bình dân.

Thật vậy. thơ Nguyễn-Bình không dùng những chữ cầu kỳ, sáo ngữ người đọc có thể hiểu dễ dàng qua trực cảm, mà không bị ngượng ngập suy tư gì cả, lại còn mang âm hưởng của những câu ca dao, như :

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
 Một người chín nhớ mười mong một người.*

hay :

*Lòng em như quán bán hàng
 Dừng chân cho khách qua đường mà thôi.*

và :

*Lòng em như chiếc lá khoai,
 Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu.*

Về điểm này có hai luồng tư tưởng khác nhau, lớp người cũ cho rằng thơ của Bình không có gì mới lạ ; lớp người trẻ lại bảo thơ Nguyễn-Bình theo xưa không thích hợp tuổi xanh. Trong *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh,

Hoài-Châu viết : « ... Giữa những bài giống hệt ca dao người bông chen vào một đôi lời quá mới. Ta thấy khó chịu như khi vào một ngôi chùa có những ngọn đèn điện trên bàn thờ Phật ». Nhưng chính cái « giống hệt ca-dao » ấy tựa như làn gió phàng phất trong tiếng thơ của Nguyễn-Bính một chút hồn dân tộc.

Hầu hết tác-phẩm của ông đều mang những hình ảnh quê hương, giữ được sắc thái luân lý Á-dông từ đời sống vật chất đến tinh thần.

Đề kết thúc, Nguyễn-Bính là một nhà thơ rất tế nhị. Đối với thi-nhân, thơ và cuộc đời chỉ là một. Không ca ngợi những vẻ đẹp xa vời, những bóng dáng mỹ lệ, Nguyễn-Bính đã đi sâu vào thế giới tâm-tình của những mảnh đời ngang trái, dở dang, phân cách, bẽ bàng. Có thể nói, với ngòi bút của thi nhân, Nguyễn-Bính đã « tả chân » được nỗi u buồn trầm lắng, giải tỏa được tiếng kêu bi thương của những tâm hồn mộc-mạc. Tiếng thơ của Nguyễn-Bính gây được sự rung cảm chân thành ; lời thơ không gò bó, gượng ép hay giả tạo như chính thi nhân đã mang nỗi niềm tâm sự hơn là do tưởng tượng làm ra.

Ngày nay Nguyễn-Bính đã nằm im trong lòng đất mẹ, nhưng những vần thơ của thi nhân sẽ còn mãi mãi gắn liền vào nền thi ca của dân tộc.

(Ấn bản kỷ niệm, tháng 4-1967)



Trước khi sang phần thi tuyển, đề các bạn ý thức được giai đoạn tiếp nối thời tiền chiến, chúng tôi nghĩ không phải là vô bổ khi trình bày đôi nét về con người Nguyễn-Bính trong thời kháng chiến dưới tiêu đề :

Cuộc đời của Nguyễn-Bính đi trong khói lửa chiến chinh.

Chúng tôi xin nhường lời nhà văn Sơn-Nam :

« Về nếp sống hàng ngày, về sự giao du với bạn bè thì Nguyễn-Bính cũng như trăm ngàn văn nghệ sĩ khác ; anh có vài tật xấu, vài tánh tốt. Sau vài ba ngày tâm sự, đàm đạo về văn chương với bạn, thường thường Nguyễn-Bính nổi cơn giận, tỏ ra chán chê bạn, thế là xa nhau để rồi thỉnh thoảng gặp nhau, quên chuyện cũ, tương thân tương đắc, đậm đà hơn bao giờ hết. Rồi sau vài ngày lại xa nhau.

Một điều rõ rệt mà ai cũng nhìn nhận : Nguyễn-Bính là nhà thơ yêu nước. Yêu nước là đức tính không thể không có ở mỗi người dân bị ngoại xâm. Thời kháng Pháp, tôi đã gặp Nguyễn-Bính, uống rượu, uống trà, trao đổi tâm sự với nhau nhiều lần.

Giờ đây anh đã mất. Tôi cố gắng ghi chép lại những điều đáng ghi chép về đời anh, những điều tai nghe mắt thấy, có thể đem đến ích lợi cho bạn đọc.

Từ chợ Rạch-giá, anh vào chiến khu để tham gia kháng Pháp. Bấy giờ vào khoảng 1946 — 1947. Thời tiền chiến, người miền Hậu-giang hiểu phong trào thi ca qua sự tuyển chọn và giới thiệu của Hoài-Thanh và Hoài-Chân. Nguyễn-Bính là thi nhân duy nhất có tên trong *Thi nhân Việt-nam* đã tham gia kháng chiến tại miền duyên hải vịnh Xiêm-la.

Anh khởi xướng việc thành lập Đoàn Văn-hóa Cứu-quốc tỉnh Rạch-giá, cho ra mắt *Tập thơ yêu nước* sau khi vào chiến khu một đôi tháng. *Tập thơ yêu nước* gồm chừng mười bài hơi ngắn.

Bài thơ yêu nước của anh — cũng như những bài trích dẫn ở phần sau — được chép lại theo trí nhớ của tôi. Có thể là tôi chép sai chạy đôi ba chữ :

*Những ai xứng đáng là người
Hãy hy sinh hết cho nòi giống ta !*

*Hãy nên vì nước quên nhà,
Coi thường thân sống mới là trượng phu.*

Bài chót của tập thơ này là *Trận cây bàng*. Tôi còn nhớ anh lặp đi lặp lại câu :

— *Đánh ! Đánh ! Đánh ! Chỗ nào cũng đánh.*

đề rồi đến phần kết luận :

*Mưu quân thù không đem binh tiếp viện
Thì quân ta tiêu diệt hết quân thù !
Nhưng thắng bại là lẽ thường chinh chiến
« Trận cây bàng » ghi tiếng dề muôn thu.*

Các bạn yêu văn nghệ đã chê bốn câu trên vì nó quá ngô nghê.

Lúc bấy giờ, Nguyễn-Bình uống rượu li bì, uống rượu đề, nhâm nhi với ít trái ổi, trái xoài, trái khóm. Anh uống công khai, mặt đỏ gay suốt ngày. Anh đã tỏ lời tâm sự với tôi :

— Hồi tiền chiến, tôi uống rượu và hút thuốc phiện. Bây giờ tôi bỏ thuốc phiện thì tôi uống rượu gắp đôi. Đó là sự tiến bộ.

Tôi hỏi :

— Anh cai từ hồi nào ?

— Từ hồi tiền chiến. Tôi đã lợi dụng chuyến đi Hà-tiên (thăm thi sĩ Đông-Hồ) để xa lánh năng tiên nậu. Trước khi đến Hà-tiên, tôi ghé vào tiệm Công-yên ở Rạch-giá hút suốt đêm. Trong thời gian ở Hà-tiên, tôi không hút thuốc nào. À ! Tôi viết tập *Bài hát lý bà* phỏng theo cốt truyện của *Tỳ bà ký*. Nhưng chuyến về xảy ra chuyện này đáng suy nghĩ. Từ Hà-tiên tôi qua chợ Rạch-giá để chờ xe Rạch-giá đi Sài-gòn. Vừa bước xuống xe, tôi bước thật nhanh, tâm hồn thơ thới mà chẳng biết mình bước về đâu. Đột nhiên, tôi dừng bước trên lề phố. Chừng tôi giựt mình, quan sát kỹ thì mới hay rằng cái « tiếm thức » đã điều khiển tôi trở lại tiệm Công-yên hôm nọ. Tôi quay mặt, chạy nhanh.

Vài tháng sau, Nguyễn-Bính lãnh trách nhiệm Phó Chủ-tịch Tỉnh-bộ Việt-minh tỉnh Rạch-giá. Anh ký tên thay mặt ban thường vụ, sao y các công văn. Và kèm theo công văn, đôi khi cấp dưới lại nhận được một đôi bài thơ ký tên Nguyễn-Bính ! Tôi còn nhớ vài câu, trong bài thơ diễn tả nỗi đau buồn của người mẹ chờ con, đứa con ấy đã hy sinh cho tổ quốc :

— *Còn sống ngày nào, còn cứu nước*
Còn đem xương máu để xây thành...
 — *Mái tranh từng giọt sương rơi lạnh*
Mẹ nén đau thương mẹ đợi chờ.
 — *Đêm đêm mẹ đốt cây hương ngát*
Mẹ khấn đôi lời, con có nghe ?
Vì nước bỏ mình là bất tử
Xưa nay chinh chiến mấy ai về ?

Anh từ bỏ chức vụ sau nhiệm kỳ. Anh tỏ ra sung sướng trong lúc chờ đợi chuyển liên lạc về Đồng-thấp-mười. Anh cho biết : vài người bạn ở Ban Văn-ngệ Khu 8 gửi thư mời anh lên trên đó. Họ bảo đảm mọi mặt, nghĩa là mình được rảnh rang để sáng tác. Mỗi ngày, mỗi tuần mình khởi tham dự những cuộc hội ý, hội báo, hội nghị kiểm thảo. Sống không cần theo thời dụng biểu. Mỗi người một căn chòi riêng, tha hồ uống rượu, uống trà, bất chấp mọi tiếng dị nghị. Ngoài ra, Ban Văn-ngệ Khu 8 có máy in, in rất đẹp để phô biến tác phẩm.

Tôi cầu mong anh mạnh khỏe để làm được việc.
 Anh hứa gửi tác phẩm mới nhất cho tôi xem.

•

Anh giữ lời hứa. Mỗi bài thơ của anh đều được cắt từ trong bản vở (morasse), gửi cho tôi, như vậy có điều tiện lợi là tôi học sớm, trước khi tờ báo tới tay. Xin trích vài đoạn tiêu biểu, gọi là đề làm tài liệu thôi :

Trái vú sữa thẳng căng niềm uất ức
 Gai sâu riêng nhọn huất ý căm hờn...
 Cây cau già, ruột yếu cũng sôi lên :
 — « Thân lão đây ! Mau hãy chuốt làm tên ! »
 (Đầy, Nam bộ)

Lá quốc kỳ đi trước
 Đoàn chiến sĩ theo sau
 Gió đêm nay lành lạnh
 Sương đêm nay phai màu...
 Gươm sáng bật giọng thép :
 Thù sâu, ôi thù sâu !

.

Tổ quốc là mẹ hiền
 Bị sài lang cấu xé
 Chúng con xách gươm thiêng
 Đi trả thù cho mẹ
 Áo vải làm anh hùng,
 Cơm khô no bụng trẻ !

Vài câu ca dao :

Thấy dừa thì nhớ Bến-tre
 Thấy sen lại nhớ đồng quê Tháp-mười
 Thấy trăng thì nhớ đến người
 Thấy sao, lại nhớ đến lời thề xưa

*

Cái bông sen trắng
 Cái nụ mướp vàng
 Trường quân chính mở
 Sao chàng chưa đi ?
 Nước ta quý nhất quốc kỳ
 Dân ta quý nhất người đi chiến trường !

Bốn trăm ngàn mẫu đất
 Sốt chia sáu tỉnh miền Nam
 Khẩn khít biên thùý Chùa-tháp
 Nằm bên cánh trái Cửu-long giang.
 Đồng-tháp-mười !
 Bốn mặt mệnh mang
 Cờ trắng ngàn năm bay chẳng dứt. . .
 . . . Nước phèn chua chất
 Lắng nổi đau thương !
 . . . Hình thôn xóm xót thương thương
 Hoa ô mới nở bốn phương anh đào !
 . . . Hoa sen nữ chẳng đợi chi mùa hạ,
 Chim hít cô hút cả những chiều mưa.

(Trường ca Đồng-tháp)

Nhưng đẹp đẽ và êm ái nhất là bài *Những người của ngày mai*, những người kháng Pháp vào khoảng 1949.

Ở chòi hẹp nhưng hồn trùm vũ trụ
 Trái tim đau nhưng thương cả loài người.
 Đã nhiều hôm không thấy bóng mặt trời
 Bởi làm việc liên miên và bí mật.
 Mát quăng lại, đêm đêm rồng rả thức
 Đa xanh xao vì muỗi thật là nhiều
 Đây, của riêng soát lại có bao nhiêu :
 Chiếc khăn tắm, bộ áo quần trong nóp
 Ba năm rồi, không xỏ chân vào guốc
 Ăn cơm thiu vì ần ướt mưa đêm !
 Có những anh xưa bây nời ba chìm
 Thay tên họ, bốn ba nơi hải ngoại.
 Như hận nước, dăm dăm miền viễn tái. : .
 . . . Quê các anh ở miền Trung đá núi
 Bãi cát vàng bờ biển uốn quanh co
 Dèm trong xanh, cao vút tiếng ai hò ?

Trên bến vắng một dòng sông nổi bạc
 Quê các anh ở miền Nam bát ngát
 Trái dừa xiêm nước ngọt buổi trưa nồng
 Đôi ba cô gái bán hàng bông
 Chèo vèo điệu một xuống đây vú sữa
 Theo dòng kênh đi sâu vào biển lúa
 Quê các anh ở miền Bắc xa xôi
 Bước chân đi, không biết mấy năm rồi
 Xa cha mẹ anh em, xa tất cả
 Nương dâu xanh, chiếc cầu ao, mái rạ
 Cô gái làng gọi tước nước hương nhu
 — Nhưng tình riêng là những tấm hình lu
 ... Họ là đất, họ vui lòng làm đất
 Đề đáp xây nền độc lập lâu dài.
 Họ là ai ?
 — Là người của ngày mai.

Các bài thơ sáng tác trong thời gian ở Ban Văn-ngệ Khu 8 được gom vào một tập nhan đề *Sóng biển cỏ*. Biển cỏ tức là vùng cỏ bao la Đồng-tháp-mười.

Ngoài ra, Nguyễn-Bình viết thỉnh thoảng đôi bài tùy bút dưới bút hiệu là *Kiều-Mộc*. Văn xuôi của anh chẳng lấy gì làm đặc sắc. Đáng chú ý là bài tùy bút *Sang máu* một quân nhân bị thương, được sang máu để hồi sinh. Người hiến máu là một thiếu nữ tên *Hương*. Sau khi lành bệnh, quân nhân nọ cố gắng làm việc vì nghe được sự sống, dòng máu của *Hương* đang hòa hợp trong tim, trong huyết quản mình. *Hương* đã gởi hy vọng, gởi sự sống vào thềm xác và tâm hồn người quân nhân.

Đầu vào khoảng 1952, Nguyễn-Bình trở về rừng U-minh, lần này anh trầm tĩnh hơn, làm việc nhiều hơn. Anh cưới vợ, mở tiệm làm đại lý sách báo, cố gắng làm thơ

ca ngợi... Đảng Lao Động ra đời, đời sống công nhân ở Bình-công xưởng. Mấy bài thơ này không được tiếng vang.

•

Nguyễn-Bính thích ăn ngon. Anh chịu khó xào nấu thức ăn, pha trà kỹ lưỡng: thả ăn ít, uống ít nhưng thưởng thức đúng hương vị.

Về những bài thơ do anh sáng tác thời tiền chiến, anh bảo :

— Vài câu thơ... tuyệt diệu, thể thôi. Chẳng có bài nào toàn thích.

— Anh cho thí dụ thử coi !

— Tôi thích nhất hai câu này trong bài *Buồn Ngự-viên* :

« Sớm đào, trưa lý, đêm hồng phấn

Tuyệt lạnh, sương quỳnh, máu đỏ quỳnh. »

Làm văn nghệ khó lắm.

— Tại sao khó ?

— Có nhiều ý, nhiều chữ quá tuyệt diệu mà người khác đã cướp mất, trước mình. Mình chỉ nhái lại mà thôi. Đây là những trường hợp đáng sợ, đáng thán phục. Thí dụ như hai tiếng « *dằng dằng* » trong lời nhạc Hội nghị Diên-hồng (*hận thù dằng dằng, sơn hà rung chuyển*). Như chữ « *ghê* » mà Xuân-Diệu đã dùng, diên tả công phu luyện tập của người chiến sĩ :

Gươm mài nước suối bốn ghê da !

Hoặc hình dáng bờ biển miền Trung do Xuân-Diệu :

— Mãi ra đi ai nghĩ đến hồi đau

Mây vùn vù ám Thăng-long, Gia-định

Lạng-sơn xốt với Cà-mau chót đỉnh

Sợi tơ tằm bờ biển luồn quanh co !

Về cách tìm đề tài, về sự làm việc của kẻ sáng tác, Nguyễn-Bính đã nói nhiều lần với tôi, khi trà dư tửu hậu :

— Nhiều khi mình chịu bị đê tài, cạ hững suốt đời bị thảng. Thế mới giận! Này, khi viết được đôi ba bài ưng ý rồi thì mình lần lượt viết hàng trăm câu thơ, thấy hàng ngàn đề tài hiện ra... Các cụ ngày xưa bảo rằng: Vào rừng tìm cay quế, cây trầm hương là chuyện khó nhưng rất dễ. Lúc mới vào rừng, ngòai ta thấy chung quanh toàn là gai cỏ, cây cỏ vô giá trị. Nhưng khi «quen mắt quen hơi», ta gặp được một cây trầm cây quế rồi thì lần lượt ta thấy hàng trăm cây khác ở bên cạnh ta, có sẵn tự bao giờ! Làm văn nghệ là vậy đó... Thế mới giận!

•

Trong số một ngàn cô cậu thanh niên làm thơ, yêu thơ thì chúng ta thấy có đến 990 người chịu bỏ cuộc khi gặp thực tế của cuộc đời. Cuộc đời là một bài thơ lớn, khác hẳn màu sắc bài thơ mà họ mơ ước từ trước.

Trong số mười người còn lại, họa chăng có năm ba người làm thơ giỏi, làm thơ hay: khi đọc qua thơ họ chừng một đôi lần là tự -hiên người ta nhớ vài đoạn, năm ba câu mà chẳng cần ghi chép hoặc cố gắng học thuộc lòng.

Thơ của Nguyễn-Bính đã đạt được trình độ dễ nhớ.

Thơ của anh đáng ca ngợi ở nội dung yêu nước. Làm thơ yêu nước là chuyện khó. Phải phối hợp hình thức với nội dung; ngôn ngữ kỹ thuật, tâm tình cá nhân với hoàn cảnh chiến đấu của dân tộc. Phải đúc các mâu thuẫn ấy thành một khối cứng rắn, không tí vết, tạo một thứ thép mới. Đúc trong lò lửa yêu nước, một lò lửa có nhiệt độ khá cao.

Nguyễn-Bính đã thành công lớn, trong giai đoạn mà ít ai thành công. Bây giờ, nếu cho rằng Nguyễn-Bính là một thiên tài thì có lẽ hơi sớm. Nhưng hậu thế cho chúng ta thấy rằng thơ của Nguyễn-Bính có nhiều câu trở thành ca dao, vài bài thơ yêu nước của anh rất xứng đáng được trích giảng trong sách giáo khoa Việt văn.

Nguyễn-Bình đi phiêu lưu từ Bắc vào Nam rồi từ Nam ra Bắc, xa cố hương. Thời buổi chiến tranh, con người có thân hình ốm yếu mà sống non năm mươi tuổi, nghĩ cũng thọ. Suốt đời Nguyễn-Bình đã lấy việc sáng tác làm ý nghĩa cuộc sống. Anh đã chịu đau khổ, đã hưởng lạc, đã bị qua ải, đã lạc quan, đã suy tư. Ta đã thấy những trận giặc. Giặc trên mặt đất, giặc ngoài biển, giặc trên trời. Và giặc trong tâm hồn của con người anh nữa...

(Tài liệu tập san Văn số 10,
ngày 14-6-1966, Sài-gòn)



Một giai thoại về Nguyễn-Bính và nhà thơ Kiên-Giang

Qua tập thơ *Hoa trắng thời cài lên áo tím* chúng ta thấy Kiên-giang có đôi bài lục bát phảng phất cái hơi thơ đồng mộc mạc của Nguyễn-Bính. Thật ra Kiên-Giang đã chung sống ở quê một thời gian với tác giả *Lữ bước sang ngang* tại tỉnh Rạch-giá và không khỏi chịu ít nhiều ảnh hưởng của nhà thơ này. Dưới đây là giai thoại về thời gian hai người chung sống với nhau do chính Kiên-Giang thuật lại.

.

« 18 năm trước, tại tỉnh lỵ Kiên - Giang tôi tìm gặp Nguyễn-Bính.

— Ngủ núp ở cửa đình cụ Nguyễn Trung-Trực

— Mướn nhà hoang để làm thư trang.

Năm 1947, một người bạn cho tôi hay Nguyễn - Bính hiện đang tá túc ở nhà của một công chức ở xóm biên của quê hương tôi (Kiên-Giang). Tôi tìm suốt cả tuần mới hay nhà vị công chức đó là nhà thầy L. Tìm tới nhà thì vợ thầy L. chỉ tôi ra phía đình cụ Nguyễn Trung-Trực và nói rằng: « Nhà chật chội quá, ông Bính ra ở ngoài đình ». Một người ở cạnh đình chỉ cho tôi chiếc núp và nói rằng: « Cái ông ưa ngâm thơ ngủ ở đó ».

Tôi đi vòng quanh chiếc núp hai ba lần nhưng chưa dám đánh thức Bính dậy vì chưa tin là nhà thơ mà tôi mến mộ lại ngủ trong núp trước cửa đình. Tôi đành đi tới, đi lui trước sân đình đếm lá da roi để chờ đợi. Gần 10 giờ, người trong núp mới chui ra. Tôi bước tới, áp úng cúi đầu chào:

— Thưa ông, có phải ông là thi sĩ Nguyễn-Bính hay không? Nghe ông đến đây, tôi đi tìm suốt tuần nay mới gặp.

Nguyễn-Bính gạt đầu. Nét vui mừng hiện rõ trên gương mặt hốc hác. Nguyễn-Bính vỗ vai tôi rồi nói:

— Cậu có ngờ tôi ngủ núp ngay cửa đình không? Cậu có khinh rẽ thàng ngủ núp không?

Tôi lắc đầu, cúi mặt xuống, nín lặng rất lâu mới nói nên lời:

— Tôi gặp ông chỉ mong ông thu nhận làm học trò để học thêm về nghệ thuật thi ca chứ đâu có dám có ý nghĩ gì khác nữa.

Nguyễn-Bính mỉm cười rồi nói:

— Cậu có thuốc lá không?

Lúc ấy đáng tiếc rằng tôi chưa biết hút thuốc nên không thỏa mãn được nhu cầu cần thiết của nhà thơ lưu lạc đến xứ tôi. Tôi toan chạy đi mua thì Nguyễn-Bính đã nắm tay tôi siết thật mạnh và liền đó, anh rút cây bút trong túi áo tôi để ngay lên bao thuốc lá Bastos xanh không bốn câu thơ sau đây:

Có những dòng sông chảy rất mau

Nhớ chi nghĩa bến với duyên cầu

Lá vàng, hoa đỏ trôi không kịp

Lưu lạc ai ngờ lại gặp nhau.

Trong lúc Bính cuốn núp, tôi đọc đi, đọc lại nhiều lần bốn câu thơ đó và cảm thấy sung sướng vô cùng. Sau khi gửi núp cho người giữ đình, Bính đi ra bờ sông, xuống bậc gạch, khoát nước rửa mặt rồi chải đầu bằng ngón tay. Chải đầu xong, Bính vừa giũ áo vừa phủ bụi.

Lần đầu tiên tôi được nói chuyện đời, chuyện thơ với Bính trước ly cà phê bốc khói tại quán cà phê Quảng Phát. Bính uống cà phê còn tôi uống nước đá sữa. Qua câu chuyện hàn huyên tôi biết tại sao Bính phải ra ngủ núp ở cửa đình.

.

Vợ của ông công chức nơi Bính tá túc lại rất mê thơ Nguyễn-Bính. Nhiều bài thơ trong tập *Lữ bước sang ngang*, *Hương cố nhân*, *Một nghìn cửa sổ*, *Tam hồn tôi*, đều được người

đàn bà ấy ngấm vang, lúc nằm ghế xích đu và còi trước giờ đi ngủ hay mới thức dậy. Vì thế mà người chồng đâm ghen và hay gấu ó vởi vợ. Nguyễn-Bính muốn giữ vẹn hạnh phúc gia đình của người nên đành xách nốp ra ngủ ở cửa đình cụ Nguyễn Trung-Trực.

Sau khi biết tình cảnh đó của Bình, tôi bàn cùng Bính nên tìm một nơi nào khác mà ở đề còn viết lách. Cả hai đồng ý thuê một ngôi nhà của ông giữ sân banh Rạch-giá. Ngôi nhà này chỉ hơn được cái nốp một chút thôi nghĩa là xiêu vẹo, tiêu tụy, như một ngôi nhà hoang. Người ta phải dùng một cây đòn lớn đề chống đỡ hàng cột giữa, hàng ba, hàng nhì. Chỉ có ba hàng cột mà hàng nào cũng xiêu ca thì không hiểu có nên gọi cái nhà này là cái nhà không? Thôi cứ tạm gọi nó là Lều Thơ cũng được.

Một con đường đất vào nhà sân sằng ngập nước sau một trận mưa lớn hay mỗi mùa biến động. Từ lâu, thềm nhà này vắng bước chân người nên đã phủ đậm màu rêu. Bước chân hai thầy trò tôi đã phá trình tấm thảm rêu nhà này và đề yên những lớp cỏ dại mọc đầy giữ nguyên nét hoang tàn, quái dị. Hai người quyết vào đây trốn những kẻ không thích thi nhân. Bốn hàng cột gạch ở mái hàng ba lơ lửng như tháp Chàm. Bính tự ví mình là một dân Chàm đang nhốt mình trong cò mọ nên dán bốn câu thơ sau đây lên hàng cột :

*Từ độ về đây sống rất nghèo
 Bạn bè chỉ có gió trăng theo
 Nhưng thẳng bất nghĩa xin đừng đến
 Hay đề thềm ta xanh sắc rêu.*

Mỗi câu thơ được viết theo chiều dài của tấm giấy nhựt trình trắng như câu đối. Trong nhà chúng tôi dọn dẹp, mua các thứ nấu bếp và dự trữ lương thực. Má tôi vốn bán thực phẩm ngoài chợ nên tôi đánh cắp một ít gạo một gói mắm giấu vào một chiếc cà ròn. Chỉ cần năm các rau, vài đồng cá lóc, cá biển là chúng tôi đã có thể có một bữa

cơm ẽ hẽ. Bữa cơm nào có thêm thịt bò thì thường kéo dài suốt buổi sáng hay suốt buổi chiều.

Bính làm bếp rất khéo. Tôi chụm lửa hơi ầu, cứ việc chế dầu lửa rồi dút củi vào. Bính thường cự nự: «Cậu chụm lửa thiếu nghệ thuật, thiếu vẻ thơ». Nói rồi, Bính gắp từng que củi, sắp lại theo kiểu đan lồng mốt, lồng hai. Nhà bớt khói, bữa cơm được dọn ra trên bộ ván cũ. Trong bữa ăn, Bính thường kể chuyện đời lưu lạc cho tôi nghe và chỉ cho tôi thêm về kỹ thuật làm thơ. Nhờ hơi men rượu đế, câu chuyện giữa Bính và tôi càng về khuya càng thêm kỳ thú.

Những lúc cao hứng, Bính liền đứng dậy ngay trên phản ngựa, lớn giọng ngâm nga những bài thơ anh mới làm chưa xuất bản hoặc lấy giấy chép thơ dán khắp nhà. Cạnh nhà cũng có một cậu công tử, cũng theo đòi thi phú nhưng không hề biết rằng có Nguyễn-Bính ở bên cạnh mình mặc dù hai nhà cách nhau không quá một thước. Có thể, cậu ta không thích lối sống của hai chàng điên, dờ hơi nên không thích làm quen với hai chàng điên giữa thành Rạch giá.

Hai bạn thơ nghèo vẫn không buồn đề ý đến nhân tình, cứ thơ và rượu kéo dài ngày tháng trong căn nhà hoang như hai triết nhân. Ở quê tôi trong mùa biến động, hai tôi thường đốt lửa suốt ngày để trấn áp sự trống trải và lạnh lẽo.

Trong mùa mưa bão, khi nào nhà hết rượu và hết gạo, tôi lại đợi mưa trở về nhà ăn cắp gạo và mua rượu chịu. Khi trở lại nhà hoang đã nghe giọng Bính ngâm vang lên:

Ở đây mưa ngàn lại ngày

Nhà không mở ngõ mưa đầy tuần trăng...

(Bài thơ này rất dài. Bính viết trong cơn say đề riêng tặng tôi nhưng bài thơ này bị thất lạc).

Có rượu rồi, chúng tôi lại nối tiếp làm thơ và ngâm thơ. Hết dầu lửa, chúng tôi đốt đèn cây. Hết đèn cây, chúng tôi đốt lửa. Lửa tắt, chúng tôi mượn tiếng mưa rơi và

tiếng sóng biển i ăm làm nhạc đệm cho những vần thơ cảm khái, ru hồn mộng, quên bóng tối và đêm dài.

Sau đó ít lâu, Nguyễn-Bình bị bắt vì những bài thơ dán trên vách mà người ta cho là dán khẩu hiệu tuyên truyền. Đáng tiếc là khi bị bắt, những bài thơ tuyệt tác của Nguyễn-Bình bị gỡ hết đem về đốt và chắc bây giờ đã hóa thành tro bụi. Bình giam ở bót gần trường học con trai. Tôi chỉ gửi được một gói xôi và một gói thuốc rồi chẳng bao giờ gặp lại Bình nữa. Sau đó tôi hay tin Bình đi kháng chiến.

Năm 1954 Bình tập kết ra Bắc theo nhóm *Đất mới* và *Nhân văn giai phẩm* nổi lên chống lại chế độ đo, bị bao vây và cầm tù, bị bắt buộc phải phản tỉnh.

Dẫu có ra sao, Nguyễn-Bình không bao giờ quên những ngày tháng sống hăm hiu trong gian nhà hoang tại Rạch-giá, nơi tôi và anh đã qua những phút rất thần tiên và tự ví mình là hai thằng điên giữa tỉnh thành Rạch-giá.

Nhưng năm rồi, bạn Thanh-Nam cho hay Bình đã chết rồi, tôi khóc Bình trong chương trình thi văn Mây Tần với tấm lòng của một thằng điên.

(Sài-gòn 2-4-66 - Kiên-Giang)



Chi tuyến

Lỡ bước sang ngang

Em ơi, em ở lại nhà,
Vườn dâu em hái, mẹ già em thương.
Mẹ già một nắng hai sương,
Chị đi một bước trăm đường xót xa.

Cậy em, em ở lại nhà,
Vườn dâu em dốn, mẹ già em thương.
Hôm nay xác pháo đầy đường
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng.
Chuyến này chị bước sang ngang,
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây...

I

Rượu hồng em uống cho say,
Vui cùng chị một vài giây cuối: cùng.
Rời đây sóng gió ngang sông,
Đầy thuyền hận, chị lo không tới bờ.
Miếu thiêng vụng kén người thờ.
Nhà hương khói lạnh chị như cậy em.
Đêm qua là trắng ba đêm,
Chị thương chị kiếp con chim lìa đàn.
Một vai gánh vác giang san,
Một vai nửa gánh muôn vàn nhớ thương.

Mất quăng, tóc rối tơ vương,
Em còn cho chị lược gương làm gì ! ...
Một lần sầy bước ra đi,
Là không hẹn lại ngày về nữa đâu.
Cách mấy mươi con sông sâu,
Và trăm ngàn vạn nhịp cầu chênh vênh.

Cũng là thôi, cũng là đành !
 Sang ngang lữ bước riêng mình chị sao ?
 Tuổi son nhạt thắm, phai đào,
 Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người ?
 Em đừng khóc nữa, em ơi !
 Dẫu sao thì sự đã rồi nghe em.
 Một đi bảy nổi ba chìm,
 Trăm cay nghìn đắng con tim hén dần.
 Dẫu em thương chị mười phần.
 Cũng không ngăn nổi một lần chị đi.
 Chị tôi nước mắt đầm đìa,
 Chào hai họ đề đi về nhà ai.
 Mẹ trông theo, mẹ thử dài,
 Dây pháo đỏ bỗng vang trời nổ ran,
 Tôi ra đứng ở đầu làng,
 Ngồi trông theo chị khuất ngàn dâu thừa.

II

Trời mưa ướt áo làm gì ?
 Năm mươi bảy tuổi, chị đi lấy chồng
 Người ta pháo đỏ rợp hồng,
 Mà trên hồn chị một vòng hoa tang.
 Lần đầu chị bước sang ngang,
 Tuổi son sông nước dò giang chưa từng.
 Ở nhà mẹ nhớ em thương,
 Ba gian nhà trống, mảnh vườn xác xơ.
 Mẹ ngồi bên cũi xe tơ,
 Thời thường nhắc : « Chị mấy giờ ra sao ? »
 Chị bây giờ ... nói thế nào ... ?
 Bước tiên khi đã lạc vào vườn hoang.
 Chị từ lữ bước sang ngang
 Trời đông bão, giữa tràng giang lật thuyền.

Xuôi dòng nước chảy liên miên
 Dưa thân thể chị tới miền đau thương.
 Mười năm gối hận bên giường.
 Mười năm nước mắt bữa thường thay canh.
 Mười năm đưa đón một mình,
 Đều sâu chôn chặt mối tình đầu tiên.
 Mười năm lòng lạnh như tiền,
 Tim đi hết máu ! cái duyên không về !
 Nhưng em ơi ! một đêm hè,
 Hoa xoan nở, xác con ve hoàn hồn.
 Dừng chân trên bến sông buồn,
 Nhà nghệ sĩ tưởng đồ còn chuyển sang:
 Đoái thương thân chị lơ lửng,
 Trái thương duyên chị dở dang tháng ngày.
 Rồi.. rồi... chị nói sao đây ?
 Em ơi, nói nhỏ câu này với em :
 Thế rồi máu chảy về tim,
 Duyên làm lành chị, duyên tìm về môi.
 Chị tôi lòng ấm lại rồi,
 Mối tình chết đã có người hồi sinh.
 Chị từ đan díu với tình.
 Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng.
 Tim ai khắc một chữ « nàng » ?
 Mà tim chị một chữ « chàng » khắc theo.
 Nhưng yêu chỉ dè mà yêu,
 Chị còn dám ước một điều gì hơn.
 Một lần hai lờ keo sơn,
 Mong gì gắn lại phím đòn ngang cung.
 Rồi đêm kia, lệ dòng dòng,
 Tiễn đưa người ấy sang sông, chị về.
 Tháng ngày qua cửa buồn thê,
 Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa.

III

Úp mặt vào hai bàn tay,
 Chị tôi khóc suốt một ngày một đêm !
 Đã dành máu chảy về tìn,
 Nhưng không ngăn nổi cánh chim giang hồ,
 Người đi xây dựng cơ đồ
 Chị về trồng cỏ nắm mồ thanh xuân.
 Người đi khoác áo phong trần,
 Chị về đan áo lịm dần như thương.
 Hồn trinh ôm chặt chân giường,
 Đã cùng chị khóc đoạn trường thơ ngây.
 Năm xưa đêm ấy giường này
 Nghiến răng .. nhắm mắt .. cầu mây... cực chưa ?
 Thế là tàn một giấc mơ,
 Thế là cả một bài thơ nở nùng !
 Tuổi son má đỏ, môi hồng,
 Bước chân về đến nhà chồng là thôi.
 Đêm qua mưa gió đầy trời,
 Trong hồn chị có một người đi qua.
 Em về thương lấy mẹ già,
 Đừng trông ngóng chị nữa mà uổng công.
 Chị giờ sống cũng hằng không,
 Coi như chị đã sang sông đắm dờ.
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Tương tư

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
 Một người chín nhớ mười mong một người.
 Gió mưa là bệnh của trời,
 Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

Hai thôn chung lại một làng,
 Có sao bên ấy chẳng sang bên này ?
 Ngày qua ngày lại qua ngày,
 Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.
 Bảo rằng cách trở đò giang,
 Không sang là chẳng đường sang đã đành.
 Nhưng đây cách một đầu đình,
 Có xa xôi mấy inà tình xa xôi...

Tương tư thức mấy đêm rồi,
 Biết cho ai biết, ai người biết cho !
 Bao giờ bến mới gặp đò ?
 Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau ?

Nhà em có một giàn trầu,
 Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
 Thôn Đoài thì như thôn Đông.
 Cau thôn Đoài như trầu không thôn nào ?
 (Lờ bước sang ngang)

*

Bước đi bước nữa

Xê lại gần đây, xích lại đây !
 Lại đây cho mẹ bảo câu này :
 Mẹ không muốn thế nhưng mà nghĩ,
 Bấy lâu mẹ đã nhiều đắng cay.

Kề con giờ cũng lớn khôn rồi,
 Chín tuổi cha con hẳn ngượng cười.
 Mẹ muốn bước đi thêm bước nữa,
 Còn đàn em nhỏ cậy con nuôi.

*Con ơi ! mẹ khóc suốt đêm kia,
Khóc suốt đêm qua nữa chỉ vì ..
Con mẹ còn thương đàn con dại,
Thì con gái mẹ nhận lời đi !*

*Mẹ cũng không mong sướng lấy mình,
Nhưng mà số phận bất điều linh.
Vả chẳng thiên hạ nào riêng mẹ,
Gái góa qua dò ường tiết trinh.*

*Mai mốt con ơi ! mẹ lấy chồng.
Chúng con coi mẹ có như không.
Khuya rồi đấy nhỉ ? Con đi nghỉ ?
Gió bắc đêm nay lạnh ngập phòng ?*

*

Xuân về

*Đã thấy xuân về với gió đông,
Với trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm.
Ngước mắt nhìn trời, đôi mắt trong.*

*Lững dần con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh, trời quang, nắng nời hoe.
Lá nỡn, ngành non ai trắng bạc ?
Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả nhân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung.
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay bướm về vòng.*

Tiên đường cát mịn, một đôi cô,
 Yếm đỏ, khăn thâm, trầy hội chùa.
 Gậy trúc dắt bà già tóc bạc.
 Lăn lăn tràng hạt niệm nam-vô.

(Tâm hồn tôi)

*

Cô hái mơ

Thơ thần rừng chiều một khách thơ
 Xa nhìn ra rặng núi xanh mờ.
 Khí trời êm ả và trong sáng,
 Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ.

Hỡi cô con gái hái mơ già !
 Cô chữa về ư đường còn xa
 Và bóng tà dương dần sắp tắt
 Hay cô ở lại về cùng ta.

Nhà ta ở dưới gốc cây dương,
 Cách động Hương-sơn nửa dặm đường.
 Có suối nước trong tuôn róc rách,
 Có hoa bên suối ngát đưa hương.

Hỡi cô con gái hái mơ ơi !
 Chẳng trả lời tôi lấy một lời,
 Cứ lặng mà đi rồi khuất bóng.
 Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi.

(Hương cố nhân)

*

Cô lái đò

*Xuân đã đem mong nhớ trở về,
Lòng cô gái ở bến sông kia.
Cô hồi tưởng lại ba xuân trước,
Trên bến cùng ai đã nặng thề.*

*Nhưng rồi người khách tình quân ấy.
Đi biệt không về với núi sông.
Đã mấy lần sông trôi, trôi mãi,
Mấy lần cô lái mới mòn trông.*

*Xuân này đến nữa đã ba xuân,
Đóm lửa tình duyên tắt nguôi dần,
Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi.
Cô đành lìa ước với tình quân.*

*Bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng sông,
Cô lái đò kia đi lấy chồng.
Vắng bóng cô em từ dạo ấy,
Đề buồn cho những khách sang sông.*

*

Hà-nội ba mươi sáu phố phường

*Hà-nội ba mươi sáu phố phường,
Lòng chàng có đề một tơ vương.
Chàng qua chiều ấy qua chiều khác.
Góp lại đường đi: vạn dặm đường.*

*Nhà ấy hình như có mặt trời,
Có rừng, có suối, có hoa tươi,
Bao nhiêu chim lạ, bao nhiêu bướm?
— Không có gì đâu, có một người.*

Chân bước khoan khoan, lòng hồi lòng :

— Có nên qua đấy nữa hay không ?

Không nên qua đấy ? nên qua đấy ?

Không, nhớ làm sao ! Qua, mất công !

Có một chiều kia anh chàng si,

Đến đầu phố ấy bỗng ngừng đi :

— Hai bên hàng phố hình như họ ...

Đi mãi đi hoài có ích chi ?

Đem bao hy vọng lúc ra đi,

Chuồn lấy buồn thương lúc trở về.

Lòng mỗi lần đi, lòng bão táp,

Mỗi lần là mỗi cuộc phân ly.

Chàng đau đớn lắm, môi cắn môi.

Răng cắn vào răng, lời ghen lời :

— Hờ hững làm sao, mê mẩn quá,

Trời ơi, cứu vớt lấy hồn tôi !

Chao ôi ! Yêu có ông trời cứu,

Yêu có ông trời khóa được chân.

Chàng lại đi về qua phố ấy,

Mấy mươi lần nữa và vân vân...

Chàng đi, đi mãi, đi, đi mãi

Đến một chiều kia, đến một chiều.

Phố ấy đỏ bừng lên xác pháo,

Yêu là như thế... Thế là yêu !

Hà-nội ba mươi sáu phố phường,

Lòng chàng đã dứt một tơ vương,

Chàng qua chiều ấy qua chiều khác...

Ồ ! Một người đi giữa đám tang.

(Lờ bước sang ngang)

Vấn vợ

*Đã quyết không.., không... được một ngày,
Rồi yêu, yêu cả buổi chiều nay.
Chiều nay bướm trắng ra nhiều quá,
Không biết là mưa hay nắng đây ?*

*Lâu nay tôi thấy ở lòng tôi,
Như có tơ vương đến một người
Người ấy . . . nhưng mà tôi chẳng nói,
Tôi đành ngậm miệng nữa mà thôi.*

*Tôi quen ngậm miệng với tình xưa,
Tình đã sang sông, đã tới bờ,
Tình đã trao tôi bao oán hận,
Và đem theo cả một thuyền mơ,*

*Mơ có năm năm đã vội tàn.
Có nàng đan mãi áo len đan,
Có nàng áo đỏ đi qua đấy,
Hương đượm ba ngày, hương chữa tan.*

*Mà hương đượm mãi ở hồn tôi,
Tôi biết là tôi yêu mất rồi,
Tôi biết rồi đây tôi khổ lắm ;
Chiều nay gió lạnh đấy, nàng ơi !*

*Tất cả mùa đông đan áo len,
Cho người, cho tất cả người quen.
Còn tôi người lạ, tôi người lạ,
Có cũng nên và không cũng nên.*

Oán đã bao la, hận đã nhiều,
 Có sao tôi vẫn chẳng thôi yêu ?
 Tôi đi mãi mãi con đường ấy,
 Qua lại hôm nay, sáng lại chiều.
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Những bóng người trên sân ga

Những cuộc chia lìa khởi sự đây,
 Cây đàn sum họp đứt từng dây.
 Những lời bèo bọt thân đơn chiếc,
 Lần lượt theo nhau suốt tháng ngày.

Có lần tôi thấy hai cô bé.
 Sát má vào nhau khóc sùi sùi.
 Hai bóng chung lưng thành một bóng,
 « Đường về nhà chị chắc xa xôi. »

Có lần tôi thấy một người yêu,
 Tiễn một người yêu một buổi chiều,
 Ở một ga nào xa vắng lắm.
 Họ cầm tay họ, bóng xiêu xiêu.

Hai chàng tôi thấy tiễn đưa nhau,
 Kẻ ở sân ga, kẻ cuối tàu.
 Họ giục nhau về ba bốn bận,
 Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu.

Có lần tôi thấy vợ chồng ai,
 Thèn thẹn đưa tay bóng chạy dài.
 Chị mở khăn trầu, anh thất lại,
 Mình về nuôi lấy mẹ mình đi.

Có lần tôi thấy một bà già,
Đưa tiễn con đi tận chốn xa,
Lâu chạy lâu rồi, bà vẫn đứng,
Lưng còng đồ xuống bóng sân ga.

Có lần tôi thấy một người đi,
Chẳng biết về đâu nghĩ ngợi gì.
Chân bước hững hờ theo bóng lẽ;
Một mình làm cả cuộc phân ly.

Những chiếc khăn màu thồn thức bay,
Nhưng bàn tay vẫy những bàn tay.
Nhưng đôi mắt ước nhìn đôi mắt,
Buồn ở đâu hơn ở chốn này ?

Tôi đã từng chờ những chuyến xe,
Đã từng đưa đón kẻ đi về,
Sao nhà ga ấy, sân ga ấy.
Chỉ dè cho long đẩu biệt ly.

*

Lòng người trinh nữ

Chiều về chậm chậm trong hiu quạnh,
Tơ liễu theo nhau nhảy xuống hồ,
Tôi thấy quanh tôi và tất cả,
Châu thành Hà-nội chút khấn sờ.

Nước mắt chảy quanh, tình thất lại,
Giờ đây, tôi khóc một người về.
Giờ đây, tôi thấy lòng cay đắng,
Như có ai mời chén biệt ly.

Sáng nay vô số lá vàng rơi,
 Người gái trinh kia đã chết rồi.
 Có một chiếc xe màu trắng đục,
 Hai con ngựa trắng bước hàng đôi.

Dem đi một chiếc quan tài trắng
 Và những bông hoa trắng lạnh người.
 Theo bước, những người khăn áo trắng,
 Khúc hồn trinh trắng mãi không thôi.

Đề đưa nàng đến nghĩa trang này,
 Nàng đến đây rồi, ở lại đây.
 Ở nhĩ ? Hôm nay là mấy nhĩ ?
 Suốt đời tôi nhớ mãi đêm nay:

Sáng nay sau một cơn mưa lớn,
 Hà-nội bùng lên những nắng vàng.
 Có những cô nàng trinh trắng lắm,
 Buồn rầu theo vết bánh xe tang.

Từ nay xa cách mãi mà thôi,
 Tìm thấy làm sao được bóng người.
 Vừa mới hôm nào còn thẹn thẹn,
 Tay cầm sáp đỏ bỏ lên môi.

Chiếc áo màu xanh tựa nước hồ,
 Nàng vừa may áo với mùa thu.
 Gió thu còn lại bao nhiêu gió ?
 Chiếc áo giờ đây ở dưới mồ.

Chắc hẳn những đêm như đêm qua,
 Nàng còn say mộng ở chấn hoa,
 Chấn hoa ướp một trời xuân sắc.
 Đến tận tận canh rộn tiếng gà.

Chắc hẳn những đêm như đêm kia,
Nửa đêm lành lạnh gió thu về.
Nàng còn thao thức ôm cho chặt ..
Chiếc gối nhung mềm giữa giấc mê.

Nhưng sáng hôm nay nàng lặng im,
Máu đào ngưng chảy ở nơi tim.
Mẹ già xé vệt khăn tang trắng,
Quấn vệt lên đầu mấy đứa con.

Người mẹ già kia tuổi đã nhiều,
Đã từng đau khổ biết bao nhiêu.
Mà nay lại khóc thêm lần nữa,
Nước mắt còn đâu buổi xế chiều.

Những đứa em kia chưa khóc ai,
Mà nay đã khóc một người rồi,
Mà nay trên những môi son ấy,
Chẳng được bao giờ gọi : chị ơi !

Nàng đã qua đời dề tối nay,
Có chàng đi hứng gió heo may.
Bên hồ dề mặc mưa rơi ướt,
Đắm mãi băng quơ những gót giày.

Người ấy hình như có biết nàng,
Có lần toan tỉnh chuyện sang ngang.
Nhưng hồn nàng tựa con thuyền bé,
Đã đắm ngàn thu ở tuổi vàng.

Có gì vừa mất ở đâu đây ?
Lòng thấy mềm như rượu quá say.
Hốt hoảng chàng tìm trong bóng tối,
Bàn tay lại nắm phải bàn tay.

Chỉ có vài hôm nữa, thế rồi,
 (Người ta thương nhớ có ngần thôi !)
 Người ta nhắc đến tên nàng dề
 Kề chuyện nàng như kề chuyện vui.

Tôi với nàng tuy không biết nhau,
 Mà tôi thương tiếc bởi vì đâu ?
 « Mỹ nhân tự cổ như danh tướng,
 Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu. »
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Thôi nàng ở lại

Hoa đào từng cánh rơi như tuyết
 Xuống mặt sân rêu những mắt buồn.
 Như những tâm tình tan vỡ ấy,
 Nhện già giăng mắc sợi tơ đơn.

Nàng đến thăm tôi một buổi chiều,
 Nhưng mong chấp nối lại thương yêu.
 Nhưng tôi không dám, tôi không thề,
 Chấp nối bao nhiêu khổ bấy nhiêu.

Nàng hỡi ! tôi không thề dối nàng,
 Dối tôi, mà lại nói yêu thương,
 Tôi giờ như một người tang tóc
 Chẳng dám cùng ai dệt mộng vàng.

Nàng hãy vì tôi đoạn một lời :
 « Từ nay nàng đã hết yêu tôi,
 Từ nay ta sẽ xa nhau mãi,
 Ta sẽ quên nhau đến trọn đời. »

Nàng hãy đi xây lại cuộc đời,
 Rồi đây ai nhắc đến tên tôi.
 Và ai nếu hỏi : « Là ai nhỉ ? »
 Nàng đáp lạnh lùng : « Chẳng biết ai ! »

Tôi sẽ đi đây. Tôi sẽ quên,
 Trọn đời làm một kẻ vô duyên,
 Trọn đời làm một thân cô lữ.
 Ở mọi miền xa, ở mọi miền.

Ai đi chấp lại cánh hoa rơi,
 Bắt bóng chim xa tận cuối trời.
 Có lẽ ngày mai dò ngược sớm,
 Thôi nàng ở lại đây ... quên tôi.
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Dòng dư lệ

Tặng T. T. Kh.
 Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
 Rỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.
 T. T. Kh.

Gló đưa xác lá về đường,
 Thu sang nhuộm cả sầu thương một trời.
 Sầu thương quện lấy hồn tôi,
 Đêm qua ngồi đọc thơ người xa xăm.
 Một ngàn năm, một vạn năm,
 Con tằm vẫn kiếp con tằm vương tơ.
 Tặng người gọi một văn thơ,
 Hay là dòng nước mắt thừa đêm qua.
 Đường vào Thanh-hóa bao xa ?
 Bao giờ ra nhớ rủ ta với, chàng !

*Bảo rằng quan chẳng cho sang,
Ai đời quan cấm dò ngang bao giờ !*

•

*Vườn Thanh qua đây năm xưa,
Trọ nhờ đêm ấy trời mưa tối trời.
Quanh lò sưởi ấm, bên tôi,
Bên người lão bộc đương ngồi quay tơ.
Tuổi nàng năm ấy còn thơ,
Còn bao lời hứa đợi chờ một mai.
(Rồi đây bao gió bụi đời.
Tôi quên sao được con đường vườn Thanh.
Lạnh lòng canh lại sang canh,
Lòng tôi thao thức với tình băng quơ,
Bởi sinh lạc kiếp giang hồ,
Dám đâu toan tính xe tơ giữa đường.*

•

*Thu sang, rồi lại thu sang,
Cúc bao lần nở lá vàng bao rơi ?
Bao nhiêu vật đổi sao dời ?
Đường bao dặm thẳng, hơi người bốn phương ?
Trọ bao nhiêu quán bên đường
Nhưng không lần nữa qua vườn Thanh xưa.
Cô nàng năm ấy quay tơ,
(Tôi quên sao được !) Hân chưa lấy chồng.
Một hôm lòng lại nhủ lòng :
Nơi đây giáp với cánh đồng vườn Thanh.
Rồi tôi len lén một mình,
Ra đi với một tấm tình hay hay.
Đường mòn trần ngập bông may,
Gió heo báo trước một ngày thu sang.*

Dừng chân trước cửa nhà nàng.
 Thấy hoa vàng với bướm vàng hôn nhau.
 Tìm nàng chẳng thấy nàng đâu,
 Lá rơi lá tả bên lầu như mưa ...
 Chợt người lão bộc năm xưa,
 Từ đâu mang mảnh giường tơ lại nhà.

*

Một hai xin phép ông già,
 Trọ nhờ đêm ấy nữa là hai đêm.
 Ông già nể khách người quen.
 Ngậm ngùi kể lại một thiên hận tình.
 Rồi ông kết : (giọng bất bình)
 — « Trời cay nghiệt thế cho đành.

Thưa ông ...

« Cô tôi nhạt cả môi hồng,
 « Cô tôi chết cả tấm lòng ngây thơ.
 « Đâu còn sống lại trong mơ ?
 « Đâu còn sống lại bên bờ sông yêu ?
 « Buồng the sầu sớm thương chiều
 « Khúc thầm biết có bao nhiêu lệ rồi.
 « Tơ duyên đến thế là thôi !
 « Thì là uổng cả một đời tài hoa.
 « Đêm đêm bên cạnh chổng già,
 « Và bên cạnh bóng người xa hiện về... »
 Rùng mình, tôi vội gạt đi :
 « Già ơi ! Thảm lắm ! Kề chi dài dòng ?
 « Cháu từ mắc số long đong.
 « Yêu đương chìm tận đáy lòng đã lâu.
 « Đau thương qua mấy nhịp cầu,
 « Cạn dòng nước mắt còn đâu khúc người.

*

« *Đổi già một chút mà thôi,
 « Nghe lời già kể cháu mười đêm luôn,
 « Chợt thương, chợt khóc, chợt buồn,
 « Cháu như một kẻ mất hồn, già ơi ! »*

*

*Truyện xưa hồ lãng quên rồi,
 Bỗng đâu xem được thơ người vườn Thanh.
 Bao nhiêu oan khổ vì tình,
 Có sao giống hết truyện mình gặp xưa ?
 Phải chăng ? Mình có nên ngờ
 Rằng người năm ngoai bây giờ là đây ?
 (Lữ bước sang ngang)*

*

Hôn nhau lần cuối

*Cầm tay, anh khẽ nói :
 Khúc lóc mà làm chi ?
 Hôn nhau một lần cuối,
 Em về đi, anh đi.*

*Rồi một, hai, ba năm,
 Dành thành anh trở lại.
 Với em, anh chẵn trăm,
 Với em, anh dệt vài.*

*Ta sẽ là vợ chồng.
 Sẽ yêu nhau mãi mãi.
 Sẽ xe sợi chỉ hồng,
 Sẽ hát ca ân ái.*

Anh và em sẽ sống
 Trong một mái nhà tranh
 Lấy trúc thưa làm cổng
 Lấy tơ liễu làm màn.

Nghe lời anh, em hỡi !
 Khóc lúc mà làm chi ?
 Hôn nhau một lần cuối,
 Em về đi, anh đi...
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Rượu xuân

Cao tay nâng chén rượu nồng,
 Mừng em : em sắp lấy chồng xuân nay.
 Uống đi ! Em uống cho say !
 Dề trong mơ, sống những ngày xuân qua.

*

Thấy tình duyên của đôi ta,
 Đến đây là... đến đây là... là thôi !
 Em đi dệt mộng cùng người,
 Lẻ loi xuân một góc trời riêng anh.
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Thoi tơ

Em lo gì trời gió,
 Em sợ gì trời mưa,
 Em buồn gì mùa hạ,
 Em tiếc gì mùa thu ?

Em cứ yêu đời đi !
 Yêu đời như thổi nỏ.
 Rồi đề anh làm thơ,
 Và đề anh dệt lụa.

Lụa dệt xong may áo
 Áo anh và áo em.
 May áo nếu thiếu lụa,
 Xe tơ, em dệt thêm.

Thơ làm xong anh đọc
 Bên anh, em lắng nghe,
 Và đề lòng anh thỏn thức,
 Theo vần âu yếm kia.

Mộng đẹp theo ngày tháng,
 Đi êm đềm như thơ
 Khác nào trên khung cửi,
 Qua lại chiếc thoi tơ.

(Lỡ bước sang ngang)

*

Khăn hồng

Gửi chị

Chị cho em chiếc khăn thêu,
 Ý chị thương em khóc đã nhiều.
 Khóc chị ngày xưa, giờ lại khóc,
 Cho mình khi tắt một tình yêu.

Em nhớ mùa xuân năm ngoái đây,
 Em sang thăm chị, ở hai ngày.
 Vắng người, em có thừa cùng chị ?
 — Em đã yêu và đã đắm say.

Đưa ảnh người yêu cho chị xem,
 (Cả thư người ấy gửi cho em)
 Chị cười : « Đáng sợ là đôi mắt.
 « Chưa khúc đăm nào đèn trắng đêm,
 « Em cứ yêu đi ! Thực thủy chung,
 « Yêu đi ! Rồi chị tặng khăn hồng.
 « Bao giờ.. vui nhĩ ! Về ăn cưới !
 « Chắc chẳng như khi chị lấy chồng. »
 Em đi theo đuổi mãi tơ duyên,
 Dò mãi lòng sông, sấm mãi thuyền.
 Cho đến một hôm em mới nhớ :
 « Lòng người... Chị Trúc nhớ ha quên ? »
 Người ta đi lấy cái giàu sang,
 Bỏ cả keo sơn, bỏ đá vàng.
 Mới nửa đời thôi, mẹ phải khóc
 Hai lần, hai chuyển bước sang ngang.
 Em đi mất tích một mùa xuân,
 Di đề chôn vùi hận ái ân.
 Không hiểu nghe ai mà chị biết,
 Em về chị gửi một vuông khăn !
 Em đã dùng khăn chị đề lau
 Bao nhiêu nước mắt của u sầu.
 Em còn sợ nữa mùa thu tới.
 Người ấy còn đan áo nữa đâu !
 Em vẫn nghe lời chị : « ... Thủy chung »
 Cho nên khăn chị vẫn phai hồng.
 Dem thân về ở vườn dâu cũ.
 Buồn cũng như khi chị lấy chồng.
 (Lỡ bước sang ngang)

Lòng mẹ

Gái lớn ai không phải lấy chồng,
Can gì mà khóc, nín đi !hông !
Nín đi ! Mặc áo ra chào họ ;
Rõ quý con tôi các chị trông.

Ương ương dờ dờ quá đi thôi.
Cô có còn thương đến chúng tôi:
Thì đứng lên, vào lau nước mắt.
Mình cô làm khổ bấy nhiêu người.

Này áo đồng lắm, quần lĩnh tía,
Này hương này lược, này hoa tai.
Muốn gì tôi sắm cho cô đủ,
Nào đã thua ai ? đã kém gì ?

Tôi già, tôi chết ... Khiến cô thương ?
Nuôi đại em cô, tôi đảm đương,
Nhà cửa tôi coi, tôi giữ nọ.
Ai nhờ gái góa, việc quân vương.

Đưa con ra đến cửa buồng thôi ;
Mẹ phải xa con khổ mấy mươi !
Con ạ ! Đêm nay mình mẹ khóc,
Đêm đêm, mình mẹ lại đưa thôi.
(lờ bước sang ngang)

*

V â n g

Lạ quá ! Làm sao tôi cứ buồn ?
Làm sao tôi cứ khổ luôn luôn ?
Làm sao tôi cứ tương tư mãi
Người đã cùng tôi phụ rất tròn ?

Thì ra chỉ có thể mà thôi !
 Yêu đấy, không yêu đấy, đề rồi
 Mặc hần đường tơ sang cửi khác,
 Dệt từng tấm mộng đề dâng ai.
 Khuyên mãi sơn cho chữ «Ái tình» !
 Mộng lòng trang diễm mãi cho xinh.
 Có người, đêm ấy, khoe chồng mới :
 « Em chữa yêu ai, mới có mình ».
 Có người trong gió rét mùa đông,
 Chăm chỉ đan cho trọn áo chồng.
 Còn bảo : « Đường len đan vụng quá !
 Lăn đầu đan áo kiêu đàn ông. »
 Vâng, chính là cô chữa yêu ai,
 Lăn đầu đan áo kiêu con trai.
 Tôi về thu cả ba đông lại,
 Đốt hết cho cô khỏi thẹn lời !
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Lòng nào dám tưởng

Mẹ em như bóng nắng về chiều,
 Sống được bao nhiêu, biết bấy nhiêu.
 Em em còn trẻ người non dạ !
 Há nỡ theo anh, nỡ bỏ liêu... ?
 Lấy ai nuôi mẹ, dạy em thơ ?
 Anh có thương em hãy cố chờ.
 Chưa trọn đạo con, tròn nghĩa chị,
 Lòng nào dám tưởng đến duyên tơ.
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Giọt nền hồng

Giọt nền hồng gieo xuống án thư,
 Người nhà tiếng khách mỗi dần thưa,
 Dì Hai sẽ ghé tai em dặn,
 « Như thế... từ nay... cháu nhớ chưa ? »

Chiều ấy dì Hai đã trở về,
 Mình em ở lại với buồng the.
 Buồng riêng chắn chiếu nguyên mùi mới
 Đốt nền hồng lên lại tắt đi.

.
 Ái chà ! Gió lạnh ! Gớm mùa đông !
 Lặng yên níu áo dì Hai lại,
 Ngủ nốt đêm nay có được không ?
 (Lỡ bước sang ngang)

*

Dồi lòng

Xé bao nhiêu lụa rồi,
 Em không cười một miêng.
 Đốt bao nhiêu lửa rồi,
 Em không lên một tiếng.

Lòng anh như lụa đây,
 Tình anh như lửa đây
 Bao-Tự ngày xưa em !
 Nàng dễ chiều biết mấy !

Trên đường môi nhỏ nhỏ,
 Trên màu môi hồng hồng,
 Cái gì anh đã thấy,
 Hình như là mùa đông ?

Hương lâu hoa chìm chìm. . .
Cửa lâu hoa vẫn đóng,
Có khác gì môi em !
Cơ hồ anh tuyệt vọng.

Có khác gì lòng em,
Cửa lâu hoa vẫn đóng.
Nghe hồn anh chìm chìm. . .
Nghe buồn anh rộng rộng.

Một toán quân khát nước,
Đương đi tìm rừng mơ,
Sao em không bắt chước
Nói dối như người xưa ?

Anh dối lòng anh mãi.
Rằng đây là rừng mơ,
Anh dối lòng anh mãi
Rằng em là Nàng Thơ.
Anh dối lòng anh mãi :
« Em sắp cười bây giờ ! »

(Người con gái ở lâu hoa)

*

Mỹ - nương

Trời không có gió
Làm sao tôi buồn ?
Người yêu không có
Sao tôi nhớ thương ?

Tôi nhớ Tây-Thì
 Trong lòng Ngô-vương ?
 Hay Dương quý-phi
 Trong dinh Trầm-hương ?

Hay là tôi nhớ
 Cô bé Hằng-ngà
 Nằm trong Cung Quảng ?
 Vợ chàng Ngưu-lang
 Bên bờ Ngân-hà ?

Không, không tôi nhớ
 Một người rất xa
 Một người con gái
 Nhan sắc như... là...

Toan ví mà thôi
 Vì bao nhan sắc
 Xây dựng trên đời
 Sánh sao nàng được.

Nàng hơn Tây-Thì,
 Hơn Dương quý-phi,
 Hằng-ngà, Chức-nữ
 Có ăn thua gì ?

Chao ơi ! tôi nhớ !
 Và yêu mất rồi.
 Nhưng người xa ấy
 Nhớ thương gì tôi !

(Người . o . i gái ở lầu hoa)

Áo đẹp

Em muốn anh cười đi !
 Me em may áo đẹp
 Cho xem xong rồi kia.

Lạy trời tết này tạnh,
 Mặc, em đi lễ chùa
 Khỏi lấm và khỏi lạnh.

À, con Bích, con Phương.
 Nó rủ em ngoài tết.
 Đi trảy hội chùa Hương.

Ấy đã từ thừa bé,
 Em chưa đi chùa Hương.
 Đi với em, anh nhé !

(Người con gái ở lâu hoa)

*

Ng. ời con gái ở lâu hoa

Nhà nàng ở gốc cây mai trắng,
 Trên xóm mai vàng dưới đẽ-kinh.
 Có một buổi chiều qua lối ấy,
 Tôi về dệt mải mòng ba sinh.

Tôi rút hồn tôi xuống mắt nàng.
 Hồn tôi là cả một lời van.
 Tôi van nàng đấy ! van nàng đấy !
 Ai có yêu đương chả vội vàng ?

Tôi rút hồn tôi xuống đã nhiều,
 Hồn tôi còn có được bao nhiêu ?
 Tôi đi sợ cả lời tôi nói,
 Sợ cả gần nàng, sợ cả yêu.

Nàng có bao giờ nghĩ đến không ?
 Không, nàng đan áo suốt mùa đông.
 Mùa xuân qua cửa, tôi qua cửa,
 Nàng chẳng nhìn cho, đến nẻo nùng !

Tôi mĩa mai tôi, oán trách tôi
 Làm sao tôi lại cứ cảm lỗi ?
 Thì trăm con gái, nghìn con gái,
 Nàng cũng là người con gái thôi.

Có một nghìn đêm tôi chiêm bao,
 Ba đêm nay khúc với mưa rào.
 Đêm nay mất đồ rồi, mưa tạnh,
 Tôi khúc âm thầm dưới bóng sao.

Nàng ở lầu hoa ở đêm hồng,
 Có đêm nào nghĩ đến tôi không ?
 Không không, chẳng có đêm nào cả,
 Chẳng có đêm nào hé cửa song. . .

(Người con gái ở lầu hoa)

*

Thanh đạm

Nhà tranh thì sẵn đấy,
 Vợ xấu có làm sao !
 Cuộc kêu ngoài bãi sậy,
 Hoa cúc nở đầy ao.

Mấy sào vườn đất mới.
 Trồng dâu và trồng cam.
 Không ngại xa, người tới
 Thăm tôi, tôi cảm ơn,

Làng bên sẵn rượu ngon,
 Đêm nay ta đối ẩm,
 Tre nhà đương cũ ậm,
 Tha hồ là mắng non.

Đường làng không tiện xe,
 Sớm mai người hãy trầy.
 Cây nguyệt nằm suông mãi,
 Tôi xin đàn người nghe.

(Người con gái ở lầu hoa)

*

Cầu nguyệt

Nàng hãy vui đi, dẫu một ngày,
 Dẫu phần ba phút, góc tư giây,
 Dẫu trong thoáng mắt nhìn như chớp,
 Cũng đủ cho nàng quên đắng cay.

Nàng đừng nên tưởng tôi không biết
 Những nỗi yêu thương những oán sầu,
 Tràn ngập những đêm đầy nước mắt,
 Những ngày đầy hận của nàng đâu ?

Không, không, tôi biết, nhưng nàng hơi !
 Tôi biết làm sao giữa lúc này ?
 Giữa lúc nắng không tươi đẹp nữa,
 Hoa không buồn thắm, bướm không bay.

Giữa lúc tâm hồn trong sáng ấy
 Đương mờ như thủy mảnh gương phai.
 Ngây thơ hấp hối trong nhan sắc,
 Đợi hắt hơi thừa một sớm mai.

Khuyên một lời ư ? Nhưng biết đâu.
 Lời khuyên không chạm đến tim đau.
 Tim đau sẽ vọt ngàn tia máu,
 Dọng lại muôn ngày vết hận sâu...

Song tôi phải nói khi oan khờ,
 Đã hiện hình lên ám ảnh nàng.
 Ai nỡ quay đi không cứu vớt,
 Lỡ người tri kỷ đắm dò ngang.

Nàng sống sao cho khỏi yếu hèn,
 Khóe là ủy mị, chết là diên
 Gây cho hoàn cảnh thêm tươi đẹp,
 Lọc mãi cho hồn trong sáng lên.

Nàng nên gìn giữ lấy dung nhan,
 Chớ tắt khi chưa đến độ tàn,
 Chớ hết khi còn và phải mãi
 Ngược dòng tàn phá của thời gian.

Và nên thương đến đứa con thơ,
 Sấn sóc ai người những sớm trưa.
 Mùa nắng ai người may áo mỏng.
 Ai người ấp ủ những đêm mưa ?

Nhưng câu nhạt nhẽo tầm thường ấy,
 Tôi viết ra đây để tặng nàng.
 Mong sẽ vì tôi nàng bớt khổ.
 Giờ tay cười đón ánh xuân sang.

(Người con gái ở lâu hoa)

Một lần

Gặp một lần thôi nhớ chẳng quên,
 Nghe đâu đường những sáu ngày thuyền.
 Chao ôi ! lông ngỗng mà bay hết,
 Biết lối nào lên tới xứ tiên ?

Biết lối nào lên tới xứ nàng ?
 Đề người Hà-nội nhớ mang mang.
 Nàng đi, Hà-nội buồn như chết
 Hà-nội buồn như một nhớ nhàng.

Ôi ! Lụa ! Ôi ! Đờn ! Ôi ! Tóc tơ !
 Nàng làm thiên hạ muốn tương tư.
 Mưa xuân bay mãi làm chi thế ?
 Tôi nhớ ai nào ? xuân biết chưa ?
 (Người con gái ở lầu hoa)

*

Lòng yêu đương

Yêu, yêu, yêu mãi thế này !
 Tôi như một kẻ sa lầy trong yêu,
 Cao bao nhiêu, thấp bấy nhiêu,
 Một hai ba bốn năm chiều rồi... thôi.

Nơi này chán vạn hoa tươi,
 Đề yên tôi hái đừng mời tôi lên.
 Một đi làm nở hoa sen,
 Một cười làm rụng hàng nghìn hoa mai.
 Hương thơm như thề hoa nhài,
 Những môi tô đậm làm phai hoa đào.

Nồn nà như thề hoa cau,
Thân hình yếu điệu ra màu hoa lan.

Ai yêu như tôi yêu nàng,
Hợp nhau lại hợp thành làng cho xinh.
Chung nhau dựng một ngôi đình,
Thờ riêng một vị thần linh là Nàng.
(Người con gái ở lầu hoa)

Một nghìn cửa sổ (1)

Một nghìn cái cửa sổ
Đều khép vào đêm qua,
Một nghìn bàn tay ngà
Đã thò ra cửa sổ.

Một nghìn cái cửa sổ
Đều khép vào đêm nay.
Lại nghìn cái bàn tay
Ấy thò ra cửa sổ.

Hỡi nghìn cái cửa sổ
Rời khép vào bên trong
Có thấu tình ta không ?
Có thấu tình ta khờ.

Đêm qua và đêm nay,
Và nghìn đêm về trước,
Ta đi trên phố này,
Ta đi trên phố khác.

(1) Bài thơ này Nguyễn-Bính sáng tác trong thời Nam-bộ kháng chiến, Bản sao do Văn tàng trữ.

Đề mơ những bàn tay
 Của những nàng gái đẹp,
 Đề muốn rằng đêm nay,
 Cửa ai buồn chẳng khép.

Chẳng ai buồn, chẳng khép
 Cho lòng ta đêm nay
 Đề lòng ta đêm nay
 Mất một người gái đẹp.

Cửa hàng nghìn khép lại
 Tất cả một đêm nay
 Có lòng ta rồ dại
 Mở ra muôn ngàn ngày.

*

Tình giặc chiêm bao (1)

Chín năm đốt đuốc soi rừng
 Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân
 Cửa xưa màn trúc còn ngăn
 Góc tường vẫn đọng trăng xuân thuở nào
 Làng xa bản nhỏ đèo cao
 Gió bay tà áo chiêm bao nửa chừng
 Anh về luyến núi, thương rừng
 Nhớ em đêm sáng một vùng Thủ-đô.

Bồi hồi chuyện cũ năm xưa
 Gặp nhau lần cuối... trang thư lệ nhòa
 Thư rằng : « Thôi nhé đôi ta
 Tình sao không phụ mà ra phụ tình

(1) Trích báo « Trăm hoa » xuất bản tại Hà-nội ngày 9-12-1956.

Duyên nhau đã dựng Trường-dinh
Mẹ em đã xé tan tàn gối thêu... »

Trăng khuya sang núi gương đèn
Anh đi, thư vẫn nằm đeo bên mình
Lửa sàn nét chữ chênh chênh
Nếp thư đến rách chưa lành vết thương.

Dầm dầm hoa sữa lên hương
Chân anh đương bước giữa đường cái đây
Nào liễu, song cửa, lá bay
Sáng chừng bóng dạng bao ngày yêu xưa
Trăm năm đã lỡ hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò còn không ?

Tình cừ gặp giữa phố đông
Em đi riu rít tay chồng tay con
Nét cười âu yếm môi son
Áo bay nhắc buổi trăng tròn sánh vai...

Chín năm bão tố mưa ngày
Nước non đề có hôm nay sáng trời
Em đi hạnh phúc hồng tươi
Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp thay ?
Sắc hương muôn nẻo tuôn trào
Tiếc mà chỉ giấc chiêm bao một mình
Anh về viết lại thơ anh
Đề cho bến mát cây xanh đôi bờ
Cho sông cho nước tự giờ
Chẳng còn lời chuyện con đò sang ngang
Lửa đôi nhưng bức thư vàng
Chẳng còn chữ chữ hàng hàng lệ rơi
Chim hồng chim nhạn, Em ôi
Trên nền gối cưới đời đời yêu nhau.

NGUYỄN-BÍNH

(S-1956)

Tỳ bà truyện (I)

1. Ngắm xem từ trước đến giờ,
Việc đời thực biến như cờ thất tình.
Kim năng ngữ, kiếm dục tình,
Ngán cho thế sự nhân tình bấy nhiêu !

*

- Ngày xưa ở quận Trần-lưu,
Có nhà họ Thái ra chiều hiếm hoi.
Vợ chồng tuổi ngoại sáu mươi,
Khởi hương duy được một người con trai.
Gọi tên là Thái Bá Giai,
10. Vãn cho khuya sớm dùi mài sử kinh.
Nếp nhà vốn sẵn thông minh,
Giai còn nhỏ đã nức danh thần đồng.
Văn chương lừng lẫy khắp vùng,
Độc trơn bảy bước, thuộc lòng năm xe.
Thầy đồ gặp bạn thường khoe :
« Nó rồi ông Cống, ông Nghè nay inai.
« Tài hoa nó đã hơn người,
« Công danh nó hẳn-gấp mười lữ ta.
« Hậu sinh khá úy lắm mà,
 20. « Ta như quá tuổi, nó là phượng non. »
Đời tươi như những khuyển sơn.
Thất-ông hy vọng cho con nên người,
Trước là tỏ mặt với đời,
Sau là vui hưởng phúc trời cũng hay.

(1) Vì sự nhu cầu của sinh viên, chúng tôi mạn phép ghi lại toàn bài Tỳ bà truyện để các em có lấy đủ tài liệu tham khảo về Nguyễn-Bính.

Thái-bà canh củi luôn tay,
 Cơm ăn hôm sớm áo may lạnh nồng.
 Đàn bà làm tướng bên trong,
 Khuyên con Từ Mẫu, thờ chồng Mạnh Quang.
 Đã tần tảo, lại tao khang,

30. Dưỡng sinh nghĩa cả đá vàng duyên cao.

Đêm ngày nắng xế bờ ao,
 Mưa khuya vườn chuối ra vào tóc sương.

Thái-sinh mỗi buổi tan trường,
 Thường về qua xóm Hiền-trương cạnh làng.
 Nhà ai vách trúc rèm lan,
 Thường nghe vắng vắng tiếng đàn bay ra.
 Tiếng dâu thắm ngọc tươi hoa,
 Tiếng dâu nắng xế, trắng tà, nửa khuya.
 Tiếng dâu chấp nối chia li,

40. Ngựa lên ải quạnh chim về rừng xa,

Tiếng dâu, ôi! Tiếng Tý-bà,
 Dừng chân Chung Tử đề mà vấn vương.

Thần thờ sớm nắng chiều sương,
 Đàn ai trâu khách qua đường mãi đây.

Đàn không là rượu mà say,
 Đàn không cay đắng mà cay đắng lòng.

Nhà ai? Quạnh vắng vô cùng,
 Thăm gieo hiên biển vàng phong ngô lười.

Tiếng oanh nhại tiếng ai cười,

50. Bóng dương bắt chước bóng người phất phơ.

Một mình năm ngàn mười ngơ,
 Thái-sinh ngâm mấy vần thơ cảm hoài

Đêm đêm trọng tiếng học bài
 Đường như có lẫn một vài tiếng tơ.

- Mặt đường theo nhặt lá ngô.
 Bãi nằm xe cát dờ đưa lạnh chèo.
 Khắp trời gió lộng vi veo,
 Sương mai dưới núi, sương chiều trên sông.
 Thái-sinh thắc mắc bên lòng,
 60. Chờ mong nhưng biết chờ mong những gì ?
 Mơ màng như ở, như đi
 Như vương kén lại, như lìa tở ra.
 Như gần thôi lại như xa,
 Xót trắng đầu tháng, thương hoa cuối mùa.
 Bỗng không ai đợi mà chờ,
 Ai tin mà tưởng, ai ngờ mà oan ?
 Chiều thu thơ thần bóng vàng,
 Có ai xuôi bước cho chàng đi qua.
 Nhà ai bật tiếng tỳ bà,
 70. Trong vườn thấp thoáng bóng hoa : bóng người
 Bóng người ? không, bóng hoa tươi,
 Bóng hoa ? không, cả bóng người bóng hoa.
 Liễu điều thua vẻ thướt tha,
 Dây là đâu ? Phải đây là Đào-nguyên ?
 Cõi trần mà có người tiên,
 Nón nà như huệ, dù hiền như lan.
 Thái-sinh dừng bước bên đàng.
 Hồn say đắm quá tình càng đắm say.
 Dân kia âu hẩn tay này,
 80. Sớm chiều trong gió bay đầy tiếng tơ.
 Ngàn thu sóng vỗ vào bờ,
 Ngàn thu tài tử vẫn chờ giai nhân.
 Trong vườn người đẹp băng khuâng,
 Nhẹ vịn cành thắm, tay ngần ngại tay,
 Gió chiều thổi cánh hoa bay,
 Gió chiều nhắn gửi với ngày thu sơ ?
 Thốt như linh cảm bấy giờ,
 Giai nhân đưa mắt qua bờ đậu thưa.
 Giật mình : « Ô ! lạ lùng chưa ?
 90. Người nào đứng đó ngẩn ngơ nhìn mình ?

- Người nào có vẻ thư sinh
 Mà đường đột thể ra tình bướm ong ?
 Quay đi người đẹp lạnh lùng,
 Gót son nhẹ bước vào trong buồng điều.
 Hoa thu rơi rụng thêm nhiều,
 Gió chiều héo hắt, nắng chiều héo hon.
 Thái-sinh như kẻ mất hồn,
 Nặng tô mãi bóng ưu buồn dài ra.
 Ngần ngơ quên trở lại nhà,
 100. Bỗng đâu một tiếng cười xòa bên tai.
 « Anh này đứng đợi chờ ai ?
 Hay là định đứng học bài ở đây ? »
 Thái-sinh đỏ mặt tía mày,
 Ngoảnh đầu nhìn lại mới hay bạn mình.
 « Đi đâu về đó ? Lưu sinh ! »
 Lưu cười một tiếng hữu tình mà thưa :
 « Huynh ơi ! Đệ thật không ngờ
 Từ bao mặt trắng vương mơ má hồng ! »
 Hai người so bước thông dong,
 110. Thái rằng : « Xin thú nỗi lòng cùng anh:
 Từ ngày quen mái nhà tranh,
 Tiếng tơ người đẹp vô tình bay ra.
 Ý lòng nghe vương tình hoa,
 Nhớ nhung không biết có là tương tư ?
 Đêm trường rồi cả cơn mơ,
 Rút con chỉ thắm thả thơ ló điều.
 Mỹ nhân vũ mộ vân triều,
 Biết đâu hàn sĩ sớm chiều lại qua.
 Vừa rồi tỏ mặt Hằng-nga,
 120. Mây vương tóc liễu son pha má đào.
 Mi dài, mắt sáng như sao,
 Huynh ơi ! Đệ ngỡ lạc vào thiên thai.
 Song giai nhân chẳng đoái hoài,
 Hờn hờn nàng rào gót hài vào trong.
 Cửa ngoài thắm rụng vàng phong,

- Biết sao mà ngỡ nỗi lòng hấy lâu ?
 Từ nay sách ủ đèn sầu,
 Một thân lẳng đảng qua cầu nhớ thương. »
 Lưu-sinh nghe nói tỏ tường :
 130. « Anh xông vào chốn tình trường làm chi ?
 Đã mang một tiếng nam nhi,
 Trông lên còn lắm bước đi còn nhiều.
 Hay gì bướm ghẹo ong treu,
 Có như Kim-Trọng, Thúy-Kiều ngày xưa
 Trăm t. ẽ quạt ước dong đưa.
 Mười lăm năm lận se tơ không thành
 Ví chăng cầu kết với tình,
 Sao anh không liệu về trình song thân.
 Hai nhà tính chuyện hôn nhân,
 140. Đề cho chì Tẩn, tơ Tàn se chung.
 Nền ra nên vợ nên chồng,
 Áo xanh rực rỡ má hồng đã rạng.
 Sáng trăng, trải chiếu hai hàng,
 Bên anh đọc sách, bên nàng quàn tơ.
 Con gì thương nhớ băng quơ,
 Đứng cạy chu gập hững hờ mà chơi. »
 Thái-sinh nghe chưa dứt lời,
 Vội vàng bái tạ rằng : « Tôi không ngờ
 Mấy lời anh dạy vừa giờ,
 150. Thực như bó đuốc soi bờ ao khuya.
 Làm cho tôi tỉnh giấc mê,
 Làm cho tôi thấy đường đi phải đường
 Mực đen đèn sáng tỏ tường,
 Một lời anh đáng làm gương muôn đời. »
 Chữ rằng : « Chọn bạn mà chơi »
 Bóng tà đã tắt hai người chia tay
 Độ trời mỗi cánh chim hay.
 Đò đưa chuyển cuối tiên ngày sang đêm.

- Nhà lan ngô trúc êm đêm,
 160. Đôi song đựng nguyệt bốn thềm đông hoa.
 Giai nhân trong ngọc trắng ngà,
 Vốn dòng họ Triệu, tên là Ngũ-nương,
 Từ lâu kính võ cao đường,
 Hai thân, nửa mái tóc sương, châu trời
 Tủi mình là gái mồ côi,
 Ngã ba đường cái đầy lời bướm ong.
 Vậy nên khóa chặt khuê phòng,
 Dem thân liễu yếu vun trồng hoa tươi.
 Lựa đào chưa lọt tay ai,
 170. Mùa hoa bán cất chơ người mua buồn.
 Bụi hồng chẳng ở chân son,
 Xuân xanh tuổi mới trắng tròn gương nga.
 Anh Mai, chị Cúc, em Trà,
 Đầy vườn hồng hạnh, một nhà chi lan.
 Phụ thân truyền lại ngón đàn,
 Cho con từ buổi từ quan trở về.
 Lời trung vua chẳng thêm nghe,
 Cái thanh cao ép một bề thì thôi.
 Về nhà dạy trẻ đàn chơi.
 180. Vinh hoa với đám mây trôi khác gì ?
 Hạc vàng đôi chiếc bay đi,
 Nghìn thu trần thế có về nữa đâu.
 Bỗng nhiên trời thăm đất sâu,
 Khăn tang hai giải trên đầu Ngũ-nương,
 Cửa nhà này chút lửa hương,
 Bốn dây tơ héo, một vườn hoa tươi.
 Ngũ-nương chẳng chút biếng lười,
 Hoa đầy sớm sớm, đàn vui chiều chiều.
 Gái tơ yên phận nhà nghèo,
 190. Nghĩ chi lá thắm, chỉ điều vắn vơ.

*

Nào hay vì mấy đường tơ,
 Xui nên chấp nối giấc mơ một người.

Có không, duyên nợ bởi trời,
 Thái sinh ngay buổi được lời bạn khuyên.
 Vội về trình với thông huyền,
 Xin cho mình được kết duyên cùng người.
 Rằng con đã lớn khôn rồi,
 Chấm nghiêng bút đề biếng lười thần hôn.
 Công cha nghĩa mẹ tày non,
 Một con lỗi đạo làm con sao đành ?
 Xin cho được kết duyên lành,

200. Đề cho bên hiếu, bên tình vẹn đôi.
 Hai thân nhức nói mồm cười,
 Rồi ra ta sẽ mượn người dù la.
 Ví bằng là gái nết na,
 Nhà nghèo thì chọn dâu đa nhà nghèo.
 Đề yên cha mẹ liệu chiều,
 Con còn trẻ, cố mà theo học hành,
 Chớ đam vào một chữ tình,
 Mà hư mà phụ công trình mẹ cha.

•

- Hết mùa lá rụng thu qua
 210. Vườn mai lừng nở năm ba cánh gầy
 Khắp trời vẫn một màu mây.
 Gió trôi heo hút mưa hay lạnh lùng.
 Ai mà gởi chiếc dầm đông,
 Người ta lấy vợ lấy chồng ngồn ngang,
 Vẩn danh nập thái huy hoàng,
 Trong thôn đón rề, ngoài làng đưa dâu.
 Liền liền như gió mưa mau,
 Trai lành gái tốt đua nhau đá vàng,
 Mặt sông băng giá chưa tan,
 220. Thái-sinh đã cưới được nàng Ngũ-nương,
 Động phòng tổ sáp thêm hương,
 Mắt xanh tài tử, má hường giai nhân.
 Duyên tể ngộ, nghĩa châu trần
 Giữa mùa đông có mùa xuân chen vào.

- Chuyên tay hợp cần rượu đào,
 Trong thiên hạ đám men nào dợ say ?
 Lung linh cuối mắt, đầu mày,
 Có tay trắng ngọc chờ tay trắng ngà.
 Nồng nàn e ấp thiết tha,
 230 Nửa như bạn mới, nửa là người xưa.
 Sinh rằng : « Từ buổi vương tơ,
 Lương duyên nào có ai ngờ đến nay.
 Kiếp xưa tu hần đã dày,
 Mới xui chim Phượng về cây Ngô-dống.
 Giờ đây nên vợ nên chồng,
 Trăm năm thật đã thỏa lòng khát khao.
 Ngũ-nương e ấp cúi đầu,
 Mặt hoa da phấn ửng màu chu sa.
 « Dám thừa thân phận đàn bà,
 240 Mười hai bến nước có là lênh đênh.
 Được rày hương lửa ba sinh,
 Se duyên quân tử gửi tình tri âm.
 Trước là phụng dưỡng song thân,
 Sau là sửa túi nâng khăn hầu chàng,
 Mong sao trọn nghĩa đá vàng,
 Lấy chồng thì gánh giang san nhà chồng.
 Thiếp tôi vụng dọí má hồng,
 Dám xin quân tử lấy lòng mà thương. »
 Sinh rằng : « Hoa duốc phòng hương.
 250 Em ơi ! Nói chuyện đường trường ấy chi ?
 Chén này em hãy cạn đi,
 Bóng dương xin hướng hoa quỳ đêm nay. »
 Thừa rằng : « Giai lão từ đây,
 Phải chi tình nghĩa một ngày hay sao.
 Vì chàng thương đến má đào.
 Xin cho giải tỏ thấp cao đôi lời.
 Khuyên chàng đừng lấy làm chơi,
 Châm bên tình ái, bỏ lười văn chương.
 Về gò một chút phần hương,
 260. Gắng đi cho hết con đường năm xe.

- Nửa mai gió lạnh hoa hoè,
 Lấy đâu vốn liếng trả về kinh đô ?
 Tài trai sự nghiệp là to,
 Có đâu coi nặng chuyển dò the nhi !
 Đã lòng vâng chữ vu quy.
 Phấn son thiếp đám tiếc gì phấn son ? »
 Sinh rằng : « Biền cợn non mòn,
 Những lời em nói xin chôn vào lòng.
 Trăm năm kết một giải đồng,
270. Đám say duyên mới mặn nồng tình xuân. »
 Ngắm xem lời nói tân nhân,
 Kính yêu giờ lại bội phần kính yêu.
 Mùi trinh bạch, nét yêu kiều,
 Thái sinh chẳng dám ra chiều lá lơi.
 Ngũ - nương nâng nhệ chén mời,
 Phò rãng thạch lựu, hé môi anh đào.
 Tóc mây cánh phượng, bông cao,
 Còn giai nhân đến thế nào nữa không ?
 Sinh rằng : « Non nước hằng mong.
280. Cho nghe đôi tiếng tơ đồng được chăng ? »
 « — Đã lời dạy đến xin vâng,
 Chỉ e tài nọn phu quân chê cười. »
 Bờ đào từu, dạ quang bôi,
 Tiếng lỳ-bà chẳng giục người lên yên.
 Một đàn năm ngón tay tiên,
 Một đàn chim mọng triền miên bay về.
 Đàn như tình, đàn như mê,
 Đàn se vợ vợ, đàn về dăm dăm.
 Tri âm, đàn gọi tri âm,
290. Đàn ngời ánh ngọc, đàn ngậm giọng vàng.
 Phải đây là khúc hợp hoan ?
 Một hàn tay bốn dây đàn nở hoa.
 Ngọn ngang nhưng vẫn khoan hòa.
 Người nghe lắng lắng đề mà đắm say.

- Khôn ngăn ý đẹp tràn đầy,
 Thái-sinh nắm lấy bàn tay đương dần,
 « — Như em tài sắc song toàn:
 Anh thề sẽ đúc nhà vàng đón em. »
 Ngần ngơ bốn mắt trao nhìn,
 300. Đôi môi hé nụ cười duyên. Nào nùng !
 Bên ngoài mưa gió mùa đông.
 Lò hương đã nguội, sắp hồng thì vơi.
 Màn the đôi cánh hương rồi,
 Chấn hương gói phẩn một trời phẩn hương.
 Mất ngà men rượu yêu đương,
 Thái-sinh dần rõ Ngũ-nương hồn nã.
 Tóc nhung viền suốt thân ngà,
 Nhụy hồng e ấp tình hoa đầu mùa.
 Rùng mình như nếm mơ chưa,
 310. Cái tê tái muốn vỡ bờ hợp hoan.
 Nóng sôi ý phượng tình loan,
 Hỡi ơi ! bó thắt đôi lần cấn tay.
 Thêm mà nín, khát mà say,
 Xổn xang nhựa mạnh tuôn đầy búp tơ.
 Mây cao đôi má chín như,
 Tân nhân ứa lệ, hoen mờ mắt xanh.
 Thoắt mà đêm đã tàn canh,
 Sáng bong bóng cá, qua màn mưa bay.
 Nhanh hoa tươi ngai ánh ngày,
 320. Tiếng gà rướn ực, giọng đầy nước mưa.

*

Chàng đọc sách, thiếp se tơ,
 Đêm đêm trắng sáng, làm thơ đầu giường.
 Nhà thanh đắp dồi bữa thưng,
 Quản chi sớm nắng, chiều sương phai nhòa:
 Tròn nội trợ, vẹn tề gia.
 Ra đường vội vội, về nhà chăm chăm.

- Trồng dâu dề đợi chẵn tầm,
 Dậy từ tối đất, đi nằm lặn sao.
 Ông bà gương sáng thêm cao,
 330. Dứng ngồi phụng dưỡng, ra vào thần hồn.
 Cùng chồng duyên sắt tình son,
 Vợ hiền dâu thảo tiếng đồn gần xa.
 Tháng ngày đầm ấm bay qua,
 Sánh đôi loan phượng đã tà hai trắng.
 Tháng giêng vừa tiết đầu xuân,
 Xanh um lá mạ trắng ngần hoa cam.
 Mưa xuân rắc bụi quanh làng,
 Bà già sắm sửa hành trang đi chùa.
 Ông già vào núi để thơ,
 340. Trai tơ đình đám, gái tơ hội hè.
 Trường-an này quế đàn trì,
 Nhà vua xuống chiếu mở kỳ ân khoa.
 Truyền rằng sĩ tử gần xa,
 Thu đèn sách lại đề mà tiến kinh.
 Thi hương, thi hội, thi đình,
 Thơm danh kim bảng, thỏa tình vũ môn.
 Một ngày nghe tổ chiếu son,
 Thái-ông vội vã giục con đăng trình.
 Ngậm ngùi một nỗi Thái-sinh,
 350. Thiều niên ai chẳng nặng tình thê nhi ?
 Má đào không thuốc mà mê,
 Lửa hương hai thánng bỏ đi sao đành.
 Ngũ-nương hay rõ sự tình,
 Nửa đêm vấn lại tóc xanh khuyên chồng.
 Làm trai ở chí tang bồng.
 Đèn ơn cha mẹ, phu công học hành.
 Bây giờ gặp bước khoa danh
 Trời cho cơ hội đầu xanh bằng vàng,
 Nhờ chồng thiệp cũng về vang,
 360. Vồng anh đi trước, vồng nàng theo sau.
 Cứ chi đắm mặn, say đào,
 Trượng phu giam mãi thân vào buồng hương.

- Hãy xin kíp kíp lên đường,
 Tài chàng ắt hẳn không nhường một ai:
 Ví như chàng chẳng chịu lời,
 Tội này thiếp gánh trọn đời sao xong!
 Thái-sinh ý chẳng đẹp lòng,
 Đưa tay gỡ rối lại vòng tóc xanh.
 Ngũ-nương châu lệ hai hàng,
 370. Vai non thồn thức, ướt tràn cánh tay.
 « — Ngũ-nương ơi! rõ đắng cay!
 Thuốc bùa chỉ đề chông mày say mê?
 Đề chông quẩn quít buồng khuê,
 Đề cho thiên hạ, kẻ chê, người cười.
 Tần đi nhan sắc cho rồi,
 Vướng chân chông sống ở đời làm chi?
 Mai ngày thiên hạ vinh quy,
 Biền cờ rợp ngõ, ngựa xe đầy đường.
 Ông Nghè toàn những người đứng,
 380. Học trò Đức Khổng còn đương ngủ ngày.
 Tưởng rằng cá nước rồng mây,
 Ngờ đâu thiếp đến nỗi này hỡi ơi! »
 Thái-sinh nghe bả, nhiều lời,
 Mười phần mới quyết cử mười phần đi.
 « — Thôi đừng than khóc làm chi,
 Rồi xem anh sẽ vinh qui như người.
 Ngặt vì đường xá xa xôi,
 Tiền lưng gạo bị cạy ai bây giờ?
 Nhà ta thanh bạch từ xưa,
 390. Rách lành đắp đời, muối dưa lẫn hời.
 Lấy đâu bạc nén tường rờ,
 Vậy nên anh mới chịu ngồi bó tay. »
 Ngũ-nương nhỏ nhẹ thưa ngay:
 « Ý anh đã quyết, việc này em lo.
 Của riêng còn mảnh vườn hoa.
 Xin đem đoạn mại ắt là phải xong.
 Xin anh đừng lấy làm lòng,

Của chung : của vợ, của chồng, của ai ?

Mong sao chàng được thành tài.

400. *Mẹ cha em hẳn ngậm cười cõi tiên.»*

Thái-sinh cảm nghĩa vợ hiền.

Cầm tay chàng mới thốt nên một lời :

« Chứng minh có đất có trời,

Cho anh đồ đệ đời bởi công em.

Chuyến này đầu bằng khô nguyên,

Giàu sang bỏ lúc nghèo hèn có nhau »

Thưa rằng : « Nghĩa trọng tình sâu,

Vợ chồng ai dám mong đầu đến bãi.

Mai kia thật có như lời,

410. *Phúc nhà vả cũng phúc trời cho anh.*

Đền ơn đôi đức sanh thành,

Mười năm đèn sách công trình biết bao.

Phấn vua tô đèn má đào,

Thơ lây được có phần nào là may. »

Vùng hồng vừa rạng ngày mai.

Ngũ-nương trình lại với hai ông bà.

Xin cho mình được về nhà,

Đề lo liệu bán vườn hoa cho chùng.

Ông bà nghe nói mũi lòng,

420. *Rằng : « Con hiếu thảo thật không ai bì.*

Đầu xanh nào nghiệp duyên gì,

Ai xui con lấy làm chi chồng nghèo ? »

Thưa rằng : « Cha mẹ quá yêu,

Lòng con sợ hãi bao nhiêu cho vừa.

Lẻ loi chút phận trẻ thơ,

Trăm thương ngàn mến cũng nhờ mẹ cha.

Vả chẳng của cũng của nhà

Ra gì một mảnh vườn hoa tối tần.

Con về vườn tược thành hoang,

430. *Có không chăm được sao bằng bán đi.*

Thêm vào lộ phí một ly.

Cho chồng con kịp khoa thi mai ngày. »

Ông rằng : « Thực có là may,

Ý con hợp với lòng thầy, đang lo
 Thưa rằng : « Thầy mẹ ưng cho,
 Con xin về gấp đề thu xếp dần. »
 Bà rằng : « Phúc đức vô ngần,
 Dâu tôi thực đã mười phần đảm đang.
 Thôi con tùy tiện mà làm,

440. Sao cho ổn thỏa mọi đường thì thôi.

Mẹ cha giờ đã già rồi,
 Lòng con hiếu thảo át trời đền công. »
 Ba ngày thu xếp vừa xong,
 Ngũ-nương sắm sửa cho chồng đi thi.
 Tiều đồng một đũa thuê đi,
 Áo tơ đủ bộ ngựa kỳ một đôi.
 Bút nghiêng lều chiếu hẵn hơi,
 Bạc thoi chẳng thiếu, tiền rời có dư.
 Quà quan xin đủ giấy tờ,

450. Chọn ngày tháng tốt đợi giờ lên yên.

Nàng còn sửa lễ gia tiên,
 Cầu cho chàng được bình yên dọc đường.
 Lại làm một lễ tứ phương,
 Cầu cho chàng được vào trường hanh thông.
 Cho chàng tên chiếm bảng rồng,
 Xem hoa chạy ngựa thỏa lòng nam nhi.

Đến giờ lên ngựa phân ly,
 Cả nhà tiễn Thái-sinh đi bằng hoàng.
 Ông nhà khuyên nhủ bảo ban,

460. Đưa con ba bốn dặm đường mới lui.

Thái-sinh lòng trẻ bồi hồi,
 Cầm tay vợ chẳng nỡ lời mà than :
 — « Từ đây cách trở quan san,
 Còn đâu người ngọc trắng vàng đêm đêm.
 Buồn đơn bóng chiếc, mình em
 Mẹ cha tóc bạc càng thêm chạnh lòng. »
 Ngũ-nương chưa xót nảo nùng
 Gượng lau nước mắt cho chồng yên tâm.

- « Thừa rằng vàng đá một thân,
 470. Em xin thề có quỷ thần hai vai.
 Thần hồn chẳng dám đơn sai,
 Buồng trong há để dậm ngoài bắn khoăn.
 Thiếp tôi rau tảo rau tần,
 Mần the chẳng để gió xuân lọt vào.
 Chàng đi dậm ngút đèo cao,
 Thân ngàn vàng phải giữ sao cho toàn.
 Mong chàng hai chữ bình an,
 Chúc chàng bốn chữ bằng vàng đầu xanh.
 Cha già, mẹ yếu, vợ lành,
 480 Chàng ơi chớ chổng chổng khoa danh mà về.
 Xin đừng ong bướm si mê,
 Kẻo mà bóng liễu bên đề nó dài,
 Kinh đô cát bụi mù trời,
 Người đi chớ để lạc loài vớ câu. »
 Nhìn nhau rồi lại nhìn nhau,
 Gió bay tà áo loạn màu thiên thanh.
 Khôn ngăn vớ ngựa lâm hành
 Dù muôn tơ liễu buông manh lê thê.
 Người đi không bỏ người về,
 490. Thương ơi ! gỡ đá biệt ly cũng buồn.
 Nửa là hai vợ chồng son,
 Mới hai tháng chẳng chung giường hợp hoan.
 Bỗng mà rẽ phượng chia loan,
 Buồn sâu vớ dậm ngàn lẻ loi.
 Rừng thưa bóng ngựa khuất rồi,
 Từ nay hẳn có hai người nhớ nhau.

- Tớ thấy dong ruồi vớ câu,
 Hai bên dậm khách một màu xuân tươi.
 Núi xa nôi hạt đa trời,
 500. Sông gần uốn khúc nằm phơi lụa vàng.
 Gieo thoi cánh én bên ngàn,
 Nương dâu thấp thoáng đôi nàng gái tơ.

- Đoàn trường đình dưng mau thừa,
 Liễu nghiêng cành yểu như chờ tay vịn.
 Hoa rơi nước chảy theo miền,
 Buồn chẳng hời kẻ ngang thuyền với hoa.
 Ngày đi đêm nghĩ dần dà.
 Sương mai lác đác nắng tà chênh vênh.
 Ngậm ngùi lòng kẻ thư sinh,
 510 Nhớ cha nhớ mẹ nhớ tình gối chẵn
 Vất ngang mây trắng non tăn.
 Ngần ngư dầu ngựa mây lần ải quan.
 Cỏ bằng như tóc chàng Phan,
 Canh khuya quán trọ trắng vàng lẻ loi.
 Dâu còn lược kép giường đôi,
 Dâu còn cánh cánh tay người vợ ngoan ?
 Và còn đâu nữa tiếng đàn,
 Vì đâu con phượng con hoàng xa nhau ?
 Sáu mươi ngày đã bao lâu.
 520. Sáu mươi ngày đã với đâu ái tình ?
 Vì đâu cho hống lạc tình,
 Gái khoa danh khéo cột mình lăm thay.
 Thiều quang chầm chậm với đây,
 Ngày thân như tháng, ngày chày như năm.
 Tiếng đàn đề vắng tri âm,
 Buồng hương đề lạnh chiếu nằm cho ai,
 Áo hoa chẳng nở sân Lai,
 Cửa thưa đậm bóng hai người tóc sương.
 Một lòng chín nhớ mười thương.
 530. Cầu cao gió đón dặm trường mưa theo,
 Vợ son con một nhà nghèo,
 Ra đi ai chẳng ít nhiều xót xa.
 Mai rồi chạy ngựa xem hoa,
 Phấn vua lộc nước ấy là duyên may.
 Bằng không tên chiếm hảng ngoài.
 Uổng công học vấn thẹn đời bút nghiêng.
 Mười năm tốn sách hao đèn,
 Mĩa mại chúng bạn ưu phiền vợ con.

- Nghĩ càng bối rối lòng đơn,
 540. Một thầy một tớ lối sồn tịch liêu.
 Đây đây quán chợ về chiều,
 Trại nghiêng giáng khối thành xiêu bóng cờ.
 Đây đây bến đợi sông chờ,
 Lao đao trong gió mấy bờ hoa lau.
 Đây đây ruộng dặm dào cao,
 O o vượn khóc rào rào chim bay.
 Đây đây quán nước lòng mây,
 Ông già hái thuốc rượu say quên về.
 Đây đây tửu điểm bên đê,
 550. Đôi con ngựa ốm dung xe chờ hàng,
 Đây đây rải rác xóm làng,
 Tiếng nhanh dật lựa, giọng vàng ru con.
 Đây đây phường phố bán huân,
 Cát bu vó ngựa, bụi đồn bánh xe.
 Hết thành thị đến thôn quê,
 Cứ cho đầu ngựa quay về Tràng-an.
 Tớ thầy vò võ chinh an,
 Kề chi những nỗi gian nan dọc đường.

- Thương tình nàng Triệu Ngũ-nương,
 560. Giận không phá được cánh rừng trước kia.
 Cánh rừng đã mọc phân ly,
 Cánh rừng che mắt người đi của nàng.
 Gió xuân như gió khờ hân,
 Chao ôi! lá liễu cũng vàng tiết thu.
 Gió bay đầu tóc rối bù,
 Nắng phơi bóng đá vọng phu nhạc đồn.
 Quay về dạ vẫn băng khuâng,
 Quay về hồn vẫn theo gấn dặm xa.
 Phùng hương đêm ấy trắng tà,
 570. Nàng còn thao thức đề mà nhớ nhung.
 Rõ ràng chấn vãi gối bông,
 Mảnh the chiếu cói nhưng chồng đã xa.

- Nhụy hồng khoắc khoải lòng hoa,
 Bỗng đứng hai cánh tay mà lẻ loi !
 Mong về bướm bướm bay đôi,
 Mong đi bướm bướm bay rồi còn đâu ?
 Há xui chàng mệnh phong hầu.
 Tài trai ai thoát khỏi cầu công danh.
 Nhớ thương cho mấy cũng đành,
 580. Nặng ai khoe giáp nhẹ mình phu thê.
 Cơm gạo hầm, củi phen che,
 Chuyện xưa còn đó riêng gì mình ta ?
 Phương chi còn mẹ còn cha,
 Con chưa danh phận, lòng già khổ nguôi.
 Giờ đây chàng đã vắng rồi,
 Dám chăm thương nhớ để lười thân hồn.
 Một mình chiều sớm ban hôm,
 Ra tay gánh vác giang sơn nhà chồng.
 Khi ấp lạnh, khi quạt nóng,
 590. Một thân hiểu thảo, vui lòng hai thân.
 Thất lưng buộc bụng chuyện cần,
 Trưa còn treo núi, sáng ăn cơm đèn.
 Hạt mưa bao quản phận hèn,
 Lòng son chẳng hận chê khen miệng đời.
 Lời oanh nhẹ nét xuân tươi,
 Rách lành xiêm áo ngọt bùi cơm canh.
 Chong đèn dệt lụa cho nhanh.
 Một con thoi suốt ba canh đi về.
 Kể từ một biệt trên đê,
 600. Bốn bên hàng xóm thôi nghe tiếng đàn.
 Tri âm đã vắng tai chàng.
 Nhện giăng dây dứ bụi hàn phím long.
 Gái trinh chỉ biết một chồng,
 Vắng chàng diễm phần trang hồng với ai ?
 Diễm trang cho lắm cũng hoài,
 Tò cho ong bướm ngơ ngoài vo ve.
 Liễu bồ nhớ rập thương che.
 Cỏ thơm đã rụng hoa lê trắng ngần.

- Hỡi ơi ! Kẻ Việt người Tần,
 610. Trông ra chỉ thấy mấy lần non xanh.
 Về chiều mây trắng bay nhanh,
 Chuông chùa triêu mộ, trống thành thu không.
 Từ lâu giam cầm nỗi lòng,
 Đêm nay cho thiếp nhớ chớng một phen.
 Lâm râm để cỏ sâu thềm.
 Bóng trắng xanh biếc hoa đèn đỏ tươi.
 Nhớ xưa này ghế chàng ngồi,
 Chàng vẽ bút thỏ, thiếp mài nghiên trắng.
 Rõng bay phượng múa nào bằng,
 620. Tiếng ngâm cao điệu mạch văn xuôi dòng.
 Tay gầy khép mở cánh song,
 Lược trôi hai tuổi gương lồng một tranh.
 Cung đàn tiếng trọc tiếng hanh,
 Dây văn dây vũ điệu bình điệu cao.
 Đêm nay lại nhớ đêm nào
 Chờng tôi xa vắng gió vào chi đây ?
 Đêm nào đề đến đêm nay
 Nằm vơi trắng xẽ nhớ đầy gối nghiêng.
 Nét xuân còn đề y nguyên,
 630. Buồng xuân còn thoảng hương nguyên thanh tâm.
 Gái xuân đem lại mùa xuân,
 Nởn như hai cánh tay rần thì thôi.
 Đêm nay mộng cả hai người
 Ngồn ngang hình ngọc lả lơi ý vàng.
 Đêm giờ tình thiếp ngồn ngang,
 Cửa thiên thai ngỡ như chàng đã xa.
 Tương tư cho hết canh gà,
 Nằm gan lại sợ việc nhà ai coi.
 Rào thương lấp nhớ cho rồi,
 640. Cha già mẹ yếu dám rời đạo con.
 Nhớ chi xuân hết hay còn,
 Ngày hao gió tủa đêm mòn mưa pha.

•

Thái-sinh dong ruồi đường xa,
 Vời trông trước mắt đã là Trường-an.

- Tung hừng phố dọc đường ngang.
 Cung son rực rỡ diện vàng nguy nga.
 Chật đường sĩ tử gần xa,
 Mưa xuân đã héo hoa tra mới tươi.
 Tớ thấy tìm chốn nghỉ ngơi,
 650. Sáng sau chải chuốt ra chơi phố phường.
 Kinh đô gái đẹp đệ thường,
 Hoa thua màu thắm liễu nhường về thanh.
 Vàng đeo ngọc giải dẫn mình,
 Lụa diều sắc sáng, gấm xanh đa trời.
 Khi không cùng đắm được người.
 Mắt đưa vương bết miệng cười dao râu.
 Thái-sinh dạo gót hồ lâu,
 Không ai cất cửa mà đau dớn lòng.
 Phồn hoa trăm tia nghìn hồng,
 660. Phút giây quên kẻ phòng không đợi chờ.
 Giường đời rối rít lòng tơ,
 Nước men tráng lệ phai mờ thù chung.
 Thi hương thi hội vừa xong,
 Thái-sinh thực đã thỏa lòng nam nhi.
 Tên treo đầu bảng hai kỳ
 Tiếng tám nổi dậy bốn bề đất kinh.
 Luồn sau nhập diện thi đình,
 Tài cao học rộng phúc lành duyên may.
 Dầy thêm chữ tốt văn hay,
 670. Chín lần lên chấm năm mây xuống bài.
 Truyền loa kéo bảng cửa ngoài
 Trạng-nguyên là Thái Bá Giai ếp Trần.
 Bổng mà rực rỡ phong vân,
 Thái-sinh còn ngờ mình năm chiêm bao.
 Vua ban dạ yến lầu cao,
 Mũ hoa giải tía áo bào đai xanh.
 Trương-an mưa thuận gió lành,
 Vua cho chạy ngựa cấm thành xem hoa.
 Ngắm mình rạng vẻ tân khoa,
 680. Cao vờn lộc nước sáng lủa ơn vua.

- Khi xưa áo vải anh đồ,
 Ngựa hoa áo gấm bây giờ quan sang.
 Trong triều khuyết chức nghị-lang
 Vua liền xuống chiếu lúc chàng tại kinh.
 Thang mây đều bước công danh,
 Mãng vui thành thị nhẹ tình gia hương.
 Đua đòi kiêu cách quan trường,
 Chọn nơi luồn cúi tìm đường giao du.
 Mâm đào lý, chén tạc thù,
 690. Dăng sơn buổi sớm dạ du canh trường.
 Bén mùi liễu ngõ hoa tường,
 Hà mô lãng hạ, Tầm-dương giang đầu.
 Chưa sang giàu đã sang giàu,
 Tuyệt nhiên quan trạng hết sầu hết thương.
 Nhớ gì hai mái tóc sương,
 Tào khang một chút phấn hương quê mùa.
 Những ai ngày tường đêm mơ,
 Lẽn lâu tựa cửa đợi chờ những ai ?
 Lòng người chóng đã đơn sai,
 700. Má tơ lệ ứa, cửa sài bóng nghiêng.

*

- Trắng già sao khéo vô duyên
 Chân con nhận lẽ buộc thân chỉ điều.
 Có quan thừa tướng họ Ngưu,
 Quyền cao chức trọng đầu triều vẻ vang.
 Thái-sư bậc nhất giàu sang,
 Hiếm hoi duy được một nàng gái tơ.
 Đặt tên là Ngọc tiểu thơ
 Ngọc còn đợi giá mới chờ giường đông.
 Thái-sư lòng vẫn nhủ lòng,
 710. Phi tài Thám-bằng đừng hồng se duyên.
 Khoa này lại có Trạng-nguyên,
 Thái-sư chắc dạ : « Rẽ hiền là đây ! »
 Truền cho sắm sửa chọn ngày,
 Nem công chả phượng đặt bày yến diên.

- Thiếp sang mời Thái trạng-nguyên,
 Thiếp vừa nhận được, Trạng liền đi ngay.
 Thâm nghiêm cổng chắn tường dày.
 Vươn thân trực thẳng, giương mây liễu cong.
 Lầu đài nguyệt, gác nghinh phong,
 720. Đá mờ rêu bước hồ trong mây đào.
 Hạc vàng cất tiếng xôn xao,
 Bâng khuâng Trạng ngỡ lạc vào Thiên-thai.
 Thái-sư đón khách cửa ngoài,
 Cùng nhau nhẹ bước lên đài chu sa.
 Xuân tàn rồi, hết mùa hoa,
 Chín mươi chín thống cầm trà còn tươi.
 Thái-sư nhìn khách cả cười,
 Bảy lâu mới tỏ mặt người văn nhân.
 Gọi là đôi chén tây trần
 730. Muốn cùng quan trạng kết thân lâu dài.
 Sinh rằng : « Ngài dạy quá lời,
 Dám đâu đưa mốc mà chồi mầm son.
 Người tiện chức, kẻ quyền môn,
 Bao dung cho được vương tròn là may. »
 Rằng : « Sao Trạng nhún mình thay,
 Bây giờ chức nhỏ mai ngày quan cao.
 Ông vua cố hẹp ai nào,
 Đôi ta một trước một sau đó mà.
 Ngày nay quan Trạng tân khoa,
 740. Đừng nên câu chấp mới là tình thân. »
 Nghe lời Thừa-tướng ân cần
 Thái-sinh lòng mới mười phần ung dung.
 Bóng dương đã tắt lửa hồng.
 Đài son này bóng chiều phong bốn bề.
 Chuông chùa ràn rạn xa nghe,
 Đình nghinh tân chủ khách về song song.
 Trong ngoài sắp tỏ đèn chong,
 Cột cao kết lá mai vàng treo hoa.
 Mâm son đưa ngọc chén gà,
 750. Dinh quan Thừa-tướng quả là thần tiên.

Kẻ hầu, đầy tớ, uy nghiêm,
 Sinh ca nhả nhạc nổi lên từng hồi.
 Chia ngôi chủ khách cùng ngồi,
 Rượu dâng mùi quế trầm khơi màu huyền.
 Bắt vào câu chuyện hàn huyên,
 Văn chương khách nói, uy quyền chủ khoe.
 Người nghiên bút, kẻ ngựa xe,
 Mọi lời mọi đẹp, mọi bề mọi hay.
 Ba tuần so rượu nửa say,

760. Thái-sư ý mới giải bày chuyện riêng :

« Từ ngày nội tướng quy tiên,
 Thực không biết chữ tục huyền ra sao.
 Trời cho một gái má đào,
 Tiện đây đề gọi ra chào Trạng-nguyên.»
 Thị tỳ cúi dạ lời truyền,
 Thoắt thoi đã thấy thuyền quyền bước vào,
 Nghiêng đầu nàng mỉm miệng chào,
 Thái-sinh đáp lễ lòng xao xuyên lòng.
 Người đâu phẫn ngất son nồng.

770. Lạ tư uyển chuyển luyến vòng huy sinh.

Chao ôi ! uoi mắt đa tình,
 Cái môi mọng vọng, cái mình thon thon.
 Rượu nồng, dê béo, gái non,
 Trạng quên hết cả Trạng còn nhớ chi.
 Xem tình khứ nhãn lai my
 Thái-sư biết đích Trạng si mất rồi.
 Truyền con rót chén rượu mời,
 Chúc người chúc trọng, chúc người quan cao.
 Tay tiên rót chén rượu dào,

780. Đồ đi thì tiệc uống vào thì say.

Phòng hoa đã trở gót hài.
 Tiệc hoa đã có một người bạc đen.
 Chủ rằng : « Đây chút thuyền quyền,
 Ý ta muốn đề kết duyên cùng người.
 Trai tài gái sắc vừa đôi,
 Nên chẳng Trạng ngó một lời cho hay ! »

- Thái-sinh lòng dạ ngất ngây,
 Phần mê son phấn, phần say sang giàu.
 Phần lo Thừa-tướng quyền cao,
 790. Từ hôn rồi biết thế nào mai đây.
 Hay hèn người nắm trong tay,
 Dạy ra khôn nhẽ mà bay đường nào ?
 Vả chẳng một bước sang giàu,
 Dễ xin mà được, dễ cầu mà xong.
 Thế là cha mẹ hết mong,
 Thế là tình nghĩa vợ chồng ra tro.
 Thái-sinh làm bộ thẹn thò,
 — « Thừa rằng lòng trẻ dám ngờ duyên may.
 Lượng trên hạ cố thân này ?
 800. Tình sâu nghĩa nặng ơn dày xiết bao.
 Hồ tù được tắm trắng cao.
 Ba sinh biết trả thế nào cho xong ! »
 Thái-sư thấy Trạng bằng lòng,
 Mừng thầm công việc đã xong mười phần.
 Chọn ngày làm lễ thành thân,
 Đề cho hai đứa thanh xuân động phùng.

-
- Chín cây bạch lạp tỏa hồng,
 Trăm hương chín chiếc lư đồng khói xanh.
 Hoa tươi chín chiếc ngân bình
 810. Khép xong lục trúc buồng màn lưu ly.
 Hầu trong chín ả nữ tỳ,
 Chín nghiêng đặt lược, chín quỳ dâng gương.
 Lệnh truyền đem trái mận buồng,
 Xong rồi chín ả tìm đường lui đi.
 Ngọc-nương môi mọng yên chi,
 Áo xiêm tuần tự biệt ly thân nga.
 Cờ tay nỡn tháo vòng ra,
 Rút trám tóc xô màu da thêm hồng.
 Đường cong, ôi ! những đường cong,
 820. Đến đông đưa, đến náo nùng, đến hay

- Cao cao thôi lại dầy dầy,
 Trắng trong màu tuyết tròn đầy gương nga.
 Thái-sinh rộn rục tình hoa.
 Ôi ! con bướm đại lân la nhụy đào.
 Hoa xuân đêm mới nghẹn ngào,
 Người đen bạc lại đắm vào phần son.
 Cành tơ nỡn, búp xuân tròn,
 Mây cong nét liễu môi thon hình thuyền.
 Khó khăn cũng thề lên tiên,
 830. Xót xa cũng thề thuyền quyên gặp chông.
 Lụa đào xé lẻ hư không,
 Cái son mất mát cái hồng ngồn ngang.
 Chúa xuân sao nở vội vàng,
 Tình xuân gắn chặt cánh màn lan tiêu.
 Chán chường gối lệch chần xiêu,
 Tay non rời rã, nét kiều châu chan.
 Sáp chong vẫn tỏ hồng nhan,
 Trầm hương vẫn tỏ từng làn khói xanh.
 Ngọc-nương thỏ thẻ lời oanh,
 840. Trong câu e ấp có tình là lời.
 Rằng : « Xin hỏi thật một lời,
 Lọt trong hai cánh tay người đã ai ?
 Khỏi sao trắng gió tình trai,
 Thiếu chi thiên hạ hoa nhài áo xanh. »
 Nghe câu hỏi bất thành linh,
 Thái-sinh chợt nhớ đến tình tào khang.
 Đêm nao mềm đá chảy vàng.
 Đêm nao thánh thốt cung đàn duốc hoa.
 Đêm nao ấp ngọc ôm ngà,
 850. Đêm nao như thế, thế mà đêm nay.
 Xa nhau nào đã bao ngày,
 Đã phai mờ đã đổi thay không ngờ.
 Khi xưa gánh nặng ai chờ,
 Qua cầu ai đợi bây giờ quên nhau.
 Áo ai may chưa nhạt màu,
 Liễu ai bẻ tặng bên cầu còn tươi.

- Đã quên sao, đã phụ rồi,
 Cánh tay đêm ấy cho người đêm nay.
 Nhưng thôi giờ đến nước này,
 860. Nhớ chỉ câu chuyện những ngày đã qua.
 Im đi sự cửa sự nhà,
 Liệu lời bướm nói cho hoa vừa lòng.
 Học trò Đồng-Tử, Ôn-Công
 Hết đâu câu chuyện vợ chồng ra sao,
 Mà toan ướm mặt thử đào,
 Lưu-lang thực quả chưa vào Thiên-thai.
 Ngọc chưa giữa, đá chưa mài,
 Nàng ơi ! Trai vẫn là trai nguyên lành,
 Nàng rằng : « — Dừng nói dối quanh.
 870. Chắc là chàng đã gửi tình cùng ai.
 Cứ lòng thiệp đoán không sai,
 Cổ hương hân đã có người tử sinh. »
 Tân-lang có tật giết mình,
 Vội vàng bưng kín miệng bình cho yên :
 « Lòng trời tác hợp cho nên,
 Xe tơ chóng vánh kết duyên lâu dài.
 Song song gái sắc trai tài,
 Ngờ nhau chỉ thế cho hoài đêm xuân.
 Chưa hề quen một giai nhân,
 880. Chưa hề gởi cánh tay trần của ai. »
 Đêm xuân ai bảo là dài,
 Đã lùn bóng sắp, đã phai hương trầm.
 Má hồng là đá nam châm.
 Tu mi là sắt đề nằm cạnh nhau.
 Bình cam lộ, ánh lưu cầu,
 Trộn chung hai suối, một màu mây xanh.
 Nào người nhưng nét đồng trinh,
 Thân tơ lả lả, lửa tình xiêu xiêu.
 Dâng lên như nước thủy triều,
 890. Hoa nuông ý bướm, bướm chiều tình hoa.
 Sắp không ai nối nữa mà
 Động phòng bỗng chốc chan hòa bóng đêm.

Tiếng xô chấn gối êm đêm,
Nhỏ to hơi ngấn, giọng mềm là lời.

*

Vợ chồng như dưa có đôi.
Hai con người ấy không rời nhau xa.
Ban ngày uống rượu xem hoa,
Đêm đêm chong sập đèn mà gối chấn.
Thái-sinh kén được văn nhân,
900. Bắt chàng ở rề cho gần cha con.
Nuông chiều hai vợ chồng son,
Thái-sinh thực đã vuông tròn giàu sang.
Đi lên ngọc, giẫm lên vàng,
Mặc toàn gấm vóc, ăn toàn cao lương.
Xé trăm vuông lụa khi buồn,
Đóng mười cỗ ngựa chập đường khi đi.
Quả tươi mong vãi biên thuỳ.
Soi gương nước giếng, vẽ mày tay chàng:

,

Thái sinh từ được giàu sang,
910. Đã quên mây núi Thái-hàng vẫn bay,
Đã quên người vợ thơ ngây,
Một thân tám tám tự ngày hàn vi.
Quên rồi chữ nhớ làm chi,
Người ta quan Trạng thiếu gì giai nhân.
Thiếu gì ngọc chuỗi vàng dâng
Nơi quyền quý, cái phong vân thiếu gì.
Quên rồi chữ nhớ làm chi,
Người ta quan Trạng thiết gì cố nhân.
Gái quê nghèo khó ngu dân.
920. Gái quê sửa túi nâng khăn vụng về.
Chẳng thương thì mấy chẳng chê,
Tham vàng bỏ ngãi ra gì ai ơi !

- Đồi thay chớp mắt tình đời,
 Rượu làm đỏ mặt vàng xui đen lòng.
 Thời gian đi nhẹ như không,
 Mà tàn nhạc hết sắc hồng màu xanh.
 Tháng ngày lẫn lửa bay nhanh,
 Lòng ai đã bạc hết tình chồng con.
 Có như nước chảy đá mòn,
 930. Chi còn vui đấy chẳng còn thương đây.
 Vòng trăng khi khuyết khi đầy,
 Lòng người cứ mỗi một ngày một vơi.
 Quên cho đến hết thì thôi,
 Những người xa ấy là người đã xa
 Nào cha mẹ, nào cửa nhà,
 Người thực nữ tiếng tỳ bà trôi xuôi.
 Nói lời rồi lại ăn lời,
 Người như cốc chẳng bôi vôi chẳng vẽ.
 Bạc đen đã vện mọi bề,
 940. Thương gì mùa hạ, tiếc gì mùa xuân.
 Ngọc-nương hỏi đến song thân,
 Thản nhiên sinh đáp: « Từ trần đã lâu. »
 Chao ôi ! chữ hiếu là đầu,
 Bạc ra cửa miệng tội cao bằng trời.
 Người mà đến thế thì thôi,
 Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi.
 Đã qua đường ấy quên xe,
 Đã qua bến ấy nhớ gì đến sông.

- Ngũ-nương vẫn nhớ thương chồng.
 950. Thờ hai thân vẫn một lòng dâu con.
 Hỡi ơi ! đôi mắt đã mòn,
 Nhớ ai bằng gái còn son nhớ chồng ?
 Rộn ràng buổi chợ đương đông.
 Cỏ huyên chẳng có hoa hồng cứ bay.
 Xuân thu đắp đổi từng ngày.
 Kề từ xa cách đã đầy nửa năm.

- Tin chồng vẫn bật hơi tăm.
 Ngày trông nhận vắng đêm nằm bứtm bay.
 Buồn lòng lại sợ cho ai,
 960. Biết đâu may rủi đường dài ra sao.
 Trường-an ở mãi nơi nào,
 Đề cho cha mẹ ra vào bán khoăn.
 Đề cho thơ đại một thân.
 Trắng non liễu yếu thêm phần đắng cay.
 Tiếc không có cánh mà bay.
 Tìm chàng góc bể chân mây cũng là.
 Ra đi ? — Thân gái đường xa,
 Sớm hôm cha mẹ cửa nhà cậy ai ?
 Đành thôi nay lại chờ mai,
 970. Đành thôi thở ngắn than dài đêm thâu.
 Hay là chàng đã quên nhau,
 Bỏ nơi áo vải mà cầu cao sang-
 Lẽ đâu chàng nỡ phụ phàng,
 Còn cha mẹ đó còn làng nước đây.
 Dù cho bỏ một thân này,
 Bỏ quê hương, bỏ mẹ thầy hay sao !
 Nhưng mà học rộng tài cao.
 Nghĩ như người ấy lẽ nào bạc đen.
 Mười năm theo đạo thánh hiền,
 980. Một ngày dễ đã dám quên cương thường.
 Hay là tai nạn dọc đường,
 Tổ thầy lưu lạc về phương trời nào.
 Hay là chàng đã ...nhưng thôi,
 Lạy trời phò hộ chồng tôi tốt lành.
 Chàng ơi ! có thiếu cho tình.
 Trăm nghìn lo nghĩ một mình thân em
 Bóng trắng thu rải đầy thềm,
 Bởi lo cha mẹ nên thêm nhớ chàng.
 Tường xiêu treo mãi thân đàn,
 990. Bốn dây thương nhớ một bàn tay hoa.
 Chờ mong như suốt đêm qua,
 Chàng ơi ! một tháng là ba mươi ngày.

Lăn lăn lá rụng rời đây
 Tơ đàn rã rượi, cho tay lởi đàn.
 Tiếng dẫu rào rạt rộn ràng.
 Ngựa ai, ai cưỡi qua ngàn lá khô ?
 Tiếng đàn xao động bờ sớ,
 Hẹn ai, ai đầy ngang bờ dẫu xanh.
 Buồn hương bong bóng mình mình,
 1000. Gió hiu hiu hắt qua màn màn hoa:
 Người về chỉ những người ta,
 Gió mơ hồ gọi đường xa quên về.
 Nay rồi mai lại ngày kia,
 Nhớ mong chờ đợi đến khi ... hời chàng ?

•

Suốt trời đồ nắng chang chang,
 Nắng khô sông rộng, nắng vàng rừng thưa.
 Trời làm mấy tháng không mưa,
 Bao nhiêu đồng đất nẻ khô như sành.
 Mùa màng mất sạch sành sanh,
 1010. Dân gian lo sợ mà đành bó tay.
 Người sang Bắc, kẻ về Tây,
 Vợ con phiêu bạt, tứ thầy biệt ly.
 Bỏ nhà, bỏ cửa kéo đi,
 Đò ngang vắng khách, chợ thì hết đông.
 Túng vô độ, đói vô cùng,
 Người ta đã biết cảm sung cháo dền.
 Ngũ-nương mới thực lo phiền,
 Nhà nghèo lại gặp truân chuyên thế này,
 Bao nhiêu của cải riêng tây,
 1020. Nàng đem bán rẻ từng ngày ăn đông.
 Gắng cho cha mẹ yên lòng,
 Đường xa vẫn chẳng thấy chồng về cho.
 Thất thường bữa đói bữa no.
 Hôm nay đã vậy lại lo mai ngày,
 Nàng thì vốc liểu thêm gầy,
 Mẹ cha lại mấy bữa rày không cơm.

- Tảo tần thương một thân đơn,
 Ngọn rau lá cỏ qua cơn đói lòng.
 Thiên tai cơ cận khắp vùng,
 1030 Trời cao thăm thăm đầy đồng nắng hoe.
 Triều đình xót nỗi dân quê.
 Lấy lương Hà-nội chở về Hà-đông.
 Huyện quan thông sức khắp vùng,
 Đứng ngày ai nấy phải cùng lên nha.
 Ít nhiều chi nữa cũng là,
 Cái tin phát chần đồn xa dần dần.
 Nghe tin có phát chần bần,
 Ngự-nương chẳng quản đường gần hay xa,
 Canh năm vừa rặng tiếng gà,
 1040. Lễ loi thân gái bước ra ngại ngùng.
 Trên trời sao hãy còn đông,
 Cỏ mòn một lối đồng không bốn bề.
 Cơ hàn lạnh tái lạnh tê,
 Sương thu xuống gió thu về bằng bênh.
 Rừng gần cây mất màu xanh,
 Đỉnh non trông thấy, trống thành nghe xa.
 Nửa ngày vừa tới huyện nha.
 Đông như kiến những người ta ngạt ngào.
 Một tuồng rách rưới in nhau,
 1050. Một tuồng mặc vỏ, mình sần hom hom.
 Bề bằng cháu, chị đất em,
 Con thơ lạc mẹ, người chen với người.
 Tiếng thai: tiếng khóc bời bời.
 Ngồi trên có đến ông trời cũng đau.
 Đến giờ nổi hiệu trống châu,
 Người ta cứ giẫm lên nhau mà vào!
 Ngọn roi vun vút mưa rào,
 Tiếng van lại tiếng kêu gào diếc tai.
 Ngự-nương vốc liểu mình mai,
 1060. Dời hai mắt lệ lấy vài đấu lương.
 Chàng đi hoa nở đầy đường,
 Cơ hàn biết thiệp đoạn trường này chẳng ?

- Về thôi xay, giã, vằn, sàng.
 Vội vàng vo gạo, vội vàng thổi cơm.
 Ngọt bùi lưng thảo, lưng thơm,
 Mẹ cha chắc dạ là con vui lòng.
 Con mà nhịn đói cũng xong,
 Mẹ cha nhịn đói lòng không sao đành.
 Đói rằng đã có phần mình.
1070. Bao nhiêu cơm gạo riêng dành hai thân.
 Còn mình nấu cám mà ăn,
 Miễn sao sống được qua lần thì thôi.
 Cám không phải của ngọt bùi,
 Người không là lợn nuốt trôi sao đành.
 Khi xưa bác mẹ hiền lành
 Mà nay cay đắng riêng mình mới oan.
 Thương thân thêm nỗi nhớ chàng,
 Dòng đau chín khúc, lệ tràn đôi mi.
 Người đi bần bật không về,
1080. Dại dẫu đôi đức, ẽ chề một thân.
 Nghẹn ngào vừa khóc vừa ăn,
 Ông bà nhẹ bước lại gần mới hay.
 « — Trời ơi! Sao đến nỗi này!
 Cám kia ai bắt tội này? Con ơi!
 Chồng con nó bỏ con rồi,
 Mẹ cha làm khổ một đời con đây.
 Trai ơi! mày phụ vợ mày,
 Mày đi mất mặt, không quay đầu về.
 Quên tình phụ tử phu thê,
1090. Vô nhân hạc nghĩa chết đi cho rồi.
 Con đi vui thú quê người,
 Đề dàu gánh hết nợ đời hay sao! »
 Ngủ-nương tươi tỉnh má đào
 Rằng: « Con khoẻ mạnh thế nào cũng xong!
 Mẹ cha đau bạc răng long,
 Có như thế mới yên lòng làm con.
 Cho dù ngày tháng mai mồn,
 Dinh vi thúc thủy lòng con dám rời.

- Xin thầy mẹ cứ yên vui,
 1100. Chồng con chắc chả phải người bạc đén.
 Một là đường xá chưa quen,
 Hai là đất khách cận tiền dò giang.
 Hoặc là tên chiêm bảng vàng,
 Nhà vua giữ lại làm quan trong triều.
 Mẹ thầy hiền đức bao nhiêu,
 Chồng con ắt chẳng gặp điều không may.
 Lòng con dám quàn chưa cay,
 Sớm hôm hầu hạ mẹ thầy là vui. »
 Ông bà nghe bấy nhiêu lời,
 1110. Tạm ngán giọt thảm, tạm vui lòng sầu.
 « — Ví dù còn có kiếp sau,
 Mẹ xin trở lại làm dâu cho mày. »

*

- Đói no ngày cũng qua ngày,
 Lá thu khô đã rơi đầy vườn đông.
 Bệnh già kéo đến như không.
 Ba ngày chạy chữa Thái-ông từ trần.
 Tiền không đủ một vuông khăn,
 Ngủ-nương đem ít áo quần bán đi.
 Cửa nhà đang lúc hàn vi,
 1120 Miễn sao cho đủ lễ nghi gọi là.
 Thêm thương một nỗi mẹ già,
 Bóng dàu đầu bãi, nắng dàu ngang sông.
 Sớm khuya bà chỉ đau lòng,
 Có con mà đám ma chẳng có con.
 Hay đâu gió túi trắng hờn.
 Thái-bà lâm bệnh từng cơn ly bì.
 Đói no thôi có quàn gì,
 Ngủ-nương một dạ đình vi đã đầy.
 Tiền đâu thang thuốc lúc này,
 1130. Còn lo rau cháo một ngày đôi phen.
 Một thân mấy nỗi lo phiền,
 Nghĩ bề nào cũng chẳng yên bề nào.

Tin người vẫn bật âm hao
 Nhớ ra dặm cát, thương vào buồn the.
 Úa mòn sắc liễu bên dề,
 Ngựa sinh quy chẳng thấy về cố hương.
 Tóc dài tủi lược hờn gương.
 Lòng tơ biết mấy canh trường ngồn ngang.
 Đợi cho áo gấm về làng,
 1140. Có khi hai chiếc lá vàng đã rơi.
 Mới hay khe khát là đời,
 Đắng cay là thiếp ... chao ôi ! là chàng !
 Mẹ chàng chẳng thuốc chẳng thang,
 Chê cơm chán cháo lòng càng đắng cay.
 Nơi nào chàng hời có hay,
 Ngõ ngưng sương bạc, vườn hay lá vàng.

•

Có người viễn khách qua làng,
 Tin đồn lại đến tai nàng Ngũ-nương.
 Nàng về trình mẹ tỏ tường,
 1150. Rằng : « Xin dâng mẹ tin mừng mẹ vui.
 Chồng con đỗ Trạng-nguyên rồi,
 Làm quan ở đấy từ hồi đỗ khoa. »
 Thái-bà nghe nói xót xa :
 « Con ơi ! đừng nói nữa mà mẹ đau.
 Nó giờ thương nhớ gì đâu,
 Cầm như chiếc nón qua cầu gió bay.
 Mẹ giờ sống chết kè ngày,
 Sầu nông cấy một thân mảy thủy chung.
 Sinh con ai nỡ sinh lòng,
 1160. Ngờ đâu nó cũng lộn vòng bạc đen.
 Ới ông ơi ! có linh thiêng,
 Đón tôi châu chúc tòa sen cho rồi !
 Sống dai chỉ khổ dâu thôi. »
 Ngũ-nương vội vả tìm lời khuyên can :
 « Mẹ đừng lo nghĩ miên man ?
 Cho hao mình hạc cho tàn bóng trắng.

- Hắn là trọn đạo quân thần,
 Chồng con chưa hề buông thân mà về. »
 Thái-bà khi tỉnh khi mê,
 1170. Nghe tin vui chính là nghe tin buồn,
 Thương dâu lại giận hờn con,
 Ngọn đèn trước gió chẳng còn chắc chi.
 Ngũ-nương khuyên giải làm gì.
 Lòng riêng cảm thấy điều gì không hay.
 Tơ tình lờ dờ rồi đây.
 Dám mê biết tính tự ngày nào chung.
 Bây giờ cách mặt xa lòng,
 Người ta tiếc lức tham hồng một phượng.
 Thái-bà sắp biệt cõi dương,
 1180. Gọi nàng dâu đến bên giường mà than.
 « — Vợ chồng kẻ Bắc người Nam,
 Dâu xanh tuổi trẻ ai làm nhờ con.
 Kinh kỳ trướng phủ quyền môn,
 Bạc vàng xe ngựa phần son thiếu gì.
 Sang giàu thì bỏ hàn vi,
 Nó không về, nó không về nữa đâu.
 Thương con mười sáu tuổi đầu,
 Câu « sang đòi vợ » là câu thể thường.
 Con giờ một nắng hai sương,
 1190. Mẹ đi con ở giữa đường bơ vơ,
 Chọn người quân tử mà thờ,
 Ôm con thuyền nát đợi chờ làm chi. »
 Ngũ-nương châu lệ đầm đìa :
 « Chồng con dù chẳng có về cũng thôi.
 Cũng đành bỏ héo xuân tươi,
 Dám đâu một gái đi hai lần dờ.
 Mẹ còn mạnh chán chưa lo,
 Rán ăn chút ít chóng cho lại người. »
 Thái-bà im lặng mím cười,
 1200. Mà trong khoé mắt sáng ngời hạt châu.
 Bà nhìn cho kỹ con dâu,
 Ý bà muốn nói một câu tận tình.

- Dù cho lời nói không thành,
 Một nhìn cũng tỏ ngọn ngành xót thương.
 Thắc về đôi ngã âm dương,
 Nghìn thu một sớm thiên đường là đây.
 Ngũ-nương chi siết đắng cay,
 Nhà nghèo giờ biết ma chay thế nào?
 Của riêng đã nhẵn như bào,
 1210. Biết tìm đâu thấy biết đào đâu ra,
 Nát lòng xẻ bảy chia ba,
 Nỗi mình đơn chiếc nỗi nhà tang thương.
 Lấy đâu cổ vấn lưng còm,
 Thoi vàng giấy nén nhang thơm phụng thờ.
 Mong ai đôi mắt đã mờ,
 Khóc cha khóc mẹ bây giờ ai hay.
 Một mình tính đó toan đây.
 Chỉ duy còn mớ tóc mây đúng tiền.
 Đen như mun, óng như huyền,
 1220. Chiều dài chấm đất chất mềm như tơ.
 Cắt lòng một lưỡi dao đưa,
 Than ôi? đôi ngã tóc tơ chia lìa.
 Kiếm nhà quyền quý bán đi,
 Món hàng đã hiếm thiếu gì người mua.
 Ít nhiều lo liệu cho vừa,
 Mồ yên mả đẹp bây giờ đã xong.
 Thương thay phận gái xa chồng,
 Tóc xanh đã ngắn má hồng lại phai.
 Đau lòng thiếp lắm chàng ơi!
 1230. Thần hôn thiếp đám đơn sai đâu mà.
 Theo nhau chu mẹ về già,
 Chàng đi nước thăm non xa chẳng về.
 Nơ nào nghĩa cắt tình chia,
 Nơ nào được Sở quên Tề cho đang.
 Thiếp như áo rách giầy tàn,
 Vinh hoa rồi đấy biết chàng tính sao?

- Thương thay liễu yếu thơ đào.
 Một thân mang nặng biết bao nhiêu tình.
 Ma chay mờ mả đã đành,
 1240. Tim chổng xem cái duyên mình ra sao?
 Ngũ-nương cửa đóng ngõ rào,
 Dem hai bảo vật tìm vào Trường-an.
 Bức tranh cha mẹ bên chàng,
 Tỳ bà đây một cây đàn ngày xưa.
 Bức tranh hôm sớm phụng thờ,
 Dù con lưu lạc bao giờ dám quên.
 Tỳ bà gọi chút tài riêng.
 Đọc đường đàn hát kiếm tiền độ thân.
 Tuổi son sớm đã thanh bần.
 1250. Trời xanh còn bắt phong trần nữa đây.
 Vang người đắm, rượu người say,
 Lòng này ai biết, thân này ai thương.
 Trước khi từ biệt gia hương,
 Nang làm một lễ cáo tường vong linh,
 Gọi là bát nước lưong canh.
 Bốn bên cha mẹ thấu tình cho con
 Dưỡng, sinh, tống, tử đã tròn,
 Con xin lặn lội nước non tìm chông.
 Lam người có thủy có chung,
 1260. Cúi không thẹn đất, ngửa không thẹn trời.
 Sống đâu không thẹn với đời.
 Chết đi không thẹn với người cõi âm.
 Cúi đầu quì lại bốn thân,
 Gieo cầu rút đất cho gần dặm xa.
 Giữa đường tai nạn thì qua,
 Trường-an chả mấy chốc mà đến nơi.
 Tìm chàng dễ gặp mà thôi,
 Chắc chi đồn đại như lời người ta.
 Thăm xong phần mộ hai nhà,
 1270. Ngũ-nương lui thủi bước ra khỏi làng.
 Trên đầu hai nếp khăn tang,
 Một từ tranh một cây đàn tả tơi.

- Mùa đông rét cắt da trời,
 Gió giàn trước mặt, sương phơi đầy đồng.
 Một thân sương gió nào nùng,
 Bờ đề : nầy chỗ đưa chồng năm xưa.
 Gió xe tơ liễu bợ phờ,
 Nàng còn dừng lại ngằn ngơ nỗi mình.
 Bỗng nhiên đi vắng hiện hình,
 1280. Ngày xưa — Ôi ! thuở thanh bình còn đâu.
 Vườn hoa đua nở muôn màu,
 Từ tiên, hồng phấn, Tú cầu Đỗ-quên.
 Cha thương mến, mẹ dịu hiền,
 Bỏ con thơ dại cõi tiên vội về,
 Vườn nhà chăm chút sớm khuya,
 Mùa đào đỏ nụ, mùa lê trắng ngầu.
 Người nào đứng đó bán khoăn,
 Duyên đâu chỉ tẩn, tơ tằm lại se.
 Cái đêm hôm ấy đêm gì ?
 1290. Chén dâu hợp cần cung tỳ lương duyên,
 Nắng hồng đã tỏ gương sen,
 Động phòng sức nhớ mùi hương động phòng,
 Song song đẩy vợ đây chồng.
 Say sưa đắp những đường vòng cảnh tay,
 Lời thề như thề hát hay
 Muốn đem tài sắc dựng ngay nhà vàng,
 Ái ân thiệp thiệp chàng chàng.
 Đắm say đến nỗi không màn công danh,
 Nửa đêm vẫn lại tóc xanh,
 1300. Đưa chồng đây chốn trường đình là đây,
 Người di ngót một thu nay...
 Ôi ngày xưa chỉ là ngày, ngày xưa !
 Bây giờ nói đến bây giờ,
 Có như cả một bài thơ nào nùng.
 Nghĩ câu phận gái chữ tòng,
 Đầu tang tóc rối, tìm chồng phương xa.
 Cùng liền đất khác xông pha,
 Mai đây thân phận rồi ra thế nào.

- Ngại ngừng bước thấp bước cao,
 1310. Mắt xanh lệ úa, má đào châu sa.
 Ngồn ngang rừng khồ rừng già,
 So le đường khồ cùng là đường cong.
 Xạc xào chợ vắng bên sông,
 Tiều phu khói củi, mục đồng than trâu.
 Dò nan cần lẻ bến sâu,
 Chiều đông trời cũng ngả màu biệt ly.
 Mái tranh khói nổi sắc chì,
 Bộ hành đã tắt người đi sang cầu.
 Chàng ơi! chàng ở về đâu,
 1320. Xa xôi có rõ tình nhau thế này.
 Khi xưa đôi lứa sum vầy,
 Bây giờ ra kẻ ăn mày ăn xin.
 Dây không lẻ gạo quan tiền,
 Mà trong lòng cái ưu phiền chan chan.
 Vĩ mà chàng đã cao sang,
 Còn thương đến kẻ cơ hàn này không?
 Nhớ chẳng tình nghĩa vợ chồng.
 Nhớ chẳng lời hẹn hoa phòng đêm xưa?
 Mây dùn trời lập cơn mưa,
 1330. Ngủ-nương tìm chốn ngủ nhờ qua đêm,
 Năm canh gan héo ruột mềm,
 Năm canh mưa rỏ nát thềm nhà ai.
 Sáng sau chẳng quản đường dài,
 Lại bơ vơ lại lạc loài lại đi
 Thấy đâu đình đám hội hè,
 Rẽ vào đàn hát chờ nghề kiếm ăn.
 Trường-an đâu phải đường gần,
 Hồng nhan còn phải phong trần bao nhiêu.
 Tha hương lợi suất băng dèo,
 1340 Người đi chỉ bóng cùng theo với người.
 Tỳ-bà ai oán vì ai,
 Nước non lận lộn xa khơi tìm chồng.
 Nắng mưa dầu dãi má hồng,
 Đắng cay chà xát tấm lòng xuân tơ.

- Đường trần khăn gói gió đưa,
 Tiền rơi thiên hạ cơm thừa người ta,
 Tuổi vàng mẹ mẹ cha cha,
 Ngờ đâu thân phận con ra thế này.
 Thành xiêu cờ đồ bóng gầy.
1350. Bên sông gấp gấp tiếng chày giặt sa.
 Mưa bay đồi núi phai nhòa,
 Tiếng chuông sơn tự, canh gà ải quan.
 Đồi vườn cúc nở mơ màng,
 Hiu hiu giải một sắc vàng buồn tênh.
 Ngang đường quán rượu chênh vênh,
 Long đong vó ngựa trôi nhanh xuống đồi.
 Xóm làng rải rác nơi nơi,
 Lụa người người dệt, con người người ru.
 Thị thành cát bụi bay mù,
1360. Ngọn ngang một lữ trong tù đào sông.
 Dấn dãi đã hết mùa đông,
 Cỏ cây e ấp giữa lòng lá non,
 Xuân về khắp cả giang sơn,
 Đỏ hây cửa cũ xanh rờn lâu xưa.
 Đón xuân thiên hạ nhưn như,
 Leo du ngoài nội đề thơ trong đình.
 Xôn xao gái tốt trai lành,
 Thương ôi! tiều tụy một mình Ngũ-nương.
 Hỏi thăm từng một độ đường,
1370. Bao lâu rồi chẳng đến Trường-an cho.
 Lem nhem mặt bụi mảy tro,
 Mắt thơ kém biếc má thơ nhạt đào.
 Đêm sương ngày nắng từ bao,
 Ốm o thục nữ xanh xao liễu bờ.
 Gặp kỳ nguyên đán bấy giờ
 Ngũ-nương rấn sấm đủ đồ hương hoa.
 Treo tranh lên một gức đa,
 Lại quay về hướng quê nhà phương đông.
 — * Có thương con trẻ long đong,
1380. Phù cho gặp được mặt chồng nay mai.

- Dù chàng ăn ở đơn sai.
 Cũng xin chẳng dám nửa lời làm chi.
 Hay hèn đành thối nữ nhi,
 Lơ ra thối có tiếc gì thân con.
 Cốt sao tình hiếu vương tròn.
 Cốt sao giữ tấm lòng son vẹn toàn.
 Giàu sang cũng thề nghèo nàn,
 Chết đi cũng đến hai lần tay không ? »
 Từ phần rõ lệ ngùi trông,
 1390. Đường xa dặm thẳm cỏ bông lại bay.
 Lăn hồi đàn hát đó đây,
 Mùa xuân hết chín mươi ngày như chơi.
 Nắng lên đã chói quē người,
 Tiền sen đã đúc xanh tươi mặt hồ,
 Nghe đồn sắp đến kinh đô,
 Ngủ-nương lòng nhữn nửa lo nửa mừng.
 Phần lo duyên phận nửa chùng,
 Tay nâng chén muối, đĩa gừng nhớ quên ?
 Phần mừng mai một Trạng-nguyên,
 1400. Tha hương gặp gỡ vợ hiền thủy chung,
 Bấy lâu cách mặt xa lòng,
 Mẹ cha đã khuất mà chồng chẳng hay.
 Chàng nên danh phận dưng này,
 Mồ hai thân cũ mọc đầy cỏ xanh.
 Biết bao công đức sanh thành,
 Làm con phải nhớ lấy tình mẹ cha.

- Trống chiêng rộn rã nẻo xa,
 Dường như ở đó người ta hội chùa.
 Ngủ-nương thân thề mối rừ,
 1140. Lòng sông từ sáng đến giờ chưa ăn.
 Tìm đường cố gắng dưng chân,
 Rẽ vào đàn hát qua lần lấy no,
 Đến nơi quả thực hội chùa,
 Thiệp nam tín nữ đông như kiến đàn.

- Ngũ-nương cất nhẹ tiếng vàng,
 Đạo lên một khúc đoạn tràng quen tay.
 Tiếng đàn đậm nhạt mây bay,
 Nhặt thừa gió quyện vơi đầy triều âm.
 Bỗng không vò võ cung Hằng,
 1420. Bỗng không nổi sóng đất bằng cung Ngô.
 Bỗng không cát trắng đất Hồ,
 Bỗng không nước đục đôi bờ sông Ngân,
 Như xa thôi lại như gần,
 Cao dần lại thấp, thấp dần lại cao.
 Hát rằng : « Chín chữ cù lao.
 Làm con phải trả thế nào hỡi ai !
 Con nuôi cha mẹ kề ngày,
 Mà công cha mẹ xem tày bề non.
 Thiếp tôi mười sáu tuổi son,
 1430 Vợ chồng sum hợp mới tròn hai trắng.
 Chồng tôi ứng thí Trạng-an,
 Sớm trông chiều ngóng đã tàn thu đông,
 Phận nuôi cha mẹ thay chồng,
 Dám đâu quỳ hoặc trái lòng hôm mai.
 Đỗ xanh mọc kín bãi rồi,
 Một năm đằng đẳng chồng tôi không về.
 Một mình cấy mướn may thuê,
 Gặp năm kém đói giữa khi thanh hàn.
 Lấy gì phụng dưỡng hai thân,
 1440. Mẹ cha lại bỏ cõi trần mà đi.
 Dem lòng tử biệt sinh ly,
 Mồ công cố đắp quản gì một thân.
 Một tờ tranh, một cây đàn.
 Đi hành khát tới Trạng-an tìm chồng.
 Biết rằng có gặp nhau không.
 Biết rằng gặp có một lòng như xưa.
 Thôi thì thân gái hạt mưa
 Vung lầy giếng ngọc cũng chờ người ta.
 Nửa năm bỏ cửa bỏ nhà,
 1450 Năm gai nếm mật đường xa dặm dài.

- Lòng này than thở cùng ai,
 Chàng ơi ! sao chẳng đoái hoài quê hương ?
 Hay gì lưu lại bốn phương,
 Nhớ câu « phụ mẫu tại đường » hay quên ?
 Hay là bầu rượu nắm men,
 Màng vui quên hết lời em dặn dò
 Dù chàng phú quý kinh đô
 Mà hai thân đã yên mồ từ lâu.
 Vậy thì chín chữ cù lao,
 1460 Chàng ơi ! Trả đến kiếp nào cho xong ? »
 Tay run giọng yếu não nùng.
 Người nghe ai cũng chạnh lòng rơi châu.
 Còn đương giọng ướm tỏ sầu,
 Trống cờ rộn rã từ đâu tiến vào,
 Mọi người nhún nhác xông vào,
 Giật ra nhường lối vờng đào kiều hoa.
 Vợ chồng quan Trạng tân khoa.
 Hiệu còi dọn bước, tiếng loa dẹp đường.
 Ngũ-nương đứng nép bên đường,
 1470. Trông lên thật đã rõ ràng, than ôi !
 Xa nhau mới một năm trời,
 Người ngồi trên kiệu phải người đầu xa.
 Người ngồi trên kiệu trông ra,
 Giật mình nhận thấy dè mà quay đi.
 Vờng sau vây kín nữ tỳ,
 Sạn hồ cần bánh, lưu ly buồng mình.
 Ngũ-nương ngờ cả mắt mình,
 Hỏi người bên cạnh xem hình thực hư.
 Người rằng : « Con rề Thái-sư,
 1480 Vợ chồng ý hẳn vào chùa hành hương. »
 Nàng rằng : « Tôi kẻ viễn phương.
 Xin cho được biết tổ tường họ tên.
 Người rằng : « Đệ nhứt uy quyền,
 Ông này vừa đỗ Trạng-nguyên năm rồi,
 Chính tên là Thái bá Giai,
 Rề quan Thừa-tướng ai mà không hay ! »

- Ngũ-nương nghe hết lời này.
 Ruột gan thất quặn mặt mày tối tăm.
 Thôi, thôi, thôi chẳng còn nhăm,
 1490. Đứng đây nào có phải nằm chiêm bao ?
 Bây giờ chức trọng quyền cao,
 Vợ con Thừa-tướng ai nào nhớ ai ?
 Hỡi ơi ! được cá quên chài.
 Được cây quên búa, được người quên ta.
 Được rầy quên mẹ, quên cha,
 Đến như phụ mẫu nữa là phụ thê,
 Khi xưa nói nói thề thề,
 Bây giờ bẻ khoá trao chìa cho ai.
 Duyên mình đến thế thì thôi,
 1500. Cam thân nghèo khổ mặc người giàu sang.
 Nhất tâm bỏ ngải quên vàng.
 Công hầu khanh tướng cũng bằng vất đi.
 Đã lảm một chữ vu quy,
 Thân này thôi dám bận gì đến ai ?
 Uông rời quần vải thoa gai ?
 Qua đường hờ hững con người ăn xin.
 Nàng hèn cần ngón tay tiên,
 Giở tranh cha mẹ viết lên vài dòng.
 « Tôi Ngũ-nương họ Triệu,
 1510. « Quê ở quận Trần-lưu.
 « Vợ chồng hai thánh mới cùng nhau
 « Nam Bắc đôi nơi đã cách rẽ,
 « Phận là gái vì chồng nuôi bố mẹ,
 « Nhà thì nghèo nhiều nỗi đáng thương tâm,
 « Khi dương sinh ăn cảm đề nhường cơm,
 « Lúc tống tử lo ma mị cắt tóc,
 « Lòng thiếu phụ tơ vò chín khúc,
 « Mồ công cô tay đắp hai ngôi.
 « Khúc Tỳ-bà ai oán vì ai.
 1520. « Nước non lặn lội xa khơi tìm chàng. »
 Nàng tìm đến chốn trai phòng,
 Đưa tranh quỳ lạy sư ông cậy lời.

Từ bi người hãy vì tôi,
Dâng tranh này tới mặt người *Trạng-nguyên*.

•

Dù ngài có hỏi căn duyên,
Xin ngài đừng có nói thêm lời nào.
Trường-an xe ngựa xông xao,
Phơi đây gấm vóc chất cao bạc vàng.
Vui rức rờ, sướng huy hoàng,
1530. Cái giàu vô tận, cái sang vô cùng.
Bỏ quên đây cái thủy chung,
Bỏ quên đây một tấm lòng bơ vơ.
Nàng đi trong bóng chiều mờ.
Nàng đi trong tiếng chuông chùa ngân nga.
Nàng đi với chiếc *Tỳ-bà*
Nước non thôi hết ai là tri âm.
Nàng đi từng bước âm thầm.
Đầu xanh tóc ngắn áo chàm màu tang.
Nàng đi hạt nội mây ngàn,
1540. Bóng đêm vui lấp bóng nàng rồi thôi.
Chập chờn ánh lửa ma trời,
Từ nay thực có một người bị quên,
Sang sông trót lỡ chuyển thuyền,
Tiếng *Tỳ-bà* có nổi lên lần nào !
Hay là huyền tuyệt diệu cao,
Nghìn thu chẳng để lọt vào giai nhân.

•

Từ khi lạc với cây đàn,
1548. Chẳng còn ai thấy bóng nàng *Ngũ-nương*.



THANH-TỊNH

THANH-TỊNH tên thật là Trần thanh Tịnh ; sinh ngày 12 tháng 2 năm 1913, tại làng Dương - nổ, tỉnh Thừa-thiên (Trung-phần). Trước học trường Đông-ba, kế đó là trường Pellerin (Huế). Sau khi đỗ bằng Thành - chung, ông dạy tư ở Huế.

Ông đã từng viết giúp cho các báo :

- Phong hóa
- Ngày nay
- Tinh hoa
- Hà-nội báo
- Tiểu thuyết thứ năm . . .

Năm 1936. ông cho xuất bản tập thơ đầu tay Hận chiến trường, gồm những vần thơ máu hận. Mặc dù thơ Thanh-Tịnh đăng rất nhiều trên các báo, nhưng sau Hận chiến trường, người ta không thấy tập thơ nào khác.

Ông chẳng những là nhà thơ mà còn là cây bút chuyên viết truyện ngắn, tiểu thuyết như :

- Quê mẹ (thuộc khuynh hướng hiện thực, Đời nay xuất bản 1941)
- Chú tôi (khuynh hướng hoạt kê)
- Ra làng (khuynh hướng phong tục)
- Ngậm ngải tìm trầm (loại truyện ký, Hà-nội tân văn 1941)
- Hai cốt của anh em Tây-Sơn hiện ở đâu (khảo cứu, Hà-nội báo, 1936)
- Bến nửa, Quê bạn, Tình trong câu hát, v.v..

Thanh-Tĩnh là người chiếm giải nhất đồng hạng với thi sĩ Phạm đình Bách trong cuộc thi thơ tháng Hai số 5 ngày 5-2-1936 do Hà-nội báo tổ chức.



Cuối năm 1936, thi đàn Việt-nam nhận thêm một tác phẩm mang tên *Hận chiến trường* của một thi sĩ thuộc khuynh hướng tình cảm: Trần thanh Tĩnh.

Cho ra đời tập thơ *Hận chiến trường*, Thanh-Tĩnh được giới hâm mộ văn thơ yêu thích qua những vần thơ đượm hương buồn, nhẹ nhàng, dịu dịu như tên Thanh-Tĩnh mà thi nhân đã chọn làm bút hiệu cho mình. *Hận chiến trường* là tập thơ chứa đựng nhiều sắc thái cho nên trong *Thi nhân Việt-nam*, Hoài-Thanh — Hoài-Chân có viết về Thanh-Tĩnh như sau :

« Xem thơ Thanh-Tĩnh. cái cảm giác trội nhất của tôi là thấy một cái gì cứ dần trải, dần trải hoài mà cứ lại lạc lõng. Có lẽ là một mặt hồ. Cũng chưa đúng. Hồ còn có bờ, có hình nhất định. Ở đây không có bờ, và nước — âu cũng phải gọi là nước — cứ chảy tràn lan. Những cảnh sắc in hình trên mặt nước vẫn thường thay đổi; có khi là một cây liễu rủ, cũng có khi là một lũy tre. Nhưng cảnh sắc dầu có khác, bao giờ cũng chỉ ngăn ấy nước mà thôi. Có một lần ngời ta bỗng thấy trên mặt nước dựng lên một lầu đài xương máu (*Hận chiến trường*,

mấy vần thơ máu, 1936), nhưng khi người ta tới nơi, nó lại biến: máu mất. Thì ra là một ảo ảnh.»

Chính nội dung của những thi bản mà Hoài-Thanh — Hoài-Chân nói « dựng lên một lâu đài xương máu » đã là nguyên do Thanh-Tịnh cho thi phẩm: mình mang tên *Hận chiến trường*.

Sự nhận xét của Hoài-Thanh — Hoài-Chân đã không ngoài hướng thơ « đàn trái » của Thanh-Tịnh. Trọng tâm sáng tác của Thanh-Tịnh không qui tụ vào chủ đề chính. Thơ Thanh-Tịnh có nhiều sắc thái biến chuyển do ngoại vật và ngoại hình thâm nhập hồn thơ và rung lên từng nhịp điệu riêng biệt mà ít khi bị ràng buộc bởi nội tâm (1).

Xuyên qua tiếng thơ, ta thấy cuộc đời tình ái của Thanh-Tịnh không bị sóng gió, tránh khỏi những tiếng « sét ái tình », không như một Vũ hoàng Chương, nên Thanh-Tịnh không có những vần thơ bi thương, thống khổ, hay tiếng nức nở của con tim tan vỡ mộng tình.

Thơ đã thế, thậm chí trong truyện dài, truyện ngắn, Thanh-Tịnh cũng không lấy khổ đau làm đề tài cho sáng tác của mình. Khảo sát từ *Quê mẹ*, người ta nhận thấy thi nhân đã đề lòng « rung rinh, lai láng trong những đêm trăng sáng, trên những mặt sông im hay trong những buổi chiều tà, gió hiu hắt thổi. Tình trăng nước, đó là tất cả những cái làm tài liệu cho Thanh-Tịnh đề xây dựng »; qua những cái « e dè và kín đáo nhưng thâm thiết » khi một người con gái chạm phải tay một thanh niên, hay sự se thắt cổ lòng của một thiếu nữ cảm thấy trống trải khi phải chia tay cùng các bạn trai sau bao ngày cùng chung làm việc ở nhà nàg. Họ tất cả kéo nhau ra về, vì bây giờ « rơm đã thành đụn, lúa đã nằm yên trong vựa ... dòng sông phẳng lặng, dòng làng vắng teo ... lòng thiếu nữ bơ phờ như cánh vườn hoang chờ gió lạ », hoặc trong những câu chuyện cổ tích cách hoạt kê như *Chú tôi* hay có khuynh hướng về phong tục như *Ra làng*, cho đến những truyện truyền kỳ... cũng thế.

1) Mọi quy bạn tham khảo bài *Vàng, Máu*, cũng là khía cạnh khác lạ của Thanh-Tịnh.

Có người nhận thấy tiêu đề của những bài thơ *Lời than của đồng quê, Hoa giấy và hoa đồng quê, Tiếng gọi của đồng quê, Về quê, v.v...* trong tác phẩm *Đồng quê* của Thanh - Tịnh nên đã xếp Thanh-Tịnh vào khuynh hướng đồng quê. Thật ra tiếng thơ của Thanh-Tịnh không như của Bằng bá Lân, Đoàn văn Cừ hay Anh - Thơ đã đi sâu vào chi tiết đồng quê phong tục; Thanh-Tịnh chỉ lấy đồng quê làm bối cảnh để vẽ lại những kỷ niệm ấm êm của thời non tình; nó là những giọt lệ nóng lăn dài trên đôi má thi nhân khi hồi tưởng, ở cái không gian này, ở tiết đồng thiên này, nàng thôn nữ đã đau lòng trả lại cho ai đóá sen hồng được đưa tặng như một cử chỉ thanh nhã mà không hề chút lòng yêu :

*Bốn bề lạnh lẽo tiết đông qua
Nhớ phút vui xưa đã xóa nhòa,
Bờ cô nàng ngồi ta ngắm lại
Từ từ trên cô lệ tình sa.
.....
Sen hồng ta tặng nàng đưa lại.
Nàng để hơi tay đủ ấm rồi.*

Nó cũng là niềm băng khuâng luyến tiếc đã một thời có diễm phúc được sứ giả thần Ái-tình liếc mắt đến chàng thư sinh vừa độ tuổi trưởng thành :

*Một hôm tôi viết bức thư tình
Tạm biệt cô em đến Để-kính.
Đôi má ửng hồng cô đến nói,
Nói hoài chỉ được : « Em yêu anh. »*

Thế mà chỉ đôi năm, chàng thư sinh trở lại thăm nhà :

*... Về nhà độ ấy nhân còn non
Cách mặt cô em mấy hạ tròn,
Thần thức bên nhà hơi hát nhẹ.
Nhẹ nhàng mới biết hát .. ru con.*

Cứ thế, tình của Thanh-Tịnh thường hay chờn vờn,

nhấp nhứ. Thoạt tiên vào năm 1935, người ta thấy Thanh-Tĩnh dệt tiếng thơ của mình trên báo *Phong hóa* bằng những vần điệu vô tư, xa vắng :

*Vô tình thiếu nữ cùng ta ngắm
Một đoạn tơ trời lững thững bay.*

hay :

*Nghiêng nón nàng cười đôi má thắm,
Ta nhìn vợ vẫn áng mây xa.*

Thật là ngây thơ ! thật là trong trắng, hồn của chàng trai chưa ngấm chất yêu đương.

Chưa yêu không hẳn là không yêu !

Rồi có một ngày nào đó, thi nhân cũng biết đi tìm « mấy vần thơ... thân », cũng biết săn đuổi vậy, đôi khi còn bạo dạn kêu to :

*Thuyền ai trôi trước,
Cho tôi lướt đến cùng.
Chiều đã về, trời đất mung lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ nào nùng tiếng sương.*

nhưng, ông thợ săn đã quá vụng về, đề :

*Tình về Đại-lược,
Duyên ngược Kim-long
Đến đây là chỗ rẽ lòng,
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào.*

Tiếng thơ của Thanh-Tĩnh cứ rụt rè như thế. Cho mãi sau này mấy vần thơ của Thanh-Tĩnh mới phảng phất cái chất trữ tình dung dị của Thế-Lữ, rồi chịu đến ảnh hưởng lãng mạn của Xuân-Diệu nữa. Tiếng thơ của Thanh-Tĩnh bắt đầu chuyển đi một tiết điệu mạnh hơn.

Đứng trước một thiếu nữ, Thanh-Tĩnh không còn hồ hững hay thốt những câu bông lơn, bóng gió nữa, thi nhân cho ta biết đã có người yêu hẳn rồi, lại còn tự cho mình là chàng kỳ mã đang dong ruổi ngoài muôn dặm và cả quyết người yêu hằng thấp thỏm chờ mình nơi song cửa :

— Em ơi nhẹ cuốn bức rèm tơ
 Tìm thử chân mây khói tỏa mờ
 Có bóng tình quân muôn dặm ruồi
 Ngựa hồng tuôn bụi cõi xa mờ.

nhưng lòng chinh phu còn vương bận chốn xa xăm :

— Ô kìa ! Bên cõi trời đông
 Ngựa ai còn ruồi dặm hồng xa xa.

Thu tàn, đông sang khiến nàng « mòn mỏi » đợi trông cho đến ngày kia nàng thấy ở chân trời thấp thoáng bóng ngựa hồng. Còn nỗi vui mừng nào hơn khi người yêu trở về chã bù những ngày vô vô đợi trông.

Nhưng khốn nỗi, không biết chàng đã hy sinh vì mục đích cao cả nào, hay là quá nhút nhát còn ần núp đầu dây, mặc dù vòng tay nàng đang rộng mở :

Ngựa hồng đã đến bên hiên,
 Chị ơi trên ngựa chiếc yên . . . vắng người.

Thí nghiệm của Thanh-Tĩnh được đánh dấu khúc quanh trọng qua bài thơ *Mòn mỏi* nói trên. Khách yêu thơ đã tiếp đón *Mòn mỏi* với sự ái mộ nhiệt tình.

Tuy nhiên, như phần trước đã trình bày, hồn thơ của Thanh-Tĩnh cần có chất liệu của ngoại vật chi phối. Bài thơ nổi tiếng *Mòn mỏi* lại là đề tài phóng tác theo chuyện Barbe bleue của Perrault.

Đànii rằng *Mòn mỏi* không phải là sản phẩm thuần chất của Thanh-Tĩnh, nhưng nó đã hòa hợp chặt chẽ với tâm hồn thi nhân. Trong những trường hợp đồng thanh tương ứng như thế hồn thơ của Thanh-Tĩnh tỏ ra rất nhạy cảm.

Rồi đến bài *Lời cuối cùng* (chiếm giải nhất trong cuộc thi thơ tháng hai do *Hà-nội báo* tổ chức) thoát thai từ bài thơ *Et s'il revenait un jour* của Maurice Maeterlinck (1), nhưng qua bàn tay nhào nặn tinh xảo của Thanh-Tĩnh trong những lời thơ thanh thoát, tự nhiên, khiến ta không còn biết đâu là xuất xứ.

(1) Maurice Maeterlinck, sinh năm 1862 tại Gand. Ông là văn sĩ người Bỉ nổi tiếng khắp Âu-châu và làm bài thơ *Et s'il revenait un jour* năm 1897, chúng tôi xin trích nguyên tác trong phần Th. tuyế.

Có mấy ai bảo rằng bản dịch *Chinh phụ ngâm* của Đoàn thị Điểm không phải là xuất phẩm kỳ diệu ; chẳng những lột được thần câu thơ mà nhiều chỗ lời thơ trau chuốt, âm điệu dồn dập, bay bướm hơn nguyên bản.

Cái khó của Thanh-Tịnh là sự cấu tạo văn thơ của mình bằng chất liệu xa lạ hoàn toàn không hợp dân tộc tính Việt-nam.

Có thể nói Thanh-Tịnh có một lối phỏng dịch thơ ngoại quốc rất đặc sắc (1). Bởi thế người ta không thể phủ nhận sự thành công rực rỡ của Thanh-Tịnh qua những tác phẩm phỏng dịch vượt bậc.

(Ấn bản kỷ nhì, 20-6-68)



Thi tuyển

Tơ trời với tơ lòng

Còn nhớ hôm xưa độ tháng này
Cánh đồng xào xạc gió đùa cây.
Vô tình thiếu nữ cùng ta ngắm
Một đoạn tơ trời lững thững bay.

Tơ trời theo gió vương mình ta,
Mỗi khắc bên nàng nhẹ bỏ qua
Nghiêng nón nàng cười, đôi má thắm,
Ta nhìn vợ vẫn áng mây xa.

Tìm đâu hôm xưa giữa cánh đồng.
Bên mình chỉ nhận lúa đầy bông.
Tơ trời lơ lững vương mình uốn
Đến nỗi duyên mình với ...cõi không.

(Phong hóa)

*

(1) Thanh-Tịnh còn mô phỏng theo nhạc điệu bài *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư. Xin xem ở phần Thi tuyển bài *liếng động ban đêm*.

Mòn mỗi

— Em ơi nhẹ cuốn bức rèm tơ
 Tìm thử chân mây khói tỏa mờ
 Có bóng tình quân muôn dặm ruổi
 Ngựa hồng tuôn bụi cõi xa mờ.

— Xa nhìn bên cõi trời mây,
 Chị ơi em thấy một cây liễu buồn.

— Bên rừng em hãy lặng nhìn theo,
 Có phải chẳng em ngựa xuống đèo ?
 Chị ngờ như chàng lên tiếng gọi
 Trên mình ngựa hí lạc vang reo

— Bên rừng ngọn gió rung cây,
 Chị ơi con nhận lạc bầy kêu sương.

— Tên chị ai gieo giữa gió chiều,
 Phải chẳng em hơi tiếng chàng kêu ?
 Trên dòng sông lặng em nhìn thử
 Có phải chẳng người của chị yêu ?

— Sóng chiều đùa chiếc thuyền lan,
 Chị ơi con sáo gọi ngàn bên sông...

Ồ kìa! bên cõi trời đông
 Ngựa ai còn ruổi dặm hồng xa xa ?

— Này lặng em ơi, lặng lặng nhìn
 Phải chẳng mình ngựa sắc hồng in.
 Nhẹ nhàng em sẽ buông rèm xuống,
 Chị sợ trong sương bóng ngựa chìm.

— Ngựa hồng đã đến bên hiên,
 Chị ơi trên ngựa chiếc yên... vắng người.
 (Bảo linh họa)

Lời cuối cùng

I

— Rồi một hôm, nếu về, cha hỏi :
Mẹ ở đâu ? con biết nói sao ?
— Con hãy bảo : trông cha mòn mỏi
Mẹ từ trần sau mấy tháng đau.

II

— Nếu cha hỏi sao nhà vắng vẻ ?
Mẹ khuyên con hãy trả lời sao ?
— Con lặng chỉ bình hương khói rã.
Và trên giường chỉ đĩa dầu hao !

III

— Nếu cha hỏi cặp đào trước ngõ
Sao chỉ còn một gốc ngả nghiêng ?
— Con sẽ chỉ một cây đào nhỏ
Bên cây tùng, rồi đứng lặng yên.

IV

— Còn mẹ mẹ, nếu cha muốn biết,
Phải hướng nào, con nói cùng cha ?
— Con lặng chỉ bầu trời xanh biếc
Và bên trời chỉ nội cỏ xa !

(Hà-nội báo, số 5 ngày 5-2-1936)

Et s'il revenait un jour

*Et s'il revenait un jour,
Que faut-il lui dire ?
— Dites-lui qu'on l'attendit ?
Jusqu'à s'en mourir . . .*

*Et s'il m'interroge encore
Sans me reconnaître ?
— Parlez-lui comme une soeur
Il souffre peut-être . . .*

*Et s'il demande où vous êtes,
Que faut-il répondre ? . . .
— Donnez-lui mon anneau d'or,
Sans rien lui répondre . . .*

*Et s'il veut savoir pourquoi
La salle est déserte ?
— Montrez-lui la lampe éteinte,
Et la porte ouverte . . .*

*Et s'il m'interroge alors
Sur la dernière heure ?
— Dites-lui que j'ai souri
De peur qu'il ne pleure . . .*

(Maurice Maeterlinck)

Bản dịch Et s'il revenait un jour

của Hường - Hoa

Nếu chàng trở lại

— Nếu một ngày kia anh trở về
Chị ơi, em biết nói gì đây ?
— Bảo rằng chị giữ niềm chung thủy
Chờ đợi anh về hết phút giây.

Nếu chàng còn hỏi những gì thêm,
Vì chẳng nhìn ra được đáng em.
— Hãy nói như người em gái nhỏ;
Chàng đau lòng lắm, biết không em...

Nếu chàng có hỏi chị về đâu
Em nói làm sao để khỏi sầu ?
— Chiếc nhẫn vàng dây em gửi lại,
Nhìn chàng, có phải nói gì đâu !

— Nếu chàng muốn hỏi tại làm sao
Phòng vắng thê lương tự buổi nào ?
— Hãy chỉ chiếc đèn tim đã lụn,
Cửa phòng mở toác, gió vào mau...

Nếu chàng còn hỏi thêm giờ chót
Chị đã làm sao ? Đã nói gì ?
— Hãy bảo, sợ chàng rơi lệ thảm,
Mím cười, chị đã khép đôi mi.

Hoa giày và hoa đồng quê

*Ngượng như thôn nữ mới lên Kinh
Nhu quá tím non dướm mầu tình,
Ngơ ngác cô nhìn khen lặng lẽ
Muôn nghìn vẻ lạ sắc tươi xinh.*

*Cô đem so sánh vẻ cao sâu,
Của chốn phồn hoa với ruộng bầu
Nhu cảnh muôn màu cô ví với
Sắc đồng lúa chín nước ao trâu.*

*Bên hồ trong biếc nước phun rơi
Những gái Thần-kinh ghé lại ngồi,
Vui vẻ cùng nhau thi rẽ tóc
Đếm màn hoa giấy quẩy hoa khôi.*

*Bất giác cô em cũng chạnh lòng
Đưa tay nhẹ rẽ mớ tơ xuân
Mớ tơ ngày tháng sương trời diêm
Buồn đề cô em lụy nhỏ dòng.*

(Hà-nội báo số 13, 1 4-36)

*

Lời than thở của đồng quê

*Nàng mãi đi đi chẳng trở về,
Nàng quên cảnh vắng giữa đồng quê,
Đồng quê bát ngát, vườn quê rộng,
Nhưng túp lều quê rỗng bốn bề.*

*Bốn bề lạnh lẽo tiết đông qua
Nhớ phút vui xưa đã xóa nhòa,
Bờ cỏ nàng ngồi ta ngắm lại
Từ từ trên cỏ lụy tình sa.*

Muốn hỏi bờ lau núp cạnh giường
 Xưa nay quyến luyến áo tình nương
 Giữ gì hương vị nàng qua lại ?
 Lá úa lặn tròn mấy hạt sương.

Qua cánh đồng hoang nổi gót nàng,
 Khi trời dầm ẫm sắc trời lam
 Đường xưa tắm nắng ta riêng bước
 Khi lạnh, sắc trời : một tấm thân.

Chim đậu bờ tre khít mé hồ !
 Nghe chẳng nàng nói lúc bày phô ?
 Hót cho ta sống ngày vui trước
 Chớ giục đêm trường tiếng liú lo.

Tập điệu nàng đi lúc đứng ngồi
 Ta không buồn tiếc tháng ngày trôi
 Sen hồng ta tặng nàng đưa lại.
 Nàng đề hơi tay đủ ấm rồi.

(Hà-nội báo, số 17, 29-4-36)

*

Cô láng giếng tôi

Cô láng giếng tôi đẹp mặn mà,
 Môi hồng luôn diễm nụ cười hoa
 Gặp tôi qua ngõ thì cô đã
 thỏ thẻ : « Mời anh ghé lại nhà. »

Bên đường tôi ngắt cánh hoa lê
 Bỗng gặp cô em gánh gạo về
 Trên gạo cô mời tôi đến đề :
 Thúng này sách vở, thúng này ... lê.

Tôi si giọng hát của cô em
 Trong trẻo, thơ ngây giọng rí rền,
 Gấp sách tôi ngồi vờ vắn mộng
 Giật mình canh vạc đã kêu đêm.

Một hôm tôi viết bức thư tình
 Tạm biệt cô em đến Đẽ-kinh.
 Đôi má ửng hồng cô đến nói,
 Nói hoài chỉ được : « Em yêu anh ».

...Về nhà độ ấy nhân còn non
 Cách mặt cô em mấy hạ tròn,
 Thồn thức bên nhà hơi hát nhẹ
 Nhẹ nhàng mới biết hát ...ru con.
 (Hà-nội báo số 17, 29-4-36)

*

Thất vọng trên thất vọng

Gửi M.C. Hà-nội

Nương tử ơi ! Ta tìm gì được
 Bóng vô tình trên nét tiên nga
 Hay lời thừa trong giọng trầm ca
 Đề quên nỗi nhớ thương buổi trước.

Nương tử ơi ! Ta mong tìm mãi
 Vẻ bơ phờ trên dáng điệu tiên
 Đề lừa ta sắc đẹp u huyền
 Mà buổi ấy lòng ta tê tái.

Nương tử ơi ! Sắc trang kiều mỹ,
 Tìm đâu ra vẻ úa mình hoa
 Nét thô sơ của sắc đượm đà
 Mà ta muốn tắm thường vô vị.

Ác thật ! nàng ơi ! ta ác thật !
 Vì quá ưa nàng kém vẻ xuân
 Và luôn phai những nét sắc thần
 Mà lắm phút ta quên trời đất.

Là vì, nàng ơi ta muốn đổi
 Mạnh u tình tha thiết của ta.
 Nhưng vết trần đầu bọn huyễn nga
 Nét thường tự , mà mong an ủi.

(Hà-nội báo số 20, 20-5-36)

*

Tiếng gọi của « con tim »

I. Lan-Anh em ở đâu ?

Trời tuôn giọt lệ sầu.
 Tìm em cùng phương nẻo,
 Đồng ruộng, núi, ngàn sâu.

II. Trong sương anh tìm em,

Sương bạc hóa sương đêm.
 Sương đêm đầy lạnh lẽo,
 Trời lạnh, xóm làng êm.

III. Tên em anh lớn kêu,

Đáp anh có gió chiều.
 Gió chiều đùa tơ liễu,
 Tơ liễu gọi tình yêu.

IV. Yêu em gái giang hồ,

Đường đời thân thể cô,
 Phòng xuân em khóc lạnh,
 Sương lạnh lệ em khô.

V. Gặp em giữa chiều vàng.

Chia tay đêm ấy tan.

Đêm tan tình chưa cạn,

Lệ cạn em buồn than.

VI. Em than đời em mờ,

Vì em chỉ biết mơ.

Mơ tan tình nhân biệt,

Từ đây em ngẩn ngơ.

VII. Nhưng em, Lan-Anh ơi!

Đời em vẫn trong ngời.

Mặc dầu thân em dọ,

Con thuyền giữa biển khơi.

VIII. Vì tình rất thiêng liêng,

Xa cao cõi mộng huyền.

Con tim tràn máu nóng,

Tạo được cõi thần tiên.

IX. Nhưng em chẳng nghe anh,

Em nghe tiếng thị thành.

Thị thành đầy cát bụi,

Bỏ lại, nước, trời xanh.

X. Thế rồi buổi xuân tươi,

Sương rơi lệ anh rơi.

Sương rơi cảnh liêu đốn,

Lệ anh tản giữa trời. . .

XI. Đồng ruộng, núi, ngàn sâu!

Tìm em cùng phương nào.

Trời tuôn giọt lệ sầu,

Lan-Anh em ở đâu ???

(Đồng quê)

Vàng, máu

Nào những buổi bình minh nắng gội
 Tắm góc rừng run rầy dưới sương mai,
 Thì giữa ngàn cây thác đổ rền tai
 Vài cô gái trần truồng bì bõm lội.

Mấy cô dải vàng trên dòng thác
 Giữa voi gầm, gió hú, hò rình xa
 Và giữa ngàn linh, rừng thẳm bao la
 Đàn trần lục lợt mỗi trên nước bạc.

Nước lay đá, hăm hùng như say phản
 Chần các cô bên mỏm đá nhúm xanh,
 Đoạn cuốn lôi theo gập núi loanh quanh
 Vung máu nhuộm hang sâu màu đỏ loang !

Trong lúc ấy các ngai vàng chói lọi
 Bốn phương trời rạng rỡ ánh kim thoa
 Buổi tiệc đêm trong điện các hương pha
 Nghìn thanh nữ đầy thân vàng loáng ngời...

Hay thiếu phụ cồng con trên lưng nặng
 Dải cát vàng bên húc núi cheo leo,
 Thấy vàng trôi, nàng hớn hờ voi theo
 Vô ý ngã, con rơi, dòng lôi thẳng.

Nàng hối hoảng đuổi vàng theo con đại
 Thì bên chân vàng đứng, xoay không trôi
 Cúi lượm lên, nàng bỗng ngã : con ôi !
 Nước lửa mẹ theo con, dòng thác chảy.

*Trong lúc ấy các ngai vàng chói lọi.
Bốn phương trời rạng rỡ ánh kim thoa
Buổi tiệc đêm trong điện các hương pha
Ngàn thanh nữ đầy thân vàng loáng ngời...*

*Bích-Đào Thanh-Tĩnh (Đồng quê)
(Hà-nội báo, số 27, ngày 8-7-1936)*

*

Vì đàn cầm tiếng

Tặng B. H.

*Réo rất tiếng tơ đồng
Nhẹ chuyền lớp sương đông
Mơ màng nghe đàn gảy
Nữ khách khóc bên sông !*

*Vì đông năm trước
Cùng bạn họa đàn,
Tình khách miên man
Trên thuyền mặt nước...*

*Diòng sông nặng...
Nước buồn trôi,
Khách lặng ngồi.*

*Trên bờ vắng...
Nhưng khách,
bỗng buồn !
Dòng lệ
lại tuôn !*

*Vì :
Đàn
Cầm
Tiếng !*

(Hà-nội báo, số 25 24-4-36)

*

Tình yêu

Ai đi nghiêm khắc với tình yêu,
 Với kẻ mơ hoa mộng gió chiều,
 Ngọn gió chiều vàng lay lá rụng.
 Chiều vàng thường vắng tiếng tim kêu !

Tình cảm ai khiến gió im hơi.
 Khí lạnh sương lam tỏa mặt trời,
 Chiếc nhạn mất bầy, sương gió gọi.
 Gió ngừng, sương lạnh, bóng chim rơi !

Tình yêu là giải áng mây bay,
 Là nước sông trôi cuộn thác ngày,
 Mây vẫn thay hình hôn gió nhẹ.
 Nhẹ nhàng nước quỳn bóng chim bay.

Tình yêu thường với sắc thiên nhiên.
 Tạo ra nên cảnh mộng huyền,
 Như đầm son tình cô thiếu phụ
 Uốn mình thò nử nét duyên tiên.

Tình yêu thường mượn sắc hoa tươi
 Đề đầm cô em mấy nụ cười,
 Mượn liễu buông mình thêm mái tóc,
 Mượn hồ thu nhuộm nét xuân tươi.

Nhưng, thời gian xóa vết yêu thương.
 Trong quả tim tình tẩm lệ sương,
 Chỉ đề bên lòng hương vị cũ
 Của hồn hoa nhẹ lúc tà dương.

Vì tình là một bóng lan man
 Theo dõi non xanh trải dặm ngàn,
 Khi ẩn bên lòng cô thiếu nữ,
 Êm đềm như mộng lúc mơ tan...

...Nghe lời sắc Đẹp tiếng tình kêu
 Tim rụng hôm qua, một buổi chiều,
 Một buổi chiều tàn sương lạnh nhẩn
 Ai dành nghiêm khắc với tình yêu...
 (Đồng quê)

*

V ề q u ê

Màn sương lam rây ngọc rải đồng quê
 Tắm nôi cỏ ngàn cây màu trắng sữa,
 Nhà thi sĩ bơ phờ phen dặm núa
 Theo con đường dài đặc dưới đêm trăng,
 Chàng muốn đi, đi mãi không dừng chân
 Đi vào cõi sương mờ trong đêm tối,
 Vì chàng muốn lánh tiếng thị thành xa gột
 Va bên trời ngọn lửa Đế-thành hoe.
 Mà bao năm chàng thấy sự khổ khe
 Nằm im lìm dưới màn tơ tươi đẹp,
 Cảnh đời ấy tưởng không bao giờ có được
 Giữa cánh đồng bát ngát, dưới tre xanh
 ... Đến cuối làng chàng nghe mở cầm canh.
 Và bên xóm tiếng chuông chùa xa vắng,
 Chàng nhẹ trút hơi thở dài lo lắng
 Như tên tù vượt ngục đến quê hương,
 Vì gió chuông, canh vạc thoảng trong sương
 Là tiếng bạn muôn đời không biết phản
 Ai cấm chàng không sống được đời lãng mạn.
 Bên bờ hồ, giữa ruộng lúa, dưới tàn cây
 Và bên mình cô gái thơ ngây.
 (Hà-nội số 22, 3-6-36)

*

Tiếng gọi của đồng quê

Đạm đạm trường giang thủy
 Du du tống khách tình
 Lạc hoa tương dữ hận
 Đáo địa nhất vô thanh.
 (Thơ xưa)

Còn khổ gì hơn lúc xế chiều,
 Em không trông thấy bóng người yêu.
 Mơ màng em đợi tình quân gọi,
 Khắc khoải bên đồng tiếng dế kêu.

Dế kêu ran tận chân trời
 Thương anh, em gọi nhưng lời không đi.
 Phương em đứng ngóng phương gì ?
 Mà chiều tháng trước anh đi không về.

Mưa phùn tháng trước khắp vùng quê
 Quầy gánh em không quàn nặng nề
 Đưa tận bến thuyền em trở bước,
 Đau lòng em ngắm cánh buồm lê.

Buồm lê trắng xóa phương ngàn
 Chập chờn khi hiện khi tàng trong sương
 Thuyền anh theo nước dòng Hương
 Bơ vơ nội cỏ rừng dương, em về.

Em về nhằm buổi tối mù đen,
 Leo lét hai bên ánh sáng đèn
 Cuối xóm em nghe chổng cọt vợ,
 Nhà em thui thui một mình em.

Một mình em chuyền xe tơ
 Gió lòn khe cửa em mơ anh về.
 Ngoài hiên mưa gió dầm dề
 Buồn ôm gối lạnh em kê má hồng.

Rồi đêm ấy qua, đêm khác qua,
 Bao nhiêu đêm lặng bấy đêm mà,
 Bên thềm trăng giải sương rơi lạnh
 Mãi nhắc em hay anh vắng nhà...
 (Hà-nội báo số 15, 15-4-36)

*

Nắng mai

Àn mình sau ngành dương
 Trộm rây phấn vàng hương
 Mặt trời ghẹo thiếu nữ
 Thiêm thiếp trong phòng sương.

Nắng vàng giỡn trên má
 Cô mơ tình nhân hôn
 Cặp môi từ từ rã
 Cô vui với mộng hồn.

Giật mình nắng chói ran
 Bên hiên sáo gọi ngàn
 Cô em nghiêng mình thẹn
 Quàng chăn, ngủ vội vàng.

(Hà-nội báo số 19, 13-5-36)

*

Tiếng vọng ban đêm

Mô phỏng theo bài *Tiếng thu* của ông Lưu Trọng Lư

- Tôi thích nghe điệu đàn
 trong sương mờ nẻo khuất.
- Tôi thích nghe xào xạc
 tà áo của tình nương
 dưới ánh trăng vàng nhạt.

— Tôi thích nghe đêm tàn
gió lay hoa đào rụng
con cá vàng đớp bóng
Gương nước lạnh lòng tan.

Thanh-Tĩnh và Ng-Anh

(Hà-nội báo, số 16, 22-4-36)

*

Muôn bến

Sóng lùa đưa thuyền đỗ bến mơ,
Trời dờn nẻo khuất khách bơ vơ.
Thuyền trôi muôn bến tình quay lái,
Khách vọng chờ xa một bến bờ.

Miệt mài thuyền chảy nổi mênh mông
Rủ nắng thu tơ dính cạnh lòng,
Khách lặng quay nhìn muôn bến khuất
Tiếc thắm như gió quện trời không ?

Thuyền trôi không bến, tiếng không vang,
Đời chảy quen sông dờ lạ ngàn,
Như một chiều thu thuyền bỗng đỗ
Bên bờ sông trắng gió lan man.

Khách ghé nhưng lòng chẳng ghé theo
Buồn vương trong bước nước sông reo,
Chiều đưa tiếng gọi giang hồ vắng
Khách trở về sông lặng thả chèo.

(Ngày nay, số 22, 17-8-1940)

Chiều về

Chiều về trên cỏ non thu,
Trăng ve nắng nhạt sầu ru lá vàng.
Hồ sâu chan chứa lệ ngàn,
Nai con lạ núi muôn vàng bơ vơ.
Chên mây mờ rộng đợi chờ,
Chim nương cánh gió làm thơ lạc vờn.
Một hai sao nữ dần dần
Ngày đi lặng lẽ đêm gần gần đây,
Bàng hoàng gió gặt hương cây,
Đêm mừng lung rộng trăng mây kín trời.

(Ngày nay, số 22, 17-8-1940)



NGUYỄN VỸ

N G U Y Ê N V Ỹ sinh năm 1913 tại làng Tân-hội (sau đổi là Tân-phong, năm 1945 lại đổi là Phê-phong), huyện Đức-phê, tỉnh Quảng-ngãi (Trung-phần).

Ông đã từng theo học tại trường Trung-học Pháp-Việt ở Qui-nhơn 1924-1927, rồi phải gián đoạn vì tham gia các cuộc vận động chống thực dân, sau đó ông ra Bắc theo học ban tú tài tại Hà-nội.

Năm 1934, ông xuất bản tập thơ đầu tiên, gồm độ 30 bài thơ Việt và thơ Pháp. Từ đó ông cộng tác với các báo chính trị và văn nghệ ở Hà-nội. Năm 1937, Nguyễn Vỹ sáng lập tờ báo Việt Pháp lấy tên Le Cygne tức Bạch Nga. Báo này ngoài Nguyễn Vỹ còn có nhà văn tên tuổi Trương-Từ cộng tác. Le Cygne là cơ quan cách mạng, chính trị, xã hội, văn nghệ. Trên báo này Nguyễn Vỹ có viết nhiều bài công kích Chính-phủ Bảo-hộ, chỉ trích đường lối cai trị của thực dân

Pháp. Chính vì lẽ đó mà Le Cygne bị đóng cửa, rút giấy phép vĩnh viễn, Thực dân Pháp kết án ông là thành phần bất hảo, ngry hiềm cho Chính-phủ Bảo-hộ, và ghép vào tội « phá rối trị an và phá hoại nền an ninh quốc gia ». Kết quả : ông bị tòa án thực dân tuyên phạt 6 tháng tù và 3000 quan tiền phạt.

Mãi tù, năm 1939, thế chiến thứ hai bùng nổ, Pháp thất trận, quân Nhật chiếm Việt-nam ; không thua gì Pháp, Nhật-bản đặt chế độ quân phiệt độc tài cai trị ; Nguyễn Vỹ quay lại tranh đấu chống Nhật, ông dùng ngòi bút — một khi gởi muôn đời của kẻ sĩ — cho xuất bản hai quyển sách chống chế độ quân phiệt: Nhật-bản, đó là :

— Kẻ thù là Nhật-bản.

— Cái họa Nhật-bản.

Lần này cũng như lần trước, Nguyễn Vỹ bị quân Nhật bắt giam tại ngục Trà-kê (sau này trong tạp chí Phò thông bộ mới, Nguyễn Vỹ có kể lại những ngày sống trong ngục Trà-kê với tựa bài « Người tù 69 »).

Năm 1945, thế chiến thứ hai chấm dứt, Nguyễn Vỹ ra khỏi tù, sáng lập tờ báo Tờ quốc tại Sài-gòn, trong ấy có những bài công kích chính quyền đương thời nên chỉ ít lâu sau, báo Tờ quốc bị đóng cửa.

Sau đấy, Nguyễn Vỹ lại cho ra đời tờ Dân chủ xuất bản ở Đà-lạt, chống chính sách quân chủ lập hiến của Bảo-Đại. Sống chẳng bao lâu, báo Dân chủ cũng chung số phận với báo Tờ quốc.

Đến năm 1952, một nhật báo khác cũng do Nguyễn Vỹ chủ trương là tờ Dân ta, ra đời dề rồi sống chỉ được một thời gian, cuối cùng cũng bị đóng cửa như các tờ báo trước của ông.

Mãi đến năm 1958, ông đứng ra chủ trương bán nguyệt san Phò-thông, chú trọng về nghệ thuật và văn học, hiện nay tạp chí này được kể là có nhiều uy tín đối với làng báo miền Nam.

Năm 1963, sau khi cuộc cách mạng thành công ngày 1 tháng 11 năm 1963, nhằm lật đổ chế độ gia đình trị của Ngô-

đình-Diệm, Nguyễn-Vỹ được Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng mời tham gia Hội-đồng Nhân-sĩ Quốc-gia với tính cách trọng tài và cố vấn cho chính quyền đương thời, nhưng chỉ ít lâu sau ông rút lui. Trong khoảng thời gian này ông được phép tái bản nhật báo Dân ta (bộ mới) nhưng đến năm 1965 cũng lại bị đóng cửa và từ đó tới nay (1967) Nguyễn Vỹ chỉ còn chủ trương tạp chí Phổ-thông mà thôi.

Vào giữa năm 1962, Nguyễn Vỹ cho xuất bản tập thơ Hoang vu.

Về tác phẩm của Nguyễn Vỹ gồm có :

- Tập thơ đầu (cả Việt lẫn Pháp) xuất bản năm 1934 tại Hà-nội.
- Grandeurs et servitudes de Nguyễn văn Nguyên xuất bản năm 1937, Hà-nội.
- Đứa con hoang (tiểu thuyết) xuất bản 1937, Hà - nộ.
- Kẻ thù là Nhật-bản (biên khảo) xuất bản năm 1947, Hà-nội.
- Cái họa Nhật-bản (biên khảo) xuất bản năm 1947, Hà-nội.
- Devant le drame franco — vietnamien xuất bản năm 1947, Sài-gòn.
- Hai thiêng liêng (tiểu thuyết) xuất bản năm 1956, Sài-gòn.
- Chiếc áo cưới màu hồng (tiểu thuyết) xuất bản năm 1956.
- Giấy bí rợ (tiểu thuyết) xuất bản năm 1956.
- Hoang-vu (thơ) xuất bản năm 1962.
- Mồ hôi nước mắt (tiểu thuyết) xuất bản năm 1966.

và đang dự định xuất bản :

- Thơ lên ruột (gồm những bài thơ trào phúng về thể sự đã đăng trên tạp chí Phổ thông và nhật báo Dân ta).
- Lợi ngược (tiểu thuyết).
- Người tù 69 (hồi ký).
- Tuấn, chàng trai nước Việt (biên khảo), v.v...

Năm 1964, trong tạp chí Phê thông, Nguyễn Vỹ mở lại mục thơ Tao đàn Bạch Nga — một lối thơ mà Nguyễn Vỹ trước đây đã bị một số người chống đối.

Ngoài ra, Nguyễn Vỹ còn viết nhiều bài báo thuộc văn học, nghệ thuật, khoa học trên tạp chí Phê thông cũng như vài báo khác ở Thủ-đô mang nhiều bút hiệu khác nhau : Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tân-Trí.



N GUYỄN VỸ góp mặt vào làng thơ tiền chiến từ năm 1934, thời kỳ thơ mới đang hồi phát triển mạnh mẽ.

Trong giai đoạn này, phân đông thi sĩ thường đem khung cảnh lũng mạn vào thi ca, lấy chuyện tình ái làm đề tài, hay nói cách khác, đa số thi nhân đều lấy tình yêu làm bối cảnh và nguyên động lực chính cho đường hướng sáng tác của mình. Tuy nhiên, cũng có thi nhân hướng nẻo đi của mình về chủ đề mới lạ: một Nguyễn nhược Pháp trong sáng, di dôm, một Vũ đình Liên hoài vọng, tiếc thương. Cùng ngược thời gian thật xa xôi về nguyên thủy, Nguyễn nhược Pháp tự cái thuở « rừng núi còn vang um tiếng thần »; Vũ đình Liên thuở thành quách còn kiêu hùng, vững chãi, những nếp áo châu còn ngự trị dân gian, thi nhân tìm về đề khơi ngòi lại mạch thơ cũ; một Nguyễn-Bính len lỏi trong tâm hồn của những nàng con gái mộc mạc ở thôn quê khi đứng trước cảnh khổ đau, ngăn cách, chia ly; Bàng bá Lân, Đoàn văn Cừ, Anh-Thơ lại dẫn ta quay về nguồn cội bảo thủ những tập tục truyền thống, những cảnh trí nghìn đời của bờ tre, ruộng lúa; hay như một Chế Lan-Viên lấy cảnh đầu lâu, xương trắng, sọ người tạo ra không khí yêu ma quái quái để nhắc nhở cảnh điêu tàn của một dân tộc

gặp phải bước suy vĩ, thì một Nguyễn Vỹ làm thơ với một tâm hồn phức tạp, kết tinh bằng những gì uất ức, căm hờn, chua chát... Có thể nói Nguyễn Vỹ là nhà thơ không lấy tình yêu làm đối tượng, vì thế Nguyễn Vỹ có đường nét độc đáo riêng biệt.

Đọc Nguyễn Vỹ người ta cảm nhận điều gì mĩa mai, chua chát hơn là ca tụng cảnh trời cao, biển rộng, sông dài. Tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là sự tức tối như muốn phá vỡ cái gì trong hiện tại đang bị dồn ép, uất ức để nói lên nỗi thống khổ của kiếp người.

Sau tiếng gầm gừ khát máu của chiếc máy chém đã lấy đầu 13 liệt sĩ Yên-bái ngày 17-6-1930 để dập tắt phong trào cách mạng quần chúng đang quật khởi. Năm 1932, với trào lưu tư tưởng mới, tiếng ru ngủ của thần Ái-tình trong thi ca là khúc nhạc lý tưởng trong chính sách thực dân. Chế độ kiểm duyệt lúc bấy giờ nhắm mắt trước những lời ca tụng ái tình, cho tự do phát triển cao trào lãng mạn với thâm ý làm xao nhãng tâm hồn và ý chí của dân tộc thuộc địa xa dân tư tưởng cách mạng. Phong trào khoẻ do Ducoroy chủ xướng dưới thời toàn quyền Decoux vào khoảng năm 1940 - 1941 là ngọn đòn bỏi của thực dân cũng vì mục đích trên. Nó có tác dụng mạnh mẽ hơn súng đạn, gông cùm. Con người văn nghệ chỉ được bỏ ngõ và phải uốn mình chu tuần theo nàng Ly-tao Tình-ái, vì tiếng khua động đe dọa của máy chém, tiếng loảng xoảng của xiềng xích như còn vang dội đâu đây. Tuy nhiên, truyền thống bất khuất của dân tộc vẫn còn ẩn náu trong tiềm thức. Khốn thay ! Sự kiểm soát chặt chẽ văn thơ của thực dân đã bịt mồm, chẹn họng những con người muốn nói, dù là tiếng nói của sự thực. Sự khủng bố tinh thần trong văn giới đã khiến nhiều hồn thơ đành chôn chặt tiếng lòng, dù cố gắng phơi bày trên trang thơ nét chữ, rồi cuộc cũng bị coi như những mảnh giấy lộn trong sọt rác như bài *Hồn nam nhi* của Phan khắc Khoan ; Chế Lan-Viên trả hình núp lên tiếng lòng trong cái sâu vong quốc của một dân tộc Chăm bé nhỏ ; Thế-Lữ thì vẽ lên người chinh phu

trưởng giả đề che đậy ; Nguyễn văn Cồn nói lên niềm yêu nước xa xôi, kín đáo trong bài *Bèo mây*. Nguyễn Vỹ cũng là hồn thơ nặng chất chứa, trong một lúc say, bạo gan phi vũ cấm điều đề nói lên niềm ăn uống trong bài *Gửi Trương-Từu*. *Thi nhân Việt-nam* của Hoài - Thanh — Hoài - Chân ở phần thi tuyên về Nguyễn Vỹ đã ghi lại thi bản này, song bị cắt xén 15 câu khiến bài thơ mất ý tưởng cốt tủy. Hôm nay, chúng tôi xin bổ khuyết những gì mà thực dân đã cấm Nguyễn Vỹ nói. Trong lúc say, Nguyễn Vỹ muốn :

« *Chửi Đông, chửi Tây (1), chửi tất cả.*

.

*Cho bỏ cấm hờn cái xã hội
Mà anh thường kêu mục, nát, thối ?
Cho người làm ruộng, kẻ làm công
Đều được an vui hớn hở lòng ?
Bao giờ chúng mình gạch một chữ
Làm cho đảo điên pho Lịch-sử !
Làm cho bốn mươi thế kỷ xưa
Hất mồ ngồi dậy cười say sưa
Đề xem hai chàng trai quốc thước
Quét sạch quân thù trên Đất Nước ?
Đề cho toàn thể dân Việt-nam
Đều được Tự-do muôn muôn năm ?
Đề cho muôn muôn đời dân tộc
Hết đói rét, lăm than tang tóc ? »*

Bài *Gửi Trương-Từu* còn cho chúng ta biết thực trạng của nhà văn Việt-nam vào năm 1937 :

*Thời thế bây giờ vẫn thấy khó.
Nhà văn An-nam khổ như chó.*

(1) Vì hai chữ « *chửi Tây* », Nguyễn Vỹ bị sở kiểm duyệt của một thám Pháp kêu lên hỏi : « Ông chửi Tây là chửi ai ? »

Mỗi lần cầm bút viết ăn chương.
 Nhìn đàn chó dối gặm trơ xương,
 Rồi nhìn chúng mình hì hục viết.
 Suốt mấy năm trời kiệt vẫn kiệt.
 Mà thương cho tôi, thương cho anh
 Đã rụng bao nhiêu mái tóc xanh.

hoặc tỏ ra tư tưởng khinh miệt, mỉa mai, chua chát của con người bất đắc chí phải nép mình bên chiếc áo đàn bà :

Chứ như bây giờ là trò chơi,
 Làm báo làm bung chán mớ đời !
 Anh đi che tàn một lũ ngốc,
 Triết lý còn tùu, văn chương cóc !
 Còn tôi bùng thúng theo đàn bà,
 Ra chợ bán văn, ngày tháng qua !

*

Cho nên tôi buồn không biết mấy !
 Đời còn nhớ những ta chịu vậy !
 Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
 Bực chỉ thành say mấy cũng vừa !
 Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ !
 Chơi nước cờ cao gặp vận bất !
 Rồi đâm ra điên, đâm vẩn vơ,
 Kết cuộc chỉ còn mộng với mơ !

Sinh nhằm một giai đoạn bi thảm của quê hương, Nguyễn Vỹ đã chứng kiến bao cảnh bất công, áp bức khiến Nguyễn Vỹ đâm ra bất mãn thời thế, muốn làm một cái gì cho nhẹ bớt nỗi uất ức. Sự muốn làm của Nguyễn Vỹ tỏ ra bằng cách chống đối, và trả giá bằng những năm tù đầy. Trong những ngày lao lung, Nguyễn Vỹ tạo nên những vần thơ tha thiết, chân thành của một con người khao khát ánh sáng vàng vạc của đêm trăng, thêm thuồng vùng vẫy trong khoảng không gian rộng lớn ; nhưng than ôi ! thực tế quá đáng cay :

*Tôi thẳng tù như một mảnh hồn ma,
 Trong ngục thăm nhìn qua song lưới sắt,
 Nhìn mê mải, thèm thuồng, không mỏi mắt,
 Nhìn khát khao, ngây ngất, ánh trắng say,
 Muốn phá tung cửa ngục chạy ra ngoài.*

nhưng :

*Tôi gục xuống sàn tre nằm thồn thức...
 Trắng với Chó tự do ngoài sân ngục,
 Tôi bị giam sau bốn bức tường cao !
 Ôi Tự do ! mi quý biết nhường nào !
 Mi là cả Trăng, Sao, Trời, Thơ, Mộng !
 Mi là những nụ cười vui đề sống !
 Mi là dòng huyết thống của Thiêng-liêng !
 Có Tự do là cả Thần tiên,
 Không có nó, trần duyên là ngục thăm !
 Tù Trầ-kê say mê trong giấc đắm,
 Trên giường tù ai lệ dầm trong đêm ! ..*

Cùng với bài *Sương rơi*, Nguyễn Vỹ đã tạo được tiếng vang sâu rộng trong lòng người ái mộ. Là thi sĩ tiên chiến khá nổi danh, nhưng thi phẩm của ông chỉ có *Tập thơ đầu* (1934) và *Hoang vu* (1962), kỳ dư sáng tác của ông hướng mạnh về loại biên khảo, hồi ký, tiểu thuyết, v.v...

Trong tập thơ đầu tiên, Nguyễn Vỹ có đăng vài bài theo lối 12 chân (alexandrins), một lối thơ mới trên thi đàn Việt-nam, nhưng lại là một loại thường thấy ở Tây-phương. Tuy nhiên, trừ vài bài như *Gửi Trương-Từ* và *Sương rơi* được giới thưởng thức yêu thích, cảm quan của những người ái mộ thơ vẫn dường như không thích ứng với thể điệu nhiều chân như thế, nên *Tập thơ đầu* không được sự tiếp đón nồng nhiệt. Chính vì lẽ đó, khi *Tập thơ đầu* ra đời, Nguyễn Vỹ bị ông Lê-Ta (tức Thế-Lữ) và Hoài-Thanh, Hoài-chân công kích kịch liệt.

Trong *Thi nhân Việt nam*, hai tác giả Hoài-Thanh — Hoài-Chân phê bình Nguyễn Vỹ một cách gắt gao như sau :

« Nguyễn Vỹ đến giữa làng thơ với chiếc trống xập xòeng inh cả tai. Chúng ta đồ nhau ra xem. Nhưng chúng ta lại từng hừng trở vào vì ngoài cái lối ăn mặc và những điệu bộ lố lằng, lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì. »

(Quý bạn hãy lưu ý câu : « ... lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì » rồi bỏ lửng đề sau này hai ông nhận chân giá trị mấy vần thơ của Nguyễn Vỹ trong bài *Gửi Trương-Từu và Sương rơi*.)

Về phần Thế-Lữ — một nhà thơ được kể là hàng thượng thặng trong thời đại thơ mới — lại phê bình mỉa mai một cách nửa nạc nửa mỡ, cho rằng Nguyễn Vỹ làm thơ là « có ý dính toan loè và bịp mọi người » khi nhìn thấy dưới mắt những vần thơ ra chân sau đây :

*Dến ngày nay cảnh non sông đã phủ mấy lớp sương mù
Mà còn rên dưới rễ cỏ những vết hận lòng lai láng.
Ta hãy bước vào se sẻ trong cái im lặng nặng nề
Của năm mã, của gò cây, của đèn đài lạng miếu cũ.
Ta sẽ gõ đầu quán bút trên miếng gạch, trên cành tre.
Gợi nổi bi tình mệnh mông của những linh hồn vô chủ.
Ta hãy ngồi ven lạch nước dò nghe những tiếng véo von
Của lòng đá, của bông cây, của những khe mờ, kẽ núi
Mà một hơi gió thoảng qua làm gãy nát bao điệu đờn,
Và động lớp sóng âm ba đang gợn đùa trong nắng bụi.*

(Gửi một thi sĩ của nước tôi.)

Hà-nội báo, số 25, 10-6-1936

Trên đây là những gì phê phán về Nguyễn Vỹ, nhưng người ta đã không đi đúng đường lối của những nhà phê bình đứng đắn, từ Hoài-Thanh — Hoài-Chân cho đến Thế-Lữ (bút hiệu Lê-Ta) đều phê bình theo lối riêng của mình mà không cần biết những cái hay của người, hay nói cách khác, đó chính là lối phê bình một chiều.

Đề quý bạn ý niệm được phần nào cuộc điện diễn biến của dư luận đương thời khi xuất hiện thơ 12 chân, chúng tôi xin ghi lại sau đây trường hợp ra mắt *Tập thơ đầu*. Nguyễn Vỹ, như đề đánh tan những thắc mắc của luồng dư luận về lời phê bình trên và gián tiếp trả lời sự hiện diện của mình trong thời đại thi ca tiền chiến, trong bản nguyệt san *Phổ thông*, ông trình bày tất cả sự thật như sau : *Tập thơ đầu* là tập thơ của ông làm mỗi khi ca hứng, trong đó gồm cả thơ Việt lẫn Pháp, với ý định thông thường là để chơi, thể thôi. Tính cỡ một hôm Lưu trọng Lư, vì còn thiếu ông một số tiền mà không có dè trả, họ Lưu đề nghị với ông chủ nhà in Tân Dân, chủ nhiệm *Tiểu thuyết thứ bảy*, cho Nguyễn Vỹ in chịu, vì Nguyễn Vỹ không có tiền. Tiền in, Nguyễn Vỹ sẽ viết bài cho *Tiểu thuyết thứ bảy* rồi trừ vào tiền nhuận bút. Ông chủ Vũ đình Long ưng thuận. Thế là tác phẩm *Tập thơ đầu* của Nguyễn Vỹ được chào đời một cách bất ngờ dưới sự bảo đảm của Lưu trọng Lư.

Kể từ bài thơ thứ nhất của Nguyễn Vỹ mang tên *Dức Thánh đồng đen* (1) (tượng thánh ở chùa Trấn-quốc, Bắc phần) in trong *Tập thơ đầu* với thể thơ mới lạ 12 chân vừa tung ra liền bị ông Thố-Lữ công kích kịch liệt. Về hình thức, Thố-Lữ cho rằng 12 chân quá nặng nề ; về nội dung, ông đã kích Nguyễn Vỹ đã gico vào văn thơ óc mê tín, dị đoan.

Còn Nguyễn Vỹ lại bảo rằng, 12 chân là thể thơ dùng để mô tả những gì to lớn, vì đại mà thể thơ 7, 8 chữ không sao diễn tả hết ý được, chẳng hạn, với thể 12 chân, nữ sĩ Mộng-Sơn đã áp dụng vào thi bản *Hai Bà Trưng* để diễn tả trận chiến giữa Trưng-Trắc và Mĩ-Viện ở Hồ Táy. Về nội dung, ông nói chỉ ghi lại hình ảnh nhận được khi ông đã cảm động thấy những thiện tín qui khấn nguyện dưới chân thánh tượng, đặt niềm tin vào thần lực như điểm tựa cho những linh hồn đang khổ đau, nghèo đói, lo âu về cuộc sống, về tình duyên v.v... mà trong xã hội

(1) Xin đọc tiếp quyển *Khuynh hướng thi ca tiền chiến*.

đương thời chưa có biện pháp gì thỏa mãn được ước mong.

Nói cách chung, đối với bất luận cái gì mới lạ, hiện tượng tất nhiên trong quần chúng là thường có dư luận nghịch và thuận. Nếu Thế-Lữ, Hoài Thanh — Hoài-Châu chê, thì cũng có Lan-Khai trong báo *Đông phương*, Hay-Thông trong báo *L'Annam nouveau* (của ông Nguyễn văn Vĩnh) khen.

Chúng tôi cũng xin ghi lại dưới đây một giai thoại chung quanh thơ 12 chân.

Vào khoảng năm 1936-37, trên báo *Phong hóa* của ông Nguyễn tường Tam và Thế-Lữ, người ta thấy đăng một bài thơ trào phúng nhan đề *Kinh tế khủng hoảng* như sau :

*Kinh tế năm nay khủng hoảng,
Đồng tiền chạy trốn đi đâu.
Ai ai cũng kêu túng rối,
Nhà nghèo cho chí nhà giàu.
. . . vân vân . . .*

dưới bài thơ ký bút hiệu tắt N V.

Liền đấy, tòa soạn nhận được bức thư của Nguyễn Vỹ đại ý như sau :

« Tôi cảm ơn anh đã đăng bài thơ 12 chân của tôi trong số báo *Phong hóa* vừa rồi. Sở dĩ tôi phải cắt ra thành 6 chân vì tôi biết khuôn khổ báo *Phong hóa* không thể đăng 12 chân... »

Sau này, trong cuộc gặp gỡ Nguyễn Vỹ, Thế-Lữ có nói :

« Tôi và anh Tam nhận thấy bài *Kinh tế khủng hoảng* hay mà không ngờ là thơ 12 chân và không ngờ là của anh. »

Đề quý bạn nghe thêm tiếng chuông nữa, chúng tôi xin giới thiệu lời nói quan trọng khi phong trào thơ mới đang hồi phát triển, ông Lê trảng Kiêu trong *Hội-nội báo* số 23 ngày 10-6-1936 viết như sau :

« Kề bấy giờ mà nói đến Nguyễn Vỹ đã là chậm lắm rồi, người ta nói đến Nguyễn Vỹ nhiều lắm, nhiều quá...

Chỉ một cái được người ta nói tới nhiều, cũng đủ vinh dự cho nhà thi sĩ, vì vô duyên nhất, dẫu đón nhất cho kẻ hạo tử, không biết bao tâm trí, biết bao ngày giờ để làm nên một bài thơ, in nên một cuốn sách mà không ai nói tới. Đã đành rằng những lời nói tới đó chẳng đẹp lòng ông Nguyễn Vỹ, nhưng... « người ta có... kích ta, chỉ chứng rằng ta sống ».

Thơ ông Nguyễn Vỹ đã là một cái đầu đề cho người ta viết, một câu chuyện cho người ta bàn, thơ Nguyễn Vỹ đã sống một cách đầy đủ ở trên mặt các báo...

Quyền Tập thơ đầu, mới lộ đầu ra đã bị ngay ông Lê-Ta ở báo Phong hóa, công kích một cách tàn tệ... Cũng lại chỉ vì cái lẽ ông Lê-Ta (Thế-Lữ) cũng làm thơ mà ông Nguyễn Vỹ cũng làm thơ đó thôi. Chứ công kích như cái kiểu ông Lê-Ta, trong cái thời văn học đang phôi thai này, có nhà văn nào, có tác phẩm nào là không đáng công kích? Cứ theo cái phương pháp phê bình của ông Lê-Ta, thì ông Thái-Can, ông Lưu Trọng Lư, ông Huy-Thông, ông Thế-Lữ, trong những văn thơ của các ông ấy, ta cũng thấy nhan nhản những điều đáng công kích, nếu người ta muốn công kích, phê bình mà chỉ tìm những cái kém, cái dở chưa hẳn là phê bình. Một nhà phê bình có tiếng đã nói : « Cố yêu đề mà hiểu lấy tác giả... Vì lẽ rằng không có cái gì hoàn toàn ở đời này, ta hãy tìm lấy ở trong cái thiếu kém một viên gạch, một miếng vôi đề mà góp vào sự xây đắp cái tòa lâu Nghệ-thuật, cái tòa lâu ấy không thể do độc lực một người mà xây nổi, vì nó phải dẫu dãi nhiều mưa gió, chịu sự vui đập của bao thế kỷ. Cái tòa lâu ấy phải là công xây dựng của Quá-khứ, của Hiện-tại, của Tương-lai.

Ông Nguyễn Vỹ chẳng hạn, đưa lại cho sự xây đắp ấy, một mảnh vôi nhỏ cũng đã nhiều lắm rồi. Ta có cầu gì hơn nữa ở họ một sự hoàn toàn không bao giờ có. »

Thế nhưng, quyền Thi nhân Việt-nam của Hoài-Chân — Hoài-Thanh là tác phẩm văn học duy nhất thuần túy thi ca

của thời ấy còn được phổ biến đến ngày nay (nhà Thiều quang tái bản năm 1967) ; những lời phê bình thiên lệch ấy ảnh hưởng dai dẳng ở thế hệ sau này khi nhà văn Thế-Phong trong *Lược sử văn nghệ Việt-nam* (1957) viết về Nguyễn Vỹ như sau :

« *Sự nghiệp của ông (Nguyễn Vỹ) chỉ được một câu thơ, trong bài gửi cho Trương-Từ khiến cho người đời còn nhắc đến tên ông* » *Thi sĩ Việt-nam khổ như chó* ».

Các bạn sẽ hiểu ý nghĩa gì về câu nói của ông Thế-Phong khi Nguyễn Vỹ đã viết : « *Nhà văn An-nam khổ như chó* » để trình bày một thực trạng xã hội lúc bấy giờ.

Chúng tôi không tin rằng xuyên qua sự đóng góp của Nguyễn Vỹ vào văn học nước nhà trên mười văn phẩm, hai thi phẩm và bán nguyệt san *Phản thông* do ông chủ trương đã phục vụ trên mười năm văn nghệ từ 5-11-1957 mà văn nghiệp chỉ có vồn vện « một câu » thiết tưởng những người làm văn nghệ khác, với năm, ba tác phẩm, họ sẽ còn lại những gì.

Nếu quả thật Nguyễn Vỹ là con số không hay con số 1 (một câu), khi bàn đến « lược sử văn nghệ Việt-nam » thì hãy gạt hẳn Nguyễn Vỹ ra ngoài rìa văn giới ; nhưng đây chỉ là ý kiến cá nhân, còn đối với công luận quần chúng, người ta vẫn không thể phủ nhận sự hiện diện của Nguyễn Vỹ trong văn học.

Sẽ có người cho rằng chúng tôi vì Nguyễn Vỹ mà bênh vực. Thật ra, trong khi tham khảo những tài liệu thời tiền chiến, chúng tôi đã thấy và hiểu, rồi cố lấy tinh thần khách quan để làm sáng tỏ một vấn đề với mục đích đem trả lại một sự thật cho một sự thật.

Ở thời kỳ sơ khởi kiến trúc lầu thơ mới Việt-nam, mọi sự đóng góp, dù một cột trụ to lớn để chống đỡ hay một nắm đất bé nhỏ để xây nền, đối với những con người cùng chung lý tưởng kiến tạo, người ta không thể gạt bỏ phủ phàng một thiện chí góp sức. Sự đề xướng thơ 12 chân của Nguyễn Vỹ ta có thể coi là tiếng vang

trong khoảng vắng, một sự không thành công của một ý kiến vì không được đại đa số quần chúng chấp nhận, chứ không thể là một vật đáng vứt bỏ để phải nhận những lời công kích tàn tệ.

Xuyên qua lời chỉ trích của Hoài - Thanh Hoài - Chân (xin xem lại lời phê bình của H.T-H.C ở trên), người ta thấy cá nhân của người thơ bị nói nhiều hơn là thể thơ. Thậm chí ở phần tiểu sử của Nguyễn Vỹ, hai nhà phê bình đã đi sâu vào đời tư, nói đến những điều không cần thiết trong việc cấu tạo văn thơ, như : « *Đã từng cạo đầu đi tu, gác bút ở bãi sông Cái, bán kẹo ở Hà-nội, bán báo ở Sài-gòn* ». Đây là một hiện tượng ghi chép khác thường nhất suốt 45 nhà thơ trong quyển *Thi nhân Việt-nam*.

Thơ 12 chân thi thể. Còn thơ 2 chân lại được khen khi Hoài-Thanh Hoài-Chân không thể phủ nhận :

« *Một bài như bài Sương rơi rất được nhiều người thích. Người ta thấy Nguyễn Vỹ đã sáng tạo ra một nhạc điệu riêng đề tả một cái gì đương rơi. Cái gì đó có thể là những giọt sương, cũng có thể là những giọt lệ hay những giọt gì vẫn rơi đều đều, chậm chậm trong lòng ta mỗi lúc vẫn vơ buồn ta dừng một mình trong lặng lẽ.* »

Hai ông viết thêm :

« *Nhưng Sương rơi còn có vẻ một bài văn. Gửi Trương-Từ mới thật là kiệt tác của Nguyễn Vỹ.* »

Với thiện ý, chúng tôi muốn nói lên một sự lệch lạc trong văn học. Chúng tôi xin dẫn chứng bằng tài liệu để quý bạn cùng nhận xét và phê phán.

Đề có thêm một tiếng nói khác lạ của người đã sống cùng thời khi nền thơ mới vừa phôi thai, ông Lam-Giang (tên thật Nguyễn quang Trứ), thi sĩ và cũng là tác giả quyển *Khảo luận luật thơ mới* (xuất bản tại Hà-nội, 1940) đã có ý kiến trong quyển : *Học thơ nước Việt thế kỷ XX* (do nhà Sơn Quang xuất bản tại Sài gòn năm 1967) như sau :

« *Phê bình Nguyễn Vỹ, Hoài-Thanh phát biểu một ý kiến vô đoán* : « Nguyễn Vỹ chỉ lớn mà tài nhỏ nên hay lập dị, chứ thật sự ít có thành tích văn chương. »

« *Tôi thiết tưởng cái công du nhập đầu tiên lối thơ nhạc vào thi đàn Việt-nam giữa lúc rất nhiều người chỉ chăm lo đá kích Luậ: Đường, chứ chưa sáng tạo được một thể điệu gì mới cũng đáng cho chúng ta nhìn tác giả với một nhãn quang nhiều thiện cảm hơn.* »

Gần đây, năm 1962, Nguyễn Vỹ cho xuất bản tập thơ thứ nhì của mình là *Hoàng vu*. Trong thi phẩm này, ông cho đăng lại một số thơ ông đã sáng tác trong khoảng thời gian tiền thế chiến như : *Hương-giang dạ khúc* (1936), *Gửi Trương-Tửu* (1937), *Sương rơi* (1937), *Hết chơi* (1938, họa vận bài *Còn chơi* của Tản-Đà, xin xem bài xướng ở phần Tản-Đà), v.v... như đề độc giả có cơ hội minh xác lại một tiếng thơ đã vì thành kiến mà nhận định lệch lạc.

Đầu riêng gì thể thơ 2 chân, 12 chân như vừa đề cập, Nguyễn Vỹ còn là người chủ xướng *Trường thơ Bạch Nga* năm 1936, sự biến chuyển của thể thơ qui định từ 2, 3, 4, 5, 6... đến 12 chân. Lịch sử xây dựng nền văn học dân tộc, ta không thể trông cậy hoàn toàn vào đôi nhân vật trọng đại, mà phải là hành động chấp nhận từng cánh hoa rải rác ở muôn phương. Đọc nhà thơ này, ta hãy loại bỏ ảnh hưởng của nhà thơ mà ta yêu thích, nhiên hậu mới tìm thấy ở họ những khám phá tâm tình phản ánh được do hoàn cảnh riêng biệt đã chiếu vào đời sống của họ. Cho dù là thiên tài đi nữa, một cá nhân không thể hội tụ đủ khía cạnh sinh hoạt để phản chiếu toàn diện vào văn thơ mọi hình thái của xã hội, của tâm hồn.

Thời tiền chiến, thân phận Nguyễn Vỹ đã thế ; nhưng với ý chí phục vụ văn nghệ, trung thành đường hướng vạch sẵn, Nguyễn Vỹ, một người thơ từng chịu nhiều cam go trên đường tạo lập văn nghiệp, đã kiên chí xây dựng lại *Trường thơ Bạch Nga* trong bán nguyệt san *Phổ thông* từ

Trung-thu năm 1962 và được nhiều bạn đọc bốn phương hưởng ứng, chứng tỏ lời nói trước kia của ông Lê trảng Kiêu là đúng : « người ta công kích ta, chỉ chứng rằng ta sống. » Vậy, Nguyễn Vỹ ngày nay hãy yên ổn mà sống với trường phái của mình. (1)



Trên đây là con người Nguyễn Vỹ với *Tập thơ đầu* thời tiền chiến.

Năm 1962, tập thơ thứ nhì mang tên *Hoang vu* của Nguyễn Vỹ chào đời do *Phổ thông tùng thư* ấn hành tại Sài-gòn. Bình luận về *Hoang vu*, nhà văn Thiết-Mai trong *Sáng đội miền Nam* viết :

« Con người Nguyễn Vỹ là con người đã « sống », đã nếm mùi tần khổ, gian lao của kiếp « nhân sinh ». Kiếp « nhân sinh » ấy lại ở vào cảnh giao thời của hai thế hệ, trong một tình trạng bi đát nhất của lịch-sử nước nhà, nên Nguyễn Vỹ đã trở thành con người rần ròi, yếm thế... đề đi đến tâm trạng căm hờn, biếm nhạo, khát khe, chua chát... gần như điên dại Nhưng lắm lúc trở lại với bản tính thiên nhiên, trở lại với con người Nguyễn Vỹ, chúng ta lại thấy Nguyễn Vỹ hiền dịu, đa tình, đa cảm, thiết tha với một đời sống êm đềm trong đạo lý, coi đời chỉ là một cảnh hư vô, không không, sắc sắc...

« Tài làm thơ của Nguyễn Vỹ đã biểu lộ cho ta thấy trong sự cấu tạo dễ dàng, không gò ép và tánh cách lưu

1) *Tao đàn Bạch Nga* hoạt động trở lại với một số thi sĩ tên tuổi như Công tôn nữ Thanh-Nhung, Nguyễn văn Côn, Công tôn nữ Hỷ-Khương, Tuệ-Mai v.v... *Tao đàn* có mở một giải thưởng gọi là « *Giải Tao đàn Bạch Nga 1964* ». có ba nhà thơ trẻ trúng giải trong đó có hai sinh viên Đại-học, cử nhân Triết-học và Văn chương. Rất tiếc, tình hình chiến tranh mỗi ngày mỗi căng thẳng, và gây khá nhiều xáo trộn trong đời sống của dân-tộc, nên *Tao đàn* tạm ngưng hoạt động từ 1966.

loát của câu thơ, sự tiếp diễn liên tục của ý thơ, tài gieo vần và nhất là ý tứ thâm trầm, mai mĩa, sâu sắc, hay ý nhị, đa tình của những câu thơ.

« Chúng ta lại nhận thấy rằng Nguyễn Vỹ chịu ảnh hưởng hai văn hóa, hai lần tư tưởng Đông và Tây nên Nguyễn Vỹ đã làm được cả các lối thơ Đường, thơ cổ điển và thơ mới. Trong loại sau này, điều đáng chú ý là Vỹ như muốn đưa ra những thể mới, có tác dụng xúc cảm, có âm điệu du dương, hợp tình đề gợi tình và tả chân mạnh hơn. Thể mới ấy được thấy trong các bài thơ : *Sương rơi, Mưa rào, Tiếng chuông chùa, v.v...*

« Về ý thơ, Nguyễn Vỹ quả thật đã có nhiều ý tưởng, nhiều câu văn rất táo bạo (*Hai người điên ; Hai con chó ; Trắng, chó, tù ; Đêm trịnh, v.v...*) nhưng theo ý riêng tôi, những ý tưởng, những câu văn táo bạo ấy vẫn là những lời độc đáo đưa Nguyễn Vỹ ra khỏi lối thường tình và cổ điển của các nhà thơ và cũng tỏ cho ta thấy rằng Vỹ là con người có nội tâm cứng rắn, thành thật, dám biểu lộ tâm tư mình bằng những hình ảnh thiết thực do lòng mình suy tưởng. » (*Thi Mai*)

Thật vậy, lời phê bình trên của ông Thi-Mai tương hợp phần lớn với khuynh hướng thi ca của Nguyễn Vỹ.

Ngoài những bài thơ trào phúng về thế sự còn mang tính chất mĩa dòi (trong tập *Thơ lên ruột*), chúng tôi nhận thấy trong *Hoang vu* tiếng thơ của Nguyễn Vỹ những lúc sau này như trút bớt đi nỗi căm hờn, phẫn uất, giọng thơ không còn gay gắt, ý thơ trở nên thâm trầm, tình thơ thiên nặng về quê hương, đất nước ; đôi bài len lỏi vào địa hạt tôn giáo, tư tưởng bắt ngấm mùi đạo. Phải chăng đây là cái tâm lý chung của người đời hay dọn sẵn một khoảng đất trống cho tâm linh khi cái thân xác vật chất của mình sắp bị hủy diệt. Nguyễn Vỹ nói :

Nếu ta biết một khu trời Vạn-hạnh

Trăng không tàn mà hoa cũng không trôi...

(*Đêm sâu về*)

hay :

*Trước sau cũng quyết một lần đi !
Đi để hồn thơ nhẹ thoát ly !
Ly cảnh hư không đời giả tạo,
Tạo tâm thanh khiết bóng Từ-bi.*

(Mộng thoát ly)

Qua bao nhiêu phong ba bão táp của cuộc đời, tâm thần trở lại bình thản, Nguyễn Vỹ thích sống với cái hình nhi thượng, rồi phủ nhận :

*Không, tôi không phải con người bất mãn.
Nhục và Vinh tôi có đủ cả rồi.
Thượng-đế đã cho tôi giàu muôn vạn,
Đầy một kho ánh sáng trong hồn tôi.*

Trong *Hoang vu*, Nguyễn Vỹ chứng tỏ là một kẻ còn yêu đời, tuy cũng đã chán ngán với cảnh đổi thay của thế sự, của tiền tài, danh vọng làm con người mất hẳn lương tri và trở nên giả dối, điều ngoa, vậy thì :

*Ngài bắc chi một nhịp cầu danh vọng,
Kéo tôi chi trong phủ ảnh lâu dài ?*

hay :

*Dừng bảo tôi hát những lời ca ngợi
Các tượng thần chói lọi ánh tà huy,
Dừng chỉ tôi đâu là đường danh lợi,
Cảm ơn Ngài, danh lợi đề mà chi ?*

bởi vì :

*Tôi không muốn gánh kho vàng thơ mộng
Dem chợ đời đời lấy món cân đai,*

*Dừng như tôi ngựa, xe, tàn, vồng, lọng.
Ai công hầu khanh tướng, mặc ai ai.
Dừng bắt tôi mang hia, choàng áo rộng.
Và khom lưng lạy các chúa trên ngai !*

Lời thơ thật khảng khái của một con người bất khuất,
còn tha thiết với quê hương, Nguyễn Vỹ thêm :

*Tôi không phải đã « cạn bầu nhiệt huyết »,
Tắm thân hèn chưa rạn nứt phong sương.
Bao năm xưa dọa dầy trong luy tiết,
Há bây giờ hờ hững với quê hương.*

Một thảm trạng nghèo đói vì bất công, vì chiến họa
được bày ra dưới mắt khiến thi nhân bất chợt kêu lên :

*Một đêm lạnh lẽ kiếp buồn phiêu khách
Giữa Sài-gòn tịch mịch gió âm u.
Tôi đã thấy một người cha đói rách
Ôm con ngồi trong xó tối hoang vu.
.
Người run rẩy như lá cây run rẩy,
Tiếng người rên trong tiếng gió vi vu.*

Rồi cũng một đêm buồn của mùa Xuân đầy tang tóc ;
xa xa vắng nghe tiếng súng cầm canh, lòng thi nhân bỗng
dậy lên niềm cảm xúc :

Tiếng súng đêm xuân

*Đêm phẳng lặng. tôi đang nằm thao thức,
Phòng vắng tanh, lòng cũng vắng mông mênh.
Bỗng bên sông loạt súng bắn vang rền,
Như những mảnh tình Xuân tan tác dở.*

Kêu chan chất đạn vèo, liên tiếp nổ,
 Lửa lập loè như những ánh ma trôi.
 Kế tiếp nhau ngã gục những bóng người
 Lẫn tiếng súng, tiếng kêu gào : « Giết, Giết ! »
 Ai say máu, chém đâm nhau ác liệt ?
 Ai rên la thảm thiết; khóc kêu vang ?
 Tâm hồn tôi mỏng mảnh nát tan hoang,
 Hai ngón lệ ứa tràn đôi mí mắt.
 Trời đất hỡi, lại bao nhiêu xác chết !
 Máu cấm thù, ghi mãi hận giang san ?
 Bao vết thương non nước vẫn chưa hàn,
 Xuân tái tạo, phủ phàng, ai hấp hối ?..
 Tiếng ai oán, ai gào trong đêm tối ?
 Lời trời trấn ai gọi gió sương khuya ?
 Ai thân yêu, nhấn nhủ lúc chia lìa,
 Đang quần quai rỉ rên bên vũng máu !
 Trời u trệ, đìu hiu sao Bắc-đầu,
 Mây chập chồng xây đắp ải sâu tang
 Đêm không trăng, bùng bít cả trần hoàn,
 Gà mớ gáy, kinh hoàng trong yểm mộng..
 Súng đua nổ ầm ầm rồi im lặng
 Hạt mưa xuân nặng nặng rớt trên hiên...
 Ai có nghe trong đêm thăm vô biên
 Tiếng gió mới gọi hồn non nước cũ ?..
 Ai có thấy muôn vạn mồ vô chủ ?
 Đoàn thanh niên đang tiến tới ngày mai
 Đang hân hoan rền dục chí anh tài
 Bỗng ngã gục, không một lời vĩnh biệt !
 Mỗi xác chết, một linh hồn nước Việt,
 Mỗi nắm mồ, là một mảnh tim ta.
 Xuân muôn màu ngào ngạt nở muôn hoa
 Là mạch máu chan hòa trong mạch đất !

Mỗi nhánh lá, một hồn thiêng phảng phất,
 Mỗi tim hoa, nước mắt đọng thành sương.
 Cả non sông là một hận xuân trường,
 Của thế hệ loạn cuồng trai đất Việt !
 Ôi buồn lắm ! Lòng ta buồn đa diết !
 Ta xót thương những số kiếp tài ba,
 Nợ phong trần đã vướn tuổi niên hoa
 Còn thử thách đá vàng thêm Quốc-hận !
 Một lớp trẻ chôn vùi ngoài chiến trận,
 Đã đem xương đem máu đắp xây mồ.
 Một lớp sau còn sống sót, bơ vơ,
 Khóc cũng dờ, mà cười càng thêm dờ !...

*

Đêm xuân nay, nước mắt trào nức nở,
 Nghe vang rền tiếng súng nổ bên sông.
 Gà gáy khuya, tỉnh giấc mộng hải hùng,
 Tôi mở cửa, gió lồng, ơn ớn lạnh.
 Mưa rì rả, thấm tê lòng cô quạnh,
 Tôi ra đi như một đứa lạc loài,
 Bước âm thầm không muốn biết ngày mai.

(Nha-trang đêm xuân 1951, Hoàng vũ)

Đọc xong bài thơ, người yêu thơ không khỏi bùi ngùi vì quê cha đất mẹ lại một lần đồ lệ khóc thương cho những mái đầu xanh tuổi trẻ. Nguyễn Vỹ đã viết lên bài thơ với tất cả sự tủi hờn của dân tộc.

Trong *Hoang vu*, ngoài tư tưởng và tâm tình đã ký thác, chúng ta còn nhận thấy một cá tính của Nguyễn Vỹ hay tìm đến những cái gì khác lạ.

Sương rơi còn là bài thơ trong trường phái *Bạch Nga* :

Sương rơi

Sương rơi

Nặng trĩu

Trên cành

Dương liễu.

Nhưng hơi

Giò bắc

Rời hạt

Lạnh lùng

Sương trong

Hiu hắt,

Tan tác

Rời sương

Thấm vào,

Trong lòng

Cành dương.

Em ơi,

Tả tơi,

Liều ngã,

Trong lòng

Em ơi.

Gió mưa

Hạt sương

Từng giọt

Tơi tả,

Thành một

Thánh thót,

Từng giọt

Vết thương.

Từng giọt

Thánh thót,

Diêu tàn,

Từng giọt

Trên năm

Tơi bời

Mồ hoang !

Mưa rơi,

Gió rơi

Lá rơi,

Em ơi !

Đến những bài như *Hoàng hôn*, *Tiếng chuông chùa*, *Mưa rào...* sau đây, Nguyễn Vỹ muốn tạo cho mình một điệu nhạc riêng. Nhưng phải nói là những bài thơ mới lạ này có nặng về thể thơ tân kỳ mang tính chất tượng hình, thượng thanh nhiều hơn là chứa đựng tư tưởng.

Bài *Hoàng hôn* dưới đây, tác giả trình bày một đàn cò trắng đang vội vã bay về tổ trên nền trời của một buổi chiều vàng sắp tắt.

Hoàng hôn

Một đàn

Cò con

Trắng non

Trắng non,

Bay về

Sườn non.

Gió giục,

Mây dồn,

Tiếng gọi

Hoàng hôn

Buồn bã

Ni non

Lừ già

Cô thôn...

Còn con

Cò con

Trắng non

Nào kia,

Lạc bầy,

Lại bay

Vào mây,

Ồ kia !

(1950, *Hoàng vu*)

Và đây, bài *Tiếng chuông chùa*, qua thể thơ, tác giả cho ta thấy một buổi chiều buồn, tiếng chuông chùa ngân lên từng hồi trong bầu không khí êm lặng, dư âm vang động nơi nơi, gợi cho kẻ tha phương cảm thấy lòng băng khuâng thương nhớ :

Tiếng chuông chùa

Bốn phương trời

Sương sa,

Tiếng chuông chùa

Ngân nga...

Trời lặng êm,

Nghe rêm

Tiếng chuông

Rơi,

Thành thơ

Êm dềm...

Hồi chuông

Rơi,

Bon !

Bon !

Trong sương mờ,

Véo von...

Hồi chuông

Trôi,

Êm ru.

Vô âm u

Hồn tôi...

Hồi chuông

Vang bốn phương...

Mùi trầm hương

Vang trong sương

Lòng tôi...

Nghe tiếng chuông

Trong,

Trong,

Hồi hộp

Bâng khuâng...

Hồn lãng lảng

Lên vút,

Cao xanh,

Thanh,

Thanh...

Tiếng chuông chùa

Khoan thai,

Kêu ai,

Lòng nhớ thương

Quê hương...

Tiếng chuông chùa

Khoan thai,

Kêu ai,

Lòng mê lương

Tê

Mê

Trong sương...

(Hoàng vu)

Ngoài những lối trên, Nguyễn Vỹ còn trình bày một thể thơ đặc biệt có dáng hình thoi : bài *Mưa rào*. Từ câu đầu một chữ, rồi hai, ba, bốn chữ v.v... tăng trưởng đến một cao độ, rồi bắt đầu giảm lần số chữ trong câu cho đến câu cuối còn một chữ để diễn tả một cơn mưa thoạt đầu lác đác vài giọt, rồi đổ ào như trút, rồi thưa, thưa dần đến còn một giọt và tạnh hẳn.

M ư a r à o

Mưa

Lừa thưa

Vài ba giọt...

Ai khóc tả tơi,

Giọt lệ tình đau xót ?..

Nhưng mây mù mịt, gió đưa

Cây lá rụng xào xạc giữa trưa.

Mưa đổ xuống ào ạt, mưa, mưa, mưa !

Thời gian trôi tan tác theo tiếng mưa cười !

Không gian dập vùi tan nát theo thác mưa trôi,

Dàn em thơ nhào ra đường, giỡn hớt chạy dầm mưa !

Cỏ hoa mừng nên vận hội, ngả nghiêng tắm gội say sưa !

Nhưng ta không vui, không mừng. Lòng không ca, không hát !

Ta đưa tay ra trời, xin giòng mưa thấm mát.

Tươi vết thương lòng héo hắt tự năm xưa !

Nhưng, ô kìa ! Mưa rụng chóng tàn chưa !

Trời xanh xanh, mây bay tan tác.

Ai còn ươm hạt mưa đào,

Lóng lánh trong tim Hoa ?

Ai ươm mơ sầu,

Ôi mong manh,

Trong tim

Ta !

(Sài-gòn, một chiều hè 1959)

Đề kết thúc, chúng ta thấy Nguyễn Vỹ là một nhà thơ có thực tài. Ông dám trình bày một cách trung thực tư tưởng của mình, nói lên nỗi uất ức, bất công của kiếp người. Nguyễn Vỹ có cái nhìn thường xuyên vào thực trạng xã hội, theo dõi những màu sắc biến đổi của nhịp sống dân tộc đã chịu nhiều thảm họa; hòa lẫn vào đấy tình thương yêu đồng loại, tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là tiếng nói chân thành phát xuất từ con người còn nghĩ đến quê hương.

(Ấn bản kỷ niệm. 25-6-1968)



Chi tuyến

Gửi Trương-Tứ

Nay ta thêm rượu nhớ mong ai...
Một mình nhấp nhém, chẳng buồn say !
Trước kia hai thằng hết một nệm,
Trò truyện dong dài, mặt đỏ sẫm,
Nay một mình ta một be con.
Cạn rượu rồi thơ mới véo von !

Dạo ấy chúng mình nghèo xơ xác,
Mà vẫn coi tiền như cỏ rác.
Kiếm được đồng nào đem tiêu hoang.
Rủ nhau chè chén nói huênh hoang.
Xáo lộn văn chương với chả cá,
Chửi Đông, chửi Tây, chửi tất cả,
Rồi ngủ một đêm mộng với mê.
Sáng dậy nhìn nhau cười hê hê !

Bây giờ thời thế vẫn thấy khó,
Nhà văn An-nam khô như chó !
Mỗi lần cầm bút viết văn chương,
Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương
Rồi nhìn chúng mình hì hục viết
Suốt mấy năm trời kiệt văn kiệt,
Và thương cho tôi, thương cho anh
Đã rụng bao nhiêu mái tóc xanh.
Bao giờ chúng mình thật ngắt ngưỡng ?
Tôi làm Trạng-nguyên anh Lê-tướng,
Rồi anh bên Võ tôi bên Văn,
Múa bút tung gươm hạ một phen ?

Cho bỏ cấm hờn cái xã hội
 Mà anh thường kêu mục, nát, thối ?
 Cho người làm ruộng, kẻ làm công.
 Đều được an vui hớn hở lòng ?
 Bao giờ chúng mình gạch một chữ
 Làm cho đảo diên pho Lịch-sử !
 Làm cho bốn mươi thế kỷ xưa
 Hất mồ nhồm dậy cười say sưa
 Đề xem hai chàng trai quốc thước
 Quét sạch quân thù trên Đất Nước ?
 Đề cho toàn thê dân Việt-nam
 Đều được Tự-do muôn muôn năm ?
 Đề cho muôn muôn đời dân tộc
 Hết đói rét, lăm than tang tóc ?
 Chứ như bây giờ là trò chơi !
 Làm báo làm bung chán mớ đời !
 Anh đi che tàn một lũ ngốc
 Triết lý con tằm, văn chương cóc !
 Còn tôi bùng thúng theo đàn bà,
 Ra chợ bán văn, ngày tháng qua !
 Cho nên tôi buồn không biết mấy !
 Đời còn nhớ những, ta chịu vậy !
 Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
 Bực chí, thành say mấy cũng vừa.
 Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ !
 Chơi nước cờ cao gặp vận bĩ !
 Rồi đâm ra diên, đâm vắn vơ,
 Rốt cuộc chỉ còn... mộng với mơ !

Viết rồi hãy còn say

(Phụ nữ)

Hương giang dạ khúc

(Bài này đăng trong *Đông tây tuần báo Hà-nội*, ký bút hiệu *Lệ-Chi*)

Hơi gió hiu hiu của ban đêm
Ru hồn ta trong cơn tê tái.
Nước sông Hương lặng lẽ êm đềm
Ru chiếc thuyền ta bơi êm ái.

Thuyền ta thiu thiu ngủ, lênh đênh.
Theo nhịp mái chèo bơi êm ái,
Tâm hồn ta rên rỉ, buồn tênh.
Theo cơn sóng trần duyên tê tái

Hồn ta bơi lướt qua, buồn tênh
Trên lớp sóng trần duyên tê tái,
Thuyền ta bơi lướt qua, lênh đênh
Theo nhịp mái chèo bơi, êm ái.

Trăng soi trên đỉnh núi đầu ghềnh
Nhọt như vết thương lòng tê tái,
Và trong cõi lòng ta mộng mênh,
Trăng rủ một cơn buồn êm ái

Tâm hồn ta rên rỉ, buồn tênh
Ru vết thương lòng ta, êm ái.
Thuyền ta trên mặt nước, lênh đênh,
Ru tâm hồn ta thêm tê tái.

(Húế 1936, Hoàng vu)

Hai con chó

Chuồng ngục tối om, kìa bốn xó,
Bốn thẳng bơ bơ như bốn chó !
Chẳng được nói năng, chẳng được cười,
Hai chân chồm hồm, ngồi co rố.

Lưng rít mồ hôi, không dám cọ.
Ngứa ngứa tay chân không rẩy rọ.
Rệp bò lên cổ, leo lên đầu,
Muỗi bay khiêu vũ; kêu ó ó.

Một tên lính Nhật ngồi ngay đó ;
Nét mặt hăm hăm, tròn mắt lỗ !
Đeo chiếc gươm dài, cầm roi da,
Thình thoảng quất lên bốn đầu sỏ.

Hắn uống rượu gì màu đỏ đỏ,
Như uống máu tươi trong cái sọ ?
Kìa nó gật gù, đầu ngả nghiêng,
Máu nhều quanh môi từng giọt nhỏ !

Hai mắt đỏ hoe xoay tròn, ngó
Thẳng tù lim dim trong một xó,
Hắn sả ba roi lên đỉnh đầu,
Thẳng tù rứt vai, mặt mếu mó !

Một thẳng tù khác ngồi nhẵn nhố,
Tay run cầm cệp, răng gở mớ,
Sốt rét lên cơn, không dám nằm,
Đầu cúi lạy... lạy... như xin xỏ.

Thẳng tù thứ ba ngồi nhóc mỗ,
Da mặt xanh lè, mắt tho lỗ.
Hắn bị tra điện hồi đầu hôm,
Giờ như cái xác con ma xỏ !

Thăng tôi chờ chết, ngồi co rố,
 Làm thơ âm thầm lấy vắn chớ.
 Bỗng một chó Nhật vừa đi qua,
 Đứng ngoài song sắt trở mắt ngó.

Nó nhìn thăng tôi, tôi nhìn nó,
 Thông cảm cùng nhau hai đứa chó !
 Bỗng đứng tôi cười ! ha ! ha ! ha !
 Nó cùng vẩy đuôi cười hó ! hó !

Tên lính Nhật hoàng la xí xố,
 Dập giày lên lưng xua đuổi nó,
 Rồi quật roi da lên đầu tôi,
 Áo ào, ạt ạt như Thần gió !

Chó Nhật ăng ăng chạy gần đó,
 Quay lại vẩy đuôi đứng lấp ló,
 Rồi tôi nhìn nó, nó nhìn tôi,
 Thông cảm cùng nhau hai đứa chó !

Hà-nội mừng Xuân năm Nhâm-ngọ,
 Pháo nổ tung bùng, đèn sáng tỏ.
 Chó Nhật vẩy đuôi chờ tôi ngâm.
 Dăm chục câu thơ mừng kiếp chó !

Ôi tôi ôi, tôi ôi là tôi !
 Ôi chó ôi, chó ôi là chó.

(1942, Hoàng vu)

*

Trăng, chó, tù...

Ngục Trà-Kê, đoàn tù nằm trong tối.
 Chỗ giường tôi đối diện với Trăng thu,
 Nhưng kẽm gai giăng lưới bọc âm u,
 Ngoài sáng tỏ, trong mịt mù bùng bit.

Ai nấy ngủ, hai giấy sà kê khít,
 Cửa nhà lao dây xích khóa ba vòng,
 Một tia vàng lóng lánh lọt qua song,
 Năm âu yếm bên lòng tôi, khẽ bảo :
 « Đêm nay rằm, em giảng tơ huyền ảo,
 Ngồi dậy xem chàng hời, giữa khuông xanh,
 Em dệt thơ, dệt mộng, kết muôn vần,
 Đề em tặng người-yêu-em muôn thuở.
 Ngồi dậy đi, hời chàng, nhìn song cửa,
 Ngoài trời mây rục rờ ánh trắng lành !
 Em về đây trọn hết cả năm canh,
 Đem tất cả dâng chàng lòng trinh bạch.»
 Trăng mủm mỉm cười duyên, rồi khẽ lách
 Lưới kềm gai ngăn cách giữa tôi nàng...
 Tôi giơ tay, muốn níu ánh trắng vàng,
 Lòng xao xuyến, tôi vội ngồi nhòm dậy.
 Sau lưới sắt tôi nhìn trăng mê mải,
 Núi rừng hoang Trăng giải ánh sầu bi...
 Trước sân tù có con chó L'Amie,
 (Con chó trắng dễ thương và ngoan ngoãn,
 Chó độc nhất, và trung thành như bạn,
 Lạc ngoài rừng, chúng tôi bắt về nuôi.)
 Giơ vớ Trăng, chó phe phẩy mừng vui.
 Chó nhảy tới, nhảy lui, đùa vớ bóng...
 Trăng tha thướt, yêu kiều trong ảo mộng,
 Rải trên sân lộng lộng ánh huyền mơ.
 Mỗi nét Trăng là dệt một vần Thơ,

•

Mỗi sóng trắng là một đường tơ thấm.
 Chó đùa bờn, chạy quanh, rồi đứng ngẫm,
 Mắt nhìn Trăng, lóng lánh ánh Trăng ngà...
 Tôi thăng tù như một mảnh hồn ma,

Trong ngục thăm nhìn qua song lưới sắt,
 Nhìn mê mải, thềm thường, không mồi mắt,
 Nhìn khát khao, ngây ngất, ánh Trăng say.
 Muốn phá tung cửa ngục chạy ra ngoài,
 Đề ngấm nó, đề ngất ngây say với nó,
 Đề đùa bỡn với bóng Trăng bóng chó,
 Đề dẹt tình, dẹt mộng với Trăng tơ...
 Nhưng bỗng dưng đôi mắt lệ hoen mờ,
 Tôi gục xuống sàn tre, nằm thồn thức...
 Trăng với chó tự do ngoài sân ngục,
 Tôi bị giam sau bốn bức tường cao !
 Ôi tự do ! mi quý biết nhường bao !
 Mi là cả Trăng, Sao, Trời, Thơ, Mộng !
 Mi là những nụ cười vui đề sống !
 Mi là dòng huyết thống của Thiêng-liêng !
 Có-Tự do là có cả Thần Tiên,
 Không có nó, trần duyên là ngục thăm !
 Từ Trà-khe say mê trong giấc đắm,
 Trên giường tù ai lệ đắm trong đêm !...
 (1944, Hoàng vu)

*

Cám ơn ngài

Không, tôi không phải con người bất mãn
 Nhục và Vinh, tôi có đủ cả rồi.
 Thượng-đế đã cho tôi giàu muôn vạn,
 Đây một kho ánh sáng trong hồn tôi,
 Đây những đêm lệ châu tràn ai oán,
 Những bình minh trời dậy nhạc men cười.
 Từ muôn thuở say sưa tình lai láng
 Uống hương trời còn đọng cả trên môi !

Ngài bắc chi một nhịp cầu danh vọng,
 Kéo tôi chi trong phù ảnh lâu dài ?
 Tôi không muốn gánh kho vàng thơ mộng,
 Dem chợ đời đời lấy món cân đai.
 Đừng nhử tôi ngựa, xe, tàn, võng, lọng.
 Ai công hầu khanh tướng, mặc ai ai.
 Đừng bắt tôi mang hia, choàng áo rộng,
 Và khom lưng lạy các chúa trên ngai !
 Tôi không phải đã « cạm bấu nhiệt huyết »
 Tắm thân hèn chưa rạn nứt phong sương,
 Bao năm xưa đạp dầy trong luy tiệt,
 Há bây giờ hờ hững với quê hương ?
 Nhưng dân tộc đã vươn mình quyết liệt,
 Bao anh hùng đã điếm máu tô xương,
 Họa khói lửa muôn dân còn rên xiết,
 Bút mực nào ghi hết hận tang thương !
 Đề yên tôi bên khu trời điệu vợi,
 Chớp lời Sao và nhạc Gió lâm ly,
 Tiếng than thở vụn u hồn buồn rợi,
 Đắm chìm trong tịch mịch vụn sầu bi !
 Đừng bảo tôi hát những lời ca ngợi
 Các tượng thần chói lọi ánh tà huy,
 Đừng chỉ tôi đâu là đường danh lợi,
 Cảm ơn Ngài, danh lợi đề nhè chi ?

(1953, Hoang vu)

*

Giấc mơ bom nguyên tử

Chiều quạnh quẽ ngồi trên lưng núi,
 Lánh xa đời gió bụi phù hư,
 Suối đời vi vút hơi thu,
 Bao la mây nước mịt mù diu hiu.

Buồn man mác, nằm thiu thiu ngủ,
 Dưới bóng cây buồn rũ lá vàng,
 Chập chờn trong giấc mơ màng,
 Du dương xao xuyến, khúc đàn thông reo.
 Bỗng, vắng vắng tiếng kêu, tiếng khóc,
 Những u buồn tang tóc, bi ai,
 Rì rầm trong gió, trong mây,
 Nỉ non vang khắp trần ai ta bà.
 Mạch máu chảy chan hòa mạch đất,
 Ngập tử thi chổng chắt chân trời,
 Lập lòa như lũ ma trôi.
 Những luồng lửa đỏ cháy thui địa cầu.
 Chìm nhân loại trong bầu máu nóng.
 Lò cừ đun những đống xương khô,
 Dầu lâu không mả không mỡ,
 Xác người xác thú núi gò ngồn ngang.
 Đại bác nổ lừng vang trái đất,
 Khói lửa tràn mù mịt Đông Tây,
 Đạn vèo, tốc rụng, đầu bay,
 Máu phun lên nhuộm rừng mây đỏ lôm.
 Trận Đại-chiến cuối cùng bùng nổ,
 Trên năm châu ngọn gió diên cuồng,
 Lên men, say máu anh hùng,
 Đua nhau chém giết, mổ lòng, ăn gan.

Muôn triệu cảnh khóc than thảm thiết,
 Muôn triệu người rên siết đau thương,
 Thây nằm chật các nẻo đường,
 Hồn bay vất vưởng sa trường máu tanh.
 Cuộc tàn sát hung hăng gớm ghiếc,
 Trẻ, già, cô, chém giết không tha,

Say mềm như tiệc đám ma.
Tiếng kèn vang những bài ca hải-hùng.

Bỗng sấm sét đùng đùng ghê dữ,
Trăm nghìn bom nguyên-tử nổ rơi,
Tường chừng mặt đất nứt đôi,
Vòm mây tan vỡ, biển sôi, sóng trào.
Trận đông tố ào ào nổi dậy,
Quét tan hoang như giấy cõi trần,
Người người ngã chết hết dần,
Lâu đài thành quách tan tành ra tro.
Những tàu bay, tàu bò, tàu lặn,
Những gươm dao súng đạn giết người,
Rút chìm trong đáy bể khơi
Muôn muôn triệu xác nổi trôi dạt dờ.
Hình như thê loài người chết cả ?
Khắp bao la đầy mả mồ hoang !
Tưởng như trong cảnh điêu tàn,
Hai người sống sót là nàng với ta...
Phải chăng một giấc mơ hoa ?
Trong mơ chỉ thấy còn ta với Nàng...
Trời quang đặng, bóng vàng ngả xế,
Mặt địa cầu hoang phế cô liêu.
Thoáng nghe vài tiếng chim kêu,
Trong mây, trong gió, đìu hiu lạnh lùng.
Bao la thẳm, một vùng lặng lẽ,
Phổ phường hoang, tường bề ngói rơi,
Không trông thấy bóng một người,
Mênh mông quanh quẽ trên trời dưới ta.
Giữa hoàn vũ, tha ma tử địa,
Nhìn chung quanh vắng vẻ buồn tênh,

Nàng, tôi, hai bóng kề bên,
 Nắm tay dùng đỉnh di trên địa cầu.
 Bước sợ hãi trong bầu nắng gắt,
 Lặng tai nghe quả đất vùn xoay,
 Êm êm, dịu dịu say say,
 Vô biên, thăm thẳm, trời mây xanh lồng.
 Cồn núi vẫn trùng trùng điệp điệp,
 Suối, ao, hồ, rộn rịp sóng reo,
 Hơi thu thổi lá bay vèo,
 Ngồn ngang xác chết, như bèo, trôi sông,
 Trôi chìm hết ra dòng sóng bèo,
 Gió lùa đi, không để xác ai
 Còn đâu dấu vết loài người ?
 Nghe đâu tiếng khóc, tiếng cười, tiếng kêu... ?
 Trong vắng lặng trời chiều bát ngát,
 Nàng và tôi ngỡ ngác đất nhau,
 Đi... nhưng nào biết đi đâu ?
 Chung quanh núi thẳm, sông sâu, đất bằng...
 Bỗng thoáng thoáng từ đằng xa tới,
 Một cụ già bạc phới đầu râu,
 Tay già chống chiếc gậy lau,
 Áo xanh phất phới gợn màu xanh mây,

•

Nàng và tôi chấp tay chào hỏi :
 — Lạ cụ già, thưa cụ là ai,
 Cụ cười : — Ta xuống trần ai ?
 Đồi lại mặt đất và thay giống người.
 Ta đã sắp cõi đời xán lạn,
 Ơn sinh thành muôn vạn triệu niên,
 Tạo nhân, lập địa, khai thiên,
 Gây ra giống thú, giống chim, giống người.

Riêng nhân loại tuyệt vời trí óc,
 Còn chim muông ngu ngốc mê si,
 Chỉ người mới có lương tri,
 Có lòng đề cảm đề suy cuộc đời.
 Nhưng đa số loài người hư hỏng,
 Dùng tâm linh, trí đồng giết nhau,
 Muôn ngàn kiếp trước, kiếp sau,
 Không tu được đức không trau được lành.
 Ta chỉ thấy chiến tranh tàn sát,
 Người giết người khao khát máu tanh.
 Tham tàn, ích kỷ, kiêu căng,
 Giành nhau chỉ biết miếng ăn miếng mỗi.
 Càng tiến bộ càng đời hại lắm,
 Càng văn minh, càng đẫm truy hoan.
 Càng thêm vật chất huy hoàng,
 Tinh thần trụy lạc, điểm đàng hơn xưa.
 Ghét xã hội loài người mục nát,
 Mặt đất đầy tội ác xấu xa,
 Lòng người hèn nhát thối tha,
 Một luồng ám khí trộn pha dương trần.
 Nên ta quét tan tàn cội tục,
 Xoay lại chiều cây trục hành tinh,
 Cho muôn triệu ức sinh linh,
 Diệt vong trong cảnh u minh tận cùng.
 Đề dứt hẳn điên cuồng loạn đả,
 Ta tung làn Phóng-xạ đánh tan,
 Cho tiêu, cho diệt, cho tàn,
 Cho bi thảm kịch-hạ màn kết chung.
 Ta lập lại một vùng đất mới,
 Cho loài người khác với loài xưa,

Đồi thay hẳn tấn tuồng đời,
 Chỉ còn trong sạch, sáng ngời, vịnh quang.
 Giống dân mới được toàn hạnh phúc,
 Không miệt mài lực dục giết nhau,
 Gió vàng không hái đầu lâu,
 Đất vàng không lấp mồ sâu thịt người.
 Dân không bị một đời tội mọi,
 Không còn đau tù tội xích xiềng,
 Hòa-bình, Hạnh-phúc liên miên,
 Tự-do, Bác-ái thành Tiên trên đời.

*

Ông cụ nói rồi cười ha hả,
 Tôi bèn thưa vội vã mấy câu :
 — Cụ ơi, Dân Việt còn đau ?
 Dân tôi mặt mũi mày râu Tiên Rồng
 Dân ta vẫn anh hùng chí khí,
 Giữ tinh thần đạo lý nêu cao.
 Dù nguy dù biến thế nào,
 Nghìn năm nô lệ chí cao vẫn còn.
 Dân ta đã tận cùng đau khổ,
 Cụ không thương sao nỡ giết a ?
 Cụ cười : — Con chớ lo xa !
 Đất Việt còn đó, Dân ta vẫn còn !
 Là giòng dõi Lạc-Hồng thuở trước,
 Trải nhiều phen mất nước nguy nan
 Mấy lần diên đảo giang san,
 Giống nòi diêu đứng dân gian khốn cùng.
 Bao thế hệ anh hùng tử trận,
 Chôn bấy nhiêu uất hận non sông,
 Thương cho con cháu Tiên Rồng !
 Bị lâm số kiếp vào vòng lao lung !

Nhưng ta đã tháo tung xiềng xích,
 Kẻ hại dân, ta giết không còn,
 Kìa sông, kìa núi, kìa cồn,
 Đất ta còn đó, còn hồn linh thiêng.
 Trên thế giới còn riêng giống Việt,
 Ta còn cho sống miết muôn năm,
 Dân ta kẻ triệu hăm lăm,
 Ta tiêu diệt bớt, còn năm vạn người.
 Ta quét sạch những loài ô trược,
 Kẻ buôn dân, bán nước, bán trời,
 Còn năm vạn sống trên đời,
 Sẽ gây giống mới loài người tương lai,
 Cho tản mác Đông Tây Nam Bắc,
 Giống Rồng Tiên reo rắc đó đây,
 Cho đời tái tạo sau này,
 Năm châu đông đúc một loài Dân ta.
 Nào đàn ông, đàn bà, con trẻ,
 Bóng Dân ta vui vẻ khắp nơi.
 Hòa Bình hạnh phúc đời đời,
 Sống trên hoàn vũ giống người tự do.
 Loài người mới ăn no mặc ấm,
 Hết tham tàn, xâm lấn, giết nhau,
 Thiên đàng cực lạc năm châu,
 Muôn muôn thế hệ về sau thanh bình.

Cụ nói xong thành linh biến mất.
 Nàng và tôi bốn mắt nhìn nhau.
 Bỗng trời đổ trận mưa ngâu,
 Nàng, tôi, hóa cặp bồ câu trắng toàn.
 Tôi chấp cánh cùng nàng bay miết,
 Trên non xanh nước biếc nghìn trùng.

Bay về đến cửa Thiên-cung,
 Có cô Tiên đẹp, mắt nhung, đón mừng.
 Tự kiếp ấy, chín từng xanh thắm,
 Nàng và tôi, say đắm yêu nhau,
 Muôn năm chẳng thấy bạc đầu,
 Muôn năm tình chẳng hương màu bạc phai.
 Gió ngào ngạt, vườn trời tươi nở,
 Muôn Hoa Sao rực rỡ muôn màu,
 Nàng, tôi âu yếm nhìn nhau,
 Ấp trong ô mộng mấy câu thơ tình.

*

Tiếng sấm nổ tan tàn giấc mộng !
 Bừng mắt, ôi ! dưới bóng thông reo,
 Một mình ta vẫn nằm queo,
 Quanh mình lá rụng, gió veo, bụi mờ.
 Ngồi buồn chép lại giấc mơ...

(Đà-lạt 1954)

*

Chim hắp hời

Một con chim xanh,
 Đang hát trên cành,
 Bỗng vang tiếng súng !
 Con chim xanh xanh
 Lìa cành rớt xuống !...
 Đôi cánh mong manh...
 Thôi, chim chết rồi !
 Máu chảy trên trời,
 Rơi từng giọt đỏ,
 Nhuộm sẫm không gian,
 Rơi từng giọt nhỏ ..
 Loang lổ nắng vàng.

Chim con chết oan,
 Chíp chíp kêu van,
 Hai chân run rẩy...
 Đôi mắt đục ngầu,
 Đôi dòng lệ chảy...
 Tìm ở chim đâu ?

Tiếng chim lâm ly
 Nhìn ta biệt ly;
 Nào nùng bi đát !
 Than ôi, chim con
 Chết còn muốn hát
 Trên nắm cỏ non !

Ta cũng như chim,
 Mang một trái tim
 Đuối hiu, tan tác.
 Nặng vết sầu thương
 Mà ta vẫn hát,
 Hết kiếp tơ vương !

Chim con véo von
 Trên cành xanh non,
 Vui ca hớn hờ,
 Hơi tiếng sủng vang !
 Than ôi, sao nở...?
 Hơi người đã man !

Này đây xác chim.
 Lại đây mà xem !
 Chim nằm lấp hối...
 Hỡi ai, sao đành
 Giết loài vô tội,
 Giết con chim xanh ?...

Hoa phượng

THIẾU-NỮ :

— Trên đường vắng ngập tràn hoa phượng đỏ
Em bùi ngùi không nỡ bước, anh ơi !
Những cánh hoa hiu hắt rụng ven trời
Chép trong gió mấy lời hoa vĩnh biệt !

Xác hoa rụng phải chẳng hồn hoa chết ?
Sắc hoa tàn, tan tác một đời hoa ?
Bao mảnh tim rỉ máu, lệ chan hòa,
Là những vết thương lòng đang nức nơ.

Gió tàn nhẫn trút hoa như thác đổ
Trên tóc em, ngập xuống cả làn môi,
Một giấc mơ rời rã, lững lờ, trôi,
Em muốn vớt ôm về chôn nấp áo.

Kéo gió bụi mịt mù trong nắng ảo
Dập vùi hoa, ảo não mảnh hương trinh.
Khách qua đường vội vã, quá vô tình,
Giẫm lên cả hồn hoa trên xác máu !

Gió trời dậy ý nhạc sầu huyền nào.
Em quay về, cô độc, gót băng khuâng...
Sao lòng em tê tái, hơi Thi-nhân ?

THI-ÂN :

— Tìm em tươi thắm một mùa xuân,
Đắp nhụy đơm hoa chỉ một lần,
Rồi đến một mùa tan tác rụng,
Nở vẫn thơ lệ của Thi-nhân.

Từng cánh tím em trôi giữa dòng,
 Như tím phượng vỡ giữa cuồng phong.
 Duyên hoa vẫn đượm màu nhung tuyết
 Trong áng duyên thơ ấp ủ nồng.

Như em đã ướp, một chiều hôm,
 Trong nếp nhung y một mảnh hồn,
 Những cánh chim hồng tan tác gió,
 Trao về Đất Mộng mãi tươi thơm !

Em buồn duyên kiếp cánh hoa trôi,
 Mà ngại tình em cũng thể thôi.
 Dừng bước bên đường, em thồn thức,
 Lời tơ xeo xuyên lúc chia phôi.

Nhưng lớp tang thương phủ bụi trần,
 Không hề vương nét bút Thi-nhân
 Hương thơ muôn thuở không tàn tạ,
 Hoa mộng nghìn thu một sắc xuân !

THIỆU-NÚ

— Dây một nụ hoa tàn, em đã lượm,
 Để tặng Anh, còn đượm chút duyên hoa.
 Em vẫn buồn, Anh ạ, mấy mùa qua,
 Thấy phượng nở chói lòa trong nắng mộng.

Hồn em xanh như trời xanh lồng lộng,
 Bướm và hoa rung động nở tung bừng,
 Tuổi đương xuân, em muốn mãi là xuân,
 Cùng lúa trẻ, em đón mừng phượng nở !

Nhưng, một chiều, em nghe hoa nức nở
 Trên vỉa đường, em lơ giẫm lên hoa !
 Cả một chiều, em hối hận, thương hoa !
 Rồi từ đây, mỗi lần hoa phượng nở,

*Bị gió vèo, tan tác vỡ muôn phương,
Là em nghe trong gió hận đêm trường.*

*Tìm em rụng âm thầm từng cánh vụn...
Và em sợ cho những tình thơ mộng,
Hết một mùa phương nở, gió thu sang,
Chỉ còn nghe thồn thức giữa trời hoang !*

THI-SI :

*— Những xác hoa trôi, gió phụ phàng,
Lênh dênh theo gợn sóng thời gian.
Có nhà Thi-si ngồi trên bến,
Lượm những màu hoa, góp phần vàng.*

*Cả một kho tàng Mộng với Thơ,
Đầy hương, đầy nhạc, ướp đầy mơ,
Bốn mùa ấp ủ trong men lệ,
Trời dậy lòng vang một phím tơ.*

*Khúc nhạc em nghe réo rất buồn,
Lời hoa nức nở huỗi hoàng hôn,
Văn thơ vĩnh biệt thêu bằng máu
Của cánh phương tàn rụng bốn phương.*

*Là tiếng sầu ngâm vụn cỏ hồn,
Tình thơ muôn kiếp ý tơ vương.
Đời em đã vướng duyên thơ lệ,
Em gỡ làm sao mối hận trường ?*

*Nhưng lụy tài hoa chẳng bề bàng.
Kiếp đời ngắn ngủi hợp rồi tan,
Em gom nước mắt đời đau khổ
Đề ghép văn thơ của thế gian !*

(Sài-gòn 1960, Hoang vu)

Đêm sầu về

Ta muốn được những cánh tay êm ấm
Ru hồn ta như đứa trẻ trong nôi,
Một quán trọ trong lòng ai êm ấm
Khi lạc loài trên nẻo vắng xa xôi.

Gót phiêu lãng còn vương thềm muôn dặm,
Tình nước non chưa cạn hết ly bôi
Sao Bắc-đầu tí mù xa thăm thẳm,
Kiếp tài hoa còn hận mãi chưa thôi.

Bao nhiêu đêm không bến bờ cô quạnh,
Ta âm thầm ôm khóc ánh sao rơi.
Nếu ta biết một khu trời Vạn-hạnh
Trắng không tàn mà hoa cũng không trôi...

Ói giếng thăm biết bao giờ mới tạnh ?
Nắng muôn chiều đã chết lịm trên môi.
Tìm đọng tuyết, rã rời tan những mảnh,
Đêm sầu về tê lạnh lắm, đêm ôi !

(1960, Hoàng vu)

*

Cũng thế thôi

Lắm lúc tôi buồn tôi bảo tôi :
Nói làm chi nhỉ ? Phí lời thôi.
Kệ thấy thời thế, thời là thế.
Trống ngược kèn xuôi, cũng thế thôi !

Tả hữu xun xoe, dở lắm rồi.
Cũng người xuống chó, kẻ lên voi !

*Cũng phùng lời tới năm ba trụ
Múa mép rùn beng, cũng thể thôi !*

*Bán lợi buôn danh, chặt chợ trời.
Rộn ràng hôm sớm bóng ma trôi.
Say sưa ngất ngheo ngày tan chợ
Phủ áo ra về, cũng thể thôi !*

*Cứ điếc, cứ câm, cứ mặc đời,
Mặc thời, mặc thế, để buông trôi.
Mặc người khôn dại, còn hay mất,
Ai mất, ai còn, cũng thể thôi.*

(Hoang vu)

*

Sài-gòn đêm khuya

*Vâng, bạn ạ, bao người đau khổ lắm.
Không cửa nhà, không một chiếc giường rơm.
Và trong lúc chúng ta đều no ấm,
Biết bao người không có một tô cơm !*

*Bạn có thấy hạng người nghèo khổ,
Nhưng đàn bà, con trẻ, kẻ già nua.
Rách tàn tạ, áo quần gần không có,
Năm đầu đường, dãi nắng với dầm mưa.*

*Những hành khất xác xơ, đầu ủ rũ,
Ngày ngồi xin góc chợ khách đi qua.
Bạn biết tới họ năm đầu dề ngủ ?
Bên bìa thành, trong những bãi tha ma !*

Một đêm lạnh, lê kiếp buồn phiêu khách
Giữa Sài-gòn tịch mịch, gió âm u,
Tôi đã thấy một người cha đói rách
Ôm con ngồi trong xó tối hoang vu.

Con với bố che vài ba tấm giấy,
Nấp khe tường, chịu rét buốt tàn thu.
Người run rầy như lá cây run rầy,
Tiếng người rên trong tiếng gió vi vu !

Tôi dừng bước xa xa nhìn ngơ ngác,
Kìa bóng ai thấp thoáng bên lùm cây ?
Một thiếu phụ cúi bươi trong đồng rác.
Khúc bánh mì còn được nửa gang tay !

Chị rảo bước vội vàng quanh nẻo vắng,
Chui đầu vô một ống cống bên mương.
Dòm vào đó, tôi thấy hai bóng trắng,
Năm chèo vẻo, mình mẩy ốm gơ xương !

Hai em nhỏ lạnh run ho muốn ới,
Chị nâng niu gọi dậy : « Con ơi, con !
Này miếng bánh, hai con ăn đờ đói,
Rồi sáng mai mẹ dắt đi xin cơm. »

Tôi không dám nhìn lâu, lòng trĩu nặng,
Bước đi nhanh trong gió rít đều hiu !
Tôi đi mãi, lang thang, đường vắng lặng,
Giữa Sài-gòn leo lắt, ánh hoang liêu !

Sông mù mịt, tôi ngồi bên khóm trúc,
Nhìn lên trời, lấp lánh mấy ngôi sao,
Tôi cảm thấy cả bầu trời ô nhục,
Bờ kiếp người mang hận suốt đêm thao !

Tôi biết lắm ai ơi, tôi biết lắm,
 Nghiệp trần ai, ai nhục với ai vinh:
 Nhưng phải được mọi người đều no ấm,
 Mỗi mái nhà cho mỗi kiếp sinh linh.

Muốn cứu nước, thương dân, đâu phải khó!
 Chỉ làm sao cho hết thầy nhân dân
 Mỗi bữa đầy tô cơm ai cũng có,
 Và mỗi mùa, đủ mảnh áo che thân!

Phải làm sao cho hết người đói lạnh,
 Phải làm sao cho hết kẻ bần hàn,
 Và làm sao những tâm hồn hiu quạnh
 Được niềm vui trong an ủi hân hoan.

Đâu còn có những tiếng kêu rên rĩ
 Trong lòng người thành thị với thôn quê,
 Nếu tất cả đều tự do hoan hỉ,
 Nếu mọi người đều ấm áp no nề!

Đêm nay lạnh, ta ngồi bên khóm trúc,
 Nhìn lên trời mờ mịt mấy ngôi sao,
 Gió mai mĩa cả bầu trời ô nhục,
 Bởi kiếp người mang hận suốt đêm thao.

(1952, Hoàng-vu)

*

Đêm trịnh

Đêm nay tôi không muốn ngồi gục bên đỉnh trầm
 Nghe rượu cười trong ly,
 Nhạc quây cuồng trong khói,
 Thời gian đọng trên mi.
 Tôi muốn về bên giếng tối,
 Khu vườn âm u,

Quê hương hoang vu,
 Không một dấu vết.
 Tôi không muốn giẫm lên những mặt trời đã chết,
 Không vương những nắng tor đã kết
 Vòng hoa trên cò áo quan tài.
 Đã lạnh rồi, những mùa xuân chết yểu trong thiên-thai !
 Nhặt làm chi những phím hương đồ gãy,
 Màu xám hoàng hôn,
 Màu xanh rợn hoang hồn,
 Hình bóng thời Homère quây cuồng trong nhạc lửa !
 Thôi, vươn lên chi hình hài ảo lá nữa !
 Tôi không muốn đêm nay cười nghiêng ngửa,
 Tôi đập tung cánh cửa
 Ngạo nghễ của Thành Sầu.
 Tên lính gác nhe răng cười, rùng rợn đôi mắt sâu.
 Đề tôi đi !
 Đề tôi đi !
 Trời không mây, không gió,
 Tôi không áo, ...ông chẵn.
 Tôi về quê hương không cửa, không ngõ.
 Tôi về cô phương không lửa, không trăng
 Mịt mù thăm thẳm,
 Mênh mông biên giới của Đêm-trinh !
 Tối đen một giếng thăm.
 Rực rỡ ánh quang minh.
 Tôi với tôi,
 Không hình, không bóng
 Tôi với tôi,
 Không thơ, không mộng.
 Tôi với tôi,
 Lồng lộng giữa Hoang-vu !..

(Đêm giao thừa Nhâm-dân 1962 Hoang vu)

Đêm giao thừa tắm biển

Bề với ta là tình Xuân vạn đại,
 Trời hoa niên năm mới vẫn năm xưa.
 Ta đêm nay lạc nẻo hồn hoang dại,
 Mơ trùng dương vũ nhạc hội say sưa.

Cởi áo bụi, ngực trần, chân nhẹ bước,
 Ta lao mình trong sóng động lao xao.
 Trên mặt bề, vẫy vùng ta với nước,
 Dưới màn trời lấp lánh ánh muôn sao.

Bỗng hiện lên, từ thâm cung rộn rã,
 Ồ! Thướt tha Vệ-nữ nờn nà duyên!
 Nàng lướt sóng, diễm kiều và ảo lả,
 Đưa hai tay mừng đón khách tân niên.

Nàng khiêu vũ với ta trên sóng nhạc,
 Ốm quay cuồng theo điệu nhạc âm ba.
 Khúc hòa tấu tung bừng đêm hoan lạc,
 Bọt thủy triều ào ạt nở muôn hoa.

Từng lớp lớp ba đào từ khơi thẳm
 Lô xô vào nô nức hội liên hoan.
 Nàng với ta bơi nhào trong bề tấm,
 Nghịch đùa nhau say đắm tiếng cười vang.

Nàng bỗng chốc biến mình trong ngân thủy,
 Ta lặn tìm, gọi khắp « Mỹ nhân ơi! »
 Nàng lại hiện ra dáng hình tuyệt mỹ,
 Nét ngọc ngà uốn lượn giữa chơi vơi.

Gió trời dậy, chập chờn hai chiếc bóng
 Trôi bênh bồng trên đợt sóng cheo leo,

Nàng với ta bơi đua vào bến mộng,
Ta đuổi nàng trên bãi cát hoang liêu.

Tiếng cười dội cả khu trời rực rỡ,
Nàng sa chân, vấp một mảnh sao rơi.
Ta cũng ngã trên thân mình Ngọc-nữ,
Nàng với ta ôm xiết chặt đôi môi.

Biên hồi hộp nhịp hòa cùng hơi thở,
Đêm giao thừa ngào ngạt gió hương say.
Nàng khẽ bảo :

— «Người yêu em muôn thuở !
Về Thi-sơn, sao lạc lối đêm nay ?

Thôi đừng hỏi, hỏi nàng Thơ điểm lệ !
Ta mang đầy huyết lệ, mạch suy tư,
Mong hàn bớt những vết sầu thể hệ,
Mà than ôi, thơ mộng chỉ phù hư !

Hàn gắn được những vết thương nhân loại,
Có ái tình là nghệ thuật cao siêu,
Sầu thể hệ vẫn là sầu vạn đại.
Chỉ Tình-yêu là gắn lại tình yêu.

Ta sống giữa loài người tham bạo quá,
Làm được chi với một mảnh tim đơn ?
Bao nhiêu kẻ lộng hành ngôi vương bá,
Bao nhiêu người quì sụp đề xin ơn.

Ai giàu có cậy kim tiền thế lực,
Ai cúi lòn giành giật bả phù vinh.
Muôn triệu kẻ sống bần hàn cơ cực,
Muôn triệu người cam khổ kiếp ba sinh !

*Chia phe đảng tranh quyền, tham lợi lộc,
Ai căm thù, cướp bóc, rửa nguyên nhau.
Ai là chúa, ai là người nô bộc,
Ai vui cười, ai khóc lóc rên đau:*

*Ta biết vậy chỉ ghi vài nét bút
Đề muôn đời những vết hận bi thương.
Nhưng chán nản, có những giờ những phút
Muốn đắm hồn trong « khúc nhạc trùng dương ».*

*Giờ Giao-thừa xa xa tròng pháo nổ,
Lửa lập lòe bên cửa bể Nha-trang.
Cà sức gáy nửa đêm như mớ ngủ,
Chuông chùa ngân, từng tiếng dội không gian.*

*Bỗng Vệ-nữ nắm tay tôi ngồi dậy,
Đột sóng vừa bờ đến vượt chân tôi.
Nàng cúi xuống hôn tôi, rồi vụt chạy,
Lướt ngọn triều, mờ mịt tí xa khơi.*

*Tôi bơi theo ra giữa vùng bờ rộng,
Nàng biến đâu ? Ồi quạnh quẽ mông lung.
Nàng đã lặn trong ba đào xáo động ?..
Nàng đã về trong Thủy-diện thâm cung ?..*

*Tôi còn đứng ngẩn ngơ trong ánh bạc,
Vùng Thái-dương hé mở cửa Tân-niên.
Sóng bình minh dâng đầy mâm Hoa-nhạc,
Ngát hương sầu phảng phất mộng giao duyên !*

(Trên bãi bể Nha-trang
đêm Giao thừa 1951)

Hoa lệ

Tôi không biết ngày nay tôi mấy tuổi,
 Mấy đoạn trường trôi nổi kiếp hư sinh.
 Giống như xưa chàng Do-thái phiêu linh
 Vác Thập-ác đi hoài trong đêm tối,
 Tôi cũng bị dọa dầy, trời bắt tội
 Mang trong tim một khối nặng Tình-thương.
 Bóng lữ hành đây đó khắp tha phương.
 Gleo trong gió, trong sương, đầy ngấn lệ.
 Nhưng tuy đã trải qua hai thế hệ,
 Bước phong trần còn đượm nét niên hoa.
 Mạch sầu Xuân còn réo rắt chan hòa
 Cùng cây cỏ vẫn vương tình ưu ái.
 Còn Xuân mãi, tôi vẫn còn Xuân mãi.
 Trong tim tôi lồng lộng một trời Xuân.
 Xuân thanh trinh bát ngát đẹp vô ngần,
 Xuân huyền diệu dệt toàn Hoa với Lệ.
 Mộng huyền ảo nào nùng hơn thực tế.
 Tìm Tình-yêu đề chỉ gặp Đau-thương.
 Kết duyên Xuân, như đề nổi hận trường.
 Xây hạnh phúc ; đắp bức tường ảo vọng !
 Xuân đẹp nhất không theo bằng tơ mộng,
 Không rung lên những nhạc điệu huyền mơ.
 Xuân rạt rào trong tĩnh mịch suy tư,
 Trong nước mắt âm thầm rơi mỗi giọt...
 Những thiếu nữ đêm Xuân nằm trần trọc,
 Buồn cô đơn, tủi phận, khóc hờn duyên ;
 Những chàng trai thất nghiệp, túi không tiền,
 Đi thất thểu chiều Xuân trên vỉa phố,
 Xuân là đây, Bạn ơi ! Xuân đau khổ,
 Xuân nghẹn ngào trong cổ, ú trong tim...

Những đoàn người trí thức, đáng dự hiền
 Cương mặt sáng, đôi mắt ngời rực rỡ,
 Phải lam lũ làm quanh năm khổ sở,
 Không đủ nuôi cha, mẹ, vợ, con, em.
 Những công nhân quần áo rách, cũ mèm,
 Máy ngày Tết có đâu nem với gỏi ?
 Ở túp lá bị mưa dầm nắng dọi,
 Ăn cà, dưa, nhiều bữa đói không cơm.
 Kề đi xin, như những xác không hồn,
 Năm hấp hối đêm Giao-thừa góc phố.
 Xuân là đấy, Bạn ơi, Xuân đau khổ
 Xuân âm thầm của vô số sinh linh !
 Xuân điêu hiu của muôn vạn gia đình,
 Xuân tang tóc của những nàng quả phụ.
 Xuân lạnh lẽo trên những mồ vô chủ.
 Những vong linh các Tử-sĩ anh hùng.
 Dem máu xương đền nợ cho Non-sông,
 Không hương khói sưởi oan hồn chín suối !
 Xuân là đấy, Bạn ơi ! Xuân buồn tủi
 Xuân liên hoan nước mắt với mồ hôi
 Xuân hoa đăng của khói lửa bụi ngùi,
 Xuân khiêu vũ,
 Giữa kịch trường Thiên-Vạn-Hận... !
 Xuân là đấy, bề bàng ! Xuân bất tận.
 Mạch Xuân trào trên nét bút say sưa.
 Hương Xuân nay còn ngào ngạt Xuân xưa.
 Nửa thế kỷ vẫn một mùa Xuân ấy !

(Hoàng vu 1950)

Phổ Thông mười năm cảm nghĩ (I)

Mười năm, chỉ mới bước đầu thôi,
 Nghiệp chương đành mang hết nợ đời.
 Buồn chán nhân tâm toan bỏ mặc,
 Ngậm ngùi bút hận khó buông trôi.
 Trời già muốn dờn, ừ cho dờn,
 Sức trẻ còn bơi, vẫn cứ bơi.
 Lánh bọn văn nô, phùng xảo trá,
 Gắng thành nhiệm vụ chín mười mười.



Chơ trào phúng

Hoa hồng Việt-nam

Một tờ báo có đăng tin các
 bác sĩ Phi-luật-tân vừa tuyên
 bố một số quân nhân Phi đã
 bị gài diêm Việt-nam truyền
 cho một chứng bệnh cực kỳ
 nguy hiểm. Các bác sĩ Phi
 đặt tên chứng bệnh ấy là :

« Hoa hồng Việt-nam »

Huyền diệu quá, viết ngược
 ngược vài câu gởi gắm cho
 ông bệnh nhân Phi-luật-tân
 mắc chứng ác ôn và các cô
 gài diêm :

« Hoa hồng Việt-nam ! »

« Hoa hồng Việt-nam ! »

Này các cô ơi, « Hoa hồng Việt-nam » là cái giống hoa gì.

1) Bài thơ trên đây Nguyễn Vỹ cảm tác nhân ngày kỷ niệm *Phổ Thông*
 tạp chí năm thứ 10 (5-11-1967).

Mà bạn Đồng-minh Ma-ní bịt mũi, trở mặt, xăm xì hoảng hốt
kêu rên ?

« Hoa hồng Việt-nam », ai trồng, ai cấy, ai gieo ?

Ai vun, ai bón, ai tưới, ai xới, ai tăng tiu hời nào ?

« Hoa hồng Việt-nam » lấy giống từ đâu ?

Giống Mỹ, giống Úc, giống Tây Âu hay Nhật bản, Đại-hàn ?

« Hoa hồng Việt-nam » phải chăng là « hoa » Huệ « hoa » Lan ?

« Hoa » Sương, « hoa » Tuyết, « hoa » Yến, « hoa » Loan, hoa
điểm, hoa dàng.

« Hoa » Đô-la, hoa Bạc, chín mươi ngàn một hoa ?

Xưa nay sao không có giống hoa ấy ở vườn nhà,

Giờ đây nó mọc trên các toà nhà bin-dinh ?

Trong các đồng bùn sinh,

Trong các ngõ hẻm, nhà lá, hôi rình mùi « hoa » ?

« Hoa hồng Việt-nam » ối mẹ ! ối cha !

Nó là cái giống hoa gì ?

Nước Nam mình đâu có giống hoa ghê tởm kỳ lạ, Bà Nội ơi !

Giống hoa độc địa, ai nhập cảng vào đất Việt của tôi ?

Rồi ai vu cho Việt-nam tôi sản xuất,

Úi chao ôi, tui hận, tui tức,

Tui bứt rút,

Tui hậm hực,

Tui ậm ực,

Tui uất,

Tui uất lắm,

Ớ trời ơi là trời :

(Báo Tin sớm số 809 ngày 14-8-1967)

Hài nhi lai Mẽo vớt trôi sông...

Báo Tin Sớm số thứ hai 4-9,
 Đăng một tin ở Ấp Tân-sanh,
 Một hài nhi lai Mẽo sơ sanh,
 Bị vớt bỏ, trôi bập bềnh trên sông rạch.
 Tội xác bé máu me chưa sạch,
 Một dùm nhau chưa cắt, dính tùm lum !
 Đồng bào ta trông thấy xót thương giùm,
 Vớt xác bé đem trao cùng bệnh viện.
 Rồi bác sĩ khẩn nghiệm.
 Rồi cảnh sát truy tìm.
 Ai người mẹ nhẫn tâm làm tội ác ?
 Riêng Diệu-Huyền nghi : mấy ông Cảnh sát
 Truy tìm ai ? Lục soát kiếm đâu ra ?
 Hỏi biết ai nhân chứng trước quan tòa ?
 Chiến tranh đó mới chính là thủ phạm.

Nói ra, càng hôi hám,
 Việt-nam có chán vạn đứa con lai ?
 Hăm mấy năm chinh chiến quá lâu dài,
 Muôn, ức, triệu, trẻ lạc loài, vô tổ quốc !
 Nào lai Mỹ, lai Phi, lai Tàu, lai Úc,
 Lai Đại-hàn, lai Thái, lúc nhúc lai... và lai.
 Đứa mũi cao, đứa mũi xẹp,
 Đứa mình ngắn, đứa mình dài,
 Đứa tóc đỏ lai rai,
 Đứa tóc quăn xoăn xoáy ;
 Đứa trắng nõn trắng non,
 Đứa đen thui như cùi cháy !
 Đứa oe oe dưới mái tôn.
 Đứa rơi rút trong cầu thang máy.

*Muôn, ức, vạn, đũa hài nhi ấy,
 Khắp nước Nam từ vĩ tuyến 17 đến Cà-mau,
 Dân quốc tế đủ các sắc, các màu,
 Mượn đất Việt để chôn nhau cắt rún,
 Chúng đang sống hàng bà làng, hồ lớn,
 Vì Chiến-tranh, cha của chúng, là tên.
 Và Chiến-tranh là thủ phạm, cho nên...
 « Thôi, bỏ đi tám » nói càng thêm tức giận !...
 (Tập chí Phổ thông số 200 ngày 1-10-1967)*

*

Diệu-Huyền không hoan nghênh ông Thiệu câu cá

Sau hôm đắc cử Tổng-thống, các báo Việt và
 ngoại ngữ, có đăng hình Trung-tướng
 Thiệu đi câu cá trên bãi biển
 Vũng-tàu, vui mừng câu
 được con cá thật to •

*Huyền cười : « Ông Thiệu đi câu,
 Cá ăn đứt nhợ, vênh râu ngồi bờ».
 Hóa ra ông Thiệu phất cờ
 Về dinh Tổng-thống, thắng mười ông kia.
 Bây giờ nhẵn nhụi râu ria,
 Ông Thiệu đắc cử đã « xuya » một trào.
 Ông bay ra biển Vũng-tàu,
 Câu xem thời vận : một xâu cá kình.
 Thế là vận số ông hên,
 Trời cho ông được, ông lên cầm đầu
 Miền Nam một giải đất màu,
 Giang sơn gấm vóc, đất giàu, dân đông.
 Nhưng mà, ông hơi là ông,
 Việc ông câu cá, Huyền không tán thành.*

Cá với nước là duyên lành,
 Cá sống trong nước, tung hoành cá bơi.
 Thả mồi bắt cá, ông chơt,
 Đè thân cá chết ông ơi, sao đành !
 Cá nằm trên thớt hôi tanh,
 Tội cho thân cá, khổ tình xiết bao !
 Thà rằng « ông Liễu đi câu
 Cá ăn đứt nhợ vênh râu ngời bờ »
 Chứ ông giống trống phất cờ
 Ra oai gìn giữ cõi bờ giang san.
 Nờ nào ông lại giết oan
 Con tôm, con tép, con nang, con còng,
 Gái Huyền tha thiết xin ông
 Thương loài cá biển, cá sông, chim ngàn.

Chớ câu, chớ bắn, phũ phàng,
 Kẻ sinh oán hận ngập tràn nước non.
 Những loài cộp bố, hùm con,
 Những loài mãnh thú, ác ôn hung tàn,
 Những loài cá mập, cá xà,
 Những loài rúc rĩa, đục nhà khoét hang
 Những loài rắn rít hồ mang,
 Những loài chó sói, sài lang, chuột chù
 Những loài sâu mọt ketch xù,
 Những loài ruồi muỗi bay vù khắp nơi,
 Thì ông cứ giết ông ơi,
 Giết sao cho hết tanh hôi cửa nhà,
 Giết sao cho sạch sơn hà.
 Thì tôi mới phục ông là đáng khen.
 Diệu-Huyền phận gái dốt hèn.
 Không sức mảy, cũng hết mình hoan hô
 Chư hay giữ,

*Dù ông câu được mớ lời to,
 100 con cá chém, 1000 lô cá kiềm.
 Hay là ông cỡi ngựa kim
 Lên rừng bắn được đôi chim Đại-bàng
 Thì tôi chẳng dám khen càng
 Thương chim, thương cá, phũ phàng, ông ơi !*
 (Tập chí Phổ thông số 200 ngày 1-10-1967)

*

Dâng đức Khổng-tử

(Sài - gòn : Tổng-hội Khổng học
 Việt - nam cho phối hợp với Bộ
 Văn - hóa tổ chức Khánh - dân
 Khổng-tử vào hồi 10 giờ sáng
 thứ năm 28-9 tại Viện Quốc-gia
 Âm-nhạc, 12 đường Nguyễn Du
 Sài-gòn)

*Diệu-Huyền cúi lạy Đức Khổng-tử
 Ngài tha cho con tội « yêu thư yêu ngôn »
 Nhưng niềm « lễ nghĩa » con vẫn giữ,
 Rất kính phục Ngài là bậc Thánh-nhơn
 Triết lý của Ngài bao la trời biển
 Đạo đức của Ngài đoan chính thanh liêm
 Thanh thể của Ngài ngàn thu vinh hiển,
 Uy danh của Ngài vạn đại tôn nghiêm*

*Nay ngày Thánh-dân
 Tệ nữ Diệu-Huyền
 Dâng Ngài điều trần một bản
 Dĩ thực tế vi tiên*

*Huyền cúi đầu, hễ, kính cụ Khổng Khâu,
 Thế hệ hai mươi, hễ, thời đại hỏa tiễn,*

Đợt sống mới, hề, loạn xạ ngầu,
 Thụ thụ rất thân, hề, nam nữ biểu diễn
 Tam cương ngũ thường, hề, gió cuốn mất tiêu
 Quân thần tan nát, hề, hưởng chỉ phụ tử
 Phu phụ rời rạc, hề, như bọt như bèo,
 Tứ đức tam tông, hề, kẻ chi khai tử
 Gái « mini jupe » hề, « dề-con-lờ-tê »
 Hở ngực hở đùi, hề, cho đàn ông ngắm,
 Cỡi xe Honda, hề, chạy bay văng tê,
 « Xi líp, xu chieng » hề; nhảy ra biển tắm
 « Xi-ti-uây » (C.T.Y.) hề, cho không tình yêu,
 Gái bán Bar, hề, đeo theo ngoại kiều,
 Cười toe toét, hề, dú da dú dờn,
 « Ô-kê Sa-lem » hề, tự đắc hiu hiu,
 Gái 14, 15 hề, trốn nhà theo trai,
 Trai 16, 17 hề bất tuân phụ mẫu
 Học trò cao bồi, hề, cầm dao đâm thầy
 Bàng hươu chi giao, hề, như mã cầu.
 Hành chánh, hề, ăn hối lộ lu bù.
 Ứng cử Tổng-thống, hề, cò động lão trét,
 Lừa bịp dân chúng, hề, tường đầu dân ngu
 Ham uy quyền, hề, dề dục khoét,
 Cộng-sản lợi dụng, hề, xã hội rối ren,
 Tình hình xôi thịt, hề, thối nát, ôi thối nát,
 Tuyên truyền phá rối, hề, chánh trị leng beng,
 Gay khùng bỗ, hề, lựu đạn tàn sát.

Thế cho nên,
 Huyền lạy Ngài Không-tử,
 Ước mong Ngài tái sinh,
 Đề Ngài tề gia trị quốc thử,
 Cho thiên hạ hòa bình.

*Họa may có Ngài chỉnh huấn,
Cứu quốc cứu dân.
Mới mong đời Nghiêu, Thuấn
Hòa bình, hạnh phúc, vân vân...!*

(Tập chí Phò thông số 201 ngày 15-10-1967)

*

Bà hỏa viếng Bộ Văn-hóa Giáo-dục

« 3 giờ chiều ngày 29-9, thành lịnh có lửa phát cháy dữ dội tại tầng lầu 4 của Bộ Văn-hóa Giáo-dục ở số 7, đường Thống-nhất. Một lúc sau, đội Cứu hỏa đến đàn áp được ngọn lửa...»

Nghệ tin trên đây đăng trong các nhật báo Sài-gòn
Diệu-Huyền tức giận mắng bà Hỏa :

*Bá ngọc bà thần Hỏa
Dám đốt Bộ Văn-hóa,
Hả ?*

*Dề ông Tồng Ủy-viên
Hết hồn... sợ tá hỏa !
Hả ?*

*Đốt đâu không giới đốt
Lại đốt Bộ Văn-hóa,
Hả ?*

*Nơi óc não tài hoa,
Toàn Thi-hào, Thi-bá,
Hả ?*

*Nơi tụ họp tao nhã
Của các đại ký giả
Của các đại văn nhân
Và các đại học giả,
Sao dám đốt ra tro,
Láo thế, bà Thần Hỏa,
Hả ?*

Bốn ngàn năm văn hóa
 Lừng lẫy Đông-nam Á
 Có người Tồng Ủy-viên
 Tài cao như Hy-mã,
 Trí rộng như biển cả,
 Hả ?

Dại diện nước Việt-nam,
 Thật là đại danh giá,
 Hả ?

Vậy mà dám đốt càn,
 Xạc-cờ-rê-cu-son cái bà Hỏa !
 Hả ?

(Tập chí Phê Thông số 201 ngày 15-10-1967)



Vài nét phác họa về
Tao-đàn Bạch Nga
của
Nguyễn Vỹ

Đề các bạn có một ít ý niệm về Trường Thơ Bạch Nga, chúng tôi xin trình bày sơ lược sau đây :

- 1) *Người chủ xưởng* : Nguyễn Vỹ.
- 2) *Xuất xứ* : Đêm Trung-thu năm Bính-tý (30-9-36), trên một gác trọ ở Khâm-thiên (Hà-nội), Nguyễn Vỹ, Trương - Tửu, Mộng - Sơn thành lập *Tao đàn Bạch Nga*, một trường thơ có tính chất và nghệ thuật khác với thơ lúc bấy giờ.
- 3) *Biểu hiệu tượng trưng* : Lấy hình một loài thủy điều, Pháp gọi Le Cygne (thiên nga). Đề tránh lẫn lộn Hắc Nga, Bạch Nga, nhóm quyết định lấy tên Bạch Nga (loại toàn trắng).
- 4) *Ý nghĩa biểu hiệu* : Tượng trưng cho Thi-văn thuần túy, tinh khiết như màu trắng của nó, uyển chuyển như dáng điệu của nó.
- 5) *Tinh thần của Thơ* : Chuộng sự tự nhiên cảm xúc mà phát xuất từ tâm hồn thi nhân, như dòng suối trong vắt từ mạch nguồn tinh khiết chảy ra. Từ những tình cảm tha thiết, thâm kín trong nội tâm, chuyển qua các phù trầm của số kiếp con người, của toàn

thề nhân loại, và vươn lên hòa hợp với
vẻ thanh tao huyền bí của vũ trụ.

- 6) *Hình thức và nhạc điệu Thơ* : Hạn định từ 2 chữ đến
12 chữ. Lấy điển hình như bài : *Tiếng
sáo đêm khuya, Đêm giao thừa tám biên,
Cam ơn Ngài, Gửi Trương-Tửu* trong tập
thơ *Hoang vu*.

(Trích trong *Tuyên ngôn của Tao - đàn*
Bạch Nga làm tại Sài-gòn, mùa thu 1962)



~~~~~  
**T. T. KH.**  
~~~~~

Dã lâu lắm rồi, suốt khoảng thời gian 30 năm qua, từ năm 1937, trên thi đàn Việt nam đột nhiên xuất hiện một thi nhân làm chấn động dư luận không ít, người ấy mang bút hiệu T. T. Kh.

Đột hiện rồi đột biến. Người ta không biết T. T. Kh là ai?

Khốn nỗi, T. T. Kh. chỉ lưu lại có bốn bài thơ mà lại là những bài thơ tình lâm ly, chứa đựng nỗi niềm u ất của một cô gái đang dậy lòng yêu với một chàng nghệ sĩ, nhưng vì sự khát khe của gia đình phong kiến, nàng phải xa cách người yêu để đi lấy một ông chồng luống tuổi. Mộng đẹp dở dang, mượn mấy dòng thơ, nàng kêu lên những tiếng bi thương gọi cảm.

Thế là thiên hạ đổ xô đi tìm người con gái đáng thương ấy. Nhiều khách yêu thơ đa tình nhón nhao lên cho rằng

T. T. Kh. là người yêu của mình, rồi lên tiếng đáp lại xôn xao ; ngoài Thâm-Tâm, còn có Nguyễn-Bình (xin tham khảo bài *Giòng dư lệ* trong phần thi tuyển Nguyễn-Bình, thi nhân đã cảm hứng viết nên đề tặng T. T. Kh. sau khi đọc *Bài thơ thứ nhất*), J. Leiba cũng hồn thức không kém và bao nhiêu người thích mơ màng cái hình bóng chơi vơi ấy đã gây ra một trường náo động.

Từ dạo ấy đến nay, T. T. Kh. đã làm cho nhiều người thắc mắc về thân thế của nàng. Người ta chỉ biết mơ màng tượng về nàng với tên T. T. Kh. Có người cho rằng đó là *Trần thị Khánh*, lại có người bảo rằng T. T. Kh. tên thật là : *Thâm-Tâm Khánh*.

Sở dĩ có tên Thâm-Tâm-Khánh vì một số khách yêu thơ luận cứ vào những bài thơ của Thâm-Tâm như các bài : *Gửi T.T. Kh.*, *Dang dở*, *Màu máu ty-gôn* v.v... (xin xem phần nói về Thâm-Tâm) nhất là bài *Gửi T. T. Kh.*, Thâm-Tâm nhắc đến tên một người con gái là Khánh, và cũng vì lẽ đó nên người ta cho rằng T. T. Kh. là Khánh.

Chúng tôi xin trích ra đây một vài đoạn thơ trong bài *Gửi T. T. Kh.* đề các bạn hiểu thêm :

*Miệng chồng Khánh gắn trên môi,
Hình ảnh mắt Khánh sáng ngời còn mơ.*

hoặc :

*Góp hai thứ tóc đôi đầu,
Sao còn đan nối những câu tâm tình,
Khánh ơi ! Còn hỏi gì anh
Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng.*

Chính bài thơ này, nhiều người đã căn cứ vào những câu của thi sĩ Thâm-Tâm nhắc đến mà người ta gán cho T. T. Kh. là Thâm-Tâm-Khánh.

Trở lại phần đầu, chúng tôi xin trình bày sự xuất hiện của T. T. Kh. trong làng thơ tiền chiến.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 1937, trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy số 174* xuất bản tại Hà-nội có đăng một tiêu

thuyết tựa đề : *Hoa ty-gôn*, tác-giả là ông Thanh-Châu. Nội dung kể lại mối tình ngang trái giữa một chàng nghệ sĩ và nàng thiếu nữ. Câu chuyện gợi lại mối xúc cảm đến tình xưa của người thiếu phụ từng yêu một người và đã trao lời gần bó dưới dàn hoa ti-gôn. Nhưng rồi chàng trai ra đi ; nàng ở lại nhận một cuộc hôn nhân gượng ép. Tiếng lòng của nàng được ghi lại thành tiếng thơ hư để giải tỏa niềm tâm sự.

Sau báo phát hành chẳng bao lâu, tòa soạn nhận được của người thiếu phụ trạc 20 tuổi, hình dáng bé nhỏ, vẻ thùy mị, nét mặt u buồn, mang đến một phong bì dán kín gửi cho ông chủ bút, trong ấy chỉ gọn có bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn* dưới ký tên T. T. Kh.

Khi thiếu phụ đi rồi, tòa soạn xem thơ nhận thấy thi phẩm ghi lại cảnh tình đáng thương tâm, nhưng người ta chỉ nhớ lơ mờ hình ảnh thiếu phụ. Có thể nói đây là lần thứ nhất thiếu phụ xuất hiện và cũng là lần cuối cùng. Rồi từ đó, khóa chặt tung tích của « người con gái vườn Thanh ».

Trong bài *Hai sắc hoa ty-gôn* tác giả đã thuật lại một câu chuyện tình tan vỡ giữa nàng và chàng nghệ sĩ trót đã yêu nhau, song hoàn cảnh trái ngang, nàng phải gạt nước mắt nên duyên cùng người khác — một ông chồng luống tuổi — để rồi tan nát tâm tư mỗi khi nhớ lại những kỷ niệm êm đềm của một thời quá khứ mà giờ đây không bao giờ nàng gặp lại.

Về lai lịch ông chồng luống tuổi của T. T. Kh, trong thiên hồi ký của ông Anh-Đào đăng trong *Nhân loại* bộ mới số 108 tháng 7 năm 1958, cho chúng ta biết như sau :

« Giờ đây, trở lại với T. T. Kh. một điều mà chúng ta cũng nên biết rõ là người chồng bất đắc dĩ của T. T. Kh. họ là *Nghiêm* (ông Thanh-Châu trong *Tiểu thuyết tuần san* số 82 ngày 12-3-1964 đã quả quyết chồng T. T. Kh. tên *Nghiêm*, LNS) nên trong thơ có một vài chữ *Nghiêm* làm ta cần chú ý. Nàng dùng chữ thật là... táo bạo, nhưng lại rất đứng đắn. Ta không còn có thể đòi tiếng nào hơn và đúng đắn với

lòng nàng hơn, những tiếng : lòng *Nghiêm*, trăng *Nghiêm*, chồng *Nghiêm* hay buồng *Nghiêm* nữa :

« Ngoài trời mưa gió xôn xao,
Ai đem khóa chết chìm vào lòng *nghiêm* !

« Từ đây không mong, không dám hẹn,
Một lần gặp nữa dưới trăng *nghiêm*.

« Biết đâu tôi, một tâm hồn héo
Bên cạnh chồng *nghiêm* luống tuổi rồi.

(Bài thơ thứ nhất)

« Buồng *nghiêm* thờ thần hồn eo hẹp,
Di nhớ người không muốn nhớ lời.»

(Bài thơ cuối cùng)

Bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn* (1) chính thức chào đời vào năm 1937. Sau khi bài thơ này được đăng báo, tòa soạn *Tiêu thuyết thứ bảy* lại nhận được bằng đường bưu cuộc các tác phẩm khác cũng mang tên T. T. Kh. đó là những bài :

— *Bài thơ thứ nhất*

— *Đan áo cho chỗi (riêng đăng ở Phụ nữ thời đàm)*

— *Bài thơ cuối cùng.*

Từ đó về sau người ta không còn gặp thơ của T. T. Kh. nữa, và theo dư luận, người ta không hiểu sao bài *Hai sắc hoa ty-gôn* lại xuất hiện trước *Bài thơ thứ nhất*.

Sự nghiệp thi ca của T. T. Kh vốn vẹn có 4 bài thơ, nhưng đã làm dư luận thời ấy bàn tán không ít.

Từ lúc T. T. Kh gop mặt vào làng thi ca tiền chiến, nhiều người đã bỏ bao nhiêu công phu đi tìm một sự thật về T. T. Kh. Tác giả *Hai sắc hoa ty-gôn* đã làm cho các nhà văn, nhà báo tốn hao nhiều giấy mực nhưng vẫn không biết gì hơn.

(1) Hoa Ty-gôn (phiên âm danh từ Pháp : Antigone) là loại hoa dây đẹp, không thơm, có hình quả tim vờ làm mấy mảnh, màu trắng và hồng, ở miền Nam người ta gọi là hoa nho vì lá giống như lá nho. Nàng mượn ý màu trắng là màu trinh bạch, ngày thơ khi nàng còn nhỏ dại, và hồng là màu mà nàng phải trải qua những sự đau khổ trong tình trường khi con tim nàng tan vỡ...

Có người đã bỏ công đi điều tra những người họ Nghiêm hoặc tên Nghiêm ở miền Bắc, có vợ họ Trần, nhưng hoài công. Chỉ là chuyện mò trắng đáy nước.

Đặt lại vấn đề của thi sĩ Thâm-Tâm, như trên đã nói, người ta chỉ căn cứ vào những bài thơ của ông mà cho rằng T. T. Kh là tình nhân của Thâm-Tâm, và cũng vin vào lý đó, mọi người tin rằng T. T. Kh là Thâm-Tâm-Khánh. Sở dĩ có vấn đề này vì sau khi bài thơ đầu tiên *Hai sắc hoa ty-gôn* và *Bài thơ thứ nhất* của T. T. Kh. ra đời, liền đó, vào ngày 4 tháng 5 năm 1940 cũng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* số 307 người ta bắt gặp bài thơ *Gửi T. T. Kh* của Thâm-Tâm.

Bài thơ này thi sĩ Thâm-Tâm đã gián tiếp cho mọi người biết tên Kh. là Khánh. Với cái tựa *Gửi T. T. Kh* nên mọi người càng thấy rõ Thâm-Tâm nói đến Khánh — tên người con gái trong thơ — không ai khác ngoài T. T. Kh. Và lại, bài này mang một nội dung trách móc, thở than cho một câu chuyện tình :

Tiếng xe trong vết bụi hồng.

Nàng đi thuở ấy, nhưng trong khói mờ.

Tiếng xe trong xác pháo xưa,

Nàng đi có mấy bài thơ trở về.

(Gửi T. T. Kh. — Thâm-Tâm)

trong các bài thơ của T. T. Kh. bài *Đan áo cho chồng*, có đoạn viết :

Vẫn còn thấy lạnh trong tim

Đan đi, đan lại, áo len cho chồng.

.

Tháng ngày miễn cưỡng em đan

Kéo dài một chiếc áo len cho chồng.

thì trong bài *Gửi T. T. Kh*, Thâm-Tâm lại thổ lộ :

Từ ngày dần chia đường tơ,

Sao tôi không biết hững hờ nàng đan.

Kéo dài một chiếc áo len,

Tơ càng đứt mối, nàng càng nổi dâ.

*Nàng còn gờ mái trên tay,
Thì tơ duyên mới đã thay hẳn màu.*

hoặc :

*Em về đan nốt tơ duyên
Vào tà áo mới đừng tìm duyên xưa.*

Với các điềm tương quan như thế làm sao người ta không tin cho được.

Ngoài ra không phải chỉ có một bài thơ *Gửi T. T. Kh.*, Thâm-Tâm mới nói đến câu chuyện tình của tác giả với tên Khánh — mà người ta thăm hiểu là T. T. Kh. — thật ra còn nhiều bài thơ khác, Thâm-Tâm cũng nhắc đến như trong *Màu máu ty-gôn*.

Thâm-Tâm viết :

*Quên làm sao được thuở ban đầu,
Một cánh ty-gôn dạ khắc sâu.
Một cánh hoa xưa màu hy vọng
Nay còn dư ảnh trái tim đau.*

ở phần chót của bài thơ này Thâm-Tâm lại kết thúc bằng những câu :

*Anh biết làm sao được hỡi trời ?
Dứt tình bao nỡ, nhớ không thôi !
Thôi em hãy giữ cành hoa úa,
Kỷ niệm ngàn năm một cuộc đời.*

Bao nhiêu điều đó càng làm cho mọi người quả quyết T. T. Kh chính là tình nhân của thi sĩ Thâm-Tâm và tên T. T. Kh là do hai tên Thâm-Tâm và Khánh ghép lại.

Gần đây nguyệt-san *Triều sóng xanh* xuất bản tại Cần-thơ, trong số ra mắt tháng 3 năm 1966, nơi trang 24, có đăng bài *T. T. Kh, Người là ai ?* của Thạch-Hồ, ở bài này ông Thạch-Hồ dẫn chứng bằng một bài báo khác của ông Giang-Tử (tác giả bài đăng trên nhật báo) đã xác nhận : « T. T. Kh. là nhân tình của Thâm-Tâm, và tên nàng là Khánh, Trần thị Khánh. »

Chúng tôi xin trích nguyên văn của ông Thạch Hồ :

« Gần đây hơn, trong một nhật báo (tôi không nhớ rõ tên vì đã mất tài liệu) Giang-Tử đã « thử trở lại một nghi án tao đàn giữa đôi giòng dư lệ ». Ông này (ông Giang-Tử) vẫn không làm cho chúng ta thỏa mãn vì cũng xoay quanh câu chuyện tình giữa T. T. Kh và Thâm-Tâm cùng Nguyễn-Bính. Có điều đặc biệt là ông đã kể lại câu chuyện gặp gỡ giữa mình (ông Giang-Tử) với thi sĩ Tế-Hanh vào tháng 11 năm 1944 trong chuyến xe đi Quảng-ngãi : « *Tế-Hanh cho biết T. T. Kh chính là Trần thị Khánh, người em gái đồng tông với mình ở Thanh-hóa, và kể rõ thiên tình hận giữa nàng và thi sĩ Thâm-Tâm.* »

Một đoạn khác ông Thạch-Hồ cũng cho biết như sau : « T. T. Kh. là một nhân vật có thật đã đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm-Tâm tại phố Khâm-thiên lúc nay cùng ở chung với Nguyễn-Bính và Trần-Huyền-Trần ».

Ngoài ra trong « Thi-tuyển 1 » của nhà xuất bản Ly Tao, ở tập đầu tiên, *Những bài thơ tình hay nhất*, tác-giả là ông Y-Châu cũng có đoạn nói về T. T. Kh như sau :

« Có dư luận cho rằng T. T. Kh là một người thật đã có đôi ba lần đến thăm thi-sĩ Thâm-Tâm tại ngôi nhà của Thâm-Tâm ở phố Khâm-thiên. »

Những điểm này đã xác nhận được phần nào về bí ẩn chung quanh tên T. T. Kh.

Cuối cùng, một điểm khác là chúng ta còn nhớ trong bài *Màu máu ty-gôn*, Thâm-Tâm có nhắc đến tên người con gái mình yêu bằng chữ K viết tắt :

*K... hơi ! người yêu của tôi ơi !
 Nào ngờ em giết chết một đời !
 Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ
 Hình ảnh em hoài, mãi thế thôi !*

Đến đây, lại rắc rối thêm, trong báo « Chuông mai », ông Tân-Đạt-Dân cho biết sau này khi hay tin thi sĩ Thâm-Tâm qua đời, T. T. Kh lại làm bài thơ *Trả lại cho đời cảnh*

hoa tim ». Bài thơ này hàm súc nhiều yêu thương lẫn nước nở, nghẹn ngào, thương tiếc cho một cuộc đời. Có đoạn T. T. Kh viết như sau :

*« T... hơi người yêu của tôi ơi !
Hồn thiêng anh ở tận phương trời.
Biết chẳng muôn thuở tình cam hận,
Tình chết em mang lại cõi đời. »*

Đọc thử hai đoạn, chúng ta sẽ thấy ngay câu đầu tiên đều viết tắt : K... T..., lời thơ chất chứa nỗi thương tiếc, u buồn. Điều này làm cho nghi vấn Thâm-Tâm là tình nhân của T. T. Kh. càng thêm vững chắc.

Tuy nhiên, trên đây chỉ là giả thuyết, còn sự thật vẫn chưa ai xác nhận, mặc dù đã có trường hợp của ông Giang-Từ quả quyết là Tế-Hạnh xác định « T. T. Kh là em gái đồng tông của mình, là nhân tình của thi sĩ Thâm-Tâm. »

Bây giờ chúng ta thử đi qua tâm hồn của người con gái vườn Thanh độ nọ.

Ta thấy cô gái ấy thuở đang phơi phới lòng xuân, tâm hồn đến thê chất còn giữ được bản sắc thiên nhiên ngây thơ, trong trắng, chưa vẩn tí bụi đời ; rồi cũng như mọi sinh vật tuân lệnh của định luật sinh lý, nàng đang chờ đợi đề cát bước đầu tiên trên muôn dặm đường tình :

*Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn,
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.*

Có ngờ đâu vừa khởi hành trên đường mộng là nàng đã vấp phải hố đau thương :

*Thuở trước lòng tôi phơi phới quá,
Lòng thơ nguyên vẹn một làn hương,
Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại
Ếm ái trao tôi một vết thương.*

Trong khi đôi cánh chim hờn sắp sửa tung bay trên khoảng rộng trời yêu, chàng nghệ sĩ tài hoa đã hiểu được đôi chút nghĩa đời lại tỏ ra nhiều trầm tư ; có lẽ chàng nghĩ đến sự ngăn cách bởi nho phong lễ giáo, những tập tục ngàn xưa đã dựng sẵn bức cờ thành « môn đăng hộ đối », một chướng ngại vật lớn lao đối với con người nghệ sĩ nghèo nàn, cho nên đôi khi chàng thoáng lộ vẻ buồn như để che đậy một viên ảnh đen tối của ái tình :

*Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thờ dài trong lúc thấy tôi vui,
Bảo rằng : « Hoa, đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi. »*

Đắm mình trong không khí ấm dịu, tiếp nhận được cảm xúc mới lạ của tình yêu, nàng thả tim lòng bừng nở vạt hương hoa. Nàng đã ngâm thơ, vô tư lự :

*Thuở đó nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tác của sinh ly.
Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy. »*

Nào hay đầu buổi gặp mặt chiều thu độ ấy là lần cuối cùng. Người nghệ sĩ cất bước lưu ly, để lại cô gái vừa ngấm chất yêu bỗng nhiên cảm thấy cô đơn, trống trải. Đây, ta hãy xem hình ảnh tro trọi thương tâm :

*Ở lại vườn Thanh có một mình,
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh ;
Yêu trăng lạnh lẽo rơi trên áo ;
Yêu cánh chim sa nắng lướt màn.*

Gió rụng. Canh tàn. Trăng lạnh. Chim sa. Cảnh vật ra chiều đồ xuống và dần tắt lịm mọi niềm hy vọng ấm êm. Ta thấy vạn vật như đồng tình bao phủ một màu thể lương và xâm chiếm ngay tâm hồn đang trống lạnh của nàng để hòa cùng vạn vật. Có lẽ tôi đã không khéo diễn tả hết tâm trạng của người con gái vườn Thanh lúc bấy giờ ; vậy xin mượn câu thơ của thi sĩ J. Leiba để hỗ trợ :

« *Cánh cũng như người chung mối hận.* »

(J. Leiba)

Đề rồi sau đó, định mệnh khát khe đánh đổ mộng đời.
Nàng không thể cưỡng nổi mệnh lệnh của gia đình nho
phong, lễ giáo, cam lòng tự giết đời mình :

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi ! người ấy có buồn không ?
Có thăm nghĩ tới loài hoa vờ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng. (1)*

Cuộc hôn nhân gượng ép đã tạo ra một diễn tiến gò
bó ; tâm hồn nàng đã trao trọn cho người yêu, thề xác
chỉ còn là một món hàng đánh đổi. Cuộc miễn cưỡng hòa
tấu ái tình đã khiến cho hai linh hồn tẻ nhạt, xa cách.
Hạnh phúc đã vỗ cánh bay đi tự lúc nào :

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời.
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi.
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tâm bóng một người.*

Cho nên nàng cũng không làm lạ gì :

*Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.*

Sự kiện đã đưa chồng nàng tìm sinh thú mới. Nàng
nghĩ đến lúc phải chịu đựng hai thứ giá lạnh trong tâm
hồn và ngoài cuộc sống với chồng. Ta hãy nghe nàng kêu
kêu thương :

*Và một ngày kia tôi phải yêu,
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo*

1) Đề trả lời bốn câu thơ này của T. T. Kh. Hồ Dzếnh có làm bốn câu
sau đây đăng trong *Trung Bắc tân văn* :

*Rồi một ngày mai em lấy chồng
Anh về lấy vợ thế là xong
Vợ anh không giống em là mấy
Anh lấy cho anh đỡ lạnh lòng.*

*Những cô áo đỏ sang nhà khác.
Gió hơi ! Làm sao lạnh rất nhiều.*

Sự tơ tưởng người xưa đã khiến chồng nàng có phản ứng trên. Đôi khi nàng cũng tỏ ra dè dặt :

*Từ đây không mong, không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm.*

nhưng nàng tin chắc ở chốn xa xăm vẫn có một bóng yêu đang ấp ủ tim lòng với nàng :

*Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ,
Người ấy ghi lòng ; vẫn nhớ em,*

hoặc :

*Tuy thế, tôi tin vẫn có người
Thiết tha theo đuổi nữa, than ôi !
Biết đâu tôi một : linh hồn héo,
Bên cạnh chồng nghiêm lưỡng tuổi rồi !*

Nàng đã trải qua bao sóng gió ray rức của con tim ; hồn và thể không cùng chung một nẻo ; như thế sẽ giết chết lần mòn đời nàng :

*Đẹp gì một mảnh lòng tan vỡ
Đã bực hoa tàn dấu xác xơ !
Tóc úa giết dần đời thiếu phụ,
Thì ai trông ngóng, chả nên chờ.*

•

Nếu người ta thay đổi được tình yêu thiêng liêng trong mỗi tình đầu như một món đồ nhân tạo, tất nhiên người con gái vườn Thanh sẽ sống hạnh phúc trong duyên mới của cái « định mệnh nhân tạo » ấy thì làm gì chúng ta « thương thức » được tiếng lòng bi thương, gọi cảm.

Chúng ta phải thăm phục kỳ công xảo diệu của Hóa-công đã bí mật đặt vào cung lòng người phụ nữ một sự thủy chung như nhất để ràng buộc ái tình trong guồng máy

mâu nhiệm của định luật sinh lý. Tiếc thay ! Với cơ trí của con người, người ta cố gắng chế tạo những khuôn sáo mẫu mực để bóp méo mó đời sống thiên nhiên. Những sản phẩm xã hội: lễ giáo nho phong, tập tục, thành kiến cổ xưa nào là môn đăng hộ đối, quân bình giai cấp, tương đối giá trị v. v... đã là những áp lực tàn bạo làm tan rã bao cuộc tình duyên mộng ước.

Đành rằng tuổi trẻ vẫn có sự sai lạc khi lựa chọn ái tình. Đến khi cần, người ta chỉ biết thực hiện hôn nhân theo sự hiểu biết riêng tư mà họ cho là tốt đẹp, dường như họ đang làm một cuộc hôn nhân cho nhà cửa, cho đất đai, cho những danh từ trừu tượng bóng bẩy đáng cho họ hãnh diện mà không cần nghĩ đến khía cạnh yêu đương, chà đạp lên mọi tình cảm, đè bao nhiêu mái đầu xanh cam chịu « phận gái mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu ».

Lắm lúc trong những buổi trà dư tửu hậu, hứng thú lên cao độ, người ta đã võ đoán đặt đề hôn nhân một cách máy móc khi những « hình nhục » (!) vừa đủ khả năng làm ái tình, rồi gạt bỏ mọi tình yêu mà họ cho là « ấu trĩ »; nhưng ít ai thấy họ lưu tâm chỉ dạy con cái cách thức lựa chọn ái tình. Đến khi tim lòng non trẻ rung động theo chiều hướng cảm quan thích hợp với tâm hồn thì họ vội cho là sai lạc, là không đúng cách; họ tức tốc bẻ ngoặt ái tình theo ý muốn như người ta uốn nắn cây kiềng. Sinh vật mà họ cố ép cho sống một cách eo uột trong cái chậu con gò bó như thực vật. Đã không may may giáo dục về sinh lý, chừng đựng phải việc đã rồi người ta không chịu tìm kiếm giải pháp trung dung đề cứu chữa, mà chỉ giữ đúng tinh thần bảo thủ là áp dụng biện pháp mâu thuẫn, nên đã khiến bao trai gái thanh xuân đành chôn chặt kiếp đời vào ngục tối đau thương, nơi đây họ héo hắt thê xác, tàn úa tâm hồn. (1)

(Ấn bản kỳ nhì, 7-1968)



1) Chúng tôi đưa quan điểm trên đây theo thời gian và sự kiện lúc bấy giờ nhận đọc mỗi duyên tình bề bàng của nàng T. T. Kh.

Thi tuyển

Hai sắc hoa ty-gôn

Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.

Người ấy thường hay ngắm lạnh lòng
Dải đường xa vút bóng chiều phong,
Và phương trời thăm mờ sương, cát,
Tay vít dây hoa trắng cạnh lòng.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thở dài trong lúc thấy tôi vui,
Bảo rằng : « Hoa, đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi ! »

Thờ đó, nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tét của sinh ly,
Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy. »

Đâu biết lần đi một lỡ làng,
Dưới trời gian khổ chết yêu đương.
Người xa xăm quá ! — Tôi buồn lắm,
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường. »

Từ đây, thu rồi, thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ ?
Chờng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
 Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,
 Mà từng thu chết, từng thu chết,
 Vẫn giấu trong tim bóng « một người».

Buồn quá ! hôm nay xem tiểu thuyết
 Thấy ai cùng ví cánh hoa xưa
 Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ.
 Và đỏ như màu máu thấm pha !

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
 Một mùa thu trước rất xa xôi...
 Đến nay tôi hiểu thì tôi đã,
 Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi !

Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
 Chiều thu, hoa đỏ rụng. Chiều thu
 Gió về lạnh lẽo chân mây vắng.
 Người ấy ngang sông đứng ngóng chờ.

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
 Trời ơi ! Người ấy có buồn không ?
 Có thăm nghĩ tới loài hoa .. vờ
 Tựa trái tim phai, tựa máu hồng ?

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 179, 30-10-1937)

*

LNS. Sau này thi sĩ J.Leiba, một người thất vọng khổ đau vì tình cùng chung một tâm sự với T. T. Kh. thi sĩ chép nguyên bài *Hai sắc hoa ty-gôn* đăng trong *Ngo báo*, dưới đó là bài thơ của J. Leiba mở đầu bằng :

Anh chép bài thơ tựa trái tim
 Của người thiếu phụ lỡ làng duyên

— *Lời thơ tuyệt vọng ca đau khổ.
Yên ủi anh và đề tặng em.*

J. Leiba

*

Bài thơ thứ nhất

*Thuở trước hồn tôi phơi phới quá,
Lòng thơ nguyên vẹn một làn hương...
Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại,
Em ái trao tôi một vết thương.*

*Tai ác ngừ đâu gió lạ qua,
Làm kinh giấc mộng những ngày hoa,
Thời tan tâm điệu du dương trước
Và tiễn Người đi bến cát xa.*

*Ở lại vườn Thanh có một mình,
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh;
Yêu trăng rụng lẻ rơi trên áo,
Yêu bóng chim xa, nắng lướt màn.*

*Và một ngày kia tôi phải yêu
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo
Nhưng cô áo đỏ sang nhà khác,
— Gió hơi ! làm sao lạnh rất nhiều ?*

*Từ đây không mong, không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm,
Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ,
Người ấy ghi lòng : « vẫn nhớ em ! »*

*Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên,
Bỗng ai mang lại cánh hoa tìm
Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Rỏ xuống thành thơ khóc chút duyên ?*

*Đẹp gì một mảnh lòng tan vỡ
 Đã bọc hoa tàn dầu xác xơ !
 Tóc úa giết dần đời thiếu phụ...
 Thì ai trông ngóng, chẳng nên chờ !*

*Viết đoạn thơ đầu lo ngại quá
 Vì tôi còn nhớ hẹn nhau xưa :
 — « Cố quên đi nhé, căm mà nín
 Đừng thờ than bằng những giọng thơ ! »*

*Tôi run sợ viết, lặng im nghe
 Tiếng lá thu khô siết mặt hè
 Như tiếng chân người len lén đến.
 — Song đời nào dám gặp ai về !*

*Tuy thế, tôi tin vẫn có người
 Thiết tha theo đuổi nữa, than ôi !
 Biết đâu... tôi : một tâm hồn héo,
 Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi !*

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 182, 20-11-1937)

*

Đan áo cho chồng

*« Chị ơi ! Nếu chị đã yêu,
 Đã từng lỡ hái ít nhiều đau thương,
 Đã xa hẳn quãng đời hương,
 Đã đem lòng gởi gió sương mịt mùng.*

*Biết chăng chị ? Mỗi mùa đông,
 Đáng thương những kẻ có chồng như em.
 Vẫn còn thấy lạnh trong tim,
 Đan đi đan lại áo len cho chồng.*

Như con chim hót trong lồng,
 Hạt mưa nó rụng bên song bờ thờ.
 Tháng ngày nổi tiếng tiêu sơ,
 Than ôi ! Gió đã sang bờ ly tan...

*

Tháng ngày miễn cưỡng em đan,
 Kéo dài một chiếc áo len cho chồng.
 Như con chim nhốt trong lồng,
 Tháng ngày mong đợi ánh hồng năm nao !

Ngoài trời mưa gió xôn xao,
 Ai đem khoá chết chim vào lồng nghiêm ?
 Ai đem lễ giáo giam em ?
 Sống hờ trợn kiếp trong duyên trái đời...

Lòng em khổ lắm chị ơi !
 Trong bao tủi cực với lời mĩa mai
 Quang cảnh lạ, tháng năm dài,
 Đêm đêm nghĩ tới ngày mai giết mình ! »
 (Phụ nữ thời đàm)

*

Bài thơ cuối cùng

Anh hơi tháng ngày xa quá nhỉ ?
 Một mùa thu cũ, một lòng đau...
 Ba năm ví biết anh còn nhớ,
 Em đã cầm lời, có nói đâu !

Đã lỡ, thôi rồi ! chuyện biệt ly,
 Càng khời càng thấy lụy từng khi.
 Trách ai mang cánh «ty-gôn» ấy,
 Mà viết tình em, được ích gì ?

Chỉ có ba người đã đọc riêng,
 Bài thơ «đan áo» của chồng em.
 Bài thơ «đan áo» nay rao bán,
 Cho khắp người đời thốc mách xem...

Là giết đời nhau đấy, biết không ?
 ... Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung,
 Giận anh, em viết dòng dư lệ,
 Là chút dư hương : điệu cuối cùng !

Từ đây, anh hãy bán thơ anh,
 Còn đề yên tôi với một mình,
 Những cánh hoa lòng, hừ ! đã ghét,
 Thì đem mà đời lấy hư vinh.

Ngang trái đời hoa đã úa rồi,
 Từng mùa gió lạnh sắc hương rơi...
 Buồng nghiêm thờ thần hồn eo hẹp,
 Di nhớ người không muốn nhớ lời !

Tôi oán hờn anh, mỗi phút giây,
 Tôi run sợ viết, bởi rồi đây
 Nếu không yên được thì tôi... chết
 Đêm hơi ! làm sao tối thế này ?

Năm lại năm qua cứ muốn yên
 Mà phương ngoài gió chẳng làm quên ;
 Và người vờ lơ duyên thăm kín,
 Lại chính là anh ? anh của em !

Tôi biết làm sao được hơi trời ?
 Giận anh, không nỡ ! nhớ không thôi !
 Mưa buồn, mưa hắt, trong lòng ướt...
 Sợ quá đi, anh... «có một người» !...

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 217, 23-7-1938)

LNS. Ty-gôn là loài hoa « độc » thật. Với cái dáng dấp và màu sắc quyến rũ đa tình, nó đã là điểm gở báo hiệu cuộc ly tan của mối tình giữa người con gái vườn Thanh và chàng nghệ sĩ.

Đây, chúng tôi xin giới thiệu một khuôn mặt khác đã đắm đuối trong hình sắc của « linh hoa ».

Hoa ty-gôn

Bảo rằng : hoa dáng như tim vỡ
 Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi !

T.T. KH.

Mến tặng Tuyên

*Chiều xưa qua nhà anh mang cho
 Chùm hoa ty-gôn xui em mơ ;
 Vui cười em ôm hoa vào lòng
 Và em tìm ra bao vần thơ.*

*Chiều nay sao lòng em vương buồn
 Mong chờ anh và hoa ty-gôn
 Chùm hoa trên bàn hầu như tàn
 Xa anh hoa sầu, em sầu hơn.*

*Anh ơi ! giờ đây ngoài biên cương
 Anh đang xông pha nơi sa trường.
 Chiều xưa anh đi ba năm rồi,
 Không lời, không thư, buồn vương vương,*

*Hình anh cho em đã phai màu
 Em không nhìn ra anh em đâu
 Bình sinh anh thường ưa hoa này
 Hôm nay nhìn hoa em sầu đau.*

*Cầu trời cho em luôn gần anh
 Nhưng trời cao hơn tầng mây xanh.*

*Bên anh, em đan toàn len hồng
Bên anh, em ngồi chờ trắng thanh.*

*Bên anh, em vun hoa trong vườn
Cho nhà chen đầy, ôi muôn hương
Bên dàn tre che phòng anh nằm
Em trồng cho nhiều cây ty-gôn.*

*Trồng nhiều ty-gôn ngay bên thềm
Xây quanh phòng anh làm thành rềm
— Anh ơi sao lòng em bồn chồn
Hay là vì yêu hoa hình tim!*

Văn-Anh

(Phò thông bịn nguyệt san)

*

LNS. Đây nữa, những người thích mơ màng — không phải bóng sắc ty-gôn — mà là tiếng đồng vọng của người lụy với ty-gôn tức T. T. Kh.

Tài liệu dưới đây, chúng tôi nhặt trong báo *Phò thông*, số 16 (1959) xin cống hiến bạn đọc.

« Nhân đọc *Phò thông* số 16, tôi được biết ông sắp cho phát hành số *Phò thông* đặc biệt Trung-thu, tôi mạo muội gửi đến ông « Thu ngục thất » sau đây.

Thưa ông,

Vì mặt lý do riêng, tôi không thể xưng tên và địa chỉ của tôi, nhưng xin ông tin tưởng rằng dù ở trong một hoàn cảnh chật hẹp, chúng tôi vẫn tìm hiểu ông qua báo *Phò thông*.

Chúng tôi sẽ tiếp tục gửi bài vở đến quý tòa soạn, nếu được ông trả lời trên mặt báo *Phò thông*. »

Nay kính

T. T. Kh.

Thu ngực thắt

Gửi Tâm

Biệt ly nào phải quan hà.
 Thu về nắng tắt, đã là biệt ly,
 Xuân tàn nhớ độ xuân thì.
 Nắng tàn nhớ bóng tà huy cuối trời.
 Thu về lá đỏ rơi... rơi.
 Thu về ủ lạ men đời lòng tôi.
 Nghẹn ngào nói chẳng nên lời.
 Ngại ngừng thăm gửi một trời nhớ thương.
 Thu đi trên vụn nẻo đường.
 Tôi nhìn qua bốn bức tường tìm thu.
 Tìm đâu trong cảnh thân tù.
 Tìm đâu cánh nhạn mịt mù hoài mong.
 Thu say cổ nội hoa đồng
 Tôi ngồi bấm đốt đêm dòng thời gian.
 Gió thu trút ngọn lá vàng.
 Mây thu từng lớp nhip nhàng về đâu.
 Trời thu tê tái một màu,
 Trăng thu hờ hững gọi sầu cô miên.
 Ngày thu ai để lỡ duyên.
 Ý thu là nỗi ưu phiền đời tôi.
 Tình thu nước nở thành lời.
 Tiếng thu có thấu tai người hay chẳng !

T. T. Kh.

Lời tòa soạn: Chúng tôi đăng bức thư và bài thơ trên đây mà không biết T. T. Kh là ai ? Vậy chúng tôi yêu cầu tác giả cho bạn đọc biết xác thực hơn để tránh sự lẫn lộn với T. T. Kh. tác giả bài thơ « Hai sắc hoa ty - gôn. Xin thành thật cảm ơn. » (Phổ thông)

Và dưới đây cũng lại là một T. T. Kh. nữa (LNS)

Tan vỡ

*Một phút gần nhau cũng đủ rồi,
Nên cười đứng trước cảnh chia phôi.
Ngày về mong bạn đừng mong nhớ,
Mây ước duyên hờ có thể thôi.*

*Hợp tan thường lệ có gì đâu,
Bạn hãy quên đi chớ vướng sầu.
Đành lẽ Bắc Nam người mỗi ngả.
Xa nhau rồi nữa sẽ gần nhau.*

*Nhớ tiếc làm chi đề bạn lòng,
Chắc gì gặp gỡ nữa mà mong.
Quên đi bạn — Cố quên đi nhé !
Tiếng gọi xa xăm của cõi lòng,*

*Thôi nhé đường đời đã biết nhau,
Thà rằng quên trước khỏi quên sau.
Đa mang chỉ nữa tình mây nước
Đề mặc sương sa bạc mái đầu.*

T. T. Kh.

(Trích báo *Liên thủ*, 1958)

Chúng ta không phải dân do gì mà bảo ngay rằng hai T. T. Kh. trên đây không phải là T. T. Kh. ở vườn Thanh, bởi kỹ thuật và ý thơ chưa đạt đến mức độ rung cảm của cõi lòng thật sự đau thương.



THÂM-TÂM

(1917 — 1948)

T HÂM-TÂM tên thật là Nguyễn tuần Trình, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1917, tại Hải-dương (Bắc-phần). Thâm-Tâm từng viết trên các báo :

- Bắc hà
- Tiểu thuyết thứ bảy
- Tiểu thuyết thứ năm
- Truyền bá
- Ngày nay

qua các tác phẩm sau đây :

- Mùa đông (đoán văn, T.T.T.B. số 242, 14-1-1939)
- Lời con trẻ (truyện ngắn, T.T.T.B. số 283, 4-11-1939)
- Lá quạt hoa quỳnh (T.T.B.B. số 416)
- Lòng ta đầy sắc tím (truyện tâm tình, T.T.T.B. số 429)
- Thiếp trông chàng (truyện ngắn, T. T. T. B. số 433, 3-10-1942)

— Người đẹp (truyện ngắn, Tiền thuyết thứ bảy số 440, 21-11-1942)

— Bông lan trần mộng (T.T.T.B. số 440, 441, 442, 1942)

— Tặng người yêu thơ (truyện ngắn, T.T.T.B. số 451, 6-3-1943)

— Vương một chút thương ai (truyện ngắn T.T.T.B. số 456, 10-11-1943)

— Hiếu khách (truyện ngắn, T.T.T.B. số 7, 12-1944) v.v...

Thơ của ông rất nhiều, thường đăng trên các báo hay tạp chí mà không thấy xuất bản thành sách.

Về điệu thơ, ai cũng công nhận rằng thơ của Thâm-Tâm có một âm điệu trầm buồn giống như Nguyễn-Bính, ông thường kể về những chuyện tình man mác, bàng khuâng. Tuy nhiên trong cái buồn thương nuôi tiếc đó, Thâm-Tâm pha lẫn một giọng điệu rắn rỏi chứ không như một Xuân-Diệu lãng mạn, tình tứ, hay một Huy-Cận yếu đuối, đa sầu.

Trong cuộc đời của thi sĩ Thâm-Tâm có một vấn đề trọng đại mà kẻ yêu thơ không sao quên được, đó là cuộc tình duyên nửa hư nửa thực của Thâm-Tâm và nữ sĩ T.T.Kh., tác-gia bài thơ Hai sắc hoa ty-gôn.

Câu chuyện tình của hai nhà thơ một nam một nữ đã tạo thành một giai thoại thi ca kỳ thú và cũng nhờ đấy mà nền thi ca Việt-nam tiếp nhận được những bài thơ tình trác tuyệt còn vang dội mãi về sau.

Mà hễ nhắc đến Thâm-Tâm thì người ta lại nhớ ngay đến T.T.Kh. Suốt khoảng thời gian cực thịnh của nền thi ca tiền chiến Thâm-Tâm và T.T.Kh đã là đầu đề cho dư luận và trở thành một « Vụ án Tao-dân » mà mãi đến nay người ta vẫn không biết gì sáng tỏ hơn về câu chuyện tình bi ẩn của Thâm-Tâm và T.T.Kh.

Đến đây chúng tôi xin mạn phép đóng ngoặc về thi sĩ Thâm-Tâm và T.T.Kh. Vấn đề này sẽ được đề cập tỉ mỉ hơn ở phần khảo luận.

Thâm-Tâm chính thức góp mặt vào làng thơ tiền chiến từ năm 1938. Sau khi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, Thâm-Tâm cũng như bao nhiêu người Việt yêu nước khác, theo tiếng gọi của quê hương, ông gia nhập kháng chiến. Đến khi chiến tranh chấm

đứt, cùng chung số phận với các văn thi sĩ khác, ông bị ở lại bên kia phần đất mẹ, từ đó Nguyễn tuấn Trình dành gác bút thời kỳ lê chuyện yêu thương, mà còn có chăng cũng chỉ là những tiếng nức nở nghẹn ngào!

Theo tin gần đây được biết, thi sĩ Thâm-Tâm đã chết bên bờ sông Đuống ở đất Bắc. Như vậy phải kể là một sự mất mát không nhỏ đối với nền thi ca đất nước.



VÀ O khoảng năm 1938, khi phong trào thơ mới đang hoi cực thịnh, một thi nhân trẻ âm thầm đi vào làng thơ với những bước không rập rình, nhón nhíp như những nhà thơ khác; thi nhân mang tâm trạng của một khách lữ hành cô độc, đang đi trên đoạn đường tình dang dở: chàng thi nhân ấy là Thâm-Tâm Nguyễn tuấn Trình.

Rồi một sự kiện ngẫu nhiên đã đưa chàng thi nhân khiêm nhượng trở thành đề tài sôi nổi cho một giai thoại thi ca lúc bấy giờ mà hai nhân vật chính là: thi sĩ Thanh-Tâm và nữ sĩ T.T.Kh.

Thực vậy, thi nghiệp của Thâm-Tâm đã dính liền với mấy vần thơ của người con gái vườn Thanh (xin xem phần T.T.Kh. ở trước).

Từ dạo những bài thơ của T.T.Kh. xuất hiện trên báo *Tiêu thuyết thứ bảy* và những bài thơ trả lời của Thâm-Tâm, rồi lại những bài thơ tiếp nối của T.T.Kh. đã khiến tên tuổi của T.T.Kh. cũng như Thâm-Tâm nổi tiếng và vang vọng mãi dư âm.

Trong giai đoạn này có nhiều luồng dư luận khác biệt đối với hai nhân vật mang bút hiệu Thâm-Tâm và T.T.Kh.

Có người cho rằng chính Thâm-Tâm là người tình của T.T.Kh.; lại có người bảo T.T.Kh. là Thâm-Tâm mượn câu chuyện tình dang dở của nhân vật trong truyện ngắn *Mùa*

ty-giả của ông Thanh-Châu mà dựng nên nhân vật T.T.Kh.; cũng lại có người cho rằng Thâm-Tâm không phải là T.T.Kh. mà cũng không phải là nhân tình nhân nghĩa gì của T.T.Kh. cả.

Bởi những dư luận trái ngược nhau nên có sự bàn tán sôi nổi về câu chuyện tình giữa hai người.

Thật ra câu chuyện tình dang dở này không có gì ly kỳ cho lắm để phải tốn hao bao nhiêu giấy mực. Nó chỉ là câu chuyện một cô gái yêu chàng nghệ sĩ mà không được toại nguyện, sau phải lấy một ông chồng luống tuổi rồi làm thơ than khóc cho kiếp hoa của mình. Chỉ thế thôi! Một câu chuyện xảy ra cũng như trăm ngàn câu chuyện tình khác, nhưng cái điểm then chốt đã khiến xáo động dư luận là sự ảm tích của T.T.Kh., và T.T.Kh. đã khóc than như đề trút bớt nỗi niềm đau khổ trên những dòng thơ, mà lại là những dòng bi thiết, gory cảm.

Ba mươi năm trôi qua, thời gian đằng đẵng ấy không đủ xóa đi một nghi vấn trong câu chuyện tình mang nhiều bi ẩn và ngang trái đau thương.

•

Giờ đây chúng ta hãy thoát khỏi ràng buộc của những chứng minh có tính cách sử liệu để đi sâu vào thế giới tâm tình của Thâm-Tâm.

Nếu có cái bất ngờ đã giúp người ta phát minh những tiến bộ khoa học, thì ở địa hạt thi ca cũng có nguyên do đột khởi đã tạo ra thi tài.

Người ta nói, trước khi đề chân vào làng thơ, Thâm-Tâm chỉ là một họa sĩ trình bày các báo, viết đôi chuyện ngắn tâm tình nhỏ nhặt. Thế rồi, vì một bài thơ than khóc của người thiếu phụ T. T. Kh. đã kích thích hồn thơ nhà họa sĩ xúc động mạnh, tiếng lòng bỗng bật lên thành tiếng thơ rung cảm, vén màn cho câu chuyện tình lâm ly, bi thiết.

Vượt khỏi thời kỳ chấp chững của người thơ, những thi bản đầu tay của Thâm-Tâm ngang nhiên như những sáng tác lớn. Nó là tặng phẩm ân huệ của nàng Thơ đã chiếu cố người họa sĩ tài hoa trong một lúc xuất thần cấu tạo những vần thơ đau thương dễ mến, thoát thai từ câu

chuyện tình như được dốc cạn tự đáy lòng, hòa hợp với sự lựa chọn âm thanh, hội tụ đủ yếu tố căn bản đòi hỏi của thi ca. Thâm-Tâm mới chỉ cất một bước chân đầu là đã trở thành thi sĩ.

Nhân đọc bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn* của T. T. Kh. thi nhân nhớ lại mùa thu năm nào tim lòng đã trao trọn vẹn cho người con gái vườn Thanh và từ đó thi nhân nuôi mộng yêu đương. Đến nay, bỗng nhiên nhận được tin sét đánh :

*Nếu biết rằng tôi đã có chồng,
Trời ơi ! người ấy có buồn không ?*

(*Hai sắc hoa ty-gôn* — T. T. Kh.)

Chỉ buồn thôi à ? — Sao không bảo là đã « giết người » ? Sự xúc động đột ngột đã khiến thi nhân như thấy cả một vũ trụ sụp đổ :

*K... hơi ! người yêu của tôi ơi !
Nào ngờ em giết chết một đời !
Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ,
Hình ảnh em hoài, mãi thế thôi.*

« Em có nhớ ngày nào anh chỉ cánh hoa ty-gôn mà...

*Bảo rằng : Hoa đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi !*

« thì em vô tư lự gieo vào lòng anh niềm tin vững chắc ở
« ái tình :

*Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy. »*

(*Hai sắc hoa ty-gôn* — T. T. Kh.)

Nhớ lại hồi nào cả hai đã lấy hoa ty-gôn làm chứng vật cho lời nguyện ước trăm năm của đôi mái đầu xanh. Riêng thi nhân thì :

*Quên làm sao được thuở ban đầu,
Một cánh ty-gôn dạ khắc sâu.
Một cánh hoa xưa màu hy vọng*

nhưng :

Nay còn dư ảnh trái tim đau.

Thế rồi, ngày nay, ai kia đã « phụ lời nguyện ước »,
gởi trả cánh hoa xưa, màu sắc đã tàn phai. Nhìn hoa mà
máu tim như rơi từng giọt :

*Người ta trả lại cánh hoa tàn,
Thôi thế tình duyên cũng dở dang.
Màu máu ty-gôn đã biến sắc,
Tìm người yêu cũ phủ màu tang.*

Nhìn lại đời mình bằng cặp mắt thất vọng vì sự thu-
thiệt trong tình yêu, thi nhân đã dệt nên những lời thống
thiết :

*Khi biết lòng anh như đã chết,
Mây trôi hồng và lá cũng trôi xanh.
Màu hoa tươi cũng héo ở trên cành,
Và vũ trụ thay một màu đen tối.*

rồi hồi tưởng kỷ niệm xưa :

*Anh cố giữ lòng anh không bối rối,
Đề mơ màng tưởng nhớ phút giây xưa.
Em cùng anh sánh gót dưới bóng dừa,
Một đêm trăng sáng trên đường đá đỏ.
Em nói những gì ? Anh còn nhớ rõ,
Nhưng làm sao ? Ai hiểu tại làm sao ?
Chim muốn bay, cũng giữ chẳng được nào,
Tình đã chết có mong gì sống lại.*

Thi nhân chỉ thốt lên lời kêu đau của một linh hồn
thống khổ :

*Anh biết làm sao được hờ trời !
Dứt tình không nỡ, nhớ không thôi
Thôi em hãy giữ cành hoa úa,
Kỷ niệm ngàn năm một cuộc đời.*

Thật hay ! nhưng cũng vô cùng thâm não. Thở than cho mảnh tình nay không còn nữa. Tình ái đã thay dạng đổi hình, những kỷ niệm giờ đây còn chẳng cũng chỉ là mộng ảo.

Rồi thi nhân cố thu can đảm đề chấp nhận sự ra đi của người yêu, tuy cũng có cái gì lưu luyến :

*Anh không trách chi em điều ngang trái,
Anh không buồn số kiếp quá mong manh !
Cố gì đâu khi bướm muốn xa cành,
Anh cứ tiếc cái gì xưa đã chết.*

Thi nhân biết lắm ! biết tình của mình rồi đây « con bướm sẽ xa cành » nên đã mượn đôi dòng thơ đề than cho mộng tình tan vỡ :

*Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,
Anh càng buồn, càng muốn kết thành thơ.
Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.*

Và như đã quyết định điều gì quan trọng, thi nhân vội viết thêm :

*Và thành chúc đời em luôn tươi sáng,
Như mộng kiều đầm ăm tuổi xuân xanh,
Như hương trinh bát ngát ý dịu lành,
Hòa nhạc mới triều dâng tơ Hạnh-phúc:*

Gạt bỏ tình xưa, lòng người trai bỗng nhiên bừng sống mạnh. Người quyết ý tái tạo cuộc đời, phủ nhận những ngày qua :

*Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá,
Nhưng lòng anh đã bình thản lại rồi.
Hết đau buồn và cảm thấy sự sống
Niềm uất hận của một thời lạc lối.*

Lạc lối vì đã đem đời trai « cung phụng sóng mắt huyền ». Thi nhân tự thú :

*Lấy nghệ thuật làm trò hề múa rối,
 Dem tài hoa cung phụng sống mắt huyền.
 Đề khăn cầu xin một nụ cười duyên ;
 Nàng kiều nữ chốn lầu hoa thắm kín.*

Có người cho rằng cái buồn của Thâm-Tâm là cái buồn của khách tình si khi tình yêu tan vỡ. Điều này chưa hẳn là đúng, vì mặc dù thơ Thâm-Tâm chứa đựng tình buồn, nhưng khi Thâm-Tâm đã làm một khúc quanh quan trọng trong dòng đời ; bỗng nhiên khách yêu thơ như đón nhận được một luồng gió mới từ chất thơ hùng tráng của người thi sĩ đa tình lúc đã bừng tỉnh mộng yêu đương. Thi bản *Tống biệt hành* đã nói lên ý chỉ chuyển hướng ấy :

*Cuộc biệt ly nào ngờ vừa đúng lúc,
 Lòng băng khuâng, bối rối trước khúc quanh ;
 Đi không đành, mà ở cũng không đành,
 Muôn chim Việt hấy về thành Nam cũ.*

rồi người thi nhân của chúng ta bắt chước Thái tử Yên-Đan đưa chàng tráng sĩ Kinh-Kha sang bờ sông Dịch :

*Bắc phong tiêu tiêu hể Dịch thủy hàn
 Tráng-sĩ nhất khứ hể bất phục hoàn.
 (Gió đưa sông Dịch lạnh lùng,
 Ra đi chiến sĩ quyết không trở về.)*

Cuộc tiễn đưa của Thâm-Tâm ta thấy nhiều hứa hẹn hơn :

*Đưa người, ta không đưa sang sông,
 Sao có tiếng sóng ở trong lòng ?
 Bóng chiều không thấm, không vàng vọt.
 Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong.
 Đưa người ta chỉ đưa người ấy,
 Một già gia đình, một dừng dừng.
 Ly khách, ly khách, con đường nhỏ
 Chí lớn chưa về bàn tay không.*

*Thì không bao giờ nói trở lại,
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.*

.

Người đi, ờ nhỉ ! người đi thực !

Mẹ thì coi như chiếc lá bay,

Chị thì coi như là hạt bụi;

Em thì coi như hơi rượu say.

Bài thơ *Tống biệt hành* trên của Thâm-Tâm đã được giới yêu thơ tiếp đón như những gì mới lạ và nhận thấy một sự thay đổi trong ý thơ và một biến chuyển tâm hồn của thi sĩ Thâm-Tâm.

Khác với những bài thơ *Gửi T.T.Kh.*, *Màu máu ty-gôn*, *Dang dở v.v...* khóc than cho câu chuyện tình tâm thường. Ở đây, ngược lại, Thâm-Tâm trút bỏ cái vỏ ủy mị cố hữu, đòi giọng điệu rắn rỏi, cương quyết đề nói lên cái chí khí của người trai trong thời chinh chiến.

Người con trai chỉ biết có nhiệm vụ, có tương lai, có sự nghiệp mà gạt bỏ tất cả mọi thứ tình yêu đang vướng bận sau lưng, cất cao giọng hào hùng :

Thăng-long đất lớn chí tung hoành,

Bằng bạc gương hồ ánh mắt xanh.

Một lứa chung tình từ tứ chiến,

Hội nhau vầy một tiệc quàn anh.

Hội nhau giờ đây cũng đã là muộn lắm rồi, bởi vì :

Trong khi ấy thanh niên không bị rận,

Giã gia đình, trường học đề ra đi.

Họa xâm lăng đe dọa ở biên thù,

Kèn gọi lính giục lòng trai cứu quốc.

Thâm-Tâm tin tưởng sẽ thành công và nhất định phải thành công, vì :

Sông Hồng chẳng phải xưa sông Dịch,

Ta ghét hoài câu nhất khứ hề !

Thật vô cùng khoáng khái, giọng thơ rắn rỏi ấy đủ chứng tỏ Thâm-Tâm không phải là một thi nhân chỉ làm thơ ảo lá mà thôi, ngược lại ông còn là một nhà thơ hùng tráng có tài nữa.

Chúng tôi mượn mấy dòng sau này để thay lời kết luận về thi sĩ Thâm-Tâm vậy.

(Ấn bản kỳ ghi 7-1968)



Chi tuyển

Màu máu ty-gôn

Gửi T. T. Kh...

tác giả bài thơ « Hai sắc hoa ty-gôn »

Người ta trả lại cánh hoa tàn,
Thôi thế duyên tình cũng dở dang !
Màu máu ty-gôn đã biến sắc.
Tìm người yêu cũ phủ màu tang !

K... hơi ! người yêu của tôi ơi !
Nào ngờ em giết chết một đời !
Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ
Hình ảnh em hoài, mãi thế thôi.

Quên làm sao được thuở ban đầu,
Một cánh ty-gôn dạ khắc sâu !
Một cánh hoa xưa màu hy vọng !
Nay còn dư ảnh trái tim đau.

Anh biết làm sao được hơi trời !
Dứt tình bao nỡ, nhớ không thôi !
Thôi em hãy giữ cành hoa úa,
Kỷ niệm ngàn năm một cuộc đời !

*

Gửi T. T. Kh

Các anh hãy uống thật say,
Cho tôi uống những cốc đầy rồi im.
Giờ hình như quá nửa đêm,
Lòng đau mang lại cái tin cuối mùa.

Hơi dần buồn như trời mưa,
 Các anh tắt nốt âm thừa di thôi.
 Giờ hình như ở ngoài trời,
 Tiếng xe đã nghiêng rã rời ra đi.

•

Hồn tôi lơ mờ sương khuya,
 Bởi chưng tôi viết bài thi trả lời.
 Vâng, tôi biết có một người,
 Một đêm cố tưởng rằng tôi là chồng.
 Đề hôm sau khóc trong lòng,
 Vâng, tôi vẫn biết cánh đồng thời gian.
 Hôm nay rụng hết lá vàng,
 Và tôi lỡ chuyển chiều tàn về không.
 Tiếng xe trong vết bụi hồng,
 Nàng đi thuở ấy nhưng trong khói mờ.
 Tiếng xe trong xác pháo xưa,
 Nàng đi có mấy bài thơ trở về,
 Tiếng xe mờ lối vu quy
 Nay là tiếng khóc nàng chia cuộc đời !
 Miệng chồng, Khánh gắn trên môi.
 Hình anh, mắt Khánh sáng ngời còn mơ,
 Từ ngày dần chia đường tơ,
 Sao tôi không biết hững hờ nàng đan.
 Kéo dài một chiếc áo len,
 Tơ càng đứt mối, nàng càng nổi dây.
 Nàng còn gờ mãi trên tay,
 Thì tơ duyên mới đã thay hẳn màu.
 Góp hai thứ tóc đôi đầu,
 Sao còn đan nối những câu tâm tình ?
 Khánh ơi ! Còn hỏi gì anh ?
 Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng.

Chỉ kêu những tiếng thu tàn,
 Tình anh đã chết anh càng muốn xa.
 Chiều tan, chiều tắt, chiều tà,
 Ngày mai, ngày mốt, vẫn là ngày nay.
 Em quên mất lối chim bay,
 Và em đã chán trông mây trông mờ.
 Đoàn viên từng phút, từng giờ,
 Sống yên lặng thế em chờ gì hơn,
 Từng năm từng bữa con son,
 Mím cười vá kín vết thương lại lành.
 Khánh ơi ! còn hỏi gì anh ?
 Xưa tình đã vỡ, nay tình lại nguyên.
 Em về đan mối tơ duyên,
 Vào tà áo mới, dùng tìm duyên xưa.
 Bao nhiêu giọt lệ còn thừa,
 Hay dành mà khóc những giờ vợi vong.
 Bao nhiêu những cánh hoa hồng
 Hay dâng cho trọn nghĩa chồng, hôn cha.
 Nhắc làm chi chuyện đôi ta,
 Cuộc đời anh đã phong ba dập vùi...

Hãy vui lên, các anh ơi,
 Nàng đi tôi gọi hồn tôi trở về
 Tâm hồn lạnh nhạt đêm nghe,
 Tiếng mùa lá chết đã xê dịch nhiều.
 Giờ hình như gió thổi nhiều,
 Những loài « hoa máu » đã gieo nốt đời.
 Bao nhiêu nghệ sĩ nổi trôi,
 Sá chi cái đẹp dưới trời mong manh.
 Sá chi những chuyện tâm-tình,
 Lòng đau đem chứa trong bình rượu cay !

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 307, 4-5-1940)

Dang dở

Tặng T. T. Kh.

*Khi biết lòng anh như đã chết,
Mây trôi hồng, và lá cũng trôi xanh.
Màu hoa tươi cũng héo ở trên cành
Và vũ trụ thấy một màu đen tối.*

*Anh cố giữ lòng anh không bối rối
Đề mơ màng tưởng nhớ phút giây xưa.
Em cùng anh sánh gót dưới bóng dừa,
Một đêm trăng sáng trên đường đá đỏ.*

*Em nói những gì ? Anh còn nhớ rõ,
Nhưng làm sao ? Ai hiểu tại làm sao ?
Chim muốn bay, cũng giữ chẳng được nào,
Tình đã chết, có mong gì sống lại !*

*Anh không trách chi em điều ngang trái,
Anh không buồn số kiếp quá mong manh !
Có gì đâu khi bướm muốn xa cành,
Anh cứ tiếc cái gì xưa đã chết.*

*Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,
Anh càng buồn, càng muốn kết thành thơ ;
Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.*

*Và thành chúc đời em luôn tươi sáng,
Như mộng kiêu dâm ấm tuổi xuân xanh,
Như hương trinh bất ngát ý dịu lành
Hòa nhạc mới triều dâng tơ Hạnh-phúc.*

*Cuộc ly biệt ngờ đâu vừa đúng lúc,
Lòng băng khuâng, bối rối trước khúc quanh ;*

Đi không đành, mà ở cũng không đành,
Muôn chim Việt hãy về thành Nam cũ.

Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá,
Nhưng lòng anh đã bình thản lại rồi.
Hết đau buồn và cảm thấy sự sôi
Niềm uất hận của một thời lạc lối.

Lấy nghệ thuật làm trò hề múa rối
Đem tài hoa cung phụng sống mất huyền.
Đè khần cầu xin một nụ cười duyên;
Nàng kiều nữ chốn lầu hoa thắm kín.

Trong khi ấy, thanh niên không bị rợn,
Giã gia đình, trường học đề ra đi.
Họa xâm lăng đe dọa ở biên thùi,
Kèn gọi lính giục lòng trai cứu quốc.

Thôi em nhé! từ đây anh cất bước,
Em yên lòng vui hưởng cuộc đời vui.
Đừng buồn thương, nhớ, tiếc, hoặc ngậm ngùi,
Muôn việc thấy đều do nơi số kiếp.

*

Tòng biệt hành

Đưa người ta không đưa sang sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dừng dừng.
— Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ.
Chỉ lớn chưa về bàn tay không,

*Thì không bao giờ nói trở lại !
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.*

*Ta biết người buồn chiều hôm trước,
Bây giờ mùa hạ, sen nở nốt,
Một chị, hai chị cũng như sen,
Khuyên nốt em, trai dòng lệ xót.
Ta biết người buồn sáng hôm nay :
Trời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...*

*Người đi ? Ừ nhỉ ! Người đi thực !
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu cay.*

*Mây thu đầu núi, gió lên trăng,
Cơn lạnh chiều nao dờ bóng thăm.
Lý khách ven trời nghe muốn khóc,
Tiếng Đời xô động, tiếng hồn câm,
(Tiểu thuyết thứ bảy, 1940)*

*

Vọng nhân hành

*Thăng-long đất lớn chí tung hoành,
Bàng bạc gương hồ ánh mắt xanh.
Một lứa chung tình từ tứ chiếng,
Hội nhau vầy một tiệc quăn anh.
Mây gươm nét mác chữ nhân già,
Ham bệnh hình đời, lưng cỗi đa.*

Tay yếu đang cùng tay mạnh dất,
 Chưa ngất men trời hả rượu cha.
 Rau đất cá sông gào chẳng đủ
 Nồi bùng giữa tiệc trận phong ba,
 Rằng : « Dương gió bụi thì tơ tã.
 Thiên hạ phải dùng thơ chúng ta ! »

Thơ ngâm dờ giọng, thời chưa thuận.
 Tan tiệc quăn anh, người nuốt giận,
 Chim nhận, chim hồng rét mướt bay,
 Vuốt cộp, chân voi còn lặn dận.
 Thăng thí cho nhàm sức võ sinh,
 Thăng bó văn chương đôi gói hận
 Thăng thư trói buộc, thăng giả quê.
 Thăng phẫn son nhơ... chưa một về !
 Sông Hồng chẳng phải xưa sông Dịch.
 Ta ghét hoài câu « nhất khứ hề ».

Ngoài phố mưa bay : xuân bốc rượu,
 Tắc lòng mong mới cháy tê tê.
 — « Ở ơi bạn tóc ngoài trôi giặt,
 Chẳng đọc thơ ta, tất cũng về.

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 2, 7-1944)

*

Hoa gạo

Non tím, vì tan hết nắng tà ;
 Đường buồn, bởi phố vắng người qua.
 Lòng ai bầm tím, ai buồn tối,
 Cũng tại rừng đời lạc lối ra.

Hoa gạo hôm nay rụng với chiều,
 Dề cành khô xác nứt như kêu.

*Từng cây một rách nào ai vá,
Ai vá lành cây đã rách nhiều ?*

*Tôi ngỡ nàng đi lượm cánh hoa,
Biểu nàng với cả một bài ca.
Nhưng hồn thi sĩ, hồn tư tưởng,
Nhuộm máu trong tôi đỏ chói lòe !*

*Ngó giọt hoa kia ngã xuống đường,
Chao ơi ! Tôi sợ ở nhà thương.
Bao nhiêu miệng thở bao nhiêu huyết,
Khi những lòng đau ngã xuống giương.*

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 305, 20-4-1940)

*

Chết

*Lâu quá chừng ư độ bảy ngày,
Mà người bạc mệnh cò chưa xây,
Lòng thân nhân đã nguôi thương tiếc,
Thưa cả hương thờ nhặng khối bay.*

*Mấy đứa em thơ miệng đã cười,
Ngày ngày đi nghịch cánh hoa tươi.
Ai đâu nỡ hỏi sao nguồn lệ
Khóc chị hôm nào đã vội thôi ?*

*Mà lạnh không hoa hết cả hương,
Hành nhân lạnh nhạt thiếu lòng thương.
Đăm người tuổi tác qua thăm viếng
Một buổi rồi quên mất độ đường.*

*Cơm cúng thừa dâng bữa khuyết đầy,
Bụi mờ linh vị... Đến chiều nay,*

Bỗng đứng dī ghê buồn vô cớ,
Thăm tính thời gian bấm đốt tay.

Rồi thản nhiên sai hỏa bát nhang
Và thiêu bài vị — kéo màu tang
Càng lâu càng xúi cho gia vận.
— Từ đó mồ ai rặt cỏ vàng.

*

Một mảnh tình (?)

Đôi lứa phương tâm, một mảnh tình.
Như trăng, vàng mở vện gương trinh
Chén sen ráo miệng, thề pha lụy ;
Quạt trúc trao tay, ước lỗi hình.

Gió trái luống gào duyên cự nự, ng,/
Dây oan chỉ riết chỉ kim sinh !
Say ngủi, ta đốt tương tư thảo,
Bóng khói qua mây, lại nhớ mình...

(Trích trong truyện *Lá quạt hoa quỳ*,
Tiểu thuyết thứ bảy
số 416, ngày 6-6-1942)

*

Ngậm ngùi cớ sự

Lảo đảo năm năm lệ mấy hàng,
Ngậm ngùi cớ sự, bóng lưu quang.
Cuối thu, mưa nát lòng đau biên,
Ngày muộn, chuông đau chuyện đá vàng.

Chấn ngấn nhân tình, sâu ngất ngất,
Già teo thân thể, hận mang mang...
Hẹn cùng trời đất mòn xuôi ngược,
Chí lớn không đầy nửa tấc gang.
(Tiểu thuyết thứ bảy)

*

Vạn lý trường thành (1)

Trăng thắm nghìn đêm lệ chữa khô,
Nghìn muôn vợ trẻ nhớ trai phu.
Đầy kinh, sương muện mang tang tóc,
Chia khắp lòng dân oán tóa mờ...

Mưa rửa nghìn đêm máu chữa phai,
Nghìn muôn trai tráng sống còn ai ?
Trăm thân già héo, trăm chiều xế,
Lặng kiếm hồn con xuất ải dài...

Những xóm thanh bình khói bếp thừa ;
Miếng chiều thay sớm , mớm con thơ,
Nàng dâu gầy vớ nuôi thân lão,
Nhịn đói chờ lương kẻ thú phu.

Có những sơn thôn hết cả trai.
Già thường quán dịch lẻ Khâm-sal.
Đăm người già trẻ ca vương ý,
Cười đề thăm chôn tiếng khóc dài.

Hỡi ôi ! Huyết hãn triệu lê dân,
Chất lại ngoài biên một triệu lần,
Xây trọn Trường-thành muôn dặm vững,
Thì muôn trường hận đắp càng cấm !

1) Đây là bài thơ trình bày quan niệm nhân đạo, yêu chuộng hòa bình và chống bất công áp bức.

Ở đây, đây vết một kỳ công
 Của quốc vương này cất núi sông.
 Với quốc vương kia thời buổi đó,
 Ngai vàng đúc bởi máu Trinh-trung.
 Cửa ải xa xa, cửa ải gần,
 Chiều soi bóng nhạt, đám tàn dân.
 Trong đời sống sót còn than oán,
 Kiếp vạn cô hồn kiếp vạn xuân.
 Nghìn thu đi vút có nghìn tang,
 Chia với thành xưa dấu vết tàn..
 Ngoại khách ngậm ngùi tìm cổ cảnh ;
 Mấy tầng đồ nát mấy tầng hoang !
 Đất đá không bền đề kỷ công,
 Đến giờ thiêu huỷ với non sông.
 Họa ra, còn sót mười nền gạch,
 Hát với Càn-khôn nắm bụi lòng !
 Ta hỏi : nghìn xưa, đem máu xương
 Đắp Trường-thành đề vừng ngai vương.
 Nhà Tần cũng mất ? và sau đó,
 Vô dụng, thành kiên cũng đoạn trường !
 Và cả Trung-hoa vỡ tựa bình.
 Đến giờ quốc hận máu còn tanh.
 Mà nguồn huyết lệ sao nhân loại,
 Tươi mãi không ngừng vạn chiến tranh.

*

Chào Hương-sơn

Thôi chào tất cả non Hương !
 Thôi chào, ôi, tiếng tằm thường mà đau !
 Một phen tri kỷ cùng nhau,
 Khói sương trời đã nhuộm sầu thời gian.

Rượu khuây, giấc tỉnh canh tàn,
 Sóng sông như đội vô vàn nhớ thương...
 Thôi chào tất cả non Hương !
 Thôi chào, ôi, tiếng tăm thường mà đau !
 Chia tay, còn vẩn bóng sầu,
 Mắt xanh ai giữ được màu thời gian ?
 Sóng sông róc rách khuya tàn,
 Lạnh nghe thồn thức hơi dân biệt ly...
 Ngàn xuân đẹp lắm làm chi,
 Quan san ngơ ngẩn đường về cho ai !
 (Tiếu thuyết thứ bảy, số 416, 6-6-1942)

*

Tráng ca

Sinh ta, cha ném bút rồi,
 rùng nhò tàn rụng cho đời sang xuân.
 Nuôi ta, mẹ héo từng năm,
 vắt bầu sữa cạn tê chân máu gầy.
 Dạy ta, ba bày ông thầy,
 gương dài sách rộng, biển đầy núi vơi.
 Nhà ta cầm đợ tay người,
 kếp bông dâu áo, ngọt bụi dâu cơm ?
 Chông gai đời đại làm khôn,
 ba vòng, vòng sếu liệng tròn lại bay...
 Bông hoa chu giáp (1) vắn xoay,
 cánh vàng non nửa dài gầy tả tơi...
 Chữ Nhân sáng rực sao trời,
 đường xe mở rộng chân người bước xa...
 Bọn ta một lớp lửa nhà,
 chao hàng cơm chợ ngồi ca lúa đồng,

1. Chu giáp là một vòng tròn 60 năm.

Hây hây tóc óng từng vòng,
 gió nào là gió chẳng mong thời lùa !
 Trường-dinh (1) phá bĩ từ xưa,
 đất này sạch khí tiền đưa cay sê.
 Bốn phương tản mát bạn bè,
 nhớ nhau hẹn quả mùa hè gặp nhau.
 ... Rằm trời chớp giạt mưa mau,
 lửa đèn chớp chói, khói tàu mù u,
 bốn phương đây bạn đó thù
 hiệu còi xoáy lộng bản đồ năm châu.
 — À, cơn thảo muội bắt đầu,
 tuổi xanh theo gió ngậm câu dậm dài :
 Thét roi lạng sức ngựa tài,
 coi trong cuộc rối tìm người chờ mong...
 Trai lặn dạn, gái long dong,
 chờ mong khắc khoải, nản lòng dăm ba ;
 Nẻo về gốc mẹ cỗi cha,
 thuyền ai nặng chở món quà đắng cay !
 Từng nơi xống áo trùng tay,
 gió thu thổi bạc một ngày lòng son ;
 Từng nơi cơm trấu áo rơm,
 mưa xuân nhuốm tái mấy cơn mặt vàng.
 Vượn kêu ruột buốt trên ngàn...
 Nhưng, thôi ! Sao việc đã tràng lăm theo ?
 Nặng cho vang tiếng chuông chiều,
 thà đem sức sớm đánh kêu trống đình ;

(1) Trường dinh là chỗ người xưa thường đặt tiệc rượu tiễn nhau lên đường.

Thở phù hơi rượu đua tranh,
 quăng bay chén khói tan thành trời mưa.
 Dặm dài bến đón bờ đưa,
 thuyền ai buồm lái giúp vùa vào nhau,
 Kia kìa lũ trước dòng sau,
 trăm sông rồi cũng chung đầu đại dương.
 (Tiểu thuyết thứ bảy, số 6, 11-1944)

*

L u u b i ệ t

Tiệc này đêm cuối mai chia ly
 Anh cố lưu tôi cố ích gì
 Đời người say tỉnh được bao dịp
 Xin cạn chén rượu đề tôi đi
 Đau tình không xót bằng đau nghĩa
 Tay gầy cũng nắm chén vô tri
 Mắt xanh cùng gửi ngoài mưa gió
 Lòng không cùng sống với cầm thi
 Rượu xuân càng đậm cay mùi cũ
 Cớ nhân càng biết cười phân kỳ
 Gió lên ! gió lên ! càng yếu tất
 Con chim còn đỗ lại làm chi
 Đất trời rộng quá tôi không chịu
 Cắm chặt sông đây một cánh bè
 Rót rượu ra anh tôi muốn uống
 Cực kỳ trong sạch, cực say mê
 Sáng mai qua bến Ninh-cơ lạnh
 Sẽ thấy se lòng trận gió tê
 Giọng đàn lưu luyến làm chi nữa
 Tôi quyết đi rồi, tôi phải đi.

*

Ngược gió

Trời hơi ! Mai ngày tôi phải đi
Thơ này rồi chẳng đọc ai nghe
Đời nhiều nhưng có dăm người bạn
Thì viễn ly không hứa hẹn về

Tuổi lệ nhằm nuôi những nhớ thương
Lòng thành chim chích hoặc hoa đơn
Gọi hoài... Nhưng có dăm trinh nữ
Cũng đã dâng chồng hết phần hương

Ngõ cũ đôi hàng gió ngả soan
Lòng quê đợi lúc lắng giờ tan
May còn cô lão dăm dầu bạc
Xót lữ dẫu xanh, lặng mắt vàng

... Mà đọc thơ già tiễn trẻ đi
Càng nghe trầm giọng, da càng se
Ngày mai ngược gió tôi xin ngược
Ai có quan tâm gọi trở về

Trời hơi, ngày mai ngày mốt thôi
Ngày mai cây đặng nhất ly bôi
Ngày mai có những tay tàn ác
Cướp của tôi đi hết mọi người.



Phụ-lục:

NGHI ÁN T. T. KH. và THÂM-TÂM

ĐỀ bạn đọc rộng đường suy luận, chúng tôi xin mạn phép trình bày « Nghi án T. T. Kh. và Thâm-Tâm » như sau :

- 1) Nam : Thâm-Tâm Nguyễn tuần Trình.
- 2) Nữ : T. T. Kh.

Ngày 27 tháng 9 năm 1937, *Tiểu thuyết thứ bảy* nhân đăng truyện ngắn *Hoa ty-gôn* của ông Thanh-Châu, chẳng bao lâu, tòa soạn nhận được bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn* dưới bút hiệu T. T. Kh. Rồi sau này tiếp thêm hai bài thơ : *Bài thơ thứ nhất*, *Bài thơ cuối cùng* đều ký bút hiệu T. T. Kh.

Rồi người ta tiếp nhận được những bài thơ của thi sĩ

Thâm-Tâm: *Màu máu ty-gôn* (gửi T. T. Kh., tác giả bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn*), *Dang dở* (tặng T. T. Kh.), *Gửi T. T. Kh.*

Điềm làm sôi nổi dư luận là:

1) Thi phẩm của T. T. Kh. cũng như của Thâm-Tâm đều là những bài thơ gợi cảm.

2) Sự ẩn tích của T. T. Kh.

Một dấu hỏi to tướng được nêu ra: — T. T. Kh. là ai???

— T. T. Kh. là Thâm-Tâm?

— T. T. Kh. là Thâm-Tâm-Khánh?

— T. T. Kh. là Tuấn-Trình-Khánh?

— T. T. Kh. là Trần thị Khánh, người tình của Thâm-Tâm?

— T. T. Kh. là nhân vật do Thâm-Tâm dựng lên nhân đọc truyện *Hoa ty-gôn* của ông Thanh-Châu?

— T. T. Kh. là một đệ tam nhân nào đó, không phải là Trần thị Khánh, nhân tình của Thâm-Tâm?

Nhân chứng:

1) Ông Giang-Từ thuật lại cuộc gặp gỡ giữa ông với thi sĩ Tế-Hanh vào tháng 11 năm 1944 trong chuyến xe đi Quảng-ngãi: « *Tế-Hanh cho biết T.T.Kh. chính là Trần thị Khánh, người em gái đồng tông với mình ở Thanh-hóa, và kể rõ thiên tình hận giữa nàng và thi-sĩ Thâm Tâm.* »

2) Ông Thạch-Hồ cho biết: « *T. T. Kh. là một nhân vật có thật, đã đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm-Tâm ở phố Khâm-thiên lúc ông này cùng ở chung với Nguyễn-Bính và Trần-Huyền-Trân.* »

3) Trong *Thi tuyển 1* của nhà xuất bản Ly Tao, ông Y-Châu nói: « *Có dư luận cho rằng T. T. Kh. là một người thật, đã có đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm-Tâm tại ngôi nhà của Thâm-Tâm ở phố Khâm thiên.* »

4) Ông Nguyễn bá Thế tức là nhà văn Thế-Nguyên cho biết: « *T. T. Kh. không ai xa lạ, chính là Thâm-Tâm-Hà, nhà văn kiêm thi sĩ Thâm Thệ-Hà tên thật là Tạ thành Kinh, « T. T. » là « Tạ Thành », còn « Kh. » là do chữ « K » ở đầu và chữ « h » ở cuối chữ « Kinh » ghép lại.* »

Về việc này, ông Thạch-Hồ, (trong *Triều sóng xanh* tập 1) như muốn giải tỏa sự thắc mắc vội kêu : « *Chúng tôi thiên nghĩ đã đến lúc ông Thâm-Thệ-Hà nên lên tiếng.* » Rồi ông thêm : « *Chúng tôi cũng như các bạn, những người yêu T. T. Kh., đau xót, ngổ ngàng* » khi biết T. T. Kh. chính là một người đàn ông ! »

5) Một dư luận cho rằng : « *T. T. Kh. đi lấy chồng, một người giàu có mà nàng bằng lòng, rồi không thương Thâm-Tâm nữa.* »

6) Trong bài *Thâm-Tâm muốn đi theo con đường lãng mạn của Arvers?* đăng trên tạp chí *Giáo dục phổ thông* số 49 ngày 1-11-1959, ông Lê công Tâm cho biết T. T. Kh. chính là thi sĩ Thâm-Tâm, người đã dàn cảnh một thiếu phụ bị ép duyên, khóc tình dang dở bằng *Hai sắc hoa ty-gôn* và *Bài thơ thứ nhất*.

7) Trong mục *Bạn đọc viết, Phổ thông* số 28 ngày 15-2-1960, — đề trả lời ông Phạm trọng Tuy ở Cao-lãnh. — đã phủ nhận điều trên, cho biết lúc còn ở Hà-nội, quen rất nhiều với Thâm-Tâm khi ông này ở Chợ Hôm, nhưng chưa bao giờ được nghe Thâm-Tâm nhắc đến T. T. Kh. Có lẽ Thâm-Tâm rất ngạc nhiên khi nghe người ta gán cho mình cái tên T. T. Kh.

8) vẫn vẫn (còn nhiều tài liệu tương tự, rất tiếc bị thất lạc trong thời khói lửa) và bao nhiêu người yêu thơ hằng lưu tâm đến « *Nghi án T. T. Kh. và Thâm-Tâm* » đều cho rằng T. T. Kh. là Trần thị Khánh, tình nhân của thi sĩ Thâm-Tâm.

Thời gian 30 năm trôi qua, vụ án nay được đem ra « xử » lại vì có thêm một nhân chứng quan trọng, chúng tôi xin trình bày như sau :

*

Phá vỡ « *Nghi-án T. T. Kh. và Thâm-Tâm* » ??

Khi vừa viết xong phần thi-sĩ T.T.Kh. và Thâm-Tâm, chúng tôi bắt được thêm tài liệu, một thiên ký sự của ông Nguyễn-Tổ đăng trong báo « *Sống* » ra ngày 15-4-67 dưới nhan đề : *Những ngày sống với thi-sĩ T. T. Kh. , Hai sắc hoa ty-gôn.*

Tác giả viết:

Năm 1936! Bọn chúng tôi gồm năm thanh niên, chưa tên nào quá 25 tuổi. Cả năm gã đều có máu nghề sĩ giang hồ. Vì mang trong huyết quản dòng máu nghề sĩ ưa tự do, nên đều bỏ cả thầy, xa bạn khi đang học chưa hết chương trình Đại-học. Gã thứ nhất, người tầm thước, da ngăm ngăm, răng vầu, ngoài các tài viết văn, làm thơ, gã ca sáu câu vọng cổ rất mùi, thêm vào đó cái tài đánh đàn nguyệt. Gã tên thực là Trần Kim, sau này gã lấy bút hiệu là Trần-Huyền-Trần thường ký dưới những bài thơ tình cảm đăng trên báo Tiểu thuyết thứ bảy và nguyệt san Ích hữu thời đó. Gã thứ hai là Vũ trọng Can, người mảnh khảnh, cao hơn Trần Kim cái đầu, vì anh có mớ tóc bông bành như tở quạ, hai mắt to, tròng trắng to hơn tròng đen. Vũ trọng Can có tài viết truyện dài xã hội. Lòi văn sắc bén, chấm biếm như văn Vũ trọng Phụng. Gã thứ ba là Nguyễn tuần Trình người bé nhỏ, loát choắt, chuyên viết truyện ngắn tâm tình, lấy bút hiệu là Thâm-Tâm, ngoài tài viết kịch, làm thơ, gã còn là một họa-sĩ trình bày báo rất cừ.

Thâm-Tâm còn mấy bài thơ dưới ký T. T. Kh. như Hai sắc hoa ty-gôn. Tại sao lại T. T. Kh. là Thâm-Tâm hay Tuần-Trình và Kh. là Khánh! Lúc đó Khánh là người mà Thâm-Tâm yêu đến say đắm. Bởi vậy tới khi Khánh đi lấy chồng thì Thâm-Tâm đau khổ gần phát điên. Lũ chúng tôi vừa riếu cợt vừa khuyên lơn, an ủi tới nửa năm trời, sau Thâm-Tâm mới khuấy khỏa nỗi buồn. Chính trong thời gian thất tình Thâm-Tâm đã viết được mấy Bài Thơ giá trị lấy bút hiệu T. T. Kh.

Có lẽ sự nghiệp văn chương của Thâm-Tâm đáng kể nhất ở mấy bài thơ này? Rồi thời gian trôi nhanh, mấy bài thơ ký T. T. Kh. được các nhà phê bình gia chú ý, các độc giả yêu thơ tán thưởng nhưng không mấy ai biết rõ xuất xứ. Mấy bài thơ tha thiết vì «trái tim vỡ với hoa ty-gôn» thật lâm ly, tác giả nó là ai? Phụ nữ hay nam nhi? Trên buổi phát thanh thi phẩm Tao Đàn, bạn Đình Hùng, cô Hồ-Điện đã ngấm đi ngấm lại nhiều lần. Song, cũng chỉ biết tác giả là T. T. Kh. thôi.

Với thiên hồi ký ngắn này, tôi xin nói lên một sự thật, ngõ hầu làm sáng tỏ một vấn đề đã ngót hai chục năm trời với cái xuất xứ mờ mờ. Hơn nữa để đáp lại tấm thanh tình tri kỷ giữa tôi và Nguyễn tuần Trình tức Thâm-Tâm tự thuở thiếu thời.

Khi tôi hồi cư về Hà-nội, sau 18 tháng trời tản cư khắp miền Việt Bắc, tôi nghe tin Thâm-Tâm cùng Trần-Huyền-Trần chạy vào khu Văn-hóa của V. C. ở Phú thọ. Sức Thâm-Tâm quá yếu, lại mắc chứng đau tim nên anh đã từ trần sau mấy ngày cơn bệnh tái phát. Năm đó là năm 1948, Thâm-Tâm vừa đúng 35 tuổi.»

Thiên ký sự này còn cho biết gã thứ tư trong bọn năm người — họ cho là «ngũ hồ» — là Nguyễn Tố (tác giả đoàn thiên này), gã thứ năm là Bùi huy Phồn, một cây bút chuyên viết về thi ca trào phúng.

Và «con người vườn Thanh» mà trong *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh — Hoài-Chân đã đề cập, tác giả thiên ký sự đã tả miêng vườn ấy như sau :

«Cho nên, những lúc nhàn rỗi hay cần suy nghĩ, chúng tôi thường tản bộ vào vườn Thanh-giám. Nơi đây, quanh năm um tùm có bóng mát của hàng ngàn cây cổ thụ... Trong vườn Thanh-giám có chừng hai trăm tấm bia lớn, mỗi tấm đều đặt ngay ngắn trên lưng một con rùa đất. Trên tấm bia ghi tiểu sử và công nghiệp của các vị tiền bối trong giới Văn-học. Lâu ngày quá, rêu đã phủ kín, trông các tấm bia đã phẳng lì. Nhưng nếu lấy một nắm lá cây tươi lau kỹ thì các dòng chữ Hán sẽ hiện rõ. Đại khái đầu mỗi tấm bia đều có khắc Trần triều đệ ngũ niên, đệ tam nguyệt, thập lục nhật Tấn-sĩ Nguyễn v.v... Giữa vườn Thanh-giám là nhà Thái-miếu lập ra từ đời nhà Lý. Thái-miếu thờ Đức Khổng-Phu-Tử và dưới là các vị Đại-thần khoa bảng của nước nhà từ khi lập quốc đến thời nhà Nguyễn... Và từ khi bỏ thi cử về Hán-học thì Thái-miếu mới không nhận thêm một tấm bia nào nữa. Bấy giờ Pháp thuộc thì vườn Thanh-giám bị đầy lui vào «cổ tích».»

Nhưng theo tài liệu của ông Anh-Đào đăng trong *Nhân loại* bộ mới số 108 tháng 7 năm 1958 (Sài-gòn) dưới tiêu đề «Hai sắc hoa ty-gòn» như sau :

«Năm 1941... Một đêm cuối thu lạnh lẽo về trên miền Bắc-Việt, Nguyễn-Bính và Thâm-Tâm nằm đối diện với nhau trong một căn lầu nhỏ, phố Mã máy, Hà-nội.

Tôi ngồi giữa hai chàng.

Sự cố nhiên là nàng tiên nầu đón tiếp chúng tôi. Lát sau hương rầu thơm ngát cả cả phòng có vẻ ấm cúng mà hai chân tôi thì lạnh lẽo vô cùng...

Thâm-Tâm, con người bé nhỏ với đôi mắt mơ màng mà bây giờ đã hóa ra người thiên cổ, nhân một chuyện thơ nói về T. T. Kh. : (lời Thâm-Tâm) « T. T. Kh. là tên một thiếu phụ mà trước kia tôi yêu ».

T. T. tức là Thâm-Tâm, hay Tuấn-Trình cũng thế (Thâm-Tâm có một tên nữa là Tuấn-Trình) và Kh. là Khánh, T. T. Kh. muốn đặt tên T. T. để nhớ con người cũ : Thâm-Tâm.

Thật tôi không ngờ đêm ấy tôi lại ngồi đối diện với con « người ấy » của T. T. Kh. Sau đó một « bài thơ thứ ba » của T. T. Kh. nhan đề là Bài thơ cuối cùng đã được in ra, mà lời thơ lại chưa chót hơn hai bài trước.

Thâm-Tâm bỗng cất tiếng cười, hỏi tôi :

— Anh có hiểu vì sao lại có Bài thơ cuối cùng không?

Tôi lắc đầu, Thâm-Tâm nói tiếp :

— « Có một hôm Khánh (T. T. Kh.) làm xong bài thơ Đan áo cho chồng » đưa cho người bạn gái thân nhất đời của nàng xem. Cô bạn gái đó tên là Tuyết. Bài thơ ấy cố nhiên là chứa một niềm cay đắng của tâm hồn nàng ! Có riêng Tuyết là hiểu cuộc đời đau đớn của chúng tôi, nên Tuyết được « hân hạnh » đọc nổi lòng thâm kín của chúng tôi. Đọc xong bài thơ Đan áo cho chồng, Tuyết trao tôi xem. Tôi thấy bài thơ đó hay, liền đăng vào báo Phụ nữ thời đàm (hồi ấy xuất bản tại Hà-nội)...

Đột nhiên Khánh (Kh.) thấy bài thơ không định đăng báo của mình lại in trên tờ Phụ nữ thì lấy làm bất mãn và đau khổ vì lúc nay chồng Khánh đã hành hạ Khánh vì ghen với « người ấy » của Khánh. Vì vậy Bài thơ cuối cùng được in ra.

Tôi nghe Thâm-Tâm nói cũng có lý, mà kể về phương diện tình thần thì Thâm-Tâm quả là con người mơ mộng, có biệt tài làm thơ, về nữa, thực là xứng đáng là « người ấy » T. T. Kh. »

Thêm vào nữa, tài liệu trên báo Chuông mai, ông Tân-Đạt Dân còn cho biết T. T. Kh. lại có bài thơ Trả lại cho đời cánh loa tìm làm sau khi hay tin thi sĩ Thâm-Tâm qua đời :

«T...hỡi, người yêu của tôi ơi!

Hồn thiêng anh ở tận phương trời

Biết chăng muôn thuở tình câm hận,

Tình chết em mang lại cõi đời.»

Tài liệu thế này, thế kia, lắm lúc đối chọi nhau, khiến chúng ta không còn biết đâu là lai lịch của người thiếu phụ bí mật T. T. Kh. nữa. Ba mươi năm trôi qua, với thời gian dài đằng đẳng ấy nghi án chẳng những đã không giải phá nổi mà còn đi đến chỗ chần chịt, rối bòng.

Người ta đã không bảo: *«Cứ ôm mãi lấy mumny (Anh ngữ: xác ướp) rồi cũng có ngày hóa thành mumny»*. Vậy chúng ta hãy thoát khỏi cái không khí ngột ngạt đó.

Với mục đích thu lượm tài liệu đề bổ túc vào hồ sơ «Nghi án T. T. Kh. và Thâm-Tâm», chúng tôi xin nhường quyền nhận định cho các bạn.

•

Riêng chúng tôi nghĩ:

Đối với dư luận: *«T. T. Kh. là chiết tự tên Tạ thành Kinh tức Thâm-Thệ-Hà»* của nhà văn Nguyễn bá Thế.

— Sau 30 năm người ta đã tốn nhiều giấy mực, lặn lội kiếm tìm người thiếu phụ T. T. Kh., rốt cuộc chỉ là công dã tràng trên bãi cát. Người ta đâm ra hoang mang vì thất vọng. Mọi móc lại trong đầu óc, cho dù xa xôi ở tận miền Nam này, cố nhớ xem có người làm văn thơ nào mang cái tên hội tụ được những chữ T. T. Kh., và người ta vô được tấm ván Tạ thành Kinh như hy vọng cuối cùng của một kẻ đang chơi với giữa dòng sông. Thế mà ông Thạch-Hồ vội than thở là đã «đau xót, ngờ ngàng khi biết T. T. Kh. chính là một đàn ông» chứng tỏ ông là một tâm hồn yêu chuộng vẻ đẹp huyền mơ mà hay sợ sệt một sự thật chưa chắc.

Rồi như muốn giải phá nỗi sâu bi vương vấn trong lòng, ông còn muốn «ông Thâm-Thệ-Hà nên lên tiếng».

Thấy lời kêu gọi thiết tha của ông Thạch-Hồ, chúng

tôi đã chịu khó đi hỏi ông Thâm Thệ-Hà và được ông này trả lời « không thừa nhận việc đó ». (Nhà văn kiêm thi sĩ Thâm-Thệ-Hà hiện nay dạy học tại quận lỵ Trảng-bàng Hậu-Nghĩa) và hàng tuần có về Sài-gòn.

Cho nên dù chưa một ai đủ tài liệu chứng minh hay đủ thẩm quyền xác nhận T. T. Kh. là Y, X, Z, chúng tôi nghi thi phẩm mang tên T. T. Kh. là do một người đàn bà làm ra, vì nó là tiếng than nức nở độc đáo và tế nhị của nữ tính xuất phát từ đáy lòng khi ta có sự nhận xét sau đây, tiếng than của nam giới thì trầm buồn, còn của nữ giới thì bi thiết.

•

Đối với dư luận « T. T. Kh., đi lấy chồng giàu có mà nàng bằng lòng, rồi không thương Thâm-Tâm nữa ».

Không uống rượu, không thể say ; không đắm đuối trong yêu đương, không thể dẹt nên những vần thơ lâm ly về tình ái. Thi phẩm của T. T. Kh. là tiếng lòng của một linh hồn đau khổ, héo hắt khi mộng tình tan vỡ, nàng kêu lên để thổ lộ duyên phận với người đời. T. T. Kh. đâu phải là thợ thơ mà phải dối trá lòng mình (nói rằng nàng đang có người chồng vừa ý) để cấu tạo những vần thơ bi thiết. — Mà như thế để làm gì ? — Khoe danh à ? — Vô lý ! vì T. T. Kh. đâu cho ai biết hình dạng ra sao. Cả bút hiệu (hay tên viết tắt cũng thế) nàng vẫn giấu người.

Thi sĩ là phát ngôn viên tiếng nói của lòng, hay ít ra cũng phải cảm thông lòng qua lòng, nhiên hậu mới dẹt thành vần thơ chân thật và rung cảm. Nó là yếu tố bắt buộc để nâng giá trị sáng tác phẩm. Bằng không, bài thơ « sản xuất » chỉ là cái xác không hồn.

Bốn bài thơ của T. T. Kh. là bốn dòng nước mắt trào tuôn trong những phút giây xúc động vì tan vỡ mộng tình. Trút ra được bốn dòng lệ, T. T. Kh. như đã vơi được ngọn trào lòng ; rồi nàng im bật. Mà còn biết nói gì nữa đây khi đã nói tất cả rồi. *Bài thơ cuối cùng* là một báo hiệu sự ráo lệ, một vết thương đã hãm được máu loang.

Đối với dư luận khá mạnh mẽ cho rằng : « *T. T. Kh. là Thâm-Tâm* ».

— Chúng tôi nghĩ, nếu xét về yếu tố tình cảm, ta nhận thấy không một tình cảm nào phát sinh mà không có đối tượng. Hi, nộ, ái, cụ, ái, ố, dục đều phải qua một giao cảm rồi phản ứng mới nảy sinh. Nếu bản năng thi sĩ Thâm-Tâm tự tạo cho mình một mẫu người yêu đề tưởng tượng thì thật mơ hồ vì đã gạt bỏ qui luật giao cảm với đối tượng. Làm sao Thâm-Tâm tạo cho mình một tình cảm say sưa, tha thiết, một tuyệt đỉnh yêu đương mà không bị đối tượng bên ngoài kích thích ? Thâm-Tâm không thể sống cùng một lúc hai trạng thái tâm hồn đối chọi của hai giống khác biệt : nam và nữ.

Như vậy *T. T. Kh.* không phải là sản phẩm tưởng tượng của Thâm-Tâm, cũng không phải là Thâm-Tâm, mà chính là đối tượng của Thâm-Tâm, hay nói đúng hơn, một thần tượng yêu đương của Thâm-Tâm đã đưa Thâm-Tâm vào biển mộng.

Cho nên bảo rằng *T. T. Kh.* là Thâm-Tâm, tức là chúng ta thừa nhận một giả tạo kỳ quái của tâm linh mà những nhà thần học không sao cắt nghĩa được.

Bởi lẽ đó, chúng tôi cho rằng dù *T. T. Kh.* là Trần thị Khánh, *T. T. Kh.* là Thâm-Tâm, v v... sự quyết định tách bạch ai là tác giả những bài thơ gọi cảm ; tình sử tuy có đau thương, nhưng nó mang lại cho người đọc một cảm giác lâng lâng thích thú như phủ bạn bằng một lớp sương mù mát lạnh làm dễ chịu tâm hồn ; cứ dễ được ngắm mình trong cái không khí chơi vui, huyền ảo mà không bao giờ muốn tỉnh mộng đẹp để biết trên thực tế *T. T. Kh.* là ai ?? !!

Dù muốn dù không, văn học sử cũng đã ghi :

- 1) *Hai sắc hoa ty-gôn,*
- 2) *Bài thơ thứ nhất,*
- 3) *Bài thơ đan áo,*
- 4) *Bài thơ cuối cùng*

là của *T. T. Kh.*, và

1) *Màu máu ty-gôn,*

2) *Dang dở,*

3) *Gửi T. T. Kh.*

là của Thâm-Tâm.

Thâm-Tâm và T. T. Kh. đều là thi nhân nổi tiếng trên thi đàn Việt-nam. Thơ của Thâm-Tâm và T. T. Kh. có vẻ đẹp bề túc cho nhau và cảm thông như đôi tri kỷ. Cố gắng chứng minh T. T. Kh. là Thâm-Tâm, thơ của T. T. Kh. là thi-phẩm của Thâm-Tâm, chúng ta vô tình xóa mất trên thi đàn Việt-nam một thi tài có những vần thơ rung cảm, dễ mến; điều ấy là sự thiệt thòi cho nền văn học đất nước vốn đã hiếm kém thi nhân.

Phương chi, bạn yêu thơ đâu chỉ ái mộ Thâm-Tâm qua những bài tình cảm lâm ly, kho tàng của Thâm-Tâm còn những viên ngọc quý khác.

Cứ đề những thiên tình sử còn gửi mãi tính chất đẹp đẽ, huyền ảo của nó mà đừng bao giờ phá vỡ mộng.

•

Ý nghĩ sau cùng của chúng tôi. Chúng tôi kêu gọi những người làm văn nghệ, đã trên 30 năm sự thử thách tài sức đã gần tàn một thế hệ, chẳng những chưa phát giác được tung tích hay điều gì chính xác về con người T. T. Kh. mà còn đưa ra lắm giả thuyết xa dần mục tiêu; giấy mực đã tốn nhiều, và bao công lao tìm kiếm người thiếu phụ với mục đích duy nhất là tìm một tác giả cụ thể cho một tác phẩm diễm tình. Thế thôi!

Cái hình bóng người con gái vườn Thanh độ nọ dù có mang theo vẻ đẹp sâu bi của nàng Bao-Tự, hoặc đôi nét nhân đau đăm đuối của nàng Tây-Thi, một phần ba thế kỷ qua, đến giờ này hình thể có còn chẳng nữa, những người thích mơ mộng bóng sắc cũng chỉ bắt gặp một thực tế náo nê như trên con người của chàng Trương-Chi xấu xí trong giấc mộng tình mà người ta cố thực hiện trước mặt nàng Mỹ-nương.

Trong văn học sử nước nhà còn nhan nhản những sai

lâm trọng đại đang mong mỗi ở công phu sưu tầm đề kiếu chính hầu đóng góp lợi ích vào nền giáo dục hiện tại.

Chúng tôi đã mồi một với những tài liệu trảng giang đại hải về T. T. Kh. ; người ta đã nói nhiều, nhai đi nhá lại, lần quần cũng ngần ấy chuyện, không thoát khỏi lối bí như lạc vào mê cung khiến kẻ sẵn tìm đồ dẫn và người đang ngóng nghe tin tức bỗng trở thành những tín đồ của đa thần giáo.

Chúng tôi xin dừng ở đây và khép hồ sơ nghi án nói trên.

(Ấn bản kỳ nhì, 20-7-1968)



VŨ HOÀNG CHƯƠNG

VŨ HOÀNG CHƯƠNG sinh ngày 5 tháng 5 năm 1916, tại tỉnh Nam-định (Bắc-phần).

Năm 1930, Vũ hoàng Chương theo học ban Trung-học Pháp tại trường Trung - học Albert Sarraut Hà - nội ; bảy năm sau (1937) thi đỗ Tú-tài Pháp. Sau đó họ Vũ theo học Đại-học Hà-nội, ngành luật khoa.

Năm 1939 Vũ hoàng Chương thôi học, ra làm phó kiểm soát sở Hỏa-xa Đông-dương ; cũng bắt đầu năm này họ Vũ bước vào thi đàn Việt-nam.

Năm 1940, Vũ hoàng Chương cho ra đời thi phẩm đầu tay của mình là tập Thơ say, do nhà in Cộng Lực ấn hành (Điểm đáng lưu ý là sự xuất bản tập thơ đầu tiên của Vũ hoàng Chương cũng giống trường hợp Tập thơ đầu của thi sĩ Nguyễn-Vỹ. Ta hãy nghe Vũ-quân tâm sự với thi sĩ Bằng bá Lân về lý do sự

xuất hiện tập thơ nói trên : « Thơ tôi làm khá nhiều và đã từ lâu, nhưng chưa hề có ý định in. Tại Lưu trọng Lư có nợ tôi ít tiền, y không trả được liền gán cho tôi số giấy bản mà y đã trữ tích để in thơ. Thế là bỗng tự nhiên tôi có giấy lại sẵn thơ, vì vậy *Thơ Say* ra đời ». (Lại Lưu trọng Lư ! Lại thiếu nợ nữa ! Sao lăm nợ thế ? Nhưng xét cho kỹ, nhờ « động cơ tài liệu nợ » và thiện chí trả nợ của Lưu trọng Lư thúc đẩy khiến chúng ta sớm được thưởng thức những vần thơ của hai thi nhân tên tuổi : Vũ hoàng Chương và Nguyễn Vỹ).

Năm 1941, Vũ hoàng Chương thôi làm sở Hòa-xa để tiếp tục sự học, nhưng lần này họ Vũ lại theo ban Đại-học Khoa-học.

Năm 1942, lại nghỉ học, Vũ hoàng Chương xuống Hải-phòng dạy học. Trong thời gian này họ Vũ cùng với Nguyễn-Bính và Chu-Ngọc thành lập ban kịch lấy tên Hà-nội. Và Vân-Muội (của Vũ hoàng Chương) là vở kịch đầu tiên được trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà-nội đêm 12-12-42.

Đến năm 1943, Vũ hoàng Chương cho in thi phẩm thứ hai của mình mang tên *Thơ mây*, do nhà Đòi Nay Hu-nội ấn hành.

Năm 1944, nhà thơ họ Vũ lại cho xuất bản kịch thơ Trương-Chị, gồm 3 kịch thơ ngắn là Trương-Chị, Vân-Muội, Hồng-Đệp.

Năm 1945, giai đoạn này chiến tranh chống Pháp của nhân dân nổi dậy quá rộng lớn, khắp nơi tràn ngập khói lửa. Vũ hoàng Chương tản cư về dạy học ở Thái-bình (1946). Mặc dù chiến cuộc đang hồi ác liệt nhưng Vũ hoàng Chương vẫn sáng tác và cho ra đời tập *Thơ lửa* cùng viết với nhà thơ đồng quê Đoàn Văn Cừ, tập thơ này do Cơ-quan Kháng-chiến khu 3 xuất bản, năm 1947.

Năm 1950, chiến tranh tạm lắng dịu, Vũ hoàng Chương hồi cư về Nam-dịnh dạy học và tiếp tục sáng tác thơ.

Đến năm 1951, ông cho ra đời một vở kịch thơ khác nhan đề *Tâm sự kẻ sang Tần*.

Năm 1952, *Thắng Cuội* là một vở kịch thơ khác nữa được ra mắt. Cả hai đều trình diễn trên sân khấu Hoa Quỳnh kịch xã.

Đến đây tình thế đất nước lại thay đổi, quân Pháp triệt

thời khỏi Việt-nam. Vũ hoàng Chương cùng một số văn nghệ sĩ di cư vào Nam.

Tác phẩm đầu tiên của nhà thơ họ Vũ tại miền Nam là thi phẩm Rừng phong được chào đời năm 1954 do nhà Phạm văn Tươi xuất bản.

Mãi đến năm 1959, Vũ hoàng Chương mới cho ra đời thêm một tác phẩm khác là Hoa đăng do Văn Hữu Á-châu xuất bản; cũng năm này Vũ hoàng Chương được cử đi dự Hội nghị tui ca quốc tế tại Bỉ.

Năm 1960, ông cho tái bản hai tập thơ Mây và Say cùng in chung một, dưới tựa sách Mây do chính tác giả xuất bản. Đồng thời cho in tập thơ Cảm thông mà nội dung được ông Nguyễn Khang dịch ra Anh-văn và tái bản tập Vân - Muội do nhà Nguyễn đình Vương in và phát hành.

Năm 1961, ngoài việc sáng tác, Vũ hoàng Chương tự tái bản kịch thơ Tâm sự kẻ sang Tần và cho in tập thơ mới được dịch ra Pháp-văn là Tâm tình người đẹp (tức tập Nhị thập bát tú, một lối thơ 4 câu, 28 chữ; tình, lời và ý được cô đọng trong số câu, số chữ nhất định). Ông còn cộng tác với nhiều tạp chí văn-học ở thủ đô như Phở thông, Bút hoa, Nguyệt san đại từ bi, v.v... Tập thơ sau này của Vũ hoàng Chương là Trời một phương được xuất bản năm 1962.

Năm 1963, Vũ hoàng Chương cho in tập Thi tuyển Vũ hoàng Chương bằng hai thư chữ, Việt-văn được chuyển dịch sang Pháp-văn do nhà Nguyễn Khang Sài-gòn xuất bản và tập Lửa từ bi do Thanh Tăng xuất bản 1963.

Năm 1966, Ánh trăng đạo lý, Sài-gòn Tuyên úy Phật giáo xuất bản; Die 28 sterne (bản dịch Đức-ngữ của Les 28 étoiles, Hopmann xuất bản).

Năm 1967, Bút nở hoa đầm (thơ, Vạn Hạnh xuất bản).

Sẽ xuất bản: Nỗi lửa từ bi (thơ)

Cành hoa trắng mộng (thơ gồm 59 bài nhiều thể).



TRONG khoảng thời gian huy hoàng của nền thơ mới, nhiều nhà thơ ra đời, nhiều khuynh hướng khác biệt, từ thể thơ, thi tứ cho đến những văn điệu, mỗi thi nhân đều đóng góp ít nhiều vào kho tàng thi ca đất nước bằng mọi khía cạnh độc đáo của mình, như một Nguyễn Bính, T. T. Kh, Thâm-Tâm làm thơ thổn thức số phận đau khổ vì tình duyên ngang trái lỡ làng ; một Anh-Thơ, Bằng bá Lân, Đoàn văn Cừ làm thơ bằng những lời lẽ chân thật hướng về đồng quê, phong tục ; hay như một Xuân-Diệu, Huy-Cận, J. Leiba làm thơ ca tụng ái tình, v.v... thì ngược lại, Vũ Hoàng Chương sáng tác thi ca của mình bằng một đường hướng khác biệt. Họ Vũ làm thơ không theo cái mới của Tây-phương như Xuân-Diệu mà cũng không giống cái cũ như Ưng-Bình Thúc-Giạ Thi, ông đã dung hòa hai cái cũ và mới vào thơ mình. Đọc thơ của họ Vũ, có vài bài mang cái cở kính xa xưa thì cũng có vài văn thơ thật mới lạ của lớp người trẻ. Có thể nói, Vũ Hoàng Chương là một thi nhân tiêu biểu cho hai lớp người trong hiện tại : một lớp trẻ sống vội, yêu cuồng, một lớp khác quan niệm luân thường đạo lý, tư tưởng cở truyền Đông phương. Vũ hoàng Chương không có cái bất mãn của một người thất chí trên đường khoa hoạn công danh, họ Vũ cũng không có cái vui đùa thái quá của những người quá lạc quan, tin tưởng vào sự thành công trên đường đời. Giọng thơ của Vũ hoàng Chương là một cái gì chua chát nhưng lại có hậu. Những cái nhìn trong thơ Vũ hoàng Chương, không bị giới hạn hay chỉ định vào đâu, nó là cái nhìn bao quát, tuy nhiên, người ta có thể thấy ở Vũ hoàng Chương, một quan niệm cở nhiều hơn kim nếu không bảo ông là một thi sĩ trong những thi nhân có tư tưởng hoài cở. Lời thơ của ông thường hay hướng về những diễn biến đã qua.

Trong một bài nói về văn học, tạp chí *Nghệ thuật số 32*, khi viết về Vũ hoàng Chương, Tạ-Tỵ đã ghi lại tư tưởng của nhà thơ như sau :

« Vũ là tượng hình cở liêu đứng trong vòm trời quá khứ, ánh sáng của ngọn hải đăng le lói giữa đêm khuya mịt mù sóng vỗ.

Vũ lắng nghe hồn mình trải rộng trên mỗi con nước đại dương và thăm ước sẽ tìm được trong sự luân lưu đó, chút hơi thở của người xưa vọng đến. Những ánh sáng của ngọn hải đăng vẫn le lói mỗi đêm và đại dương vẫn cứ luân lưu theo chu kỳ miên viễn. hơi thở quá khứ trôi đi biến biệt không để lại vết tích gì trong vũ trụ bao la, có chăng chỉ còn lại niềm tưởng vọng giữa sự sống hôm nay gửi về sự chết hôm qua bằng môi trường suy cảm. Vũ đã suy cảm và lựa chọn khổ đau với đam mê hủy diệt. Vũ khước từ công danh phú quý mà cuộc đời đã trao tặng sau những năm đèn sách để tự dẫn thân vào thế giới thi ca, tức là mang lấy nghiệp. Sự đầu thai làm thi kê mà Vũ đã viết ra, đã tỏ trong cơn mê loạn của thế xác dọa dấy, trong nỗi vô xé của tâm linh trước cuộc sống khắc nghiệt, ghen lời trước cơn bi phẫn của con chim bị buông tên rả cánh, nhìn trời cao mà không vụt lên được, nhìn trái ngọt cây lành mà không được ăn, hướng nhìn thân phận trôi đi, trôi như đo ảnh để nuôi tiếc giấc mơ thành bướm thuở nào. »

Nhận định trên của Tạ-Tỵ có đúng như tư tưởng của nhà thơ họ Vũ không ? Chúng ta chỉ thấy trước mắt rằng trong các tác phẩm của Vũ hoàng Chương có lẽ hai tập thơ *Say* và *Mây* đã phản ánh trung thực cuộc đời tình cảm của ông nhiều nhất. Trong hai tập thơ này, Vũ hoàng Chương đã nói lên tất cả những gì u ẩn trong lòng, đó là mối tình đầu tan vỡ và sự khao khát các thú say sưa :

Trong *Thi nhân Việt-nam*, phê bình về Vũ hoàng Chương, Hoài-Thanh viết : « Ý giả Vũ hoàng Chương định nổi cái nghiệp những thi hào xưa của Đông-Á : cái nghiệp say. Người say đủ thứ : say rượu, say đàn, say ca, say tình dục. Người lại còn hơn cả nhân những thứ say mới nhập cung : say thuốc phiện, say nhảy đầm. Bấy nhiêu say đều nuôi bằng một say sưa to hơn mọi say sưa khác : say thơ... »

Bị thất vọng nào nề về mối u tình, thi nhân đã ký thác tâm sự mình vào trang thơ nét chữ, mỗi bài thơ là một nỗi niềm, mỗi lời thơ là một tiếng bi thương. Chúng ta thử đọc các thi phẩm đó để hiểu tư tưởng của Vũ hoàng Chương.

Như bao thi nhân khác, Vũ hoàng Chương cũng đem tình yêu vào thơ của mình rất nhiều, những nguồn hy vọng yêu thương ở đó, tác giả đã nuôi sống bằng tình thần tuyệt đối, ông không hề giấu giếm khi thò lộ tình yêu của mình.

Đây, ta hãy bắt đầu vào thiên tình hận của họ Vũ.

Từ cái thuở ban đầu người trai khám phá ra vẻ đẹp xinh mơn chứa đựng trên cơ thể đang độ nhựa đời như men dậy :

*Anh biết em từ độ
Em mới tuổi mười hai
Anh yêu em từ thuở
Em còn tóc xõa vai.*

Vượt qua phút bỡ ngỡ đầu tiên, thế rồi họ quen nhau. Khi bắt đầu nhấp chén men tình, người ta còn quên việc trời đất đang xoay chuyển thì nhớ sao ra ranh giới thời gian nào đã ghi lại mỗi tình đầu, vì vẻ đẹp cơ hình và ái tình thấm đượm một cách lơ mờ, tiệm tiệm ; nó lan tỏa nhẹ nhàng, dịu ngọt rồi đến độ ngất ngây. Họ chỉ nhớ mang máng là đã lâu lắm rồi :

*Lâu rồi không nhớ bao nhiêu năm
Từ độ trông nhau hết lạ lòng,
Từ hôm bên nhau thôi ngượng ngùng,
Từ buổi xa nhau mà nhớ nhung.
Em đã nao lòng anh mê man,
Đôi mắt đầu môi tình chứa chan.
Đêm thường mơ đêm, ngày đợi ngày,
Nhưng không hề nói cho nhau hay.*

Họ yêu trong thầm lặng. Họ còn đang giằng co chờ đợi « đối phương » chiến bại thốt lên tiếng nói trước tiên là đã « yêu ». Nhưng không, lòng họ kiêu hãnh lắm ! Thời gian qua. Đã sáu năm rồi mà cuộc « tương tranh » vẫn chưa dứt khoát :

*Tháng ngày đi mau quá
Chốc đã sáu năm trời*

Tình anh vẫn chưa hiểu
 « Chưa » là « không » em ơi
 Em vẫn tin anh lắm
 Em vẫn mến anh nhiều
 Nhưng em tin em mến
 Đâu phải là em yêu
 Trái tim hờ hững ấy
 Đâu thồn thức vì anh
 Anh cũng không hề chịu
 Van xin một ái tình.

Không van xin ! Được rồi, nhưng ngọn trào lòng cứ dâng lên mãi. Ta hãy lắng nghe Vũ hoàng Chương kể lại hương vị dịu ngọt của ái tình :

Mến kín thương thăm em với anh
 Không hay yêu nhau từ bao giờ.
 Chập chờn bến Thực hay nguồn Mơ
 Hay chính băng khuâng là ái tình.
 Yêu mà còn nghi lòng người yêu,
 Đến cả chưa tin mình đang yêu.
 Hương tình — ôi dịu nhẹ bao nhiêu !

Trong một buổi chiều nắng nhạt, khi họ đắm đuối trong nguồn yêu, ngày giờ không còn nghĩa lý gì cả vì họ đã kiêu hãnh là chúa tề của thời gian :

Nắng ngả còn chưa tin là chiều,
 Lá đỏ còn chưa là mùa thu,
 Còn đợi trời phai chờ sương mù
 Cái lòng lưu luyến chưa là yêu.

Thề thường trong tình yêu, có mấy ai tránh được đôi lúc hờn giận nhau. Vũ hoàng Chương cũng không thoát khỏi thông lệ ấy. Nhưng thương hại thay, họ Vũ lại phải hứng chịu một hậu quả quá bi đát. Nó là nỗi đau đớn xé lòng, một tuyệt vọng não nuột, mà cũng là một điển hình

cho thể thái nhân tình, giúp Vũ hoàng Chương nhận chân được nghĩa yêu, nghĩa đời. Nó ảnh hưởng buồn đau dai dẳng trong đời sống tinh thần của thi nhân từ *Thơ say*, qua *Mây*, lan rộng đến *Rừng phong* và suốt cả *Hoa đăng* nữa. Đây, ta hãy xem thiên tình sử bắt đầu rạn vỡ :

*Tối qua em ngồi học,
Lơ đãng nhìn đi đâu.
Dưới đèn anh thoáng nhận
Nét mặt em rầu rầu.*

*— Em buồn ? anh gặng hỏi
Mấy lần, em chẳng nói.
Rồi anh không biết vì sao
Đầy ghế đứng lên em giận giữ.*

*Rũ tung lăn tóc, rún đôi vai
Em vùng vằng
Ôm sách vở
Sang phòng bên*

*Không học nữa,
Không cho ai vào nữa,
Cũng không thèm nghe nữa
Lời thiết tha anh van gọi mái ngoài.*

Cũng tưởng câu chuyện như làn gió thoảng gợn mặt hồ thu rồi tình thu lại lại lảng. Nào ngờ, sự kiện là phản ứng của nguyên do khi ái tình biến dạng. Rồi mối tình đầu ấy kết thúc bằng sự ra đi lấy chồng của nàng, để lại thi nhân một linh hồn đặt dờ sống dờ, chết dờ. Niềm đau dờn cấu xé tâm can, rạch nát cõi lòng của tấm chân tình son sắt đã mười năm nuôi dưỡng tác lòng yêu, nay bỗng nhiên choáng váng như bị tiếng sét đánh lật nhào từ chiếc ngai vàng tình ái rớt xuống cùng thẳm của đau thương. Mối tuyệt vọng này có lần Vũ hoàng Chương thổ lộ với thi sĩ Bằng bá Lân bằng một giọng chưa xót :

« Khi mình định bỏ học ra làm việc sở Hỏa-xa thì « người ta » không phản đối. Đến lúc mình đi làm rồi thì « người ta » lại tuyên bố là không thích người làm ga ! Và « người ta » đi lấy chồng làm ông huyện. »

Thế là :

Giấc yên ương liền cánh,
Mộng trăm năm lứa đôi
Êm đêm như tiếng hát
Đã tan rồi, em ơi !...

Ái tình đã phôi áo ra đi, lòng thi nhân trống trải, rét mướt như đang sống ở một tỉnh cầu giá lạnh. Những kỷ niệm yêu đương bấy lâu được coi như nguồn nhiệt lượng sưởi ấm tim lòng, giờ có còn sót chẳng cũng chỉ mấy cánh thư vô nghĩa. Thi nhân nhìn thư mà ngậm ngùi cho thân thế :

Hơi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp
Yêu mê thế dễ mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này đây
Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay
Còn e ấp thuở duyên vừa mới bén

hay :

Yêu một khắc dễ mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư
Mộng băng quơ hồ hẹn cũng là hư
Niềm son sắt ngậm ngùi duyên mộng mảnh.

Đọc lại những dòng thơ, thi nhân vẫn còn nghe phảng phất hương tình :

Màu mực tươi xanh ngát ý mong chờ
Tình hế nụ bưng thơm trong nếp giấy-

Nhưng, hỡi ôi !

Ôi thân mến nhắc làm chi thuở 3y
Đêm nay đây hồn xẽ não thu tàn

Khóc chia lìa ai nín gọi than van

Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối

Giờ thì còn đâu nữa. Cánh chim đã tung trời xa thẳm, để lại không gian một khoảng trống mênh mông :

Yêu sai lỡ đề mang sầu trọn kiếp

Tình mười năm còn lại chút này thôi

Lá thư xưa màu mực ứa phai rồi

Duyên hắt hắt ở phương trời đâu đó.

Khi tình chết, không ai không đau khổ khóc than. Vũ hoàng Chương cũng thế, tình yêu đến với thi nhân, nhưng lại ra đi quá sớm. Người con gái mới ngày nào cùng nhau nặng lời thề thốt, nguyện xây mộng trăm năm, nay nàng đã lạnh lùng cắt bước sang ngang. Nàng đi thực, nhưng hình ảnh người yêu không thể xóa nhòa trong tâm tưởng thi nhân. Ngày nàng lên xe hoa là một ngày đầy kỷ niệm — những kỷ niệm xót xa — ngày ấy là ngày thi nhân phủ lên nấm mồ đề chôn vùi khối u tình tuyệt vọng, ngày 12 tháng 6, thi nhân khóc :

Tháng sáu mười hai — từ đấy nhé

Chung đôi — từ đấy nhé lìa đôi

hay :

Mười năm thôi thế mộng tan tành

Mười năm trăng cũ ai nguyện ước

Tổ của Hoàng ơi Tổ của Anh.

Men khói đêm nay sầu dựng mộ

Bia đề tháng sáu ghi mười hai

Tình ta ta tiếc cuồng ta khóc

Tổ của Hoàng nay Tổ của ai.

Trong phút chốc, ái tình xưa bừng dậy, nhưng nay đã tiêu tan ; lòng thi nhân tức tử, ghen ngào, nổi tiếc thương, sầu, khổ dôi dấp một hồn đau đến tột đại, điên cuồng; ngàn đời không bao giờ quên lảng phút giây này :

Tay gõ vào bia mười ngón rập
 Mười năm theo máu hận trào rơi
 Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp
 Khúc Cồ Bồn Ca gõ hát chơi

Kiều Thu hễ Tổ em ơi
 Ta đang đốt lửa tại bờ Mái Tây
 Hàm Ca nhíp gỡ khói bay
 Hồ Xư Xang Xế bàn tay diên cuồng

Kiều Thu hễ trọn kiếp thương
 Sầu cao ngùn ngụt mây đường tơ khô
 Xư Xang Xế Xư Xang Hồ
 Bàn tay nhíp gỡ diên rồ khói lên.

Hết than khóc, rên rỉ, kêu thương, rồi lại mĩa mai hờn trách khi linh hồn quá sa dọa trong ngục tù u tối của đau thương :

Thôi hết nhé thỏa đi niềm rạo rức
 Từ cung Trăng rơi ngã xuống trần gian
 Ta sắp uống bùn như và Sự Thực
 Sẽ mai đây day xéo Giấc Mơ tàn.

Canh khuya hầu tàn, mà tình buồn còn vương vấn, nhưng cũng phải chia tay :

Ta nhờ thuyền đây từ giả em
 Ái ân mờ đắp phía sau rèm
 Mệnh nông dâu đó ngoài vô tận
 Một cánh thuyền say lạc hướng đêm.

Như ta thấy, Vũ hoàng Chương phơi bày tám chân tình thiết thạch trong mối tình đầu, thi nhân đã uống cạn giọt yêu đương, dù cho tình ai kia có phụ bạc. Những kỷ niệm êm đềm xưa, nay đã đi sâu vào dĩ vãng. Bao nguồn thương mến chỉ còn tro một sự thật phũ phàng. Khô đau vì tình yêu đang dở, Vũ hoàng Chương làm thật nhiều thơ

đề khóc than mối tình như hoa mộng, nhưng tình nghĩa đành giã chết một chiều xưa. Xót thương cho tình yêu, nhưng cũng chán chường cho cuộc đời đổi trắng thay đen, cố quên nhưng không làm sao quên được, người thi nhân của chúng ta bèn tìm một lối giải thoát, và không ngần ngại lao mình trong men rượu đắng cay :

*Thuyền anh đi thôi nhé
Xa nhau dần xa nhau
Tôi về trên lưng rượu
Đến đâu thì đến đâu*

Và người ta thấy thi nhân, vì thương tiếc mối tình xưa, đã âm thầm khóc, giọt lệ đã chảy tuôn rơi như muốn hòa tan trong cốc rượu đắng cay, uống cho tê liệt giác quan để quên đi một thời si dại :

*Xin dốc hết nồng cay cho đến cạn
Uống cho mê và uống nữa cho điên
Rời đang tay theo chân gót nàng Men
Về tắm ở suối Mơ nguồn Tuyệt Dối*

*Hãy trộn lẫn trong men ngàn giọt lệ
Thi nhân ơi họa sĩ hơi cầm gia
Đề nỗi u buồn thăm kín bao la
Lắng trong cốc với chàng si dại dệt.*

Tiến thêm một bước, thi nhân vừa muốn mượn nhiệt độ của hơi men để khuây sầu, vừa muốn quay cuồng theo nhịp chân của giai nhân. Đây, ta hãy xem hình ảnh thi nhân bên bờ sa ngã :

*Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẻo
Lòng chót nghiêng mà bước vẫn du dương
Lòng nghiêng tràn hết yêu đương
Bước chân còn nhịp nghệ thường lắng lơ
Ánh đèn tha thướt
Lưng mềm nào nuốt đáng tư*

Hàng chân lả lướt
 Đê mê hồn gửi cánh tay hờ
 Ấm ba gờn gợn nhỏ
 Ánh sáng phai phai dần.
 Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
 Lui đôi vai, tiến đôi chân
 Riết đôi tay, ngả đôi thân
 Sần gổ trơn chập chờn như biển gió.
 Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ.
 Hay thêm say còn đó rượu chờ ta
 Cờ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa
 Tay mềm mại bước còn chưa chuyển choáng...
 (Mời say)

Say sưa như thế nhưng vẫn chưa thấy quên được nỗi
 niềm đau xót, thi nhân còn muốn tăng thêm một độ :

Say cho lơi lả ánh đèn
 Cho cung bậc ngả nghiêng, điên rồ xác thịt.
 Rượu, rượu nữa và quên, quên hết...
 Ta quá say rồi;
 Sắc ngả màu trời,
 Gian phòng không đứng vững.
 Có ai ghi hư ảnh sát kề môi ?
 Chân rã rời,
 Quay cuồng chi được nữa.
 Gối mỗi gần rơi,
 Trong men cháy giấc quan vừa bén lửa.
 Say không còn biết chi đời.

thế là thi-nhân định dùng men rượu đề đốt cháy nỗi thống
 khổ còn sót lại trong tâm tư, cố quên đi đề dứt khoát với
 dĩ vãng. nhưng nào có được :

Nhưng em ơi !
 Đất trời «nghiêng ngã»,

Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ.

Đất trời nghiêng ngửa,

Thành Sầu không sụp đổ em ơi !

vì thi nhân đã lắm, men có nồng, rượu có cay, cơ thể tuy mỏi nhừ nhưng nỗi buồn không dung thứ, niềm đau thương không nhường bước bao giờ, trái lại càng say bao nhiêu thi khổ đau nặng bấy nhiêu; Vũ hoàng Chương than thở tuyệt vọng :

Có ai say dễ quên sầu,

Lòng ta lảo đảo càng sâu vết buồn.

Có một lần, bên cạnh người đẹp, hình ảnh ái tình xưa sống dậy, thi nhân đã phơi bày nỗi lòng trong bài..

Vườn tâm sự

Một dĩ vãng tràn thơ và đắm lệ

Những u hoài chôn kín tận thâm tâm

Anh dùng đắng mãi chiều nay mới kè

Mặc dầu em thúc giục đã bao năm

Vườn tâm sự sắc hương nào có thiếu

Nhưng hương tàn trong nhị sắc trên hoa

Đây đó ngủ âm thầm muôn cánh héo

Nụ cười tươi tan tác phần son nhòa

Đây chiếc tổ chim không nhìn nhận nữa

Đề buồng rơm mục nát giá hơi may

Kia ủ dột đôi ba mồi lá úa

Ngọn ngang nằm thoi thóp dưới chân cây

Hãy nín thở đi em và rón rén

Kéo bước chân xô giạt những hồn thơm

E tiếng nói sẽ làm kinh động đến

Của thời xưa niềm tương như yêu đương

Hãy đứng lại trầm ngâm bên mộ lá
 Hãy nâng niu từng cánh rụng dài sơ
 Nhưng chớ hời hợt vầng đầu vắng cả
 Cùng chim xanh thôi hót tự bao giờ

Chớ cần vẩn buồn rơm sặc bỏ trống
 Mà uyên di có hẹn trở về chăng
 Cùng đừng nhắc phiến gương hồ ảo mộng
 Còn hay thôi ngời tỏ đầu sao băng

Hãy yên lặng nhưng trông tìm hãy khắp
 Hiều cho xa mà cảm nữa cho sâu
 Rồi em sẽ thấy lòng thơ tràn ngập
 Sóng buồn thương xô đến tự đâu đâu

Từng bước đã theo anh vào quá khứ
 Hãy theo anh từng bước lặng ra về
 Đó hết thấy em ơi đời tâm sự
 Vui gì đâu mà em cố đòi nghe

Trời xuân quang đãng ngoài kia
 Giấu nhanh giọt lệ ra về thôi em
 Lần sau muốn lại vào xem
 Đừng quên khẽ tiếng và êm gót giày

Bước chân lời nói thơ ngây
 Nếu làm xao động những ngày tháng qua
 Thì anh đóng cửa vườn hoa
 Thôi không kể nữa đâu mà nghe em

Nhắc chuyện xưa như khơi động lại mối u tình mà
 ngày nào đã chôn sâu trong lòng dĩ vãng, giọt lệ sầu thương
 lại tuôn trào, niềm xót xa quặn thắt, thi nhân bỗng cảm
 như tình xưa quật mồ sống dậy đầu dây :

— *Tiếng mùa thu ta lắng đã quen tai
 Nhưng gió tắt mà sao còn động cỏ
 Hoa lung lay vật vờ nắm hương tàn
 Hay tiếng khóc dâng lên từ đáy mộ
 Của muôn đời chưa nín hận lia tan.
 Tiếng nước nở trên vai nhường rõ huyết
 Niềm oán hận càng nghe càng rõ rệt
 Ôi trăm đau nghìn tủi quá bi thương
 Chiều hôm nay ta viếng mộ một tình nương*

Và hình ảnh hiện lên càng rõ rệt hơn :

— *Sao tiếng khóc còn dâng thê thiết mãi
 Bóng chiều buông đã lạnh kín tha ma
 Từ cõi âm còn vắng đến lòng ta
 Niềm di hận của ai ngời bạc mệnh
 Tay run rẩy nhưng không vì gió lạnh
 Bỗng dề rơi trên cỏ nắm vàng hương*

và :

*Ta vừa thấy một linh hồn mỏng mảnh
 Núi vai ta đòi trả lại yêu đương.*

Bị vết thương đau dày vò mãi tâm tư, muốn quên không được, mà giải sầu cũng khôn khuây. Thi nhân buồn cho kiếp hiện sinh của mình, buồn đời không dành cho mình một sự đãi ngộ nào, cho dù thật ít. Đây, chúng ta hãy nghe họ Vũ than thở :

*Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa
 Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh.*

bởi thế thi nhân phò thác dòng đời :

*Bè vô tận sá gì phương hướng nữa.
 Thuyền ơi, thuyền ! theo gió hãy lên đênh.*

Khô đau, chán chường, cảm thấy mình quá bơ vơ, lạc lõng trên muôn nẻo chợ đời, thi nhân đã nhận định thân thế mình :

*Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ,
Một đời người u uất nỗi chờ chờ.*

chính vì « đầu thai lắm thế kỷ », cho nên :

Đời kêu bạc không dung hồn giản dị.

vậy thì còn tiếc rẻ mà chi, thôi đành nhắm mắt đưa chân, khi mà cuộc đời đầy đầy bất hạnh thì ham muốn nữa mà chi và tác giả cầu xin :

Thuyền ơi, thuyền ! xin ghé bến hoang sơ.

Thì nhân muốn thuyền ghé bến hoang sơ nào đó để chôn chặt kiếp đời của mình, nhưng thực tế vẫn là thực tế : khi tỉnh ra rồi, thì nhân nhận thấy men rượu không phải là con đường giải thoát hữu hiệu.

Nhà thơ chúng ta mới xoay ra đi tìm một liều thuốc nhiệm mầu hơn, một thứ phép lạ nào mới mong phá nổi thành sâu. Và cuối cùng người gặp một nàng tiên, nhưng lại là Nàng ... Tiên Nâu ! Vậy mà được thì nhân đem hết lòng gắn bó.

Như một tín đồ tuyên thệ nhập đạo dưới chân thần tượng, thì nhân nguyện với nàng Tiên Nâu dẹp bỏ nỗi tiếc thương qua và bắt đầu đắm đuối trong duyên mới :

Quên

*Đã hẹn với em rồi không tưởng tiếc
Quăng đời xưa không than khóc gì đâu
Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc
Sắt gần đây, gần nữa cặp môi nâu.*

*Đêm nay lạnh tìm em trên gác tối
Trong tay em dâng cả tháng năm thừa
Có lẽ đâu tâm linh còn chọn lối
Đề đi về cay đắng những thu xưa*

*Trên nẻo xy toi bời em đã biết
Những tình phai duyên ủa mộng tan tàn*

Trên nẻo ấy sẽ từ muôn đấng huyết

Ái ân xưa vùng dậy níu chân anh

Không, em ạ, không còn can đảm nữa

Không, nguồn yêu suốt lệ cũng khô rồi

Em hãy đốt giùm anh trong mắt lửa

Chút ưu tư còn sót ở đôi môi

Hãy buông lại gần đây làn tóc rối

Sát gần đây, gần nữa cặp môi diên

Rồi em sẽ diu anh trên cánh khói

Đưa hồn say về tận cuối trời quên.

Từ khi tiếp xúc được với Nàng Tiên Nâu, quả như lời thi nhân nguyện, những vần thơ thay vì khóc than mối tình chết, chúng ta thấy thi nhân cung phụng sáng tác của mình vào chủ đề của Nàng. Thi bản *Chết nửa vời* dưới đây ghi lại một linh hồn phiêu du trên cảnh huyền mộng, chơi vơi, thoát nhẹ khỏi vương vấn xót xa :

Chết nửa vời

Bước đã mỗi mà trông càng đã mỗi,

Ta dừng chân nhắm mắt một đêm nay.

Thà chiếc bách không chèo trên bề khói

Mặc trôi về đâu đó nước non say.

Kìa một cõi trăm hình muôn vạn tiếng,

Đương dần phai, dần hiện, tắt rồi vang.

Ta cố gọi những giác quan lười biếng,

Đề ghi cho hậu thế phút mơ màng.

Nhưng vũ trụ hư huyền tuy rộng mở,

Ta dẽ mê cảm được chút gì đâu !

Hồn với xác chỉ còn thoi thóp thờ,

Trong hai bàn tay sắt bọc nhung nâu.

Và quyền phép của Nàng còn ảnh hưởng trọn vẹn trong *Hơi tàn Đông Á*, *Nhớ quê nâu*, và rải rác trong nhiều thi bản.

Đến *Rừng Phong*, sự đau khổ cơ hồ đã lắng dịu, tư tưởng của Vũ hoàng Chương bắt đầu chuyển sang ngã rẽ, hướng về một cái gì siêu thoát, hư vô :

*Trải mấy hoang mang tìm kiếm
Lòng sao khát mãi chưa vừa ?
Hai lẽ « Có, Không » màu nhiệm
Đêm đêm ta hỏi người xưa.
Đuốc kim cồ, đây hồn ta thành kính
Hội trăm luân cùng ý thức Huyền-vi.
Mà sáu ngã hôn mê còn chữa định
Ta về đâu ? Kia Ngươi đến làm chi ?*

(Trích *Bài ca siêu thoát*)

hay :

*Bào ảnh vọng lên từng dị diệu.
Khuê Ngưu tỏa xuống khúc ân tình
Hán Ngu ²n hưng suy là màu trôi hoạt họa,
Gió ngủ trắng bay là nét đứng u minh
Thúy-Kiều ơi ! Đêm giấc ngộ tương lai vào mộng huyền,
Nẻo hồi dương vang ngợp tiếng thần linh...*

(Trích *Bài ca tận tụy*)

hoặc :

*Nửa giấc chiêm bao tuổi vàng Nghiêu Thuấn,
Ta nằm nghe đời xuống bước suy vi.
Hồn kiếp trước riêng đây sâu xứ mãi,
Khóc luân hồi chưa ráo lệ tang thương.
Đêm xuân sang giữa vùng hoa cỏ đại,
Gối lên thơ, còn mộng níu thiên đường...*

(Trích *Bài ca thời loạn*)

Rồi đến *Trời một phương*, thi nhân đưa người đọc đến những chuyện bao la thế giới, vũ trụ huyền vi của Tạo-vật :

Cúi xuống dò thăm mạch địa từ :
 Le bàn kim chết đứng.
 Thời-gian bước hững /
 Ra ngoài Hiện-hữu rồi chẳng ?
 Không gian cũng vện mình :
 Cả ba chiều gãy thẳng bằng.
 Trượt qua « diềm uốn »
 Hệ Thái-dương vừa đời đầu Âm...
 (Xuân mới)

hay :

Còn mưa, còn mưa, chưa ngớt đâu !
 Mưa trút bề cao vào bề sâu.
 Tư-duy chết đuối theo Tiềm-thức
 Mờ hết thiên tâm loãng địa đầu.
 (Vũ vô kiêm tỏa)

Và chót đến là *Nhị thập bát tú* ; như chúng tôi trình bày ở phần đầu, tình, lời và ý thơ phải cô đọng trong 4 câu 28 chữ.

Về diềm này, trong *Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại I*, ông Bằng bá Lân viết : « *Phá bỏ khuôn sáo cũ (thề thơ tứ tuyệt, lời người soạn) để được tự do đi tìm những gì mới lạ, chán rồi lại tự giam mình vào những khuôn khổ bó buộc như xưa. Âu cũng là cái vòng luẩn quẩn muôn đời của người ta vậy.* »

Chúng tôi xin trích dẫn vài bài đề các bạn ý niệm được về thề thơ này :

Đo-thành hoa lệ

Trời mất bao giờ có biết đâu !
 Người đi sùng bái những ngôi lâu
 Văn minh từng phút lên cao mãi,
 Nhân phẩm càng chôn mãi xuống sâu.
 Sài-gòn 1960

hay :

Lửa cháy bằng tan

*Sức Máy hàng trăm triệu tấn bằng ;
 Tư duy chết cứng, bẹp Thăng-bằng.
 Thơ đâu ?... Hãy thả vào Cây-sậy
 Ánh lửa mười phương Nhật-nguyệt-dăng !*

Sài-gòn 1960

Thôi hết bắn khoản

*Đấu hời (?) vầy quanh trọn kiếp người,
 Sân bờ nái óc máu thắm rơi.
 Chiều nay một đấu than (!) buông dứt,
 Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời.*

(Tháng tám 1962)

(Bài thơ *Thôi hết bắn khoản* được Vũ quân thích nhất trong thơ *Nhị thập bát tú*, in trong tập *Tâm tình người đẹp*, sáng tác ngày 4-5 61)

Tháng 1 năm 1968, thi sĩ Vũ hoàng Chương cho phát hành tập thơ *Bút nở hoa đàm* do Vạn Hạnh xuất bản. Ngoài *Bài ca dị hỏa* làm từ năm 1944, còn lại đều là sáng tác phẩm từ 1950 về sau ; nhận xét, chúng tôi thấy khuynh hướng thơ thiên nặng về tôn giáo. Quý bạn có thể tìm hiểu tư tưởng của thi nhân trong phần thi tuyển. Giờ, chúng tôi xin giới thiệu *Bút nở hoa đàm* qua lời của Đại đức Thích Đức-Nhuận :

Chúng tôi không làm công việc giới thiệu tác giả, vì Vũ hoàng Chương thi sĩ, với tên ông và văn nghiệp của ông đã có chỗ đứng rất vững chắc trên thi đàn Việt-nam kể từ thời tiền chiến cho tới hiện nay. Chúng tôi chỉ làm công việc nói về tập thơ *Bút nở hoa đàm*.

Phải ghi nhận thi phẩm này là tập thơ được chọn lựa như một kết tinh màu sắc thiền môn.

Nói vậy không có nghĩa *Bút nở hoa đàm* thiếu vắng những rung cảm, suy tư về thực tại Dân-tộc và Thế-giới. Mà phải nhận *Bút nở hoa đàm* là một công trình sáng tạo, trong đó thi nhân đã thể hiện bốn đặc thù chính : *Đặc thù một*, thi sĩ nói về « thân phận con người », sống trong một xã hội đầy cạm bẫy lường gạt, khóc tủi và vui gượng để quên đi thân phận đau thương :

*Cùng xót cùng thương nhau một kiếp
Phù du, may đổi nhục làm vinh.*

Chính vì chân nhận được kiếp người khổ đau bất hạnh nên *Đặc thù hai* của *Bút nở hoa đàm* là sự biểu hiện « tâm tư giải thoát » của thi sĩ. Ở đây, tâm tư ấy đã được thể chứng bằng phương pháp giáo lý Từ-bi Trí-tuệ :

*Mai đây lắng hết trần tâm,
Một đồng trôi giữa hương trầm tiếng chuông.*

Nhưng dù sao thi sĩ vẫn còn là một thực thể hiện hữu giữa một Dân-tộc đầy khổ lụy ; lý tưởng của thi sĩ là Đạo giải thoát ; thân thể của thi sĩ lại đã cùng chìm nổi nhiều phen trong dòng vận động cam go của Dân-tộc. Thế nên *đặc thù thứ ba* của *Bút nở hoa đàm* là « tiếng nói dân tộc » : Một dân tộc thi nhân đầy khóc loạn nhưng vẫn vững tin vào sức mạnh phục hưng của mình :

*Dân tộc ta không thề nào thua
Đạo pháp ta đời đời xán lạn
Dầu trải mấy qua phân ly tán
Bị áp bức, phao vu, bội phản
Nhưng vẫn còn Núi còn Sông còn chót vót mái ngôi
Chùa.*

Trong lòng một thế giới mở rộng, thi sĩ đã tuyên dương một Hy-vọng, hy vọng về thế giới không hận thù màu da chủng tộc, dân tộc, thành kiến :

*Trái tim nhân loại sa lầy
Men kỳ thị máu pha bùn đã sặc.*

*Bao thành kiến với bao nguyên tắc
 Áo xuống, chen nhau một chuyển đồ.*

Nếu cứ lao đầu vào những vụ tranh chấp giảng xé thì :

Địa cầu mai một không nhân loại...

Bởi đó trong đặc thù thứ tư này, thi sĩ đã nói lên một ước vọng hết sức chân thành của những « con người tình cảm », những con người muôn đời của nhân loại miên trường :

*Ôi ! mở lòng thương ra bốn biển,
 Xương khô thịt héo cũng hồi sinh !*

Ngoài bốn đặc thù trên của *Bút nở hoa* đàm chúng ta còn nhận thấy thi sĩ đã dùng « Lửa » làm chất liệu xây dựng tác phẩm : Từ Trái đất ban sơ này khởi lửa y nguyên, đến Ánh lửa mười phương Nhật-Nguyệt-Đăng. Rồi Lửa trong lòng người ; Nối tiếp nghìn thu Lửa đoạn trường. Lửa còn là một biểu hiệu của giống nòi Việt-nam, giống nòi Hòa-đức ; Từng viên gạch chưa quên đã nung lò Hòa-đức. Và đây, « Thông điệp lửa » từ thân tâm Việt-nam truyền ra giữa thời đại đồ nát, đề thức dậy niềm Tin hầu như sắp tắt nơi con người :

*Ôi ! ngọn lửa huyền vi !
 Thế giới ba ngàn phút giây ngơ ngác
 Từ cõi vô minh
 Hướng về Cực-lạc .
 Văn diệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác
 Và chỉ nguyện được là rơm rác
 Thơ cháy lên theo với lời kinh
 Tụng cho nhân loại hòa bình
 Trước sau bền vững tình huynh đệ này.*

Lửa Việt đã cháy bốn ngàn năm và còn Nối-tiếp, nguyện dâng lên cho nhân loại thoát kiếp thương đau :

*Dòng máu Lửa-thiên sôi lên trong ngực
 Vững một niềm Tin ngàn tay giúp sức*

*Bèo bọt sông Mê tìm ra Lẽ-thực
Phá vỡ cô đơn thoát ly áp bức
Ruột thịt hòa vui trên đường chính trực.*

Thi nhân muốn đời bao giờ cũng là nguồn rung cảm ước muốn trung thực của con người khát vọng được sống tốt đẹp, và vươn lên không cùng.

Bút nở hoa đàm đã phản ánh trọn vẹn ý nghĩa đó. »

(Trích lời tựa của T. T Thích Đức Nhuận)

Đề kết luận, chúng tôi nhận thấy thơ Vũ hoàng Chương mang nặng tính chất của một quá khứ đau buồn thường xuyên ám ảnh, và giày vò mãi tâm tư nên thi nhân đã sống rất nhiều với nội tâm. Tiếng thơ của họ Vũ là những tiếng thở dài triền miên, nỗi niềm chua xót như bị ứ đọng trong tư tưởng thi nhân.

Than cho số phận, hoài nghi thân thể mình là kẻ « đầu thai lầm thế kỷ » thi nhân đã mượn chung rượu, làn khói đề khuấy sầu.

Nhưng liệu thi nhân có được mãn nguyện không ?

Hay chỉ là những tia lửa bập bùng rồi tắt hẳn !

Qua những *Thơ say, Mây, Rừng phong, Hoa dâng, Cảm nhong và Trời một phương*, có lẽ thi nhân đã trút cạn nỗi niềm, tinh thần trở nên thanh thoát, tư tưởng được cô đọng trong những dòng thơ *Nhị thập bát tú* rồi đến *Bút nở hoa đàm* chúng tôi tưởng rằng Vũ quân đã định được nghĩa đời và tìm được lẽ sống thanh cao.

(Ấn bản kỷ nhĩ, 18-7-1968)



Chi tuyến

U tình

Anh biết em từ độ
Em mới tuổi mười hai.
Anh yêu em từ thuở
Em còn tóc xõa vai.

Tháng ngày đi mau quá,
Chốc đã sáu năm trời.
Tình anh vẫn chưa hiểu;
« Chưa » là « không » em ơi!

Em vẫn tin anh lắm,
Em vẫn mến anh nhiều,
Nhưng em tin em mến
Đâu phải là em yêu.

Trái tim hờ hững ấy.
Đâu thồn thức vì anh.
Anh cũng không hề chịu
Van xin một ái tình.

Cho nên dòng lệ tủi
Thấm ướt những trang đời,
Xóa nhòa hy vọng cũ,
Hoen ố cả ngày mai.

Lòng anh dần uống cạn
Đến giọt cuối yêu đương.
Chỉ còn của dĩ vãng
Một dư vị chán chường.

Hôm qua tình đã chết.

Anh đã chôn nó rồi.

Anh khóc vì chôn nó

Là chôn cả một đời.

Nhưng anh không đào huyết,

Không vui đất như ai,

Cũng không mua vải liệm,

Cũng không mua quan tài.

Anh chỉ đem chôn nó

Với nỗi niềm chua cay.

Từng mảnh, từng mảnh một

Trong mấy vần thơ đây.

Rồi một chiều xuân thắm,

Say hạnh phúc lứa đôi,

Vô tình em có nhớ

Đến người cũ xa xôi.

Mong em thu nhặt giúp,

Đôi tay dù hững hờ,

Mong em vì hân lựm

Những mảnh tình bơ vơ,

Chấp lại và thương xót

Dành cho một nắm mồ.

Ở nơi dù hẹp nhất

Của lòng em say sưa.

*

Hồn giỗi

Tối qua em ngồi học,

Lơ đãng nhìn đi đâu.

*Dưới đèn anh thoáng nhận
Nét mặt em rầu rầu.*

*— Em buồn ? anh gặng hỏi.
Mấy lần em chẳng nói.
Rồi anh không biết vì sao,
Đầy ghế đứng lên, em giận giỗi.*

*Rũ tung làn tóc rún đôi vai,
Em vùng vằng
Ồn sách vở
Sang phòng bên,
Không học nữa,
Không cho ai vào nữa,
Cũng không thèm nghe nữa
Lời thiết tha anh van gọi mãi ngoài.*

*Nhưng anh nghe thồn thức,
Em khóc trên gối thêu.
Nhưng anh nghe tấm tức,
Em giận hờn bao nhiêu.
Em khóc làm sao mà dễ được,*

*Nhưng anh còn biết làm sao ?
Gọi em. em nhất định
Không mở khóa cho vào.
Từng giây từng phút lòng anh càng bối rối nao nao.*

*Anh vẫn nghe tiếng khóc
Trong vạt áo len hồng.
Anh vẫn nghe tiếng nấc
Dồn dập trên gối nhung.*

Sao em khóc vì đâu hờn tủi ?
 Em buồn có phải lỗi anh không ?
 Hỏi em, em chẳng nói,
 Mặc anh xô cửa phòng,

Ngoài hiên vắng gió đưa vàng rụng đến
 Ngọn tường vi xuống mãi chiếc liềm cong.
 Đêm gần khuya sương đổ,
 Anh thấy ướt vai áo,
 Anh thấy lạnh trong lòng.

*

Tội tân hôn

Do dự mãi đêm nay rời xứ Mộng,
 Ta chiều em bỏ cánh lại cung trăng,
 Lén bước xuống thuyền mây chờ cửa động,
 Vội vàng đi quên biệt giả cô Hằng.
 Gió đêm lồng lộng thổi,
 Thuyền mây vùn vụt trôi.
 Đang băng khuâng điện biếc đã xa rồi
 Giữa lúc tỏa muôn hương đàn sáo nổi.

Ngực sát ngực, môi kề môi,
 Nàng cùng ta nhìn nhau cùng chẳng nói,
 Ôm vai nhau cùng lắng tiếng xa xôi.
 Nguyệt chẳng phải tỳ không, còng không cầm với sắt
 Tai đâu quen mà lạ tiếng tre
 Cung Xé lẫn cung Hồ diu dặt,
 Mình tơ róc rắt,
 Hồn trúc dề mê.
 Những thanh âm nhạc điệu chứa từng nghe.
 Như đưa vắng tự vô cùng xanh ngắt,

Đây nhớ thương tha thiết gọi ta về.
 Gió bỗng dỗi chiều trên tấp xuống.
 Nặng chiu hai vai nằng cổ gượng,
 Thất vòng tay ghè riết lưng ta ;
 Những luồng run chạy khắp thịt da ngà,
 Run vì sợ hay vì ngây ngất ?
 Ta chẳng biết nhưng rời tay chóng mặt,
 Toàn thân lạnh ngất !
 Thuyền chìm sâu sâu mãi bề Hư Vô,
 Mà hương ngát đầu dây còn phảng phất,
 Mà bên tai dần sáo vẫn mơ hồ.
 Ngửa trông lên cung Quế títt mù xa,
 Dần dần khuất,
 Dưới chân ta.
 Thuyền mây sóng lật,
 Không gian vừa sụp đổ chung quanh.
 Một trời đêm siêu rặng tan lành.
 Dư hương yếu từng giây,
 Dư hương dần loãng nhạt
 Trong tay níu đôi thân liền sát,
 Nhè nhẹ rơi vào lớp sóng khinh thanh.
 Sao lìa ngôi phương hướng ngã bên mình.
 Cơn lốc nổi,
 Đòn tiên thôi gọi,
 Âm thầm xa bật tiếng tiêu,
 Nhưng mê man say uống miệng người yêu.
 Ta cũng như nàng
 Cảnh ngộ chốn Bồng Lai đâu nhớ tới.
 Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mãi ?
 Chút thơ ngây còn lại cùng vừa chôn.
 Khi tỉnh dậy buồn như nơi hạ giới
 Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn.

Mười hai tháng sáu

Trăng của nhà ai trăng một phương ?
 Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường.
 Ở, đêm tháng sáu mười hai nhì !
 Tổ của Hoàng ơi ! Hơi nhớ thương !

Là thể, là thôi, là thể đó !
 Mười năm thôi thể mộng tan tàn.
 Mười năm trăng cũ ai nguyện ước ?
 Tổ của Hoàng ơi ! Tổ của Anh.

Tháng sáu mười hai — từ đây nhé
 Chung đôi — từ đây nhé lia đôi.
 Em xa lạ quá đâu còn phải
 Tổ của Hoàng xưa, Tổ của Tôi.

Men khổi đêm nay sâu dựng nộ,
 Bia đề tháng sáu ghi mười hai,
 Tình ta ta tiếc, cuồng ta khóc.
 Tổ của Hoàng, nay Tổ của ai !

Tay gõ vào bia mười ngón rập,
 Mười năm theo máu hận trào rơi.
 Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp,
 Khúc Cờ-Bồn-Ca gõ hát chơi.

Kiều Thu hề Tổ em ơi !
 Ta đang lửa đốt toi bời Mái Tây,
 Hàm Ca nhịp gõ khổi bay
 Hồ Xư Xang Xế bàn tay diên cuồng.

Kiều Thu hề trọn kiếp thương,
 Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô.
 Xư Xang Xế Xư Xang Hồ
 Bàn tay nhịp gõ diên rồ khổi lên.

Kiều Thu hễ Tổ hơi em !
 Nghiêng chân rón bẻ mà xem lửa bùng
 Xế Hồ Xang khói mờ rung
 Nhịp vượn sầu tỏa năm cung ngút ngàn.

*

Mời say

Khúc nhạc hồng êm ái,
 Điệu kèn biếc quay cuồng.
 Một trời phấn hương,
 Đôi người gió sương.
 Dầu xanh lặn đặng, cùng xót thương, càng nhớ thương,
 Hoa xưa tươi, trắng xưa ngọt, gối xưa kẻ, tình nay
sao héo ?

Hồn ngã lâu rồi, nhưng chân còn dạo,
 Lòng chót nghiêng mà bước vẫn du dương.
 Lòng nghiêng tràn hết yêu đương,
 Bước chân còn nhịp Nghê Thường lặng lẽ.
 Ánh đèn tha thướt,
 Lưng mềm nảo nuốt dáng tơ.
 Hàng chân là lướt,
 Đê mê hồn gửi cánh tay hờ.
 Âm ba gờn gợn nhỏ,
 Ánh sáng phai phai dần...
 Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
 Lui đôi vai, tiến đôi chân,
 Riết đôi tay, ngã đôi thân,
 Sân gổ trơn chập chờn như biển gió,
 Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ,
 Hay thêm say, còn đó rượu chờ ta !

Cờ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa,
 Tay mềm mại, bước còn chưa chuyển choáng
 Chưa cuối xứ Mê Ly, chưa cùng trời Phóng Đãng,
 Còn chưa say, hồn khát vẫn thêm men.
 Say đi em ! Say đi em !
 Say cho lời lả ánh đèn,
 Cho cung bậc ngã nghiêng, diên rồ xác thịt
 Rượu, rượu nữa và quên, quên hết.
 Ta quá say rồi !
 Sắc ngã màu trời...
 Gian phòng không đứng vững,
 Có ai ghi hư ảnh sát kề môi ?
 Chân rã rời,
 Quay cuồng chi được nữa !
 Gối mới gần rơi,
 Trong men cháy giấc quan vừa bén lửa,
 Say không còn biết chi đời !
 Nhưng em ơi !
 Đất trời nghiêng ngửa
 Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ.
 Đất trời nghiêng ngửa,
 Thành Sầu không sụp đổ em ơi !

*

Phương xa

Nhỏ neo rồi thuyền ơi xin mặc sóng
 Xô về Dòng hay giặt tới phương Đoài.
 Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng,
 Lòng cô đơn cay đắng họa dần vơi.
 Lũ chúng ta lạc loài đắm bầy dứa
 Bị quê hương ruộng bỏ, giống nòi khinh.

Bè vô tận sá gì phương hướng nữa,
 Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đèn.
 Lơ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ,
 Một đôi người u uất nổi chơ vơ.
 Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị.
 Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.
 Men đã ngấm, bọn ta chờ nắng tắt,
 Treo buồm cao, cùng cao tiếng hồ khoan.
 Gió đã nổi nhịp trăng chiều hiu hắt,
 Thuyền ơi thuyền theo gió hãy cho ngoan.

*

Buồn đêm đông

Mây bay mờ thấp lối đông sang
 Hồn lạnh tương tư nẻo gió vàng
 Hương cúc mong manh tà áo lụa
 Tình thu dài mãi chút dư vang

 Hoa gầy lây lút níu cành xương
 Cánh nhỏ đêm qua rụng ngập đường
 Gối chiếc nằm nghe sầu bốn mặt
 Đều đều mưa nhịp ý thê lương

 Rượu cũ Hoàng-hoa vị đắng rồi
 Men tàn thêm gợi nhớ xa xôi
 Hương say nhạt với màu thu úa
 Chén lẻ sầu dâng lạnh thấm môi

Buồng vắng ơ hờ chẵn chiều đơn
 Phên thưa lọt gió buốt từng cơn
 Ngoài xa bằng bạc lên sương khói
 Tuyết phủ chiêm bao mộng chập chờn...

*

Hơi tàn Đông Á

Phơi phơi linh hồn lỏng khóa then,
 Say nghe giọt nhựa khóc trên đèn.
 Mê ly cả một trời Đông Á,
 Sức tỉnh trong lòng năm mộ đen.

Đáy cốc bao la vạn vực sâu,
 Ngai vàng Mông-Cồ ngự đêm nâu.
 Hãy nghe bão táp trong cô tịch,
 Vó ngựa dân Hồi giẫm đất Âu.

Thuyền chiến nằm mơ cuộc viễn chinh,
 Buồm neo rời rạc bến U Minh.
 Dâu dây oằn oại trong làn khói,
 Lốp lốp uy nghi Vạn Lý Thành.

Thuốc cháy âm thầm hãy lắng tai,
 Phương Đông là một tiếng than dài.
 Bao nhiêu năm đã từng oanh liệt,
 Bốn bề quy hàng nép dưới ngai.

Nhựa chín dần trên ngọn lửa đào,
 Ngược dòng năm tháng khói lên cao,
 Hương thiêng rẽ lối đôi bờ mộng
 Cung các vàng son một thuở nào.

Gối nệm lênh đênh xác thịt hờ.
 Thuyền Say một cánh lướt giòng Thơ.
 Trăng hiu hắt ngủ đêm khuya rợn,
 Sương khói phù dung ngập bến bờ.

Thế kỷ huy hoàng của Á Châu
 Hiện về trên gối một đêm nâu
 Mây xanh cánh rộng ai mơ đó?
 Hồn có tiêu tan vạn cổ sầu?

*

Bài ca siêu thoát

Trải mấy hoang mang tìm kiếm
 Lòng sao khát mãi chưa vừa?
 Hai lẽ « Có, Không » mâu nhiệm
 Đêm đêm ta hỏi người xưa.
 Được kim cở, đây hồn ta thành kính
 Hội trăm luân cùng ý thức Huyền-Vi.
 Mà sáu ngã hồn mê còn chưa định
 Ta về đâu? Kia Người đến làm chi?
 Phải chăng muôn kiếp nặng nề
 Từ Hư Không tới, lại về Không Hư?
 Lẽ nào mộng cả thôi ư?
 Người ơi! Giọt bề chứa dư tang điền.
 Một sớm lòng say chợt đổ nghiêng
 Trăng sao tiềm thức sáng dài thiêng
 Non lam nổi dáng hư huyền
 Bụi đỏ phai màu nhân sự,
 Trang đạo lý thơm tho từng nét chữ
 Mười ngón tay đan díu cõi Vô-Hình
 Xác tục lằng lằng chờ cơn gió hiền linh.

*Ai xưa quên ngày tháng hát Vong Tình ?
 Kia phương Nam, Hoa nở vút lời Kinh !*

*Dằng dặc trăm luân mấy độ
 Thuyền ta trôi hể ý ta bay.
 Sông in bóng nguyệt không mà có ?
 Hay có mà không nhĩ gã Say ?
 Người vừa ôm ấp trong tay
 Nhạc gợn đêm nào vạn cổ ;
 Sau trước cùng chung niềm tín mộ
 Dâu lẽ « có » chiều xưa mà « không » sớm nay !*

*Ngơ ngác luân hồi mấy thuở
 Mộng ta bay hể cánh ta trôi.
 Bề Nam mù mịt không mà có ?
 Hay có mà không, cự điều ơi ?
 Người vừa rút ngắn xa khơi
 Chín vạn đêm nào mượn gió ;
 Dây đay cùng chung niềm ngưỡng mộ
 Dâu lẽ « có » riêng nơi mà « không » riêng nơi !
 Từng thiên rộng mở say sưa
 Nghĩa màu nhiệm vang vang từng nét.
 Ôi Lý-Bạch, Trang-Chu đường chim nẻo nguyệt !
 Từ đây nhân gian đà lạc vết người xưa.
 Dãy sông chìm mãi Lầu Thơ
 Giấc mơ Hồ-Điệp ai mơ được nào !
 Khoảnh khắc tơ bời thế sự
 Ta nghe tiem thức trắng sao.
 Trời vô tận hiền linh về nét chữ
 Thuyền chiếc phiêu du hể đôi cánh tiêu dao..
 Hương quen màu nhớ xôn xao*

*Lòng thoát ra ngoài sống chết.
 Ôi Lý-Bạch, Trang-Chu đường chim nẻo nguyệt !*

Đời họa còn ta là theo vết người xưa.
 Đáy sông tìm dựng Lầu Thơ
 Giấc mơ Hồ Điệp chờ mơ đó hề !

 Lửa nào đây soi rặng đuốc nào kia
 Phấp phới tinh kỳ để khuyết.
 Hồn ta giấc ngộ quay về
 Khôi phục ngai vàng bất diệt.
 Ôi Lý-Bạch, Trang-Chu đường chim nẻo nguyệt !
 Thông cảm riêng ta nằm lẫn vết người xưa.
 Đáy sông bừng dựng Lầu Thơ
 Giấc mơ Hồ Điệp chẳng mơ cũng thành
 (Rừng phong 1954)

*

Bài ca sông Dịch

Dời lắng nghe đây trăm tư hồn bề dâu
 Bâng bặc trường giang lạnh khói
 Dìu hiu điệp khúc ly sầu
 Đã mấy thời gian nằm u hoài sông Dịch
 Tiễn kẻ một đi người kiếm khách Đông-châu
 Ôi sông ngát dư linh ! trải bao đời có biết
 Hào khí ai xưa giờ vang bóng nơi dâu,
 Phải chăng người ! phải chăng kìa dấu vết
 Linh anh rờ rờ ngàn sau.
 Nước trôi đây nước trôi bờ cõi Việt
 Ẩn u gợn tiếng ghê màu
 Ai trảng sị bao năm mài gương dưới nguyệt
 Còn trông nghe hồn thép múa sông sâu
 Kinh-Kha hể Kinh-Kha
 Vinh cho người hề ! ba nghìn rân khách
 Tiễn người đi tiếng trúc nhịp lời ca.

Biên thùi trống giục
 Nẻo Tần sương sa
 Gió thê lương quần quại khói chiều hà
 Buồn xưa giờ chưa tan
 « Phong tiêu tiêu hể Dịch thủy hàn »
 Bạch Vân ! Bạch Vân ! kìa ngang rừng phất phớt
 Ồ màu tang khăn gói lữ người Yên
 Nhịp vó câu nẻo Hàm-dương tung bụi
 Ta nghe, ta nghe ! này cuồng phong đấy lên.
 Lám phương trời khói lửa
 Một mũi dao sang Tần
 Ai trách Kinh-Kha rằng việc người đã lỡ
 Ai khóc Kinh-Kha rằng thêm cao táng thân
 Ai tiếc đường gươm tuyết diệu
 Mà thương cho cánh tay thần
 Ta chỉ thấy
 Tôi bởi tướng sĩ thây ngã hai bên
 Một triều rối loạn ngai vàng xô nghiêng
 Áo rách thân rung hể, ghê hồn bạo chúa
 Hùng khí nuốt sao Ngâu hể, nộ khí xung thiên
 Một cánh tay đưa mà danh lừng vạn cổ
 Hiệp sĩ Kinh-Kha hể, người thác đã nên
 Ta há quan tâm gì việc thành hay bại
 Thế gian ơi kìa bãi bẽ nương dâu
 Cung điện Hàm-dương ba tháng đỏ
 Thành xây cõi dựng là đâu
 Nào ai khởi nghiệp dễ
 Nào ai diệt chur hầu
 Ca trùng lửa đóm, cùng hoàn phản không hư
 Dù lãng ngà hay cò khâu
 Riêng tồn tại với thời gian việc làm chính nghĩa
 Tranh sáng với trăng sao tấm lòng trượng phu

Một nét dao bay ngàn thuở đẹp
 Dù sai hay trúng cũng là dư.
 Kìa uy dũng kẻ sang Tần không trở lại
 Đã trùm lẩn Yên-Ly hề át Chuyên-Chư.
 Ới Kinh-Kha.

Hào khí người còn sang sảng
 Đâu đây lửa chói giấc mơ
 Nước sông Dịch còn trôi hay đã cạn
 Gương anh hùng đẳng đặc sáng thiên thu.
 (Rừng phong)

*

Lá thu ngày trước

Yêu một khắc đề mang sầu trọn kiếp
 Tình mười lăm còn lại mấy tờ thư
 Mộng băng quơ hò hẹn cũng là hư
 Niềm son sắt ngậm ngùi duyên mỏng mảnh
 Rượu chẳng ấm mưa hoài chạnh chiều lạnh
 Chút hơi tàn leo lét ngọn đèn khuya
 Giấc cô miên rừng rợn nẻo hôn mê
 Gió âm tường bay về quanh nệm gối
 Trong mạch máu chút gì nghe vương rớt
 Như tơ tình thắt mắc buổi chia xa
 Ngón tay run ghì nét chữ phai nhòa
 Hơi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp
 Yêu mê thế đề mang sầu trọn kiếp
 Tình mười năm còn lại chút này đây
 Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay
 Còn e ấp thuở duyên vừa mới bén
 Ai dám viết yêu đương và hứa hẹn
 Lần đầu tiên ai dám ký « Em Anh »
 Nét thon mềm run rẩy gắng đưa nhanh

Lòng tự thú giữa khi tìm trốn nấp
 Mười hàng chữ đơn sơ ở ngược ngấp
 E dề sao mười hàng chữ đơn sơ
 Màu mực tươi xanh ngát ý mong chờ
 Tình hé nụ bừng thơm trong nếp giấy
 Ôi thân mến nhắc làm chi thuở ấy
 Đêm nay đây hồn xé nẻo thu tàn
 Khóc chia lìa ai níu gọi than van
 Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối
 Say đã gắng đề khuây sầu lẻ gối
 Mưa mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau
 Gấm the nào từ buổi lạnh lòng nhau
 Vàng son có thay màu đôi mắt biếc
 Tình đã rời đi riêng mình tưởng tiếc
 Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa
 Lá lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa
 Say chẳng ngán những đêm đặng đặc nhớ
 Trăng nào ngọt với duyên nào thắm nở
 Áo xiêm nào rục rờ ngựa xe ai
 Đây mưa bay mờ chậm bước đêm dài
 Đêm bất tận đêm liền đêm kể tiếp
 Yêu sai lỡ đề mang sầu trọn kiếp
 Tình mười năm còn lại chút này thôi
 Lá thư xưa màu mực úa phai rồi
 Duyên hẳn thắm ở phương trời đâu đó.

*

Chậm quá rồi

Mai hôm nay lá úa ngấp lòng ta
 Lệ ngâu đã bắt đầu gieo thánh thót
 Sen từng cánh với sương trinh từng giọt
 Bắt đầu rơi Thu đã tới lòng ta.

Mãi hôm nay ôi nửa kiếp trông chờ
Nàng mới đến tay chèo khua nhẹ sóng
Tóc trẻ nãi trên lưng còn bỏ thõng
Vòng hoa đào ôm lệch trán ngây thơ

Mãi hôm nay một buổi sớm thu mờ
Nắng đã tắt nơi lòng ta lạnh lẽo
Hương đã nhạt mà hoa dần đã héo
Còn chi đâu nồng thắm đề yêu mơ

Có ai đem xây đắp một ban thờ
Với những mảnh bình tan trâm gãy nát
Có ai tặng đề cho người dờ khát
Một vò không hay một trái tim khô

Bao nhiêu năm tưởng đã phí công chờ
Ta xé vụn ân tình gieo rắc mãi
Nay dầu muốn thu về khâu chắp lại
Cũng không sao toàn vẹn được như xưa

Lòng ta ơi xin trở lại bên mờ
Đề thương xót những hoa tàn lá rụng
Và đôi cánh vô duyên đừng mở rộng
Đón đưa người nhan sắc đến lầu Thor

Kìa đã thôi rún rầy cặp vai ngà
Nàng quăng mái chèo đi rồi đấy nhé
Tay dương vẫy miệng nhung đào sắp hé
Bốn trời sương sắp vọng bốn tên ta

Lánh đi thôi Nàng đã bước lên bờ
Dầu đi nữa cả không gian sầu muộn
Ta chẳng nhớ trời ơi ta chẳng muốn
Của lòng ta Nàng đến lúc thu sơ

Bạc tình

Hoa trắng đầy mờ
 Nào nuốt tiếng ai vừa khóc
 Sương vắn đục
 Khói mơ hồ
 Nhìn quanh chiều xám với tha ma
 Vắng tanh ôi chiều nơi tha ma
 Nhưng đâu đây ai khóc gần hay xa
 Mà thảm thiết hay thu vừa nức nở
 — Không không phải giọng hờn trong sắc úa
 Không cũng không âm nhạc của màu phai
 — Tiếng mùa thu ta lắng đã quen tai
 Nhưng gió tắt mà sao còn động cỏ
 Hoa lung lay vật vờ nắm hương tàn
 Hay tiếng khóc dâng lên từ đáy mộ
 Của muôn đời chưa nín hận òa tan

 Ngậm ngùi u uất
 Nào nuốt than van
 Oán thương chi mà cay đắng muôn vàn
 — Ta chẳng biết nhưng ai mà biết được
 Chân đứng lại hồn trôi vào thuở trước
 Tưởng chừng nghe thánh thót lệ người xưa
 Hán Minh Phi muôn dặm đất Thuyền Vu
 Tiếc cung điện Trường-An còn nức nở
 Ai vụng tính để cung đàn lơ dờ
 Ai quên lời sai hẹn lúc chia tay
 Mất mòn trông ải Nhạn khói mây đầy

 Ngậm ngùi u uất
 Nào nuốt chưa cay
 Oán thương chi mà xương máu tràn đầy
 — Sao tiếng khóc còn dâng thê thiết mãi

Bóng chiều buông đã lạnh kín tha ma
 Từ cõi âm còn vắng đến lòng ta
 Niềm di hận của ai người bạc mệnh
 Tay run rẩy nhưng không vì gió lạnh
 Bỗng dề rơi trên cỏ nắm vàng hương
 Ta vừa thấy một linh hồn mỏng mảnh
 Núi vai ta đòi trả lại yêu đương.
 Lòng trơ vơ rừng rợn nỗi kinh hoàng
 Lời cay đắng tưởng vô cùng bất tuyệt
 Ngậm ngùi thống thiết
 Rầu rĩ thế lương
 Tiếng nước nở trên vai nhường rỏ huyết
 Niềm oán hận càng nghe càng rõ rệt
 Ôi trăm đau nghìn tủi quá bi thương
 Chiều hôm nay ta viếng mộ một tình thương

*

Lửa từ bi

Kính dâng lên Bồ Tát Quảng-Đức

Lửa! Lửa cháy ngất Tòa Sen!
 Tám chín phương nhục thề trần tâm
 Hiện thành thơ, quỳ cả xuống.
 Hai Vàng Sáng rung rung
 Đông Tây nhòa lệ ngọc
 Chắp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc,
 Ánh Đạo Vàng phơi phơi
 Đang bừng lên, đang lên...

Ôi đích thực hôm nay Trời có Mặt
 Giờ là giờ Hoàng-Đạo nguy nga.
 Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
 Nhìn nhau : tình huynh đệ bao la.

Nam mô Đức Phật Di-Đà
 Sông Hằng kia bời đâu mà cát bay ?
 Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
 Người rẽ phăng đêm tối đất dày
 Bước ra, ngồi nhập định, hướng về Tây
 Cội hết Lửa vào xương da bò ngó,
 Phật pháp chẳng rời tay...
 Sáu ngã luân hồi đâu đó
 Mang mang cùng nín thở
 Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay.
 Không khí vịn mình theo
 Khóc òa lên nổi gió,
 Người siêu thăng...
 Đông bão lắng từ đây.
 Bóng Người vượt chín tầng mây
 Nhân gian mất rọi bóng cây Bồ-Đề

 Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc !
 Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi !
 Chỗ người ngồi : một thiên-thu-tuyệt-tác
 Trong vô hình sáng chói nét Từ-Bi.
 Rồi đây, rồi mai sau, còn chi ?
 Ngọc đá cũng thành tro
 Lụa tre dần mục nát
 Với Thời-Gian lê vết máu qua đi.
 Còn mãi chứ ! Còn Trái Tim Bồ Tát
 Cội hào quang xuống tận ngục A-Tỳ.

 Ôi ngọn Lửa huyền vi !
 Thế giới ba nghìn phút giây ngơ ngác
 Từ cõi Vô-Minh
 Hướng về Cực Lạc.
 Văn điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác

Và chỉ nguyện được là rơm róc,
 Thơ cháy lên theo với lời Kinh;
 Tụng cho nhân loại hòa bình
 Trước sau bền vững tình huynh đệ này.

Thần thức nghe lòng Trái Đất
 Mong thành Quả Phúc về Cây
 Nam mô Bồ đề sư Thích Ca Mâu Ni Phật
 Đồng loại chúng con

Nắm tay nhau tràn nước mắt
 Tình thương hiện Tháp Chín Tầng xây.

Khởi viết từ ngày 11-6-63
 xong ngày 15-7-63 tại Sài-gòn.

*

Nỗi lửa từ bi

Dân tộc ta không thể nào thua !
 Đạo pháp ta đời đời xán lạn !
 Dầu trải mấy qua phân ly tán,
 Bị áp bức, phao vu, bội phản,
 Nhưng vẫn còn Núi còn Sông, còn chót vót
 Mãi ngôi Chùa.

Hỡi kẻ sống không tìm ! kia muôn
 Người chết không mờ
 Đang ngồi dậy — chẳng sức gì ngăn cản —
 Nối tiếp nhau trong một lời hô :
 « Trả lại chúng ta ngày Phật Đản !
 Chấm dứt đi mau ngày Quốc Nạn ! »
 Và từng mảnh thịt xương rã rời bom đạn
 Vùng đứng lên gào thét vỡ sông hồ,
 Khắp bãi biển hoang liêu;
 Khắp rừng cây rách nát :

Đà-nẵng Đà-lạt

Sài-dô Huế-dô...

Vùi nông, những nắm xương khô

Từng oan thác, cũng đội mồ bước lên.

Mỗi Phật tử bên kia bờ thảm sát

Dầu vong thân vẫn chỉ sắt son bền,

Đang trở về trong tình thương bát ngát

Theo nhịp cầu chuông mở nối hai bên.

Hồi thanh sáu ngã vang rền !

Cuộc tranh đấu vượt ra ngoài giới hạn

Của Tử Sinh... Mầu nhiệm Pháp Vô-biên !

Suối Hùng-lực mấy muôn thu chẳng cạn,

Nước cảnh dương tày xóa mọi oan khiên...

Chúng ta may còn sống

Lẽ nào chưa xúc động ?

Chưa lắng nghe tiếng gọi triền miên

Đã ngân vang Sáng Tối cả hai miền ?

Ôi, từ Phật mở kỷ nguyên,

Tháng Tư nguyệt chẳng đoàn viên, có gì ?

Tiếng niệm Phật cháy dài trang lịch sử,

Mười phương tín đồ tăng ni.

Trải tìm thầy Quảng-Đức

Vừa rung lên phơi phơi Đạo kỳ.

Ức triệu người hôm nay lòng sáng rực

Sau ba năm nguyện nối Lửa Từ Bi ...

Dòng trời mưa nắng kẻ chi ;

Lửa dâng cao, gió huyền vi sang mùa !

Lẽ thường : ngôi chúa ngôi Vua

Dựng trên súng phải tiêu vong dưới đạn.

Chỉ còn lại tinh thần Nhân-bản

Vằng vặc Núi Sông chót vót Ngôi Chùa.

Nên đâu bị qua phân ly tán,
 Bị áp bức, phao vu, bội phản,
 Đạo Phật ta vẫn đời đời xán lạn !
 Dân Việt ta vẫn không thề nào thua !
 Sài-đô Phật lịch 2.510

*

Người với người

Thông điệp của Một gửi cho Tất Cả

Chúng ta đều là người
 Đều thể đứng cao sang
 Đều sắc máu đỏ tươi
 Đều hãnh diện trên muôn loài ngự trị,
 Nhưng buồn thay ... một phút nào kia
 Nếu không gian chẳng còn đường khí;
 Cũng đều ngã ra chắm hết cuộc đời.
 Sao các bạn, các anh, các chị,
 Ở nơi đây và tất cả những nơi đâu
 Lại quên được — sao mà quên được nhỉ ? —
 Rằng « thật đa ai cũng là Người »

Nhân loại đã từng rên xiết
 Đói rữ xương và khát cháy thiếu môi,
 Quặn quại với nhu cầu khản thiết
 Qua bao thế kỷ nay rồi
 Tật bệnh, tai ương, điều tàn, hủy diệt,
 Biền mện ư ? — Máu, lệ, mồ hôi !

Chính các chị, các anh, các bạn
 Cũng có lửa khắc sâu trên trán
 Từ sơ sinh hai chữ con Người
 Cũng mang nặng bùn nhơ kết khối phàm thai,

Cũng giương mắt bao phen
 Giữa vòng sao thác loạn
 Cũng lê chân qua mờ mịt đêm dài,
 Cũng da thịt biết đau từng vết rạn
 Ở mỗi tế bào phân tán
 Khi nắng đốt trên đầu gió quất trên vai.
 Nhìn nhau, đẩy đẩy một loài ;
 Xót xa nhau chút hình hài với nao !

Nhớ xưa Nhạc, Huệ
 Cùng tranh ngôi cao
 Một lời thống thiết
 Muôn đời gởi trao :
 « Nồi da nấu thịt
 Lòng em nở nào ? »

Một con ngựa đau cả tàu nhịn cỏ,
 Loài vật kia chẳng cũng dạy Người sao ?
 Búa nện xương kêu, gậy đập máu gào
 Đáng lẽ phải vang rền tim óc bạn,
 Và chất chứa hồi thanh trong huyết quản
 Dựng gươm dao cắt chín thịt da mình:
 Lẽ đâu các bạn làm thinh
 Nhìn Con Người hiện nguyên hình
 Đau thương

Các chị các anh còn biết khóc
 Mỗi xa người thân, chia uýên ương,
 Còn biết những canh dài trần trọc
 Nhớ quê nhà chìm trong khói sương,
 Còn trang sử ông cha mở đọc
 Biết rung rung sôi chí quật cường,
 Hồn còn tìm còn óc
 Còn nhân luân còn linh tính

Còn thiên lương ;
 Sao có thể đeo vết như làm ngọc ?
 Xúc mùi tanh làm hương ?
 Kìa máu, máu !
 Vết như ấy lột da đi không tróc
 Mùi tanh ấy quyện vào hơi vào tóc
 Như mọc lên như sờ thấy trong gương ;
 Bóng mình chẳng ? Hay đó Quỷ Vô-Thường ?

Không, ngàn lần không ;
 Chúng ta không phải Quỷ !
 Mà hết thấy các anh các chị
 Với tôi cùng một loài Người,
 Tuổi ý thức đã hàng trăm thế kỷ
 Dù, nói cho khiêm nhượng, mới Hai Mươi
 Đau khổ đã cắt ngang vào não tủy
 Nghĩa Từ Bi xây dựng cứu đời ;
 Thì tin rằng mai đây và khắp nơi
 Bóng Hoạt Phật lung linh dài Tử Sĩ ;
 Muôn ngọn hải đăng
 Tinh hồn cơ khí,
 Bằng ánh sáng « vô chung vô thủy »
 Soi đường khoa học giữa mù khơi.
 Những mầm mống Tương-Tàn, Kỳ-Thị
 Như lá mùa thu phải rụng rơi.
 Nhân loại hiện chân thân
 Cùng tìm ra chân lý :
 Đức Hiếu Sinh vắng vặc ngôi Trời..

Vững lòng tin ở xa vời,
 Bàn tay chẳng nhuộm máu Người, giơ lên !

13-8-1963

Bánh xe Diệu Pháp

Đàn chim kêu thương
 Cánh nặng chiu một trời oan khuất
 Ngóng về Nam,
 Về Bắc,
 Cả hai phương sừng sững dựng mây thành.
 Sân chùa cây bật gốc
 Triền miên tử khí vây quanh.
 Giờ cúng trái hải hùng mưa gió,
 Từng tiếng kêu bé nhỏ
 Rào kềm gai xé nát hời thanh.
 Cá dưới khe vọng về Đông, khắc khoải.
 Sao lắng nghe vào màu xanh
 Cửa sông phiêu lưu
 Cửa biển tung hoành
 Chỉ thấy nước như nước hồ ao
 Năm trong tù độc thoại ?
 Muôn trùng cửa khóa
 Hơi bốc lên mùi máu còn tanh...
 Biển có chừng bao nhiêu góc ?
 Sông chia làm mấy mươi ngành ?
 Bạc trong gai, nghẹn lời kinh
 Giật về đâu, phút lâm hình nửa khuya ?
 Nhưng đá núi kia
 Và lá rừng đây
 Cắm thù gan héo nát
 Mồ hôi nước mắt tháng năm dầy ;
 Thoắt đã cùng chim cá
 Vùng lên tất cả
 Niệm mười phương Phật hướng về Tây
 Là có hôm nay

Những người tu hành
 Cẩn tay bạo ngược liều bom đạn
 Nồi lửa Từ Bi giải sắt danh.
 Tháp chín tầng cao đường dài sáu tháng
 Năm màu Cờ phất tương lai xanh.
 Phật hiển hiện ; muôn loài vững bước
 Áo lên, xiềng xích tan tành.
 Trời quay mặt lại,
 Sông núi hò reo cưỡi sóng khoáng,
 Kia xem ; Ác quỷ đã rơi nanh !

Ôi niềm ngây ngất
 Khói dâng mây lành !
 Trang sử Việt

Cũng là trang sử Phật
 Trải bao độ hưng suy
 Dầu quy mà chẳng mất
 Lại giờ đây sáng ngời uy danh.
 Hàng chữ số : 2507
 Khắc bằng lửa vào lòng đây lòng đấy
 Nơi Trái-tim Bờ-tát truyền sang tính anh...
 Cỏ cây nhập hội
 Chim cá đồng thanh
 Văn thơ sóng nổi
 Dư âm nhiệt thành.
 Răng : Xe Diệu Pháp ba ngàn cõi
 Một cõi này thơm vết dấu tranh.

11-1963

Nguyễn cầu

Ta còn để lại gì không ?
 Kia non đá lở, này sông cát bồi...
 Lang thang từ độ luân hồi,
 U minh nẻo trước, xa xôi dặm về.
 Trông ra bến Hoặc bờ Mê,
 Ngàn thu nửa chớp, bốn bề một phương.
 Ta van cát bụi trên đường
 Dù như dù sạch, đừng vương gót này.
 Đề ta tròn một kiếp say,
 Cao xanh liễu một cánh tay níu trời.
 Thơ ta chẳng viết cho đời,
 Không vang nhịp khúc dây cườì nào dẫu !
 Tâm hương đốt nén linh sầu
 Nhớ quê dâng đặc ta cầu đó thôi,
 Đêm nào ta trở về ngôi,
 Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian.
 Một phen đã nín cung đàn,
 Nghĩ chi còn mắt hơi tàn thanh âm.

(Hà-nội 1950)



XUÂN-DIỆU

XUÂN-DIỆU tên thật là Ngô xuân Diệu, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1917, (con cụ tú Ngô xuân Thọ, giáo sư Hán văn trường Collège Qui-nhơn) người làng Can-lộc, huyện Trảo Nha, tỉnh Hà-tĩnh (Trung-phần).

Xuân-Diệu trước học ở Qui-nhơn, sau ra Huế, rồi Hà-nội, có bằng Tú-tài Pháp và làm Tham-tá sở Thương-chánh Mỹ-tho (Nam phần).

Ông có chân trong Tự lực văn đoàn, từng viết cho các báo Phong hóa (1935), Ngày nay. Tinh hoa, Tri tân.

Các tác phẩm được xuất bản sau đây:

- Thơ thơ (Đời nay, Hà-nội, 1938)
- Phấn thông vàng (tiểu thuyết, Đời nay xuất bản, 1939)
- Gửi hương cho gió (Thời đại, Hà-nội 1944)
- Trường ca (Thời đại, Hà-nội, 1944)

Tư tưởng trong thi ca :

Trong Lược sử văn nghệ Việt - nam, ông Thế - Phong đã chia khuynh hướng thi ca của Xuân-Diệu ra hai thời kỳ :

1) Trước 1945, thiên về lãng mạn tâm lý (Thơ thơ, Gửi hương cho gió).

2) Sau 1945, thiên về lãng mạn cách mạng (sự hòa đồng của tình yêu và tranh đấu).



KHOẢNG thời gian từ 1938 đến 1942 có thể nói là thời đại vàng son của nền thơ mới, Xuân-Diệu chiếm hẳn địa vị độc tôn trên thi đàn Việt - nam. Tiếng thơ của Xuân-Diệu như luồng gió mới thổi mát tâm hồn tuổi trẻ, như giải thoát một nếp sống quá cầu thúc của luân lý xưa, mà ngày nay ta có thể nói Xuân-Diệu là nhà thơ đầu tiên ở Việt-nam đã áp dụng thuyết hiện sinh vào thi ca lúc bấy giờ.

Tư tưởng mới mẻ này bị đá kích rất nhiều mà hưởng ứng cũng không ít.

Sau khi chiến tranh Việt-Pháp chấm dứt, bao người đã ra đi, nhưng Xuân-Diệu vẫn còn lưu luyến bên kia dòng Bến-hải. Từ ấy nhân này, ta không còn nghe tiếng thơ của Xuân-Diệu, một hương hoa tình ái ngày nào nay đánh đóng dấu ngoặc để kết thúc một giai đoạn đời của nhà thơ đất Can-lộc.



Dư luận thuận và nghịch về sự xuất hiện thơ Xuân-Diệu

Trong những năm còn tranh luận về thơ cũ thơ mới, tiếng thơ của Xuân-Diệu vừa chào đời là gây luồng dư luận khá sôi nổi.

Phái xưa coi đó như cái gì khả ố cần phải tiêu diệt vì nó quá sỗ sàng, trắng trợn. Người ta chê nào là « ngây ngô », nào « tây » quá, « thơ đâu lại có thứ thơ quái gở như thế. »

Người ta đã kích cái tư tưởng « kém lành mạnh » một cách gắt gao. Họ viện những lý lẽ sau đây :

— « Xuân-Diệu làm thơ quá mới mẻ đối với nền học thuật Việt-nam từ trước tới nay, những tư-tưởng của ông thường quá táo bạo, không ngại ngùng, e dè, ngần ngại, chỉ thích nói lên những gì mình cần nói mà thôi. »

— « Xuân-Diệu thường làm thơ theo một thể mới khó hợp với lớp người cũ, có nhiều bài thơ của Xuân-Diệu mang hẳn tính chất thơ tự do hoàn toàn chẳng hạn như bài thơ Riêng tây trong tập Gửi hương cho gió sau đây :

Riêng tây

Trời mưa gió hôm nay ta đóng cửa,
 Nằm riêng tây trong nỗi nhớ ngàn đời.
 Gối âm thầm nâng đỡ tóc buông rơi,
 Chân im lặng phủ trùm vai rã dơi.
 Chiều chi vậy, đề lòng ta chết đuối
 Giữa lòng ta thương tiếc nỗi mệnh mang.
 Ngó ra : rung rinh lệ ngọc hai hàng,
 Biển nước mắt của lòng thương bát ngát.
 Trên trần lạnh thản thơ dăm bóng nhạt.
 Gợn làn không, sâu lớp lớp đi qua..
 Ta nằm đây như một ải quan xa
 Suốt năm tháng chẳng có người tiếp nối.
 Viên tướng trẻ đêm đêm nằm bố gối
 Chấn giá đơn vang dội rét biên thủy ;
 Cho đến như con ngựa phận truy tùy
 Cùng nhớ nước, thẩn thờ nhai miếng cỏ.
 Ta buồn bã riêng tây như đứa nhỏ

Mẹ bỏ đi, vò vớ kiếm đồ chơi.
 Không ai thương nên chẳng dám hé lời,
 Biết thân phận ghì môi không muốn khóc
 Cây rung, nước lạnh, ai kẻ xông pha.

Đội một trời dề tưởng tới lòng ta.
 Ai ghé đến?

— Thôi ta gài thêm cửa

Chẳng mong ai có thấp đèn chi nữa.
 Lặng mà nghe thời khắc xuống êm êm,
 Hừng hờ trông ngày tranh thờ với đêm,
 Chiều xa vắng một mình ta ở giữa.
 Nhớ hương xưa, gọi là thêm chút lửa
 Đắp thêm chấn im lặng cho dằm...

— Ngủ đi, ngủ đi, sầu hận muôn năm.

(Gửi hương cho gió)

— « Xuân-Diệu không theo những cớ lệ cũ từ trước tới nay đã có mà ông chỉ thích làm thơ theo lối tự do của mình, những chữ dùng trong bài cũng như lời đặt câu đều hoàn toàn theo mới, nhất là những tư tưởng của Xuân-Diệu là những tư tưởng tình cảm thật nồng nàn, không nằm trong khuôn thức cũ, lấy lẽ giáo làm trọng tâm mà chỉ lấy những sự nồng nàn, say đắm của tình yêu mà thôi. Xuân-Diệu cũng không giấu diếm những đoạn tả tình yêu của trai và gái, những chữ được dùng thật táo bạo vô cùng, diễn tả những tâm sự nồng cháy, những nỗi lo lắng hấp tấp, những ý kiến muốn hưởng thụ cuộc đời trong hiện tại. Chẳng hạn như bài Sầu sau đây :

Sầu

Người về đấy, lòa xòa lê áo cũ
 Hơi sầu tư che giấu mặt âm u !
 Coi, tội chưa, đau chết bụi thiên thu
 Không ngăn được, và tóc thì quết dất

Buồn thế hệ ta cũng đang u uất
 Chúng ta đau, thôi em tới đây mà !
 Mơn man nào, em đừng khóc, đôi ta
 Thế, riết thế, hãy vòng tay chặt nữa
 Cho em hút những chút hồn đã rửa,
 Cho em chuyển hơi độc rất tê ngon
 Em, rấn êm, moi những vụn tim mòn
 Dùn khói ngọt về đây, em, giúc lạ !
 Khí lạnh như thu, hồn ngây ngất quá
 Rơi, rơi, rơi... chìm lặng xuống hư không
 Riết thêm em, em riết nữa... gởi bóng
 Cho ta mượn, kéo đầu tàn sắp rụng.
 Ta có quán đề vui vầy ngậm nước,
 Ta có chân đề huy hoàng cắt bước,
 Ta có lời đề kêu dậy gần xa
 Và có lòng tin tưởng đề ngâm ca
 Không muốn biết màu nâu hay sắc thắm.

Hình óng ả cũng mê như nét vạm
 Nói cùng ta nghìn thuở mộng hoa hương
 Và lòng ta như ngựa trẻ không cương
 Con ngựa trẻ ngất ngây đường viêu viễn
 Chân nổi gió, cứ mặt trời thẳng đến
 Quên lắng nghe bờ bụi tỉ tê nhau
 Và tha hồ chớ sửa ở đằng sau.

(Gởi hương cho gió)

Đó là những lý do mà Xuân-Diệu bị đá kích nặng nề đối với lớp người cũ.

Vào tháng 4 năm 1936, ông Thái-Phỉ, một nhà báo khá nổi tiếng thời ấy, đã công kích thơ mới kịch liệt trong báo *Tin văn xuất bản* tại Hà-nội, ông viết về Xuân-Diệu như sau :

« Trong những năm gần đây, một phong trào thi ca mới xuất

hiện, nhóm này gồm nhiều người trẻ tuổi như : Thế - Lữ tức Nguyễn thứ Lễ tự là Lê-Ta, Lưu trọng Lư, Xuân-Diệu, Huy-Cận, v.v... Nhóm này ra đời đã hơ hào huỳnh hoàng tự cho mình là làm thơ theo mới, tư tưởng tự do cởi mở, là tiến bộ, là văn minh. Nhưng thật tình có văn minh tiến bộ không? Khi mà người hôm nay đọc thơ của họ không sao tránh được những cái tầm thường, lỗ bịch, gàn dở không chỗ nói được. Những bài thơ bất kể văn, bất kể niêm luật cứ thay phiên ra đời nhưng nó chẳng làm được một cái gì gọi là mới cả. Chẳng hạn như thơ của Xuân-Diệu, ông này được coi như là một tay kiện tướng của phong trào này, thơ của ông ta được kể là khá nhất đám nhưng cũng chẳng ra gì. Thơ vớ vẩn, đọc qua nhiều bài của ông chúng ta phải bắt cười vì thơ thì chẳng ra thơ, Tây chẳng phải Tây mà Tàu lại cũng chẳng phải là Tàu».

Về điểm này, trong phần Thảo luận luật thơ mới của ông Lam-Giang xuất bản ở Hà-nội năm 1940 gồm những bài luận về luật quân bình đăng trong phụ trương văn chương báo Tân tiến ở Sài-gòn(1) cho biết ông có tiếp được của một nhà thơ cũ nào đó bài thơ bất cú chế thơ mới, xin trích như sau :

Nghĩa lý vợ vợ rồi vẫn vẫn
Thanh âm ngàn ngàn lại ngơ ngơ
So với Á-học như dưa đắng
Sánh với Âu-văn tựa mít xơ...

Đề dẫn chứng, ông Thái Phi viết thêm :

«Thử đọc một bài thơ của ông Xuân-Diệu chúng ta sẽ thấy điều đó, tôi xin trình bày một vài thí dụ qua mấy bài thơ của ông này :

Tương tư chiều

Bữa nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm.
Anh nhớ em, em hơi ! anh nhớ em.

1) Tác giả Lam-Giang cho biết như trên trong *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX tập I* do nhà Song quang xuất bản tại Sài-gòn năm 1967.

Không gì buồn bằng những buổi chiều êm,
 Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối.
 Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rỗi ;
 Đêm băng khuâng đôi miếng lằn trong cảnh :
 Mây theo chim về đây núi xa xanh
 Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.

Không gian xám tường sắp tan thành lệ.
 Thôi hết rồi ! còn chi nữa đâu em !
 Thôi hết rồi, gió gác với trăng thêm.
 Với sương lá rụng trên đầu gần gũi
 Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi,
 (Được giận hờn nhau ! sung sướng bao nhiêu)
 Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
 Vào chầm chậm ở trong hờn hui quạnh

Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
 Anh nhớ em, anh nhớ lắm, em ơi, !
 Anh nhớ anh của ngày tháng xa khơi,
 Nhớ đôi môi dương cười ở phương trời ;
 Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đắm đắm.
 Em ! xích lại ! và đưa tay anh nắm !
 Gió bao lần, từng trận nhớ thương đi,
 — Mà kỷ niệm ôi, còn gọi ta chi...»

(Thơ thơ)

«Và đây là một bài khác. Bài Hoa đêm :

Hoa đêm

« Chen lá lục, những búp nhà mở cửa,
 Hớp bóng trắng, đầy miệng nở xinh xinh.
 Vì gió im, và đêm cứ làm thinh.
 Đoạn giây phút cũng lần khăn nghĩ đã.

Trăng ở đó; đất vườn thêu bóng lá;
 Trời trên kia vàng mạ sáng như băng;
 Lá lim dim trên mấy ngọn bàng bằng;
 Cành lá là tường chờ ai đón đấy.
 Ôi vắng lặng !

Trong giờ mơ ngủ ấy,
 Bỗng hoa nhài thức dậy, sánh từng đôi;
 Hoa nhài xanh, dưới ánh nguyệt tuôn trời.
 Ánh nguyệt trắng trên hoa nhài dúc sưa

Sao họ khéo nỡn nà mà bờ ngõ,
 Nhưng nàng hoa chờ đợi gió phong lưu;
 Chiều khả liên áo mới, khẽ nghiêng đầu
 Mỗi cánh bướm yêu, yêu thân tuyết bạch.
 Nguyệt lác đác tiếng nỏ đồn lách tách;
 Lòng phơi phơi chừng đợi cái ong châm;
 Miệng thờ ra hương, hương tỏa tình ngấm,
 Hoa Kỳ-nữ đã mở lời trên ghẹo.
 Chàng gió lại đi khuya, ngoài khuất nẻo,
 Nghe tiếng thơm, liều liệu đến tìm hương.
 Cánh du lang tha thướt phất qua tường.
 Áo công tử giải là vương nào nuốt,
 Này hoa ngọc đã giết mình trắng muốt,
 Thoảng tay tình gió vượt bỗng lao đao:
 — Hương hiu hiu, nên gió cũng ngọt ngào,
 Hôn nhỏ nhỏ mà đầu hoa nặng trĩu.

Là màu sắc hay chỉ là âm điệu ?
 Là hương say hay chính ấy rượu thơm ?
 Gió canh khuya hay nghìn ngón tay ôm ?
 Trăng mới lái phủ màng tơ ảo mộng...

*Gió chấp cánh cho hương càng tỏa rộng,
Xốc nhau đi vào khắp cõi xa này
Và hương bay, thì hoa tường hoa bay... »*

« Thơ mới là thế đó. Thật tình mà nói, đọc hết hai bài thơ trên của một « kiện tướng » thơ mới tôi vẫn không tìm được một chút cảm hứng nào cả. Một khi thơ không còn gây được cảm hứng thì tốt hơn đừng làm thơ. Nếu làm thơ thì phải có hồn và điệu, thế thì mới đáng gọi là thơ... »

Đó là một vài lời công kích của một số người không ưa chuộng cái mới, những người này luôn đá phá những tư tưởng của Xuân-Diệu cũng như hầu hết những nhà thơ mới trong khoảng thời gian 1932 — 1936.

Tiếng thơ Xuân-Diệu cũng nằm trong số những nhà thơ mới và bị đá kích nặng nề không kém mà trường hợp trên của ông Thái-Phỉ công kích trên tạp chí *Tin văn* là một trường hợp điển hình nhất.

Lớp người cũ thì mặt sát như thế, trái lại giới trẻ tuổi lại đón tiếp Xuân-Diệu với tất cả nhiệt tình. Họ tôn thờ như một thần tượng và quyết tâm bảo vệ cho kỳ được cái tư tưởng mới lạ, phóng khoáng, cởi mở ấy.

Trong bầu không khí tranh luận sôi nổi của tân và cựu, Hoài-Thanh Nguyễn đức Nguyên, thoát tiên cũng có vẻ hoài nghi đối với sự xuất hiện của Xuân-Diệu, ông viết :

« Bây giờ mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt-nam hồi Xuân-Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần. Vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng. »

Và ông hơi xem thường sự diễn đạt ý tứ tân kỳ của Xuân-Diệu :

« Ngay lời văn Xuân-Diệu cũng có vẻ chơi vơi. Xuân-Diệu viết văn tựa trẻ con học nói hay như người ngoại quốc mới về về tiếng Nam. Câu văn tưởng bở ngỡ ấy chính là chỗ Xuân-Diệu hơn người. Dòng tư tưởng quá sôi nổi không thể đi theo những đường có sẵn. Ý văn xô đẩy, khuôn khổ câu văn phải lung lay. »

Tư tưởng quá mới mẻ của Xuân-Diệu đến với ông một cách đột ngột khiến ông không tránh khỏi sự dằn co, trỉ kéo của hai luồng tư tưởng tân cựu chi phối; nhưng phải nhìn nhận ông là nhà phê bình có cặp mắt tinh tế và nhận xét khách quan, ông thêm:

« Sau khi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân-Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân-Diệu. Thơ Xuân-Diệu chẳng những diễn đạt được cái tinh thần cổ hữu của nòi giống. Vả chẳng tinh thần một nòi giống có cần gì phải bắt di bắt dịch. Sao lại bắt ngày mai phải giống hết ngày hôm qua? Nếu ra một mở tình tình, tư tưởng, tục lệ, rồi bảo: người Việt-nam phải như thế là một điều rất tối vô lý. Thơ Xuân-Diệu còn là một nguồn sống rất rào chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. »

Những gì mà Hoài-Thanh suy tư sau khi đọc đi đọc lại về Xuân-Diệu?

Những gì mà Hoài-Thanh đã phát hiện sau khi phân tích thực chất thơ Xuân-Diệu?

Đây chúng tôi xin nhường lời cho Hoài-Thanh:

« Nhưng xét rộng ra, cái nao nức, cái xôn xao của Xuân-Diệu là cái nao nức, cái xôn xao của thanh niên Việt-nam bây giờ. Sự đụng chạm với phương Tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt-nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người. Họ tưởng có thể nhắm mắt làm liều, lấy cá nhân làm cứu cánh cho cá nhân, lấy sự sống làm mục đích cho sự sống. Song đó chỉ là một cách dối mình. « Chớ dè riêng em phải gấp lòng em », lời khấn cầu của người kỹ nữ cũng là lời khấn cầu của con người muôn thuở. Đời sống của cá nhân cần phải vịn vào một cái gì thiêng liêng hơn sự sống. »

« Bởi Xuân-Diệu đã gửi trong thơ của người lẫn với một chút hương xưa của đất nước, bao nhiêu nỗi niềm riêng của tha hi niên bây giờ — Xuân-Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới — nên chỉ những người lòng còn trẻ mới thích đọc Xuân-Diệu, mà đã thích thì phải mê. Xuân-Diệu không như Huy-Cận, vừa bước vào làng thơ đã được người ta dành ngay một chỗ ngồi yên ổn,

Xuân-Diệu đến giữa chúng ta tới nay đã ngót năm năm mà những tiếng khen chê vẫn chưa ngót, người khen, khen hết sức, người chê, chê không tiếc lời. Song những ai chê Xuân-Diệu, tưởng Xuân-Diệu có thể trả lời theo lối Lamartine ngày trước: «Đã có những thiếu niên, thiếu nữ hoan nghênh tôi. » Với một nhà thơ còn gì quý cho bằng sự hoan nghênh của tuổi trẻ».

Đọc lời phê bình trên của Hoài-Thanh ta thấy dường như ông có trách vụ trọng tài trong cuộc tranh chấp ý thức hệ. Ông đã thông đạt tư tưởng của lớp người cũ và cảm thông cái nao nức của lớp người mới, ông chủ trương thuyết trung dung, đừng cuồng nhiệt cũng đừng hòa hoãn quá. Hãy bắt kịp trào lưu của nhịp sống vì nó là bước tiến của văn minh xã hội, song, như ông nhận xét, sự thâm nhập của luồng gió mới có cái lợi cho « người thanh niên Việt-nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thế lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người».

Và ông không quên nhắc nhở: «*Đời sống của cá nhân cần phải vịn vào một cái gì thiêng liêng hơn sự sống.*» Có thể nói đây là lời «*tiên tri*» đã ứng vào cuộc đời tình ái mà chính Xuân-Diệu là miếng đất thí nghiệm. (Chúng tôi sẽ diễn dẫn sau.)

Trước khi bước sang phần khảo luận thi ca của Xuân-Diệu, thiết tưởng chúng tôi cũng nên ghi thêm vài nhận định của nhà phê bình văn học Vũ ngọc Phan. Ông đã tỏ ra hòa dịu, dung thứ và chấp nhận sau khi bòn dãi sạn cát trong chất thơ của Xuân-Diệu. Ông đã bỏ công lực lao trong trí não của lớp người trẻ đề hiểu họ hơn, ông viết:

« Nhưng muốn cho công bình (một cách phân bua phải trái, lời người soạn), ta phải phê bình tập Thơ thơ trong hoàn cảnh mới của nó, nghĩa là hãy hiểu lấy nguồn hứng của Xuân-Diệu và những ý tưởng rất mới của ông; ta cũng lại phải chú ý đến những chữ, những câu, những vần, những điệu trong những bài thơ mới ấy, để hiểu lấy cái nhạc điệu mới nữa ».

« Dù là thơ mới hay thơ cũ, nếu là thơ hay, cũng không qua được hai điều này: ý nghĩa và âm điệu. Ý nghĩa được khoái hoạt, hùng hồn và thú vị, mới là những ý nghĩa phát ra bởi những tư tưởng thâm trầm; âm điệu được du dương là nhờ ở cú pháp phân

minh, chữ dùng tề chỉnh và quán xuyên. Thơ đã không có âm điệu thì thơ không còn phải là thơ và thơ đã vô nghĩa thì cũng không còn kè là thơ được».

« Xuân-Diệu là người đã đem đến cho thi ca Việt-nam nhiều cái mới nhất. Hồi xưa, người ta chỉ tìm trong thơ ông rất những cái dở, không kè đến cái hay, nên mới chỉ có rất những lời chỉ trích ».

« Ta hãy thử đọc mấy câu thơ mà ý và lời đều thật mới của Xuân-Diệu : »

Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc
 Ngọt ngào than gọi thuở xa khơi...
 Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
 Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
 Còn cứ run hoài như chiếc lá
 Sau khi trận gió đã im lìm.

(Huyền diệu, Thơ thơ)

« Mới đọc, ai cũng tưởng như « ngô nghê » và « tây » một cách sống sượng. Nhưng nếu suy nghĩ một chút, ta không thể dùng hai chữ « ngô nghê » mà phê bình được. Thật ra nếu ngũ quan bị kích thích, thì nhân chưa chan tình cảm mà phát ra lời thơ, thì trong trí tưởng tượng, những cái vô hình cũng có thể hóa ra hữu hình : thơ có thể ví như những thỏi nước đá mát lạnh và cảm đến não cân người ta, còn nhạc có thể ví như một thứ rượu mùi, tuy ngọt, tuy đậm đà, thơm tho, mà có thể làm cho người ta say lúy túy. »

« Dùng chữ, dùng lời một lối « cách mệnh » như thế, mới đầu có sự khó hiểu là thường ; nhưng rồi với thời gian người ta sẽ hiểu. »

« Bây giờ người ta đã hiểu thơ Xuân-Diệu. Người ta thấy thơ Xuân-Diệu đậm thắm, nồng nàn nhất trong tất cả thơ mới. Cả ý lẫn lời đều thiết tha, làm cho nhiều người thanh niên ngày nay. Hãy nghe :

... Không gì buồn bằng những buổi chiều êm
 Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối.

Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rới ;
 Đêm bàng khuâng đôi miếng lằn trong cành ;
 Mây theo chim vẽ dãy núi xa xanh
 Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lộng lẽ.
 Không gian xám tường sắp tan thành lệ.
 Thôi hết rồi ! còn chi nữa đâu em !
 Thôi hết rồi, gió gác với trăng thêm,
 Với sương lá rụng trên đầu gần gũi.
 Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi,
 (Được giận hờn nhau ! sung sướng bao nhiêu !)
 Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
 Vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh.
 Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
 Anh nhớ em, anh nhớ lắm, em ơi !

(Tương tư chiều. Thơ thơ)

« Những lời say sưa tha thiết như thế, nếu thi sĩ không rất nồng nàn với cuộc sống thì không tài nào diễn ra được »

Qua hai nhà phê bình văn học đầy thiện cảm nói trên, mặc nhiên Xuân-Diệu được thừa nhận sự hiện diện của mình trên giải đất văn nghệ này.

Ba mươi năm trôi qua. Sự thử thách đã lắng dịu.

Ngày nay, trào lưu diễn tiến mãi. Tiếng thơ của Xuân-Diệu không còn là những gì khó chịu cho lớp người lớn, và vẫn mãi còn là những rung cảm thiết thực của lòng trẻ.

Đó là vũ thi ca. Trên bình diện văn chương, Xuân-Diệu cũng đã thành công thật nhiều, số tác phẩm của ông góp mặt rất ít ỏi, chỉ vồn vện có hai tập truyện : *Trường ca* (gồm mười hai bài bút ký, Thời Đại Hà-nội xuất bản 1945) và *Phấn thông vàng*.

Tập truyện *Trường ca* được coi là xuất phẩm giá trị của Xuân-Diệu, chúng tôi nói thế vì những lẽ sau :

- 1) Nó là tập truyện ngắn được chọn lọc kỹ và ưng ý nhất của họ Ngộ.

2) Nó giá trị vì sự hiếm hoi: In vòn vẹn 1.000 bản; ra đời chỉ mấy hôm liền bị hủy diệt vì chiến họa, số lượng còn lại không đầy phân nửa. Từ đó đến nay người ta không thấy *Trường ca* tái bản.

Vì lẽ trên, *Trường ca* bỗng trở thành tác phẩm giá trị cả hai phương diện nghệ thuật văn học và sự hy hãn của nó.

Trong tập *Trường ca*, Xuân-Diệu đã chứng tỏ khả năng viết văn tình cảm của mình. Những truyện được góp mặt đều mang một sắc thái tình yêu qua lời kể chuyện của một cánh phượng chiều hè, một tâm sự chiều thu hay nỗi lòng của những người trai gái yêu nhau nhưng tình đang dở. Với tập *Trường ca* Xuân-Diệu tỏ ra chững chạc, nhàn nhã hơn, mới thì vẫn mới nhưng kín đáo, không sổ sàng, lộ bạch. Có những đoạn văn, Xuân-Diệu viết thật hay, dùng chữ thông thường, không kiểu cách để diễn tả tâm trạng của nhân vật, khiến câu chuyện nổi hẳn và được lồng vào đó nhiều câu văn thật tế nhị, êm đềm.

Đề dẫn chứng cho lời phê bình trên, chúng tôi xin trích một đoạn văn trong tác phẩm *Trường ca* khi Xuân-Diệu trình bày hình ảnh của một mùa thu:

« Lá không vàng, lá không rụng, lá lại thêm xanh; ấy là mùa thu đã về; mùa thu mới về, yêu điệu thực nữ. Trời bớt nóng và thêm mát. Có ai thổi cơm mà khói nhẹ mờ hồ đâu đây... »

« Chưa có sương mù chưa có hân sương mờ; chỉ là đôi khoảng sương mờ, mỏng như chiêm bao. Mặt trời nhạt vừa khuất mây, thì khói lá biếc hơi nhòa; mặt trời vừa lộ lại ánh vàng, thì khói lá lại hiện nguyên sắc biếc; không biết có phải sương thu mới nhóm, hay đó chỉ là sự huyền ảo của chính hồn tôi? »

« Mùa thu đến với cõi đời như một cô gái xưa đi về nhà chồng; nang thu bước rất khoan thai, tà áo thướt tha, chân không có tiếng. Thân hình nàng uốn éo rất thanh quý, mặt ngọc của nàng che sau cánh quạt mở, thỉnh thoảng cánh quạt khẽ chệch, để lộ đôi mắt em như trời xanh buổi chiều.

« Mặc dầu bên tây cũng có mùa thu, thiên hạ vẫn cứ thấy mùa thu là ở bên Tàu. Mùa thu cũng đông một quê quán với Tây-Thì với nàng Tây-Thì quá xưa cho nên quá đẹp, va cũng vì quá

xưa cho nên không ai nhớ hình ảnh, không ai nhớ trường tượng nàng Tây-Thị với má hồng môi son, mà chỉ cảm nhớ Tây-Thị như một áng mơ không màu sắc, chỉ có êm đềm tuyệt diệu mơ màng, cũng như mùa thu».

«Mùa thu là cái gì xa xôi, cái gì kín đáo, và thanh tao bình dị, và xa xôi mệnh mang. Nên thu bao giờ cũng xưa, ta thấy như thu ở thời xưa mà về; và ta cũng thấy như rất thoáng thả, bình yên, thu ở trên trời mà xuống.»

«Và cả nước Tàu cổ là một mùa thu bát ngát, bằng và rộng như một cánh hồ không có bờ bên.»

Ihu thủy cộng trăng thiên nhất sắc
Lạc hà dư cô lộ tề phi.

«Trái lại, mùa thu cũng là một nước Tàu cổ mệnh mắng, làm ta nghĩ những cánh xa vắng ngàn đời, ở sông Tiêu-tương cũng như ở bến Hà-nội.»

*

«Nhưng tôi còn thấy thu là mùa yêu. Với lòng tôi, trời đất chỉ có hai mùa: Xuân với Thu, hai mùa đặc biệt ý nhị, hai mùa có bình minh. Từ Xuân sang Hè là từ ấm sang nóng, từ Thu sang Đông, là từ mát sang lạnh, sự thay đổi làm ta bức tức mà lại không có gì thực mới mẻ; Đông với Hè chỉ là sự thoái quá của Thu với Xuân. Chứ còn từ Đông sang Xuân, sao mà sung sướng thế! Lạnh chuyển ngược sang ấm, từ một điều rất khó chịu chuyển ngược sang một điều rất dễ chịu. Theo lệ ấy, Hè sang Thu là bao nhiêu khoái trá cho giác quan; được rời bỏ lửa chói chang mà vào trong nước hiền hòa, mát mẻ. Xuân với Thu là hai bình minh trong một năm, sự đổi thay hệ trọng nhất cho tâm hồn. Và bởi vậy Thu cũng là một mùa Xuân...»

«Thu cũng là một mùa Xuân! Tôi tìm thấy cái khoái lạc đó. Tôi nghe rất đúng. Đầu Xuân là bình minh ấm của lòng tôi; đầu Thu là bình minh mát của lòng tôi. Và ấm hay mát, Thu hay Xuân, lòng cũng rạo rức những tiếng mùa, ái tình ghé môi gọi lời trong gió...»

«Mỗi lần thu sang, mắt tôi chưa thấy mờ chân trời, chưa

thấy cây lá thêm xanh, mà da tôi đã nghe trước những mũi kim dịu dàng của không khí. Hơi mát kích thích, thoáng nghe linh lạnh, máu tôi vội vàng cuồn cuộn lại, chạy hăng và khoẻ lên. Sự sống trong mùa Xuân tung bừa ra ngoài, thì giữa mùa thu, sự sống lại tiềm tàng lặn vào bên trong, sắp sẵn lò sưởi ở giữa ngực. Tôi hơi buồn mơ hồ, nhưng tôi cũng sống rất phơi phới. Ôi ! Xuân ý của mùa thu, sao mà đầy một vị mặn nồng kỳ dị, có hơi gượng gạo trong niềm sung sướng, và trong nỗi tràn đầy, phải chăng có lẫn một màu đắng cay...

«Thu không phải là mùa sâu. Ấy chính là mùa yêu, mùa yêu nhau bằng linh hồn, mùa những linh hồn yêu mến nhau. Tiếng nói thành ra nhỏ hơn, cồ họng hơi chùng dấy, âm nhạc của lời tình dần theo một bậc thấp. Sự ngóng cuồng bớt rất nhiều, người ta ngoan hơn, dề mười hay hai mươi ngón tay đan với nhau, và lắng nghe sắc trời xanh xuống ôm lấy lửa đôi như một tấm áo che sương. Ấy là những giờ thân mật dạo qua hai hàng cây, bước như ngờ ngợ, hồn như giao hòa ; ấy là chiếc thu, lên trên hồ tàn sen, bị cảm buổi chiều tím ».

«Trời muốn lạnh, nên người ta cần nhau hơn. Và người nào chỉ có một thân, thì cần một người khác. Xuân, người ta vì ấm mà cần tình. Thu, người ta vì lạnh sắp đến mà cũng rất cần đôi. Cho nên không gian đầy những lời nhớ nhung, những linh hồn cô đơn thả ra những tiếng thở dài để gọi nhau, và lòng tôi nghe tất cả du dương của thứ vô-tuyến-diện ấy».

(Trích Trường ca — toàn bài Thu)

Đọc thử đoạn văn trên chúng ta hẳn đã thấy Xuân-Điệu làm văn thật hay, hay vì ở những chỗ lựa chữ của tác giả, ông chỉ dùng những chữ nhẹ để gợi tình, gợi cảm. Kích động hình ảnh mùa thu trong tiềm thức ở xa xưa cũng như trong hiện tại. Đó chỉ là một khía cạnh mà thôi. Trong toàn tập, Xuân-Điệu còn trình bày những tâm sự khác mang dưới nhiều tiêu đề như *Lệnh* (1940), *Đẹp trai* (1942), *Hoa học trò* (1940), *Trong vườn mơn trớn* (gồm 3 phần: *Đóa hồng nhung* (1942), *Đôi bướm* (1942), *Hương la dái* (1941) v.v ở mỗi bài là một mẫu chuyện khác nhau, nhưng ở mỗi tiêu đề tác giả đã khéo hướng người đọc vào một thế giới khác

nhau hơn, với những tiểu luận nhỏ nhất nhưng thật ý nhị, chính những tiểu luận tầm thường ấy Xuân-Diệu càng chứng tỏ khả năng của mình trong phạm vi văn xuôi nhiều hơn là ở những bài thơ ca tụng tình yêu của ông.



Cuộc đời Xuân-Diệu xuyên qua thi ca :

Sở dĩ chúng tôi phải trình trọng đề cập vấn đề này vì chính Xuân-Diệu đã « làm một khúc quanh » cho sự chuyển mình của lớp thanh niên, thiếu nữ thời tiền chiến, họ ưỡn ngực, mở rộng vòng tay tiếp nhận luồng gió mới ; Xuân-Diệu là cái « mầm biến động » làm lay chuyển gốc rễ những gì gọi là nho phong, tập tục, lễ giáo của thể hệ cũ, gây ra cuộc chống đối dai dẳng suốt năm năm trời (từ năm 1932 đến 1937).

Người ta nói « văn tức là người ». Cái đó cũng gần đúng. Nó đúng là khi tư tưởng diễn đạt phát xuất từ tâm linh, mà không ở cơ trí. Trường hợp của Xuân-Diệu nằm ở điểm trên, chẳng thế nó còn được thực thi qua thể xác nữa.

Có cái gì chứa đựng trong đầu óc của « chàng trai trẻ hiền hậu và say mê, tóc như mây vương trên dài trán thơ ngây, mắt như bao luyến mọi người, và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái » ấy ?

Nhân sinh quan (1) của Xuân-Diệu rút ngọn chỉ một câu này :

« Sợ chết nên hối hả sống. »

Trong các thú sống ở đời, Xuân-Diệu lại chọn Tình Yêu làm trọng tâm và lấy đó làm thi diễm.

Nhật nguyệt thệ hỷ,

Tuế bất ngã dư.

1) Xin tham khảo thêm ở hai bài *Đẹp và thanh niên* ở phần thi tuyển.

« Ngày giờ qua như nước chảy mà tuổi chẳng chờ ta ; biết rằng năm ngoái Tết, năm nay cũng Tết, nhưng mà Tết càng thêm tuổi chất càng cao, rồi lật bậ: lại tóc sương mùy bạc » (theo N. V. V.)

Một ngày trôi qua không bao giờ trở lại. Bước tiến của thời gian tuy từ từ và đều đều nhưng không bao giờ dừng bước. Nó giẫm tràn bừa lên tất cả uy quyền, bạo lực, tiền tài, danh vọng mà không từ bỏ một ai. Xuân-Diệu cũng nhận thế :

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.*

hay :

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu đèn nứa không phải rằng gặp lại !*

Nghĩ đến cái ngày bước đời của con người phải đặt chân nơi ngưỡng Hư-vô, Xuân-Diệu bắt rùng mình :

*Tôi run như lá, tái như đông.
Trán chảy mồ hôi, mắt lệ phồng.
Năm đây, tháng rồi, tôi đã đến
Trước bờ lạnh lẽo của Hư-không.*

hay :

*Nhưng mà tôi sẽ chết ! than ôi !
Tóc người mai một không đen nữa,
Tuổi trẻ khô đi, mặt xấu rồi.*

hoặc :

*Ngày già vội vã mang sương đến.
Tuổi chết rồi đây ! bóng lụi chân.*

còn kinh tởm hơn nữa :

*Thần chết thướt tha nương bóng héo
Bất đầu di nhặt những hồn thơm.*

Nhận thấy kiếp phù sinh của con người như cái bóng cầu, như sương đầu núi, thoáng đó mất đó, Xuân-Diệu đắm ra bất cần và giải thích :

Sương với bóng, không nghĩa gì tỏ rõ.

Xin đừng cười ! Đời có nghĩa chi đâu ?

Ý thức nghĩa đời, như thế, Xuân - Diệu bèn tìm cách đối phó, thì nhân chỉ cho ta biết úp mở như sau :

Xuân vội bước nhưng mà hương chẳng mất.

Tôi với tay giam giữ ở trong này.

Có bừa pháp hoặc bí quyết gì thần diệu thế ? Hay chẳng lại phải người vượt biển sang Đông để tìm thuốc trường sinh như vua Tần Thủy-hoàng độ nọ ? — Không, người thi sĩ đa tình của chúng ta không cần tìm đâu xa, thì nhân chỉ vào thân mình và thú thật :

Nhưng nghĩ lại sống vẫn hơn là chết

Gần hay xa, yêu mến ngọt ngào thay !

Thôi biết rồi ! Giản dị quá ! Triết lý chỉ đúc kết hai chữ : Sống và Yêu. Tư tưởng này xuyên qua *Bài thơ tuổi nhỏ* của Xuân-Diệu :

Làm sao sống được mà không yêu,

Không nhớ, không thương một kẻ nào ?

Hãy đốt đời ta muôn thứ lửa !

Cho bùng tia mắt đẹp tia sao !

Xuân-Diệu quả là con người của trời đất, người đã nhận kiếp trước mình đã yêu và kiếp này ngọn lửa yêu ấy vẫn bất diệt :

Tôi đã yêu từ khi chưa có tuổi,

Lúc chưa sinh vợ vẫn giữa luân hồi.

Tôi sẽ yêu khi đã hết tuổi rồi,

Không xương xóc chỉ huyền hồ bóng dáng.

Kẻ đa tình không cần đủ thịt da,

Khi chết rồi thì tôi sẽ yêu ma.

(Đa tình)

Thi nhân nhìn thấy con chim liu lo trên cành, con bướm bay lượn nhõn nhõ, hoa kia đua nở, cho đó là luật thiên nhiên của vũ trụ, thì có lý nào con người, trời lại hẹp lượng bao giờ, cho nên thi nhân cũng tuân theo luật trời đất :

*Tôi réo rất chẳng qua trời bắt vậy.
Chiếc thuyền lòng, nước đầy phải trôi theo.
Gió đã thổi, cho nên bướm phải dậy,
Hồn vu vơ, tội ấy ở mây đào !*

Thi nhân buông dòng đời mình trôi như triều nước theo định luật hấp dẫn của vũ trụ, vì chàng nhận xét mình chỉ là sinh vật nhỏ bé trong cái vô cùng cao rộng của trời đất :

*— Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
Mà vạn vật là muôn đá nam châm ;
Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơ là ?*

Thì cứ sống theo luật tự nhiên, tội gì mà cứ lo xa nghĩ gần cho khổ người, mòn trí, hằn cả nếp trán :

*Cảm nếp trán của người lo sáu khắc,
Thương năm canh nước mắt những ai phiền !*

Tư tưởng bất cần việc « tích cốc phòng cơ » này bị nhiều người đá kích. Họ mang cái triết lý sống của con chim én bay lượn trên trời xanh là dễ kiếm ăn, con bướm vàng chuyền hoa là dễ hút nhụy, giảng giải, nhưng Xuân-Diệu cười già là, đáp :

*Thôi thì đây, nói cùng nhau cho thỏa,
Ai có thương thì tôi cũng cảm ơn,
Ai có ghét tôi cũng cười khuấy khuấy.*

Nhân sinh quan nói trên, Xuân-Diệu đã ký thác vào những dòng thơ ở Lời nói đầu trong tập *Gửi hương cho gió*.

Thi nhân chỉ ta xem vạn vật :

*Vườn cười bằng bướm, hót bằng chim ;
Dưới nhánh, không còn một chút đêm ;
Những tiếng tung hô bằng ánh sáng
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.*

hay :

*Hoa cúc dường như thôi ần dật.
Hoa hồng có vẻ bận soi gương.*

hoặc :

*Vàng tươi, thực được cánh hơi xòa ;
Ứng rạng, phù dung nghiêng mặt hoa.*

Tư tưởng lạc quan về cuộc sống đã chiếm hầu hết thi phẩm của Xuân-Diệu; đâu đâu người ta cũng thấy một nguồn sống rạt rào. Lời yêu đương ít khi vắng bóng trong văn thơ Xuân-Diệu.

Không bao giờ quên cái ngày tàn tạ, con người đa tình và ham sống ấy luôn luôn tỏ ra vội vã, vì :

*Men trời sức nức, — nhưng mau tạ,
Biết trước cho nên đã « vội vàng ».*

Ta hãy nghe lời tự nhận của chàng thư sinh phối phối đang tìm « mấy vần thơ » :

*Khi ấy lòng xanh mới đón tình,
Rào tường ngăn giữ kín vườn xinh.
Chàng trai nhỏ nhỏ, tôi khi ấy
Đi giữa thiên nhiên để kiếm mình.*

Khi lòng xuân đang rạo rức, chàng thư sinh đâu chịu giam mình trong bốn bức tường của học xá, chàng vượt rào, vượt cổng, chàng tự thú lúc bấy giờ :

*Và lòng ta như ngựa trẻ không cương,
Con người trẻ ngất ngây đường viêu viễn.*

Bởi vì đàn lòng của chàng có bao giờ chịu ngừng điệu để chết lạnh hay sao :

*Dàn ta đâu đã chịu ngừng âm.
Cung bậc không vang, là hát thầm.
Chết được làm sao trong lạnh lẽo !
Đời ông nguyện chết giữa hoa tân.*

Có những lúc vì lòng quá hăng hái của chàng trai, ra đi mà quên đem theo những gì cần thiết :

*Sẵn kho xuân quên cả túi không tiền
Giày không khải cứ vang trên mặt đất.*

Không tri kỷ, tri bì, cứ ngỡ tình yêu đâu đâu cũng sẵn sàng như mình, cho nên nhiều khi mang lấy thảm bại :

*Có phải chàng tơ đến tuổi rồi,
Ra đường ngỡ được thấy hoa khôi.
Uổng cho áo mới mừng xuân rộn !
Ai đợi chàng đâu ? chỉ nắng cười.*

Bị hụt chân mãi, nên đâm ra yêu bằng quơ :

*Chỉ là gió nhưng lòng tôi thả bướm,
Chỉ là trăng, nhưng tôi thấy thần tiên
Như tuyết diêu : bởi hồn tôi xanh quá.*

Hoặc do sự may mắn nào, bắt gặp đôi má hồng, ngọn lửa yêu đương như bùng đốt cháy tâm can :

*« Ồ ! mới nghiêng mình xem nước trong,
« Vui mừng em, thấy má em hồng... »
Em tôi ăn nói vô duyên quá !
Em đốt lòng anh, em biết không ?*

Đôi khi tiếp nhận được một nụ cười, một câu nói xã giao, lòng thì nhân đã ngất ngây :

*Nửa câu nói, một chút cười, đôi tiếng thơ
Tình cờ qua trên miệng nở quá xinh,
Ta ngây thơ vội tưởng họ yêu mình
Về dâng vội cả ân tình thứ nhất.*

Đang sống bình thân, chỉ vì chợt thấy đôi nét đẹp
mong manh mà trở thành con người đi cầu cạnh, xin xỏ ;

*Đương vương chủ ta bỗng thành hành khất,
Chỉ vì nghe một lời hứa như chim.*

Rồi chủ nó không biết phục thiện nhận lỗi lại đi trách
móc tở :

*Ôi đôi chân ! sao mà chúng hay tìm.
Ôi cái ngực ! sao mi thường đập mạnh.
Tỏa thương nhớ dũ ta choàng bóng ảnh.*

Thôi đừng đổ lỗi cho ai nữa nhé ! Người ta đã bắt gặp
thì nhân thấy thấp thoáng bóng giai nhân, người đã tình
nguyện :

*Tôi trái yêu thương dưới gót giày,
Ôm chùng bóng lạ giữa mê say.*

Xuân-Diệu cần yêu như ta cần lương thực để sống,
không đắn đo, do dự, miễn sao thích ứng với khoái cảm
của mình :

*Ai đem phân chất một mùi hương
Hay bản cầm ca ! Tôi chỉ thương.
Chỉ lặng chuỗi theo dòng cảm xúc,
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.*

Trong lúc lặn lội săn tìm bóng yêu, thì nhân bắt gặp
cuộc đời đủ đôi của kẻ khác mà ngậm ngùi cho thân phận
mình :

*Ta thấy em xinh, khẽ lắc đầu.
Bờ vì ta có được em đâu !
Tay kia sẽ ắp nhiều tay khác,
Môi ấy vì ai sẽ dướm màu.*

hay :

*Anh chỉ là con chim bơ vơ
Lạnh lùng bay giữa gió, sương, mưa ;*

*Qua gần tổ ấm đôi chim bạn,
Bỗng thấy lòng cuồng yêu ngẩn ngơ.*

Vài khi thi nhân cũng chộp được đôi bóng yêu, và vì quá cần yêu nên nài nỉ :

*Mở miệng nàng... và hãy nói yêu tôi,
Dẫu chỉ trong một phút mà thôi.*

bởi vì :

*Gặp nhau đây, ai biết tự thời nào
Xa nhau nữa, ai đoán ngày tái ngộ.*

Chỉ cần một tiếng « yêu » thốt từ đôi vành môi bé thắm của giai nhân, dù là lời nói suông hay dối trá cũng được, chàng vẫn coi như là lời thiết thạch vậy :

*Tôi lắng đợi ! Nhịp lòng tôi đứng lại ?
Tôi cần tin ! Tôi khao khát được nhằm !
Cho tôi mơ một ảo tưởng thâm trầm
Và mặc kệ, nếu đó là dối trá !*

hoặc :

*Vì, khốn nạn ! tôi vẫn còn tin mãi
Sự nhìn kia : — Tôi không thề không yêu.
Dẫu không tin, tôi càng cứ yêu nhiều :
Khi người nói, tiếng người êm ái quá...*

Nài nỉ xin cho được chữ « yêu dối trá », chàng được người đẹp làm hài lòng, vì nghĩ ra không tốn kém bao nhiêu :

*Em đáp lại : « Nói gì đau đớn vậy !
« Vừa gặp anh, em cũng đã mến rồi.
« Em phải đâu là ngọn nước trôi xuôi ;
« Chưa hy vọng, sao anh liền thất vọng. »*

Nhưng đã là lời hứa gượng ép thì có bao giờ giữ đúng đâu, vì thế thi nhân mới giờ giọng trách người :

*Đấy, ai bảo em làm anh mơ ước !
Lúc đầu tiên, anh có mộng gì đâu !*

*Tưởng có nhau ai ngờ vẫn xa nhau,
Em ác quá, lòng anh như tự xé...*

Sau mấy lần «hút chân» muốn chơi với, người khách tình si tỏ ra thăm thía, chàng bèn tìm một công thức yêu sao cho chắc chắn hơn, quyết định từ bỏ cái lối sống sượng xin xỏ tình yêu trên đường ngoài ngõ. Đăm thắm hơn, thi nhân nhận thấy phải là một «chân tình» mới đáng quý, cho nên trong *Tình thứ nhất*, Xuân - Diệu có vẻ kỹ lưỡng hơn không bốc đồng nữa :

*Giấy phong kỹ mang thăm trong túi áo.
Mãi trăm lần viết lại mới đưa đi.*

Đó là tình yêu chân thật thứ nhất, trong trắng như buổi bình minh nên chàng thận trọng làm :

*Hoa thứ nhất có một mùi trinh bạch,
Xuân đầu mùa trong sạch vẻ ban sơ.
Hương mới thắm bền ghi như thiết thạch,
Sương nguyên tiêu, trời đất cùng chung mờ.*

Như sẽ nói ở phần sau, tình yêu của Xuân-Diệu là thứ gì quá mang mang, rộng rãi, không « định cư » một mối nào cả ; hết tình gần lại đến tình xa, xa ngoài ngàn dặm nữa, nó là một thứ tình « du mục » :

*Có những phong thư bữa trùm quang tuyến
Đáng lẽ chim đưa, nhưng chờ nấy chuyển
Mang ra ngoài nghìn dặm kết duyên ương !
Kẻ biên thư mới sớm đã kêu thương*

Đã tham thì thâm ; sự ham hố nhiều khi khiến kẻ chủ trương đã phải chuốc lấy rắc rối và một phen hoảng hốt khi vừa nhận được thư của người tình « ngoài vạn dặm » thì bỗng nhiên một người tình khác đến kêu cửa :

*Bóng áo vàng diễm tình giệt chuông to.
Vía lên mây, vội vã xuống thành :*

— Ổ !

Bởi quan niệm ái tình của Xuân-Diệu có khác ; nó không giống như một Vũ hoàng Chương hay một J. Leiba tôn thờ mỗi tình đầu, lấy thủy chung làm cứu cánh của tình ái, coi sự yêu đương là gấn bó keo sơn, là chung mệnh của đời mình, cho nên hề tình tan vỡ là khóc lóc, rĩ rên. Trái lại Xuân-Diệu xem tình yêu như một quán trọ bên đường ; nó chấp chứa những tình trăm ngã của lữ khách muôn phương. Ta hãy nghe Xuân-Diệu bày tỏ :

*Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng, và vợ vẫn cùng mây.
Đề linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,
Hay chia xẻ bởi trăm tình yêu mến.*

*Đây là quán tha hồ muôn khách đến ;
Đây là bình thu hợp trí muôn hương ;
Đây là vườn chim nhả hạt mười phương
Hoa mặt ngọt chen giao cùng trái độc.*

Xuân-Diệu ví đời người như một khách lữ hành mà tình yêu là lữ quán. Quán có thể là một mái tranh ở nơi hiu quạnh, người lữ khách muốn được thoải mái phải chuẩn bị hành trang mình thật đầy đủ :

*Cuộc đời cũng đìu hiu như dặm khách
Mà tình yêu như quán trọ bên đường.
Mái tranh tàn dờ rét một đêm sương,
Vò nước lá mủi xoàng đôi phôi nạng.*

.

*Giữa hiu quạnh, được nghỉ nhờ đã quý.
Thiên đường cũng ở trong rương hành lý :
Muốn say sưa, phải đem sẵn rượu nồng,
Muốn êm đềm phải có sẵn gối bông.
Muốn mơ mộng, phải sẵn trầm, sẵn nhạc.*

*Tôi vốn biết cuộc đời thường đạm bạc
Nên mang theo từng túi rượu, nguồn tình,*

Đem yêu niễn làm cho cảnh thêm xinh.

Cứ phong nhã để cho người bớt tọc.

Bởi thế, Xuân-Diệu bước vào đường tình là đem cả nguồn yêu lai láng; càng nhiều càng tốt. Người ta có đôi đã cho là đủ, Xuân-Diệu thì :

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,

Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ,

Trắng sáng ! trắng xa, trắng rộng quá !

Hai người, nhưng chẳng bớt bơ vơ.

Cùng nhau dưới ánh trăng, đã được người yêu trịnh trọng hứa sẽ yêu mình. Biết thế, tin thế, nhưng thì nhân vẫn lải nhải nhác :

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ ?

Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều.

Anh biết rồi, em đã nói em yêu ;

Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ.

Vì đã thấm chất yêu, chàng đã biết thế nào là tận cùng của tình ái :

Này lắng nghe em khúc nhạc thơ,

Say người như rượu tới tận hồn ;

Như hương thấm tận qua xương tủy,

Ấm diệu thần tiên thấm tận hồn.

hay :

Tóc mịn đầy tay như suối mát,

Lòng ta vui rộn thú chơi vơi.

Những phút giây thần tiên ấy chỉ là một mảnh của thời gian ; thời gian trôi là thú vị mất, Xuân - Diệu sợ nên này ra ý nghĩ to lớn, muốn ghi thời gian lại :

Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất ;

Tôi muốn buộc gió lại

Cho hương đừng bay đi.

đề :

Cho no nê thanh sắc của thời tươi.

— Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

Mà ác thay thời gian cứ đều đều nhịp bước, phút giây qua, qua mãi, khiến thi nhân không kịp yêu, vội hốt hoảng kêu lên :

Hỡi năm tháng vội đi làm quá khứ!

Trở về đây! và đem trở về đây

Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử

Gắm trong lòng và khi đứng chờ ngây.

Và nhạc phẫn dưới chân mừng sánh bước,

Và tơ giảng trong lời nhỏ khời ngời,

Tà áo mới cũng say mùi gió nước,

Rặng mi dài xao động ánh dương vui.

Trong những phút cuồng si, ngoan ngoãn tuân phục mệnh lệnh của thần xác, chàng không muốn nghe những lời hỏi về lý lịch của mình, cấp bằng đậu tới đâu :

Xin đừng tìm biết rõ chàng ta,

— Nhân loại xem gần vẫn xấu xa —

Có đến mà yêu thì hãy đến

Xem dầu mây gợn, mất mây qua...

Nhưng cũng răn cho người yêu biết qua loa :

Hãy biết lắng anh lúc ở trường,

Rất tồi toán pháp, khá văn chương,

Chàng trai đi học nghe chim giảng.

Không thuộc bài đâu, ấy sự thường.

Dường như trời đất sinh ra Xuân-Diệu chỉ để yêu, phải có yêu mới sống, hễ thiếu thì buồn :

Hôm nay trời nhẹ lên cao.

Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...

hoặc :

*Em êm chiều ngằn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn.*

hay :

*Trên trần lạnh thần thơ dăm bóng nhạt
Gợn làn không, sầu lớp lớp đi qua...
Ta nằm đây như một ải quan xa
Suốt năm tháng chẳng có người tiếp nối ?
Viên tướng trẻ đêm đêm nằm bó gối,
Chấn giá đơn vang dội rét biên thùỵ.*

Quan niệm đời người như cõi mộng, phải mau vui hưởng kiếp sống. Trong bài *Giục già*, Xuân Diệu đã mời mọc, thúc giục người yêu :

*Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi.
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi !
Mau với chứ ! thời gian không đứng đợi.*

Sự tham lam, khao khát yêu đương của Xuân-Diệu quả là to tát ; vượt thời gian trở về dĩ vãng xa xưa, Xuân-Diệu muốn trải tình yêu dưới gót chân của những bóng dáng yêu kiều của các nàng cung phi, mỹ nữ vua chúa thời xưa :

*Tôi yêu Bao-Tự mặt sầu bi,
Tôi mê Ly-Cơ hình nhịp nhàng.
Tôi tưởng tôi là Đường Minh-hoàng
Trong cung nhớ nàng Dương Quý-phi.*

Con người nhiều « yêu » thế, ta ngỡ đâu là chưa đựng cả quyền « tự điển yêu » ; giả sử ta có hỏi : « Tình yêu là gì ? » thì Xuân-Diệu chỉ mơ hồ trả lời ta :

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu ?
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều,
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt.
Bằng mây niề niề, gió hiu hiu.*

Van vật có chi là vĩnh viễn ; đến vũ trụ rộng lớn kia còn phải đổi thay. Con người là một điểm mong manh bé nhỏ trong cái bao la của thiên thể. Cuộc đời có lý đầu như hoa như mộng mãi. Ái tình dù có tàn tạ hay biến thay cũng là một lẽ đương nhiên.

Trong một ngày chờ đợi, người yêu vẫn bật tâm, Xuân-Điệu bắt đầu nếm cái vị đắng cay của tình ái :

*Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi ;
Với bóng hình xưa, tâm tiếng cũ,
Cách xa chôn hết nhớ thương rồi.*

và cảm thấy buồn mông mênh vì trống trải :

*Tôi giấu sẵn một linh hồn hiu quạnh,
Cho nên, liền chiều đó, tôi hết vui.
Không thấy người bằng không thấy mặt trời,
Tôi ôm ngực thử tìm xem biên giới
Của sâu tối. Nhưng, hơi người yêu hơi !
Tôi một mình đối diện với tình không
Đề lắng nghe tiếng khóc mất trong lòng.*

Thất vọng. Buồn tình. Thi nhân đi tìm người yêu để hỏi duyên cớ và đã gặp nhau dưới ánh trăng :

*Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi đêm thâu,
Tay trong tay, đầu tựa sát bên đầu.
Tình yêu bảo : « Thôi các người đừng khóc,
Các người sẽ đoàn viên trong mộng ngọc. »
Cứ nhìn nhau rồi vẫn nhìn nhau.
Hạnh phúc ngừng giữa đôi trái tim đau.*

Lần gặp gỡ ấy cũng là lần vĩnh biệt đề người yêu đi xây giấc mộng vàng. Chẳng chỉ còn trách ai kia hứa hẹn cùng mình. Trong bài *Đối trá*, Xuân-Điệu tỏ ra nỗi chán chường, tuyệt vọng :

Nói chi nữa tiếng buồn ghê gớm ấy
 Đề lòng tôi sung sướng muốn tiêu tan.

.

Tôi chỉ sống đề hoài hoài tưởng nhớ,
 Mãi mãi yêu, nhưng giấu điếm luôn luôn ;
 Mà người thì, lơ đãng, đậm trên buồn,
 Bạn đi hái những cành vui xanh thắm.

Tôi biết lắm, trời ơi, tôi biết lắm !

Hơi lòng dạ sâu xa như vực thẳm !

Bây giờ biết ra thì đã muộn :

Nghe nói tình yêu tưởng trái ngon ;

Cho lòng, không nghĩ mất hay còn.

Tay trầy, gai góc, chân đau sỏi,

Anh bám, không thôi bám tuổi tròn.

Sở dĩ có sự dở dang, tan rã của lứa đôi vì khi yêu họ chỉ nghĩ đến thể xác mà không chú trọng những yếu tố khác ; họ không cần tìm hiểu đối tượng yêu của mình. Trong bài *Dại khờ*, Xuân-Diệu cho ta biết đầy đủ ý nghĩa :

Dại khờ

Người ta khờ vì thương không phải cách,
 Yêu sai duyên, mà mến chẳng nhằm người,
 Có kho vàng nhưng tặng chẳng tùy nơi,
 Người ta khờ vì xin không phải chỗ.

Đường êm quá, ai đi mà nhớ ngó !
 Đến khi hay, gai nhọn đã vào xương ;
 Vì thả lỏng không kiểm chế dây cương,
 Người ta khờ vì lui không được nữa.

Những mắt cận cũng cho rằng sâu chứa,
 Những tim không mà tưởng tượng tràn đầy.

*Muôn nghìn đời tìm cố dãi sương mây,
Dẫn chân mãi đề kiếm trời dưới đất.*

*Người ta khổ vì cố chen ngõ chật
Cửa đóng bùng nên càng quyết xông vào.
Rồi bị thương, người ta giữ gươm đao,
Không muốn chữa, không chịu lành thù độc !*

(Gửi hương cho gió)

Trong khi yêu họ trở thành mù quáng, nào có biết gì nhau đâu. Xuân-Diệu đã tự nhận :

*Có thể nào qua Vạn-lý Trường-thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.*

.

*— Linh hồn ta u ẩn tựa ban đêm,
Ta chưa thấu, nữa là ai thấu rõ.
Kiếm mãi, nghi hoài, hay ghen bóng gió,
Anh muốn vào dò xét giấc em mơ.
Nhưng anh giấu em những mộng không ngờ,
Cũng như em giấu những điều quá thực...*

hay :

*Kề chi chuyện trước với ngày sau ;
Quên ngó môi son với áo màu ;
Thầy kệ thiên đường và địa ngục !
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.*

Đến khi tìm cạn được nghĩa «yêu» thì đã trễ tràng. Xuân-Diệu nói với ta trong bài *Muộn màng* :

*Yêu ngần ngợ rồi đau xót xa,
Sở anh là khổ, phận anh là
Suốt đời nuốt lệ vào trong ngực,
Dem ái tình dâng kẻ phụ ta.*

Bị tình phụ, đau đớn ê chề, thì nhận một thân lâm lủi trong chốn sương, mưa :

*Thôi hãy để anh đi thất thơ,
Mặc luồng gió lạnh, mặc mưa to
Đánh vào thân thề run như sậy.
— Tôi chẳng cần ai thương hại cho.*

Thất vọng nảo nề. Tai nghe tiếng gió vi vu, lòng cảm thấy thê lương :

*Có nhiều lúc gió kêu thê thiết quá ;
Như gió đau một nỗi, khô vô tình,
Như bao điều áo não của nhân sinh
Đã in vết ở nơi hồn của gió.
Gió vừa chạy, vừa rên vừa tắt thở,
Đem trái tim làm uất cả không gian,
Gợi bóng hình những thân thề cơ hàn,
Với môi tím, với cảnh nghèo vạc mặt.*

Nhớ lại những phút tay lồng tay, má kề má, giờ đây bị phụ bạc, thi nhân điên lên vì uất hận :

*Tôi là một kẻ điên cuồng
Yêu những ái tình ngây dại.
Tôi cứ bắt ròng tôi đau đớn mãi,
Đau vô duyên, đau không đề làm gì.*

Quá đau đớn, và giận cho sự yêu không nhắm chỗ của mình, thi nhân muốn rút trái tim bỏ đi :

*Nếu bỏ được trái lòng cho gió cuốn,
Đem vứt đi, như là trái chua cay.*

Hồn thi nhân đặt dờ ở giữa chợ tình, không còn biết đâu là bờ bến :

*Sương bạc lấp một mặt trời trắng sữa,
Sương mờ lung như giữa khoảng giang hà.
Mắt tuy mờ mà lòng không thấy nữa,
Hồn lạc rồi, không biết ngõ nào ra.*

hay :

*Sương lan mờ, bờ sông tưởng gần nhau,
Sương lan mờ, và hồn tôi nghe đau..*

còn đau đón thăm thía hơn nữa :

*Chân hững hờ, và hồn sẽ ngạc nhiên
Không hiểu sao buồn chờ một hồn đầy...
Sương lan dần, còn biết ngõ nào đây ?
Chiều tư bề, không phá nổi trùng vây...*

*— Tôi là con nai bị chiều đánh lưới
Không biết đi đâu, đứng sầu bóng tối.*

Nếu một Chế Lan-Viên chán đời, đã thốt lên tiếng kêu
nào nùng :

** Trời hời trời ! Hôm nay ta chán hết
Những sắc màu hình ảnh của trần gian.*

*Hãy cho tôi một tình cầu giá lạnh,
Một vì sao trơ trọi cuối trời xa
Đề nơi ấy tháng ngày tôi lần tránh
Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo. »*

(Điều tàn)

thì Xuân-Diệu vì quá đau khổ cũng muốn lánh ở phương xa
nào đề quên đi mối sầu di vãng, chàng ước mong có một đôi
hيا vạm dậm đề tránh xa những cảnh huống nào nề :

*Nếu ta có cặp hài tiên
Ta đi khắp xứ, khắp miền, khắp nơi.
Ta đi, đi tận phương trời,
Đi cùng phương đất, xa vời ta đi.*

*Đi mau ! trốn nét ! trốn màu !
Trốn hơi ! trốn tiếng ! trốn nhau ! trốn mình !*

Giá bấy giờ có giai nhân nào mời mọc yêu đương, thì
nhân cũng lác đầu, rên rí :

*Giã từ thân thề, thôi từ già !
 Ly biệt linh hồn, đã biệt ly !
 Trên giấy này đây hôn cuối chót
 Nhận chẳng, môi lạnh tiễn tình đi !*

Bị những phù phàng trong tình yêu, thi nhân chán nản, đem gởi chút tình thừa của mình cho những nàng kỹ nữ. Xuân-Diệu đã hiểu gì và đánh giá họ ra sao ? Ta hãy nghe Xuân-Diệu định nghĩa đời của những kiếp hoa ấy : (1)

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thắm
 Dem gửi hương cho gió phụ phàng.
 Mất một đời thơm trong kẽ núi,
 Không người du tử đến nhăm hương.*

hoặc :

*Hoa ngở đem hương gửi gió kiêu
 Là truyền tin thắm mọi tình yêu.*

hay :

*Tân mác ngàn phương lạc gió cầm
 Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm.*

Thi nhân thừa biết tình kỹ nữ phải đâu là nơi bền đỗ, nhưng cũng vì ai mà thông cảm nỗi lòng. Khi bừng mộng chiếu chăn, người khách hay đúng hơn một viễn khách, lật đặt khoác áo, vì :

*Cuộc yêu đương gay gắt ví làng chơi.
 Người viễn du lòng bận nhớ xa khơi,
 Gờ tay vướng đề theo lời gió nước.*

Dù cho ai kia có nài nỉ :

(1) Có lẽ đây là bước chót đường tình của Xuân-Diệu. Cảm thương những cánh hoa rừng mang sứ mệnh "gửi hương cho gió" ngàn phương, thi nhân đã vì họ nói lên nỗi niềm trong bài *Gửi hương cho gió* mà Xuân-Diệu đã chọn làm tên cho tập thơ thứ nhì và là thi phẩm chót.

*Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa,
Vội vàng chi, trắng sáng quá khách ơi.*

*Đêm nay rằm yển tiệp sáng trên trời ;
Khách không ở, lòng em cô độc quá.*

hay có tha thiết khăn cầu, vì :

*Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo.
Trời đầy trăng lạnh lẽo buốt xương da,
Người giai nhân : bến đợi dưới cây già ;
Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt.*

Nhưng cái tình bến nước đó chỉ thoáng như mộng.
Trước khi bình minh ló dạng ở trời Đông :

*Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.
Mắt run mờ, kỷ nữ thấy sông trôi.
Du khách đi.*

— *Du khách đã đi rồi !*

Chúng tôi xin nhắc lại phần trước lời phê bình của Hoài-Thanh : « *Đời sống ca nhân phải vin vào một cái gì thiêng liêng hơn sự sống.* » Xuân-Diệu đã cung phụng đời mình cho tình yêu, coi tình yêu là lẽ sống duy nhất và đã đánh giá quá cao :

*Thà một phú huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.*

hay :

*Và hãy yêu tôi một giờ cũng đủ,
Một giây cũng cam, một chút cũng đành.*

hoặc :

*Dời không ân ái đời vô vị ;
Kiếp sống không yêu kiếp sống thừa.*

cho nên mới vấp ngã trên tình trường dề cuối cùng thốt lên những lời bi đát.

Quan niệm yêu bị lầm. Tình yêu đặt không đúng chỗ. Người ta đâu chịu đem cái tình ong bướm mà đổi lấy hạnh phúc chung thân của đời mình. Triết lý sống của Xuân-Diệu là triết lý của con thiêu thân, rút cuộc, chỉ đem lại cho mình niềm khổ đau, chua xót.



Nguyên nhân thành công trong thi ca của Xuân-Diệu

Có thể nói Xuân-Diệu là thi nhân có nguồn thơ phong phú nhất. Mạch thơ lai láng tuôn tràn theo luồng tư tưởng mới mẻ mà không cần giữ gìn ý tứ như đa số thi nhân khác đã bó mình trong nếp xưa.

Suốt năm năm dài, chịu bao thử thách, bao nhất búa riu dư luận, thơ Xuân-Diệu cứ «li lợm» tiến tới mục tiêu mà không một gì ngăn cản được. Bởi vì nó là tiếng nói của lòng trẻ. Dù không hẳn là khuôn vàng thước ngọc, nhưng nó đi đúng trào lưu nhịp sống thì ta cũng không nên tiếc rẻ làm gì đôi bức tường cò xưa bị long lở. Có gì sống mãi với thời gian đâu? Sớm hay muộn, với đà tiến hóa, nó cũng bị phá vỡ. Ai đoán được sẽ có những gì ở thế kỷ sau?

Vào khoảng từ năm 1933, một luồng gió mới lạ từ phương Tây thổi tới, khiến cho những tâm hồn đang sống trên mảnh đất ngàn năm xưa cũ này như nhận được nguồn sinh khí mới.

Nếu bên địa hạt văn chương, một nhóm người trẻ như Nhất-Linh, Khái-Hưng, Hoàng-Đạo, Thạch-Lam, Thế-Lữ, Tú-Mỡ v.v... đứng ra thành lập nhóm *Tự lực văn đoàn* «chủ trương duy tân và cấp tiến. Họ muốn đả phá cái xã hội Nho phong với tập tục, lễ giáo mà thế hệ cũ gọi là quốc túy, quốc hồn, đả phá nhất là những «hủ tục» của dân quê sau lũy tre xanh, đả phá cái không khí sần bì, cái phong thái đạo mạo, những thành kiến chần đời của lớp người

đứng tuổi trong xã hội khi ấy. Và đề thế vào, họ đưa ra một quan niệm sống Âu hóa, cải cách phong tục dân chúng nhất là dân quê, những tư tưởng tin theo lẽ phải, tự do cá nhân, hạnh phúc vật chất, chủ nghĩa yêu đời của lớp người trẻ... (1)

Thì bên thi ca, ta có thể coi Xuân-Diệu là thủ lĩnh của phái thơ mới, cũng mở « phòng tuyến » chống lại cái khuôn mòn sáo cũ của thơ Đường, vừa gò bó, chật hẹp, tù túng, niêm luật bằng trắc chiếm đoạt nhiều hồn và ý thơ đang trào dâng.

Ngọn gió Xuân-Diệu thổi qua, bao nhiêu hồn thơ đang nằm im lìm trong bóng tối choàng bừng dậy. Nhiều thi nhân theo tiếng gọi đàn của Xuân-Diệu đã cởi mở tâm tình của mình đang nặng chất chứa, được dịp bộc lộ thoải mái.

Tùy theo nhịp độ thâm nhập, có nhiều hồn thơ còn rụt rè mang một hình thức thơ mới, nhưng chưa dám thoát tư tưởng xưa hoặc có người mang bình cũ mà rượu mới. Xuân-Diệu thì mới hoàn toàn cả hình thức lẫn tư tưởng, đi đúng với trào lưu văn nghệ đất nước lúc bấy giờ cho nên Xuân - Diệu được giới trẻ tuổi ca tụng như một thần tượng.



Một vài tham khảo

Người ta không ai chối cãi thơ Xuân-Diệu đã thâm nhiễm nặng tinh chất Âu-tây.

Khảo sát suốt hai thi phẩm *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* của Xuân - Diệu, chúng tôi chỉ bắt gặp một bài thơ như sau :

(1) *Việt-nam văn học sử* quyển III trang 434, Phạm thế Ngũ.

Hoa nở để mà tàn

*Hoa nở để mà tàn ;
Trăng tròn để mà khuyết ;
Bèo hợp để chia tan ;
Người gần để ly biệt .*

*Hoa thu không nắng cũng phai màu ;
Trên mặt người kia in nét đau.*

(thơ thơ)

Về hình thức trình bày cũng như về tư tưởng diễn đạt có điểm tựa bài điệu văn của Mạc đình Chi lúc đi sứ bên Tàu nhân viếng đám tang một vị công chúa :

*Thanh thiên nhất đóa vân ;
Hồng lô nhất diêm tuyết ;
Thượng uyển nhất chi hoa ;
Dao trì nhất phiến nguyệt.*

*Y ! Vân tán !
Tuyết tiêu !
Hoa tàn !
Nguyệt khuyết !*

Dịch nghĩa :

*Trời xanh một áng mây ;
Bầu trời một hạt tuyết,
Thượng uyển một cành hoa ;
Dao trì một vòng nguyệt.*

*Than ôi ! Mây rã !
Tuyết tan !
Hoa tàn !
Trăng khuyết !*

Phải chăng đây là một sự trùng ý hoặc giả một cảm
đề. Điều đó không quan trọng. Có ai đi bắt một cánh én
để làm một mùa xuân đâu !

.

Ngày nay Xuân-Điệu đã rẽ sang đường hướng khác.
Tư tưởng của người trai ham sống và ham yêu ấy có còn
giữ được bản chất hay không ? Hay đã trở thành một
guồng máy sáng tác theo những khuôn đã có sẵn.

Au ta cũng đành trở về tìm một Xuân-Điệu của ngày
xa xưa vậy.

(Ấn bản kỷ nhì, 26-7-1968)



Chi tuyến

Cảm xúc

Tặng Thế-Lữ

Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây,
Đề linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,
Hay chia xẻ bởi trăm tình yêu mến.

Đây là quán tha hồ muôn khách đến ;
Đây là bình thu hợp trí muôn hương,
Đây là vườn chim nhả hạt mười phương ;
Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc...

Đôi giếng mắt đã chứa trời vạn hộc,
Đôi bờ tai nào ngăn cản thanh âm :
Của vu vơ nghe mãi tiếng kêu thầm...
Của xanh thắm thấy luôn màu nói sẽ...

Tay ấp ngực dò xem triều máu lệ,
Nghìn trái tim mang trong một trái tim
Đề hiền vào giọng tuổi với lời chim.
Tiếng mưa khốc, lời reo tia nắng động.

Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bổng ;
Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời ;
Trút thời gian trong một phút chơi vơi ;
Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ...

— Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ.
Mà vạn vật là muôn đá nam châm ;
Lều hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình loi là ?

(Thơ thơ)

Thời gian

*Dưới thuyền nước trôi ;
Trên nước thuyền xuôi.
Và nước, và thuyền
Xuôi dòng đi xuôi.*

*Nước không vội vàng ;
Cũng không trễ tràng,
Thuyền không chậm chạp
Nhưng không nhẹ nhàng.*

*Nước trôi, vô tri
Vô tình, thuyền đi.
Nước không biết thuyền.
Thuyền biết nước chi ?*

*Cứ thế luôn ngày,
Trôi mà như bay,
Nước, thuyền đi mãi,
Luôn trong đêm dài.*

*Trăng thu gió hè,
Đôi bờ thay đổi,
Nước, thuyền xuống biển :
Thuyền không trở về...*

*Nước cũng mất luôn...
— Nhưng nước còn nguồn ;
Thuyền chìm, trong lúc
Đêm ngày nước tuôn.*

(Thơ thơ)

Yêu

*Yêu, là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu ?
Cho rất nhiều, song nhận chẳng bao nhiêu,
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết.*

*Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt,
Tưởng trắng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu !
— Yêu, là chết ở trong lòng một ít.*

*Họ lạc lối giữa u sầu mù mịt,
Những người si theo dõi dấu chân yêu ;
Và cảnh đời là sa mạc vô liêu.
Và tình ái là sợi dây vãn vít.
Yêu, là chết ở trong lòng một ít.
(Thơ thơ)*

*

Hẹn hò

Anh đã nói, từ khi vừa gặp gỡ :
« Anh rất ngoan, anh không dám mong nhiều.
« Em bằng lòng cho anh được phép yêu ;
« Anh sung sướng với chút tình vụn ấy. »
Em đáp lại : « Nói gì đau đớn vậy !
« Vừa gặp anh, Em cũng đã mến rồi.
« Em phải đâu là ngọn nước trôi xuôi.
« Chưa hy vọng, sao anh liền thất vọng ? »
Lời nói ấy về sau đem gió sóng,
Cho lòng anh đã định chỉ yêu thôi,
Anh tưởng em là của của anh rồi,
Em mắc nợ, anh đòi em cho được.

*Đấy, ai bảo em làm anh mơ ước !
 Lúc đầu tiên, anh có mộng gì đâu !
 Tưởng có nhau ai ngờ vẫn xa nhau,
 Em ác quá ! lòng anh như tự xé...
 (Thơ thơ)*

*

Vội vàng

Tặng Vũ đình Liên

*Tôi muốn tắt nắng đi
 Cho màu đừng nhạt mất ;
 Tôi muốn buộc gió lại
 Cho hương đừng bay đi.*

*Của ong bướm, này đây tuần tháng mật,
 Này đây hoa của đồng nội xanh rì,
 Này đây lá của cành tơ phơ phất,
 Của yến anh này đây khúc tình si ;
 Và này đây ánh sáng chớp hàng mi.
 Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa,
 Tháng giêng ngon như một cặp môi gần.
 Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa :
 Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.
 Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
 Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
 Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
 Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
 Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
 Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
 Nếu đến nửa không phải rằng gặp lại !
 Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
 Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời,*

Mùi tháng, năm đều rớm vị chừa phôi,
 Khắp sông, núi vẫn than thầm tiễn biệt...
 Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
 Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
 Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
 Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?

Chẳng bao giờ, ôi! chẳng bao giờ nữa...
 Mau đi thôi! mùa chưa ngả chiều hôm,

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn,
 Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
 Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
 Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
 Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
 Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
 Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
 — Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi?
 (Thơ thơ)

*

Hư vô

Nhưng mà tôi sẽ chết, than ôi!
 Tôi kẻ dựa rặng bầu mặt trời,
 Kẻ đứng trái tim trên màu đất
 Hai tay chín mộng bám vào đời.

Kẻ uống tình yêu đập cả môi,
 Nhưng mà tôi sẽ chết! than ôi!
 Tóc người mai một không đen nữa,
 Tuổi trẻ khô đi, mặt xấu rồi.

Già nua đã bỏ sẵn hai tay,
 Hôm ấy ta trông gương ảnh ngày.

Bệnh hoạn căn xương như rắn rúc,
 Ta ngồi góp lục nhớ hôm nay.
 Chóng chóng ngày thơ vụt đến xuân,
 Mau mau ngày mạnh yếu phai dần ;
 Ngày già vội vã mang sương đến,
 Tuổi chết rồi đây ! bóng lụi chân.
 Đêm kia ta thức một mình đau
 Nghe tiếng giờ đi, nào dạ sầu.
 Bạn ở bên mình duy ngọn nhỏ
 Còn đèn chống chọi với đêm thâu.
 Tôi run như lá, tái như đông,
 Trán chảy mồ hôi, mắt lệ phồng ;
 Năm đấy, tháng rồi, tôi đã đến
 Nước bờ lạnh lẽo của Hư-không.

(Gửi hương cho gió)

*

Tặng thơ

Đây đây thơ e ấp đã lâu rồi
 Chim trong cổ một vườn hoa bỏ vắng.
 Lòng tôi đó, một vườn hoa cháy nắng,
 Xin lòng người mở cửa ngó lòng tôi.
 Tự ngàn xưa người ta héo, than ôi !
 Vì mang phải những sắc lòng tươi quá.
 Tôi không biết, không biết gì nữa cả,
 Chỉ yêu nhiều là tôi biết ma thôi.
 Hãy đề yên tôi dệt thắm tên người
 Ai lý luận với ân tình cho đáng.
 Trời reo nắng thì chim reo tiếng sáng,
 Xuân có hừng thì tôi có tình to.

Tiếc nhau chỉ, mai mốt đã xa rồi
 Xa là chết, hãy tạm tình lúc sống
 Chớ chia rẽ — để gì ta gặp mộng !
 Nhưng dòng đời muôn kiếp đã chia trôi.

Chính hôm nay gió đại tới chân đời,
 Cây không hẹn đề ngày mai sẽ mát.
 Trời đã thăm, lẽ đâu vườn cứ nhạt ?
 Dẫn đo gì cho lỡ mộng song đôi !

Tôi gửi lòng tôi, tôi gửi hồn tôi,
 Không giấu diếm, như một con đường thẳng.
 Lá hơi úa, và mùi hoa hơi đắng,
 Đây đây thơ tôi đã rút vì người.

(Gửi hương cho gió)

*

Kỷ niệm

Tặng Ngô-Nhật-Quang

Ôi ! ngắn ngủi là những giờ hợp mặt !
 Ôi ! vội vàng là những lúc trao yêu !
 Vừa nắng mai sao đã đến sương chiều ?
 Em hờ hững đề cho lòng anh lạnh.

Em có nhớ một buổi chiều yên tĩnh,
 Chúng ta chìm trong một biển ái ân.
 Chúng ta say trong chén rượu tuyết trần,
 Mà tình ái rót đầy dâng bạn mới.
 Anh gọi nhỏ kề tai em : « Em hơi ! »
 Trên tay anh, em bèn viết : « Anh ơi »
 Rồi ngó mê nhau, ta mỉm mắt cười
 Và lặng lẽ thấy lòng cao chín bệ.

Không cần nói. Trái tim đang mở hé,
 Hoa muôn năm nghe nở tiếng thần tiên.
 Trái tim ngừng trong một lúc vô biên :
 Thời gian hết đất trời không có nữa...

Em lúc ấy nhìn em như lệ ứa,
 Êm ái như trong gió có mùi hương.
 Trong mắt em anh tưởng thấy thiên đường,
 Ôi hạnh phúc, anh gục đầu nhắm mắt...

Sao gần gũi là những giờ hợp mặt ?
 Sao vội vàng là những phút trao yêu ?
 Vừa nắng mai, sao lại đến sương chiều !
 Em hờ hững để cho lòng anh lạnh.

(Gửi hương cho gió)

*

Hết ngày hết tháng

Hết ngày, hết tháng, hết ! em ôi !
 Kinh hãi không gian quặn tiếng còi.
 Ánh ngóng tìm em, tuy thấy đó,
 Sắp xa thôi cũng tựa xa rồi !

Đầu nghiêng, môi gượng, mắt mơn da,
 Chân luyến bên chân, thể nghĩa là...
 Ôi những bàn tay không dứt được
 Ôi lời căn thấp giọng hò ba !

Khắc giờ tàn lụn, dạ chon von,
 Không dám nhìn xa sắc núi non ;
 — Hãy nhớ ngoảnh đầu khi khuất hẳn
 Cho anh tưởng tượng vẫn đang còn.

*Đêm qua mưa gió lạnh lùng trời,
Anh ở, em đi, lạnh lẽo người.
Còn thết như gương, tay hoẵng đứt,
Khói đèn mây bạc, lệ lên người !*

*Em đi : mưa phù, khuất ân tình,
Anh ở : trời tan trên mắt anh.
Vừa đó nhìn nhau, nay tưởng ngóng
Không gian ở giữa cách hai mình.*

*Chiều góa không em lạnh lẽo sao !
Một mình anh lạc dưới thu cao
Sắc trời : sương đọng, non : mây tỏa
Không biết lòng đi đến chốn nào...
(Gửi hương cho gió)*

*

Muộn màng

*Anh biết yêu em đã muộn màng,
Nhưng mà ai cưỡng được tình thương !
Ngậm ngùi tặng trái tim lưu lạc,
Anh chỉ xin về một chút hương.*

*Một chút hương phai của ái tình
Mà em không thể gửi cùng anh ;
Đề lòng ướp với tình phai ấy,
Anh tưởng từ đây bớt một mình.*

*Mắt ướt trông nhau lẽ muộn luôn,
Cưỡng cười anh phải khóc thầm luôn :
Em là người của ai ai đấy,
Lưu luyến chi anh để sót buồn.*

Dầu chiếm tay em, anh vẫn hay
 Rằng anh chỉ nắm cánh chim bay ;
 Bao giờ có được người yêu dấu !
 Chắt chứa trong lòng vụn đắng cay.

Anh chỉ là con chim bơ vơ
 Lạnh lùng bay giữa gió, sương, mưa,
 Qua gần tổ ấm đôi chim bạn,
 Bỗng thấy lòng cuồng yêu ngẩn ngơ.

Yêu ngẩn ngơ rồi đau xót xa,
 Số anh là khổ, phận anh là
 Suốt đời nuốt lệ vào trong ngực,
 Dem đi tình dâng kẻ phụ ta.

Chưa đi mà đã cách xa nhau,
 Lúc biệt ly rồi xa đến đâu ?
 Thôi hãy để anh đi hết hoang,
 Gấp đem thương nhớ khuất mây mù.

Thôi hãy để anh đi thất thơ,
 Mặc luồng gió lạnh, mặc mưa to
 Đánh vào thân thề run như sậy.
 — Tôi chẳng cần ai thương hại cho.
 (Thơ thơ)

*

Tr ắ n g

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
 Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
 Tôi với người yêu qua nhè nhẹ...
 Im lìm, không dám nói năng chi.

Bâng khuâng chân tiểc giậm lên vầng,
 Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
 Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,
 Và làm sai lờ nhịp trăng đang.

Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh
 Cho gió du dương điệu múa cành ;
 Cho gió đượm buồn, thổi náo động
 Linh hồn yêu điệu của đêm thanh.

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,
 Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ.
 Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá !
 Hai người, nhưng chẳng bớt bơ vơ.

(Thơ thơ)

*

Phái nói

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ ?
 Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều.
 Anh biết rồi, em đã nói em yêu ;
 Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ ?

— Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ,
 Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng ;
 Không tỏ hay, yêu miễn cũng là không,
 Và sắc đẹp chỉ làm bằng cảm thạch.

Anh thèm muốn vô biên và tuyệt đích
 Em biết không ? anh tìm kiếm em hoài.
 Sự thật ngày nay, không thật đến ngày mai...
 Thì ân ái có bao giờ lại cũ ?

*Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ,
 Phải nói yêu trăm bận đến nghìn lần.
 Phải mặn nồng cho mãi mãi đêm xuân,
 Dem chim bướm thả trong vườn tình ái.*

*Em phải nói, phải nói, và phải nói :
 Bằng lời riêng nơi cuối mắt, đầu mày,
 Bằng nét vui, bằng vẻ thẹn chiều say,
 Bằng đầu ngả, bằng miệng cười, tay riết.*

*Bằng im lặng, bằng chi em có biết !
 Cốt nhất là em chớ lạnh như đông,
 Chớ thần nhiên bên một kẻ cháy lòng,
 Chớ yên ổn như mặt hồ nước ngủ.*

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ.

(Ihơ thơ)

*

Chỉ ở lòng ta

*Chỉ là gió nhưng lòng tôi thả bướm
 Thêm phất phơ cho hơi thở vừa hiền :
 Chỉ là trăng, nhưng tôi thấy thần tiên
 Như tuyết diệp : bời lỏn tôi xanh quá.*

*Và người ấy vẫn như bao kẻ lạ
 Cũng sắc hương, là lụa, cũng dung nhan :
 Chỉ là tình, nhưng tôi rất mê man
 Gồm vũ trụ gửi nơi hình cầm thạch.*

*Cuộc đời cũng đìu hiu như dặm khách
 Mà tình yêu như quán trọ bên đường
 Mới tranh tàn dờ rét một đêm sương
 Vò nước là mặt xoàng đời phôi nắn.*

Nhà quê kiềng có đầu cơm gạo trắng
 Thân lữ cô đường giận quán tranh nghèo !
 Ta chỉ giàu những cửa sổ mang theo
 Giữa hiu quạnh, được nghỉ nhờ là quý.

Thiên đường cũng ở trong rương hành lý.
 Muốn say sưa, phải đem sẵn rượu nồng,
 Muốn êm đềm, phải có sẵn gối bông
 Muốn mơ mộng, phải sẵn trầm, sẵn nhạc.

Tôi vẫn biết cuộc đời thường đậm bạc.
 Nền mang theo từng suất rượu, nguồn tình ;
 Dem mến yêu làm cho cảnh thêm xinh,
 Cứ phong nhả dề cho người bớt tực.

Đề lây lửa chuyền những lòng giá đức,
 Phải ấm lên vì bất chước tôi nồng ;
 Đề bùng tia trong những mắt tê đông
 Và gợi nhịp khiến hồn lười phải thức ;

Đề giục tiếng chim của niềm rạo rự,
 Đề thay cánh rụng của nỗi phai tàn,
 Đề tươi cười và âu yếm nhân gian.
 Tôi có sẵn một mặt trời ở ngực.

(Gửi hương chu gió)

*

Xuân đầu

(Tặng Hồ cù)

Trời xanh thế ! hàng cây thơ biết mấy !
 Vườn no sao ! đường cỏ mộng bao nhiêu
 Khi Phạm-Thái gặp Quỳnh-Như thuở ấy,
 Khi chàng Kim vừa thấy được nàng Kiều.

Hơi năm tháng vội đi làm quá khứ !
 Trở về đây ! và đem trở về đây !
 Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử
 Gắm trong lòng và khi đứng chờ ngây.

Và nhạc phấn dưới chân mừng sánh bước,
 Và tơ giăng trong lời nhỏ khơi ngời,
 Tà áo mới cũng say mùi gió nước,
 Rặng mi dài xao động ánh dương vui.

Thiên liêng quá, nhưng chiều không dám nói,
 Những tay e, những đầu ngượng cúi mau,
 Chim giữa nắng sao mà kêu đến chói !
 Ôi vô cùng trong một phút nhìn nhau !

Cho ta xin, cho ta xin sắc đỏ,
 Xin màu xanh về tô lại khung đời...
 Trời ơi, trời ơi, đâu rồi tuổi nhỏ ?
 Hôm xưa đâu rồi, trời ơi ! trời ơi !
 (Gửi hương cho gió)

*

Ý thoáng

Ý tôi là những cảnh trình nơ
 Trong cô e dè lá hờ người.
 Khép nép ngoài sương hoa mắc cỡ
 Run run dây nhỏ thẹn tay người.

Du dương như những gái thời xưa
 Động bóng chàng trai vội trốn ngườ
 Ai ngờ sau màn đang thấp thoáng
 Duyên thăm se sẽ mất len đưa.

Hơn gió thay hơi, nước chuyền màu
 Ý tôi là những thoáng qua mau :
 Sao xuyên trời mộng mong manh sáng
 Mặt ngẩn nhìn cao vơ vẩn thu.

Mùa xuân bay lượn bướm như mơ
 Cánh đẹp bên hoa vừa hé hờ,
 Vồn vã đưa tay : đâu nữa bướm ?
 Cánh vàng rơi hạt phấn lơ thơ.
 (Gửi hương cho gió)

*

Giã từ thân thể

Giã từ thân thể muốn yêu dấu !
 Người sẽ về tay ai, biết đâu !
 Chớ mộng cánh tay cành chuối ngọc,
 Mơ chi con mắt lặng gieo sầu.

Thôi nhé, từ đây thôi bén hương,
 Bên nhà rào giậu chốn yêu đương.
 Thôi nhé, lòng ơ, thôi hết nhé,
 Hết mà ! ly biệt giữa tình thương.

Người sẽ nằm êm không nhớ tôi,
 Đêm đêm hoa biếc nở đôi hồi
 Trong màn hoan lạc — tôi mơ thức
 Ở phía trời này, không một ai.

Nhớ, nhớ làm chi ! xin ngủ yên !
 Cho tôi tất cả gánh thương phiền
 Kho sâu không muốn chia đôi nữa,
 Tôi giữ mình tôi — em cứ quên.

Già từ thân thè, thôi từ già !
 Ly biệt linh hồn, đã biệt ly !
 Trên giấy này đây hôn cuối chót
 Nhận chẳng, môi lạnh, tiễn tình đi ?
 (Gửi hương cho gió)

*

Xuân rụng

Sắc tàn, hương nhạt, mùa xuân rụng !
 Những mặt hồng chia rẽ hết cười
 Đờ lấy đài xiêu, nung lấy nhị,
 Hồn ơi, phong cảnh cũng là người !

Duyên mỏng bay theo đờ sắc buồn,
 Cho mình hoa rụng cứ xinh luôn.
 Phút giây hóa bướm lìa cây đạo,
 Đến đất không nghe một tiếng hồn.

Gió tuy nhiều nhieu chỉ đưa hơi,
 Sương dẫu chưa buông lệ ám trời ;
 Nhưng bóng chiều mau sa nặng lấm,
 Mà hoa thì nhẹ : cánh rơi... rơi...

Trên đồng lỏng lẻo khói giờ cơm,
 Ấy lúc sao êm hiện mấy chòm ;
 Thẩn chết thướt tha nương bóng héo,
 Bắt đầu di nhật những hồn thơ.

(Gửi hương cho gió)

*

Nguyệt cảm

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hơi trăng ngần !
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm !
Mỗi giọt sương tàn như lệ ngân.

Mây vắng trời trong, đêm thủy tinh.
Linh lung bóng sáng bóng rung mình,
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết dèm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời ;
Đàn ghê như nước, lạnh. trời ơi...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận :
Trăng nhớ Tầm-dương, nhạc nhớ người.

Bốn bề ánh nhạc. biên pha lê ;
Chiếc đảo hồn tôi rộn bốn bề. .
Sương hạc làm thình, khuya nín thở
Nghe sàu âm nhạc đến sao Khuê.
(Gửi hương cho gió)

*

Giục giã

Mau với chứ vội vàng lên với chứ !
Em, em ơi, tình non đã già rồi.
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ ! thời gian không đứng đợi.
Tình thời gió, màu yêu lên phấp phới :
Nhưng dùi ngày, tình mới đã thành xưa.
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết !

*Trong gập gờ đã có mầm ly biệt :
 Nhưng vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài ;
 Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai ;
 Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.*

*Vừa xích gối chần, mộng vàng tan biến,
 Dung nhan xê động, sắc đẹp tan tành,
 Vàng son dương lõng lấy buổi chiều xanh,
 Quay mặt lại : cả lâu chiều đã vỡ,
 Vì chút mây đi, theo làn vút giú
 Biết thế nào mà chậm rãi em ơi ?
 Sớm nay, sương xê xích cả chân trời,
 Giục hồng nhan thiên di về cõi bắc ;
 Ai nói trước lòng anh không phản trắc.
 Mà lòng em sao lại chắc trơ trơ ?
 — Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,
 Đốt muôn nến sánh mặt trời chói lọi ;
 Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
 Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.
 Em vui đi, răng nở ánh trắng rằm ;
 Anh hút nệm của mỗi giờ tình tự.
 Mau với chứ ! vội vàng lên với chứ !
 Em, em ơi ! tình non sắp già rồi...*

(Gửi hương cho gió)

*

Đây mùa thu tới

Tặng Nhái-Linh

*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
 Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng ;
 Đây mùa thu tới — mùa thu tới,
 Với áo mờ phai dệt lá vàng.*

Hơn một loài hoa đã rụng cành,
 Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh ;
 Những luống run rầy rung rinh lá...
 Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ...
 Non xa khởi sự nhạt sương mờ...
 Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
 Đã vắng người sang những chuyến đò...

Mây vẫn từng không, chim bay đi.
 Khí trời u uất hận chia ly.
 Ít/nhiều thiếu nữ buồn không nói,
 Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì ?

(1 hơ thơ)

*

Lời kỹ nữ

Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa :
 Vội vàng chi, trắng sáng quá, khách ơi !
 Đêm nay rằm : yến tiệc sáng trên trời
 Khách không ở, lòng em cô độc quá.
 Khách ngồi lại cùng em ! đây gỏi lá
 Tay em đây mời khách ngả đầu say,
 Đây rượu nồng. Và hờn của em đây
 Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử.
 Chớ đập hờn em !

Trăng từ viễn xứ

Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn ;
 Gió theo trăng từ biển thổi qua non ;
 Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.
 Lòng kỹ nữ cũng sâu như biển lớn,

Chớ đề riêng em phải gặp lòng em ;
 Tay ái ân du khách hãy làm rềm,
 Tóc xanh tốt em xin nguyên dặt vông.
 Đây hộ hồn em triển miên trên sóng
 Trôi phiêu lưu không vọng bến hay gành,
 Vì mình em không được quẩn chân anh
 Tóc không phải những dây tình vướng víu.
 Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo.
 Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.
 Người giai nhân : bến đợi dưới cây già
 Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt.

•

Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt.
 Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi.
 Người viễn du lòng bận nhớ xa khơi
 Gờ tay vướng đề theo lời gió nước.
 Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.
 Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi
 Du khách đi.

— Du khách đã đi rồi !

(Ngày nay)

*

Chiều đợi chờ

Hôm nay chiều đợi chờ
 Nắng nhỏ cành vương vấn
 Sương hồng cây ước mơ
 Em đến ! lòng van khẩn.

Chân thơm mang gió lại
 Tay đẹp ngờ ngang chi

*Ngoảnh đầu che sắc thẹn
Nghiêng đầu ôm bóng mi.*

Lòng tôi rung động như

*Hoa hồng trong cốc nước.
Chim cao êm ái về
Đêm ngái triển miên bước.*

*Ai đề bàn tay ngọc
Run run hoa lá gần
Thoảng màu đôi mắt lọc
Bên lòng vang gió ngân.*

*Cho lòng xin chút hương
Cho lòng xin chút lửa
Cho lòng xin chút thương
Cho lòng xin chút nữa...*

(Gửi hương cho gió)

*

Nhị hồ

Tặng Thạch-Lam

*Trăng vừa đủ sáng để gây mơ.
Gió nhíp theo đêm, không vội vàng ?
Khí trời quanh tôi làm bằng tơ.
Khí trời quanh tôi làm bằng thơ*

*Cây cỏ bình yên ; khuya tĩnh mịch.
Bỗng đâu lên khúc Lạc-âm-thiếu...
Nhị hồ đề bốc niềm cô tịch.
Không khóc, nhưng mà buồn hiu hiu...*

*Điệu ngả sang bài Mạnh-Lê-Quân,
Thu gấm xa vắng tự muôn đời.
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...*

*Tiếng đàn thăm dịu dẫn tôi đi,
Qua những sân cung rộng hải hồ.
Có phải A-phòng hay Cô-tô ?
Lá liễu dài như một nét mi.*

*... Và nàng Lộng-Ngọc lấy Tiêu-lang,
Cười hạc một đêm bay lên trời.
Vua Trần Hậu-chúa ngó trăng vàng.
Khúc Hậu-dinh-hoa đương lên khơi.*

*Linh hồn lưu giữa bề du dương...
Tôi thấy xiêm nghiê nổi gió lửa :
Nhưng nàng cung nữ ước mơ vua,
Không biết bao giờ nguôi nhớ thương.*

*Tôi yêu Bao-Tự mặt sầu bi.
Tôi mê Ly-Cơ hình nhịp nhàng.
Tôi tưởng tôi là Dương Minh-hoàng,
Trong cung nhớ nàng Dương Quý-phí.
(Thơ thơ)*

*

Viễn khách

Tặng Nguyễn nhược Pháp

*Đương lúc hoàng hôn xuống,
Là giờ viễn khách đi
Nước dым màu ly biệt,
Trời vương hương biệt ly.*

Mây lạc hình xa xôi ;
 Gió than niềm trách móc.
 Mây ôi và gió ôi !
 Chớ nên làm họ khóc.

Mắt ghen nhìn thấu dạ ;
 Môi khô hết nín lời...
 Chân đời, tay muộn rã...
 Kẻ khuất... kẻ trông vời...

Hôm nào như hôm qua
 Má kẻ trên gổ sách ?
 Anh đi, đường có hoa...
 Tôi nằm trong tuổi lạnh.

Buổi chiều ra cửa sổ ;
 Bóng chụp cả trời tôi !
 — Ôm mặt khóc rưng rức ;
 Ra đi là hết rồi.

(Thơ thơ)

*

Một tình yêu

Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất,
 Dem cho em kèm với một lá thư.
 Em không lấy là tình anh đã mất,
 Tình đã cho không lấy lại bao giờ.

Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo,
 Tình thì buồn như tất cả chia ly,
 Xếp khuôn giấy đề hoài trong túi áo.
 Mãi trăm lần mới gấp lại đưa đi.

Em xé như lòng non cùng giấy mới,
 Mây dần trôi hôm ấy phủ sơn khê
 Thôi thôi nhé ! hoa đã sầu dưới đất.
 Cười trên cành sao được nữa em ơi !
 Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất,
 Đem cho em là đã mất đi rồi !

*

Vì sao

Tặng Đoàn phú Tứ

Bữa trước, riêng hai dưới ánh đào,
 Nhìn tôi cô muốn hỏi « vì sao ? »
 Khi tôi đến kiếm trên môi đẹp
 Một thoáng cười yêu thỏa khát khao.

— Vì sao gặp mặt buổi đầu tiên,
 Tôi đã đày thân giữa xứ phiên.
 Không thề vô tình qua trước cửa,
 Biết rằng gặp gỡ đã vô duyên ? —

Ai đem phân chắt một mùi hương
 Hay bản cầm ca ! Tôi chỉ thương,
 Chỉ lặng chuỗi theo dòng cảm xúc,
 Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu !
 Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
 Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
 Bằng mây nhẹ nhẹ, gió hiu hiu...

Cô hãy là nơi mấy khóm dừa
 Dầm chân trong nước, đứng say sưa,
 Đề tôi là kẻ qua sa mạc
 Tạm lánh hè gay; — thế cũng vừa.

Rồi một ngày mai tôi sẽ đi.
 Vì sao, ai nỡ hỏi làm chi !
 Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá,
 Chỉ biết yêu thôi chẳng hiểu gì.
 (Thơ thơ)

*

Vô biên

Tặng Hoàng-Đạo

Như kẻ hành nhân quáng nắng thiêu,
 Ta cần uống ở suối thương yêu;
 Hãy tuôn âu yếm, lừa mơn trớn,
 Sóng mắt, lời môi, nhiều — thật nhiều !

Chớ nên tiết kiệm, hỡi nàng tiên !
 Ta được em chẳng, lại mất liền :
 Với bạn ân tình hay với cảnh;
 Nơi nào ta cũng kiếm Vô-biên.

Những phen reo hót, những cơn say,
 Những lúc mây đen ám mặt mày,
 Là lúc lời xa muốn thể giới
 Đến chờn trong dạ cánh chim bay...

Trời cao treu nhử chén xanh êm ;
 Biển dằng không nguôi nổi khát thèm
 Nên lúc môi ta kề miệng thắm,
 Trời ơi, ta muốn uống hồn em !

(Thơ thơ)

*

Giới thiệu

Tặng Tú-Mơ

*Xin đừng tìm biết rõ chàng ta,
— Nhân loại xem gần vẫn xấu xa —
Có đến mà yêu thì hãy đến
Xem đầu mây gợn, mắt mây qua...*

*Giữa người, anh rón giấu tên đi ;
Thi sĩ, thừa cô, có quý gì !
Huống nữa người ta đều tự ái ;
Bao giờ quen thuộc cũng khinh khi.*

*Hãy biết rằng anh lúc ở trường
Rất tồi toán pháp, khá văn chương.
Chàng trai đi học nghe chim giảng,
Không thuộc bài đâu ; ấy sự thường.*

*Hết nợ thì rồi, đến nợ 'hí,
Than ôi khổ quá ! học làm gì
Nhưng chớng sách nặng khô như đá !
Ruộng gió đồng trắng anh ấy đi...*

*Nghe nói tình yêu tưởng trái ngon ;
Cho lòng, không nghĩ mất hay còn.
Tay trầy gai góc, chân đau sỏi,
Anh bám, không thôi bám tuổi tròn.*

*Bạ kẻ nào đâu anh cũng mê,
Chân theo xa với, trí theo kẻ.
Sì tình lắm đấy, — nhưng đôi lúc
Có gửi tình đi, chẳng có về.*

Quá thực thà nên hóa đại khờ,
 Bất đầu người chỉ biết yêu lo
 Nỗi đời cay cực đang giờ vượt,
 Cơm áo không đùa với khách thơ.

Nhưng thoát sao ra lối hồ hùm
 Nuốt đời bao kẻ hái vắn thơm !
 — Lần này lại sắp đi thi nữa :
 Chắc hỏng mười phân ; khẩn nguyện giùm !
 (Tho thơ)

*

Tiếng gió

Có nhiều lúc gió kêu thê thiết quá ;
 Như gió đau một nỗi khổ vô hình,
 Như bao điều áo nã của nhân sinh
 Đã in vết ở nơi hồn của gió.
 Gió vừa chạy, vừa rên, vừa tắt thở,
 Dem trái tim làm uất cả không gian,
 Gợi bóng hình những thân, thề cơ hàn,
 Với môi tím, với cảnh nghèo vạc mặt.
 Trong khung xám của mùa đông bằng sắt,
 Gió qua rồi còn lưu lại tiếng ngân :
 Cây bên đường, trụ lá, đứng tần ngần,
 Khắp xương nhánh chuyển một luồng tê tái ;
 Và giữa vườn im, hoa rung sợ hãi,
 Bao nỗi pha phôi, khô héo, rụng rời ;
 Và mưa kia là nước mắt gió rơi,
 Và sương ấy là mồ hôi gió rớt
 Trong lúc vội vàng, trên cảnh thừa thớt.

Ấy nỗi buồn kêu xé của ngày qua,
 Hay lời than rên rĩ của đêm xa ;
 Ấy là tiếng những âm binh tan tác.
 Hay là giọng những vong hồn lưu lạc ?
 — Hỡi gió mờ ! người chứa cả mùa đông
 Trong phôi của người u uất vô cùng.
 (hơ thơ)

*

Gửi hương cho gió

Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm
 Dem gửi hương cho gió phụng phàng !
 Mất một đời thơm trong kẽ núi,
 Không người du tử đến nhâm hương !
 Hoa ngữ đem hương gửi gió kiêu,
 Là truyền tin thắm mọi tình yêu ;
 Song le hoa đợi cànq thêm tủi,
 Gió mặc hồn hương nhạt với chiều.
 Tản mát ngàn phương lạc gió câm
 Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm ;
 Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá,
 Lặng lẽ hoàng hôn phủ trước thềm.
 Tình yêu muôn thuở vẫn là hương,
 Biết mấy lòng thơm mở giữa đường ;
 Đã mất tình yêu trong gió rủi,
 Không người thấu rõ đến nguồn thương !
 Thiên hạ vô tình nhận ước mơ,
 Nhận rồi không hiểu mộng hay thơ...
 Người si muốn kiếp là hoa núi
 Uống nụy lòng tươi tặng khách hờ.

Đẹp

Mai yếu đuối, sao bằng thông mạnh mẽ
 Dáng yếu kiều, sao bằng vẻ hùng anh
 Nhưng chàng trai dương sức lực tươi xanh
 Bước vạm vỡ như là đi chinh phục.

Em đẹp khi em phồng nét ngực
 Hít không gian và ngó thẳng trời xa,
 Khi cánh tay dang ôm cả sơn hà
 Chân vút thẳng sấp lên đường vượt trải.

Em đẹp quá khi mây em nhúu lại
 Cặp mây xanh như rừng biếc chen cây
 Em thanh thoi như buổi sáng đầu ngày
 Em mạnh mẽ như buổi chiều giữa hạ.

Mười chín tuổi ! mặt trời đang óng ả
 Anh sáng ca, lạnh lạnh tiếng đời ngân :
 Bông hạnh cười : mười chín tuổi thanh tân
 Ánh nhẹ nhõm trên thân hình măng mọc !

Mười chín tuổi, hời những nàng má ngọc
 Riu rít chim, là tuổi ước mơ hoa !
 Hời chàng trai kiều diễm mãi vui ca
 Mười chín tuổi ! Chẳng hai lần hoa nở !
 (Gửi hương cho gió)

*

Thanh niên

Thanh niên, người đang ở cùng ta
 Rộn tiếng mưa, và thay đổi cười hoa
 Người riu rít như một vùng chim núi
 Người xôn xao như một vọn cây rừng

Nao lòng ta bằng muôn cánh yêu đương
 Làm rộn ngợp như phất cờ trẻ mạnh
 Ở trong máu thấm vì xuân rộn ánh
 Suối người đi róc rách như giọng hồng vàng
 Xui chân vờng thành những bước nghênh ngang
 Và gót nhịp, theo một lời hứa hẹn
 Miệng thổi sáo, mảy nghiêng đưa mắt bén
 Ta liếc đời bằng những khoé ham mê
 Người, treo thêm, người mở nhạc, tung huê
 Và ta đóng lại những vòng tay thật chặt.

Thế mà cũng có một ngày khe khát
 Ta ở đây mà người bỏ người đi
 Ôi Thanh-niên : người mang hết xuân thì
 Hình ngực nở, nụ cười tươi, màu tóc lóng
 Già sẽ đến, giờ tay xua ánh sáng
 Đuôi bướm chim, làm sợ cả hoa hương
 Và dần dà càng rõ rệt bộ xương
 Mà bạn hữu sẽ đặt nằm dưới đất,
 Không có người, thôi cái gì cũng mất :
 Tài năng chi, danh vọng đề làm chi
 Kề chi tiền với một kẻ mê si
 Chỉ thấy nghĩa trong Ái-tình vĩnh viễn
 Chèo năm tháng vội đưa ta tới bến
 Thuyền mộng hoa không cho kẻ tàn xuân
 Hồ thần tiên rầu rĩ bóng tà huân
 Ta đau đớn bước lên bờ thực sự
 Cô đơn quá, bởi không còn người nữa !

Người đi rồi, thôi khổ sở biết bao nhiêu !
 Thấy sao đành sắc lợt với hình xiêu
 Chịu sao nổi với ngày giờ lạnh lẽo
 Thời gian rút từng giọt buồn khô héo

Sự sống di như hương bỏ hoa chiều
Ngục đời người không có một trời yêu.
Và anh yển chẳng thăm vườn nhạt tẻ...
Nhìn tuổi trẻ cười ta xưa đã trẻ
Họ được yêu mà ta chỉ được thương :
Ta nài tình mà giá ngắt vì sương
Của lạnh đạo, thôi khắc nào đã chết
Người đã mất, thôi cái gì cũng hết...
Người đương ở cùng ta, ôi Thanh-niên !
Ta ôm choàng, ôm riết bánh thần tiên
Ta ôm bố, cánh tay ta làm rắn
Làm dây da quấn quít cả mình xuân
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần
Chân hút rễ rễ hút mùn dưới đất
Thanh niên hỡi ! lòng người thơm quá mất !
Ta uống mê vào hơi thở của người
Ta bầu răng vào da thịt của đời
Ngoài sự sống dề làm êm đối khát
Muôn nỗi ấm, với ngàn muôn nỗi mất
Ta đều ăn, nhắm nhía rất ngon lành
Ngực thở trời, mình hút nắng tươi xanh
Ta góp hết những vòng hoa mới lạ
Người đang ở ! Ta vội vàng dờ quá
Sống toàn tim, toàn trí, toàn hồn !
Sống toàn thân ! và thức nhọn giác quan
Và thức cả trong giấc nồng phải ngủ
Sống, tất cả sống, chẳng bao giờ đủ
Chắc chen kho mộng chắc với tình bền
Đề đến ngày Thanh-niên vội lên yên
Nghe nhạc vàng, còn tưởng mãi Thanh-niên !
(Gửi hương cho gió)

Những kẻ đợi chờ

Hỡi các anh đi đáng hững hờ,
 Dầu cao, tóc ngược, mắt theo mơ,
 Dè dành một phút thương ai với!
 Ôi biết bao nhiêu kẻ đợi chờ.

Họ chưa hề đẹp ; lúc xuân sang
 Dem sắc, đem duyên diễm mọi nàng,
 Đôi chút hồng đào lên má nở,
 Rồi thôi ; — họ chẳng dám nhìn gương...

Son phấn bao giờ đủ tốt tươi
 Sắc màu đẹp lắm : áo hơn người.
 Thư tình không lạc trong tay mới
 Đã nản thêu thùa, kim chỉ ơi !

Mỗi ngày trông những thiếu niên qua,
 Gót vện kêu nhanh trước cửa nhà,
 Họ chứa nhớ thương và mỗi tối
 Ấy là sa mạc của buồng hoa...

Mùa đông trên gối rét tê bông ;
 Máu giữa lòng đơn uổng ấm nồng ;
 Hồn ước chung đôi ; thân lặng lẽ
 Vào năm chia lạnh với chẵn không.

Họ nói : thôi, mong gặp gỡ gì !
 Xuân mình tất cả đã trôi đi...
 — Thế rồi họ khóc không nghe tiếng,
 Trong lúc trắng tàn bọt gió khuya.

(Ngày nay, số 153, 18-3-1939)

Buồn trắng

*Gió sáng bay về, thi sĩ nhớ,
Thương ai không biết, đứng buồn trắng ;
Huy hoàng trắng rộng, nguy nga gió,
Xanh biết trời cao, bạt đất bằng.*

*Mây trắng ngang hàng tự thuở xưa,
Bao giờ viễn vọng đến bây giờ...
Sao vàng lẻ một, trắng riêng chiếc ;
Đêm ngọc tê ngừi men với tơ...*

*Chỉ hiền trời xanh, chẳng bến trời,
Mắt tìm thêm rộn ánh khôi vơi.
Trắng ngà lộng lẽ như bông tuyết,
Trong suốt không gian tịch mịch đời.*

*Gió nọ mà bay lên nguyệt kia,
Thêm đem sương lạnh xuống đầm đìa.
Ngàng đầu ngấm mãi chưa xong nhớ,
Hoa bưởi thơm rồi : đêm đã khuya.*

(Ngày nay, số 155, 1-4-1939)

*

Tình trai

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men,
Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
Khinh rẽ khuôn tròn, bỏ lối quen.*

*Những bước song song xéo dặm trường,
Đôi hồn tươi đậm ngát hoa hương,
Họ đi, tay yếu trong tay mạnh,
Nghe hát ân tình giữa gió sương.*

*Kề chi chuyện trước với ngày sau ;
 Quên ngó môi son với áo màu ;
 Thấy kẻ thiên đường và địa ngục !
 Không hề mặc cả, họ yêu nhau.*

(Thơ thơ)

*

Ý thu

Tặng Nguyễn lương Ngọc

*Nhưng chút hồn buồn trong lá rụng
 Bị nhàu ai tưởng dưới trăm chân.
 Bông hoa rút cánh, rơi không tiếng ;
 Chẳng hái mà hoa cũng hết dần.*

*Dưới gốc, nào đâu thấy xác ve,
 Thế mà ve đã tắt theo hè.
 Chắc rằng gió cũng đau thương chứ ;
 Gió vờ ngoài kia, thu có nghe ?*

*Hôm nay tôi đã chết trong người
 Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi ;
 Với bóng hình xưa, tấm tiếng cũ,
 Cách xa chôn hết nhớ thương rồi.*

*Yên vui xây dựng bởi người quên.
 Muốn bước trong đời, phải giẫm trên
 Muốn tiếng kêu than thẳm lắng lặng.
 Nhưng hoa có thể cứ lâu bền.*

*Ờ nhỉ ! sao hoa lại phải rơi ?
 Đã xa, sao lại hứa yêu hoài ?
 Thực là dị quá. — Mà tôi nữa !
 Sao nghĩ làm chi chuyện nhạt phai ?*

(Thơ thơ)

*

Lạc quan

Vườn cười bằng bướm, hót bằng chim ;
Dưới nhánh, không còn một chút đêm ;
Nhưng tiếng tung hô bằng ánh sáng
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.

Gió qua; như một khách thừa lương,
Lay nắng trên mình lá loáng sương,
Hoa cúc dường như thôi ăn dật,
Hoa hồng có vẻ bận soi gương.

Vàng tươi, thực được cánh hơi xòa ;
Ứng rạng, phù dung nghiêng mặt hoa ;
Nhánh vút làm cho lan choáng ngợp ;
Lòng trinh giữ lại nửa bông trà.

Hình eo, đáng lẽ, sắc xinh xinh
Phơi phới cùng nhau thở thối bình
Của nỗi yêu trùm không giới hạn
Dịu dàng tỏa xuống tự trời xanh.

Hạnh phúc vờn trong buổi sớm mai,
Vừa tắm với bắt của tay người ;
Ái tình đem máu lên hoa diện :
— Thi sĩ đi đâu cũng thấy cười.
(Thơ thơ)

*

Chiều

Tặng Nguyễn Khắc Hiếu

Hôm nay, trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...
Lá hồng rơi lặng ngõ thuôn,
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.

Phất phơ hồn của bóng hường,
 Trong hơi phiêu bạc còn vương máu hồng.
 Nghe chùng gió ý qua sông,
 E bên lau lách thuyền không vắng bờ.
 Không gian như có dây tơ,
 Bước đi sẽ đứt, động hờ se tiêu.
 Êm êm chiều ngần ngợ chiều,
 Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn...
 (Thơ thơ)

*

Bài thơ tuổi nhỏ

Giơ tay muốn ôm cả trái đất ;
 Ghì trước trái tim, ghì trước ngực,
 Cho đầy trước mặt khoảng cô đơn
 Bao la muôn trời, sâu vạn vực.

 Làm sao sống được mà không yêu,
 Không nhớ, không thương một kẻ nào ?
 Hãy đốt đời ta muôn thứ lửa !
 Cho bùng tia mắt đỏ tia sao !
 (Qui-nhơn 1933, trích Thơ thơ)

*

Giờ tàn

Khi mai dậy sớm, trời êm ái,
 Cửa sổ thềm thang mở gió hồ ;
 Hơi mát đưa hùa theo ánh nắng ;
 Cảnh gần, chim rộn tiếng đùa nô.

Chủ nhật còn nguyên, còn trọn vẹn ;
 Tôi chưa tiêu mất một giờ nào.
 Như đứa trẻ con ôm cái bánh,
 E dè tôi muốn giữ chu lâu.

Nhưng ngày cứ thoát đi từng chút ;
 Rồi mặt trời cao. Nắng cháy tràn.
 Trưa đến : thôi rồi ! bình đã vỡ !
 Nửa ngày xinh đẹp đã tiêu tan !

Thong thả chiều vàng thong thả lại...
 Rồi đi... Đêm xám tới dần dần...
 Cứ thế mà bay cho đến hết
 Những ngày, những tháng, những mùa xuân-

Vừa mới khi mai tôi cảm thấy
 Trong tay ôm một bó hoa cười.
 Ngọn gió thời gian không ngớt thổi :
 Giờ tàn như những cánh hoa rơi...
 (Thơ thơ)

*

Biệt ly êm ái

Tặng Nguyễn xuân Khoát

Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trăng thâu,
 Sương bám hồn; gió cắn mặt buồn rầu.

Giờ ly biệt cứ đứng gần từng phút.
 Chúng tôi thấy đã xa nhau một chút...

Người lặng im, và tôi nói bằng quơ,
 Chúng tôi ngồi ở giữa một bài thơ.

Một bài thơ mệnh mông như vũ trụ,
 Đầy khối hương xưa, tràn ân ái cũ.
 Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trắng thảo,
 Tay trong tay, đầu dựa sát bên đầu.
 Tình yêu bảo : « Thôi các người đừng khóc,
 Các người sẽ đoàn viên trong mộng ngọc ».
 Cứ nhìn nhau rồi lại vẫn nhìn nhau.
 Hạnh phúc ngừng giữa đôi trái tim đau.
 (Thơ thơ)

*

Cặp hài vạn dặm

Nếu ta có cặp hài tiên
 Ta đi khắp xứ, khắp miền, khắp nơi.
 Ta đi, đi tận phương trời,
 Đi cùng phương đất, xa vời ta đi.
 In như chiếc én lưu ly,
 In như chiếc lá hết thì tươi xanh,
 Ta theo gió mạnh, gió nhanh,
 Gió hung dữ, gió sát sanh, gió cuồng !
 Đi say và cứ đi suông,
 Ta đi mau lại hờn luống gió mau.
 Đi mau ! trốn nét ! trốn màu !
 Trốn hơi ! trốn tiếng ! trốn nhau ! trốn mình !
 (Thơ thơ)

*

Bên ày bên này

Lòng ta trống lấm, lòng ta sục
 Như túp nhà không bốn vách xiêu ;
 Em chẳng cứu giùm, em bỏ mặc
 Mưa dầm ta đến bến Diu-hiu.

Em ở bên mình ; ta ngú say,
Song le bên ấy với bên này
Cũng xa như những bờ xa cách,
Không có thuyền qua, không cánh bay:

Ta thấy em xinh, khẽ lắc đầu.
Bởi vì ta có được em đâu !
Tay kia sẽ ắp nhiều tay khác,
Môi ấy vì ai sẽ được màu.

Họ sẽ ôm em với cánh tay ;
Và em yêu họ đến muôn ngày ;
Thôi rồi ! em chẳng thờ ơ nữa
N như đối cùng ta tự bấy nay.

— Như đối cùng ta giữa cảnh mưa
Mà lòng không hiểu trán bơ vơ,
Không tăng âu yếm trong câu nói,
Trong mắt còn nguyên vẻ hững hờ.
(Tho thơ)

*

Thờ than

Tôi là một kẻ điên cuồng
Yêu những ái tình ngây dại.
Tôi cứ bắt lòng tôi đau đớn mãi,
Đau vô duyên, đau không đề làm gì.
Ôi ! tình si
Không có một giờ yên ổn !

Nếu bỏ được trái lòng cho gió cuốn,
Dem vút đi, như là trái chua cay !
Nếu một chiều có thể rải tung bay
Tất cả linh hồn thối thức !

Nhưng mỗi lần đưa tay lên nén ngực,
 Lại nghe tình nhiều hơn số ngón tay
 Với mi kia, mắt nọ, với môi này,
 Với chuỗi tên người liên tiếp...
 Yêu với mến / mến và yêu / tiếng d.ập
 Của khúc ca nào vừa cất, vừa say ?
 Lòng tôi lạnh lẽo, đêm nay.
 Theo một con đường mầy nẻo.

Và đêm nay, lòng tôi lạnh lẽo...
 Như sáng trăng trên mặt nước thu lờ.
 Tôi là một kẻ bơ vơ
 Yêu những ái tình quạnh quẽ.

(Thơ úc)

*

Ca tụng

Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
 Giơ hai tay mơn trớn vẽ tròn đầy.
 Trăng, hoa vàng lay lắt cạnh bờ mây ;
 Trăng, đĩa ngọc giữa mâm trời huyền bí ;

Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
 Giơ hai tay mơn trớn vẽ tròn đầy :

Trăng, nguồn sương làm ướt cả Gió hây,
 Trăng, vồng rượu khiến Đêm mờ chệnh choáng /
 Người ám ảnh hương thơm bằng ánh sáng,
 Ru màu êm, mà gọi thức lòng ngay ;
 Trăng, nguồn sương làm ướt cả Gió hây,
 Trăng, vồng rượu khiến Đêm mờ chệnh choáng /
 Trăng thánh thót, họa đàn tơ lấp lánh,
 Trăng nghiêng nghiêng, tư tưởng chuyện ưu phiền,

Người làm ma, rồi người lại làm tiên ;
 Người tạo lập những đền đài mộng thoáng ;
 Trăng thánh thót, họa đàn tơ lập loáng.
 Trăng nghiêng nghiêng, tư tưởng chuyện ưu phiê: ...
 Người là trăng, hơi trăng đẹp bình yên ;
 Hơi trăng đẹp, người là trăng nào nức ;
 Người hay khóc, người không cần sự thực,
 Nhớ thương luôn, nên mắt có quầng viền ;
 Người là trăng, hơi trăng đẹp bình yên,
 Hơi trăng đẹp, người là trăng nào nức !
 Rừng xỏa tóc đề người thành chiếc lược ;
 Biển nhưn người thành ức triệu vòng khuyên ;
 Gió căng người trên những cánh buồm thuyền ;
 Người định nhịp cho sóng triều xuôi ngược ;
 Rừng xỏa tóc đề người thành chiếc lược,
 Biển nhưn người thành ức triệu vòng khuyên...
 Trăng của xa xôi, trăng của hảo huyền,
 Người vĩnh viễn như lòng trăng ý gió ;
 Trăng của mắt, trăng của hồn rạn tỏ,
 (Trăng rất trắng là trăng của tình duyên)
 Trăng của xa xôi, trăng của hảo huyền,
 Người vĩnh viễn như lòng trăng ý gió...
 (Thơ thơ)

*

Trở về (I)

Cũng bởi vì tôi nhớ tôi mong

Một sớm mai hồng, tôi sẽ lên đường trở lại

- (1) Để các bạn ý niệm được sự chuyển hướng tư tưởng của Xuân Diệu về lối thơ lãng mạn cách mạng như ông Thế Phong đã chia khuyê hướng thì ca của nhà thơ này trong quên *Lược sử Văn nghệ Việt-nam*. Chúng tôi xin trích đây bài *Trở về* của Xuân-Diệu sáng tác sau 1945 làm điển hình cho các bạn tiện việc tham khảo.

Giữa vũ trụ nhân gian, trong gia đình xã hội
 Giữa quốc gia nhân loại, trong thế giới gia đình
 Một sớm mai hồng, dâng một bình minh
 Xanh mắt trẻ con
 Hồng môi thiếu nữ
 Tôi sẽ trở về chan vui rón rén
 Như hương đi những xuân hò hẹn
 Như mắt yêu len lén
 Như tay vuốt quen quen
 Như đứa trẻ con nhay vú mẹ hiền
 Trong lòng đời, tôi lại về nao động
 Bà mẹ đời du dương tay mở rộng
 Tôi nằm tròn làm một giấc sương hoa
 Hơi cỏ cây, mình có nhớ thương ta
 Ta rất nhớ thương mình nên trở lại
 — Vì đang sống, tôi vẫn còn sống mãi
 Vì còn yêu, tôi lại muốn yêu thêm
 Vì mất tôi no đủ bóng ngày đêm
 Tôi đầy tiếng hay môi mềm cảm giác
 Hôm nay vẫn nghĩ đến đời bữa khác
 Như đứa con vừa bú mẹ một bên
 Một bên kia vẫn mơn vú mẹ hiền
 Tôi phải về vì quá đổi thương yêu
 Những con người làm bằng máu và xương
 Vì thắc mắc sau khi mình đã chết
 Hội vui quá thế mà mình không biết
 Tôi lại về vì khúc nhạc sau đây
 Đập vang trời, mời cả nước cùng mây
 Ai muốn ngủ cùng thế nào ngủ được !
 Như một sớm trên đường vang tiếng gươm
 Như một trưa chim chóc réo mùa hè
 Tiếng giữa rền đập nặng nhầy vang hoe

Tiếng tia sáng múa vờn quanh chiếc búa
Những bánh xe quay, những guồng máy lùa
Những bàn chân giậm, những cánh tay nhanh
Tiếng cất nhà ! Trời đất gỡ lạnh canh
Kêu thánh thót trong khi thành cửa sò
Những tia máy phì phì đang tập thờ
Những con tàu đầy sức rúc huyệt thiên
Tôi phải về nghe dự nhạc đoàn viên
Nhân loại mới nói cười như trẻ nhỏ
Việt-nam sau một thời lao khổ
Bây giờ cười như hoa nở
Cô gái Việt gánh gồng xinh xinh
Đâu cũng là những cô gái Bắc-ninh
Hội loài người đông vui luyện ái
Cô hạnh phúc đợi chờ cô mãi
Gây dựng cô sứt mẻ những bàn tay
Trật bả vai rỏ máu những lông mày
Nhưng cô đến cả huy hoàng trên trán
Dầu đã muộn rồi hãy còn sớm chán
Hội loài người vui vẻ lắm ngày mai
Tôi sẽ xin đời về một sớm mai

Tháng 8, 1945



Giã từ tuổi nhỏ (1)

GIÃ TỪ

Không biết anh em tôi bỏ đi lúc nào; nhưng bây giờ em đã đi rồi. Tội nghiệp cho em tôi! thành thoảng em còn về thăm, nhưng chúng tôi không dám ở cùng lâu nhau; và đường như tôi có ý xua đuổi. Bây giờ thì em còn thương tình mà trở lại thăm viếng, chứ mười năm, hai mươi năm nữa! tôi có gọi có van rất cò, vỡ tiếng, em tôi cũng chẳng trở về.

Ồ! Em tuổi Nhỏ của tôi, ta nhớ mừng tượng như một lần nào đấy, ta đẩy em lên đường; mắt em hôm ấy xanh quá, miệng em cười giương, môi thắm hơi buồn; em rón rốp một lần cuối cùng, để ta nhìn em mà sau này mãi mãi nhớ thương. Ta thì nghẹn ngào, lệ phồng cả mắt, khế lắc đầu; trán ta ưu tư, lòng ta bị cuộc đời giày xéo, ta còn gan ruột nào để giữ em lại! Ta yêu em nhưng muốn cho em đi, vì đã tới giờ rồi!

Trái sắp đậu thì hoa phải tàn, nếu hạt thóc không chết đi, thì cây lúa cũng không sống; em cũng biết rằng ta muốn ôm em lại mãi, nhưng có thể như thế được đâu. Thế là em đi, còn ta thuì thuì về một mình, con đường thơ mộng đã thành con đường đời, ta bước từng bước đau thương, vì lòng ta trống cả em! Ta không muốn quay đầu lại nhìn; em đi rồi, ta phải thành một người lớn, phải siêng năng chứ, nào là công việc, nào là cuộc sống, nào là cái đời...

Còn em, Tuổi Nhỏ ơi, ta không cần thì em cũng không ở; em đi chậm chậm, lưng quay lại cho ta. Em mang theo mặt đẹp của em, hai má trai tơ, đậm như mặt trời sắp mọc; trán em tinh khiết, chưa hề oán hận; lòng em ngây thơ chỉ thích đùa cười. Từ bấy đến nay, em vào trong Thời-gian, con đường mờ mịt không em?

Thôi, đường của em về chỉ là khói sương thôi, chẳng bao lâu em sẽ lẫn với chân trời, anh chỉ nhìn đàng xa. tưởng em là mộng. Anh không dám giờ tay đón bắt; bắt sao được

(1) Gồm hai phần. *Giã từ* (1930), *Giao lại* (1942)

mà dám bắt em sao? Em sẽ không đến với khuôn mặt tạc trong thịt đời, khắc khoải gấp ghềnh, chín khô như một trái mùa hạ.

*

Có phải đêm nay em về đó không? Ngày nghỉ, đêm thanh, chiếc hoa sao tạt bay qua cửa; trăng lành, gió dịu, ta soi trộm vào gương, thoáng thấy hình ta, thoáng thấy hình em. Tuổi Nhỏ đó ư? Hai ta còn một đêm dài, ngồi đây em, nằm đây em, dựa đây em, ở lại đây, em đừng đi nữa nhé!

Tội nghiệp cho em tôi, một tiếng động cũng làm em sợ; em mỏng manh, em đẹp dễ quá, nên xe chạy ồn, đời làm dữ, là em muốn biến đi ngay. Ngựa xe chạy làm chi mà ồn ào! cuộc trùng phùng nào chắc gì đâu, sao đường phố còn rộn tiếng đời, không cho tôi tha hồ tâm sự? — Cửa trước đã đóng. còn cửa sổ sau; mặt trăng từ mẫu cho mượn bóng xanh, hiện tại đã xa xa, quá khứ đã gần gần; gió thổi má về, gió đưa thơ lại... Thôi chính là em tôi, chính là tôi xưa, nét mường nhụy, vẻ huy hoàng, chiều duyên dáng, cách ngảy thơ, tâm này và hồn này là của tuổi nhỏ. Hồn xuân phấp phới ở đầu lá, cây cỏ đem ra một làn hơi biếc, trời đất triển miên...

— Em đó ư? Anh nhìn rõ quá.

— Anh đây ư? Em nhận không ra...

Em của tôi đã bỏ ngõ với tôi rồi. Tuổi Nhỏ ơi, ngày trước đây chúng ta là một đó. Em đi, giữ lấy tình túy; ta ở, cuộc thế khinh mạn, thời gian lần lữa; xa em rồi, thì còn gì thực vui, còn gì thực đẹp nữa đâu! chỉ có mặt em, lòng tơ bao học; chỉ ở tuổi em, cuộc đời bông lóa.

Nói làm chi phải không em? Nằm trên ngực anh đây, con chim ân ái; đưa tôi bằng ru chút nào, cậu trai măng tơ; em của tôi đây, tôi đây, thực là yêu quá. Mới đi độ chừng một năm, mà bây giờ đã bỏ ngõ nhau. Em có biết nhiều khi em thổi về như một làn gió, nổi bận bận của anh bỗng mất thơm như rừng núi xuống gần; ta vội vàng tươi nở mau mau, nhưng Tuổi Nhỏ ơi, em đến không nằm giờ,

lắm khi lại quá phiền nhiễu. Ta than thầm: « Xứ ấy đẹp sao! », rồi ta phải đuổi em và chim bướm của em ngay. Mắt lại nhìn cho cái cuộc đời thực kỹ, tay lại nắm giữ sự đời cho thực chặt, để mà sống chứ, nực cười thay! và trong lúc làm người lớn, ta thừa biết rằng chiều nay, ta sẽ khóc em, hỏi em đâu, đòi em cho được; nhưng than ôi, trẻ con làm nũng với mẹ, chứ ai đâu làm nũng với đời!

Kể chi những cái bội đó, em nhỉ! Đêm đã khuya, trăng thêm ngà. Tuổi Nhỏ mỉm cười đi, cho ta được vui. Ôm em trên lòng; trái tim quá khứ của em nhịp nhàng với lòng ta chạy chậm, ta rửa linh hồn cho sạch, để em đừng chê...

•

Tôi ru em nhỏ của tôi, tưởng tôi còn nhỏ. Bóng trắng phấp phồng trên ngực. Năm canh lơ mờ quanh mình. Tôi nằm giữa tuổi xưa, thấy mình mười sáu, mười tám đôi mươi, tay chân bằng mỡ, mắt bằng hồ, lòng bằng lửa, miệng bằng hoa...

Đêm thanh suốt đêm, ai có ngờ đâu trời cũng sáng!

Mặt trời sắp mọc, đất thành thị sắp chuyển tiếng chân, xe tàu sắp rúng cả cửa nhà, cái máy đời sắp mở toàn tốc độ. Dậy, dậy, tôi ơi! Kỳ niệm chực biến! Hình bóng em nhỏ sắp tan! Thôi, em đi, ta ở, ta dậy, em về; thả xa nhau trong chút bóng trắng tàn, để phút ly biệt còn được phần xanh, chứ không chịu chia phối giữa bụi bặm ồn ào, làm mất thiêng liêng của nỗi luyến tiếc. Hỡi em Tuổi Nhỏ, già từ, từ già! ly biệt, biệt ly! núm em nói chưa dứt lời, em đã đi mất!

Mặt trời đỏ rực, đời chiếm cả mọi nơi rồi. Tôi sắp vào cho cái máy cuốn lời, chân bước đi, lòng còn ngoảnh lại. Em Tuổi Nhỏ! xa nhau rồi giờ lại xa nhau, chẳng nữa? Bao giờ mới đến lần sau? Em chịu về thăm anh chẳng? Ngày mai soi gương, có tình cò thấy hai ta chung một bóng?

Ta ở lại một mình. Thời gian đầy sau lưng, cuộc đời kéo trước mặt, chân trái rời xa thời nhỏ, chân mặt bước vào thời nào đây? Ta nuốt đắng cay, cười gượng mà dề

cho hoa tàn, mà mong cho trái đậu; hôm nay ta xua Tuổi Nhỏ để khỏi giậm chân trong cuộc thế; một may sự đời dầu dài, lúa gặt, việc xong, chạy đi tìm em, em tan mất rồi!

Thời gian lạnh lắm, cái gì vào đó mà còn được đâu! Hôm nay còn gặp tuổi nhỏ năm ngoái; năm sau tuổi nhỏ chắc đã mờ bóng; vài năm sau nữa, ối thôi em tôi chết thực rồi! Nhớ mà thỉnh thoảng về thăm anh, em nghe; chớ vội tan trong thời giờ, mà để anh già cỗi. Giã từ! biệt ly! quá nửa lòng ta đã mất với em! bệnh tê liệt sẽ chiếm dần trái tim; ta đứng đây nặng nề, vững chãi, chen chúc, ganh tỵ, để mà sống với đời...

Giã từ! từ giã! ly biệt, biệt ly! các bạn ơi, có gặp tuổi nhỏ của tôi ở trên đường cái?

•

GIAO LẠI

Người tướng xông pha trăm trận không buồn vì ngựa bọc thây mà đau vì sau mình, không ai đi dẹp giặc. Giang sơn tuổi nhỏ, tôi buông ra mà không dám buông hẳn; lòng băn khoăn không biết những vưu vật của tạo hóa, bạn sau tôi có biết giữ gìn chẳng? Ta đi rồi, ai đến đây? Ai đến có phụ phàng những ngày biếc?

Này gã trai tơ, sách chạt năm ngăn, mộng ư rương hòm, tôi xin giao lại cái giang sơn thơ mộng cho người. Mà gọi làm chi cho khách tỉnh vậy nhỉ! Ở trong tuổi đẹp, chúng ta đều là bầu bạn; giang sơn tuổi nhỏ, này anh giao lại cho em.

•

Hai tay em đan đầy hoa lộc của đời, những hoa lộc phong một lớp sương mờ, như một trái qui phong màng lá xanh. Em mở ra cho trần trọng! Em có mười sáu tuổi chỉ một lần; em không có đến hai lần cái tuổi hai mươi, em chẳng bao giờ có lại cái tuổi mười tám. Em chỉ có một tuổi vui, em sẽ có một trăm năm buồn; tất cả đều tùy em đó, xấu đẹp ở tại lòng em.

Buổi sáng hái hoa, buổi trưa chăm cây, buổi chiều gặt trái. Em chẳng sớm muộn, đề qua mất cái thời độc nhất đề vui sướng, thì khi trời nắng chang chang, mồ hôi nhỏ giọt, cái lúc phải tay làm hàm nhai, đang kiếm cơm tìm gạo, em có thể trở lại hái hoa được sao? Tội thay cho bao nhiêu đàn ông, con, đeo trước mặt, vợ bám bên lưng, suốt kiếp làm một người đời, mà chưa làm gã con trai. Họ đã đề qua cái tuổi nọ i.o.a mà không biết hưởng. Chỉ có một tuổi đó tha hồ vui đẹp, họ đã lững lờ quên mất, thành ra suốt đời chẳng được biết một lần sương xanh!

Ở tuổi giác quan mới mẻ, rất hèn ngu là một kẻ chích chích chỉ chỉ. Trời cho em một buổi mai, đầu lễ lấy con mắt vô tình mà ngó. Thiên đường không biết ở đâu cả, họa chẳng thiên đường ở trong tuổi nhỏ, đó em. Ở tuổi em, vườn trần mà biết ngắm thì là vườn trời; lòng còn nguyên cả vốn mà trải lên cảnh sắc, tự nhiên tất cả đều lộng lẫy; mắt xanh trong vắt, cứ nhìn muôn vật, muôn vật rực rỡ hào quang. Mỗi sớm mai, tung chăn đã nghe rạo rục tiếng mùa; chim hót trên cành gần cửa; máu reo khắp cả tứ chi. Bừng mắt dậy, mà cả trời đất cũng bừng mắt dậy; lòng bắt đầu, nên thấy như thượng đế cũng vừa mới tạo thiên lập địa đầu đây! Thiên đường ở khắp mọi nơi, giữa đồng hái hoa hay trên đường đi học; thiên đường luôn luôn, khi nắng hạ đốt người một cách cực lạc, khi rét đông khĩa vào da thịt, làm dậy cả máu xương!

Em mười lăm tuổi, em tuổi hai mươi! đừng đề mất một cái gì mà không hưởng. Em tưởng sau này em lớn, đi chơi bởi là hưởng sao? Những cái ấy cho bọn giác quan què quặt, tâm trí ngu dần, ta, thiếu niên, có thể không mất một xu mà hưởng hết của trời. «Say là say nghĩa say nhân, say chúng Lý Bạch, say dờn Bá Nha», chứ há có say thứ rượu tồi tệ của Lưu Linh! Gấp đi em, mau đi em, hoa ở tuổi em mới thật là hoa, đề nâng niu hôn hít; thêm dăm tuổi nữa, thì hoa chỉ trông cho đẹp nhà, hãnh diện với khách qua đường. Song ở tuổi em thì óng ả như cô gái xuân, chảy dầy cái lòng dỗi dào của tạo vật; thêm dăm tuổi nữa, sông chỉ đề cho thuyền

bè qua lại, hay là nơi tài kỹ tùy ba. Núi ở tuổi em hùng vĩ tận chân trời, như mộng kiều kỳ của tuổi trẻ; thêm dăm tuổi nữa, thì đó chỉ là một mớ đá chồng chất với nhau. Mau đi em, gấp đi em, cái vốn ngây thơ, trời cho chỉ mấy năm trời; cái tuổi mơ mộng, chẳng mấy lúc mà nguồn khô cạn. Thế nào việc đời cũng đến, muốn không lo cũng chẳng được nào. Gấp đi em, hãy chuyển trò cùng tạo hóa; mau đi em; mau đi em, vor vờn cho nhiều.

Giang sơn tuổi nhỏ, kẻ làm sao xiết ái ân! Anh giao cho em trường học thân yêu, cái tổ ấm cho hồn ta lấy sức; anh giao cho em phòng học sáng sủa, hiên trường có tiếng guốc vang, nhà chơi dầm ấm những chiều mưa, mảnh sân rộn ràng khi ong vỡ tổ. Anh giao cho em phòng ngủ trên lầu, cửa sổ mở trong khung xanh; anh giao cho em chiếc giường riêng chiếc như tấm thân trai, cái mànng tâm sự bịt bùng, ngọn đèn canh đêm thâu, ánh vàng thao thức. Anh giao cho em những đêm xuân trắng mọc, muốn ngủ không đành; những đêm đông lạnh lùng, giấc ngon ấm áp, anh giao cho em hai hàng cây xanh, bóng rớt mát như tóc chảy; anh giao cho em khoảng vườn hoang dại, đề những chiều hờn bạn, ra ngồi đó mà tủi thương. Đây là đóa hoa, thơm như tình ái; đây là hạt sương, đây là con bướm, đây nữa đàn chim. Anh giao cho em bụi chuối sau trường, hạt trắng vắng rơi lách tách; khóm dứa trước cổng tóc gió chảy qua những chiếc lược xanh. Anh giao cho em mây sớm an lành; anh giao cho em nắng vàng thương nhớ. Và giao cho em cả gió, cả trăng...

Yêu đi em, hường đi em! đó là tất cả cái kho của tuổi xuân; mở ra mà thưởng thức. Biết bao nhiêu là của cải, bỏ đi chẳng phụ lòng trời! Chúa Xuân đâu có phải vị thần nào vu vơ ở phương đông; Chúa Xuân, chính là vị thần hiện hiện trong phần dương vàng, cái đầu cao, cái mũi thẳng, ngực nở, vai ngang, và cánh tay chỉ có hai mà sức muốn, sức mạnh thì nhiều như vị thần trăm tay của tôn giáo, Chúa Xuân sẽ chinh là em, là tất cả những chàng trai đem sức yêu dấu mà trị muôn loài, ánh sáng chỉ đẹp vì ta biết đẹp, cuộc đời chỉ vui nhờ ta không thêm buồn; hồng nhan có quý chi, nếu Chúa

Xuân không đoái tới ! Giang sơn tuổi nhỏ, chính là tấm lòng thâm đo ở giữa ngực em...

Và đây, anh bước qua, nhường chỗ cho em đi đến; khỏi sao bịn rịn búi ngùi. Của riêng thêm tặng, ấy là một mảnh lòng anh... Anh yêu tất cả các em, hiện thân của anh xưa qua muôn đời nghìn kiếp; cái măng nọ của lòng anh khi tuổi nhỏ, chính nó đã thành lòng tơ trên má các em.

Thôi, anh bước qua, giao lại cho các em ; chúc các em muôn nghìn tươi đẹp !

(Trích *Trường ca* — Xuân-Diệu)

*

Chú lái khờ (1939)

Đời xưa có một chàng phú thương đi khắp thiên hạ. Nước Tàu cò giàu lắm; chàng đi buôn gấm vóc ngọc vàng. Dưới nước thì chở thuyền to; trên bộ thì dùng ngựa quý. Người ta gọi chàng là Chú Lái, và văn nhân đời sau, ghi câu truyện hào hoa mặc khách, riêng gọi chàng là Chú Lái khờ.

Khờ bởi vì không biết giữ của.

Chàng phú thương giàu không biết bao nhiêu mà kẻ. Ngọc vàng sai khiến ở mười ngón tay. Mỗi bước chân đi có thề bỏ rơi từng mớ châu báu. Không cần mảnh khoé ; có cái số thiên kim như số Chú Lái, thì cần gì quý quyết như mọi lái buôn; trời đã chọn bàn tay kia mà gửi kho vàng và chọn cái trán kia gửi niềm tao nhã.

Của cải bốn phương chạy về Chú Lái, nên Chú Lai cũng vung tay hào phóng, cho sự giàu sang có được tản ra bốn phương. Chú Lái không tiếc với đời ; lượng rộng hải hà, Chú Lái vờ làm đại dột...

Với tính phong lưu như vậy, một đêm kia khách ghé chơi ở Hồng lâu, bụi đường đã trắng áo quàng. Bước chân hồ mồn đá sỏi. Nỗi buồn của sông núi đã vào trong lòng khách. Đạo xem thế giới, Chú Lái khờ sầu chuyện cò kim. Khách muốn say sưa, đề chìm trong quên lũng.

Chú Lái vào trước, những hòm vàng ngọc vào sau. Âm nhạc đã nổi lên, phòng vui chơi hương thơm sức nức. Bọn con hát múa nhịp Nghê thường. Cánh tay nở hoa, hình người hóa bướm. Sáo ngọc thồn thức, những cặp môi anh đào chúm lại và run. Những ngón tay hồng đón đau, vì nắn mạnh trên dây cầm sắt. Dần dần không gian nức nở; không ai khóc cả, mà nước mắt nghẹn ngào trong thanh âm. Chàng phú thương tựa gối lim dim, mê trong sâu thăm; chàng khoan khoái thấy lòng mình loãng ra từng phút, sắp tan... Sắc đẹp hiện hình: những đào nương trắng như hoa lài nghiêng đầu thỏ thẻ. Không phải cuộc vui đây là cuộc mê.

Nhạc này buồn như khúc sông cong, nơi khách gặp sương chiều bạc xóa; tiếng sáo này hát hiu như gió trên đường cái; tiếng nhị hồ này âm u như đám mây đèo. Sao ở trong thanh âm, người khách thương lại gặp cái vô cùng của cảnh vật; tưởng như ai mang tới bên chàng cả hơi thở của nước tràng giang, cả nét mặt buồn của đồng nội vắng cả dáng cô đơn của đỉnh núi găm trời. Giang sơn đang trải trong hồn chàng có mù sương như một buổi hoàng hôn thu. Khách có phải là lái buôn đâu; khách là một tấm lòng thơ, trời đem đạo giữa phong trần, cho đầy thêm cái đáy sâu nào...

Chú Lái nghe đàn mà càng thêm khổ; có ai chữa được cái hận vô lý mà bọn đa tình truyền cho nhau mang tự cổ kim! Rượu đã dâng bên môi. Chú Lái khờ vợ lấy uống; mời mèm chết điếng trong nước bồ đào. Triều đàn dâng đến cồ, khách mặc cho hồn giạt trôi bập bênh trong sóng nhẹ của nhạc, rượu, trầm, hương. Mỹ sắc nở nhiều trong khu vườn lạc: mấy mươi hoa điệu lừng lờ. Giai nhân mèm dèo như những cảnh hoa, thay đổi trong tay du khách. Ngón tay các em vuốt hộ tấm lòng anh, em đàn đi trên phím người của ta cho điệu cảm giác vô cùng mơn trớn! Khách không nhớ gì nữa; mấy hòm châu ngọc mang cần thận để bên góc phòng, khách đều mặc kệ, không đoái trông nom. Rượu ấm và thơm, Chú Lái khờ uống hoài không nghỉ, nhạc chậm chậm lại, nển bỏ bớt đi, hương ngát ngát thêm, người lơ là nữa... Chú Lái nhắm mắt, mình miệng cười cời hồn. Chú Lái khờ đã ngủ...

Nhưng mê ly của đàn địch không được ngừng lại ; không khí vẫn ấm êm quanh khách như một lớp nệm tiền. Chú Lái đã mê kia kia ; anh chàng này đi đường hàng tháng, hàng năm, ngủ thật say như một chú lái. Áo thêu trễ biếng ở trên ngực, hồ cả túi trong ; sợi xích bạch kim lộ ra ngoài xiêm, ngơ ngác một chùm khóa vàng. Bỏ người hoa đang xúm quanh khách, thấy mà động tâm. Bộ khóa này sẽ mở cánh cửa hào quang của phú quý.

Giai nhân lặn sát vào du khách, thử xem Chú Lái thực say chưa. Và Chú Lái đang say khờ cả người, nằm rất mê đề tiện chìm vào tịch mịch. Bọn hồng phấn đã sờ tay vào khóa vàng, mỗi người đã cầm một chìa khóa. Nhẹ nhàng rón rén ; nhưng tha hồ lấy, khi các kho đã mở ra. Đây là the, mỏng như ánh sáng ; đây là gấm, đẹp như vườn hoa ; đây là trầm, đây là xạ. Đây là mã não, hồ phách. Đây là ngọc, ngọc bích, bạch ngọc, ngọc huyền, ngọc trai. Và đây là vàng, lá vàng ! và đây là bạch kim ? và đây là vàng nữa. Biết bao là giàu, là đẹp ! Ngà trau chuốt, ngọc giắt thêu, mời giai nhân chọn thứ quý nhất mà lấy...

Và giai nhân thấy được dễ dàng, khúc khích cười. Chú Lái thực là một anh khờ, không biết phòng ngừa, không chịu cần thận ; ngọc trai đã mất, bao giờ về Hợp-phố nữa đâu !

Chú Lái còn say, — Chú Lái tự say, chứ rượu làm say sao được Chú Lái ! Chú vẫn tỉnh, nhưng chú muốn khờ. Ổ lòng khách vui cười biết bao khi hé mắt vừa cho vài sợi ánh xanh lọt vào, và xem các em bé thơ ngây diễn trò hỗn độn ! Khách sung sướng như có ai đánh, nhắm mắt, rồi lại hé xem, tiếc thẳm : « Giá họ lấy được hết ! »

Người đẹp đã thu kỹ lưỡng, khóa vàng lại buộc vào bên xiêm. Những dóa tay hồng lại vuốt ve trang hoàng tử. Chú Lái bỗng bừng mắt và gọi rượu. Chén thơm rốc cạn, môi đầy tề mê, rốc cạn chén thơm, hôn như oán thán ; say, điên, vui, đại, hòa lẫn trong lòng ngây ngất của người khờ. Chàng cười như một bậc vua, đưa tay lên ngực, lặn vào lớp áo sát da người, nơi chỗ trái tim, và rút một bao gấm

nhỏ : đây là kim cương ! chẳng ra hiệu bảo thêm rượu thêm đàn, thêm hương. Rồi lấy cho mỗi người một ngôi sao đọng. Của trần bảo ấp iu trên ngực, Chú Lái Khờ trong một cơn yêu dấu, đã thả cho iũ người.

Sớm mai, Chú Lái Khờ đi, nhưng không biết chuyện gì cả, mím miệng hân hoan như một vị Phật. Hòm rương tuy nhẹ, nhưng tài trí không vơi thì Chú Lái còn buồn nỗi chi ?

Người thi sĩ cũng khờ như Chú Lái, không hề giấu kho vàng ngọc với đời. Đề mắt trời xanh, nên người phải tìm uống trong mắt biển. Người đời cười là ngu dại : kẻ mắt của cô khôn bao giờ ! Thi sĩ ghé vào nhân gian, trọ một vài đêm, tìm đôi an ủi. Lòng đề ở ngoài ngực, tay thờ ơ hay là tay ham hố, tay nào đến cũng lấy được ít nhiều ngọc châu. Và họ lấy chưa vừa ư, thì người thi sĩ sẽ tự tay lấy vào cái lối sống còn của mình, đề mà phân phát.

(Trích *Trường ca* — Xuân-Diệu)

*

Lệnh

Lệnh đã truyền ra.

Đất vâng trước nhất.

Suốt một đêm trường, đất không sao ngủ được. Cả mình sống chuyển; cái ngực của đất phồng lên. Không muốn ngủ, mà ngủ làm chi ! Đất cự mình vì xốn xang trong da thịt. Lệnh đã truyền. Ngày mai đây, tháng sau đây, biết có xong công trình hay chẳng. Thật tấm lòng của đất dạt dào, tính toan ngay từ phút đồng vừa bớt lạnh.

Đất mẹ đã nghe muôn con đòi nở, muốn vượt chồi lên trên đất, thờ ánh sáng trời. Hàng triệu mầm hé ra khép vào, đầu ngửng lên, chân mạnh căng thẳng, ngửa cả mình đất. Vì trùng sáng tạo lên men dưới da. Từ đáy sâu, đưa lên bao sức lực đề đỡ nâng; đất mẹ sung sướng. đất mẹ lo âu, đất mẹ nằm sinh và làm việc.

Mẹ bao la chạy chia nghìn ngã, này núi, này rừng, này đồng, này ruộng, lại còn linh tinh muôn vạn vú đỗi nữa, làm sao đủ sữa căng lên? Lệnh đã truyền, đất lãnh lấy công đầu. Đất nghìn năm, đất triệu năm, đậm đà chắc chắn, càng già càng dai. Máu cũ biến mới, sục sục quang tuyến, mạch chạy đầm đìa. Máu đen kể máu đỏ, nhựa nâu đến ngã ba cùng với nhựa xanh; những con đường xéo lẫn nhau, chớ chất chua, chất ngọt, chất mát, chất nồng, theo rẽ muôn cây, lên cho mặt trời hòa hợp. Trên mặt đất vẫn chưa lộ gì cả, nhưng dưới nhà hầm, biết bao là vội vàng! Thì giờ trễ rồi! Thời gian tính từng phút một, ngón tay nghiêm nghị không bao giờ đếm nhầm. Cho nên Đất mẹ làm việc không nghỉ. Không lẽ năm nay lại trễ hơn mọi năm!

Ánh Sáng vâng lệnh thứ hai, có cô em Sức Nóng đi kèm. Nàng tiên quyền cao phép cả, chẳng ai dám đương! Khi hứng thú nồng nàn, ánh sáng lẫn át cả không gian, ôm chầm vũ trụ, đè bẹp bóng tối dưới triệu móng chân. Mì của ánh sáng thật dài, tia của ánh sáng thật đượm. Ánh sáng bản tin truyền hịch, đưa lệnh khắp hang cùng núi hẻm, bảo rằng: sắp sửa tin vui!

Ánh sáng nhún nhây tươi cười, không chút lo lắng! Tài lực của nàng nhiệm mầu nhanh chóng; nàng có thể giấu mình suốt tháng, vờ như không hay gì cả; nhưng mảnh khoé tinh anh sao! Nàng làm việc ngấm ngấm. Chỉ một ngày, chỉ một sớm mai nàng đến, là cả bầu không đã treo ngọc, giăng tơ, cả mặt đất đã trải vóc gấm, thêu thùa trong gió, lẳng lú qua cây. Ánh sáng đứng một chỗ mà ở khắp nơi, con mắt điện quang thấu suốt muôn trùng, chăm nom từng nụ mầm non, từng vỏ sâu bọ. Nàng ôm những thân cây giá lạnh, sưởi những luống đất ấm iu. Nàng lách vào kẽ lá, cho màu thanh non biến thành lục đậm. Cho nên những cội tùng già yếu, nàng cũng gỡ mải ngoài vỏ, đến nỗi một ngày kia bật ra mầm xanh.

Và Ánh Sáng ngồi kéo muôn triệu chỉ vàng, tiếp theo muôn triệu chỉ vàng, cuộn tròn vào bánh xe hay mắc ngang khung cửi, giấu diếm khắp nơi. Đề đến lúc cần dùng, sợi ngày vàng sẽ lộ ra chi chút.

Công thứ ba, Nước nhận lấy phần. Nước đi theo Ánh Sáng làm cặp uyên ương kỳ dị. Rẽ nhau một lần, là đồng khô cỏ cháy. Nước mát êm cho nắng tựa vào.

Nước cũng chảy chia nghìn ngã, chạy vào làm máu cho đất, chạy ra làm lời cho suối, độn thồ, dâng vùn. Ánh sáng loăng xoăng trong mình. Âm điệu róc rách giữa lòng. Nước lấy ôn nhu vỗ về loăng xoăng trong mình. Âm điệu róc rách giữa lòng. Nước lấy ôn nhu vỗ về nuôi nắng cho muôn vật phát sinh. Mà cái liếc mắt đưa dài nghìn lý.

Nàng chen vào búp hoa này, lẫn vào nhánh cây kia. Trái uống nàng vào bụng, mây giữ nàng trong mình. Nụ hút nàng vào tim ; cây kiếm nàng làm nhựa. Ôi nước ngọt ngào, mát mẻ, thành thơ !

•

Công thứ tư không ai tranh, nên về phần Gió. Phải xem dáng điệu nàng thu gọn, mới biết nàng khéo giấu sức phá hoại của mình. Chỉ còn là một làn phớt qua. Áo nàng tha thiết phiêu phiêu. Hồn nàng xuất trần. Nàng lên tinh tú. Gió bay, gió lượn, gió phất phơ như hơi thở ân tình. Gió đưa duyên bướm, gió làm mối lái cho hoa. Gió múa điệu lẳng lơ, nói lời cợt ghẹo. Vạn vật nghe gió mà rộn tình.

Gió phẩy móng tay búng muôn đầu lá ; gió rào rào rúng động ngàn cây. Âm nhạc theo nàng mà vào không gian ; nàng là những sợi dây sắt cầm lượn bay ; không khí tự say, vang tiếng tơ đồng.

Miền xa lại gần. Gió mới tỏ tình, hương đà theo hút. Gió có cần vội vã đâu ; chỉ thoáng lên xe đi thúc giục các chồi, các nụ. Đến hôm ấy, gió chỉ việc dụ dăng bay chơi, là cuốn theo muôn lòng đắm say.

•

Lệnh được vâng.

Tất cả đều làm việc. Tất cả giao hòa, giúp sức lẫn nhau. Tất cả cũng đều một niềm yêu thương quảng đại ; tất cả cũng đồng một ý trau chuốt điểm trang.

Ngày ấy, lệnh nổ tiếng pháo đầu. Muôn tiên đã nấp sau màn. Chim chóc cũng lên đây cồ hống. Mặt trời xé lìn sương mỏng, xé màng mơ mộng còn ủ ấp non sông. Nhạc vang reo, hương nồng tỏa ; công chúa Xuân-Nương hiện hình !

Sương đeo một triệu hoa tai cho nàng nàng cười một nghìn điệu hoa, nàng mặc chín triệu lá non ; má nàng điểm đôi chút sương hồng, tóc nàng gió xuân lòa tỏa. Muôn lời của vũ trụ đồng tấu tác khen nàng công chúa con chung.

Xuân-Nương ! Xuân-Nương ! hội mừng nàng, hội của nàng sẽ lâu chín mươi ngày, gấp thêm chín mươi đêm vui suốt sáng. Nàng ra đời ! Nàng lại về ! Nàng không môi tái sinh !

Trời ơi, Xuân-Nương cười. Trông thấy công chúa, Phụ hoàng đôi mắt sáng ngời đáp lại bà nụ cười thái dương.

Âm nhạc khởi lên. Chín mươi ngày đêm bắt đầu bằng một buổi sớm.

(Trích *Trường ca — Xuân-Điệu*)

*

Đóa hồng nhung

Có những cặp môi đáp hẳn vào mặt ta, không đề ta kịp đề phòng ; hai cánh thắm mà không tô son, mềm mà lại giòn, hai cánh thịt tươi nhuận, dày mà nhẹ, đầy nhựa mà không thô ; hai khoé môi rất mạnh, rồi hai lúm đồng tiền như hai ngôi sao ; và hai hàm răng trắng nõn, làm cái nhụy kinh hồng !

*Đóa hôn ngan ngát màu hơn hớn,
Là đóa hồng nhung vườn mơn ỉn.*

Đóa hồng trên người, ong chết vì mật, bướm chết vì màu ; đóa hồng say sưa, lòng ngấm mà ngây ! Vườn mơn bát ngát không biết đâu là bờ, chỉ có đóa hôn là hoa nở. Gió trong vườn mơn rợn ngợp, nước trong vườn mơn mát

rượu như ngâm ; nhưng hoa trong vườn mơn thì hoa ghen thua được, rượu hờn kém men, yến diên là vị, xạ lan ấy mùi.

Trong đêm nhung, hoa trống cách vời hoa mái, gọi nhau bằng chút niềm bối rối trong không khí, chỉ gần nhau bằng mảnh phấn hương. Còn những đóa hoa của mặt người, ứng nhau thì được đến tầm nhau, gần thành đóa hoa cảm giác. Thời gian đương đi qua, đôi cặp mỗi người đóng dấu vào nhau để lấy một phút giây cực lạc, cùng khấn ép một quãng nhỏ không gian ; và từ ấy, trong kỷ niệm trăm năm, còn mãi một diễm hồng.

Diễm hồng trong trí nhớ, làn điện tề buốt ở đầu môi.

Đóa hôn như hoa lan, thích tỏa hương nơi im lặng ; đóa hôn như hoa quỳnh, thích nở vừa lúc đêm thanh. Phải cho đất ngủ dưới lời ru của muôn trời, sao xanh nhấp nháy cầm canh, vũ trụ mơ màng như lại sơ khai, bấy giờ đóa hôn đẹp nhất mới nở. Đóa hôn đẹp nở thì người lặng, máu ngừng, hồn điếng vì yêu : chứ đâu có phải như những cái hôn nở ngày, nở trưa, nở xó chợ đầu đường, là cái thứ hoa tạp nham vật dục ! Hôn không đẹp dễ, thì người được đóa hồng như ... hay sao ! Hồng cũng là sắc hồng của tâm, nhưng còn là vẻ nhung của hôn, có dễ bạ ai cũng hái được bất kỳ ở đâu ! Mà khi được hái đóa hôn, thì đất trời cũng sẽ ngừng lại cho ta sung sướng, chứa đời như bà mẹ thương mến các con, hương rừng qua mũi, suối ngọt vào lòng ; tình ái muôn nghìn năm, lấy môi đóng triện !

Là đóa hồng nhưng vườn mơn trớn...

Đóa hồng gồm ghê, thiêng liêng, mê mẩn, nở sắc từ màu hồng đậm đến màu tím nhạt, trải qua màu xanh xạ, màu vàng buồn !

Người con trai mới lớn lên, không phân biệt cận kề. Có cái hôn ấm, thơm, và giòn, nhai được thành tiếng ; ấm như vừa đang nắng, thơm như cây mới ra hương. Có cái hôn nhẹ, nhẹ quá, lảng lảng đi như chỉ đụng vào bóng trắng, vừa động tới đã tan đường tuyết đọng. Có cái hôn ngọt ngào, như êm ái khát ngàn năm ; có cái hôn mê ly, như đã chết một kiếp.

Có cái hôn mơ màng : để môi nghi tề tái trên môi, và hôn tự nhiên vắn vơ ở đầu trong những truyện thần tiên. Có cái hôn chờ đợi lâu hàng năm, đến khi được thì sức ào đến quá mạnh, tưởng hôn văng ra ngoài đầu. Có cái hôn tủi tủi, nước mắt sắp rơi, môi có thể òa ra khóc được ; hôn mà bận nhớ cái sầu người yêu dấu đã chất nặng vào lòng ta.

Nhưng hôn tề diếng hay hôn quặn cong, những cái hôn khoái lạc không bao giờ bị được cái hôn yêu đương ; cái hôn khi thân thể đã dậy rồi sao bằng cái hôn trăm vị lẫn chen, nửa ta ngậm ngùi, nửa ta sướng vui, nửa ta oán thán !

•

Cái hôn thiêng liêng làm vậy, sao xưa người Á-đông ta không biết tới ? Lẽ nào !

Nghe nói có Đắc-Kỷ, nghe nói có Tây-Thị. Những môi đời xưa không nối nhau ư ? Vô tình mà bỏ quên ư ? Có sao cái hôn lại thất truyền ? Đến nỗi sau này chúng ta mới khám phá ra cái của quý thất lạc giữa lơ lửng, cái kho vàng chìm mất trong biển tháng ngày.

Tiếc cho những môi nhỏ xinh xinh, tô màu cánh sen, nói ra những tiếng uốn éo thanh tao ; tiếc cho những môi xưa, chết đi mà chưa được dùng ! Những đóa môi nghìn đời ấy đã như hoa lan trong rừng, không ai biết rằng chúng thơm ; vô lý thực ! lẽ nào người tình nhân đời xưa lại bỏ sót đóa hồng nhung to nhất trong vườn mơn trớn ?

Các em môi xưa, muôn nghìn ức triệu cánh môi, bé bỏng đáng yêu, dịu dàng mảnh khảnh ! hôn các em, khác nào hôn các hoa. Cánh môi chắc là nhẹ nhàng, vừa động tới đã run rẩy như tan ; song le thình thoảng hoa cũng biết cản... Khách tầm xuân ngủ gì mà không thấy các em hơi hờ, khiến cho các em có thể đẹp mà không có thể ngon ; chỉ có được sắc màu mà không được có hương vị. Bao nhiêu môi hồng đã mất đi như thế ! Phôi mất bao nhiêu miệng thắm, ồng cùng trình tạo hóa lăm thay ! kìa nào

mặc trai dưới biển, quên ngọc trên rừng, làm nhụy môi chưa ai hút ra, mặt răng không người nếm tới. Thế rồi tàn héo ; ră rời ở trong tấm sáng !

Người con trai lòng rạo những thêm thường, chắc đã hơn một lần nghĩ đến những trăm triệu môi non bỏ phí dưới đáy thời giờ, và như vậy trong mấy mươi thế kỷ. Ta muốn có một đạo bùa phục sinh những đóa môi xưa, sống lại đây, với màu tươi, sắc ướt, vẻ ngọt, mùi thơm, cho con trai đời xúm lại mà hôn, rồi bấy giờ sẽ tan tành, như thế cho khỏi ân hận !

(Trích *Tường ca* — Xuân-Diệu)

*

Tâm sự của cái giường hư

1.— Tôi là một cái giường hư bỏ trong nhà chứa đồ cũ. Tôi buồn lắm. Cái nhà nhỏ như một cái hộp lớn, tôi tàn dơ bẩn, bụi đầu cứ rơi chầm chầm xuống mình tôi. Và mạng nhện ! Chúng giăng qua sườn tôi tự do quá.

Nhất là không ai bén mảng. Lâu lắm họa chăng một người đẩy tờ mở cửa để đẩy vào một cái ghế rách hay một cái đèn tồi, rồi vội vàng đóng ngay, đáng khinh khinh vì sợ bụi. Trời ơi, chịu sao nỗi cảnh hiu quạnh dường này ! Dầu gãy, dầu hư, tôi vẫn mong được loài người đụng chạm. Tôi xưa kia đã từng nâng da, đỡ thịt, đã nhận sự sống của loài người lây qua mình tôi. Mà bây giờ không có sự gần gũi của loài người. Thực cô đơn vắng vẻ !

2.— Tôi vào trong nhà này đã lâu lắm. Mười bốn năm !

Tính thử xem, việc đời biết bao thay đổi. Mười bốn năm trời đời của tôi chẳng mấy chốc mà già với đời của người. Mọi vật đều thay bậc đổi ngôi, sự dẫu bề của cuộc đời cho đến gỗ cũng phải chịu.

Xưa kia, tôi đẹp, tôi mới. Bây giờ tôi cũ, tôi xấu, tôi hư. Nhưng hình dáng thuở trước vẫn thoi, bây giờ lại cò hủ. Tôi đã thấy những chiếc chiếu dần dà rách, những

cái gối dần dà mềm nhũn, những cái chăn dần dà mòn thủng, những cái màn hư hỏng từng miếng một, dề lọt muỗi vào. Chiếu, chăn, màn, gối lần lượt tiếp nhau vào cõi tan nát. Cái giường ở lại làm sân khấu cho sự đổi thay.

Hai người chủ càng năm càng phát đạt, sự giàu sang đến rất đều nhịp, lòng người bởi thế cũng đều nhịp mà tùy thời.

Người ta thấy mười lần bắt tôi đổi chỗ, mang từ phòng này sang phòng khác, đặt hết lối dọc đến lối ngang. Ban đầu tôi là chỗ nằm của ông chủ, bà chủ. Rồi sang năm sau, một cái giường nguy nga tráng lệ đến làm bật hẳn sự hèn kém của tôi. Tôi thành chỗ nằm của những người khách đến ở vài ngày. Rồi được thành chỗ nằm của bọn trẻ con, mình chúng nhẹ song những cách tàn phá của chúng thì rất nặng. Chúng trèo lên mình tôi, và đi guốc lên, và nhảy nhót, dùng dùng và đánh lộn nhau ầm ỉ.

Tôi càng cũ đi, sự hư hỏng càng đến gấp, cũng như một người càng già, những sự yếu đuối càng rủ nhau ủa đến thật nhanh. Đoạn sau này mỗi tháng đem lại một sự xiêu vẹo; mỗi ngày một sự mòn mỏi, rồi bỗng chốc hiện ra nào mộng hư, nào chốt gãy, nào là ván thủng, chân què. Rồi tôi run lên như một kẻ già, gổ kêu răng rắc như một ông cụ rũ xương; tôi lòng không yếu đuối, một ăn đến tôi cọt kệt suốt đêm ngày...

Từ nhà trên tôi đã xuống nhà giữa, rồi tôi lại xuống nhà dưới, rồi cuối cùng tôi xuống nhà bếp, hứng lấy khối bụi, mồ hôi, làm chỗ ngủ cho đầy tớ. Rồi thì đầy tớ cũng không thêm tôi nữa: tôi thì già quá, họ thì giàu thêm.

Cuối cùng họ đẩy tôi vào đây, tôi sây vào đây. Khi họ mang tôi lên vai, vứt ra khỏi cuộc đời, bao nhiêu xương xóc của tôi đã kêu to lên một lần cuối cùng và tôi biết rằng tôi đã hết.

3.— ... Bụi trên mái rơi xuống hay chỉ là bụi của tháng ngày dần dà lấp chôn mọi vật? Cái giường không còn mong gì nữa: xưa nay cái giường dề cho thiên hạ nằm, bây giờ đến lượt nó, cái giường. muốn nằm. Nằm nghỉ trên cái gì đây? Lửa đâu? Lửa đâu? Sao không thiêu đốt mình ta cho

ta được thành ra khối ra hơi, đề bay lên trời thăm, đề chuyền lưu trong kiếp luân hồi.

(Phân thông vâng)

*

L.H.S. Dưới đây là văn nghị luận của Xuân Diệu :

Quan niệm văn chương sáng tác

của XUÂN DIỆU

Trong văn chương ta, hiện nay có cái phong trào phục hưng sự « dịch ».

Dịch văn các nước là sự cần cho chúng ta. Đã là cần, thì đáng lẽ đến năm nay, 1944, hầu hết các tác phẩm chính của văn hào trên trái đất đã dịch cả rồi. Sự ấy cần ngay từ bốn năm chục năm nay là ít.

Tạp chí Nam Phong lúc sinh thời, cũng đã ra công dịch. Nay ta thấy dịch như thế còn chưa đủ, thì ta cứ dịch thêm. Nhưng tôi rất ngạc nhiên, là cái sự dịch văn, đáng lý là lúc nào cũng chỉ ở hạng nhì, hạng ba trong văn chương, nay muốn lên đứng vào bậc nhất, và trên mặt các báo, văn dịch xuất hiện có vẻ hiển ngang ! Cho đến nỗi, em của nó là văn mượn, văn bắt chước, văn thuộc sách cũng được vinh diệu như hồi các cụ xưa còn sống.

Sân khấu văn chương kéo màn lên, thì văn dịch hay là văn mượn ra hoa tay múa chân, còn văn của ta thì nhượng bộ ! Công chúng thì chịu phần thụ động. Chẳng qua cũng một chữ « thời ».

Cái thời từ 1933 đến 1940, thì người nước ta đề đầu tiên cái văn sáng tác của nước ta. Chúng ta trầm trồ những bông hoa của vườn chúng ta gây dựng. Cho nên văn dịch phải xao lãng, và văn mượn, văn thuộc sách thì chúng ta xua đi như xua kẻ nhác lười ! Văn Âu văn Mỹ hay đã đành, nhưng ta cứ trọng văn sáng tác của ta. Tất cả đều vào thứ hạng, đều mờ nhạt trước sự *sáng tạo*.

Nay thì văn dịch muốn lấn át hẳn văn Sinh. Văn mượn muốn giành cái ngôi ưu đãi của văn viết cho đến cả văn kim của Tàu mà cũng muốn đóng cái vai đàn anh văn kim của ta.

Viết bài này, tôi muốn dừng lại cái thang giá trị, muốn lập lại các ngôi thứ, muốn dành bậc nhất cho văn sáng tạo. Tôi muốn nhắc cho công chúng nhớ rằng chỉ có những văn ở đầu óc ta nghĩ ra, còn mang vết máu tủy của ta, mới là đáng kể. Tất cả những cái khác chỉ có giá trị của những tài liệu. Những văn mượn, văn dịch chỉ là những món phân đề vun bón cho những lá, những hoa của văn nước nhà. Trong sự sáng tác, óc của ta có thể chịu ảnh hưởng của văn ngoại quốc, nhưng chịu ảnh hưởng mà đã tiêu hóa đi, thì cũng như ta hút hoa người để làm mật mình, và sự bắt chước không phải là sự nô lệ.

Chúng ta tha hồ dịch, dịch tất cả văn hay ngoại quốc, thu thập rất nhiều của lạ, nhưng trí sáng suốt của ta không lần lần bao giờ, không xao lãng sự sáng tạo của chúng ta.

Sự sáng tác có chăng là chỉ mờ ám đi ít lâu mà thôi! Rồi những cây bút trẻ, những cây bút tìm tòi, những văn tài tự lập sẽ lại phải giữ phần vĩnh dự.

•

Nay chúng ta cho những thơ văn học đòi một cái giá trị hơn là nó có. Dưới cái cơ giả mạo là quay về vốn cũ, chúng ta quay hẳn về cái sáo, cái quá thời, cái đã bỏ, cái chết. Thậm chí nay người ta còn dọa in ra những tiểu thuyết tình hận dịch của Từ-Trăm Á, cái nhà văn suốt mướt và ho lao của Tàu, thì không biết người ta tưởng thời này là thời Tuyết-Hồng Lệ Sứ hay sao? Xin tha cho nền văn học Việt-Nam sự tôi đòi một nhà văn chẳng hay ho gì của ngoại quốc.

Có thể mà thôi đâu, ngày nay lại còn có kẻ dám hãnh diện với cái tài bắt chước của họ nữa. Tài đó chỉ tóm lại được hai điều: thuộc sách và khéo tay. Tất cả gồm trong sự chơi chữ. Chính cái thứ tài ấy, than ôi! đã xui nên trong văn học ta, nhan nhản những câu đối, chan chất những bài thơ thủ vĩ ngâm, song điệp, vĩ tam thanh, và thuận nghịch

đọc; nhan nhản những cái khéo chân khéo tay của bác thợ, cái nhào lộn của con hát xiếc, mà rất ít cái văn tài thực, cái tư tưởng lạ, cái tình tứ sâu xa!

Cái khéo tay thuộc sách ấy bằng sao được một câu sáng tác ra từ miệng một chị gánh thuê hay một bác cày ruộng, hay một câu ca dao tự nhiên mà ta nhận thấy cả cái thiên tài của xứ sở. Huống chi so với cái văn dầu có chịu ảnh hưởng của người chẳng nữa, mà thực là đầy tâm tư, máu óc của mình thì cái văn giả Đường, giả Tống có kẻ vào đâu?

Bạn thanh niên chúng ta không nên ăn cắp «trời bến Phong kiều» hay «thu sông Xích Bích» như những người lớp trước nữa mà phải đào, phải cuốc ở cái miếng đất riêng biệt của chính tâm hồn mình, để đem cái không khí sáng tạo cho văn chương Việt-Nam.

XUÂN-DIỀU

(Trích tạp chí *Tri tân*)



BÀNG BÁ LÂN

BÀNG BÁ LÂN sinh năm 1912 tại Phú-lạng-thương (Bắc phần), nhưng chính quán của ông làng Đĩ-l-thư, huyện: Bình-lục, tỉnh Hà-nam (Bắc-phần).

Ông từng cộng tác với nhiều nhật báo, tuần san, bán nguyệt san tại Hà-nội và Sài-gòn như các báo : Đàn bà năm 1939, báo Hạnh phúc, Tia-sáng và Văn nghệ năm 1955. Năm 1959. Ông viết trên bán nguyệt san Tân phong trong mục thơ, sau đó là bán nguyệt san Phổ thông của nhà thơ Nguyễn Vỹ trong mục Những áng thơ hay.

Ngoài việc sáng tác thơ, hiện nay ông còn là một giáo sư Việt-văn tên tuổi tại nhiều trường trung học ở Thủ-đô.

Thi sĩ Bằng bá Lân là một nhà thơ đồng quê nổi tiếng, thường ghi lại những nếp sinh hoạt của người dân miền thôn dã. Một buổi chiều mùa hạ, cánh hoàng hôn vào độ cuối thu,

một miền đất Cà-mau trà phủ, một đề đồ Hà-nội mến yêu v.v... là đề tài chính của thi sĩ nên được giới yêu thơ tặng cho danh hiệu « nhà thơ của đời sống » ; thiết tưởng không có gì quá đáng.

Các tác phẩm của ông được chào đời trước và sau đệ nhị thế chiến như sau :

— Tiếng thông reo, xuất bản năm 1934 Thanh-hóa từng-thư ấn hành tại Hà-nội.

— Xưa, hợp soạn cùng nữ sĩ Anh-Thơ, Sông Thương xuất bản tại Hà-nội năm 1941.

— Tiếng sáo diều, xuất bản năm 1939-1945.

— Thơ Bàng bá Lân, do nhà xuất bản Nguyễn hiến Lê ấn hành năm 1957 tại Sài-gòn.

— Tiếng võng đưa, cũng do nhà xuất bản Nguyễn hiến Lê ấn hành năm 1957 tại Sài-gòn.

Ngoài ra, ông còn cho xuất-bản hai quyển sách Kỷ niệm văn, thi sĩ hiện đại. Nội dung tập sách này viết theo thể ký ức, ghi lại những kỷ niệm của ông cùng các văn nghệ sĩ.

Gần đây, ông cho in một số sách giáo khoa Việt-văn cho các lớp đệ Thất, Lục, Ngũ, Tư viết theo thể giảng văn. Từ đó đến nay, người ta không thấy tác phẩm nào thêm nữa có lẽ thi sĩ không còn rồi rỗi như trước cũng nên.



CHÚNG tôi sắp giới thiệu với quý bạn một tiếng thơ xuất sắc nhất trong khuynh hướng đồng quê : Bàng bá Lân. Lẽ dĩ nhiên, chúng tôi sẽ có đôi lời khen ngợi, không phải vì khách sáo mà vì chân giá trị của người thơ.

Đọc thơ đồng quê của Bàng bá Lân mà quý bạn dễ cảm quan rung động theo như nhịp điệu của những vần thơ trữ tình, ắt quý bạn sẽ cho chúng tôi là công kênh thái quá. Nhưng làm sao bây giờ ? Chúng tôi không thể phủ nhận

những nét nhìn quá tế nhị và quá sống trong những câu thơ tả cái tịch mịch của buổi trưa hè. Hãy đọc :

*Trong nhà lá tối tăm lặng lẽ
Tiếng ngáy đều nhẹ nhàng bay ra
Võng đay chậm chạp khe đưa
Ru hai bà cháu say sưa mộng dài...
Cháu bỗng cựa, rầy hoài khóc dỗi,
Tỉnh giấc mơ, bà vội hát lên :
« À ời... » mấy tiếng. Rồi im.
Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng.
Ruồi bay thong thả nhẹ nhàng
Muỗi vo ve khóc bên màn thiết tha.*

Trong cái lặng lẽ chầm ngập, Bằng bá Lân đã cho gọn lên đôi chao động ; từ tiếng rầy khóc của cháu bé, bà vội « à ời » đôi tiếng rồi im bật. Ruồi muỗi là sinh vật nhỏ bé gây được tiếng động là bao đối với cái không gian to rộng, thế mà chúng cũng thận trọng nhẹ nhàng bay, hoặc chỉ vo ve khóc thầm như tôn trọng cái tịch mịch của buổi trưa hè. Ta thấy chỉ con nhện là giữ được tỉnh thần tuyệt đối vì chính nó cũng đang mơ màng say sưa giữa cảnh êm ả vắng lặng.

Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng.

Bài *Vườn cũ* nào đâu, cô hái dâu cho ta thấy cảnh đời biến đổi sau khi tác giả chỉ đôi năm xa vắng làng xưa ; nay thần thờ về chốn quê, ngạc nhiên trước nếp sống cũ bị hủy tan, len lỏi đâu đây những nét xa lạ của sinh hoạt mới ; cả tiếng chuông cũng kêu khác hẳn xưa. Với một câu hỏi nhuốm màu triết lý về nhân sinh và vũ trụ quan :

*— Hơi cô yếm thấm hái dâu ơi !
Người cũ này đây, sắc cũ phai !
Tuổi trẻ đã qua, xuân đã hết,
Người xưa, thôi ! đã khác xưa rồi !*

Tôi mãi đọc tập thơ *Bàng bá Lân*, từng trang rồi từng trang, tôi thấy đầu đầu cũng phẳng phất một ít hồn dân tộc, đã khiến tâm hồn tôi lắng đọng, thanh thản như vừa được gột rửa cát bụi của vật chất phồn hoa khi hồi đầu về đồng nội.

Dấn mình vào thế giới *Thơ Bàng bá Lân* tôi cảm giác như thâm nhập được kho tàng tập tục cổ truyền của dân tộc, cái nếp sống nghìn đời của dân quê. Mỗi bài thơ là một hình ảnh gợi lại cho ta niềm bằng khuâng tưởng nhớ cái giản dị, mộc mạc, chất phác của người quê ; họ lam lũ, quần quật trên ruộng lúa bờ dâu ; bản chất thuần túy của họ chưa bị hình thức sinh hoạt mới biến đổi.

Đó là cái nét độc đáo của *Bàng bá Lân*, và cũng chỉ *Bàng bá Lân* mới đi sâu vào tâm hồn, vào cuộc sống cổ truyền của dân tộc. Cho nên ta không lạ gì những lời phê bình của văn thi sĩ đương thời khi tập thơ đầu *Tiếng thông reo* của *Bàng bá Lân* xuất hiện. Thế-Lữ đã có những lời sau đây :

«*Tác giả thực có tâm hồn thơ. Ông biết nhìn những cảnh thường có ở trước mắt mọi người, nhưng chỉ có người làm thơ là chú ý tới. Ông biết ghi những nét ánh trăng lóng lánh trong nước chậu thau rửa mặt, biết thấy cái buồn rguo rgan tịch mịch của lớp nhà tranh bên khóm chuối, bên rặng cau lúc trưa hè. Ông tìm vẽ những cảnh êm đềm : bà dùng kim khâu, cháu thôi nghịch đến bên bà, con mèo vờn cuộn chỉ, con vện nằm ngoài hiên...*

..*Ông thấy lòng rung động khi nghe tiếng ve mùa hạ kêu gào, làm rung rinh ánh nắng gầy gầy, làm thơ dài làn gió trong cành sấu mốc rêu...*

...*Lời thơ tha thiết, êm ái và thành thực, dẫu tôi chẳng phải là thi sĩ (1) mà cũng thấy lòng rung động một cách nhẹ nhàng...*

Lê-Ta

(Phong hóa. 25-2.1935)

(1) Thi sĩ nói đùa, chứ ai không biết Lê-Ta là thi sĩ Thế-Lữ.

Thêm nữa :

« Tiếng thông reo dướm một mối sâu băng khuâng, kín dáo, dịu dàng, một vẻ buồn lành mạnh và diễm đạm.

Nàng Thơ của *Bàng bá Lân* không phải — như ta rắp tưởng — người ông yêu dấu mà là cánh đồng quê với lũy tre xanh.

Bàng bá Lân có thể tự hào là nhà thơ Việt-nam thứ nhất biết hưởng thú quê...

Tóm lại, Tiếng thông reo là một tập thơ hay, có nhiều hình ảnh thiệt đẹp... »

Nguyễn nhực Pháp

(Annam novaeu, 11-4-1935)

Đâu đã hết :

« Đông quê xứ Bắc đã gây cảm hứng cho nhiều nhà thơ. Nhưng mỗi nhà thơ xúc cảm một cách riêng...

Thơ *Bàng bá Lân* và *Bức tranh quê* (1) đều là những bông hoa khả ái từ xa mới đưa về, nhưng bông hoa *Bàng bá Lân* ra chiều đã thuộc thủy thổ hơn. Cho nên sắc hương nó cũng khác.

..., từ cảnh trưa hè trong một gian nhà tranh tịch mịch, người viết :

Bụi nằm lâu chán xà nhà

Nhệ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu.

Mười bốn chữ, chữ nào cũng mang nặng một chút hồn !
Thiệt tưởng người ta không thể đi sâu vào cảnh vật xứ quê hơn nữa... »

Hoài-Thanh và Hoài-Chân

(Thi nhân Việt-nam)



1) Thi phẩm của Anh-Thơ do Đời Nay xuất bản.

BÀNG BÁ LÂN chính thức đóng góp vào nền văn học nước nhà bằng tác phẩm *Tiếng thông reo*, xuất bản 1934.

Bàng bá Lân là một nhà thơ đồng quê. Nếu về phái nữ có Anh-Thơ là một cây bút đại diện cho lối thơ trên thì Bàng bá Lân là một nhà thơ nam giới lối lạc về lối thơ tả tình và tả cảnh đồng quê độc đáo.

Thật thế, từ khi phong trào thơ mới thịnh hành cho đến khi đại chiến thứ hai bùng nổ trên mảnh đất này, trong phạm vi thi ca đất nước, chưa có một thi nhân nào làm thơ về phong tục, đồng quê và tả cảnh xuất sắc như Bàng bá Lân.

Bàng bá Lân là một thi nhân tiền phong mở đầu cho lối thơ đồng quê, sau Bàng bá Lân, Đoàn văn Cừ đã nối tiếp lối thơ ấy qua thi-phẩm *Ngày nay* nhưng nhà thơ họ Đoàn vẫn không hơn được những nét đặc sắc của Bàng bá Lân.

Bàng bá Lân đi vào thế-giới của hồn quê bằng giọng thơ ngọt ngào, êm dịu và ý thơ thật hàm súc. Các thi phẩm của nhà thơ đất Bắc-giang như *Tiếng thông reo*, *Xưa*, *Tiếng sáo diều*, *Thơ Bàng bá Lân*, *Tiếng võng đưa* đã xác nhận tài nghệ của họ Bàng trong lãnh vực thi ca đồng quê và phong tục một cách vững chắc. Họ Bàng làm thơ theo đúng cảm nghĩ của mình mà không gọt giũa từng chữ, từng câu như Vũ hoàng Chương, cũng không dùng điển tích cầu kỳ như Quách Tấn, lời thơ của họ Bàng thật hiền lành — một bản tính của người dân nông thôn — chất phác, nhẹ nhàng nhưng không vì đó mà khiến cho thơ của họ Bàng bị lạt lẽo. Trái lại, Bàng bá Lân đã tạo cho thơ mình một âm thanh, một suy tưởng riêng biệt. Thơ của Bàng bá Lân là một lối thơ cổ được thay đổi theo âm điệu để thành thơ mới. Tư tưởng của Bàng bá Lân không lằng mằng; dù là tả tình cũng vẫn giữ được nét kín đáo — một bản tính của người phương Đông. Có đôi lúc, đọc thơ của Bàng bá Lân ta cứ tưởng như đọc lại những vần thơ của một thi nhân nào thời xưa cũ.

Như trên vừa nói, Bàng bá Lân không chủ trương tán dương tình yêu nồng cháy, dõn dập, cho nên, cũng như Anh-

Thơ, tác giả *Tiếng võng đưa* không được những người trẻ ưa thích, tên tuổi của ông vì thế ít được giới phê bình văn học nhắc nhở. Tuy nhiên, dù sao chúng ta cũng phải nhận rằng *Bàng bá Lân* vẫn là một thi nhân giàu khả-năng và thiện chí đối với nền thi ca dân tộc.

Trong lời Tựa của tập thơ *Tiếng võng đưa*, ông Lê văn Siêu đã viết về *Bàng bá Lân* như sau :

« Giữa sự tràn ngập của văn minh cơ khí vào xã hội ta, giữa những đàn pha xe hơi như đôi mắt của những con vật lạnh lùng nhào tới để như muốn nghiền nát ta ra, giữa những tiếng máy chạy đều đều của một thành phố kỹ nghệ, ta vẫn còn trông thấy hình bóng người mẹ Việt-nam bỗng con nằm trên võng, và ta vẫn còn nghe văng vẳng tiếng võng ấy kéo kẹt để làm nhịp cho tiếng hát ru.

Cái cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

.

« *Tiếng võng đưa* kéo kẹt ấy, vẫn là tiếng ngân dài của năm ngàn năm lịch sử trong lòng người con dân đất Việt.

« *Tiếng võng đưa* ấy của *Bàng bá Lân*, ngày hôm nay lại vang lên giữa cái rầm rầm của máy móc, cái ồn ào của chợ búa và giữa cái xôn xao của lòng người đương bị dao động bởi mọi luồng sóng văn minh trên thế giới.

« *Bàng bá Lân*, giữa cơn mưa gió bão nằng, đã đưa cánh tay khẳng khứa ra chống đỡ cây cột nhà đương bị lung lay bởi bao những hơi thơ xa lạ.

« Anh không bi hiềm, không siêu nhiên, không lập dị, không bảo thủ, không xu thời, không hiện thực, không tả chân, không tượng trưng... anh chỉ thân nhiên, nhẹ nhàng, nhũn nhặn trong dòng ruộng ngoài cái chộn rộn của đương thời. »

Thật vậy, *Bàng bá Lân* là nhà thơ có nhiệt tình với dân tộc. Ba chữ *Tiếng võng đưa* đề tựa cho tập thơ của thi nhân đã cho ta hình dung một trẻ thơ nằm trên chiếc võng đang tìm một giấc ngủ yên lành nơi miền thôn dã. Thi nhân

đã gọi cho ta một rung động mãnh liệt khi tưởng nghĩ đến cái đơn vị căn bản của dân tộc từ lúc phôi thai.

Có lẽ không ai đã một lần không thấy :

*Nắng lửa rung rinh,
Xóm tre lặng lẽ.
Tiếng võng nhà ai ru trẻ
Nặng nề chậm chậm đưa đưa.
.
Ta say sưa
Nghe tiếng võng đưa
Ru hồn mơ
Trong lời thơ
Dân tộc
Mơ màng lắng nghe tiếng khóc
Của thời măng sữa xa xôi.*

Hương thơ của Bằng bả Lân nhấm vào nông thôn, tư tưởng của thi nhân bắt nguồn tự dân tộc. Từ hình ảnh của một buổi chợ chiều Đông tiêu điều, một tiếng chuông chùa xa xa ngân lên như khóc một ngày tàn, đến những buổi đầu xuân êm ả hay bất chợt bất gặp :

*Chiều quê trong lúa xanh non,
Vẫn cô yếm thắm xinh tròn ngây thơ...*

Những hình ảnh đẹp ngàn đời ấy đã kết hợp thành tiếng thơ của thi sĩ họ Bằng.

Nếu một Chế Lan-Viên mang nặng mối sầu vong quốc, người chỉ thích mùa thu :

*Ô hay, tôi lại nhớ thu rồi...
Mùa thu rớm máu rơi từng chút
Trong lá bàng thu ngập đỏ trời.
Đường về thu trước xa lắm lắm
Mà kẻ đi về chỉ một tôi.*

(*Chiều tàn — Chế Lan-Viên*)

Và ghét mùa xuân :

*Tôi có chờ đâu, có đợi đâu !
 Dem chi Xuân lại gọi thêm sầu ?
 — Với tôi tất cả như vô nghĩa
 Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau.*

(Điều tàn — Chế Lan-Viên)

thì trái lại Bàng bá Lân yêu cả bốn mùa :

*Ta yêu mưa bốn mùa,
 Nghe nhạc trùng rên rĩ.
 Giun khóc chân tường, dễ than dưới cỏ,
 Nhạc sầu dâng buồn bã suốt năm canh.
 Ta thích, đêm mưa, nằm sát cửa sau màn
 Nghe gió rít từng hồi qua kẽ hở,
 Nghe gió đập tầu tiêu, mưa nức nở...
 Nghe hồn mưa than thở với hồn ta !*

Thậm chí mùa Đông của người cũng yêu :

*Ta yêu mưa Đông
 Mưa phùn cam lặng.
 Mưa xóa mờ rặng cây trên đường vắng,
 Mưa đem trời nặng nặng xuống gần ta.*

Có lẽ các bạn cũng tự hỏi : Tình yêu gì mà lắm thế ?
 Xin thưa : — Với một tâm hồn mang nặng tình quê ; cảnh trí bốn mùa tuy có đơn sơ, đạm bạc nhưng nó mãi diễn biến trên đất mẹ.

Tình yêu quê của Bàng bá Lân bàng bạc nơi nơi trong đồng nội. Từ những đàn cò trắng bay trong ráng chiều, cây đa tròn xoe tán bên cạnh mái đình, cho đến những tiếng sáo diều vi vu, những câu hò của miền thôn dã, hay nụ cười hồn nhiên của cô thôn nữ v.v... Tất cả hình ảnh êm đềm, đẹp đẽ của quê hương được thi nhân ghi lại trong bài *Quê tôi* sau đây :

Quê tôi

Quê tôi có lúa, có dâu,
 Có đàn cò trắng, có câu huê tình.
 Có cây đa, có mái đình,
 Có bầy thôn nữ xinh xinh dịu dàng.
 Mùa thu có những hội làng,
 Có cây đu buổi xuân sang dập dìu.
 Gió vi vu tiếng sáo diều,
 Ru hồn mục tử chiều chiều trên đê.
 Chợ làng có lắm quà quê ;
 Bánh đa, bánh đúc, bánh kê, bánh dầy...
 Dầu thôn có túp quán gầy :
 Tình quê như bát nước dầy chè tươi.
 Ngõ tre khúc khúc gió cười.
 Vườn quê thơm mát hương nhài hương cau-
 Thảng tư chanh cốm gọi đầu.
 Hương sen ngát cả vườn rau ao bèo.
 Tháng hai hoa bưởi rơi nhiều
 Ong ong, bướm bướm dập dìu tìm hoa.
 Khum khum giàn mướp ao nhà,
 Cầu tre lũ trẻ vui đùa tập bơi.
 Tiếng gà trưa lắng chơi vơi,
 Tiếng chim cu gáy : Buồn ôi là buồn !
 Ngày ngâu gió kếp mưa đơn
 Mái tranh rỏ những lệ buồn vu vơ.
 Đêm dài, nhịp tiếng võng đưa
 Lời ru ời ời ngàn xưa vọng về...

•

Nhớ nhung, sầu mắc lê thê,
 Xa xôi, nghe dậy hồn quê nào nùng !

(Miền Nam, tháng tám 1957)

Bằng những vần điệu nhẹ nhàng, không gò bó, Bằng bá Lân có cái nhìn thấu suốt cảnh quê, chỉ trong 28 câu thơ, thi nhân đã cô đọng được toàn cảnh thanh bình của dân quê, rồi gói vào đấy một ít hồn của mình. Cho nên ta thường thấy trong mỗi bài thơ của Bằng bá Lân đều có mang tính chất nội tâm và ngoại cảnh.

Sở dĩ Bằng bá Lân có khác Anh-Thơ, là ở chỗ đó và cái hay của Bằng bá Lân cũng ở đó.

Không phải chỉ riêng một bài thơ nào người ta mới thấy cái khôi sắc của Bằng bá Lân, trái lại, thi sĩ họ Bằng đã chứng tỏ tài nghệ của mình trong nhiều bài thơ, hay có thể nói bằng cả sự nghiệp văn chương của chính mình cũng thế; trong mấy tập thơ của thi sĩ Bằng bá Lân cho ra mắt, người đọc ít thấy nhiều bài dưới mức trung bình.

Có thể nói, Bằng bá Lân có khả năng sáng tác thơ rất đều tay. Tuy nhiên, cái hay, cái dở còn tùy theo người đọc, nếu thấy thích thì cho là hay, ngược lại, là dở. Còn sự thật đối với những ai có một nhận định tinh tế và khách quan về thi ca dân tộc, phải nhận rằng Bằng bá Lân là một nhà thơ có chân tài, nhất là trong loại thơ tả cảnh và sinh hoạt đồng quê.

Để chứng minh cho nhận định vừa nêu, chúng tôi xin trích dẫn ra đây một ít vần thơ khác của ông thuộc loại đồng quê để làm điển hình về thực tài của tác giả *Tiếng vọng đưa*.

Ta hãy nghe thi nhân kể câu chuyện của đôi lứa xày ra :

Hẹn nhau bên bờ giếng

Chờ nhau lúc rạng trăng.

.

Nhìn nhau mà chẳng nói.

Bốn mắt đọng trăng rằm.

rồi lại hẹn nhau nữa. Nhưng có một đêm nàng không đến, nghe nói nàng đã đi theo một người đội khăn đen nào đó

ở làng khác, khiến chình đến nơi hẹn hò, buồn đắm đắm nhìn vào khoảng không, tự hỏi:

Ai cúi mình trên giếng ?

Ai thả gầu múc trăng ?

Ai cười yêu nửa miệng ?

Tan rồi mộng gối chẵn !

.

Giếng trăng, nơi hò hẹn

Giếng trăng, nơi hẹn hò

Từ xa xưa đến bây giờ

Giếng làng ghi dấu bao trò hợp tan !

Bàng bá Lân là nhà thơ nhiều tình cảm, đó là bản tính của thi nhân.

Và đây, ta hãy nghe tâm tình cảm xúc của thi nhân đứng trước nỗi khổ cực cơ hàn của người dân quê được trải lên những dòng thơ rớm máu trong bài:

Người trâu

Trời xám thấp. Rặng tre già trút lá

Đầy ngõ thôn hun hút gió chiều đông.

Sương mù bay phơ phớt tỏa đầy đồng,

Hơi lạnh cắn vào làn da cứng buốt

Trong thửa ruộng chân dê tràn ngập nước.

Đôi bóng người đang chậm bước đi đi...

Người đàn ông cúi rạp hươc lằm lì,

Người vợ cố đẩy bừa theo sát gót.

Họ là những nông phu nghèo bậc chót,

Không có trâu nên người phải làm... trâu.

Họ bừa ngằm một thửa ruộng chiêm sâu.

Nước đến bụng, ôi, rét càng thêm rét !

Áo rách tướp, hở ra từng mảng thịt

Tím bầm đen trong gió lạnh căm căm.

Hì hục làm, thỉnh thoảng lại dừng chân
 Véo và ném lên mặt đường từng vốc...
 — Nhắc trông ngợ là nắm bùn hay đất —
 Nhìn lại xem! Ô, đóng đĩa đen sì !..

Ta rùng mình, quay mặt bước chân đi,
 Lòng tê tái một mối sầu u ám,
 Trời càng thấp. Tầng mây chì càng xám,
 Mưa phùn gieo ảm đạm khắp đồng quê.
 Gió chiều nay sao lạnh buốt, lê thê?

(Đơn thư, 1954)

thật là những vần thơ tả chân linh động nói lên một thực trạng đau thương thống khổ của kiếp người gần như không còn là con người nữa.

Nhưng đó chỉ là một cảnh thương tâm của đôi vợ chồng nghèo khổ mà thôi. Còn một cảnh tượng bi đát nhất trong lịch sử, đau đớn gấp trăm ngàn lần mà dân tộc Việt-nam ta phải gánh chịu: đó là nạn đói năm Ất-dậu. (1945)

Vận dụng giác quan đến cao độ, hòa hợp với con tim tựa hồ tan vỡ, lý trí không còn len lỏi trong địa hạt này; ở đây chỉ có thấy, nghe rung động một cách tế nhị, Bằng bá Lân đã ghi lại những hình ảnh đau thương của hàng loạt con người đang sờ soạng trước ngưỡng cửa Chết.

Sự cơ cực của cảnh nghèo, sự tan vỡ của tình yêu, sự chán nản của con người bất đắc chí, v.v.. nó không còn nghĩa lý gì trước cảnh Đói. Nó chỉ là sự đau đớn có ranh giới, nếu đem so sánh với những cảnh:

Khắp đường xa những xác đói rên nằm
 Trong nắng lửa, trong bụi lấm co quắp.
 Giữa đồng rẻ chỉ còn đôi hố mất
 Động chút hồn sắp tắt của thầy ma.
 Những cánh tay gầy quờ quạng khua khoa
 Như muốn bắt những gì trong vô ảnh.

Dưới mớ tóc rối bù và kết bánh,
 Một làn da đen xạm bọc xương đầu
 Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu.
 Má hóp lại, răng hằn sâu gớm ghiếc.
 Già, trẻ, gái, trai không còn phân biệt,
 Họ giống nhau như là những thây ma,
 Như những bộ xương còn dính chút da,
 Chưa chết đã bốc xa mùi tử khí!

hay :

Xác chồng chất lù lù như đồng rác,
 Đó đây thò khô đét một bàn chân
 Hay cánh tay gầy tíu, ngất teo răn
 Giơ chơi với như núm lùn không khí.

hoặc :

Họ ra đi, hy vọng có ngày về!
 Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hỡi người quê.
 Dàn lá gục khắp đầu đường xó chợ.

Có nghĩa gì đâu những cảnh khổ đau thường xuyên của nhân loại đã khóc và khóc mãi đã khiến đức Thích-Ca sánh nước mắt của chúng sinh như bề cả.

Ở đây (cảnh đói) trong tình trạng quá bi đát, những con người không còn kêu gào khóc lóc được nữa vì nước mắt họ đã khô, không đau đớn vì thân xác đã đói là tẻ dại. Đến đây chúng tôi nhớ lại cảnh rùn rợn của chiến tranh khi trái bom nguyên tử đầu tiên rơi trên đất Nhật. Một bác sĩ Nhật còn sống sót và chứng kiến, đã thuật: «... Một thứ ánh sáng kỳ lạ loé lên, tiếp theo là tiếng nổ, thành phố bỗng nhiên chìm vào cõi chết, một sự vắng lặng ghê rợn bao trùm, không một tiếng động. Tôi ngạc nhiên bỗng thấy một bóng người đi tới, xem lại mình đầy đầm máu, da thịt nát bét, nhưng vẫn đi... »

Nhắc chuyện trên đề các bạn hình dung con người khi đã chịu đến tột cùng của đau đớn, thân xác trở nên tẻ dại, giác quan không còn bén nhạy nữa. Họ (những người sắp

chết vì đói) không còn đủ lệ để trào tuôn, chỉ còn đủ chút hơi tàn:

*Những thân đó cứ xiu dần, tắt thở,
 Nằm còng queo, mắt vẫn mở trừng trừng.
 Trông con người còn động lệ rung rung,
 Miệng méo xệch như khóc còn đang dở.*

Bằng một giọng thơ bi thảm, Bằng bá Lân ghi lại hình ảnh tang thương ấy trong suốt bài thơ gồm 100 câu mà khi đọc xong ta cảm thấy tâm hồn ta như bằng hoàng cơn ác mộng, cổ ta nghèn nghẹn như một niềm căm phẫn trào dâng.

Phần trình bày ở trên là một khía cạnh độc đáo nhất của nhà thơ họ Bằng — loại thơ đồng quê. Đến đây chúng tôi xin nói đến phần khác: thi ca tình yêu.

Về loại này, Bằng bá Lân không có nhiều, nếu không bảo đó chỉ là phụ thuộc trong đường lối sáng tác của tác giả *Tiếng võng đưa*. Tuy nhiên trong số ít đó, Bằng bá Lân cũng tỏ ra có một giọng thơ «mượt» khi tỏ tình yêu nhưng là thứ tình yêu nhẹ nhàng của người Á-đông. Theo ông chủ trương, trong thi ca tình cảm, tình yêu là một trạng thái thuộc tâm linh của hai kẻ yêu nhau, nhưng không bao giờ vượt quá cái phong tục cổ truyền là «nam nữ thọ thọ bất thân», cái tình yêu được bảo vệ trong vòng luân lý, dù yêu thương tha thiết cũng không bộc lộ sở sàng, nó phải là thứ «tình trong như đã mặt ngoài còn e».

Vì thế, những bài thơ tình của Bằng bá Lân thường rất đẹp và có tính cách nội tâm nhiều hơn. Như một chàng trai đi yêu một cô con gái nhưng không bao giờ dám nói thẳng, chỉ thốt những lời vu vơ:

*Ta về ta nhớ đêm qua...
 Nhớ ai, nhớ cả món quà Đồng-nai,
 Món quà ai gửi cho ai,
 Kèm theo thăm hỏi đôi lời thương thương.
 và yêu thương «người ấy» nhiều đến nỗi:*

*Yêu em, yêu cả con đường
 Đưa ta về chốn ruộng vườn phì nhiêu :
 Cẩn-thơ, Rạch-giã, Bạc liêu...
 Răng thương, răng nhớ, răng thương lạ lùng !*

yêu nhưng không dám nói để rồi cứ đặt câu hỏi thăm dò người yêu :

*Cô em má đỏ hồng hồng,
 Buôn xuôi bán ngược, có chồng hay chưa ?
 Xe dò ai đón ai đưa ?
 Mà em đi sớm về trưa một mình !*

Đây, ta hãy nghe Bàng bá Lân tả lại một cảnh đi tìm nhà người yêu, nó vất vả làm sao :

*Nhà em ngõ hẻm hang cùng,
 Lối đi góc ngách, sổ chồng lên nhau.
 Tìm em vừa khó vừa lâu,
 Số không thứ tự biết đâu mà lần !
 Bà con cô bác bình-dân,
 Phần nhiều lao-dộng đồng lặn như nhau.
 (Ngõ hẻm)*

Thật là khó khăn, nhưng vì « yêu nhau tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua ».

Ngoài địa hạt tình cảm trữ tình, đôi lúc Bàng bá Lân có một giọng nói ồm ồm như Hồ Xuân-Hương :

*Rung rinh núm vú trên cành,
 Mỗi năm mỗi vụ dâng tình thủy chung.
 Em như cô gái yêu chồng,
 Tình em như sữa trong lòng thơm tho.
 (Trái vú sưa)*

Thật là chơi khăm, khi tác giả nói đến trái vú sưa mà lại nhân cách hóa là « em như cô gái yêu chồng », dè rồi « tình em như sữa trong lòng thơm tho » thì quả là Bàng bá Lân có một giọng thơ ác độc đối với bọn đàn ông vậy.

Sau khi Hiệp-định Genève phân chia đất nước, Bàng bá Lân di cư vào Nam. Cảnh lạ, quê xa, con người thơ tưởng đâu sẽ bờ ngõ, ngại ngùng, nào ngờ tâm hồn dân tộc của Bàng bá Lân bằng bạc khắp sông núi thân yêu này, cảm thông ngay tâm hồn hòa dịu và cởi mở của người miền Nam ; Bàng bá Lân trút nhẹ được mặc cảm lẻ loi, đã hứng thủ sáng tác bài *Tôi yêu* để đánh dấu cái tình thâm thiết như đã gắn bó nhau từ muôn ngàn thế kỷ :

Tôi yêu

*Tôi yêu tiếng Việt miền Nam,
Yêu con sông rộng, yêu hàng dừa cao.
Yêu xe thô mộc xôn xao
Trên đường khúc khuỷu đi vào miền quê.
Tôi yêu đồng cỏ nắng se,
Nhà rơm trống trải, chiếc ghe đập dềnh.
Tôi yêu nắng lúa châu thành,
Trận mưa ngăn ngùi gió lạnh hiu hiu.
Nơi đây tôi mến thương nhiều,
Miền Nam nước Việt mỹ miều làm sao !
Xa xôi hằng vẫn ước ao,
Vào thăm vựa lúa xem sao, hời mình !
Chừ đây tình đã gặp tình,
Tưởng như trong đại gia đình đâu xa.
Người xem tôi tựa người nhà.
Người kêu thân mật tôi là : Thầy Hai !*

•

*Đồng bào Nam-Việt ơi !
Tôi yêu cặp mắt làn môi thiết tha.
Nước non vẫn nước non nhà,
Bắc Nam xa mấy vẫn là anh em !*

(Sinh-gồn, 1954)

Vì cảm tình ngay với quê hương thứ hai này, thi sĩ Bàng bá Lân liền hăng say bắt tay xây dựng lại cuộc đời đã hai lần di cư, một lần cháy nhà, chịu đựng gánh nặng gia đình trên mười miệng ăn, mọi việc đều trông cậy một thân người thi sĩ kiên cường ý chí. Như thế mới chứng minh sức mạnh của tình thương tái tạo được nguồn sinh lực mới đã khiến Bàng bá Lân yêu đời và ham sống.

Ở giai đoạn này, người thi nhân chúng ta xa vắng Nàng Thơ ; vì phải bảo tồn gia đình, lại thêm quá bận với thiên chức, một trách vụ thi nhân tự cho là cao đẹp, tận tụy trong việc đào tạo, trui luyện những tâm hồn trẻ cho thế hệ ngày mai. Ta hãy nghe thi nhân nhắn nhủ :

Đôi lời tâm sự

(Riêng gửi các em học sinh những lớp
Đệ Tứ, Tam, Nhị các trường trung học
Cộng-hòa và Khai-trí, Sài-gòn.)

*Ta đến trường đây với các em,
Nửa năm hơi tiếng đã vừa quen,
Ta yêu những mái đầu chăm chú
Cúi xuống bàn nghiêng mãi tập rèn.*

*Nhiều lúc ta cao giọng giảng hoài,
Không hề biết mệt, bốn giờ trôi-
Các em ngoan ngoãn và chăm chỉ
Là ý lòng ta thỏa mãn rồi.*

*Đôi lúc ta buồn bực chẳng vui,
Chỉ vì có kẻ mãi ham chơi,
Bài không nghe giảng còn hay chuyện !
Giận đấy, rồi ta lại mỉm cười...*

*Không hiểu ai bằng hiểu các em,
Nơi em, ta đặt hết niềm tin.
Các em là cả nguồn sinh lực
Thế hệ vươn mình đang chuyển lên.*

Nhiệm vụ 'a đâu có nhẹ nhàng ;
 Dẫn em vào các nẻo văn chương.
 Người yêu tiếng mẹ là yêu nước,
 Tiếng mẹ hiền, ôi ! rất dịu dàng !

Lãng mạn tài hoa Chu Mạnh Trinh ;
 Xuân-Hương hóm hỉnh giọng đa tình.
 Thanh-Quan chữ chặc, lời trang nhã ;
 Yên-Đỗ gieo vần, ô rất xinh.

Ta cảm thông cùng đôi họ Cao ;
 Ngông nghênh Bá Quát giọng văn hào.
 Xót thay Bá-Nhạ oan trùm đất,
 Trời cũng buồn thương rỏ lệ sau !

Tú-Xương chót nhà thế mà vui ;
 Mặn, chát, chua, cay đủ mọi mùi...
 Công-Trứ hào hùng ai dễ sánh ;
 Nguyễn-Du đệ nhất đại thi tài...

Bốn bức tường cao thế giới riêng !
 Ta hằng lo sợ nhắc đừng quên :
 Học, nhưng phải tránh lẩn xe cũ,
 Cái họa từ chương đã nhờn tiền !

Học biết rồi đây phải nghĩ hành,
 Quốc gia đang đợi những đầu xanh,
 Lớp người lành mạnh xây đời mới,
 Và dẹp cho tan những bất bình !

(Thơ giảng 1957)

*

Nói chung, chúng ta phải công tâm nhận rằng Bằng bá Lân là thi sĩ có chân tài. Ông là người tiên phong của phái thơ đồng quê, một hướng đi dị biệt, một lối thơ ít người

làm theo và cũng ít người thành công trong lãnh vực này mà ông đã thành công quả là một điều quan trọng. Sự hiện diện của Bàng bá Lân trong nền văn học đất nước là một sự hữu ích. Thi phẩm của Bàng bá Lân có tác dụng mạnh trong nền giáo dục thiếu nhi. Tiếng thơ của Bàng bá Lân là những hồi chuông cảnh tỉnh những linh hồn đang sống bám víu vào nền văn minh cơ khí như nhắc nhở họ cái tình quê, cái nếp sống trung thực của một dân tộc.

*« Em ơi ! Vui thú phồn hoa mãi,
Cớ biết đồng quê đang nhớ mong, »*

(Ấn bản kỳ nhì, tháng 8-1968)



Chi tuyến

Tịch tịch

Lửa hè đốt bụi tre vàng.
Trưa hè ru ngủ xóm làng say sưa.
Khóm chuối lá bơ phờ nghĩ ngợi,
Rặng cau gãy nghèn với trời cao.
Trong nhà, ngoài ngõ quạnh lều,
Đầu thêm con Vện thiu thiu giấc nằm.
Trong nhà lá tối tăm lặng lẽ,
Tiếng ngáy đều nhẹ nhẹ bay ra.
Võng đay chậm chạp khẽ đưa
Ru hai bà cháu say sưa một đỗi dài...
Cháu bỗng cựa, rầy hoài khúc đối,
Tỉnh giấc mơ, bà vội hát lên :
« A ời... » mấy tiếng. Rồi im.
Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng,
Ruồi bay thông thả nhẹ nhàng.
Muỗi vo ve khóc bên màn thiết tha.
Hơi thở nóng lượn qua khe liếp,
Làm rung mình mấy chiếc diêm sô.
Bụi nằm lâu chán xa nhà
Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu...

*

Vườn cũ nào đâu, cô hái dâu ?

Mười hai năm trước tuổi còn thơ
— Nếp óc còn in dấu chửa mờ —
Tôi sống quãng đời êm đẹp quá
Trong làng nho nhỏ nghệ tầm tơ.

Một làng xinh xắn dưới trung châu
 Lặng lẽ nằm yên giữa bãi dâu.
 Những buổi sớm chiều trong sóng lá,
 Tôi thường theo bạn đến bên cầu.

Bên cầu nhẹ hái lá dâu tơ
 Cùng bạn tôi là những gái thơ
 Xinh đẹp, vô tư như lũ bướm,
 Dắt tôi cười, nói, chạy, bông đùa...

Xa xôi nay trở lại thăm quê,
 Dấu cũ mờ rêu khác lối về.
 Mà lạ ! Nương dâu đâu mất nhỉ ?
 Quanh làng xanh rợn bãi cà phê !

Thần thơ đứng lại bên đường,
 Trong gió chiều xa vắng tiếng chuông.
 Nhưng lạ ! Tiếng kia sao chẳng phải
 Tiếng từ bi êm ái du dương !

Thưa ôi ! Chính giữa chốn này đây
 Là chỗ ông cha đã đắp xây
 Một cảnh chùa chiền, di tích cũ,
 Ngàn năm đứng vững với trời mây.

Thế mà xa cách có bao lâu !
 Nào mái rêu đâu ? Cờ thụ đâu ?
 Còn lại trơ trơ bên giậu mới
 Gốc đá cằn cỗi, lẻ loi sầu !

Mất hết ! Không còn một dấu xưa !
 Nào đâu cô gái đẹp ngây thơ ?
 Nào đâu những tối trắng trong sáng
 Dệt vải bên song ánh bạc lụa ?

— Hơi cô yếm thắm hái dâu ơi !
 Người cũ này đây, sắc cũ phai !
 Tuổi trẻ đã qua, xuân đã hết,
 Người xưa thôi đã khác xưa rồi !

Còn nhớ năm xưa bóng xế đầu,
 Thi nhau ta hái lá bên cầu,
 Mà nay người vắng, cầu, dâu mất ?
 Vườn cũ nào dâu, cô hái đầu ?

*

Kiệp ve

Im lặng. Cánh đồng quê yên ngủ
 Giấc say sưa dưới ánh mặt trời chì.
 Trên vòm xanh mây uể oải không đi,
 Nắng lửa trút nặng nề như bạc chảy.
 Bỗng trong l hóm lá xanh gần đấy,
 Tiếng ve kêu ran rỉ đưa ra
 Khi khoan thai, khi rộn rã như mưa
 Làm rung động khí trời lặng lẽ.
 Biền lúa xanh gợn lun sóng nhẹ,
 Nắng rung rinh theo giọng ve kêu,
 Gió thổi dài trong cành sấu đầy rêu,
 Cảnh thức giấc dưới bầu trời yên lặng
 Ve hút gió, ăn sương, uống nắng,
 Rồi thành thơ ngâm khúc trường ca.
 Dem sóng lòng ve tưới cho cỏ hoa,
 Cho lá bụi, lúa vàng, đất khô, nắng lửa...
 Rồi thu sang. Giọng nỉ non không còn nữa.
 Ve im hơi. Nhưng nào có ai hay !
 Gió vẫn thổi dài đuổi lá vàng bay...
 Mà trên cành, thân ve ! chỉ còn là cái xác !

Đời thì sĩ, than ôi ! nào khác
 Kiếp ve kia rút ruột hiến ai ai.
 Khúc đàn tâm lựa gầy dề người vui,
 Mà riêng chịu thất vọng, đau thương, cùng chế bác...
 Rồi mực cạn, bút cùn, tơ lòng tan nát,
 Với thời gian đời sẽ dần quên !
 Lòng khách thơ lại đau đớn ôm thêm
 Mỗi hận cuối cùng ! Ôi, nghề đen bạc !

*

Trưa hè

Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,
 Nằm mát đàn trâu ngấm nghì nhai.
 Ve ve rung cánh ruồi say nắng ;
 Gà gáy trong thôn nhưng tiếng dài.

Trời lơ cao vút không buông gió,
 Đồng cỏ cào phô cánh lược hồng.
 Êm dềm sóng lựa trôi trên lúa ;
 Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
 Bà hàng thừa khách ngả thiu thiu,
 Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...
 Dứng lặng trong mây một cánh diều.

Cánh thừa nắng tưới chim không đứng,
 Quả chín băng khuâng rụng trước hè.
 Vài cô về chợ buông quang thúng,
 Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.

Thời gian dừng bước trên đồng vắng ;
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.
Như mơ đường khói lên trời nắng ;
Trường học làng kia tiếng trống vào.

*

Cồng làng

Chiều hôm, đón mát cổng làng;
Gió hiu hiu đầy mây vàng êm trôi.
Đồng quê vờn lượn chân trời,
Đường quê quanh quất bao người về thôn.

Sáng hồng lơ lửng mây son,
Mặt trời thức giấc, véo von chim chào.
Cổng làng rộn mở ồn ào,
Nông phu lưng chừng đi vào nắng mai.

Trưa hè bóng lạng nắng oi,
Mái gà cục cục tìm mỗi đất con.
Cổng làng vài chị gái non
Dừng chân uể oải chờ cơn gió nồm.

Những khi gió lạnh mưa buồn,
Cổng làng im ỉm bên đường lội trơn.
Những khi trắng sáng chập chờn,
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha.

Ngày mùa lúa chín thơm đưa,
Rời Đông gầy chết, Xuân chưa vội vàng ;
Mừng xuân ngày hội cổng làng
Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ.

*Ngày nay dù ở nơi xa
Thăm quê, về đến cây đa đầu làng
Thì bao nhiêu cảnh mở màng
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.*

*

Tiếng mưa đêm

O le chant de la pluie !
Paul Verlaine !

*Đêm sâu tịch mịch,
Ta rơi rả rích
Gieo buồn lang thang
Trên muôn đường làng
Gặp anh lữ khách vội vàng,
Ta nương vai áo xem chàng về đâu ?*

*Sa đồng sâu.
Rụng mái lâu,
Vại sành dợt nước chầy cau,
Chị nào xấu số thì mau lẫn vào !*

*Trên hàng rào,
Gió lay gào.
Chị em riu riu lánh vào bên song.
Cô kia ủ dột cô phòng,
Nghe ta thồn thức trong lòng tiêu tiêu.
Củi ngừng reu,
Cây buồn thiu.
Hàng tre lướt thướt tiêu điều,
Kìa đôi cò nọ ra chiều bán khoán.*

Lăn tăn
 Qua sân,
 Ta hỏi rêu rằng :
 — Nơi rêu ở có lạnh lùng không rêu ?

Buồn như kêu
 Cho cô gái đẹp ngừng thêu,
 Bâng khuâng nghe nhóm tình yêu trong lòng.
 Trong ao ta gợn muôn vòng
 Cho con cá lượn mơ màng đớp sương.

Mái lâu ta buông
 Màn bạc.
 Ta khua xào xạc
 Lá rơi bên rèm.
 Nhà khuya le lói ánh đèn,
 Có ai nằm thức trong mền nghe mưa ?

*

Ngủi trông về Bắc

Dừng bước nơi đây, lòng ngồn ngang,
 Ngủi trông về Bắc nhớ tre làng,
 Nhớ cây đa cổ bên chùa vắng,
 Nhớ mảnh ao bèo gió lạnh sang.

Nhớ giải đê cao lũ mực đồng
 Trong chiều nắng nhạt bước thong dong.
 Nhớ cô thôn nữ khăn to hớ,
 Mòi thắm trâu thơm, má ửng hồng.

*Nhớ tiếng xì xòm tắt nước đêm,
 Tiếng chày giã gạo rất bình yên,
 Tiếng chim cu gáy trong trưa lặng,
 Tiếng võng trưa hè ru ngủ êm.*

— « *À ời ! Em ngủ đi em !
 Mẹ còn đi chợ làng bên chưa về.
 Cha còn tắt nước trong khe,
 Anh bữa, chị cấy ngoài kia...À ời !* »

*Đồng quê Bắc Việt ơi !
 Người quê Bắc Việt ơi !
 Hôm nay trời trở rét rồi phải không ?
 Hôm nay cơn gió giải đồng,
 Lay bông lúa sớm hương nồng thơm đưa.*

*Bây giờ, ôi ! biết bao giờ
 Cho ta lại đứng trên bờ đê cao ?
 Thả hồn lưu luyến thôn xao
 Rung theo tiếng sáo diều cao lừng lờ !*
 (Sai-gòn, cuối thu 1954)

*

Mùa gặt

*Gà vừa gáy. Trời mai còn âm ướt
 Đường trong thôn rầm rập bước chân đi.
 Tiếng gọi, thưa ăm ớ động sương khuya,
 Tiếng sát gạo trên cầu ao sền sệt.
 Rời lửa đỏ bập bùng trong các bếp,
 Rời tiếng mâm va bát động lạnh canh
 Tiếng cười đùa xen tiếng đũa và nhành,
 Người vội vội. Trống tàn canh gấp gấp...*

Trời tang tảng. Sương đào bay lớp lớp,
Cánh. đòng quê mờ ngợp khói sương mờ,
Từ cổng làng từng bọn kéo nhau ra,
Tiếng quang cặp, đòn càn va lách cách.
Họ vui vẻ đi nhanh trên đường đất,
Rồi tạt ngang, tản mát khắp đồng quê.
Họ dừng chân bên ruộng ướt sương khuya
Lúa rạp rạp ngã theo chiều gió thổi.
Thợ đàn ông xắn quần lên quá gối,
Thợ đàn bà cao váy xẻch hai bên
Đề lộ ra những cặp bắp chân đen,
Rồi kẻ hái người liềm xô xuống ruộng.
Lúa thức giấc xạc xào trong hũn đục,
Lúa run run lia cuống ngã trên tay...
Lũ cào cào, châu chấu sợ tung bay,
Nhưng chớp mắt lại nặng nề rơi xuống.
Liềm hái gặt. Lúa thi nhau lia cuống,
Nằm ngòn ngang trên ruộng hờ màu đen.
Phía trời đông quạt lửa rộng xoè lên,
Cánh đồng bỗng rực tươi màu đỏ ối.
Sương mỏng mỏng nhẹ tan như làn khói
Lúa thơm thơm, rơm mới cũng thơm thơm.
Không khí thơm tho, gió chạy rạp rờn,
Làm gợn gợn sóng vàng trên biển lúa.
Thừa ruộng kia, tiếng ai vừa hát đó.
Giọng thanh thanh theo gió vắng đưa xa.
Rồi đồng quê vang rộn tiếng dân ca,
Tình thấm thiết ngụ trong lời thấm thiết.
Miệng cứ hát, tay cứ làm mãi miết,
Làm say mê như quý tiếc thời gian.
Họ như quên không thấy nắng hanh vàng
Đầy gay gắt rêu ròn trên nón lá,

Và người họ mờ hôi ra tầm tã
 Dán lưng vào mảnh áo bạc màu nâu...

•

Mặt trời lên...lên chót vót từ lâu,
 Bóng đa đã thu tròn như chiếc tán.
 Thợ dừng tay, lên bờ ăn bữa sáng.
 Cơm muối vùng sần sặt thế mà ngon,
 Vài quả cà, dưa muối với tương om,
 Nước vối loãng chuyên tay... là hết bữa !
 Thợ đàn ông thời mỗi rơm lấy lửa.
 Về thuốc lò, rít diều, rít vài hơi,
 Thở khói phào cuộn cuộn tựa mây trôi,
 Về khoan khoái trong tiếng cười dễ dãi.
 Thợ đàn bà cũng thông dong mở giải
 Yếm, lấy ra vôi vò vơi trầu cau,
 Rồi cười cười nói nói thết mời nhau,
 Quét trầu thậm tô vành môi cần chỉ.
 Trầu thuốc đoạn, sau nửa giờ tạm nghỉ,
 Lại hò nhau hối hả xuống đồng trưa.
 Kê cát hoà, kê lượm... rất say sưa.
 Không nhọc mệt – (ngày mùa ai cũng khoẻ !)
 Lúa đã lượm, họ kê vai rất nhẹ,
 Gánh xăm xăm về phía đồng làng xa
 Trên đường quê lữ bảy, lữ năm ba,
 Gánh gáinh mãi, về, ra, coi tấp nập.
 Chiều càng xuống, người đi càng hấp tấp
 Như đàn cò gập gập ruồi theo mây,
 Gió lạnh lùng, xương bột rắc rây rây,
 Chùa dâu đó rõ hời chuông lạnh lạnh.

Đồng quê xám mênh mông vô vắng lạnh,
 Nhưng khắp làng rộn rịp hội hoa đáng.
 Tất cả đèn to nhỏ cháy đáng đáng
 Không soi sáng đủ hết sân gạch rộng.
 Từng cầu lửa dài cao nằm song song
 Đợi thợ về chất đồng xếp từng ôm...
 Rồi néo tre kẹp chặt lấy thân đơn,
 Tay đang thẳng đập ron trên cối đá.
 Ôi sung sướng ! Mưa ra vàng ! Mưa lửa !
 Mưa rào rào. Giọt thốc nặng nề rơi,
 Thốc mọng thơm căng sữa ngọt nuôi người.
 Nét hoan hỉ trên miệng cười đen nhánh.
 Tiếng đập lửa rộn vang trong gió lạnh,
 Chén tiếng cười, giọng hát lạnh ngân ngân,
 Đêm tình xa se lại vui duyên gần...
 Trắng nhồn nhồn cười thầm trên ngọn trúc.
 Ôi vui thú là những giờ hát thốc :
 Kẻ trang, cào ; kẻ xúc, quét lia lia
 Vai chen vai, người nọ vương người kia,
 Tiếng mắng khê xen tiếng cười khúc khích...

•

Rơm lên đồng. Thóc đã nằm trong bịch,
 Đợi nhân nha ngày nắng sẽ đem phơi.
 Thợ dừng tay, rũ bụi phẫn trên người,
 Đoạn rửa ráy, rồi vào ăn bữa tối.
 Dưới ánh lửa đèn ba dây dò đi,
 Họ lại cười, lại nói, lại bông lơn..
 Bóng cau gầy đã ngã suốt sân rơm,
 Họ mới chịu xoa chân, vào ồ rạ.
 Thôn xóm lặng, thiu thiu trong bóng lá,
 Trăng phương đòai uề oải cũng lim dim.

*Sương rơi rơi, nhạc để lắng chìm chìm,
Chó từng lúc nghe nhìn trắng sủa rống...*

•

*Ta về đây suốt một ngày vui sống
Cùng người quê mãi miết với thành công.
Suối mồ hôi năm tháng chảy trên đồng
Đúc thành sữa nơi đầu bông nặng trĩu.
Đồng quê ơi! Hỡi Nông-phu! Người chịu
Bao dài đầu mưa nắng dề nuôi ta
— Nuôi giống nòi không một tiếng kêu ca
Sống tạm tối như tre già nấp bụi.
Ta tha thiết cầu mong sao gần gũi
Mai Người Quê, nơi làng mạc thân yêu,
Mà hôm nay ta cảm mến thương nhiều!*
(Bà:-Việt một mùa gặt thanh bình)

*

Tiếng võng đưa

*Nắng lửa rung rinh,
Xóm tre lặng lẽ.
Tiếng võng nhà ai ru trẻ
Nặng nề chậm chạp dong đưa...*
Nặng nề chậm chạp dong đưa...
*Cót ca cốt kết nhịp thơ muôn đời.
Bồng bóng bông... A ời ời...*
Cót ca cốt kết muôn đời nhịp thơ.

*Ta say sưa
Nghe tiếng võng đưa
Ru hồn mơ*

Trong lời thơ
Dân tộc.
Mơ màng lắng nghe tiếng khóc
Của thời mặng sữa xa xôi.

A ơi ơi...
A ời ời...
Cót ca cốt kết
Muôn đời

Nhịp thơ...
Tiếng võng đưa
Cót ca cốt kết...
Trưa hè nắng khét
Bà ru cháu say sưa...

Tiếng võng đưa
Cót ca cốt kết
Mẹ đi biển biệt
Chị ru em ời ời...

Tiếng võng đưa
Cót ca cốt kết
Đêm dài mưa rét
Mẹ ru con mơ màng...

Dân tộc Việt-nam
Lớn trong tiếng võng.
Dân tộc Việt-nam
Già trong lời ru.
Êm đềm thay tiếng võng đưa.
Nhịp thơ
Dân tộc.

Mơ màng, ta nghe tiếng khóc
Của thời măng sữa xa xôi.

A ơi ơi...

A ời ời...

Cót ca cốt kết

Muôn đời

Nhịp thơ.

Và đây nhưnḡ vắn thơ

Nhịp theo tiếng võng đong đưa.

Nhịp theo lời ru êm ái.

Tình quê hương vời vợi,

Hồn dân tộc mang mang...

Bao giờ nổi lại giang san

Mà nghe tiếng võng mơ màng đó đây.

(Tháng sáu 1957)

*

DẶN DÒ

Một đàn con dại,

Nửa mái lều tranh.

Mưa lùa ướt giặt,

Mòn mỗi ngày xanh.

Cha già, mẹ yếu,

Trú cư đầu đình.

Nhìn nhau là mếu...

Trời ơi ! Chiến-tranh !

Bao nhiêu nhà cửa

Bỗng chốc tan tành.

Bao nhiêu tiền của

Làm giàu lưu manh.

Trông chừng mệt bún nồi canh,

Đôi bàn tay vợ mưu sinh lẫn hời /
 Bàn tay mềm yếu em ơi !...
 Quần quanh ra đứng vào ngời,
 Lòng u ám tựa một trời mưa ngâu !

Còn gì đâu !
 Ôi, sầu rưng rức,
 Có gì tấm tức,
 Có gì hậm hực,
 Làm đau lòng ngực,
 Làm nhức làn da ?

Buông rơi tờ báo nhìn xa,
 Giận ta mà lại thương ta, ôi buồn !...
 Bên lòng ba bốn tình thương :
 Thương nhà, thương nước và thương đồng bào.
 Thương cơ hội lỡ làm sao !
 Lòng son ắp ủ biết bao nhiêu buồn !

Buồn đã lên men,
 Ta điên, ta cuồng.
 Ta không thể sống nhìn xuống.
 Đời ta tàn tạ, nước non rã rời !
 Nhủ em, em hãy chịu lời,
 Mẹ già con dại, anh thời cậy em.
 Ra đi, anh quyết một phen.
 Vẫy vùng ngang dọc, ngả nghiêng với đời...

Em đừng khóc nữa, em ơi !
 Nước rồi rặng rờ, ta rồi gặp nhau.

(Những ngày tản cư, năm 1951)

Tình trong mưa

Chiều ấy, mưa rào ở xóm Đông,
Cho người ủ dột đứng bên sông,
Xa nhìn đám đuối tìm trong gió...
Chỉ thấy màn mưa trắng ngập đồng.

Ai biết mưa rơi nói những gì ?
Lá buồn gieo lệ khóc lâm ly.
Lòng băng khuâng quá, xôn xao nhớ
Cả một tình yêu buổi ấu thì,

Buổi một nàng qua dưới mái hiên,
Đường mưa in nướp gót chân tiên.
Ta nhìn theo bước đi ren rén.
Bỗng cả lòng yêu náo nức liền !

Từ ấy trên đường loang loáng mưa.
Tìm hoài đâu thấy gót chân xưa !
Đường mưa bao gót chân mưa bước,
Gọi mãi tình yêu buổi đại khờ !

(1942)

*

Đêm ở làng

Chùa xa chuông khúc ngày tàn,
Chiều như muôn giải lụa vàng thướt tha.
Lưng trâu mục tử vang ca,
Lời thơ tự mấy đời qua lưu truyền.

•

Vừa nghe tắt giọng êm đêm,
Ngọn tre treo mảnh trăng liềm mới lên.

Mấy cô hàng xén về đêm
Dưới cây đòn gánh cong mềm bước mau.

•

Làng tre công kín từ lâu,
Trong sương chó sủa bớt mau. Im dần...
Trời khuya trắng thức tăn ngằn,
Lòng tơ bao gái cũng gần như trắng!
(1940)

★

Bồn mùa mưa

Ta yêu mưa xuân
Phơi phới gieo trên vườn mận nở,
Trên cánh hoa đào rực rỡ,
Trên áo quần diêm dúa hội mừng xuân.
Mưa rơi rơi..
Cho cành xuân căng nhựa,
Cho má em tươi hồng.

•

Ta yêu mưa hè
Ào ào như thác đổ.
Lá tre rơi đầy ngõ,
Nước đông dâng trắng xóa mênh mông.
Cây xanh màu mới.
Người vui giải nong.

•

Ta yêu mưa thu,
Mưa dăng sầu lỵ biệt,

**Mưa nhắc mãi mối hận tình bất diệt
Của chàng Nguru ở Chúc bên sông Ngân.**

**Ta yêu mưa đông,
Mưa phùn câm lặng.
Mưa xóa mờ rặng cây trên đường vắng,
Mưa đem trời nắng nặng xuống gần ta.**

*

**Ta yêu mưa bốn mùa,
Nghe nhạc trùng rên rĩ,
Giun khóc chân tường, để than dưới cỏ,
Nhạc sầu dâng buồn bã suốt năm canh.
Ta thích, đêm mưa, nằm sát cửa sau màn
Nghe gió rít từng hồi qua kẽ hở,
Nghe gió đập tàu tiêu, mưa nước nở...
Nghe hồn mưa than thở với hồn ta !**

**Ta yêu mưa bốn mùa,
Vì lòng ta gió mưa chẳng ngớt !
Ta muốn đêm dài mưa không ngưng hạt,
Cứ mưa hoài, mưa mãi... Mưa, mưa, mưa...
(Sài-gòn, 5-1957)**

*

Mưa sông

**Gió bỗng thổi ào, mây thấp tối,
Buồm căng muốn rách, nước trôi nhanh,
Trên đường cát bụi vùng theo gió,
Nón mới cô kia lật nửa vành.**

**Ếch gọi nhau hoài tự mấy ao,
Trên bờ cây hoảng hốt lao xao.**

*Đò ngang vội vã chèo vô bến,
Lớp lớp tràn sông dợt sóng rào.*

*Buồm rơi, trơ lại cột tre gãy,
Loang loáng chân trời chớp xé mây.
Chim lẻ vội vàng bay nhón nhác,
Mưa gieo nặng hạt xuống sông đầy.*

(1942)

*

Lạc loài

*Kiếp trước chừng ta là cánh bướm ?
Bốn mùa thi đẹp với muôn hoa.
Lượn lờ qua lại trong hơi gió,
Đôi cánh phiêu linh chẳng có nhà !*

*Kiếp trước chừng ta là cánh hoa ?
Đêm đêm rỏ lệ dưới trăng ngà
Nàng trăng buồn nhớ ai trên đó ?
Hoa nhớ tình yêu một bướm qua.*

*Hoa bướm muôn đời ai cũng yêu,
Nhưng ai có biết những ban chiều
Hoa thường đắm lệ buồn như khóc,
Bướm ngủ nơi nào đêm hiu hiu ?*

*Trong lốt phàm thai hồn vấn vương
Mong manh, xa lạ nhớ ngàn phương.
Tương tư không chỉ, sao mà rối ?
Sống lạc trên đời ôm nhớ thương !*

(1941)

*

Mơ về Hà-nội

Cảnh đã xưa rồi, tình chưa xưa,
 Nâng niu chuốt lại chút danh thừa.
 Bao giờ đến hội tao phùng nhĩ?
 Xem nước hồ soi bóng liễu mơ.

Liều có gầy chăng? Tóc có thưa?
 Chao ôi! Lòng nặng mãi thương hồ!
 Kiều nhà xưa đã thay hình mới,
 Hay vẫn còn nguyên dáng cũ xưa?

Nghiên đá đền Sơn có sấm rêu?
 Kinh thiên bút nọ đã lên meo?
 Muốn về nâng bút đàm nghiên đá
 Pha nước hồ Gươm viết thật nhiều.

Giấy lụa : Trời xanh trải phẳng ra,
 Bao nhiêu tứ đẹp đợi chờ ta.
 Phen này thơ múa trên Hà-nội.
 Vàng rộn kinh kỳ khúc lạc ca.

(Việt Bắc 14-3-51)

*

Xóm chợ chiều đông

Gió lạnh ủa vô chợ vắng teo.
 Dãy liễu rách rưới đứng tiêu điều
 Mái gà đất chuối còn nghe ngóng,
 Vàng cột tre rêu ngả bóng chiều.

Nắng tắt, sương mờ ôm ngọn cây,
 Co ro góc quán mỳ ăn mầy

Buồn trông vội vã người phu chợ
Vung chổi lia dài nhả bụi bay.

Khói bếp vươn mình nhẹ nhẹ lên.
Nhà nhà quanh chợ đã loe đèn.
Lá bàng trong gió rơi từng loạt,
Ech nhái xa gần mở nhạc đêm.

(Mùa đông 1946)

*

Vườn dứa

Vườn dứa có trái dứa xinh,
Có cô con gái hiền lành dễ thương,
Có nhiều gió dịu vương vương,
Xanh xanh bóng lá, rờn rờn tình quê.
Có ai về miệt Bến-tre
Hỏi thăm nàng ấy vườn kia vài lời.
Vườn em gây tự bao đời
Mà cao bóng rợp che trời trong xanh.
Dứa bao nhiêu gốc, cô mình ?
Cây bao nhiêu đọt ? Trái lành bao nhiêu ?
Hạnh về cỏ rạc nắng thiêu,
Vườn dứa xanh mướt, hiu hiu gió cười.
Êm êm luôn ngỡ chiều rơi,
Đường thôn bóng dờ, rạch ngòi quanh co.
Nước dứa mát rượi thơm tho,
Cùi dứa dịu ngọt... kẻ cho người mời.
Ở đây quên cả nắng lười,
Quên tình tráo trở, quên đời bạc đen.

Ở đây dừa mọc liền chen
 Đồ muôn bóng rợp đầu hiên cuối hè.
 Chân thành một tấm tình quê
 Sớm chiều đơn đả đi về đón đưa...

•

Xa xôi nhớ mãi vườn dừa,
 Thương về nàng ấy bấy giờ thương ai ?
 (Miền Nam, tháng sáu 1954)

★

Giềng làng

Hẹn nhau bên bờ giếng,
 Chờ nhau lúc rạng trăng,
 Nàng vâng về giải yếm,
 Chàng sửa soạn vành khăn.

Dưới trăng nàng bối rối,
 Dưới trăng chàng bán hồn,
 Nhìn nhau mà chẳng nói,
 Bốn mắt đọng trăng rằm...

Hẹn nhau bên bờ giếng,
 Chờ nhau lúc rạng trăng.
 Trăng đến, nàng không đến,
 Chàng lo buồn dăm dăm...

Nàng đã đi làng khúc,
 Theo một người khèn đen,
 Không còn nghe giọng hát,
 Bên đình lúc nguyệt lên

Ai cúi mình trên giếng ?
 Ai thả gầu múc trăng ?
 Ai cười yêu nửa miệng ?
 Tan rồi mộng gối chần !

Không hẹn bên bờ giếng,
 Không chờ lúc rạng trăng,
 Đêm đêm chòng vắn đến
 Bên giếng khóc âm thầm...

Đêm nay chàng lại đến
 Bên giếng khóc âm thầm,
 Bỗng gặp bên bờ giếng
 Đôi bóng người dưới trăng :

Nàng cũng về giải yếm
 Chàng cũng nắn vành khăn.
 Cùng nhìn nhau âu yếm,
 Bốn mắt động trăng rằm.

Giếng trăng, nơi hò hẹn,
 Giếng trăng, nơi hẹn hò,
 Từ xa xưa đến bây giờ
 Giếng làng ghi dấu bao trò hợp tan !

(1942)

*

Trở lại đồng quê

Hôm nay về trại gao hiu hiu,
 Nhìn lớp mây qua nhuộm máu chiều,
 Nhớ lại lược xưa màu đỏ thắm
 Cài trong tóc lụa xỏa liu diu.

Nhớ lại năm xưa còn ở quê,
 Chiều bên đường cô đợi trâu về !
 Em nhìn chim vút lên trời thăm
 Anh lắng điệu than trong tiếng tre.

Năm năm vội vã thoáng đi nhanh,
 Em hằng quên quê luyện thị thành.
 Lược bỏ không cài trên tóc búi,
 Cỏ đường chẳng vương gót chân xinh.

Em biếng về quê, cây nhớ nhung,
 Lúa đồng rướn ngọn đứng như mong
 Đất đường luyện tiếc bàn chân ngọc,
 Cỏ rạc ven bờ mãi ngóng trông,

Lòng rời như là cỏ rời bong,
 Tương tư ! Trại vắng rộng hơn đồng.
 Em ơi ! vui thú phần hoa mãi,
 Có biết đồng quê đang nhớ mong ?

(1942)

*

Đói

Vũ vũ thùi gia tử
 Y phé, lạp bất hoàn,
 Thúc tông nam phương lại
 Hướng ngà tiền dầu than...
 Cao-Bá-Quát
 (Đạo phùng ngạ phư)

Năm Ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi
 Giống Lạc-Hồng cực trải lấm đau thương !
 Nhưng thấy ma thất thêu đầy đường,
 Rồi ngã gục không đứng lên vì... đói !

*Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội;
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.*

*Khắp đường xa những xác đói rên nằm
Trong nắng lửa, trong bụi lầy co quắp
Giữa đồng rẻ chỉ còn đôi hố mắt
Đọng chút hồn sắp tắt của thầy ma ;
Nhưng cánh tay gầy quờ quạng khua khoa
Như muốn bắt những gì vô ảnh.
Dưới mớ tóc rối bù và kết bánh,
Một làn da đen xám bọc xương đầu.
Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu,
Má hóp lại, răng hằn sâu gớm ghiếc,
Già, trẻ, gái, trai, không còn phân biệt,
Họ giống nhau như là những thầy ma,
Như những bộ xương còn dính chút da,
Chưa chết đã bốc xa mùi tử khí !
Mùi nhạt nhẽo, nặng nề, kỳ dị.
Một mùi tanh lộn mửa thoảng mà kinh.
(Mùi tanh hơi ám ảnh mãi bên mình
Khiến cả tháng ăn không còn ngon bữa !)
Nhưng thấy đó cứ xui dần, tất thở,
Năm càng queo, mắt vẫn mở trừng trừng.
Tìu con người còn đọng lệ rung rung,
Miệng méo xệch như khóc còn đang dở.
Có thầy chết ba hôm còn nằm đó,
Ruồi tám phương bầu lại khóc vo vo...
Rồi ven đường đói nhất cuộc hừng hờ
Đắp điểm vùi những nắm mồ nông đói !*

*Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.*

Rải ven đường những nắm mộ âm thầm
 Được đánh dấu bằng ruồi xanh cô tốt.
 Có nắm mộ quá nông, trơ hài cốt.
 Mùi hôi tanh nồng nặc khắp không gian.
 Sau vài trận mưa nước xối chan chan.
 Ói, thịt rửa xương tàn phơi rải rắc !

•

Tại Hà-nội cũng như bao tỉnh khác,
 Những thầy ma ngày lết đến càng đông,
 Dem ruồi theo cùng hơi hớm tanh nồng,
 Rồi ngã gục khắp đầu đường cuối ngõ.
 Thường sớm sớm cửa mỗi nhà hé ngỏ
 Rút rè xem có xác chết nào chẳng !
 Từng chiếc xe bò bánh rít khô khan
 Mỗi sáng dạo khắp ngõ đường nhặt xác.
 Xác chõng chất lù lù như đồng rác,
 Đó đây thò khô dết một bàn chân
 Hay cánh tay gãy tím ngắt teo răn,
 Giơ chơi vơi như núm làn không khí
 Như cầu cứu, như vẫy người chú ý...
 Có hơi thở tàn thoi thóp chưa thôi,
 Có tiếng cựa mình, tiếng nấc...Nhưng tròng người
 Nhìn đắm lệ người chôn người chửa chết !
 Bốn ngoại ô mở ra từng dãy huyệt
 Được lấp đầy bằng xác chết... thương xuyên.
 Ruồi như mây bay rợp cả một miền...
 Chết ! Chết ! Chết ! Hai triệu người đã chết !

•

Họ là những người quê non nước Việt,
 Sống cần lao bên ruộng lúa, đồng khoai.

Lúa xanh rờn nhờ họ đỡ mồ hôi,
 Nước Việt sống vì mồ hôi họ đổ.
 Năm ấy, thuở Nhật Tây cùng đô hộ,
 Chúng thi nhau cướp lúa của dân ta.
 Hết lúa rồi, hết sạch cả khoai ngô,
 Hết củ chuối, hết nhũn khô cả sắn !
 Ngày giáp hạt, không còn chi gặm nhấm,
 Đói cháy lòng, đành nhá cả mo cau,
 Nhai cả bèo và nuốt cả khô dầu !
 Đói ! Đói ! Đói ! Người nhao lên vì đói !

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
 Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.
 Tạm biệt quê hương, lê gót âm thầm
 Trên rải rác mọi nẻo đường đất nước.
 Từng gia đình dắt díu nhau lê bước
 Đi lang thang mong sống tạm qua ngày.
 Đợi lúa lên hương, bông trĩu đầu cây,
 Hơn tháng nữa sẽ hồi cư, sẽ sống !
 Nhưng đau đớn, hơi ơ là ảo mộng !
 Họ ra đi hy vọng có ngày về !
 Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hơi người quê !
 Dấn là gục khắp đầu đường xó chợ !

•

Cùng lúc ấy, cũng trên đường rộn rã,
 Từng đoàn xe chuyên chở thóc vàng tươi.
 Thóc của dân đen, thóc của những người
 Đang chết đói vì thực dân cướp thóc !
 Thóc chúng cướp phần vung xài huy hoắc,
 Phần chúng đem để mục nát trong kho !
 Ôi, đau thương, chưa từng thấy bao giờ...
 Trong lịch sử chưa bao giờ từng có !

Hai triệu người, vì thực dân, lia bỏ
 Nước thân yêu, oan uổng chết đau thương,
 Trong lúc đầy đồng bát ngát, ở quê hương
 Lúa mơn mớn đang ra đồng trở tái.
 Lúa trầu hạt vàng tươi say gập bội,
 Ngọt ngào thơm báo hiệu ấm no vui.
 Nhưng người đi không về nữa, than ôi !
 Lúa chín gục, chẳng còn ai gặt hái !..

Ta nhớ mãi cái thời kỳ đen tối !
 Quên làm sao tội lỗi kẻ xâm lăng !
 Quên làm sao mối thù hận khôn cùng !
 Quên sao được hai triệu người chết đói !
 Năm Ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi
 Giống Lạc-Hồng cực trái lăm đau thương !
 Nhưng thầy ma thất thểu đầy đường,
 Rồi ngã gục không đứng lên vì... đói !

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
 Đói ở Thái-bình đói tại Gia-lâm.

(Tháng năm 1957)



ANH-THƠ

ANH-THƠ tên thật là Vương kiều n (Vương là họ cha, Kiều là họ mẹ) sinh năm 1919 tại tỉnh Ninh-giang (Bắc-piên).

Cha là một công chức, làm Đãi-lại Hành-chánh Nam-triều. Anh-Thơ học chưa quá cấp tiểu học mà đã phải thay đổi trường ba lần, Hải-dương, Thái-bình, rồi Bắc-giang. Bỏ học rất sớm, lại thích văn-chương, Anh-Thơ bước vào làng thơ tiên-chiến khoảng năm 1936, giai đoạn thơ mới đang thời kỳ vàng son.

Lúc đầu Anh-Thơ lấy bút hiệu Tuyết-Anh (thơ đăng trong báo Phương đông của Lan-Khai 1936), rồi Hồng-Anh, sau đổi lại là Anh-Thơ và cũng là bút hiệu chính thức và cuối cùng của tác giả Bức tranh quê.

Anh-Thơ đã từng cộng tác trên nhiều tạp chí xuất bản tại Hà-nội trong khoảng thời gian từ năm 1938 đến 1943, như :

Tiểu thuyết thứ năm — Ngày nay — Hà-nội báo — Phụ nữ — Bạn đường v.v...

Về thi-ca, Anh-Thơ chỉ có hai tập thơ được xuất bản, đó là: Bức tranh quê xưa. Tập Bức tranh quê do nhà Đời Nay Hà-nội ấn hành năm 1941, tập thơ Xưa là tập thứ hai, Anh Thơ cùng soạn với Bằng bá Lân, do nhà xuất bản Sông Thương Bắc-giang ấn-hành vào cuối năm 1941.

Ngoài hai tập thơ trên, nữ sĩ Anh-Thơ còn viết một quyển tiểu thuyết thuộc loại đồng quê lấy tên Rặng đen. do nhà xuất bản Nguyễn-Du ấn hành tại Hà-nội năm 1942.

Với hai tập thơ và một tiểu thuyết là sự nghiệp văn chương của nữ sĩ Anh-Thơ, vì từ đó đến nay, không ai thấy Anh-Thơ cộng tác cho tạp chí nào, cũng như không hề có tác phẩm nào khác.

Điều đáng ghi nhớ đối với tài nghiệp của nhà thơ đất Ninh-giang là năm 1939, trong một cuộc thi sáng tác văn chương do nhóm Tự lực văn đoàn tổ chức gồm nhiều bộ môn như kịch, thơ, truyện ngắn, truyện dài, hồi ký, phóng sự v. v.... tập thơ Bức tranh quê, nữ-sĩ Anh-Thơ đã đoạt giải khuyến khích về bộ môn thi ca cùng với tập thơ Nghẹn ngào của Tế-Hanh, một nhà thơ miền Trung khá nổi tiếng trong phái mới.

Về khuynh hướng thơ, nữ sĩ Anh-Thơ không giống như hầu hết các nhà thơ đương thời lấy tình yêu làm động lực chính, lấy sự ủy mị của tình cảm, sự gào thét của dục vọng làm yếu tố, ngược lại Anh-Thơ đã tạo thơ mình bằng một sắc thái riêng biệt, độc đáo: lấy thiên nhiên làm bối cảnh, lấy nếp sống nông thôn làm đề tài chính và lấy phong tục của miền thôn dã làm nguồn sáng tác.

Chính vì những điểm khác biệt ấy mà Anh-Thơ đã chiếm một chỗ ngồi khá vững trên thi đàn.

Ngày xưa, khi Anh-Thơ vừa góp mặt vào làng thơ tiền chiến bằng những bài thơ ghi lại nếp sống nông thôn, tả những hình ảnh thiên nhiên, những sinh hoạt sống thực của miền thôn dã thì đã có một số người chỉ trích, cho rằng thơ của Anh-Thơ không hợp với đường lối của số người trẻ đương thời. Tuy nhiên, đối với lập luận ấy, Anh-Thơ vẫn coi thường và không

thay đổi ý định trong đường lối sáng tác của mình, bằng chứng cụ thể là sau đó không bao lâu tập thơ Xưa (viết chung với Bằng bá Lân) được chào đời trong sự âm thầm gần như hờ hững của giới trẻ theo Âu-học. Những người yêu thơ lúc bấy giờ thích những tiếng kêu gao ái tình, sự thèm muốn yêu đương của những nhà thơ Xuân-Diệu, Lưu-trọng-Lưu, Hồ-Dzếnh, v.v.... Bởi thế, Anh-Thơ cũng như những nhà thơ ít ca tụng hoặc không ca tụng ái tình đều được ít người biết đến như một Minh-Tuyên, một Trần Huyền-Trân v. v...

Ngày nay, thời gian đã khá lâu, người ta không còn nghe giọng thơ của nhà thơ đất Ninh-giang nữa và cũng không hiểu vì sao Anh-Thơ lại im tiếng; sự sống còn của nhà thơ này cũng không được ai nhắc nhở nếu không báo là đã bị lãng quên trong tiềm thức.

Tuy nhiên, dù sao ta cũng phải nhận rằng Anh-Thơ đã có một cái gì để hãnh diện trong sự nghiệp thi ca của mình.



THÁNG 11, năm 1942, từ khi Hoài-Thanh và Hoài-Chân, hai nhà phê bình văn học đất Thần-kinh — cho ra đời tập phê bình văn học *Thi nhân Việt-nam*, trong đó hai ông đã giới thiệu Anh-Thơ và phê-bình nhà thơ này một cách đơn sơ. Từ dạo ấy đến nay, các nhà phê bình văn học ở đây gần như quên lãng Anh-Thơ, không mấy ai nhắc nhở đến nữ thi sĩ đồng quê độc nhất của phái thơ mới tiền-chiến nữa, có chăng cũng chỉ trích một vài bài thơ tiêu biểu hay chỉ một vài câu lấy lệ mà thôi.

Ba mươi năm trôi qua, sự có mặt Anh-Thơ trên thi đàn Việt-nam làm cho nền thi ca dân tộc được thêm phần nào phong phú.

Vì lẽ đó, chúng tôi thấy cần trình bày cùng quý vị vài nét đặc đáo của nhà thơ đồng áng : Anh-Thơ.

Những ai am tường về thi ca dân tộc phải công nhận rằng những vần thơ của Anh-Thơ là cái gạch nối liền về di vãng ngàn xưa để tìm hiểu thế nào là đời sống cổ truyền của người dân Việt. Mỗi bài thơ của Anh-Thơ là một hình ảnh sống thực của đất nước, một phong tục của quê hương.

Anh-Thơ là tượng trưng cho tình non, tình nước, cho quê hương xứ sở, cho đồng ruộng bao la, bát ngát. Anh-Thơ ca tụng cảnh núi đồi hùng vĩ của đất mẹ, mùi thơm của cánh đồng lúa chín, niềm vui của phiên chợ cuối năm ; những điều đó chúng ta có thể tìm được trong thi phẩm của Anh-Thơ.

Đọc *Bức tranh quê* mà ngay cả tập thơ *Xưa* cũng thế, đâu đây người ta cũng thấy những hình ảnh của nếp sống nông thôn : từ những phiên chợ chiều ba mươi ồn ào nhộn nhịp, đến ngày Tết vui vẻ của dân trẻ ngày thơ vô tư lự, nô đùa chào mừng mùa xuân mới ; rồi một hình ảnh chúc Tết, cảnh cười nói của một gia đình cùng nhau đi chúc thọ những người trong họ, một phong tục ngàn đời của người Á-đông ; hay cảnh một chiều mùa gặt, khi người quê đã làm xong việc đồng áng vác liềm hái trở về, miệng vui vẻ hát bản ca thanh bình ; rồi đến hình ảnh của một buổi trưa hè oi ả, những chiếc quạt phe phẩy cổ tình xưa đuổi cái nóng nhiệt bên ngoài ; hay một sáng sang thu, cảnh trời mát mẻ, những câu hò giọng hát vang vang, rồi đến cảnh mùa mưa nước dâng sấm chớp, cảnh bão lụt tàn phá quê hương, những giọt nước mắt vẫn dài thi nhau tuôn tràn trên đôi gò má hốc hác của những người lâm nạn, v. v... tất cả những hình ảnh đó đều được Anh-Thơ ghi lại đầy đủ bằng những nét linh động.

Đề quý vị có một ý niệm rõ rệt, chúng tôi xin trình bày những nét độc đáo của nhà thơ Vương kiều Ân một cách tỉ mỉ hơn.

Như bài *Đêm trăng xuân*, ngay phần đầu Anh-Thơ cho thấy cảnh một đêm minh mông, huyền ảo, trên cánh đồng im lặng, sương mù rơi khắp đó đây, chị Hằng bủa ánh sáng huyền diệu xuống trần gian bằng một màu vàng óng ả.

*Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.
Gió im vắng, từ từ không man mác,
Mưa bay trắng nhẹ nhẹ dật tơ vàng.*

Lối tả cảnh khéo léo, không dùng sáo ngữ, chỉ những chữ thông thường, nhưng thật hợp cảnh trí, Anh-Thơ thêm :

*Và nhẹ nhẹ trong tơ trắng phơ phất.
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn.*

Trong ánh trăng thanh, từng làn gió thoảng qua làm cho những thân tre chao mình theo ngọn gió uốn cong như chiếc đàn (đây là loại đàn bầu, khi gió thổi cây tre nghiêng cong vòng cung như cây đàn bầu).

Và trong khi đó thì :

*Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,
Những hương đào, hương lý dậy miên man.*

Cảnh vật càng đi sâu vào đêm, mọi người đều yên giấc. Trong không khí êm ả của đêm trăng gió thoảng làm cho những loài thảo mộc như hoa đào, hoa lý toả một mùi thơm dễ chịu. Ý thơ rất tế nhị, hay ở chỗ tác giả đã làm một cuộc « nhân cách hóa đảo lộn » thật khéo, nhưng chữ : *Làng xóm* (người) *say đi trong giấc ngát* mà *Những hương đào hương lý* (vật bất động) *dậy miên man*.

Đó là hình ảnh một đêm xuân, sau đây là một buổi trưa hè dưới mắt Anh-Thơ :

*Nắng đã nực, cây vườn im hơi thở,
Ngó đầy ruồi vắng bóng bướm ong qua.*

Khác hẳn với cảnh trí của đêm trăng xuân nhẹ nhàng im mát, một buổi trưa hè vào tiết tháng hai, cây vườn đứng im như bất động, trong không khí oi bức ngột ngạt của buổi trưa hè như muốn thiêu đốt mọi người lẫn cảnh vật chung quanh, trừ loài ruồi đang say nắng, ong bướm chẳng buồn qua lại.

Nhưng dù có oi ả, khó chịu thế mấy, một việc quan trọng cần phải làm là :

*Các đình chùa đã bắt đầu dựng rạp,
 Những vàng hương, mũ mã chất như non.
 Người từng lũ kéo nhau đi cầu mát.
 Mấy đêm ngày chuông trống xập xoàng luôn.*

Một tập tục thôn quê, vào những ngày đầu mùa hạ, dù cho không khí oi bức nặng nề, đã là những người ở thôn quê quanh năm sống nhờ vào mảnh đất, khoảnh ruộng, đều đổ xô đến các đình chùa vái van cầu khấn cho chóng mưa. Thật là náo nhiệt trong cái sinh hoạt tập thể ấy. Mà họ không lo âu sao được, khi :

*Trong đồng lúa cũng bắt đầu khát nước,
 Lũ gái tơ uể oải kéo dây gàu.*

Trong cảnh nóng bức như thế mọi công việc tiến hành quá chậm chạp, đồng ruộng thì « khát nước » mà lũ gái tơ lại uể oải, thậm chí việc lên tiếng chào nhau họ cũng lười biếng :

*Đã hết cả những hội hè đám rước.
 Vào việc làm họ chán cả chào nhau.*

Thật là hai hình ảnh khác biệt, một mùa xuân dễ chịu với gió thoảng, mây lành, trắng trong, cảnh đẹp ; ngược lại, hè sang thì bầu không khí trở nên nặng nề, oi bức ; người vật đều uể oải.

Qua hai hình ảnh trên, chúng ta thấy Anh-Thơ tỏ ra xuất sắc trong lối tả cảnh mà lại là những cảnh đối chọi nhau nhưng vẫn luôn luôn bám vào đề tài đã gợi ra.

Cái hay của Anh-Thơ là đã khéo đem những hình ảnh sống thực vào thơ của mình. Mỗi bài hay mỗi câu thơ đều phản ánh trung thực cho ngoại cảnh trong mọi khía cạnh mà tác giả muốn trình bày.

Nhà tiểu thuyết gia lừng danh của Pháp, Guy de Maupassant đã nhận định về nghệ thuật viết văn như sau :

« Làm văn, thi sĩ không phải là khó, mà chính cái khó nhất là phải làm thế nào nói lên được tất cả sự thật những gì mình muốn nói, trình cho kỳ được những giọng ép gĩa tạo, kìm g

p'idi nói lên bằng văn mà đã, trái lại phải nói lên bằng những hình ảnh chúng ta thừa hiểu những người viết văn, làm thơ hay là những người đã khéo chọn những hình ảnh sống thực, đ'c đảo để làm hình ảnh đem vào thơ và văn của mình. Chỉ có thế, nếu làm được như thế, chắc chắn người đó sẽ thành công không khó trên địa hạt văn-chương.»

Lời nói đó đã được chứng minh một cách cụ thể qua thơ văn của Anh-Thơ và chính Anh-Thơ đã thành công trong thơ văn của mình cũng là thế.

Đây, chúng ta thử đi vào thế giới của Anh-Thơ một cách rộng rãi hơn, ta hãy nghe Anh-Thơ tả lại cảnh nhộn nhịp của một ngày xuân :

Lũ con gái rộn ràng cười, nói nói...

Khoe hàm răng đen nhánh, mặt đỏ tình.

hay :

Trong vườn đào đã nhiều bông nở đỏ,

Và đã nhiều nêu dựng khánh khuê thi.

Đó là cảnh nhà nhà vui trong ngày giáp Tết, và đây cảnh dọn dẹp sửa sang để đón mừng xuân :

Và rất nhiều ông già ngồi lau quét,

Trước bàn thờ thành kính thấp tuần nhang.

Trong khi ấy tiếng lợn kêu eng éc,

Khắp xóm làng lẫn tiếng chưởi nhau vang.

Thật là xôn xao ! ai ai cũng đều lo trang hoàng nhà cửa để đón chào năm mới, cảnh sinh hoạt thật bất thường. Và nhìn xa hơn nữa :

Trên sông nước trong khoang thuyền chở vội,

Giữa những người về tết chuyện ba hoa.

Một lũ khách lạnh lùng ôm chần gối.

Mắt mơ màng nhìn tiếng pháo xa xa.

Hình ảnh thật nhẹ nhàng nhưng nổi bật khung cảnh rộn ràng của ngày Tết. Từ cảnh trên sông nước những chiếc thuyền chở khách vội vàng về hưởng ba ngày xuân,

họ bông đùa, cười cợt như trút bỏ những lo âu khổ cực sau bao ngày lưu lạc. Chúng ta hãy lưu ý đoạn thơ này : trong cái vội vàng hối hả, nói cười nhộn nhạo ở hai câu đầu (*Trên sông nước trong khoang thuyền chở vội. Giữa những người về tết chuyện ba hoa*), Anh Thơ cho chen vào một hình ảnh tương phản (*Một lữ khách lạnh lùng ôm chầm gối. Mát mướt màng nhìn tiếng pháo xa xa*) mà không ngược ngạo, lại còn gợi một niềm băng khuâng là khác.

Thêm một khung cảnh đặc biệt về Tết trong một đêm giao thừa trang nghiêm, đây về trọng đại :

*Trời tối quá, bên ngoài trời tối quá,
Nhưng cây nêu tiếng khánh khẽ khua thăm.
Những cung vôi trong sân như mờ xóa
Những giấy điều trước cửa dán đen thẫm.*

« Trời tối quá, bên ngoài trời tối quá », những điệp tự được lặp lại cho chúng ta thấy cái đêm cuối năm tối một cách khác thường ; nếu đã được dựng lên, tiếng khánh khẽ khua theo nhịp gió đông đưa. Những cung vôi, những giấy điều dán làm phép lành trong dịp Tết, chỉ bốn câu, Anh-Thơ đã khéo léo trình bày một tập tục ngày xưa, đầy đủ nêu cao, khánh đồng, cung vôi, tên cổ tượng trưng cho sự tiến thân trên đường công danh, theo đúng câu tang bồng hồ thủy. Và đây, cảnh náo nức của mọi người trước giờ giao thừa :

*Quanh bếp ấm nồi bánh chưng sùng sục,
Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn.
Đi nhón mớ chiếc váy sồi đen rút,
Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.*

trong khi đó :

*Bỗng tiếng pháo dẹt dưng xa nổ báo,
Ngoài đình trung làng đã tể giao thừa.
Cả nhà vội giật mình không ai báo,
Cùng đứng lên thắp bánh chín hay chưa.*

Đọc hết những đoạn thơ trên, chúng ta thấy Anh-Thơ có con mắt quan sát khác thường. Với những câu :

Những cây nêu tiếng khánh khê khua thềm,

Những cung vôi trong sân như mờ xóa.

Những giấy điều trước cửa dần đen thẫm.

và những chữ : *Nồi bánh chưng sùng sục; Thằng cu con đại mắt cổ chờ ăn; Bà lão năm tinh tuổi sắp lên năm; Bỗng tiếng pháo deton đùng v.v...* là những chữ nổi bật nhất trong bài thi, Anh-Thơ đã có cái nhìn thấu đáo, tinh vi khiến người đọc cảm thấy sự vật đang diễn biến trước mắt và đập mạnh vào tiềm thức.

Như chúng ta thừa hiểu người dân nông thôn có cái lo âu thường xuyên là thiên tai tàn phá, những cảnh lụt lội, đông bão, hạn hán. Ở đây Anh-Thơ trình bày một hình ảnh của một mùa đại hạn qua bài thơ :

Nắng, nắng, suốt trời vàng giãi nắng,

Gió theo mây không biết trốn phượng nào.

Vườn chuối rũ héo dần trong im lặng,

Những rau bèo chết cạn ở trong ao.

với bốn câu mở đề, cảnh « *vườn chuối rũ héo dần trong im lặng* », « *những rau bèo chết cạn ở trong ao* » cho ta hình ảnh cái nắng nung người, khiến ta có cảm tưởng như mình đang sống trong một lò lửa.

Phần thứ hai, Anh-Thơ thêm :

Ngoài đồng ruộng lúa vàng khô cháy xác,

Nắng chang chang không một bóng râm chừa.

Chó điên dại chạy rong tìm chỗ mát,

Trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa.

Trình bày một cảnh nắng cháy xác lúa, chó điên rong chạy, cho đến « *trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa* », đã cho ta sự liên tưởng đến cái hậu quả tai hại của ngày đại hạn.

Và đây cảnh của một vụ lụt :

*Đê đã vỡ một đêm mưa tầm tã.
Nước băng xô ðạt chảy trôi đồng.
Làng xóm lụt chìm đi trong mái rạ,
Bao cây vườn mất tích giữa mênh mông.*

hay :

*Nhưng dưới nước lững lờ theo tiếng quạ,
Bao thân người vờ vẩn giữa dòng sông.*

Một thảm cảnh đau thương ! nạn lụt tàn phá, nhà cửa bị chôn vùi trong lòng nước đỏ, những người xấu số bị nước cuốn trôi. Sau khi nạn lụt qua, cảnh vật thật tiêu điều xơ xác, thi hài kẻ bạc mạng còn phơi bày khắp đó đây, những đàn quạ bay lượn trên không để tìm thịt rĩa. Thật không còn gì đau xót hơn bằng ! Dưới ngòi bút của Anh-Thơ, cảnh vật được thể hiện tuần tự và đầy đủ. Nét nhìn tinh tường đó đã khiến cho ta thêm phục mắt quan sát của Anh-Thơ.

Xuyên qua tập thơ *Bức tranh quê*, không ai phủ nhận sự nhận xét tinh tế của Anh-Thơ, nhưng có nhiều người chê Anh-Thơ làm thơ như ta chụp ảnh, những bức ảnh khô khan.

Về điểm này, trong *Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại quyền x của Đảng bá Lân* có ghi : « Vâng, thì chụp ảnh, nhưng chụp ảnh mà được những tác phẩm như trên đây thì tưởng trong văn chương Việt - nam cũng nên — hơn nữa — cũng cần có những nhà thơ chụp ảnh như vậy. »

Bàng quân thêm : « Với những người ấy, tôi xin đứng trên cương vị của một nhiếp ảnh gia có một đôi chút kinh nghiệm mà thưa rằng : Chụp ảnh không phải chỉ làm một việc có tính cách máy móc. Phải là một nghệ sĩ thực tài mới khám phá được giữa cái hỗn độn tầm thường của sự vật, những dáng hình kêu gọi và truyền cảm. Khám phá được rồi, lại phải lẹ mắt lạnh tay mới có thể ghi kịp, nếu là một cảnh hoạt động. Và lại phải có kỹ thuật và nghệ thuật vững chắc già giặn mới có thể, trong chớp mắt, vừa bố cục vừa điều khiển ánh sáng để

làm cho ảnh linh động có tinh thần. Ấy là chỉ mới nói có việc thấu hình, phải làm bao nhiêu công việc phải làm trong buồng tối đòi hỏi — ngoài kỹ thuật vững vàng — một nghệ thuật sâu sắc, một khiếu thẩm mỹ tế nhị mới tạo nên được một tác phẩm mỹ thuật khá đi làm đẹp mắt và rung cảm được người xem. Trái lại thế, người chụp ảnh chỉ sản xuất được những « tấm hình chết », vụn vặt, không hồn.

Riêng chúng tôi xin mạn phép góp một ít ý kiến về nhà thơ đất Ninh-giang :

Về thể thơ, Anh-Thơ thường làm theo lối 8 chữ, 3 đoạn, mỗi đoạn 4 câu ; hầu hết mỗi bài đều trong vòng 12 câu, có bài vượt quá số đó, tuy nhiên ta có thể đếm trên đầu ngón tay.

Khác với những nhà thơ chỉ hay khóc cho mối tình tan vỡ, cảnh biệt ly hoặc ca ngợi tình yêu nồng cháy v.v... Anh-Thơ chỉ nhắm một chủ đề chính là đồng quê và phong tục. Đọc Anh-Thơ, người thành thị sẽ có ý niệm rõ rệt về nếp sinh hoạt sau những lũy tre và cảm thấy thích thú về sự tăng bồi hiểu biết của mình, nó tương tự mối khoái cảm của những trẻ con ở trong thành phố kỹ nghệ quanh năm chỉ thấy ống khói và khói mù, hân hạnh khi được người ta trình trọng tổ chức cho chúng lần đầu tiên gặp mặt... một con bò bằng xương bằng thịt vậy.

Những vần thơ của Anh-Thơ là những bức tranh tả chân trong sáng, rõ rệt và linh động như cảnh thật ; nó không phải là những bức « ảnh chụp » mà là một chuỗi hình ảnh linh động như một cuộn phim về hoạt cảnh được quay liên tục trước mắt ta. Mà đạt đến trình độ này đâu phải bất cứ ai cũng làm được.

Có điều, tác giả *Bức tranh quê* đã dệt những vần thơ đơn sơ, tuy gói ghém được cả nếp sống của dân tộc nhưng vì quá tôn trọng tinh thần cảnh vật cũng như hoạt cảnh mà không hòa hợp sự rung động phải có của một thi nhân, nên đọc Anh-Thơ chúng ta « thấy » nhiều hơn là « cảm ».

Diềm nữa, Anh-Thơ ít khi dùng đến nội tâm. Khảo sát suốt mấy chục bài thơ, chúng tôi chỉ bắt gặp được có một

chữ «Ta» (một đối tượng có khả năng rung động trước cảnh), nhưng rất tiếc cái «Ta» của Anh-Thơ lại rung động vì một cái trùu tượng : «*Ta nhớ Nàng Thơ xưa yêu mến.*»

Giả sử Anh-Thơ chịu gởi hồn thơ, hay nói đúng hơn, cái cảm xúc vào tiếng thơ của mình, có lẽ Anh-Thơ sẽ tạo được hơn những gì hiện có.

Cũng cùng một khuynh hướng thi ca đồng quê, nhưng chúng tôi lại thích thú được rung cảm theo tiếng thơ của Bằng bá Lân hơn.

Xin trích dẫn hai bài thơ của hai tác giả đồng quê cũng đứng trước một cảnh như nhau, mặc dù đề tài của Anh-Thơ dễ gợi cảm hơn :

Vườn xưa

(của Anh-Thơ)

Kính lộng hương hồn Bác tôi

*Đây một giàn lan che bóng lan,
Đăm thân từng trúc đứng nghiêm hàng.
Vài hòn non bộ, nhiều đêm vắng.
Biên cạnh đầy trắng, cá đớp vàng.*

*Và khi vườn chủ tóc như sương
Gậy trúc lang thang dạo khắp vườn.
Là lúc hồn thơ say ý rượu,
Tìm hồn hoa lạc dưới trăng suông.*

*Rồi cả vườn cây nghe tiếng ngâm,
Nâng cao hồn mộng quỳ hương trầm.
Sau khi gót hạc dừng hiên nguyệt,
Chén rượu hòa trăng rót mãi vần.*

*Nhưng nay lạnh lẽo bóng trắng sang,
Lan héo lòng hoa, trúc vỡ vàng.
Cá chẳng đùa trăng, trong biên cạnh
Vài hòn non bộ đứng cư tang.*

Vì chưng vườn chủ tóc như sương,
 Gậy trúc chiều qua đã dất đường
 Thơ rợp say về tiên giới ấy,
 Vườn xưa để lạnh bóng trăng sương !
 (Hàn)

*

Trở lại đồng quê

(của Bằng bó Lan)

Hôm nay về trại gió hiu hiu,
 Nhìn lớp mây qua nhuộm máu chiều,
 Nhớ lại lược xưa màu đỏ thắm
 Cài trong tóc lụa xòa liu diu.

Nhớ lại năm xưa còn ở quê,
 Chiều bên đường cỏ đợi trâu về :
 Em nhìn chim vút lên trời thắm-
 Anh lắng điệu than trong tiếng trê.

Năm năm vội vã thoáng đi nhanh,
 Em nhãng quên quê luyện thị thành-
 Lược đỏ không cài trên tóc búi,
 Cỏ đường chàng vướng gót chân xinh.

Em biếng về quê, cây như nhung,
 Lúa đồng rướn ngọn đứng như mong
 Đất đường luyện tiếc bàn chân ngọc,
 Cỏ rạc ven bờ mãi ngóng trông.

Lòng rồi như là cỏ rồi bông.
 Tương tư ! Trại vắng rộng hơn đồng.
 Em ơi ! Vui thú phồn hoa mãi,
 Có biết đồng quê đang nhớ mong ?

(Tiếng vọng đưa)

Có phải các bạn cảm thấy một tình cảm lằng lằng không ?
Bằng bá Lân hơn Anh-Thơ là ở đó.

Chúng tôi không có ý so sánh để phân đẳng cấp mà
đề trình bày các bạn thấy sự đòi hỏi một tình cảm cần
thiết trong thơ.

Và đây, chúng tôi xin nêu thêm một thí dụ để chứng
minh cho lập luận trên trong một bài thơ dịch mà chúng
tôi mang máng nhớ tựa đề :

Viếng nhà tổ phụ

Mấy năm chẵn nợ trần đeo đuổi
Nơi xứ người tạm gởi tấm thân.
Về thăm tổ quán một lần,
Đoái xem quê cũ tấm lòng xót xa.
Dạng xa xa thấy nhà tổ phụ
Dưới chòm cây bao phủ chung quanh,
Cây sao cây lại rủ nhành
Hay là sấu chủ, lòng thành của người.
Bước một bước càng khơi tắc dạ ;
Nào vô nhà đây lá héo khô,
Xưa kia xe ngựa ra vô,
Dập dờn những khách rượu Tô thi thần.
Nay dấu ngựa về rong đã đóng,
Khách thi thần đâu vắng ai ơi !
Trở trâu chi lắm, bớ trời !
Đời xoay, xoay đời khiến người châu sa-
Kìa trước mắt vườn hoa chốn cũ,
Mấy nhành hường lá ú, bông khô.
Hường ơi, có biết có ngờ,
Có hay tiêu chủ bây giờ về thăm.
Bước vô cửa, nhà sao lạnh ngắt,
Nhìn vật xưa như cát tấm lòng.

Tư bề lướt nhận bữa giăng,
 Lòng ta bí thăm vui chẳng, bớ trời !
 Lau giọt lệ, vào nơi viễn khách,
 Thơ xưa đề trên vách ở mô ?
 Đây là chỗ ngủ năm xưa.

Này nơi mẹ thác, chỗ đưa em nằm.
 Chân rảo bước ra thăm phần mộ,
 Thấy xanh vàng ngọn cỏ phất phơ.
 Mẹ ơi ! chín tuổi có ngờ

Con nay khôn lớn dật dờ về thăm.
 Nghe tiếng dế đờn Nam lãnh lót,
 Hay vì ta người khóc dế ơi,
 Hay vì chích bạn lẻ đôi,

Hay vì lạc ò, ngụ nơi mộ phần ?
 Ôi cảnh thăm ruột trăm chiều rồi !
 Nghĩ năm xưa thêm tủi tấm lòng.

Càng xem càng giận Hóa-công
 Sanh chi trên thế khiến phần gian nan.
 Đang tức tử người than ngậm thở,
 Tiếng thu không tỏ mở bên làng
 Ngước lên xem thấy bóng trắng,
 Khăn lau nước mắt lui chân ra về.

Đọc xong, các bạn có cảm thấy rung động đến một cao độ hơn ?

Chúng tôi cũng biết thật không phải khi nhận xét một nhà thơ này mà lại đem một nhà thơ khác để so đo.

Sự nghiệp thi ca của Anh-Thơ là tập *Bức tranh quê* đã được giải khuyến khích về bộ môn này cùng với tập *Nghen ngào* của nhà thơ Tế-Hanh cho ta thấy Anh-Thơ chỉ giữ một địa vị khiêm nhượng trên thi đàn Việt-nam thời tiền chiến.

Đề giúp quý bạn hiểu rõ thêm trong hoàn cảnh nào đã

tạo ra nhà thơ đất Ninh-giang, chúng tôi xin nhường lời cho Hoài Thanh :

« Một hôm tôi nhận được bức thư đề : M. Hoài - Thanh, professeur, l'Institutur Thuận-hóa. Tôi đã không dám khinh thường người viết thư mà lại còn kính phục thêm nữa. Vì tôi biết người viết thư là một nữ thi sĩ có danh : Anh-Thơ. Đã đành hay thơ Việt không cần phải giỏi tiếng Pháp. Nhưng trong tình thế nước ta bây giờ một người thiếu niên muốn có một nền học vấn vừa vừa mà không cần đến tiếng Pháp quả là một thiên nan vạn nan. Cứ xem văn của Anh-Thơ ai cũng bảo là người có học. Thế mà cái lối viết rõ ràng và chắc chắn ấy, Anh-Thơ không từng học được tiếng Pháp. Càng kính phục người, ta càng mừng cho nền quốc văn. Quốc văn ta ngày một thêm phong phú và hiện nay đã có thể làm lợi khi đào luyện tinh thần cho một người như Anh-Thơ ».

Như vậy chứng tỏ Anh-Thơ là một thi tài kết tinh bằng một sự cố gắng vượt bậc, một sự trui rèn tinh thực trong loại thi ca đồng quê và phong tục, gọi cho ta ý niệm được nếp sống cổ truyền, những hình ảnh sống động từ ngàn xưa đã và đang diễn biến trên đất nước này.

(Ấn bản kỷ nhì, 8-1968)



Chi tuyến

Đại hạn

Nắng, nắng, suốt trời vàng trải nắng.
Gió theo mây không biết trốn phương nào.
Vườn chuối rũ héo dần trong im lặng,
Những rau bèo chết cạn cả trong ao.

Ngoài đồng ruộng lúa vàng khô cháy xác.
Nắng chang chang không một bóng râm chừa.
Chó diên dại chạy nhông tìm gió mát,
Trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa.

Rời chiều đến khi mặt trời lặn đỏ,
Mây phương đoàn tẩm rục một bên sông.
Các cô gái đưa nhau thăm ruộng nở,
Cuộn dây gàu chán nản tát đồng không.

*

Chiếc nón quai thao

Tua óng tơ ngà tha thướt gió,
Vành vàng lá lụa nắng tươi xinh
Khuôn hoa e lệ trong khuôn nón,
Sạy mắt chàng trai liếc gửi tình.

Nhưng lép cong nghiêm bước thẳng đường,
Đâu ngờ tơ nón gió vương vương.
Chàng vẽ, một đám sầu xa vắng...
— Cả một trời xuân nhạt nắng hường!

*

Rằm tháng bảy

Gió hiu hắt gieo vàng muôn cành lá,
 Trời âm u mây xám bóng sương chiều.
 Làng xóm ngập nhà nhà trong khói tỏa,
 Vẳng đưa lời khóc mả lạnh hiu hiu.

Trong chùa, điện hương đèn nghi ngút sáng,
 Tiếng mõ, chuông hòa nhịp trống bên đình.
 Lời cầu cúng truyền theo làn khói thoảng.
 Quyển cô hồn nương gió lại nghe kinh.

Ngoài dề rộng bờ dài nghiêng đồi chảo,
 Lễ chúng sinh từng bọn một ăn mảy,
 Cũng lẳng lẳng như bóng ma buồn nảo,
 Đất nhau tìm nơi cúng dề xin may.

*

Vào hè

Nắng đã nực, cây vườn im thở gió,
 Ngõ dầy ruồi, vắng bóng bướm ong qua.
 Tiếng cuốc gọi chiều chiều vang bụi cỏ.
 Và chiều chiều đom đóm rủ nhau ra.

Các đình chùa đã bắt đầu dựng rạp,
 Những vàng hương, mũ mã chắt như non,
 Người từng lũ kéo nhau vào cầu mát,
 Mấy đêm ngày chiêm trống chập choeng luôn.

Trong đồng lúa cũng bắt đầu khát nước.
 Lũ gái tơ uề oải kéo dầy gàu.
 Đã hết cả những hội hè đám rước,
 Vào việc làm. Họ chán cả chào nhau.

*

Đêm đông tờ

Mưa ồ ạt suốt trời tuôn đổ thác,
 Gió gầm gào khắp đất quật cây lên.
 Sấm náo động cả trời mây tan tác,
 Thoảng ánh lờn tia chớp vụt soi đêm.

Đêm bí mật bỗng bừng trong sợ hãi,
 Những tà ma luống cuống chạy quanh đồng
 Sét thịnh nộ từ trời cao giáng lại,
 Và mưa cầm, và gió giật cây rung.

Khắp làng xóm nhà nhà xiêu tốc mái,
 Mưa như tên vun vút bắn tung hoành,
 Từng hồi ốc rú dài trong sợ hãi,
 Trong gió gầm riu rít lũy tre xanh.

*

Chiều ba mươi tết

Trời lún phún mưa xuân, đường các ngõ.
 Lắm những bùn và dầy những người đi.
 Trong vườn đào đã nhiều bóng nở đỏ,
 Và đã nhiều nêu dựng khánh khua thì

Và rất nhiều ông già ngồi lau quét
 Trước bàn thờ thành kính thấp tuần nhang.
 Trong khi ấy tiếng lợn kêu eng éc,
 Khắp xóm làng lẫn tiếng chửi nhau vang.

Trên sông nước, trong khoang thuyền chờ vợ,
Giữa bốn người về tết chuyện ba hoa.
Một lữ khách lạnh lùng ôm khăn gói,
Mắt mơ màng theo tiếng pháo xa xa.

*

Đêm ba mươi tết

Trời tối quá ! Bên ngoài trời tối quá !
Nhưng cây nêu, tiếng khánh khẽ khua thăm.
Nhưng cung vôi trong sân như mờ xóa,
Nhưng giấy điều trước cửa dán đen thăm.

Quanh bếp ấm, nồi bánh chưng sùng sục,
Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn.
Đi nhón mớ chiếc váy sồi đen rức,
Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.

Bỗng tiếng pháo dẹt dưng xa nổ, báo,
Ngoài đình trung làng đã tể giao thừa.
Cả nhà vội giật mình không ai báo,
Cùng đứng lên thăm bánh chín hay chưa.

*

Ngày tết

Trước cổng làng chòm nêu vừa thức gió,
Bụi mưa phùn đã đổ xuống sân vôi.
Tràng pháo chuốt đua nhau đi dẹt nổ,
Xác giấy hồng bấn cả cánh hoa rơi.

Trong nhà đồ bàn thờ nghi ngút khói.
 Những đàn bà tíu tít chạy bùng mâm.
 Lũ con trẻ vui mừng thay áo mới,
 Bên ông già hương nển quá chuyên tâm.
 Ngoài đường ngõ bùn lầy theo nước chảy,
 Thằng cu con quần đỏ cười lưng bà.
 Các cô gái đội vàng hương ôm váy,
 Miệng tươi cười mừng tuổi những người qua.

*

Bến đò ngày phiên chợ

Trời mới sáng, sông cùn yên nước lắng,
 Mấy vì sao thưa thớt đứng soi hình.
 Tiếng hò dờ đã vang trên bến lặng,
 Trong sương mù chèo động sóng lung linh.
 Thuyền ghé bến người người chen chúc xuống,
 Tiếng chó kêu, lợn hét nổi vang lưng.
 Với tiếng người ồn lên trong luống cuống,
 Đặt gánh gồng bờ bịch đồ lung tung.
 Và cứ thế, dờ dầy rời khỏi bến,
 Bấc lái thuyền diêm tĩnh ngắt sương tan.
 Sốt ruột nhất những người đi lơ chuyển,
 Đứng xếp hàng ngong ngóng đợi đò sang.

*

Chợ mùa hè

Trời loé nắng, chợ vào đầy những nắng,
 Đầy những người chen chúc hợp... mở hội.
 Các mẹ bún bầy ruồi không hờ trắng,
 Các sàng dừa bán nhặng kín xanh tươi,

**Đây, góc quán bà già ngồi rũ nóng,
Kìa cửa lều ông lão quẹt khăn tay.
Chó le lười ngồi thờ nhìn cũi đóng,
Lợn trời nằm hồng hộc thờ căng dầy.**

**Trong khi ấy tiếng reo hò nhốn nhác,
Nhường hàng chè, hàng nước chạy va nhau.
Nhưng đắt nhất có chị hàng bán quẹt.
Ngồi trước đình, không kịp đếm tiền xâu.**

*

Chiếc cáng thơ

Kính tặng Bà Huyện Thanh-Quan

**Núi chập chùng cao nước uốn quanh,
Bãi dâu ngăn ngắt giải màu xanh.
Nhìn xa non nước chiều thu vắng,
Một mảnh tình riêng với một mình.**

**Ta nhớ Nàng Thơ xưa mến yêu,
Chiều xuân dùng đỉnh cáng yêu kiều.
Trao hồn man mác tình non nước,
Nhưng vận thơ vàng phôi phới gieo.**

**Nào buổi Dèo Ngang bóng xế tà ;
Hoàng hôn theo mỗi cánh chim xa.
Thăng-Long dừng bước trông hoài cổ,
Trần-Võ trầm bay trước Phật tòa,**

**Non nước giờ đây dậy ý thơ,
Mà người non nước gió sương mờ.
Ta nhìn xa vắng còn như thấy
Dùng đỉnh nàng đi chiếc cáng thơ.**

*

Đêm trăng xuân

Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.
Gió im vắng, tự từng không man mác,
Mưa bay trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng.

Và nhẹ nhẹ trong tơ trắng phơ phất,
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn,
Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,
Những hương đào hương lý dậy miên man.

Ngoài sông nước, thuyền im về đỡ ngủ,
Mưa mênh mông, trăng xuống, gió lơ bời,
Bến bỗng nổi một dịp cười như rú
Sông rừng mình, nước rợn bóng ma bơi.

*

Buổi gặt chiêm

Mặt trời lặn, mây còn tươi rắng đỏ,
Cò từng đàn bay trắng cánh đồng xa.
Tiếng diều sáo véo von cùng tiếng gió,
Hòa nhịp nhàng giọng ả hát dẫu ca.

Trong đồng lúa tươi vàng bông rủ chín,
Những trai tơ từng bọn gặt vui cười.
Cùng trong lúc ông già che nón kín
Ngồi dẫu bờ hút thuốc thời từng hơi.

*Trên đê trắng, chồm đầu phơ phất gió,
 Lũ cu con mê mãi chạy theo điều,
 Bỏ mặc cả trâu bò nằm vệt cỏ,
 Mắt mơ màng trong gợn gió hiu hiu.*

(Bức tranh quê)

*

Chiều xuân

*Mưa đổ bụi êm dềm trên bến vắng,
 Dò biểng lười nằm mặc nước sông trôi.
 Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng,
 Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.*

*Ngoài đường dẽ cỏ non xanh biếc cỏ,
 Đàn sáo đen sà xuống mỏ vu vơ.
 Mấy cánh bướm rập rờn bay trước gió,
 Những trâu bò thông thả cúi ăn mưa.*

*Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
 Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra.
 Làm giật mình một cô nàng yếm thắm,
 Cúi cúi cào cỏ ruộng sắp ra hoa.*

(Bức tranh quê)

*

Bên đò ngày xưa

*Tre rũ rượi ven bờ chen ướt át,
 Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa.
 Và dềm mưa dòng sông trôi dào dạt,
 Mặc con thuyền cắm lái đứng trơ vơ.*

Trên bến vắng đắm mình trong lạnh lẽo ?
 Vài quán hàng không khách đứng xo ro.
 Một bác lái ghé buồm vào hút điếu,
 Mặc bà hàng xù xự sặc hơi, ho.

Ngoài đường lội hạp hoản người đến chợ,
 Thúng đội đầu như đội cả trời mưa.
 Và lạp hoản một con thuyền ghé chờ,
 Rồi âm thầm bến lại lặng trong mưa.

(Bức tranh quê)

*

S á n g h è

Gió man mát bờ tre rung tiếng sủ,
 Trời hồng hồng đáy nước lửng son mây ;
 Làn khói xám từ nóc nhà lạng lẽ
 Vươn mình lên như tỉnh giấc mơ say.

Người dậy cả, bà già lặn thoi bếp,
 Thằng cu con dụi mắt quét quàng sân,
 Cùng trong lúc gà lông kêu chiếp chiếp,
 Và lợn chuồng ủ ủ giục cho ăn.

Trong ao nước bèo chen rau muống nổi ?
 Mẹ rồi con xắn váy chổng mông, và
 Người vớt bèo, người khều rau hái vội,
 Vì trên đường lên chợ đã người qua.

(Ngày nay, số 219, 3-8-1940)

*

Trưa hè

Trời trong biển không gian mây gợn trắng,
 Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa;
 Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng,
 Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.

Trong thôn xóm tiếng gà thưa thót gáy,
 Các bà già nằm võng hát, thiu thiu.
 Nhưng dĩ con ngồi buồn lê bắt chấy,
 Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi kêu.

Ngoài đồng lúa, vừa ngang tay tát nước,
 Bọn đàn ông lên quán quạt luân hồi,
 Cùng trong lúc trên đường vòng phía trước,
 Nhưng đàn bà về chợ tắm mồ hôi.

(Ngày nay, số 219, 3-8-1940)

*

Xuân quê

Lúa mượt đồng xanh nổi trắng cò,
 Dừa dài sông lựu dẹt mưa tơi
 Làng xa trong lũy làng biêng hiếc
 Nên lặng xuân về khách lữ ngại lơ.

Trời ửng hoa đào, đất sáng mai,
 Vàng trong hoa cải bướm bay dơi
 Vườn bên đây tảo hôn xao nắng
 Thấy thoáng bay hồng giải yếm ai.

Pháo rục còn vương ngõ hững hờ,
 Bên rào loảng thoáng khói bay mờ.
 Có người qua xóm nhìn ngọn mắt,
 Xuân chín trên cành cam lẳng lơ.

(Hương xuân, 1943)

*

Đêm ba mươi tết gửi Ai Mai

*Đêm ba mươi tết một năm xưa,
Đề mặc mình mẹ dọn án thờ
Chị rửa em ra gương thử áo,
Cùng cười sung sướng với ngầy thơ.*

*Khi thấy mẹ kêu : rõ gái lười,
Chỉ chăm trang điểm đề đi chơi.
Nhưng mẹ vẫn phải nhìn âu yếm,
Con gái mẹ cùng lớn cả đôi.*

*Đêm nay cũng lại đêm ba mươi
Chị đã cùng em lặng ngậm ngùi.
Dọn án thờ mẹ và chị nhớ
Đôi đầu khăn trắng thắt ngang thôi !*

*Đêm ba mươi tết một năm xưa,
Chị đã cùng em dọn án thờ
Chị đã cùng em ngồi khóc mẹ,
Khóc ngày êm ấm buổi ngầy thơ.*

*Đêm nay cũng lại đêm ba mươi,
Trước án thờ mẹ chị ngậm ngùi,
Hương khói một mình, em sớm đã
Theo chồng xum họp chốn xa xôi !*

(Hương xuân, 1943)

Nàng tiên

Đó là một hình dung trang kiều diễm
 Của trần gian mơ tưởng tự ngàn xưa.
 Khi bình minh sương trêu cánh hoa tơ
 Nghìn sông suối tràn tuôn dòng ánh sáng.
 Khói đã cuốn những mảnh hồn lơ lửng
 Gió đem về tất cả ánh hương xa.
 Khi hoàng hôn sương lấp loáng dương tà.
 Trăng lệ bóng hên mảnh tơ liễu biếc
 Lá úa rụng đầy quảng đường nhớ tiếc
 Vội lòng hồ tràn ngập ý băng khuâng.
 Họ đợi nàng đem tiếng trúc cao nâng
 Những cảm giác nhiệm mầu lên phơi phơi.
 Tiếng trúc ấy khi lửng lơ bên sườn núi
 Nương gió chiều xa lướt những thanh âm.
 Khi chơi vơi trên những áng mây vờn
 Và trầm lắng trong tâm hồn thương nhớ.
 Nhưng gặp nàng riêng có người nghèo khổ
 Những tiêu phu mục tử chốn hoang vu
 Những đêm buồn theo rơi ánh trăng lơ
 Cùng chán nản trở về lầu trống trải ;
 Họ thường được nghe những lời từ ái
 Của lòng thương tha thiết tặng cơ hàn
 Mà người đời đem kể trong văn chương
 Như những chuyện tình duyên trong điểm tưởng.
 Tuy họ biết trong khoảng trời vô lượng
 Với muôn nghìn thanh sắc quyến mê say.
 Tâm tình nàng man mác như gió mây
 Vượt qua hết muôn cõi lòng rộng rãi.

(Hương xuân, 1943)

Sớm hè

*Chuông dậy reo vang gác giáo đường,
Rặng đèn ngơ ngác tắt trong sương
Vài ba xe sớm qua như gió
Đường rặng dần lên mỗi quãng đường.*

*Nhà mở dần ra các cửa then,
Hàng hàng tủ kính nhạt tia đèn.
Những nàng con gái chưa son phấn,
Uề oải ra ngồi giữa lũ em.*

*Chim chóc bay truyền sau phố vắng,
Chòm cây lấp lánh nắng pha sương.
Từng anh, từ trẻ đầu soi nắng,
Nhất chồi dài theo dọc vệ đường.*

(Trích trong tập *Thị thành*)

*Trong lúc đường lên bao rộn rã,
Sen hồng từng gánh mát hương tươi.
Có cô trò nhỏ đi thông thả,
Nhớ một ao quê ngập nắng trời.*

*

Nắng

*Phố rải trang trang nhựa chảy đường,
Từng làn bụi trắng tỏa như sương.
Ngựa xe rộn rịp vào chen nắng,
Tủ kính hàng ai chói bóng gương.*

*Ve núp cành xanh ngốt tiếng kêu
Liều xa không chút gió buông chiều
Chòm xoan ngùn ngụt rời hoa lửa,
Khắp mái nhà cao nắng lợp đều.*

Hồ thăm trời xanh nước loáng gương
 Mây xa, dây thép đứng chẳng đường
 Êm êm phố vắng cây đan lưới,
 Nắng lọt cành thưa nháy nhót tường.

Ga vắng mênh mông chẳng bóng người
 Chân trời vương chút khói xa xôi
 Từng con đường sắt dài trong nắng
 Mơ một toa tàu chở gió khơi.

(Hương xuân, 1943)

*

Nhớ dài

Tàu đi trong bóng hoàng hôn,
 Đường dài sương tối, khói đèn mây đen,
 Gió bay sầm sập máy rền,
 Hoa than phấp phới, hoa đèn ai trông ?

Này đây cầu lạnh lòng sông,
 Này đây quán vắng giữa đồng mênh mang...
 Trông không thấy chợ bên đàng,
 Âm u vùi lầy tre lòng xa xa...

Dặm dài... ga lại rồi ga,
 Ánh đèn điện trắng, hay là bình minh ?
 Nhớ ai ai có nhớ mình ?

Trắng cao một mảnh chung tình đua nhau.

Một đêm trên tàu Nam

(tuần báo Thanh niên, số 26, ngày 26-2-1944)



NGUYỄN GIANG

CH Ứ N G tôi không có tài liệu nào chứng minh ngày sinh của Nguyễn Giang, chỉ biết ông sinh vào khoảng trên dưới năm 1910. Ông là con của nhà văn hào Nguyễn văn Vĩnh, từng du học bên Pháp. Khi về nước ông chủ trương Âu tây tư tưởng và Đông Dương tạp chí. Ông có biệt tài về họa và thơ.

Tác phẩm xuất bản được kể như sau :

- Trời xanh thăm (thơ, Nguyễn-Dương, Hà-nội, 1935).
- Danh văn Âu Mỹ (tức Âu tây tư tưởng) là quyển sách dịch thơ Tây.

Ông còn dịch nhiều vở kịch Anh, Pháp ra Việt-văn như sau :

Giấc mộng hè, 1937 (*Le songe d'une nuit d'été*) ; Mặc-Biệt, 1938 (*Macbeth*) ; Hâm-Liệt, 1938 (*Hamlet*). Ba tác phẩm này của văn hào Anh William Shakespeare.

— *Andromaque*, 1939 của *Racine* (Pháp).

— *Hernani*, 1939 của *Victor Hugo* (Pháp).

Tất cả vở kịch trên đều đang trong Âu tây tư tưởng.

Dịch thơ cũng như kịch, ông không gây được tiếng vang mong muốn. Nó vấp phải cái mà người ta gọi là : Dịch là Diệt. Có điểm khác lạ là ông hay lấy cảnh trí ở trời Tây mà lồng vào những câu thơ cũ.

Trong lời tựa của tập *Trời xanh thăm*, ông cho chúng ta biết quan niệm của ông về thơ cũng như về họa như sau :

«... trong một bức tranh, cái Đẹp chẳng phải là ở riêng một vật nào, mà là ở cái cách ta đề cái vật này gần cái vật khác để cho cái hình nọ với cái hình kia nó cân đối nhau, thì trong văn Thơ, cái Đẹp cũng chẳng phải là ở một vật riêng nào, một chữ, một câu nào, mà là ở cái toàn thể cả bài thơ, ở cái cách tình cảnh tương đối và hòa hợp với nhau...»

(Ấn bản kỷ nhì, 8-1962)



Thi tuyển

Con đường nắng

La route des Baux
près St-Rémy de Provence

Xào xạc đường trưa vắng bóng người
Bốn bề nắng hạ phẳng bằng soi
Lơ thơ dưới núi hàng thông cổ
Trắng xóa bên trời tầng đá vôi

Một bước ngạt ngào trăm thức cỏ
 Trước sau thăm thẳm một màu trời
 Dừng chân ngắm cảnh bên bờ đá
 Kìa cánh hoa vàng tường nhớ ai.

(Trời xanh thăm)

*

Mẹ

St-Cirq Lapopie

Chiều hôm đàn quạ lượn bên sông
 Chi chít càng cao tiếng nào nùng
 Non biếc rừng thưa thu lạnh lẽo
 Sông chiều một dải tối mênh mông
 Ngắm chim rộn rã trăm âu yếm
 Nhớ mẹ ngày đêm một tấm lòng
 Xả hội còn mong khi rạng mặt
 Mà con thơ thần đứng nhìn trông.

(Trời xanh thăm)

*

Xuân

Vườn Luxembourg (Paris)

Gió xuân phơ phất thổi trong cành
 Lớp lớp bên đường bóng lá xanh
 Cây cỏ cười tươi hoa mừm mĩm
 Học sinh qua lại áo phong phanh
 Chim non ngoài nắng bay chi chít
 Đàn sáo trong cây vắng khúc tình
 Bờ suối chờ ai chưa thấy lại
 Nhìn cô áo đẹp bước đi nhanh.

(Trời xanh thăm)

*

Thu ngâm (1)

Chẳng mấy nổi trời xanh đồi xám
 Cảnh non sông thê thảm lạnh lùng
 Còn đâu ánh nắng tung bừng
 Ngày hè ấm áp như chùng đã qua
 Cảnh ấy đã xót xa rơi gầy
 Tiếng rơi kêu khưi chày mạch sâu
 Rồi đây trắng xóa mạch sâu
 Ngày đông cửa đóng trên lầu sương
 Ngồi co đó khóc cùng tâm sự
 Nỗi bực mình với nỗi lao sinh
 Lòng này như ánh bình minh
 Trên vùng thái cực rung rinh đỏ nhòe
 Mỗi một tiếng cây kia rơi gầy
 Nghe âm u sờn gáy rụng rời
 Như ai dựng máy chém người
 Máy kia đã dựng, sắp mời ta lên
 Hành trì nọ dấu bên cũng đồ
 Sức cây dư đồ sợ đập hoài...
 Lắng nghe tiếng đập bên ngoài
 Biết rằng ai đóng quan tài cho ai
 Chỉ biết có hôm nay là hết
 Cảnh thu đã đánh chết ngày vui!
 Tiếng kia ai oán bụi ngùi
 Như đưa ngày hạ về trời hôm nay.

II

Yêu em con mắt biếc như mây,
 Tiếc rằng tâm sự nhiều đắng cay

(1) Đây, là diễn hình cho lời thơ dịch của Nguyễn Giang. Chúng tôi kèm bản Pháp văn đề các bạn đối chiếu.

Chữ tình êm ái anh không thiết,
 Hương hoa son phấn chẳng vui vầy.
 Lặng nhìn mặt biển trời tây,
 Lòng anh riêng chỉ mê say bóng chiều.

Bóng chiều chói lói cảnh mênh mông
 Nhìn trông anh luống ngẩn ngơ lòng.
 Quên em, em cũng đừng nên giận,
 Vô tình bạc ngãi cũng coi không.
 Thương anh một buổi chiều cùng
 Như vừng tà nhật đỏ bừng trời tây.

Trời tây óng ả chẳng bao lâu,
 Lòng này phút chốc như chôn sâu,
 Ngày hè vui vẻ đâu còn nữa
 Cho anh trên gối sẽ dựa đầu,
 Dựa đầu ngắm một phút sau,
 Vàng vàng giải nắng đang mau mau tàn.

NGUYỄN GIANG
 (Trời xanh thăm)

*

Chant d'automne

*Bientôt nous plongerons dans le froides ténèbres ;
 Adieu, vive clarté de nos étés trop courts !
 J'entends déjà tomber avec des chocs funèbres
 Le bois retentissant sur le pavé des cours*

*Tout l'hier va rentrer dans mon être ; colère
 Haine, frissons, horreur, labeur dur et forcé
 Et comme le soleil dans son enfer polaire
 Mon coeur ne sera plus qu'un bloc rouge et glacé !*

*J'écoute en frémissant chaque buche qui tombe ;
L'échafaud qu'on bâtit n'a pas d'écho plus sourd.
Mon esprit est pareil à la cour qui succombe
Sous le coups du bélier infatigable et lourd.*

*Il me semble bercé par ce choc monotone.
Qu'on cloue en grande hâte en cerceuil quelque part...
Pour qui ? — C'était hier l'été ; voici l'automne !
Ce bruit mystérieux sonne comme un départ.*

II

*J'aime de vos longs yeux la lumière verdâtre,
Douce beauté, mais tout aujourd'hui m'est amer
Et rien ni votre amour, ni le boudoir, ni l'âtre
Ne me vaut le soleil rayonnant sur la mer.*

*Et pourtant, aimez moi, tendre coeur ! Soyez mère,
Même pour un ingrat, même pour un méchant,
Amante ou soeur, soyez la douce éphémère
D'un glorieux automne ou d'un soleil couchant.*

*Coute tâche ! La tombe attend ; elle est avide !
Ah ! Laissez moi, mon front posé sur vos genoux,
Goute, en regrettant l'été blanc et torride
De l'arrière saison le rayon jaune et doux !*

CHARLE BAUDELAIRE



PHẠM ĐÌNH TÂN

PHẠM ĐÌNH TÂN sinh năm 1913 tại làng Bả-
long, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định (Bắc-phần).

Ông từng cộng tác với các báo Phụ nữ thời đàm, Thanh-
nghị, Thanh niên tại Hà-nội và báo Phụng sự, Tinh thần tại
Sài-gòn.

Hiện nay ông chủ trương Tinh Việt văn đoàn, và làm chủ
nhiệm Tuần san Văn đàn.

Năm 1952, ông cho xuất bản tập thơ đầu tay Tiếng thầm.
Một thi phẩm dự định xuất bản cách đây 10 năm (1942), có
lời tựa của Thế-Lữ, nhưng mãi sau này mới có cơ hội ra mắt
bạn đọc,

Nội dung Tiếng thầm được tác giả tự giới thiệu như sau :
« Đây chỉ là những tiếng u trầm của người và vật mà tác

giã, trong yên lặng, đã ghi được bằng ngòi bút chưa quen trên hai mươi năm nay. Đây cũng những bông hoa đầu mùa của đời văn tự.»

Năm 1960 Tiếng thầm được nhà Văn đàn tại bản cùng in chung với Lời thiêng, toàn tập gồm 46 bài thơ. Riêng tập Lời thiêng hầu hết dành cho thi ca tôn giáo.



GIỮA lúc trên khung trời nghệ thuật thi ca ở đất này, ta vẫn thấy sự sáng chói của những ngôi sao Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Nguyễn-Bính, Chế Lan-Viên v.v..., có một tiếng thơ bắt đầu xuất hiện và gia nhập vào đại gia đình thơ mới, người đó là Phạm đình Tân

Ra đời trước những thần tượng thi ca, tiếng thơ của Phạm đình Tân bỗng nhiên trở thành nhỏ bé ; nhưng không phải vì thế mà ta phủ nhận giá trị của những vần thơ mang một màu sắc khác biệt. Nếu Xuân-Diệu chứa đựng một tình yêu lãng mạn, Huy-Cận mang nỗi buồn mệnh mang, Nguyễn-Bính khóc than duyên phận bể bàng, Chế Lan-Viên chôn chặt một niềm sầu vong quốc ; tiếng thơ Phạm đình Tân lại mang cung điệu trầm buồn, một thứ buồn mơ màng, mung lung, xa vắng, rung lên như hòa hồn thơ vào vạn vật, rồi vạn vật mới thủ thi cùng ta.

Đường nét khác biệt này đã tách rời Phạm đình Tân ra ngoài mọi khuynh hướng thi ca lúc bấy giờ. Đại đa số thi nhân réo rắt tiếng thơ của mình qua sự rung động của tâm cơ, hoặc dùng thị giác ghi lại hình sắc như phái thơ dòng quê, tả cảnh, thì tác giả *Tiếng thầm* lại xử dụng miễn nhuệ thính quan mà thi nhân tự nhận mình đã được «phủ bầm một tâm hồn biết nghe những tiếng thầm lặng». Đây ta hãy nghe những tiếng động nhẹ qua hồn thi nhân :

*Buồn lay hiu hát cổ vàng,
Nghe trong tịch mịch mơ màng hồn lên.*

Đất se mộ nứt mặt nền.
 Có hơi thở nhẹ dài rên đáy mồ.
 Hai cây chụm ngọn nghiêng xô,
 Lắc lư thân truyện âm u ngày tận.
 (Bài thơ ma)

Tiếng lảng động của hạt sương, tiếng gió thì thầm cùng nhau :

Cây nghe sương lảng bên chiều
 Gió thì thầm gọi đìu hiu gió về.
 (Chiều)

đến cái e lệ, thẹn thùng :

Đêm vắng nghe trăng gọi gió về,
 Nghe sầu tư ủ cảnh đồng quê,
 Nghe cây bên lén trao lời nhỏ,
 Nghe tối không đi ngủ nặng nề.
 (Đêm vắng)

Đối với nhà thơ họ Phạm, cây, cỏ, hoa, lá đều biết nghe, biết nói, đi xa hơn, biết sầu, thương, buồn, giận. Ta hãy nghe Phạm đi... Tân nhân cách hóa những vật vô tri :

Cây ngàn thầm lặng mơ màng,
 Rừng hoang ôm ấp bóng nàng lẻ loi.
 Suối than thở dưới chân đồi,
 Mây buồn ngơ ngẩn bên trời say mê.
 (Đá vọng phu)

Gió kênh cồng mọt, hồn xưa lách về.
 (Thành xưa)

Nắng yếu nằm dài giữa lối đi,
 Bóng cây mệt mỏi ngã sườn đồi.
 (Yên lặng)

Hồn mê mãi vội lẫn vào tận suối,
 Uống say sưa nguồn trắng ẩn rừng sâu.
 (Tò lổng)

*Đón lửa trời, cây đa già kiêu hãnh,
Vươn cành dài nặng trĩu những thời gian.*

(Mơ trâu)

*Tiếng động nơi đâu, tận phía xa,
Chân mơ siết cuội dưới đàn hoa.*

Chế trống nhìn nhau lặng lẽ buồn

*Tủ bàn trò chuyện lời yên lặng,
Một gãi nâng cao giọng mĩa mai !*

(Buồn nản)

Quý bạn vừa lược qua hình ảnh và tiếng động do thị giác và thính giác thu nhận được. Dưới đây, chúng tôi xin mời quý bạn đi vào tâm tình của người thơ Phạm đình Tân.

Xét về khía cạnh ái tình, chúng tôi nhận thấy cái tình của thi nhân quá rụt rè, nhút nhát, đôi khi còn coi như đã phạm phải tội lỗi trước những cuộc tiếp xúc với phái yếu. Tiếng thơ tình tuy giữ phần khiêm nhường trong địa hạt này, nhưng cũng tỏ ra chiều lưu luyến lắm. Đây, chúng ta hãy hình dung con người thơ nhỏ nhỏ, e lệ đến trình bày tâm tình si của mình một cách bóng bẩy, xa vời :

*Tôi tới dâng người mấy ý thơ,
Nhưng nhiều hờn, trí với tâm tư,
Thân' tuy riêng sống trong yên lặng,
Lòng gửi mệnh mang những bến bờ...*

Định « sống riêng trong yên lặng » nhưng không xong ; lòng thi nhân bỗng dưng thấy vương vấn một thứ gì đây, hờn thề cảm giác như bị bắt rồi tha, bị dỗi đập trên mặt sóng nghe chừng êm êm như nhung lụa, thoang thoàng hương vị ngầy ngất nhẹ nhàng của hoa xuân. Đến khi biết ra thì đã lọt vào lưới tình :

*Nhưng chút gì đây quẩn quít mình,
Êm êm ràng buộc cả không xanh.*

*Bao dây thân ái thiêng liêng quá
Vây kẻ ra đi vạn lưới tình !*

Bắt đầu cắt chân trên muôn dặm đường tình, thế mà thi nhân vẫn còn nghĩ chừng đến sự giữ gìn « sữa thơm trinh » :

*Từ buổi đầu tiên kết xác, hình,
Bình lòng chứa đựng sữa thơm trinh.*

nhưng :

*Đã nghe rung động trong dòng máu,
Hai mạch nguồn yêu nở đáng sinh.*

Con người trai biết đâu sự dậy tình là biến thái tất nhiên của mọi sinh vật trong định luật sinh lý để bảo tồn. Con đường dẫn đến mục tiêu tình ái tưởng đâu sẽ vắng vẻ, lẻ loi, nào ngờ đến khi hợp mặt mới hay mình là một kẻ trẻ tràng và « lạc hậu » :

*Đã tưởng liên miên có thể thôi,
Nào ngờ chợ hợp quá đông người.
Hồn trao mất đời bao tình tứ,
Tay vẫy t...o nhau gửi ý mời...*

Sự giao tình đã đi đến hôn nhân. Nhưng, như đã nói, thi nhân mang sẵn tâm tính e dè, sợ sệt, coi ái tình là điều gì phạm lỗi đáng tiếc. Sau cái đêm đầu tiên đắm mình trong hạnh phúc ái ân ; sáng ra cảm thấy tâm hồn mình đã bình tĩnh trở lại ; hồi tưởng việc qua, thi nhân thoáng dợm về buồn. Đây, ta hãy nghe « phút buồn thương » của Phạm đình Tân :

*Sương mai treo ngọc trên mầm mới,
Vườn thoảng đầu hương mở cửa lòng.
Sáng nay tình khiết quá. Hồn tôi
Thèm thẹn tình riêng những ngậm ngùi ;
Ân ái tân hôn vừa thoáng dợm,
Tủi buồn đã lắng đọng trên môi !*

Người trai đã nghĩ gì mà « tủi buồn » đến thế ? Chỉ người nội cuộc mới giải nổi. Vậy thì cứ thò lộ đi ! e thẹn nỗi gì :

*Say đắm đêm qua lúc vội vàng,
Tôi không nương nhẹ phút mệnh mang
Của bao mong mỏi. Bên nhan sắc,
Mộng đẹp hoen trên gối trẻ tràng.*

Người buồn tủi và hối tiếc vì đã « hủy hoại » một tuyệt tác của Hóa-công :

*Một áng công trình của Hóa-công
Một niềm cao quý chũn thanh trong ;
Chút gì màu nhiệm thiêng liêng quá,
Tôi đã xô tan với dục lòng.*

•

Ở giai đoạn sau, tiếng thơ Phạm đình Tân thiên nặng màu sắc tôn giáo. *Lời thiêng* là tập thơ dành gần trọn vẹn cho địa hạt này. Đây ta hãy nghe thi nhân bắt đầu lợm giọng thú xác thịt của trần gian sau một thời lạc lối đang hướng vọng đấng Cao Cả :

*Nước mắt bỗng trào ra trên chiếu rượu,
Lòng trên trơ run rẩy giữa cử-rì ca.
Gió lạnh thổi giục tâm tư bừng dậy,
Chút tư tình chưa ấm khói yên hoa.*

*Ôi xác thịt ! Ôi say mê trơ tráo !
Ôi hương gầy, phấn bạc ; một gianh hồ !
Còn gì nữa ? Trong phút giây ấy nào,
Hồn chán chường đẩy lợm thú tạnh như !*

Đây, ta hãy nghe thi nhân trong những lời xưng tội :

*Ôi Mẹ ơi ! Thánh-Tâm lân tuất mãi !
Con về đây, lưng rầu rĩ ! ôu van !*

Mẹ cho con ngước nhìn lên Tình ái
Của Mẹ hiền trào đỏ xuống trần gian !
(Trò về)

Thế giới ngậm màu tang trong khốn khổ,
Xác trần truồng hư thối vệ đường tanh !
Kéo ngơ ngác, từng đàn lê gót gió
Những vong hồn lưu lạc buổi sơ sinh !
Đau đớn quá, Mẹ ơi, đau đớn quá !
Xác hồn con kiệt nhược bởi vì đau ?
Mẹ thương con, Mẹ thương con, Mẹ nhé !
Mẹ thương con ấp ủ trái tim sầu !

Bằng một giọng buồn nản, chán chường, thi nhân còn
cho ta biết rõ hơn trong bài thơ dưới đây :

Cầu nguyện I

Lạy Chúa, thương đem xuống trầu canh,
Xin thương lặn đặng kẻ điêu linh,
Con : người thi sĩ cô đơn quá,
Dù đã qua xuân vẫn khát tình !
Ấn ái trần gian nóng lửa rơm.
Lửa tàn, tro lạnh dậy u buồn !
Miệng chưa phôi vị hương yêu dấu,
Mắt đã rưng rưng mong lệ hồn !
Đời gian giảo lăm, lại tham lam,
Long mển say sưa giấc mộng phàm.
Thần, nhạt màu thay ngàn sắc mặt,
Đời chiêu, cho ít, vẫn chưa cam.
Dàng mãi lòng son, ý nhiệm thơ,
Con theo người bước : vẫn bơ vơ !
Bao lan than thử trong canh vắng ;
— Người vẫn đi qua, chẳng đợi chờ !

*Lạy Chúa, xin thương kẻ một mình,
 Nửa đời đếm mãi bước điêu linh,
 Cho con, thi sĩ trong tay Chúa,
 Ca hát đêm nay mỗi Thánh-tình.*

Với cái nhìn của đôi mắt chan chứa dung tình của
 đấng Mẹ hiền, lòng con như bùng nở muôn ánh hào quang.
 Một khúc nhạc thiên cung rộn rã tấu lên như tiếp nhận
 một linh hồn hoang đã bao lâu lạc lõng ở chợ Trần nay
 bỗng trở về nẻo Đạo.

*Con nhìn Mẹ, Mẹ nhìn con : thỏa mãn !
 Lòng trần gian hạ nhịp ý thiên cung !
 Ôi phút giây, ôi phút giây xán lạn !
 Ôi phút giây thanh thoát tưởng không cùng !*

•

Đề kết luận, đứng trước phong trào thơ mới, Phạm
 đình Tân không rung lên được những dây lãng mạn trữ
 tình, lại tỏ ra rụt rè, e lệ, nên tiếng thơ không chiếm được
 cảm tình nồng nhiệt của tuổi trẻ ; thi nhân chỉ khiêm nhượng
 tiếp nhận những tâm hồn trầm lặng, thích cô tịch để lắng
 nghe tiếng thì thầm của vạn vật. Và lại, tiếng thơ của Phạm
 đình Tân hay vương phải cái lập dị dùng những chữ đảo
 ngược (trên trời, phạt hình, mọn hèn v.v...) đã là nguyên
 nhân làm giảm sự rung động liên tục của dòng cảm xúc.
 Song Phạm đình Tân lại có cái thính giác, thị giác mẫn nhạy
 khác thường mà không nhà thơ nào giống. Đó là khía cạnh
 đặc biệt của làng thơ Việt-nam mà mỗi khi đề cập người
 ta không thể quên Phạm đình Tân.

(Ấn bản kỷ nhì, 8.1969)



Chi tuyến

Mẹ và con

Nàng nỡ một thiệp mơ trong hoan lý,
Thân thè còn e ảm phút giây qua.
Giữ sinh nở nhiệm mẫu phong giá quý ?
— Một hồn non lìa tách tự hồn ta !

Lại tin cần nòng nân chung góp lại,
Hai tình yêu hợp gửi một lòng son.
Bao dăm mê, bao khắc giây ân ái,
Bao tháng ngày xây đắp mộng sinh con.

Tiếng trẻ khóc : lời chung đôi đau đớn
Của chính mình chào ánh sáng đầu tiên.
Trí mơ màng tới hy sinh to lớn :
Nàng ra đời lần nữa, một lần thêm !

Người hộ sinh bước vào vui vẻ hỏi :
— Đâu con nàng trong hai trẻ này đây ?
Nàng chưa rõ mặt con không dám nói,
Lòng ân iu theo máu gọi đưa tay...

Một chút thiêng liêng trí, xác mình
Đã rời ra bước rời điêu linh.
Một dây mỏng mảnh trong trần thế,
Ràng buộc hồn nhau giữa sắc, hình !

*

Một phút lạnh thôi

Một phút lạnh thôi có nghĩa gì ?
Mất mừng, miệng nở lựa lời đi,

Tay nhanh nhẹn đón, dồng âu yếm,
Hồn giận còn dấu dấu vết chi ?

Một buổi chiều xưa bên mé ao,
Hai người ân ái đón hương đào.
Cùng nhau ca hát trong giây phút,
Rồi rẽ duyên nhau, biết tại sao ?

Người ở bên đây, kẻ đứng kia,
Cách nhau không hiểu bởi gì chia.
Nhìn nhau mắt lạng đầy kiêu hãnh,
Lòng muốn chân qua : bước nặng nề.

Tưởng khó hơn là vượt núi sông,
Bao nhiêu lương lự chất bên lòng,
Bao nhiêu tự ái, bao tư rỗi,
Đề lơ đời nhau cuộc tái phùng.

Một phút lành thôi có nghĩa gì ?
Từng ngàn duyên kiếp đã phân ly.
Bao hồn đang dở ôm hiu quạnh.
Lệ chảy canh tàn mộng khúc mi.

*

Dâng thơ

Tôi tới dâng người mấy ý thơ.
Nhưng nhiều hồn, trí với tâm tư,
Thân tuy riêng sống trong yên lặng,
Lòng gửi mệnh mang những bèn bờ ..

Những chút gì đây quẩn quít mình,
Êm êm ràng buộc cả không xanh.
Bao đây thân ái thiêng liêng quá
Vây kẻ ra đi vạn luyến tình !

Từ buổi đầu tiên kết xác, hình,
 Bình lòng chứa đựng sửa thơm trinh,
 Đã nghe rung động trong dòng máu,
 Hai mạch nguồn yêu nở đáng sinh.

Tôi nổi tương lai với những thời
 Xa xăm lùi mãi biết bao thôi.
 Một tay cố giữ ngày không đứng,
 Tay khác dang hoa góp chợ đời.

Đã tưởng liền miên có thể thôi.
 Nào ngờ chợ hợp quá đông người.
 Hồn trao mất đời bao tình tứ,
 Tay vẫy theo nhau gửi ý mời...

Xô đầy muôn phương giữa sóng dồn,
 Tôi thưa, gọi mãi, hướng chiều luôn.
 Hôm nay xuân nở trong hương pháo,
 Còn có gì đâu để ủ hồn !

Tôi tới dâng người mấy ý thơ,
 Và nhiều hồn trí với tâm tư,
 Người ơi ! nhận lấy lòng yên lặng
 Từng gửi mệnh mang những bến bờ...

*

Đau đớn

Kính tặng L. M. Nguyễn Văn Thính

Đau đớn là đường lên ánh sáng !

Tự thuở nào, Người trụt xuống trần gian,
 Tổ tiên xưa, con cháu, cả nhân hoàn,
 Vì một tội mà trăm luân muôn kiếp.
 Đau muốn ngừng : xác thịt đè liền tiếp !
 Mặt trông lên : mặt nặng cúi nhìn chân !

Một chút gì của Chúa liếm vào thân
 Hằng nhớ tưởng tuyệt vời nơi Thiên-quốc.
 Nhưng than ôi ! tội vẩn hồn kiệt nhược,
 (Sức mọn hèn chống đỡ được là bao !)

Nên từ lâu cho tới ngày nào
 Cả nhân loại đắm mình trong bóng tối !
 Một tội tởm dấy theo ngàn giống tội,
 Một phạt hình u ám cả muôn năm !
 Nguồn bùn dơ lan chảy khắp trần phàm,
 Ngọn lửa phạt thiêu sâu muôn thế kỷ.
 Đã bao năm, đã bao năm rền rĩ,
 Tiếng khóc than không ngớt, không ngừng thôi.
 Biết bao giờ hồn thảm thoát lò sôi
 Ra khỏi chốn tối tăm và yên lặng ?

Đau đớn là đường lên ánh sáng !

Chúa nhân loài thương nhớ một đàn con.
 Vì tởm tiên chìm đắm cả linh hồn
 Và xác thịt bày mồi cho quỷ dữ.
 Khắp đây đó, Chúa trông nhìn vũ trụ,
 Đau oai quyền xứng đáng cứu trần gian ?
 Đau ơn thiêng rầy tưới đất khô khan ?
 Đau công nghiệp rờ ràng soi bóng tối ?
 Trong vực thẳm, ai dám cao tiếng gọi
 Đấng nhân lành tha thứ tội ngàn xưa ?
 Không, cả trần gian hủ thối đen mù,
 Hồn dầu dãi không còn... thật không còn đáng kể !
 Chúa buồn bã thẳm rơi ánh lệ,
 Biết vì ai nhẹ giảm tội tình sâu
 Cho đàn con lưu lạc chốn ưu sầu
 Được ngẩng mặt trông lên Cha sáng láng ?
 Đau đớn là đường lên ánh sáng ?

Cha vì con phải hạ xuống trần gian,
 Bỏ ngay vàng cao quý chốn Vinh Quang,
 Bỏ rọc rờ triều thiên ngàn ánh lạ,
 Bỏ bầy tôi trung thành nơi cao cả,
 Từ giả trời, cung điện tối uy linh,
 Xuống trần gian sống giữa chốn hôi tanh
 Dề hằn gấn những vết thương đang rộng mở.
 Ôi ! lòng nhân từ vô độ !
 Ôi ! tình yêu tuyệt đối không cùng !
 Tay công bằng thẳng phật kẻ kiêu căng,
 Tay nhân đức vuốt ve hồn tội lỗi.
 Từ hôm ấy trong hang lừa u tối,
 Chúa bắt đầu nhện lấy chuỗi lao lung
 Dề người ta được thấy phút vui mừng,
 Trên thiên quốc tung bừng hương sáng.

Đau đớn là đường lên ánh sáng !

Chúa hiến mình làm búa bắn của đau thương.
 Tay nâng niu ôm ấp mỗi sầu trường,
 Tim khắc khoải trong muôn nghìn cay đắng.
 Cây thập giá trên xác trần đề nặng,
 Đường đau thương sỏi đá buốt thịt xương !
 Nước bọt dơ quân dử nhờ chán chường
 Trên mặt Thánh máu me nhễ nhại !
 Cả mình Thánh ê chề tê tái,
 Triều thiên gai : đau đớn như mai sao !
 Giờ trông mong sắp tắt mọi ưu sầu,
 Chúa kêu khát. Và giãm đưa thay nước.
 Ta nuốt hết đau thương tui cực
 Dề mở đường hạnh phúc cho trần gian.
 Phút sau cùng quỳ ! ộc dữ hung tàn

Còn cầm máu đậm thêm dấu nữa.
 — Dây giọt máu cuối cùng của lòng ta chan chứa
 Yêu trần gian làm của lễ dâng Trời.
 Bao đau thương, bao tủi cực, bao tội bời,
 Ta đã nếm, đã uống, và đã chịu.
 Ó ! Hỡi trần gian tội trù,
 Từ giờ đây đường hạnh phúc thênh thang.
 Hãy theo ta, theo dõi bước đau thương
 Đề tiến tới nơi đầy ánh sáng.

Đau đớn là đường lên Ánh Sáng !

Chúa muôn loài đã sống lại hôm nay .
 Tiếng mừng ca vang dậy khắp đó đây,
 Về đặc thắng tung bừng trên các mặt.
 Thiên thần hát, nhạc thiêng lừng ánh ngát,
 Hoa tung dài, nở nhị vượt muôn hươu .
 Cả trần gian đứng dậy. Khắp ngàn phương.
 Lòng hớn hở reo theo lời cảm tạ.
 Chúa bằng lòng, mỉm cười từ già
 Và oai nghiêm trở lại chốn Vinh Quang
 Là nơi từ ngàn xưa trong chốn đền vàng.
 Chúa ngự trị và nhận lòng cung kính.

.

Đau đớn là đường lên Ánh Sáng !
Chúa muôn loài vạn tuế ! Sáng muôn năm !

*

Trở về

Nước mắt bỗng trào ra trên chiếu rợp,
 Lòng trên trơ run rẩy giữa cười ca,
 Gió lạnh thổi giục tâm tư bừng dậy,
 Chút tơ tình chưa ấm khói yên hoa.

Ôi xác thịt ! Ôi say mê trơ tráo !
Ôi hương gậy, phấn bạc : mặt giang hồ !
Còn gì nữa ? Trong phút giây ảo não.
Hồn chán chường đầy lợm thú tanh nhờn !

Bao sắc thắm ánh tươi màu chế diểu.
Cung dịch dần mai mĩ lệ tình si.
— Hãy can đảm ! Lòng trung còn thảo hiếu
Giật tung màn, sập cửa bước ra đi !

Đây mẹ hiền hằng trông con mong đợi,
Bước chân thơ dại đầy gót lưu ly,
Đã bao lâu trên tòa cao trơ trọi,
Mắt nhân lành ảm đạm ánh sầu bi !

Ôi Mẹ ơi ! Thánh Tâm lân tuất mãi !
Con về đây, lòng rầu rĩ kêu van :
Mẹ cho con ngược nhìn lên Tình ái
Của Mẹ hiền trào đỏ xuống trần gian !

Đau đớn quá, Mẹ ơi, đau đớn quá !
Xác, hồn con kiệt nhược bởi vì đâu ?
Mẹ thương con, Mẹ thương con, Mẹ nhé !
Mẹ thương con ấp ủ trái tim sầu !

Con nhìn Mẹ, Mẹ nhìn con : thỏa mãn !
Lòng trần gian hòa nhịp ý thiên cung !
Ôi phút giây, ôi phút giây xán lạn !
Ôi phút giây thanh thoát tưởng không cùng !

Tìm bình an

*Lạy Nữ vương muôn đời cao sáng mãi !
Lạy Mẹ hiền ngàn thế kỷ hân hoan !
Cho hồn con đắm chìm trong tình ái,
Giữa lòng Người say hưởng sự bình an !*

*Thế giới ngậm màu tang trong khốn khó,
Xác trần trường hư thối vệ đường tanh !
Kéo ngơ ngác, từng đàn lê gót gió
Những vong hồn lưu lạc buổi sơ sinh !*

*Con bước mãi : gối mồn chân rã mỏi.
Cánh đau thương lần lượt hiện không thôi !
Giọng rên rĩ, tiếng kêu than khát đói
Đuổi theo con quẩn quít mãi không rời.*

*Con lẫn tránh, nhưng nơi đâu tươi đẹp ?
Muốn nghỉ ngơi, nhưng yên lặng chốn nào ?
Lòng buồn nản thăm trông mong tha thiết
Những khắc giờ vắng lịm vẻ xôn xao !*

*Lạy Nữ vương muôn đời cao sáng mãi !
Lạy Mẹ hiền ngàn thế kỷ hân hoan !
Cho hồn con đắm chìm trong tình ái,
Giữa lòng Người say hưởng sự bình an.*

*

Phút buồn thương

Tặng Hoan yêu dấu

*Nắng sớm đưa tin đến ngọn hồng,
Nụ tươi hé nở ý tươi trong.
Sương mai treo ngọc trên niêm mới,
Vườn thoáng đầu hương mở cửa lòng.*

Sáng nay tình khiết quá hồn tôi,
 Thêm thẹn tình riêng những ngậm ngùi :
 Ân ái tân hôn vừa thoáng đượm,
 Tuổi buồn đã lắng đọng trên môi !

Say đắm đêm qua lúc vội vàng,
 Tôi không nường nhẹ phút mệnh mang
 Của bao mong mỏi. Bên nhan sắc
 Mộng đẹp hoen trên gối trẻ trăng.

Một áng công trình của hóa công
 Một niềm cao quý chốn thanh trong :
 Chút gì mầu nhiệm thiêng liêng quá.
 Tôi đã xô tan với đục lòng !

Ánh sáng tràn thơm dưới mái hiên,
 Ngậm ngùi tình ghen giữa bình yên,
 Hồn nghe ai bước ngừng trong cửa
 Mất đắm yêu đương ngại ngàng nhìn !

*

Đá vọng phu

Kính tặng hương hồn cô tôi :
 Bà Phạm thị Năng

Nắng chiều soi đá ra vàng,
 Trên non còn một mình nàng trơ vơ.
 Ầm con nhìn cõi mịt mờ,
 Mong chớng biết đến bao giờ mới thôi !
 Đợi trông đứng mãi chân trời,
 Gió mưa mồn giữa thân người rêu leo.
 Ta đi tìm tấm tình yêu,
 Tới đây thấu nhận thêm chiều thương đau.

Cây ngàn thăm lặng mơ màng,
 Rừng hoang ôm ấp bóng nàng lẻ loi,
 Suối than thở dưới chân đồi,
 Mây buồn ngơ ngẩn bên trời say mê.
 Ta còn cảm động lâm ly,
 Lệ đâu diễm ngọc trên mi mắt nàng.
 Lòng thơ phút chốc mệnh mạng,
 Hồn thơ thồn thức với hàng lau sậy.
 Gió theo chân bước thẩn thờ,
 Mắt hoa mờ lệ người xưa lạnh lùng.
 — Không, không, giọt nước sương trong
 Vô tình dạm cạnh má hồng đỏ thối.
 Lòng mong mỏi đã lâu rồi,
 Đến nay mắt đã bao đời đã khô.
 Còn đây tiếng gọi mơ hồ
 Vẫn vơ vớ gió chiều thu trên ngàn !

*

U trầm

Mưa rơi tịch mịch quanh nhà,
 Đêm nằm lắng tiếng giờ qua lạnh lùng.
 Buồn đưa hơi lọt vào song,
 Lòng thêm trống trải như phòng vắng im.
 Mênh mông nỗi dậy nỗi niềm,
 Người trơ, cảnh đứng trong đêm mịt mờ !
 Cảnh không thương cảm trơ vơ,
 Hồn người bé đậu bên bờ tối tăm.
 Hồ sâu ngậm kín âm thầm,
 Lòng nương những tiếng u trầm không vang !

*

Thành xưa

Trời xanh lạnh lẽo ánh sao,
 Đêm nghe hình tịch trôi vờn hư vô.
 Thành khuya mơ tưởng bóng cờ,
 Gió kênh công một, hồn xưa lách về.
 Cỏ cao gầy nép bên hè,
 Chân mơ rên nhẹ lẫn đi trong phòng.
 Bụi dày phủ mốc, gương cong,
 Tường xiêu, nón tưởng dây thông buông lơ.
 Mùi xưa ảm ướt tấm hơi,
 Bây giờ oanh liệt một thời ngủ yên.
 Đêm nay chuột dậy đi tìm,
 Nước rêu trong đá rêu im lặng châu.
 Thờ ơ mây cuốn về đâu ?
 Nào nùng cú rúc trên lầu gác canh.

*

Bãi tha ma

Chiều thu trời lạnh, mây mờ,
 Tha ma bãi vắng trơ vơ dầu làng,
 Buồn lay hiu hắt cỏ vàng,
 Nghe trong tịch mịch mơ màng hồn lên.
 Đất se mộ nứt mặt nền.
 Có hơi thở nhẹ dài rên đáy mồ.
 Hai cây chụm ngọn nghiêng xô,
 Lắc lư thăm truyện âm u ngày tàn.
 Bia rêu ngả gió mơn man,
 Nhện tơ bé nhỏ chằng màn lượn quanh.
 Phất phơ vương lướt đầu cành,
 Nhưng lời than thở phận mình buổi xưa.
 Hương khuya rung bóng mơ hồ,
 Hồn ai ngồi rú bên gò đợi trông.
 Đêm về tối xuống mặt mừng,
 Tha ma lặng sống nào nùng trong sương.

*

Ỗ đêm

Tường đứng lặng nghe thời khắc vắng.
Mưa rơi trầm nhịp suốt canh thâu.
Bằng khuôn hờn trống mơ gieo nặng,
Chân trượt đường trơn khách dãi dầu !

*

Tỏ thông

Rượu tiếp mãi môi mềm chưa nóng mặt,
Thuốc tiêm tràn khói đượm vẫn chưa say.
Chén ngọc bích chè thơm thôi giọng ngát,
Ái ân lòng tìm vắng phút mê say.

Rồ dại quá ! chim non vừa lìa tổ,
Theo gió vàng vọt đuổi ánh hồng thiêng,
Sớm cất bước, chân tơ còn bỡ ngỡ.
Đã từng bừng chạy rồi cánh chim điên.

Hồn mê mãi vội lặn vào tận suối,
Uống say sưa nguồn trắng ẩn rừng sâu.
Ói ! màu nhiệm còn đâu nơi đắm đuối ?
— Lòng tỏ thông lòng thể đã từ lâu !

Chiều nay ta rảo qua cầu,
Ngồi ngơ em lặng trên lầu rồi theo.
Ta toan dâng tấm tình yêu,
Nhưng lòng trơ trên đá nhiều không rung.
Nhìn em, nhìn cảnh, nghe lòng,
Rồi đành lại lặn vào trong sóng người.



MỤC-LỤC



XẾP THEO THỨ TỰ A B C ...

Anh-Thơ 763 — Bàng bá Lân 715 — Lưu trọng Lư 163
— Nguyễn-Bính 301 — Nguyễn Giang 793 — Nguyễn
nhược Pháp 270 — Nguyễn thị Mạnh-Mạnh 201 —
Nguyễn Vỹ 434 — Phan Khôi 115 — Phạm đình Tân 799
— Tân-Đà 33 — Thanh-Tĩnh 410 — Thâm-Tâm 523 —
Thế-Lữ 223 — T. T. Kh. 501 — Tương-Phố 73 — Vũ
hoàng Chương 561 — Xuân-Điệu 611.

Quá trình sự trưởng thành của nền thơ mới...

11 — 31

TÂN-ĐÀ 33 — 72

Nhớ mộng (trang 37), Vịnh bức dư đồ rách (39), Thế non
nước (39), Lại say (41), Còn chơi (42), Hầu Trời (45), Hủ nho
lo việc đời (52), Lo văn ề (53), Ngày xuân nhớ xuân (55), Thăm
mả cũ bên đường (57), Gặp xuân (58), Khuyên người giúp dân
lụt (59), Say (61), Thơ để bài tựa Đài-gương truyện (62), Trần
ai tri kỷ (63), Hải đàm thơ mới (64), Phong thi (65), Thơ
rượu (67), Gió thu (68). Thơ dịch : Gác Hoàng-hạc (Hoàng-hạc
lâu) (69), Nói về mình (Tự thuật) (70), Trên ao (Trì thượng)
(71), Sông Dịch tiễn biệt (Dịch thủy tiễn biệt) (71), Nhớ chóng
(Khue oán) (72), Buồn vì tình (Oán tình) (72).

TƯƠNG-PHỐ Nữ-Si 73 114

Ước chi (trang 81), Anh hẹn (81), Xuân lạnh (82), Mây độ sen
tàn (82), Mong thư (82), Từ đây (83), Nhìn ảnh (84), Giọt lệ thu
(88), Tự tình (96), Em còn nhớ (100), Bước chân ra (101), Tai
tiêu sầu ngậm (105), Khúc thu hận (107), Bình Hương lồi
nguyên (109), Chia phôi (110), Nụ cười dưới trăng (111), Ngày
giỗ nhớ (111), Sương giá lòng em (112), Tìm em (112), Thu tâm
sự (113), Sau cơn mưa gióc (114).

PHAN KHÔI 115 — 162

Độc lịch . . . giết lâm (trang 123), Tình già (132), Chơi thuyền sông Tân-bình (136), Cảm đề khi đọc bản dịch Thủy-hử của Á-Nam Trần tuân Khải (138), Thơ Phan Khôi (139), Hốt tóc (140), Hồng gai (140), Nắng chiều (140), Cái ác ý bởi nghề nghiệp (140), Văn học tiểu thuyết là cái quái gì ? (144), Ông Năm Chuột (146), Ông Bình Vôi (160).

LƯU TRỌNG LƯ 163 — 200

Trên đường đời (trang 165), Vắng khách thơ (165), Thơ thách hoa các cụ đó (166), Suối mây (172), Mưa . . . mưa mãi (175), Thù đau thương (177), Mộng Oanh Oanh (177), Nắng mới (178), Thơ sáu rưng (179), Lại uống (179), Hôm qua (180), Diệt huyển (181), Một chút tình (182), Gió (182), Tiếng thu (183), Giang hồ (183), Một mùa đông (187), Tình diên (189), Sứ giả (190), Thuyền mộng (191), Túp lều cũ (192), Xin rước cô em (193), Hoàng hôn (194), Chia ly (195), Trăng lên (195), Cảnh thiên đường (195), Còn chi nữa (195), Trên bãi biển (196), Bâng khuâng (197), Khi thu lá rụng (197), Mộng chiều về (199), O tiếp tề (199).

NGUYỄN THỊ MANH-MANH. 201 — 221

Canh tàn (trang 203), Viếng phòng vắng (205), Hai cô thiếu nữ (207), Bức thơ gởi cho tất cả ai ưa hay là ghét lời thơ mới (209), « Cô Nguyễn thị Kiêm nói về văn đề Nữ-lưu và Văn-học » (diễn thuyết) (211).

THẾ-LỮ 223 — 269

Truyện lạc (trang 238), Áo mộng (241), Nhớ rừng (241), Cây đàn muôn điệu (246), Mây vẩn thơ ngây (248), Tiếng gọi bên sông (250), Bên sông đưa khách (252), Tiếng trúc tuyệt vời (253), Giấy phút chạnh lòng (254), Lửa tiếng đời (257), Ý thơ (258), Lời than thở của nàng mỹ thuật (259), Tự trào (260), Về đẹp thoáng qua (262), Trả lời (263), Giục hồn thơ (265), Đêm mưa gió (267), Ma túy (268), Trưa (269).

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP 270 — 300

Sơn-Tinh Thuỷ Tinh (trang 282), Chùa hương (286), Một buổi chiều xuân (291), Tây ngà (293), Giếng Trùng-Thuỷ (294), Mỹ-Châu (295), Đi công (297), Mỹ ê (299), Nguyễn thị Kim khúc Lê Chiêu-Thông (299), Mây (300)

NGUYỄN BÌNH 301 - 409

Người hàng xóm (trang 310), Ghen (313), Lỡ bước sang ngang (330), Tương tư (333), Bước đi bước nữa (334), Xuân về (335), Cô hải mợ (336), Cô lái đò (337), Hà nội ba mươi sáu phố phường (337), Vần vợ (339), Những bóng người trên sân ga (340), Lòng người trinh nữ (341), Thổi nàng ở lại (344), Dòng dư lệ (345), Hôn nhau lén cưới (348), Rửa xuân (349), Thoi tơ (349), Khăn hồng (350), Lòng mẹ (352), Vầng (352) Lòng nào dám tưởng (353), Giọt nèn hồng (354), Đôi lòng (354), Mỵ nương (355), Áo đẹp (357), Người con gái ở lầu hoa (357), Thanh đạm (358), Cửu nguyện (359), Một lần (361), Lòng yêu đương (361), Một nghìn bữa sở (362), Tinh giả chiêm bao (363), Tỳ bà truyện (365)

THANH-TỊNH 410 - 433

Tơ trời với tơ lòng (trang 416), Mòn mỏi (417), Lời cuối cùng (418), Hoa giấy và hoa đồng quê (421), Lời than của đồng quê (421), Cô láng giềng tôi (422), Thất vọng trên thất vọng (423), Tiếng gọi của con tim (424), Vàng máu (426), Vĩ đàn cầm tiếng (427), Tình yêu (428), Về quê (429), Tiếng gọi của đồng quê (430), Năng mai (431), Tiếng vọng ban đêm (431), Muôn bên (432), Chiều về (433).

NGUYỄN VỸ 434 - 500

Tiếng súng đêm xuân (trang 432), Sương rơi (455), Hoàng hôn (456), Tiếng chuông chùa (457), Mưa rào (459), Gửi Trương-Tứ (461), Hương giang đa khúc (463), Hai con chó (464), Cảm ơn ngài (467), Giã mơ bom nguyên tử (468), Chim hấp hối (475), Hoa phượng (477), Đêm sáu về (480), Cũng thế thôi (480), Sài-gòn đêm khuya (481), Đêm trinh (483), Đêm giao thừa tam biên (485), Hoa lê (488), Phố Thông mười năm cảm nghĩ (490), Hoa hồng Việt-nam (490), Hải nhi lai Mèo vút trời sông (492), Diệu-Huyền không hoan nghênh ông Thiệu câu cá (493), Dâng đức Không-tứ (495), Bà hỏa vùng Bộ Văn hóa Giáo-dục (497).

T. T. KH. 501 - 522

Hai sắc hoa ty-gôn (trang 513), Bài thơ thứ nhì (515), Dàn cho cho chóng (516), Bài thơ cuối cùng (517).

THÂM TÂM 523 .. 547

Màu máu ty.gôn (trang 533), Gửi T. T. Kh. (533), Dang dở (536), Tổng biệt hành (537), Vọng nhĩn hành (538), Hoa gạo (539), Chết (540), Một mảnh tình (541), Ngậm ngùi cô sự (541), Vạn lý trường thành (542), Chào Hương-sơn (543), Trăng ca (544), Lưu biệt (546), Ngươi gió (547).

NGHI AN T. T. KH. và THÂM-TÂM 548 - 558

VŨ HOÀNG CHƯƠNG 561 - 610

Vườn tàn sự (1973), Q.ân (575), Chết nửa vời (576), Đồ thành hoa lệ (578), Lửa cháy bằng tan (579), Thôi hết bản khoân (579), U tình (583), Hỷ giớ (584), Tôi tàn hồn (586), Mười hai tháng sáu (588), Mỵ say (589), Phương xa (591), Buồn đêm đông (591), Hơi tàn Đông Á (592), Bài ca siêu thoát (593), Bài ca sông Định (593), Lá thư ngày trước (597), Chìm quá rồi (598), Bạc tình (600), Lửa từ bi (601), Nỗi lửa từ bi (603), Người với người (605), Bánh xe Diệu Pháp (605), Nguyệt cầu (610)

XUÂN . DIỆU 611 - 713

Riêng tây (trang 613), Sầu (614), Tương tư chiều (616), Hoa đêm (617), Đại khờ (641), Hoa nở để mà tàn (649), Cảm xúc (651), Thời gian (652), Yêu (653), Hen hò (653), Vội vàng (654), Hư vô (655), Tặng thơ (656), Kỷ niệm (657), Hết ngày hết tháng (658), Muốn màng (659), Trăng (660), Phải nói (661), Chỉ ở lòng ta (662), Xuân đầu (663), Ý thoáng (664), Giã từ thân thể (665), Xuân rụng (666), Nguyệt cảm (667), Giục giã (667), Đây mùa thu tới (668), Lời kỹ nữ (669), Chiều đợi chờ (670), Nhị hỏ (671), Viên khách (672), Một tình yêu (673), Vì sao (674), Vô biên (675), Giới thiệu (676), Tiếng gió (677), Gửi hương cho gió (678), Đẹp (679), Thanh niên (679), Những kẻ đợi chờ (682), Buồn trắng (683), Tình trai (683), Ý thu (684), Lạc quan (685), Chiều (685), Bài thơ tuổi nhỏ (686), Giờ tàn (686), Biệt ly em ái (687), Cặp hài vạn dặm (688), Bên ấy bên này (688), Thở than (689), Ca tụng (690), Trở về (691) Tiểu luận: Giã từ tuổi nhỏ (694), Chú Lái Khờ (700), Lệnh (703), Đóa hồng nhưng (706), Tâm sự của cái giường hư (709), Quan niệm văn chương sáng tác (711).

BÀNG BÁ LÂN 715 – 762

Quê tôi (trang 724), Người trâu (726), Tôi yêu (731), Đôi lời tâm sự (732), Tịch mịch (733), Vườn cũ nào đâu, cỏ hái đâu (735), Kiếp ve (737), Trưa hè (738), Cổng làng (739), Tiếng mưa đêm (740), Ngủ trông về Bắc (741), Mùa gặt (742), Tiếng vồng đưa (746), Dận dỏ (748), Tình trong mưa (750), Đêm ở làng (750), Bồn mùa mưa (751), Mưa sông (752), Lạc loài (753), Mơ về Hà Nội (754), Xim chợ chiều đông (754), Vườn dừa (755), Giếng làng (756), Trở lại đồng quê (757), Đói (758).

ANH THƠ NÀ-SI 763 – 792

Vườn xưa (trang 774), Đại hàn (779), Chiếu nón quai thao (779), Rằm tháng bảy (780), Vào hè (780), Đêm đông tỏ (781), Chiều ba mươi tết (781), Đêm ba mươi tết (782), Ngày tết (782), Bận dò ngày phiên chợ (783), Chợ mùa hè (783), Chiều cang thơ (784), Đêm trăng xuân (785), Buổi gặt chiều (785), Chiều xuân (786), Bận dò ngày xưa (786), Sáng hè (787), Trưa hè (788), Xuân quê (788), Đêm ba mươi tết gửi Ai Mai (789), Nàng tiên (790), Sớm hè (791), Nắng (791), Nhớ dài (792).

NGUYỄN GIANG 793 – 798

Con đường nắng (trang 794), Mẹ (795), Xuân (795), Thu ngâm (795).

PHẠM ĐÌNH TÂN 799 – 818

Mẹ và con (807), Một phút lành thôi (807), Dâng thơ (808), Đau đớn (809), Trở về (812), Tìm bình an (814), Phút buồn thương (814), Đá vọng phu (815), U trầm (816), Thành xưa (817), Bối tha ma (817), Ý đêm (818), Tổ thống (818).



